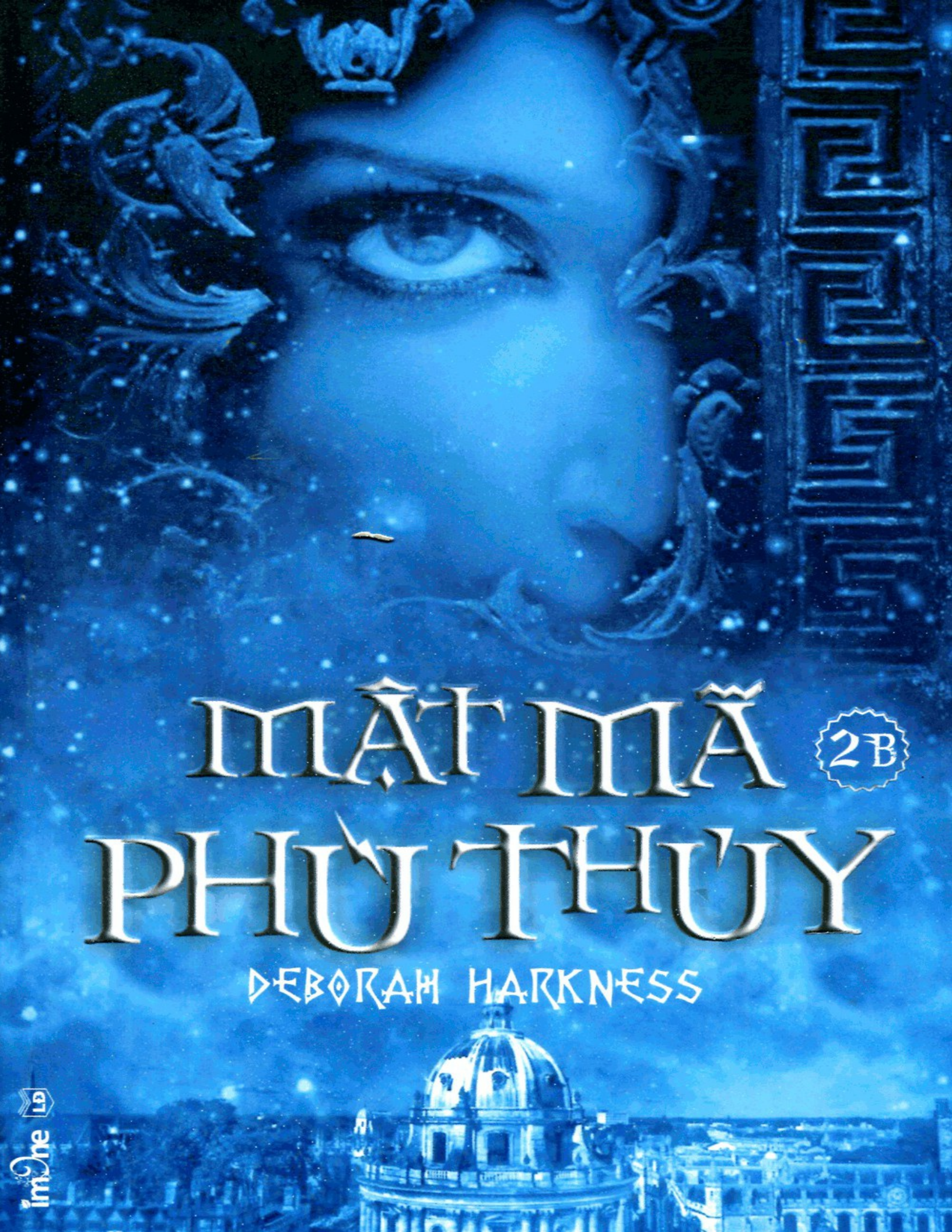




MẮT MÃ 2B PHÙ THUY

DEBORAH HARKNESS

Mật Mã Phù Thủy Phần 2b

Deborah Harkness

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[Mật mã phù thủy 2B](#)

[22.](#)

[23.](#)

[24.](#)

[25.](#)

[26.](#)

[Phần IV. Đế chế Praha](#)

[28.](#)

[29.](#)

[30.](#)

[31.](#)

[32.](#)

[33.](#)

[Phần V. London: Blackfriars](#)

[35.](#)

[36.](#)

[37.](#)

[38.](#)

[39.](#)

[40.](#)

[Phần VI. Tân Thế Giới. Cựu Thế Giới](#)

[42.](#)

Tập hợp được hai mươi sáu phù thủy mạnh nhất ở London không hề đơn giản. Việc gặp hội đồng Rede không diễn ra như tôi tưởng tượng – kiểu như trong một phòng xử án, tôi đứng trước mặt dàn phù thủy hàng ngũ chỉnh tề. Thay vào đó, nó diễn ra suốt mấy ngày liền ở các cửa hiệu, quán rượu và phòng khách trên khắp thành phố. Không có những lời giới thiệu trang trọng, và không có thời gian để lãng phí vào những tình tiết xã giao khác. Tôi gặp nhiều phù thủy xa lạ đến mức hình ảnh tất cả bọn họ nhanh chóng trở nên nhập nhèm lẫn lộn với nhau.

Tuy thế, trải nghiệm lần này cũng thật ấn tượng. Lần đầu tiên tôi cảm nhận được sức mạnh khôn cùng của lửa phù thủy. Goody Alsop không hề lừa tôi – cái nhìn chăm chú, mãnh liệt, cháy bỏng, hay sự đụng chạm của một phù thủy có bộ tóc đỏ rực đem lại thứ cảm giác không thể nhầm lẫn được. Mặc dù lửa trong máu tôi bùng lên nháy nhót khi cô ta ở gần, nhưng tôi rõ ràng không phải phù thủy lửa. Điều này được khẳng định khi tôi gặp thêm hai phù thủy lửa nữa trong một căn phòng riêng ở Mitre, một quán rượu tại khu Bishopgate.

“Cô ấy sẽ là một thách thức đấy,” một người nhận xét sau khi đọc xong tin tức từ làn da tôi.

“Một thợ dệt se sợi thời gian cùng với rất nhiều nước và lửa ở trong cô ấy,” người kia đồng ý. “Sự kết hợp mà tôi không nghĩ mình sẽ gặp được trong cuộc đời này.”

Các phù thủy của hội đồng Rede tụ họp tại nhà của Goody Alsop, nơi có không gian rộng rãi hơn đáng kể khiêm nhường bên ngoài của nó. Hai hồn ma lảng vảng qua các phòng, giống như vong hồn của Goody Alsop đã làm. Bọn họ đón khách ở cửa và lướt đi lặng lẽ để đảm bảo mọi người đều được thoải mái.

Các phù thủy gió bạo dạn hơn nhiều so với các phù thủy lửa. Sự tiếp xúc của bọn họ nhẹ nhàng và khô ráo cũng như khi họ lặng lẽ đánh giá sức mạnh và nhược điểm của tôi.

“Một cơn bão phù thủy đấy,” vị phù thủy có mái tóc bạch kim tầm năm mươi tuổi lẩm bẩm. Bà ta nhỏ nhắn, yếu điệu và di chuyển bằng một tốc độ chóng mặt, không giống như với đám người còn lại.

“Kiểm soát quá chặt,” người kia nói, mày cau lại. “Cô ấy cần để mọi vấn đề xảy ra tự nhiên, nếu không, mỗi luồng khí cô ấy tạo nên có thể trở thành một cơn bão bùng nổ dữ dội.”

Goody Alsop đón nhận mọi lời bình phẩm của họ bằng những lời cảm ơn, nhưng khi tất cả bọn họ rời đi, bà lão dường như thấy nhẹ nhõm hơn.

“Giờ ta sẽ nghỉ ngơi, bé con,” bà lão yếu ớt nói, đứng lên rồi bước vào nhà trong. Vong hồn của bà bám theo sau như một cái bóng.

“Không có người đàn ông nào trong hội đồng Rede ư, Goody Alsop?” Tôi hỏi, đỡ lấy khuỷu tay bà.

“Chỉ còn lại có một nhóm người đấy thôi. Tất cả các pháp sư trẻ đều đến trường đại học để nghiên cứu triết học tự nhiên rồi,” bà thở dài nói. “Đây là một thời đại kỳ lạ, Diana ạ. Mọi người trong thời đại này đổ xô vào những thứ mới mẻ, và các phù thủy nghĩ sách vở sẽ dạy bọn họ tốt hơn kinh nghiệm. Ta sẽ phải để cô rời đi bây giờ. Hai tai ta đang ong lên rồi.”

Một phù thủy nước đơn độc đến Hươu Đực và Vương Miện vào sáng thứ Năm. Tôi đang nằm nghỉ, kiệt sức vì cuộc dạo bộ khắp thành phố ngày hôm trước. Dáng người cao lớn và lả lướt, vị phù thủy nước này không phải bước đi mà như chảy vào trong nhà vậy. Tuy nhiên, cô ta gặp phải một trở ngại cứng rắn tại bức tường ma cà rồng ngay ngoài tiền sảnh.

“Được rồi mà, Matthew,” tôi lên tiếng từ cửa phòng ngủ, vẫy tay ra hiệu cho cô ta tiến tới.

Khi chỉ còn lại chúng tôi, phù thủy nước kiểm tra tôi một lượt từ đầu đến chân. Ánh mắt cô ta râm ran như nước muối dính trên da, sống động như một giọt nước giữa lòng đại dương vào một ngày hè oi ả.

“Goody Alsop đã đúng,” cô ta nói bằng một chất giọng trầm thấp đầy nhạc tính. “Có quá nhiều nước trong máu của cô. Thế nên cô không thể gặp cả nhóm chúng tôi vì sẽ gây nên một trận đại hồng thủy mất. Cô phải gặp chúng tôi vào từng thời điểm riêng. Tôi e là sẽ mất cả ngày đấy.”

Bởi vậy, thay vì tôi tới gặp các phù thủy nước, họ đã chủ động đến gặp tôi. Họ nhỏ giọt ra nhà khiến Matthew và Françoise muốn phát điên. Nhưng không gì phủ nhận được mối quan hệ của tôi với họ, hay làn sóng ngầm mà tôi cảm thấy trước sự có mặt của một phù thủy nước.

“Nước không nói dối,” một phù thủy nước lẩm bẩm nói sau khi lướt đầu ngón tay qua trán và vai tôi. Cô ta lật ngửa hai bàn tay tôi để quan sát lòng bàn tay. Cô ta không lớn tuổi hơn tôi, có sắc diện rất gây chú ý: da trắng, tóc đen và mắt màu biển Caribbean.

“Nước gì cơ?” Tôi hỏi khi cô ta lần theo các nhánh phụ dẫn ra xa khỏi huyết mạch chính của tôi.

“Mỗi phù thủy nước ở London đã thu thập nước mưa từ giữa mùa hè cho tới lễ hội Mabon, sau đó trút nước vào cái bát lớn dùng để bói cầu của hội đồng Rede. Nó tiết lộ về người thợ dệt được mong đợi từ lâu, sẽ có nước trong huyết mạch của cô ấy.” Phù thủy nước buông một tiếng thở dài nhẹ nhõm và thả hai tay tôi ra. “Chúng tôi đang cần những câu thần chú mới sau khi giúp hạm đội của Tây Ban Nha quay trở về. Goody Alsop có thể cung ứng thêm thần chú cho các phù thủy nước, nhưng thợ dệt người Scotland được ban sức mạnh của đất thì không thể giúp chúng tôi được – cho dù bà ấy có muốn đi nữa. Cô là đứa con gái đích thực của mặt trăng, nên sẽ giúp được chúng tôi.”

Sáng thứ Sáu, người đưa tin mang đến nhà tôi một địa chỉ trên phố Bread và những chỉ dẫn để tôi tới đó vào lúc mười một giờ, để gặp mặt các thành viên còn lại của hội đồng Rede: hai phù thủy đất. Hầu hết các phù thủy đều có vài phần phép thuật đất trong họ. Đó là tiền đề thiết lập nên hội nhóm, và trong thời hiện đại, các hội đồng phù thủy đất cũng không đặc biệt xuất chúng. Tôi tò mò xem liệu các phù thủy đất thời đại Elizabeth có gì khác biệt không.

Matthew và Annie đi cùng tôi, trong khi Pierre chạy việc vặt cho Matthew còn Françoise thì ra ngoài mua bán. Chúng tôi đang dọn sạch sân nhà thờ Thánh Paul thì Matthew quay sang một thằng nhóc lang thang có khuôn mặt nhem nhuốc và hai cẳng chân gày gò đầy vết thương. Trong chớp nhoáng, lưỡi dao của Matthew kề sát tai đứa bé.

“Bỏ ngón tay ra khỏi đó ngay, thằng nhãi, không ta sẽ xin cái tai của mi đấy,” anh khế nói.

Tôi ngạc nhiên nhìn xuống, thấy mấy ngón tay thằng bé đang cạy vào chiếc túi tôi đeo bên eo.

Ở Matthew luôn có dấu hiệu bạo lực, ngay cả trong thời đại của tôi, nhưng ở London thời Elizabeth, điều đó càng dễ bộc lộ ra ngoài hơn. Dù vậy, anh đâu cần phải chia nanh độc của mình vào một đứa nhỏ như thế chứ.

“Matthew,” tôi cảnh cáo, để ý thấy vẻ kinh hãi trên gương mặt đứa trẻ, “dừng lại đi.”

“Người khác sẽ lấy tai mi hoặc kéo lê mi đến ngay trước mặt quan tòa đấy.” Mắt Matthew nheo lại, và mặt đứa bé càng trắng bệch thêm.

“Đủ rồi,” tôi gắt lên, rồi chạm vào vai đứa nhỏ, nhưng thằng bé chùn người lại. Trong chớp

nhoáng, con mắt phù thủy của tôi nhìn thấy một bàn tay đàn ông nặng nề đánh thẳng bé và quăng nó vào tường. Dưới các ngón tay tôi, thân thể thẳng bé được che đậy bằng một chiếc áo sơ mi vải thô. Đó là tất cả những gì giữ cho nó khỏi cái rét lạnh giá, máu rỉ ra từ một vết bầm tím ghê người trên da nó. “Tên cháu là gì?”

“Jack, thưa phu nhân,” thẳng bé thì thào. Con dao của Matthew vẫn ấn vào tai nó, và chúng tôi đang bắt đầu thu hút sự chú ý.

“Bỏ con dao găm đi, Matthew. Đứa bé này không gây nguy hiểm cho ai trong chúng ta cả.” Matthew rút lại con dao kèm theo một tiếng rít khó chịu.

“Cha mẹ cháu đâu?”

Jack nhún vai. “Không có, thưa phu nhân.”

“Đưa thẳng bé về nhà, Annie, và bảo Françoise kiếm cho nó ít đồ ăn cùng quần áo. Cho thẳng bé ít nước ấm nữa, nếu cháu có thể, và đưa nó vào giường của Pierre ấy. Thẳng bé trông mệt mỏi rồi.”

“Em không thể nhận nuôi mọi đứa trẻ lang thang ở London này, Diana.” Matthew tra con dao găm vào vỏ thật mạnh.

“Françoise có thể sẽ cần người chạy việc vặt cho cô ấy.” Tôi vuốt ngược mái tóc thẳng bé từ trán ra sau đầu. “Cháu sẽ làm việc cho ta chứ, Jack?”

“Vâng, thưa bà chủ.” Bụng Jack phát ra tiếng ùng ục nghe thấy rõ, và đôi mắt cảnh giác của thẳng bé lóe lên một tia hy vọng. Con mắt phù thủy thứ ba của tôi mở to hơn, nhìn vào tận khoang dạ dày và đôi chân khẳng khiu run rẩy của thẳng bé. Tôi rút ra vài đồng trong ví tiền.

“Mua cho thẳng bé một lát bánh ở chỗ ông Prior trên đường về nhé Annie. Thẳng bé sắp quy vì đói rồi, nhưng cái bánh sẽ giúp nó trụ được đến lúc Françoise có thể làm một bữa ăn đàng hoàng cho nó.”

“Vâng, thưa bà,” Annie nói. Cô bé nắm chặt cánh tay Jack và kéo nó về hướng Blackfriars.

Matthew nhíu mày nhìn bọn họ rời đi rồi quay ra cau có với tôi. “Điều em đang làm cho thẳng bé đó không phải là sự giúp đỡ. Thẳng nhóc Jack này – nếu đó là tên thật của nó, điều này thì anh thật sự nghi ngờ đấy – sẽ không sống nổi qua năm nay nếu nó tiếp tục ăn cắp.”

“Đứa bé này sẽ không sống nổi qua tuần này trừ phi có một người lớn đứng ra chịu trách nhiệm với nó. Anh đã nói gì nhỉ? Tình yêu thương, một người trưởng thành chăm sóc chúng, và một nơi êm ái để ngã lưng đúng không?”

“Đừng có dùng những lời anh nói để chống lại anh, Diana. Đó là nói về con chúng ta, không phải là một đứa trẻ bơ vơ không nhà nào đó.” Matthew, kẻ trong vài ngày qua đã gặp gỡ nhiều phù thủy hơn hầu hết các ma cà rồng từng gặp trong đời, đang sôi sục chiến đấu.

“Em cũng từng là trẻ bơ vơ không nhà đấy.”

Chồng tôi giật lùi lại như thể tôi vừa tát anh một cái.

“Giờ thì không dễ dàng gạt thẳng bé đi phải không?” Tôi không đợi anh đáp lời. “Nếu Jack không đến với chúng ta, chúng ta có thể đưa nó thẳng tới chỗ Andrew Hubbard. Ở đó thẳng bé sẽ được cho vừa một cái quan tài hoặc bị dùng làm bữa tối. Nó cũng sẽ chẳng được chăm sóc tốt hơn so với việc bị bỏ mặc trên đường phố này.”

“Chúng ta có đủ người hầu rồi,” Matthew lạnh nhạt nói.

“Em có thừa tiền mà. Nếu anh không thể, em sẽ trả tiền công cho thằng bé bằng quỹ riêng của em.”

“Thế thì em nên sáng tạo ra một câu chuyện cổ tích để tổng thằng nhóc đó vào giường ngủ.” Matthew nắm chặt khuỷu tay tôi. “Em nghĩ thằng bé sẽ không nhận ra nó đang sống với ba wearh và hai phù thủy à? Trẻ con loài người luôn nhìn thấy thế giới của các sinh vật khác người rõ ràng hơn so với người lớn đấy.”

“Anh nghĩ Jack sẽ quan tâm chúng ta là cái gì nếu nó có được một mái nhà che đầu, thức ăn trong bụng và một cái giường để yên lành ngủ mỗi đêm ư?” Một phụ nữ nhìn chằm chằm vào chúng tôi về bối rối từ bên kia đường. Ma cà rồng và phù thủy không nên tranh cãi nóng nảy như thế ở nơi công cộng. Tôi kéo mũ trùm sụp xuống quanh mặt.

“Chúng ta càng để nhiều sinh vật khác người bước vào cuộc sống của mình ở nơi này, thì càng đòi hỏi phải khéo léo hơn,” Matthew nói. Anh phát hiện thấy người phụ nữ vẫn đang quan sát chúng tôi liền thả cánh tay tôi ra. “Và càng phải khéo léo gấp đôi đối với loài người.”

Sau khi viếng thăm hai vị phù thủy đất trang nghiêm, cứng nhắc, Matthew và tôi rút về hai phía của Hươu Đực và Vương Miện, cho tới khi tâm trạng của chúng tôi dịu lại. Matthew xem đám thư từ của anh, găm lên với Pierre và buông ra hàng tràng nguyên rửa chống lại chính phủ của Nữ hoàng bệ hạ, những ý thích nhất thời của cha anh, và hành động đại dột của Vua James nước Scotland. Tôi dành thời gian nói chuyện với Jack về các bốn phần của nó. Thằng bé có những tuyệt chiêu khi nắn đồng hồ, ví tiền, và mấy gã thôn nhà quê có thể bị nó lừa tất cả tài sản trong những ván bài bí mật, nhưng nó lại không biết đọc, viết, nấu ăn, khâu vá hay làm bất cứ việc gì khác khả dĩ có thể trợ giúp Françoise và Annie. Tuy nhiên, Pierre lại có hứng thú nghiêm túc với thằng bé, đặc biệt sau khi anh chàng tìm lại được cái bùa may mắn từ túi trong chiếc áo chên cũ của thằng bé.

“Đi với ta nào, Jack,” Pierre nói, giữ cửa mở và hất đầu về phía cầu thang. Anh ta đang chuẩn bị ra ngoài thu thập thư tín đột cuối từ chỗ những người cung cấp tin của Matthew. Rõ ràng anh ta đã có kế hoạch tận dụng ưu điểm am hiểu về thế giới ngầm London từ cậu nhóc trẻ tuổi của chúng tôi.

“Vâng, thưa ngài,” Jack đáp, giọng háo hức. Thằng bé trông đã khỏe hơn ngay sau một bữa ăn.

“Không được có gì nguy hiểm đâu đấy,” tôi cảnh cáo Pierre.

“Dĩ nhiên là không, madame,” chàng ma cà rồng hồn nhiên nói.

“Ý tôi là thế đấy,” tôi vặn lại. “Và đưa thằng bé về trước khi trời tối nhé.”

Tôi đang sắp xếp giấy tờ trên bàn làm việc của mình thì Matthew ra khỏi phòng làm việc. Françoise và Annie đã tới Smithfield để gặp người đồ tể lấy thịt và máu, thế nên cả ngôi nhà chỉ có chúng tôi.

“Anh xin lỗi, mon Coeur,” Matthew nói, vòng tay qua eo tôi từ phía sau. Anh đặt một nụ hôn lên cổ tôi. “Qua lại giữa hội đồng Rede và nữ hoàng, thật là một tuần dài.”

“Em cũng xin lỗi. Em hiểu tại sao anh không muốn Jack ở đây, Matthew, nhưng em không thể phớt lờ nó. Thằng bé bị thương và bị bỏ đói.”

“Anh biết,” Matthew nói, kéo tôi vào và ôm thật chặt đến mức lưng tôi vừa vặn áp sát vào ngực anh.

“Anh sẽ có phản ứng khác nếu chúng mình tìm thấy thằng bé ở Oxford thời hiện đại đúng không?” Tôi hỏi, nhìn dăm dăm vào ngọn lửa chứ không nhìn vào mắt anh.

Kể từ sự cố với Jack, tôi bị ám ảnh bởi câu hỏi, liệu thái độ cư xử của Matthew bắt nguồn từ hệ gen của ma cà rồng hay do đạo đức sống của thời đại Elizabeth.

“Có lẽ không. Ma cà rồng sống giữa loài máu nóng không phải chuyện dễ dàng gì, Diana ạ. Nếu không có sợi dây liên kết về cảm xúc, loài máu nóng chẳng là gì hơn một nguồn cung cấp chất dinh dưỡng. Không ma cà rồng nào, kể cả văn minh và tử tế đến đâu, có thể duy trì khoảng cách tương đối gần với một sinh vật máu nóng mà không cảm thấy sự thôi thúc muốn ăn thịt họ.” Hơi thở của anh mát lạnh phả vào cổ tôi, chọc ngưa ngưa đúng cái vị trí nhạy cảm mà Miriam đã dùng máu của mình để chữa lành vết thương do Matthew tạo nên.

“Anh không có vẻ gì là muốn ăn em cả.” Chẳng có dấu hiệu nào cho thấy Matthew phải vật lộn với một sự thôi thúc như thế, mà anh còn thẳng thừng từ chối những lần cha anh gợi ý rằng anh có thể uống máu tôi.

“Anh có thể làm chủ được những khao khát của mình tốt hơn rất nhiều so với hồi đầu chúng mình gặp nhau. Giờ nổi thèm khát của anh với máu của em không nghiêng nhiều về vấn đề dinh dưỡng nữa để mà phải kiểm soát. Việc ăn em bây giờ căn bản là một sự xác nhận địa vị thống trị rằng chúng mình đã kết đôi.”

“Và chúng ta đã có tình dục dành cho chuyện đó,” tôi nói thản nhiên như không. Matthew là một bạn tình nồng nhiệt và sáng tạo, nhưng anh rõ ràng coi phòng ngủ là lãnh thổ của mình.

“Làm ơn nhắc lại xem nào?” Anh nói, đôi lông mày nhíu lại cau có.

“Tình dục và sự thống trị. Đó là cái mà loài người hiện đại nghĩ về mối quan hệ của ma cà rồng,” tôi nói. “Các câu chuyện của họ đầy rẫy cảnh ma cà rồng nam giới thống lĩnh điên cuồng, ném phụ nữ lên vai trước khi kéo bọn họ tới bàn ăn tối và hẹn hò.”

“Bữa tối và hẹn hò ư?” Matthew thở hắt ra. “Ý em là...?”

“Ừm. Anh nên xem những cái mà bạn bè của dì Sarah ở hội đồng phù thủy Madison đã đọc. Ma cà rồng gặp một cô gái và cắn, cô gái choáng váng phát hiện ra thật sự có ma cà rồng. Tình dục, máu, và thái độ bao bọc thái quá, tất cả nhanh chóng đến tiếp sau đó. Một số trong đó khá dứt khoát.” Tôi ngừng lại. “Không có thời gian để tìm hiểu, điều đó là chắc chắn. Em không nhớ nhiều lắm thơ ca cũng như mấy điệu nhảy.”

Matthew thốt lên. “Thảo nào dì của em đã muốn biết liệu anh có đói không.”

“Anh thật sự nên đọc thứ này, chỉ để biết loài người nghĩ gì thôi. Đó là một cơn ác mộng được lưu truyền rộng rãi. Còn tôi tệ hơn những gì phù thủy phải vượt qua.” Tôi quay lại đối diện với anh. “Anh chắc sẽ ngạc nhiên khi biết nhiều phụ nữ dường như muốn có một bạn trai là ma cà rồng đến mức nào.”

“Chuyện gì sẽ xảy ra nếu đám bạn trai ma cà rồng của bọn họ cư xử như những gã khốn nhẫn tâm trên phố và đe dọa những đứa trẻ mồ côi chết đói hả?”

“Hầu hết ma cà rồng được hư cấu đều có trái tim bằng vàng, trừ việc thỉnh thoảng giận dữ ghen tuông và vì thế có thể chặt người ta ra thành trăm mảnh.” Tôi vuốt tóc và tránh ánh mắt anh.

“Anh không thể tin chúng mình lại có cuộc nói chuyện này,” Matthew nói.

“Tại sao? Ma cà rồng đọc sách về phù thủy. Thực tế là cuốn Doctor Faustus của Kit thật hoang đường, ngay thơ cũng không ngăn anh tận hưởng một câu chuyện huyền thoại, hay ho và dị thường mà.”

“Đúng, nhưng tất cả chuyện đó là vác đi và rồi làm tình...” Matthew lắc đầu.

“Anh đã vác em mà, lúc ấy anh thật quyến rũ. Em nhớ dường như mình đã được nhắc bổng lên trong vòng tay anh ở Sept-Tours hơn một lần cơ,” tôi chỉ ra.

“Chỉ khi em bị thương thôi!” Matthew phần nộ nói. “Hay mệt mỏi.”

“Hay khi anh muốn em ở một nơi còn em lại đang ở nơi khác. Hay khi con ngựa quá cao, hay chiếc giường quá cao, hay biển quá động. Thành thật nào, Matthew. Anh có một trí nhớ rất chọn lọc khi nó phù hợp với anh nhé. Còn về phần làm tình, không phải lúc nào cũng là hành động âu yếm, dịu dàng như anh miêu tả. Không như trong những cuốn sách mà em thấy. Đôi khi nó chỉ hay ho, cứng...”

Trước khi tôi kịp nói hết câu, chàng ma cà rồng điển trai, cao lớn đã quẳng tôi lên vai anh ta.

“Chúng ta sẽ tiếp tục cuộc nói chuyện này trong phòng riêng.”

“Cứu vớ! Tôi nghĩ chồng tôi là ma cà rồng!” Tôi cười sặc sụa và dụi mặt vào sau lưng anh.

“Yên nào,” anh gầm lên. “Không thì em sẽ khiến bà Hawley phải tham chiến đấy.”

“Nếu em mà là một phụ nữ loài người chứ không phải phù thủy, thì âm thanh gầm thét mà anh vừa phát ra đó đã làm em bất tỉnh rồi. Em là của anh từ đầu đến chân, và anh có thể làm gì tùy ý.” Tôi cười như nắc nẻ.

“Em đã là tất cả của anh rồi,” Matthew nhắc tôi và đặt tôi lên giường. “Tiên đây, anh đang thay đổi cái kịch bản nực cười này. Vì tình yêu dành cho khả năng sáng tạo – không kể đến những chi tiết có vẻ thật – chúng mình đang bỏ qua bữa tối và chuyển thẳng sang hẹn hò.”

“Độc giả sẽ thích một chàng ma cà rồng nói thế đấy!” Tôi nói.

Matthew dường như chẳng quan tâm đến những đóng góp dưới góc độ biên tập của tôi. Anh quá bận rộn với việc nâng mấy lớp váy của tôi lên. Chúng tôi sắp sửa làm tình mà mặc nguyên quần áo. Thời đại Elizabeth mới tuyệt vời làm sao!

“Đợi một phút! Ít nhất cũng để em cởi cái vòng độn mông ra đã.” Annie đã báo cho tôi biết rằng, đây là cái tên chính xác dành cho cái thứ hình bánh rán vòng, giữ cho váy tôi đầy đặn và đường bệ hơn.

Nhưng Matthew chẳng có vẻ gì định đợi cả.

“Độn mông quái quỷ, xuống địa ngục đi.” Anh tháo dây buộc phía trước chiếc quần chên, tóm lấy hai tay tôi, ghim chặt phía trên đầu tôi. Bằng một cú thúc mạnh, anh đã ở bên trong tôi.

“Em không biết là nói chuyện về tác phẩm hư cấu được yêu thích sẽ có hiệu ứng như thế này với anh,” tôi nói không ra hơi trong khi anh bắt đầu chuyển động. “Nhớ nhắc em thảo luận nó với anh thường xuyên hơn đấy.”

Chúng tôi vừa ngồi xuống ăn tối thì tôi được gọi đến nhà Goody Alsop.

Hội đồng Rede đã nắm quyền chỉ đạo.

Khi Annie và tôi đến cùng với hai ma cà rồng tháp tùng, Jack lẻo đẻo phía sau, chúng tôi thấy bà lão đang đứng trước phòng khách cùng với Susanna và ba phù thủy lạ mặt. Goody Alsop đuổi đám đàn ông tới quán Con Ngỗng Vàng và hướng tôi đến cùng nhóm người bên lò sưởi.

“Đến đây nào, Diana, và gặp các giáo viên của cô đi.” Cái bóng hồn của Goody Alsop chỉ cho tôi một chiếc ghế trống. Họ trông giống một đám mệnh phụ thành thị sung túc, với những chiếc váy dài bằng len dày, trong sắc màu mùa đông đen tối. Chỉ có những cái liếc nhìn nhoi nhói râm ran tiết lộ họ là phù thủy.

“Vây hội đồng Rede đã tán thành với kế hoạch ban đầu của bà,” tôi chậm rãi nói, cố gắng đón ánh mắt họ. Để cho giáo viên thấy nỗi sợ hãi không bao giờ là chuyện tốt cả.

“Họ đã đồng ý,” Susanna đáp với vẻ mặt xác nhận. “Bà bỏ quá cho tôi, bà Roydon. Tôi có hai đứa con trai cần phải lo, và một ông chồng quá ốm yếu để có thể chu cấp cho chúng tôi. Lòng tốt của một người láng giềng có thể biến mất chỉ qua một đêm.”

“Hãy để ta giới thiệu cô với những người khác,” Goody Alsop nói, nhẹ nhàng quay sang người phụ nữ bên phải bà. Bà ta khoảng tầm sáu mươi, vóc người thấp lùn, khuôn mặt tròn xoe và nụ cười của bà ta có bất cứ biểu hiện nào, thì đó là một tinh thần phóng khoáng. “Đây là Marjorie Cooper.”

“Diana,” Marjorie đáp kèm theo một cái gật làm cho chiếc cổ áo xếp nếp nhỏ của bà phát ra tiếng sột soạt. “Chào mừng đến cuộc tụ hội của chúng tôi.”

Khi gặp hội đồng Rede, tôi biết rằng, các phù thủy thời Elizabeth dùng từ “tụ hội” cũng như các phù thủy hiện đại dùng cụm từ “hội phù thủy” để chỉ một cộng đồng các phù thủy. Giống mọi thứ khác ở London, các cuộc tụ hội của thành phố này đồng thời cũng trùng khớp với ranh giới của xứ đạo. Mặc dù thật lạ lùng khi nghĩ đến việc, các hội phù thủy và nhà thờ Thiên Chúa giáo ở sát bên nhau như thế, nghe rất có tổ chức và an toàn, vì nó giữ cho các sự vụ của phù thủy chỉ xảy ra trong vùng các khu vực xóm giềng gần kề nhau.

Vì thế nên có hơn một trăm các nhóm tụ hội ở London và hơn hai tá nữa ở khu vực ngoại thành. Giống như các xứ đạo, các nhóm phù thủy được tổ chức theo các khu vực lớn, như các phân khu. Mỗi phân khu lại cử ra một tiền bối bề trên để đến hội đồng Rede, là tổ chức trông nom tất cả các sự vụ của phù thủy trong thành phố.

Hội đồng Rede đang lo rằng, với những cơn hoảng loạn và cuộc săn lùng phù thủy vốn âm ỉ đang bùng phát, hệ thống cai quản cũ đang rạn vỡ. London đang bùng nổ những sinh vật khác người. Họ đổ về đây mỗi ngày một nhiều thêm. Tôi đã nghe thấy những lời bàn tán về quy mô của nhóm hội Aldgate – bao gồm hơn sáu mươi phù thủy thay vì mười ba đến hai mươi phù thủy như bình thường. Những nhóm hội lớn ở Cripplegate và Southwalk cũng thế. Để tránh bị loài người phát hiện, một vài nhóm hội đã bắt đầu “chia tổ” và xé lẻ thành nhiều đội khác nhau. Nhưng các nhóm hội mới với những người lãnh đạo ít kinh nghiệm hơn còn đang mơ hồ về cách giải quyết ở thời điểm khó khăn này. Các phù thủy trong hội đồng Rede là những người được ban cho thị giác thứ hai, tiên đoán được những rắc rối phía trước.

“Marjorie được ban cho phép thuật đất, giống như Susanna. Biệt tài của bà ấy là ghi nhớ,” Goody Alsop giải thích.

“Tôi không cần các cuốn bí kíp hay lịch mới mà tất cả các chủ hiệu sách đang rao bán,” Marjorie tự hào nói.

“Marjorie ghi nhớ một cách hoàn hảo mọi câu thần chú mà bà ấy nắm bắt được và có thể nhớ hình thể chính xác của các ngôi sao trong từng năm bà ấy đã sống – và cả khoảng thời gian bà ấy còn chưa được sinh ra.”

“Goody Alsop sợ cô không thể viết ra hết tất cả những gì cô học được ở đây và mang nó đi. Không chỉ giúp cô tìm được đúng từ ngữ để các phù thủy khác có thể sử dụng những câu thần chú cô đặt ra, tôi còn dạy cô cách làm thế nào để không ai có thể lấy những từ ngữ đó ra khỏi cô được.” Hai mắt Marjorie long lanh, giọng hạ thấp một cách bí ẩn. “Và chồng tôi là người bán

rượu vang. Ông ấy có thể cung cấp cho cô rượu vang ngon hơn nhiều thứ cô đang uống bây giờ. Tôi hiểu rượu vang rất quan trọng đối với wearh.”

Tôi cười thành tiếng trước câu nói này và các phù thủy khác cũng hòa theo. “Cảm ơn bà Cooper. Tôi sẽ chuyển lời chào hàng của bà tới chồng tôi.”

“Marjorie, ở đây chúng ta là chị em.” Lần này tôi không co rúm lại khi được gọi là chị em của một phù thủy khác.

“Tôi là Elizabeth Jackson,” người phụ nữ lớn tuổi ở phía bên kia Goody Alsop lên tiếng. Bà ta ở tầm tuổi giữa Marjorie và Goody Alsop.

“Bà là phù thủy nước.” Tôi cảm thấy mối tương tác ngay khi bà ấy nói.

“Đúng vậy.” Elizabeth có mái tóc và đôi mắt màu xám như ánh thép, cao lớn và thẳng đuốn, còn Marjorie thì lùn và tròn quay. Trong khi nhiều phù thủy nước ở hội đồng Rede quanh co, lả lướt và như đang chảy đi, thì Elizabeth lại có sự rõ ràng, nhanh nhẹn của một dòng suối trên núi. Tôi cảm thấy bà sẽ luôn nói thật với tôi, thậm chí khi tôi không muốn nghe đi chẳng nữa.

“Elizabeth được ban cho tài tiên tri. Bà ấy sẽ dạy cô nghệ thuật bói cầu thủy tinh.”

“Mẹ tôi cũng nổi tiếng về thị giác thứ hai,” tôi ngập ngừng nói. “Tôi sẽ vui sướng được tiếp bước bà.”

“Nhưng bà ấy không có lửa,” Elizabeth quả quyết nói, bắt đầu việc nói lên sự thật ngay lập tức. “Cô có thể không tiếp bước được theo mẹ cô trong mọi chuyện đâu, Diana ạ. Lửa và nước là một sự pha trộn đầy uy lực, miễn là chúng không triệt tiêu lẫn nhau.”

“Chúng ta sẽ canh chừng để chuyện đó không xảy ra,” phù thủy cuối cùng hứa hẹn, quay sang nhìn tôi. Cho tới lúc đó, bà ấy vẫn chủ ý tránh cái nhìn chăm chú của tôi. Giờ tôi có thể thấy rõ lý do tại sao: có những ánh sáng vàng lấp lánh trong đôi mắt nâu của bà và con mắt thứ ba của tôi bật mở trong trạng thái khẩn cấp. Với tầm nhìn rộng thêm đó, tôi có thể thấy quang sáng bao quanh bà ta. Chắc chắn là Catherine Streeter.

“Bà thậm chí... thậm chí còn mạnh hơn các phù thủy lửa trong hội đồng Rede,” tôi lắp bắp.

“Catherine là một phù thủy đặc biệt,” Goody Alsop công nhận, “một phù thủy lửa được sinh ra từ hai phù thủy lửa. Nó hiếm khi xảy ra, mặc dù ngay bản thân bà ấy cũng biết rằng một ánh sáng như thế không thể nào che giấu đi được.”

Khi con mắt thứ ba của tôi nhắm lại, bị lóa đi khi nhìn vào vị phù thủy lửa được ban phước gấp ba lần ấy, Catherine dường như mờ nhạt dần. Mái tóc nâu của bà xỉn đi, đôi mắt mờ tối lại và gương mặt đẹp đẽ nhưng không gây ấn tượng đáng nhớ. Phép thuật của bà ta nhảy trở lại cuộc sống, tuy nhiên, ngay lúc đó bà ta lên tiếng.

“Cô có nhiều lửa hơn tôi kỳ vọng đấy,” bà ta trầm ngâm nói.

“Thật đáng tiếc là cô ấy không ở đây khi Armada đến,” Elizabeth nói.

“Vậy đó là sự thật ư? ‘Ngọn gió Anh’ nổi tiếng đã thổi những con thuyền của Tây Ban Nha ra khỏi bờ biển nước Anh là do các phù thủy gọi đến ư?” Tôi hỏi. Đó là một phần tri thức của phù thủy, nhưng tôi luôn bác bỏ và coi nó là chuyện thần thoại.

“Goody Alsop rất đặc lực với Nữ hoàng bệ hạ,” Elizabeth tự hào nói. “Nếu có cô ở đây, tôi nghĩ chúng ta có thể tạo ra nước lửa – hoặc ít nhất là một cơn mưa lửa ấy chứ.”

“Chúng ta hãy chú tâm vào việc trước mắt đi,” Goody Alsop nói, giơ một tay lên. “Diana chưa

tạo ra được thần chú đệm của thợ dệt đầu.”

“Thần chú đệm ư?” tôi hỏi. Giống như nhóm tụ hội và hội đồng Rede, đây là một cụm từ tôi không biết đến.

“Thần chú đệm tiết lộ hình dáng, năng lực của một thợ dệt. Chúng ta sẽ cùng tạo hình cho một vòng ban phép. Từ đó, chúng tôi sẽ tạm thời chuyển sức mạnh của cô đã được nói lỏng để tìm đường cho chúng, không bị ngăn trở bởi ngôn từ và những mong muốn,” Goody Alsop đáp. “Nó sẽ cho chúng tôi biết nhiều điều về năng lực của cô và những gì chúng tôi phải làm để huấn luyện chúng, cũng như tiết lộ những người thân cận của cô.”

“Phù thủy không có người thân cận.” Đây là một nét tính cách tự kiêu tự đại khác của loài người, giống việc thờ phụng ác quỷ vậy.

“Các thợ dệt thì có,” Goody Alsop ôn tồn nói, làm một cử động hướng về phía bóng hồn của bà. “Đây là của ta. Giống như tất cả những người thân cận, cô ta là một phần sức mạnh thêm ra của ta.”

“Tôi không chắc việc có người thân cận là một ý tưởng hay ho trong trường hợp của tôi,” tôi nói, nghĩ về những quả mọng qua bị đen quất lại, đôi giày của Mary và chú gà con. “Tôi đã có đủ lo lắng rồi.”

“Đó chính là lý do cô ném ra thần chú đệm đấy – để đối mặt với những nỗi sợ sâu thẳm trong lòng nên cô có thể làm phép một cách tự do. Nhưng nó có thể là một trải nghiệm đau đớn đấy. Có những phù thủy bước vào vòng tròn này với màu tóc đen nhánh như cánh quạ và rời đi với mái tóc trắng phau như tuyết,” Goody Alsop thừa nhận.

“Nhưng nó cũng sẽ không tan nát trái tim như cái đêm wearh bỏ lại Diana và nước dâng ngập cô ấy,” Elizabeth khẽ nói.

“Hay cô độc như cái đêm cô ấy bị nhốt trong lòng đất,” Susanna nói kèm theo một cái rùng mình. Marjorie gật gật đầu đầy cảm thông.

“Hay hãy hùng như thời điểm mù phù thủy lửa kia cố gắng mở banh cô ra,” Catherine cam đoan với tôi, những ngón tay bà chuyển thành màu cam với cơn giận dữ.

“Trăng sẽ tròn vào thứ Sáu. Lễ rước nên còn cách vài tuần nữa. Và chúng ta đang bước vào giai đoạn thuận lợi cho các câu thần chú dành cho bọn trẻ hiếu học,” Marjorie nhấn mạnh, gương mặt nhăn lại với vẻ tập trung khi bà hồi tưởng lại các thông tin liên quan từ bộ nhớ đáng kinh ngạc của bà.

“Tôi đã nghĩ đây là tuần lễ dành cho bùa rắn cắn chứ?” Susanna nói, tay lôi ra một cuốn lịch nhỏ từ trong túi.

Trong khi Marjorie và Susanna thảo luận về những thời gian biểu phép thuật rắc rối, phức tạp thì Goody Alsop, Elizabeth và Catherine nhìn chăm chăm vào tôi.

“Ta tự hỏi...” Goody Alsop nhìn tôi với vẻ công khai suy xét, ngón tay vỗ nhẹ lên môi bà.

“Chắc chắn không,” Elizabeth nói, giọng nén lại thật khẽ.

“Chúng ta không chặt đầu của chính mình, nhớ không?” Catherine nói. “Nữ thần đã ban đủ phước cho chúng ta rồi.” Khi nói điều đó, cặp mắt nâu của bà ánh lên liên tục từ một chuỗi những tia sáng xanh lục, vàng kim, đỏ và đen trong chớp nhoáng. “Nhưng có lẽ...”

“Cuốn lịch của Susanna sai toét cả. Nhưng chúng tôi đã quyết định sẽ thuận lợi hơn nếu Diana dệt thần chú đệm của cô ấy vào thứ Năm tới, dưới ánh trăng lưỡi liềm,” Marjorie nói, vỗ tay về

vui thích.

“Ôi trời,” Goody Alsop thốt lên, thọc ngón tay vào lỗ tai để cản bớt tiếng nhiễu ồn trong không khí. “Khẽ thôi, Marjorie, khẽ khẽ thôi.”

Cùng với những bốn phận mới tôi phải làm với nhóm hội khu St.James Garlickhythe, rồi lại tiếp tục niềm hứng thú dành cho các thí nghiệm về thuật giả kim của Mary, tôi nhận ra bản thân đang ở bên ngoài nhiều thời hơn, trong khi Hươu Đực và Vương Miện tiếp tục là trung tâm tụ tập của Bè lũ Bóng đêm và trụ sở làm việc của Matthew. Những người đưa tin đến rồi đi với những báo cáo và thư từ. George thường ghé qua ăn chực một bữa, kể cho chúng tôi nghe về những nỗ lực vô ích mới nhất của anh chàng để tìm Ashmolé 782. Hancock và Gallowglass thì bỏ đồ cần giặt của họ ở tầng dưới, giết thời gian hàng giờ bên lò sưởi của tôi, ăn mặc hở hang, cho tới khi đồ giặt được trả về cho bọn họ. Kit và Matthew đã đạt được một thỏa thuận ngừng bắn không mấy thoả mái, sau vụ việc với Hubbard và John Chandler. Điều này có nghĩa là tôi thường tìm thấy nhà viết kịch ngồi ngoài phòng khách, nhìn đăm đăm vào khoảng không xa xăm rồi viết một cách điên cuồng. Anh ta tự cho phép bản thân dùng nguồn cung cấp giấy của tôi – thực tế này bổ sung thêm phiền phức và khó chịu.

Rồi còn chuyện Annie và Jack nữa. Việc phối hợp cho hai đứa trẻ vào làm gia nhân là một công việc chiếm toàn thời gian. Jack, đứa nhỏ mà tôi cho là khoảng tầm bảy hoặc tám tuổi (thằng bé không biết tuổi thực của nó), thích làm các trò quái quỷ, trêu chọc cô gái mới lớn kia. Cậu nhóc bám theo Annie đi khắp nơi và nhại theo lời cô bé. Những lúc như thế, Annie sẽ òa khóc và chạy ào lên lầu, quăng mình vào giường nức nở. Khi tôi trừng phạt Jack về hành vi của nó, thằng bé liền hờn dỗi. Tuyệt vọng muốn có vài giờ đồng hồ yên tĩnh, tôi tìm một ông thầy sẵn sàng dạy chúng đọc, viết và làm tính, nhưng cả hai đứa nhanh chóng khiến anh chàng cử nhân mới tốt nghiệp Cambridge chạy xa, vì chúng cứ thần thờ trống rỗng và học hành lơ đãng. Cả hai đều thích đi mua bán với Françoise, chạy quanh London với Pierre, hơn là ngồi im và làm phép tính cộng trừ nhân chia.

“Nếu con chúng mình cư xử như thế này, em sẽ chìm chết thằng bé mất,” tôi bảo với Matthew, trong một khoảnh khắc nghỉ ngơi tại phòng làm việc của anh.

“Con bé sẽ cư xử giống như thế, em có thể chắc chắn điều đó. Và em sẽ không chìm chết con bé đâu,” Matthew nói, đặt cây bút mực xuống. Chúng tôi vẫn không thống nhất được về giới tính của đứa bé.

“Em đã cố thử mọi cách. Em đã lý luận, thuyết phục, lấy lòng – ôi quỷ tha ma bắt, em thậm chí còn mua chuộc chúng nữa.” Những chiếc bánh sữa của ông Prior chỉ càng làm tăng thêm năng lượng nghịch ngợm của Jack mà thôi.

“Mọi bậc cha mẹ đều mắc những lỗi như thế,” anh cười nói. “Em đang cố gắng làm bạn của chúng. Hãy đối xử với Jack và Annie như những chú cún con. Thỉnh thoảng véo mũi một cái, em sẽ thiết lập uy quyền tốt hơn là một cái bánh thịt băm mang lại đấy.”

“Có phải anh đang bày cho em các mẹo làm cha mẹ lấy từ vương quốc loài vật không?” Tôi đang nghĩ đến các nghiên cứu của anh trước đây về loài sói.

“Như thực tế của chính anh đây. Nếu chúng tiếp tục lối sống phóng dăng này, anh sẽ buộc phải nhúng tay vào, và anh không véo đâu, mà anh cắn đấy.” Matthew gầm gừ với cánh cửa khi tiếng đổ vỡ loảng xoảng ầm ĩ vang lên xuyên qua các phòng, tiếp theo là tiếng nói khốn khổ “xin lỗi bà chủ.”

“Cảm ơn anh, nhưng em chưa đủ tuyệt vọng để phải viện đến phương thức huấn luyện gọi dạ bảo vâng ấy đâu. Chưa đâu.” Tôi nói và quay ra khỏi phòng.

Trong hai ngày, tôi dùng lời nói để dạy dỗ và quản lý thời gian của bọn trẻ, cho chúng thấm nhuần tính trật tự, nhưng bọn trẻ cần vận động nhiều để kiềm chế sự hiếu động của chúng. Tôi dành bỏ lại sách vở, giấy tờ để dẫn chúng đi dạo trên những con đường dài, xuôi xuống Cheapside và vào vùng ngoại ô phía tây. Chúng tôi đi đến chợ cùng với Françoise và ngắm những con thuyền dỡ hàng hóa tại Vintry. Ở đó, chúng tôi tưởng tượng về những miền đất – nơi xuất xứ các chuyến hàng này và suy đoán về nguồn gốc của thủy thủ đoàn.

Đôi chỗ dọc đường đi, tôi cảm thấy mình không giống một du khách nữa mà bắt đầu thấy London thời đại Elizabeth chính là quê hương của mình.

Sáng thứ Bảy, chúng tôi đang đi mua sắm ở chợ Leadenhall, khu buôn bán hàng tạp phẩm tốt hàng đầu của London, thì trông thấy một người ăn xin què một chân. Tôi moi một đồng xu ra khỏi túi cho ông ta trong lúc bọn trẻ biến mất vào một cửa hàng bán mũ – nơi chúng có thể tiến hành công cuộc tàn phá – một sự tàn phá đắt đỏ.

“Annie! Jack!” Tôi gọi, thả đồng xu vào lòng bàn tay người đàn ông. “Ông hãy giữ lấy cho mình!”

“Bà đang ở xa nhà quá đấy, bà Roydon,” một giọng nói trầm trầm cất lên. Tôi dựng tóc gáy, quay lại và thấy Andrew Hubbard.

“Cha Hubbard,” tôi thốt lên. Người ăn xin cách tôi có mấy phân.

Hubbard nhìn quanh. “Người phụ nữ của bà đâu rồi?”

“Nếu cha đang nhắc đến Françoise thì cô ấy ở trong chợ,” tôi chưa chát nói. “Annie cũng đi cùng với tôi. Tôi không có cơ hội để cảm ơn Cha đã gửi cô bé đến cho chúng tôi. Cô bé giúp ích rất nhiều.”

“Ta hiểu là bà đã gặp Goody Alsop.”

Tôi không đáp lại sự thăm dò mang tính câu kéo rõ ràng rành rành thế này.

“Kể từ khi người Tây Ban Nha đến, bà ta không nhúc nhích ra khỏi nhà trừ phi có lý do hay ho.”

Tôi vẫn im lặng trong khi Hubbard cười.

“Tôi không phải kẻ địch của bà, thưa bà.”

“Tôi không nói Cha như thế, Cha Hubbard. Nhưng tôi gặp ai và lý do tại sao thì không phải chuyện Cha cần quan tâm.”

“Đúng thế. Cha chồng bà – hay bà nghĩ về ông ta như là cha mình nhỉ? – đã thể hiện điều đó khá rõ ràng trong lá thư của ông ấy. Dĩ nhiên Philippe cảm ơn ta đã hỗ trợ bà. Nhưng với người đứng đầu gia đình de Clermont, những lời cảm ơn thường đi trước những lời đe dọa. Đây là một sự thay đổi mới mẻ trong phong cách cư xử thường lệ của cha bà.”

Mắt tôi nheo lại cảnh giác. “Đó là điều Cha muốn ư, Cha Hubbard?”

“Ta chịu đựng sự hiện diện của những tên de Clermont bởi vì ta phải làm vậy. Nhưng ta không buộc phải tiếp tục làm thế nếu có những rắc rối.” Hubbard nghiêng tới sát tôi, hơi thở lạnh giá. “Và bà đang gây ra rắc rối. Ta có thể nghĩ thấy nó, nếm thấy nó. Kể từ khi bà đến, lũ phù thủy rất... khó khăn.”

“Đó là một sự trùng hợp ngẫu nhiên không may thôi,” tôi nói, “nhưng tôi không định đổ lỗi đâu. Tôi được rèn luyện về nghệ thuật phù phép dở đến mức thậm chí không thể đập một quả trứng vào bát.” Françoise đi ra khỏi chợ. Tôi nhún gối chào Hubbard và bước qua hắn. Bàn tay hắn vọt ra tóm lấy cổ tay tôi. Tôi nhìn xuống những ngón tay lạnh lẽo của hắn.

“Không chỉ các sinh vật khác người mới phát ra mùi hương, bà Roydon ạ. Bà có biết bí mật cũng có hương thơm riêng của chúng không?”

“Không,” tôi đáp, kéo cổ tay ra khỏi cái nắm siết của hắn.

“Phù thủy có thể biết được khi ai đó nói dối. Wearh có thể ngửi được mùi bí mật giống như con chó săn đánh hơi được mùi một con nai. Ta sẽ theo đuổi bí mật của bà tới tận cùng, bà Roydon ạ, cho dù bà có cố che giấu nó thế nào đi nữa.”

“Bà đã sẵn sàng chưa, madame?” Françoise hỏi, cau mày khi khoảng cách gần hơn. Annie và Jack đã ở bên cô ấy, và khi cô bé phát hiện ra Hubbard, mặt nó trắng bệch ra.

“Rồi, Françoise,” tôi đáp, cuối cùng cũng rời mắt khỏi cặp mắt vằn sọc dị thường của Hubbard. “Cảm ơn Cha về lời khuyên bảo và cả thông tin kia nữa.”

“Nếu thằng bé là quá sức đối với các vị, ta sẽ vui mừng được chăm sóc cho nó,” Hubbard lầm bầm khi tôi đi qua. Tôi quay người và sai bước trở lại chỗ hắn.

“Đừng động đến những gì là của tôi.” Mắt chúng tôi khóa chặt vào nhau, lần này chính Hubbard phải quay đi trước. Tôi trở lại với nhóm đồng hành lộn xộn của mình: ma cà rồng, phù thủy và loài người. Jack trông có vẻ lo lắng và lúc này đang nhấp nhóm đổi hết chân này tới chân kia, như thể nó đang cân nhắc đến việc chạy trốn. “Chúng ta về nhà và thưởng thức món bánh mỳ gừng nào,” tôi nói, nắm lấy tay thằng bé.

“Ông ta là ai thế ạ?” Thằng bé thì thào hỏi.

“Đó là Cha Hubbard.” Annie thì thầm thật khẽ đáp lại.

“Là người trong các bài hát ấy ạ?” Jack hỏi, ngoái nhìn qua vai. Annie gật đầu.

“Đúng thế, và khi ông ấy...”

“Đủ rồi, Annie. Các cháu đã xem được gì trong cửa hàng mũ đó vậy?” Tôi hỏi, siết lấy Jack chặt hơn. Tôi chìa tay về phía chiếc giỏ đầy hàng tạp phẩm. “Để tôi cầm cái đó cho, Françoise.”

“Chẳng ích gì đâu, madame,” Françoise nói, mặc dù vậy cô ấy vẫn đưa tôi cái giỏ. “Milord sẽ biết bà đã ở cùng gã ma quỷ đó. Thậm chí cả mùi bắp cải cũng không che giấu được nó.” Jack xoay đầu sang có vẻ hứng thú với mẩu thông tin này. Tôi bèn tặng cho Françoise một cái lườm cảnh cáo.

“Chúng ta đừng có rước thêm rắc rối,” tôi nói trong khi về nhà.

Trở lại Hươu Đực và Vương Miện, tôi tự giải thoát khỏi cái giỏ xách, áo choàng, găng tay và bọng trẻ, rồi mang một cốc rượu vang vào phòng Matthew. Anh đang ngồi ở bàn làm việc, cúi người trên tập giấy. Tim tôi nhẹ nhõm trước hình ảnh giờ đã trở nên thật thân quen ấy.

“Anh vẫn đang ở đó à?” Tôi hỏi, vờ qua vai Matthew để đặt cốc vang trước mặt anh. Tôi nhíu mày. Tờ giấy của anh phủ đầy những biểu đồ X’s và O’s, trông giống như các công thức khoa học hiện đại. Tôi nghi ngờ nó có liên quan đến hoạt động tình báo hoặc Đại Hội đồng, trừ phi anh đang phát minh ra một loại mật mã mới. “Anh đang làm gì thế?”

“Chỉ đang thử khám phá một vài thứ thôi mà,” Matthew nói, trượt tờ giấy ra xa.

“Thứ gì đó về di truyền học ư?” X’s và O’s gợi cho tôi nhớ đến môn sinh vật và những quả đậu Hà Lan của Gregor Mendel. Tôi kéo tờ giấy lại. Ở đó không chỉ có X’s và O’s trên trang giấy. Tôi nhận ra những chữ cái đầu tên các thành viên trong gia đình Matthew: YC, PC, MC, MW. Những chữ khác thuộc về gia đình tôi: DB, RB, SB, SP. Matthew đã vẽ những mũi tên nối giữa các cá

nhân và những đường thẳng chằng chéo nổi từ thể hệ này sang thể hệ khác.

“Chẳng có gì nghiêm trọng cả đâu,” Matthew nói, ngắt ngang suy xét của tôi. Đó là một câu “không lời đáp” kinh điển của Matthew.

“Em cho rằng anh cần thiết bị cho cái đó.” Ở dưới cùng trang giấy, một vòng tròn khoanh hai chữ cái: B và C – Bishop và Clairmont – con của chúng tôi. Điều này có liên quan tới đứa bé.

“Để rút ra bất kỳ kết luận nào thì tất nhiên là cần các thiết bị rồi.” Matthew nhắc cốc rượu và đưa nó lên môi.

“Vậy giả thuyết của anh là gì?” Tôi hỏi. “Nếu nó liên quan đến con, em muốn biết đó là gì.”

Matthew bỗng cứng người lại, hai cánh mũi phập phồng. Anh cẩn thận đặt cốc rượu lên bàn và cầm lấy tay tôi, đặt môi anh lên cổ tay tôi trong một cử chỉ có vẻ như của tình yêu thương đắm đuối. Mắt anh đen thẫm lại.

“Em đã gặp Hubbard,” anh nói về kết tội.

“Không, bởi vì em đã tìm thấy hắn.” Tôi kéo người ra. Đó là một sai lầm.

“Đừng thế chứ,” Matthew rít giọng, các ngón tay siết chặt lại. Anh hít vào một hơi run run. “Hubbard đã chạm vào em ở chỗ cổ tay. Chỉ cổ tay này thôi. Em có biết tại sao không?”

“Bởi vì hắn đang cố lôi kéo sự chú ý của em,” tôi nói.

“Không. Hắn ta đang cố giành lấy thứ là của anh. Mạch của em ở đây,” Matthew nói, ngón tay cái lướt lên mạch máu. Tôi run rẩy. “Dòng máu này ở gần bề mặt da đến mức anh có thể nhìn thấy cũng như ngửi thấy mùi của nó. Nhiệt lượng của nó khuếch đại bất cứ mùi hương xa lạ nào đặt ở đó.” Các ngón tay anh khoanh tròn quanh cổ tay tôi giống một chiếc vòng tay. “Françoise đã ở đâu?”

“Trong chợ Leadenhall. Em có Jack và Annie đi cùng. Có một người ăn xin ở đó, và...” Tôi cảm thấy một thoáng đau nhói rất nhanh. Khi tôi nhìn xuống, cổ tay tôi đã bị xé rách và máu phun ra từ một loạt những vết khía nông cong cong. Dấu răng.

“Đó là cách mà Hubbard có thể nhanh chóng lấy máu của em và biết được mọi điều về em.” Ngón tay cái của Matthew ấn mạnh vào vết thương.

“Nhưng em không thấy anh chuyển động,” tôi điếng người thốt ra.

Đôi mắt đen thẫm của anh lóe lên. “Em cũng sẽ không nhìn thấy Hubbard, nếu hắn ta muốn tấn công.”

Có lẽ Matthew không cần phải quá mức bảo vệ tôi như thế.

“Đừng để cho hắn đến gần đủ để chạm vào em lần nữa. Chúng ta đã rõ ràng chưa?”

Tôi gật đầu, và Matthew bắt đầu từ từ kiểm soát cơn giận dữ của anh. Chỉ khi đã kiểm soát được nó rồi anh mới trả lời câu hỏi ban đầu của tôi.

“Anh đang cố gắng xác định khả năng di truyền chứng cuồng máu của anh sang cho con chúng mình,” anh nói, một thoáng cay đắng lộ ra trong giọng nói. “Benjamin có tai họa khốn khổ đó. Marcus thì không. Anh ghét cái thực tế là anh có thể nguyên rửa một đứa trẻ vô tội bằng chứng bệnh ấy.”

“Anh có biết tại sao Marcus và em trai Louis của anh có sức đề kháng đó, trong khi anh, Louisa

và Benjamin thì không không?” Tôi thận trọng tránh ám chỉ rằng chuyện này xảy đến với tất cả các con của anh. Matthew sẽ kể với tôi thêm khi – nếu – anh có thể.

Hai vai anh mất đi đường nét sắc cạnh của chúng. “Louisa đã chết từ lâu trước khi có thể tiến hành các xét nghiệm thích đáng. Anh không có đủ dữ liệu để rút ra bất cứ kết luận đáng tin cậy nào.”

“Dù vậy, anh đã có một giả thuyết,” tôi nói, nghĩ đến các biểu đồ của anh.

“Anh luôn nghĩ chúng cuồng máu như một bệnh truyền nhiễm và tin rằng Marcus và Louis có khả năng đề kháng tự nhiên với nó. Nhưng khi Goody Alsop nói cho chúng mình biết chỉ thợ dệt mới có thể mang thai đứa con của wearh, điều đó khiến anh băn khoăn, liệu có phải anh đang nhìn vấn đề này một cách sai lầm không. Có lẽ không phải thứ gì đó trong Marcus kháng cự lại, mà chính là thứ gì đó trong anh đã tiếp thụ nó, giống như một thợ dệt tiếp thụ hạt giống của wearh, không giống bất kỳ phụ nữ loài máu nóng nào khác.”

“Di truyền bẩm sinh ư?” Tôi hỏi, cố gắng bám lấy lý lẽ của anh.

“Có lẽ thế. Thứ gì đó mang gen lặn hiếm bộc lộ ra khi cả bố và mẹ đều mang gen ấy. Anh vẫn nghĩ mãi về người bạn Catherine Streeter của em và miêu tả của em về bà ta như là kẻ được ‘ban phước gấp ba lần’, như thể hệ gen của bà ta bằng cách nào đó lớn hơn tổng cộng các phần của nó hợp lại.” Matthew mau chóng chìm đắm vào câu đố trí tuệ phức tạp của chính mình. “Rồi sau đó anh bắt đầu tự hỏi, liệu việc em là một thợ dệt có tình cờ lý giải cho năng lực thụ thai của em không. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu nó là sự kết hợp của những đặc điểm gen lặn – không chỉ của em mà còn cả của anh nữa?” Tôi nhận thấy anh lùa hai bàn tay vào mái tóc trong dáng vẻ bối rối, mất phương hướng, dấu hiệu cho thấy cơn cuồng máu cuối cùng đã qua đi, tôi lặng lẽ thở dài nhẹ nhõm.

“Khi chúng mình quay trở về phòng thí nghiệm của anh, anh sẽ có thể kiểm tra giả thuyết này.” Tôi hạ giọng. “Và khi dì Sarah cùng cô Em nghe tin họ sắp trở thành bà dì, anh sẽ không gặp khó khăn gì khi nhờ họ cho anh mẫu máu – hoặc nhờ trông em bé hộ đầu. Cả hai bọn họ đều ở trong tình trạng ham muốn làm bà đến khốn khổ và vẫn luôn mượn bọn trẻ hàng xóm từ nhiều năm nay để thỏa mãn cơn thèm.”

Cuối cùng chuyện đó cũng gợi lên được một nụ cười.

“Ham muốn làm bà ư? Thật là một sự biểu lộ thô lỗ.” Matthew lại gần tôi. “Ysabeau có khả năng cũng phát triển ham muốn kinh khủng đó từ hàng thế kỷ rồi ấy chứ.”

“Chả dám nghĩ đến nữa cơ,” tôi nhún vai châm chọc đáp.

Vào những lúc như thế này – khi chúng tôi nói chuyện về phản ứng của người khác trước tin tức mang thai của mình hơn là phân tích chính những phản ứng của chúng tôi với chuyện đó – tôi thật sự cảm thấy mình đang có thai. Cơ thể này vừa mới ghi nhận việc mang một mầm sống mới. Ngày nối ngày liên tiếp bận rộn ở Hươu Đục và Vương Miện đã khiến chúng tôi dễ dàng quên mất rằng chẳng mấy chốc chúng tôi sẽ được làm cha mẹ. Tôi có thể đi lại khắp nơi nhiều ngày mà không nghĩ gì về tình trạng cơ thể mình cả và chỉ nhớ đến khi trong đêm tối, Matthew đặt hai bàn tay lên bụng tôi lặng lẽ lắng nghe những dấu hiệu của sự sống mới này.

“Anh không thể chịu nổi khi nghĩ đến em trong hoàn cảnh nguy hiểm.” Matthew kéo tôi vào vòng tay anh. “Hãy cẩn thận, ma lionne,” anh thì thầm trên tóc tôi.

“Em sẽ cẩn thận. Em hứa đấy.”

“Em sẽ không nhận ra nguy hiểm nếu nó đến với em cùng một lời mời thân thiện.” Anh kéo người ra xa để có thể nhìn sâu vào mắt tôi. “Chỉ cần nhớ: Ma cà rồng không giống loài máu

nóng. Đừng đánh giá thấp cách bọn anh có thể gây chết người như thế nào.”

Lời cảnh cáo của Matthew vang vọng và kéo dài thật lâu sau khi anh thốt ra. Tôi nhận ra mình quan sát các ma cà rồng khác trong nhà để tìm những dấu hiệu nhỏ cho thấy họ đang nghĩ đến chuyện di chuyển, hay họ đang đói hoặc mệt mỏi, bồn chồn hoặc chán nản. Các dấu hiệu thật khó thấy và rất dễ bỏ lỡ. Khi Annie đi ngang qua Gallowglass, hai mí mắt anh chàng hạ xuống, che lấp biểu lộ thèm thuồng, nhưng nó kết thúc nhanh đến nỗi, tôi đã nghĩ mình tưởng tượng ra nó, cũng như có thể tôi đã tưởng tượng ra cánh mũi phập phồng của Hancock khi một nhóm sinh vật máu nóng đi qua dưới phố.

Tuy nhiên, tôi không tưởng tượng ra những khoản chi phí giặt là cho việc làm sạch máu trên quần áo của họ. Gallowglass và Hancock đang săn bắt và kiếm ăn trong thành phố, mặc dù Matthew không tham gia cùng họ. Anh tự giới hạn bản thân trong những thứ Françoise có thể kiếm về được từ chỗ những người bán thịt.

Chiều thứ hai, khi Annie và tôi tới chỗ Mary theo thông lệ, tôi cảnh giác với mọi chuyện xung quanh hơn hẳn hồi mới đến đây. Lần này, tôi không còn thưởng thức miệt mài những chi tiết của cuộc sống ở thời Elizabeth nữa, mà phán đoán chắc chắn xem chúng tôi có đang bị theo dõi hay đeo bám không. Tôi giữ Annie an toàn trong tầm tay, còn Pierre giữ chặt Jack. Chúng tôi rút ra được bài học khó khăn đó, rằng đây là hy vọng duy nhất để có thể giữ thẳng bé khỏi “tắt mắt”, như cách Hancock gọi. Bất chấp những nỗ lực của chúng tôi, Jack vẫn xoay sở để phạm vào một cơ sở những hành động trộm cắp vặt. Matthew đã lập ra một gia quy mới nhằm cố gắng áp chế nó. Jack phải dốc sạch túi quần áo mỗi tối và thú nhận làm cách nào nó tình cờ có được những món đồ sáng bóng khác thường đó. Thế nhưng việc ấy chẳng làm chùn bước các hoạt động của thằng nhỏ.

Cứ nhìn vào những ngón tay nhẹ bẫng của thằng bé thì Jack quả là không đáng tin khi ở trong ngôi nhà đầy đủ tiện nghi của Nữ Bá tước Pembroke. Annie và tôi đành tách khỏi Pierre và Jack, vẽ mặt cô bé sáng rỡ lên trước viễn cảnh được tán chuyện dài dài với cô hầu gái của Mary - Joan cùng vài giờ tự do thoát khỏi sự đeo bám không mong muốn của Jack.

“Diana!” Mary hét lên khi tôi bước qua ngưỡng cửa phòng thí nghiệm của cô. Bất kể tôi bước vào đó bao nhiêu lần, nơi này chưa bao giờ thôi khiến tôi kinh ngạc tới ghê tởm cả, với những bức tranh rực rỡ trên tường, minh họa cách làm đá tạo vàng. “Đến đây nào, tôi có thứ này cho cô xem.”

“Cái này là sự ngạc nhiên của cô ư?” Mary cho rằng, cô ấy sẽ làm tôi vui sướng với một màn trình diễn thành thạo về thuật giả kim.

“Đúng thế,” Mary đáp và kéo cuốn sổ ghi chép trên bàn. “Nhìn này, giờ là ngày 18 tháng Một, và tôi bắt đầu công việc vào ngày 9 tháng Mười Hai. Nó mất đúng bốn mươi ngày – y như các nhà hiền triết đã hứa hẹn.”

Bốn mươi là một con số quan trọng trong thuật giả kim và Mary hẳn đã thực hiện rất nhiều lần thí nghiệm này. Tôi nhìn lướt qua các ghi chép thí nghiệm của cô và cố gắng tìm hiểu xem cô ấy đang làm gì. Hai tuần qua, tôi đã học lỏm được cách viết tốc ký cùng các biểu tượng mà cô ấy dùng cho vô số các kim loại và vật chất. Nếu tôi hiểu đúng thì cô ấy bắt đầu quá trình này với một ounce bạc hòa tan trong cường thủy – thứ “nước mạnh” của các nhà giả kim thuật, được biết đến trong thời đại của tôi dưới cái tên axit nitric. Mary cho thêm nước cất vào thứ này.

“Có phải đây là cách cô đánh dấu thủy ngân không?” Tôi hỏi, chỉ vào một nét khắc lạ.

“Đúng thế – nhưng chỉ thủy ngân tôi lấy được từ nguồn tốt nhất ở Đức thôi.” Mary chỉ tiền

không tiếc tay khi nó liên quan đến phòng thí nghiệm của cô ấy, các chất hóa học hoặc dụng cụ thí nghiệm. Cô ấy kéo tôi tới trước một ví dụ khác mà cô ấy đã yêu cầu chất lượng với bất cứ giá nào: một chiếc bình cổ hẹp lớn bằng thủy tinh. Nó trong như pha lê và không có một điểm nào không hoàn hảo. Điều đó có nghĩa là nó đến từ Venice. Thủy tinh làm ở vùng Sussex của nước Anh thường bị hỏng bởi những bọt tăm nhỏ và các vết đen mờ. Nữ bá tước Pembroke thích đồ của Venice hơn – và bà có thể trang trải cho nó.

Khi nhìn thấy thứ ở bên trong, tôi có cảm giác rung mình kinh ngạc.

Một cái cây bạc phát triển từ một hạt giống nhỏ dưới đáy chiếc bình. Các nhánh mọc ra từ thân cây, đâm chĩa ra tứ phía lấp đầy phần trên bình bằng những sợi bạc lấp lánh. Các hạt nhỏ li ti ở đầu các nhánh cây khiến ta liên tưởng tới quả của nó, như thể cái cây này đã kết trái chín và sẵn sàng cho vụ thu hoạch.

“Cây Dianæ,” Mary tự hào nói. “Dường như Chúa đã tạo cảm hứng cho tôi làm ra nó để chào mừng cô. Tôi đã cố thử trồng cái cây này trước đây, nhưng nó chưa bao giờ bén rễ cả. Không ai nhìn thấy một thứ như thế này mà lại có thể nghi ngờ về tính chân thật và sức mạnh của thuật giả kim.”

Cây của Diana là sự vật có thể nhìn thấy được. Nó tỏa ánh lấp lánh và lớn lên ngay trước mắt tôi, trở ra những chồi non mới lấp đầy khoảng không gian còn lại trong chiếc bình. Nó chẳng là gì hơn một hỗn hợp bạc kết tinh hình cây, một mớ kim loại chuyển thành thứ trông giống một quá trình phát triển thực vật. Điều đó đã làm giảm đi đôi chút băn khoăn của tôi.

Ở bức tường đối diện có hình con rồng ngồi trên một cái bình – tương tự với cái bình mà Mary đã dùng để làm nhà cho cây Dianæ. Con rồng ngậm cái đuôi và những giọt máu của nó rơi vào thứ chất lỏng màu bạc bên dưới. Tôi nhìn hình ảnh kế tiếp trong loạt tranh này: chú chim của thần Hermes – nó bay về phía hôn lễ hóa học. Chú chim gợi tôi nhớ tới hình ảnh minh họa của đám cưới trong cuốn Ashmole 782.

“Tôi nghĩ có thể phát minh ra một phương pháp mới, nhanh chóng hơn, để đạt được cùng một kết quả như thế,” Mary nói, kéo lại sự chú ý của tôi. Cô ấy rút cây bút lông từ trên búi tóc, để lại một vết bẩn ở vành tai. “Cô nghĩ hình ảnh gì sẽ hiện ra, nếu chúng ta làm đầy bạc trước khi hòa tan nó vào cường thủy?”

Chúng tôi dành một buổi chiều để bàn luận thoải mái về các phương pháp mới tạo ra cây Dianæ, nhưng nó trôi qua quá nhanh.

“Tôi sẽ gặp cô vào thứ Năm nhé?” Mary hỏi.

“Tôi e là đã có một cái hẹn khác rồi,” tôi nói. Goody Alsop mong tôi sẽ có mặt ở chỗ bà ấy trước khi mặt trời lặn.

Gương mặt Mary xịu xuống. “Vậy thứ Sáu?”

“Thứ Sáu nhé,” Tôi đồng ý.

“Diana à,” Mary ngập ngừng gọi, “cô khỏe chứ?”

“Khỏe mà,” tôi ngạc nhiên đáp. “Tôi có vẻ ốm à?”

“Trông cô xanh xao và mệt mỏi đấy,” Mary thừa nhận. “Giống như hầu hết các bà mẹ, tôi thiên về... Ôi.” Mary đột ngột ngừng lại và khuôn mặt chuyển sang ửng hồng rạng rỡ. Ánh mắt cô hạ xuống bụng tôi, rồi lại bay trở lại khuôn mặt tôi. “Cô đang có em bé.”

“Tôi sẽ có rất nhiều câu hỏi dành cho cô vào vài tuần tới đấy,” tôi nói, cầm lấy tay Mary và siết chặt lấy.

“Cô có bao lâu rồi?” Mary hỏi.

“Chưa lâu lắm,” tôi đáp, thận trọng giữ cho câu trả lời của mình mập mờ một chút.

“Nhưng đứa bé không thể là của Matthew. Wearh không thể làm cha một đứa trẻ.” Mary nói và đưa tay lên chống bên má vẽ bấn khoắn. “Matthew chào đón đứa bé này, cho dù nó không phải của anh ấy chứ?”

Mặc dù Matthew đã cảnh báo trước cho tôi rằng, mọi người sẽ mặc định đứa bé thuộc về một người đàn ông khác, nhưng chúng tôi vẫn chưa bàn cách trả lời như thế nào. Tôi đành phải vụng chèo khéo chống thôi.

“Anh ấy coi nó như máu mủ của chính mình,” tôi nói một cách chắc chắn. Câu trả lời của tôi dường như chỉ làm tăng thêm mối bận tâm của cô ấy.

“Cô thật may mắn vì Matthew quá vị tha mỗi khi chuyện liên quan đến việc bảo vệ những người cần được che chở. Và cô – cô có thể yêu thương đứa bé dù nó đến trái ngược với mong muốn của cô không?”

Mary nghĩ tôi bị cưỡng bức – và có lẽ Matthew đã cưới tôi chỉ để che chở cho tôi khỏi nỗi sỉ nhục, khi mang thai mà còn độc thân.

“Đứa bé vô tội. Tôi không thể từ chối yêu thương nó.” Tôi cẩn thận vừa không phủ nhận cũng không khẳng định những nghi ngờ của Mary. May mắn thay, cô ấy thỏa mãn với câu trả lời của tôi và theo đúng tính cách, không thăm dò xa hơn nữa. “Như cô có thể hình dung đấy,” tôi nói thêm, “chúng tôi thiết tha muốn giữ kín tin này càng lâu càng tốt.”

“Dĩ nhiên rồi,” Mary đồng ý. “Tôi sẽ bảo Joan làm cho cô một chiếc bánh trứng mềm, nó tốt cho máu nhưng cũng rất êm ái đối với dạ dày, nếu ăn vào ban đêm trước khi đi ngủ. Nó đã giúp tôi rất nhiều trong lần mang thai cuối và dường như làm giảm những cơn ốm nghén của tôi vào buổi sáng.”

“Tôi thật may phước vì chưa bị thế,” tôi nói trong lúc đeo găng tay. “Matthew đã báo trước với tôi là tình trạng ấy sẽ xuất hiện bất cứ khi nào.”

“Hừm,” Mary trầm ngâm. Mặt cô thoáng tối lại. Tôi cau mày tự hỏi, giờ điều gì đang làm cô ấy lo lắng. Nhưng cô ấy đã thấy vẻ mặt tôi và mỉm cười rạng rỡ. “Cô nên tránh mệt mỏi. Khi cô đến đây vào thứ Sáu, cô không được phép đứng quá lâu mà hãy ngồi thoải mái trên một chiếc ghế đẩu, trong khi chúng ta làm việc.” Mary sờ sờ chiếc áo choàng không tay của tôi. “Hãy tránh không khí ẩm lạnh. Và bảo Françoise đắp thuốc cho hai bàn chân cô nếu chúng bắt đầu phù lên. Tôi sẽ gửi công thức làm món bánh trứng và cho một người lái thuyền đưa cô về Hẻm Water nhé?”

“Chỉ mất có năm phút đi bộ thôi mà!” Tôi bật cười phản đối. Cuối cùng Mary cũng để tôi đi bộ về, nhưng chỉ sau khi tôi cam đoan với cô ấy là sẽ tránh không chỉ không khí ẩm ướt lạnh lẽo, mà còn cả nước lạnh và những tiếng ồn lớn nữa.

Tối đó, tôi mơ thấy mình ngủ dưới thân một cái cây mọc lên từ tử cung của tôi. Những cành cây che chắn cho tôi khỏi ánh trăng, trong khi tít trên cao một con rồng bay xuyên qua màn đêm. Khi tới mặt trăng, đuôi con rồng cuộn tròn, cuốn quanh vầng trăng và thiên thể bằng bạc ấy biến thành màu đỏ.

Tôi tỉnh giấc trên chiếc giường trống trải và tấm chăn đầm máu.

“Françoise!” Tôi hét lên, cảm thấy một cơn co thắt đột ngột.

Matthew lao đến thay vì Françoise. Khi đến bên cạnh tôi, cái nhìn kinh hoàng và mất mát trên

gương mặt anh càng khẳng định nỗi sợ hãi trong lòng tôi.

“Tất cả chúng ta đều đã mất những đứa bé mà, Diana,” Goody Alsop buồn bã nói. “Đó là nỗi đau mà hầu hết phụ nữ đều phải trải qua.”

“Tất cả ư?” Tôi nhìn quanh căn phòng sinh hoạt chung của Goody Alsop, trong cuộc tụ họp của các phù thủy khu Garlickhythe.

Những câu chuyện ồn ào bắt đầu vang lên, về những đứa bé mất trong khi sinh và những đứa khác chết khi được sáu tháng hoặc sáu năm. Tôi không biết bất cứ người đàn bà nào đã sảy thai. Tôi cũng không nghĩ mình phải chịu điều đó. Có phải một trong những người bạn của tôi đã chịu đựng nỗi mất mát này mà tôi không hề biết gì không?

“Cô còn trẻ và khỏe mạnh,” Susanna nói. “Không có lý do gì để cho rằng cô không thể thụ thai một đứa con khác.”

Không có lý do nào cả, ngoại trừ thực tế là chồng tôi sẽ không chạm vào tôi lần nữa, cho tới khi nào chúng tôi quay trở về vùng đất có thể kiểm soát sinh nở và theo dõi việc thụ thai.

“Có lẽ thế,” tôi nói kèm theo một cái nhún vai vô thưởng vô phạt.

“Ông Roydon đâu rồi?” Goody Alsop lặng lẽ nói. Bóng hờn của bà lão lượn quanh phòng khách. Hình như nó nghĩ, có thể tìm thấy anh ấy ngồi bên bệ cửa sổ hay trên nóc tủ ly vậy.

“Ra ngoài làm việc rồi ă,” tôi nói, kéo chiếc khăn quàng đi mượn chặt hơn vào người. Chiếc khăn của Susanna, nó có mùi giống đường cháy và hoa chamomile, giống y như con người bà ấy.

“Tôi nghe nói anh ta ở sảnh Middle Temple cùng với Christopher Marlowe tối qua, họ đang theo một trò chơi và đổ hết tiền vào đó.” Catherine đưa hộp mút quả mà bà mang đến cho Goody Alsop.

“Đàn ông bình thường có thể tiêu tụy và héo mòn khủng khiếp vì mất đi một đứa con. Tôi không ngạc nhiên khi wearh thấy chuyện đó thật sự khó khăn. Rốt cuộc thì bọn họ đều rất có tính chiếm hữu mà.” Goody Alsop với lấy một thứ gì đó màu đỏ dạng sền sệt từ trong hộp mút. “Cảm ơn bà, Catherine.”

Mấy phụ nữ chờ đợi trong yên lặng. Họ hy vọng tôi sẽ đón lời mời mọc thận trọng của Goody Alsop và Catherine để kể cho họ nghe rằng Matthew và tôi đang ở trong tình trạng thế nào.

“Anh ấy sẽ tốt thôi,” tôi nói nhanh.

“Anh ta nên ở đây,” Elizabeth lạnh lùng nói. “Tôi không thấy có lý do nào để sự mất mát của anh ta đau đớn hơn so với cô!”

“Bởi vì Matthew đã chịu đựng một trái tim tan vỡ cả nghìn năm rồi, còn tôi chỉ mới ba mươi ba năm,” tôi nói, giọng tôi cũng lạnh lùng không kém. “Anh ấy là wearh, Elizabeth ạ. Tôi có ước anh ấy ở đây hơn ở ngoài kia với Kit không? Dĩ nhiên là có. Tôi sẽ van xin anh ấy ở lại Hươu Đực và Vương Miện vì lợi ích của tôi ư? Tuyệt đối không.” Giọng tôi cao dần lên cùng với nỗi đau và sự tuyệt vọng dâng tràn. Matthew vẫn luôn ngọt ngào và dịu dàng với tôi. Anh đã an ủi khi tôi đối mặt với hàng trăm giấc mơ mong manh về một tương lai bị hủy diệt khi đánh mất đứa con của chúng tôi.

Anh ấy đang dành thời gian ở một nơi nào khác mới là điều tôi quan tâm.

“Lý trí mách bảo tôi rằng, Matthew phải có cơ hội được đau khổ theo cách riêng của anh ấy,” tôi nói. “Trái tim lại bảo, anh ấy yêu tôi cho dù lúc này anh ấy thích được ở bên bạn bè hơn. Tôi chỉ ước sao anh ấy có thể chạm vào tôi mà không hối hận.” Tôi có thể cảm thấy sự hối hận ấy mỗi khi anh ấy nhìn tôi, ôm tôi rồi nắm tay tôi. Điều đó thật không thể chịu đựng nổi.

“Tôi xin lỗi, Diana à,” Elizabeth nói với gương mặt đầy vẻ hối lỗi.

“Ổn cả mà,” tôi cam đoan với bà.

Nhưng nó không hề ổn tẹo nào. Có cảm giác cả thế giới này thật bất đồng và sai trái, những màu sắc quá chói sáng, những âm thanh quá lớn khiến tôi nhảy dựng lên. Toàn thân trống rỗng, cho dù tôi có cố gắng đọc bao nhiêu đi nữa, từ ngữ cũng chẳng thể nào giữ cho tôi tập trung được.

“Chúng tôi sẽ gặp cô vào ngày mai, như đã định,” Goody Alsop nói nhanh khi các phù thủy rời đi.

“Ngày mai ư?” Tôi cau mày. “Tôi không có tâm trạng nào để làm phép đâu, Goody Alsop.”

“Tôi không thể nhắm mắt xuôi tay nếu không trông thấy cô dệt nên câu thần chú đầu tiên. Vậy nên tôi sẽ đợi cô khi tiếng chuông điểm sáu giờ.”

Đêm hôm đó, tôi cứ nhìn đăm đăm vào ánh lửa trong lò sưởi, khi chuông điểm sáu tiếng, bảy, tám, chín, rồi mười tiếng. Khi chuông điểm ba tiếng, tôi nghe thấy một âm thanh vang lên trên các bậc thang. Nghĩ rằng đó là Matthew, tôi đi ra cửa. Cầu thang vắng tanh, nhưng có một bó đồ được đặt trên bậc thang: một chiếc quần soóc dành cho trẻ còn ẩm ngửa, một nhánh cây nhựa ruồi và một tờ giấy vụn xoắn lại ghi tên một người đàn ông trên đó. Tôi ngồi xuống một bậc thang mòn trơ ra, gom tất cả chúng vào lòng và siết chặt chiếc khăn quàng quanh mình.

Tôi vẫn còn đang cố đoán xem những món đồ tặng này có ý nghĩa gì và làm sao chúng tới được đây thì Matthew lao vọt lên các bậc cầu thang không một tiếng động. Anh dừng khựng lại.

“Diana.” Anh đưa mu bàn tay lên quệt ngang miệng, mắt anh xanh lục và trong vắt như mặt hồ không gợn sóng.

“Ít nhất anh sẽ ăn khi ở bên cạnh Kit,” tôi nói trong lúc đứng lên. “Thật tốt khi biết rằng, tình bạn của anh còn có nhiều thứ hơn là thơ ca và cờ quạt.”

Matthew nhắc bàn chân đi bốt lên bậc thang tôi đang đứng. Anh dùng đầu gối ép tôi vào sát tường, chặn giữ tôi hoàn toàn. Hơi thở của anh ngọt lịm và thoảng mùi tanh kim loại.

“Anh sẽ căm ghét bản thân mình vào buổi sáng đấy,” tôi bình tĩnh nói, quay đầu tránh đi. Tôi biết tốt hơn hết là làm thế, thay vì chạy đi khi vị máu vẫn còn trên môi anh. “Đáng lẽ Kit phải giữ anh lại bên cạnh cho tới khi liều thuốc hết tác dụng. Không phải tất cả máu ở London này đều có thuốc phiện trong đó chứ?” Đây đã là đêm thứ hai liên tiếp Matthew ra ngoài với Kit và về nhà trong trạng thái phê thuốc thế này.

“Không phải tất cả,” Matthew rên khẽ, “nhưng đó là cách dễ dàng nhất để trải qua chuyện này.”

“Những thứ này là cái gì?” Tôi giơ chiếc quần soóc, nhánh nhựa ruồi và cuộn giấy lên.

“Chúng là dành cho em,” Matthew nói. “Có nhiều món hơn thế đến hàng đêm. Pierre và anh thu thập chúng trước khi em thức dậy.”

“Chuyện này bắt đầu từ khi nào?” Tôi không còn tự tin để nói gì thêm nữa.

“Từ tuần trước – tuần em gặp hội đồng Rede ấy. Hầu hết là những lời thỉnh cầu giúp đỡ. Vì em – từ thứ Hai đã có những món quà dành cho em rồi.” Matthew chìa bàn tay ra. “Anh sẽ lo vụ này.”

Tôi đặt tay mình lên tim. “Chỗ còn lại đâu rồi?”

Miệng Matthew mím chặt lại, nhưng anh vẫn chỉ cho tôi chỗ anh đang cất giấu chúng – trong một chiếc hộp ở góc mái, được nhét dưới gầm cái ghế băng. Tôi xem lướt các thứ đựng bên trong. Mấy thứ này không hiểu sao khá giống những món Jack lôi từ trong túi ra mỗi tối: khay áo, những mẩu ruy băng, một mảnh bát đĩa bằng sành, cũng có cả những mớ tóc và hàng tá mẩu giấy viết những cái tên nguệch ngoạc. Mặc dù chúng hầu như vô hình trước mắt người thường, nhưng tôi có thể trông thấy những sợi dây tua tủa, treo lủng lẳng ở mỗi món báu vật này. Tất cả đều đang đợi được buộc lại, liên kết với nhau, hoặc không thì cũng vá vúi lại.

“Đây là những yêu cầu làm phép.” Tôi ngược lên nhìn Matthew. “Anh không nên giấu em chuyện này.”

“Anh không muốn em trình diễn làm phép cho mọi sinh vật trong thành phố London này,” Matthew nói, mắt anh tối thẫm lại.

“Thế à, em cũng chẳng muốn anh ra ngoài ăn mỗi tối trước khi đi uống rượu với bạn bè! Nhưng anh là ma cà rồng, vậy nên đó là điều thỉnh thoảng anh cần phải làm,” tôi vặn lại. “Em là phù thủy, Matthew ạ. Những yêu cầu giống thế này phải được xử lý cẩn thận. Sự an toàn của em phụ thuộc vào những mối quan hệ với láng giềng của chúng ta. Em không thể đi ăn trộm thuyền giống như Gallowglass hay găm gù với mọi người được.”

“Milord.” Pierre đứng ở đầu kia góc mái, nơi một cái thang hẹp vắn xoắn dẫn xuống lối ra ẩn phía sau những cái máng giặt khổng lồ của các bà thợ giặt.

“Gì cơ?” Matthew mất kiên nhẫn quát lên.

“Agnes Sampson đã chết.” Pierre trông có vẻ sợ hãi. “Họ đưa bà ta tới Castlehill ở Edingburgh vào Chủ Nhật, thắt cổ bà ta sau đó hỏa thiêu.”

“Chúa ơi.” Matthew tái nhợt đi.

“Hancock nói bà ta đã chết hoàn toàn trước khi củi được châm lửa. Bà ta sẽ không cảm thấy gì cả,” Pierre nói tiếp. Đó là một đặc ân nho nhỏ mà không phải lúc nào một phù thủy bị kết án cũng được ban cho. “Họ từ chối không đọc thư của ngài, milord. Hancock được bảo rằng, hãy để mặc chuyện chính trị của người Scot cho vua Scot, nếu không, họ sẽ đóng đinh anh ta khi anh ta ló mặt ở Edingburgh lần sau.”

“Tại sao ta không thể sửa chữa chuyện này chứ?” Matthew bùng nổ giận dữ.

“Vây hóa ra không chỉ chuyện mất đứa bé khiến anh hướng tới sự tối tăm ở Kit. Anh cũng đang trốn tránh các sự kiện xảy ra ở Scotland.”

“Cho dù anh cố gắng để làm điều đúng dẫn đến mức nào dường như cũng không thể phá vỡ cục diện đáng nguyên rủa này,” Matthew nói. “Trước đây, với tư cách là đặc vụ của nữ hoàng, anh đã hài lòng trước những vấn đề rắc rối ở Scotland. Với tư cách là thành viên Đại Hội đồng, anh coi cái chết của Sampson là một cái giá chấp nhận được để trả cho việc duy trì tình trạng cân bằng này. Nhưng giờ...”

“Giờ anh đã cưới một phù thủy,” tôi nói. “Và mọi thứ có vẻ đều khác trước.”

“Đúng thế. Anh bị kẹt giữa những điều anh từng tin tưởng và những gì giờ đây anh tha thiết muốn nắm giữ nhất, những điều có thời anh từng tự hào bảo vệ như tín điều và tầm trọng đại

của những gì anh không còn biết rõ nữa.”

“Tôi sẽ trở vào thành phố,” Pierre nói và quay ra cửa. “Có thể còn khám phá thêm nhiều chuyện khác nữa.”

Tôi ngẩng nhìn gương mặt mệt mỏi của Matthew. “Anh không thể mong đợi hiểu được tất cả các tấn bi kịch cuộc đời, Matthew ạ. Em cũng ước gì chúng mình vẫn còn có đứa con. Và em biết ngay lúc này đây, điều đó dường như là vô vọng, nhưng không có nghĩa là chẳng còn tương lai để chúng ta hướng tới – một tương lai mà nơi đó con cái và gia đình chúng ta được an toàn.”

“Một lần sảy thai sớm trong quá trình mang thai gần như luôn là dấu hiệu cho thấy có dị tật di truyền làm cho bào thai không thể sống sót được. Nếu chuyện đó xảy ra một lần...” Tiếng anh lịm dần đi.

“Có những dị tật di truyền không làm tổn hại đến đứa bé,” tôi chỉ ra. “Lấy em làm ví dụ đây này.” Tôi chính là một quái vật dị thường, với các cặp DNA không tương xứng.

“Anh không thể chịu đựng được việc mất một đứa con nào nữa, Diana ạ. Anh chỉ... không thể.”

“Em biết mà.” Tôi mệt lử đến tận xương cốt và chỉ muốn có một giấc ngủ lãng quên như anh thôi. Tôi không bao giờ biết mặt đứa con của mình như anh biết Lucas và nỗi đau này vẫn không thể nào chịu nổi. “Em phải có mặt ở nhà Goody Alsop vào sáu giờ tối nay.” Tôi ngược lên nhìn anh. “Anh sẽ lại ra ngoài với Kit à?”

“Không,” Matthew khẽ nói. Anh hôn lướt lên môi tôi đầy vẻ hối tiếc. “Anh sẽ đi cùng em.”

Matthew quả thực làm đúng như lời anh nói, tháp tùng tôi tới chỗ Goody Alsop rồi đi tới quán Con Ngỗng Vàng với Pierre. Bằng phương thức lịch thiệp nhất có thể, các phù thủy giải thích rằng wearh không được chào đón. Việc đưa một thợ dệt trải qua bước thần chú đệm an toàn yêu cầu huy động một nguồn năng lượng phép thuật siêu nhiên rất lớn. Wearh sẽ chỉ làm cản trở mà thôi.

Dì Sarah của tôi chắc sẽ hết sức chú ý vào cách Susanna và Marjorie tạo vòng tròn thiêng. Một số vật chất và dụng cụ khác họ dùng là quen thuộc – như muối họ rắc trên ván sàn để thanh tẩy không gian – nhưng những thứ khác thì không. Đồ nghề phù thủy của dì Sarah gồm hai con dao nhỏ (một có tay cầm màu đen còn con kia màu trắng), cuốn bí kíp của nhà Bishop cùng vô số các loại thảo dược và cây cỏ. Các phù thủy thời Elizabeth cần nhiều đồ vật phong phú và đa dạng hơn để thực hành phép thuật, bao gồm cả những cây chổi nữa. Tôi chưa bao giờ trông thấy phù thủy cùng với một cây chổi, ngoại trừ trong lễ Halloween, khi bọn họ đang làm lễ de rigueur, đi cùng những chiếc mũ chóp nhọn.

Mỗi phù thủy của nhóm Garlickhythe mang theo một cây chổi đặc biệt của riêng mình tới nhà Goody Alsop. Cây chổi của Marjorie rất thời trang, làm từ các nhánh cây anh đào. Trên đỉnh cán chổi, còn được chạm khắc hình trang trí và biểu tượng. Thay vì các sợi rế như bình thường, Marjorie đã buộc những cây thảo dược khô và những cành non vào thân chính một thân cây chĩa ba thành những cành khẳng khiu. Bà bảo tôi rằng, các cây thảo dược này rất quan trọng đối với phép thuật của bà – cỏ long nha để phá bùa yểm, hoa cúc với những bông màu trắng và vàng dùng làm thuốc để đi kèm với năng lực bảo hộ, vế vững chắc của những chiếc lá hương thảo màu lục xám dùng để thanh tẩy và làm sạch. Chiếc chổi của Susanna được làm từ cây du, vốn là biểu tượng của các giai đoạn trong cuộc đời, từ khi sinh ra cho tới lúc chết đi và liên quan tới chuyên môn của bà, với tư cách là một bà đỡ. Vì thế, chiếc chổi cũng vậy, nó có một bó thực vật được buộc ở phía đầu, những chiếc lá lưỡi răn xanh non mơn mớn dành để chữa lành vết thương, những bông cúc trắng thiên về năng lực bảo vệ, những chiếc lá có bông của cây cúc bạc giúp cho sức khỏe tốt.

Marjorie và Susanna cẩn thận quét muối theo chiều kim đồng hồ cho tới khi những hạt muối nhỏ trải đều khắp từng centimet trên khắp sàn. Marjorie giải thích muối không chỉ tẩy sạch không gian mà còn làm nền cho sức mạnh của tôi không bị tràn ra thế giới một khi nó được cõi trời hoàn toàn.

Goody Alsop phong kín cửa sổ, cửa ra vào – thậm chí cả ống khói. Những hồn ma trong ngôi nhà được cho lựa chọn, tránh đi ở giữa các thanh rầm trên mái nhà hoặc tìm một chỗ trú ẩn tạm thời nơi gia đình sống ở nhà dưới. Các hồn ma không muốn bị lỡ mất bất cứ điều gì, và có hơi ghen tỵ với các bóng hồn, kẻ chẳng có lựa chọn nào khác ngoài việc ở bên cạnh các bà chủ, nhẹ nhàng di chuyển quanh các thanh xà, bàn tán xem liệu có cư dân nào ở phố Newgate có được một khắc yên bình vào lúc này, khi bóng ma ám ảnh của nữ hoàng Isabella thời Phục Hưng cùng kẻ giết người mang tên Phu nhân Agnes Hungerford đã quay lại cái vĩa ảm ỉ.

Elizabeth và Catherine trấn an tâm trạng bồn chồn lo lắng của tôi – và tránh các chi tiết khủng khiếp về những hành động khủng khiếp cùng cái chết của phu nhân Agnes – bằng cách chia sẻ về các cuộc phiêu lưu phép thuật xưa kia của họ rồi tìm hiểu những chuyến phiêu lưu của chính tôi. Elizabeth bị ấn tượng bởi cách tôi dẫn dòng nước chảy bên dưới vườn trái cây của dì Sarah, hút nó lên lòng bàn tay mình tạo thành từng giọt nối tiếp nhau. Còn Catherine sững mê khi nghe tôi kể về cây cung và mũi tên nặng trĩch như thế nào trong hai bàn tay tôi ngay trước lúc lửa phù thủy phóng ra.

“Trăng lên rồi,” Marjorie nói, khuôn mặt tròn vành vạnh của bà ửng hồng lên cùng với vẻ dè chừng. Các cánh cửa chớp được đóng lại, nhưng không ai trong các phù thủy hỏi han gì bà.

“Đến giờ rồi đấy,” Elizabeth thúc giục mạnh mẽ.

Mỗi phù thủy đi từ góc này tới góc kia căn phòng, bẻ một nhánh non từ cây chổi của mình xuống và đặt nó vào đó. Nhưng không chất thành những đống lộn xộn, họ sắp xếp các nhánh cây non chồng lên nhau và tạo thành một ký hiệu, ngôi sao năm cánh của phù thủy.

Goody Alsop và tôi tiến tới vị trí của mình ở chính giữa vòng tròn. Mặc dù không nhìn thấy được ranh giới của nó, nhưng điều đó sẽ thay đổi khi các phù thủy khác chiếm lấy vị trí đặt trước của họ. Khi họ đã vào đúng chỗ, Catherine lẩm nhẩm đọc một câu thần chú và một đường lửa vòng cung di chuyển từ phù thủy này sang phù thủy kia, bao kín vòng tròn.

Sức mạnh dâng lên giữa tâm vòng tròn. Goody Alsop đã báo cho tôi biết rằng, những gì chúng tôi đang làm tối nay là cầu khẩn những phép thuật cổ xưa. Rất nhanh, làn sóng năng lượng bùng lên ấy bị thế chỗ bởi một cảm giác râm ran, bút rứt, vỗ nhẹ, giống như hàng nghìn cái liếc nhìn của phù thủy.

“Hãy nhìn quanh cô bằng con mắt của phù thủy đi,” Goody Alsop nói, “và nói cho ta biết cô thấy gì.”

Khi con mắt thứ ba của tôi mở ra, tôi hơi mong đợi trông thấy chính không khí kia cũng chuyển hóa thành sự sống, mọi phân tử đều tràn đầy năng lực. Thay vào đó, căn phòng lại tràn đầy những sợi tơ phép thuật.

“Những sợi chỉ tơ,” tôi nói, “như thể thế giới này chẳng hơn gì một tấm thảm thêu.”

Goody Alsop gật đầu. “Cô là một thợ dệt bị ràng buộc với thế giới xung quanh và thấy nó trong hình dáng những sợi tơ cùng sắc màu. Trong khi có một vài nút thắt kiểm chế sức mạnh phép thuật của cô, thì cũng có những thứ khác hướng sức mạnh trong máu cô tới bốn nguyên tố tự nhiên và những bí ẩn vĩ đại nằm ẩn dưới chúng.”

“Nhưng tôi không biết làm cách nào để bảo chúng tách ra.” Hàng trăm sợi tơ cọ xát vào váy áo trên người tôi.

“Cô sẽ nhanh chóng kiểm nghiệm được chúng thôi, giống như chim non thử bay bằng đôi cánh của nó, để khám phá những điều bí mật chúng dành cho cô. Giờ thì chúng ta sẽ chỉ đơn giản là cắt chúng đi thôi, để cho chúng có thể quay lại cõi trời cho cô. Khi tôi cắt các sợi tơ, cô phải kháng cự lại cảm giác thôi thúc muốn nắm lấy sức mạnh quanh mình. Bởi vì là một thợ dệt, cô sẽ muốn hàn gắn lại những gì bị phá vỡ. Hãy mặc các ý nghĩ được tự do và để đầu óc trống rỗng. Hãy để cho sức mạnh đó tự hành động.”

Goody Alsop thả cánh tay tôi ra và bắt đầu dệt câu thần chú của bà với những âm thanh nghe không giống như đang nói ra nhưng lại quen thuộc đến lạ kỳ. Mỗi lời thốt ra, tôi lại trông thấy những sợi chỉ nhỏ bé sà xuống quanh người và xoáy tròn. Một tiếng gầm thét bên tai tôi. Như một mệnh lệnh, hai cánh tay tôi tuân theo âm thanh kia, nâng lên và duỗi thẳng ra, cho tới khi tôi đứng đúng ở tư thế hình chữ T mà Matthew đã đặt tôi đứng trong nhà Bishop khi tôi rút nước từ dưới mặt đất ở vườn ăn trái cũ của dì Sarah.

Các sợi tơ phép thuật – tất cả đều là những sợi chỉ đầy sức mạnh mà tôi có thể mượn nhưng không thể nắm giữ – chúng trườn trở về phía tôi như thể được làm từ vụn sắt, còn tôi chính là một thỏi nam châm. Khi chúng đến nằm trong hai bàn tay, tôi phải vật lộn chống lại sự thôi thúc muốn nắm tay lại. Khao khát muốn làm điều đó thật quá mạnh mẽ, đúng như Goody Alsop đã dự đoán trước, nhưng tôi để cho chúng trượt trên da mình như những sợi ruy băng bằng sa tanh trong câu chuyện mẹ tôi đã kể ngày bé.

Mọi chuyện diễn ra như Goody Alsop đã nói. Nhưng không ai tiên đoán được những gì có thể xảy ra khi sức mạnh của tôi thành hình, và các phù thủy đứng xung quanh vòng tròn cố gắng chống trụ bản thân khi gặp phải điều không biết rõ. Goody Alsop đã cảnh báo tôi rằng, không phải mọi thợ dệt đều tạo được hình bóng hồn thân thuộc tùy thân trong câu thần chú đệm, vậy nên tôi không trông mong nó xuất hiện. Nhưng cuộc đời tôi trong mấy tháng qua đã dạy tôi rằng, những gì không mong đợi lại thường có khả năng hay xảy ra khi có mặt tôi.

Tiếng gầm thét dữ dội hơn và bầu không khí bị khuấy động. Một quả cầu năng lượng xoáy tròn, treo lơ lửng thẳng hướng trên đầu tôi. Nó rút sức mạnh từ căn phòng, nuốt hết vào trung tâm giống như một cái lỗ đen. Con mắt phù thủy của tôi đóng chặt lại trước cảnh tượng mờ mịt như mặt nước bị khuấy đục ấy.

Có thứ gì đó nở ra rồi co lại theo nhịp giữa cơn bão. Nó kéo giãn ra rồi tiếp tục hình thành một cái bóng tối mờ. Ngay lúc đó, Goody Alsop đột ngột nín lặng. Bà nhìn tôi một lần cuối cùng, thật lâu, trước khi để mặc tôi một mình ở trung tâm vòng tròn.

Rồi xuất hiện một đôi cánh đập đập, một cái đuôi có ngạnh ve vẩy và một hơi thở ướt át, nóng bỏng liếm qua má tôi. Sinh vật trong suốt có cái đầu rỗng bay lơ lửng trên không, đôi cánh sáng rực đập vào xà nhà và xua những bóng ma chạy tứ tán tìm chỗ nấp. Nó chỉ có hai chân cùng vài móng vuốt cong cong trông đầy chết chóc, y như mấy cái ngạnh nhọn hoắt trên chiếc đuôi dài của nó.

“Nó có bao nhiêu cái chân thế?” Marjorie hỏi với vào vì từ vị trí của bà ấy không nhìn thấy rõ. “Chỉ là một con rồng thôi phải không?”

Chỉ là một con rồng ư?

“Nó là một con rồng lửa,” Catherine bắn khoả nói. Bà nâng hai cánh tay lên sẵn sàng ném ra một câu thần chú bảo vệ, nếu con vật kia định tấn công. Hai cánh tay Elizabeth Jackson cũng di chuyển theo.

“Đợi đã!” Goody Alsop hét lên, ngắt ngang quá trình làm phép của họ. “Diana vẫn chưa hoàn thành việc dệt thần chú. Có lẽ cô ấy sẽ tìm ra cách thuần hóa nàng ta.”

Thuần hóa nàng ta ư? Tôi ngờ vực nhìn Goody Alsop. Thậm chí, tôi còn không chắc chắn liệu

sinh vật trước mặt tôi là một dạng vật chất hay thực thể có linh hồn. Cô nàng có vẻ là thật, nhưng tôi lại có thể nhìn xuyên qua nó.

“Cháu không biết phải làm gì nữa,” tôi nói, bắt đầu cảm thấy hết hoảng. Mỗi cái đập cánh của sinh vật này lại mang đến một màn trình diễn những tia lửa. Tàn lửa rơi xuống khắp phòng.

“Một vài câu thần chú khởi đầu bằng một ý tưởng, những cái khác lại là một sự nghi vấn. Có rất nhiều cách để nghĩ về những gì xảy đến tiếp theo: thắt một cái nút, xoắn một sợi dây thừng, thậm chí là rèn một sợi xích giống như cái cô tạo ra để nối giữa cô và wearh của cô ấy,” Goody Alsop nói với giọng điệu hạ xuống êm ái hơn. “Hãy để sức mạnh di chuyển qua người cô.”

Con rồng lửa gầm lên mất kiên nhẫn, mấy bàn chân của nó vươn về phía tôi. Cô nàng muốn gì chứ? Cơ hội nhắc tôi lên và mang tôi ra khỏi ngôi nhà ư? Một chỗ để chịu để nó đậu xuống cho đôi cánh nghỉ ngơi ư?

Sàn nhà phía dưới tôi nứt ra.

“Tránh ra nào!” Marjorie la lên.

Tôi di chuyển vừa kịp lúc. Thoáng chốc, một cái mầm nảy lên từ đúng chỗ tôi vừa đứng. Thân cây vươn cao, chia thành hai nhánh cứng cáp và đâm cành ra xa. Chồi non nảy nở thành những chiếc lá xanh, rồi thành những nụ hoa trắng và cuối cùng là những trái chín mọng đỏ. Chỉ trong vài giây, tôi đã đứng dưới một cái cây hoàn toàn trưởng thành, đang cùng lúc nở hoa kết trái.

Hai bàn chân con rồng lửa quặp lấy vài cành cây cao nhất. Thoáng cái có vẻ như cô nàng đã nghỉ ngơi ở đó rồi. Một cành cây phát ra tiếng rảng rắc. Con rồng lửa lại nâng mình lên không, một mẩu cành cây lồm chồm vướng vào đuôi nó. Cái lưới của cô nàng rồng lửa thè ra phóng lửa, cái cây bùng cháy. Có quá nhiều đồ dễ bắt lửa trong phòng – sàn nhà và đồ đạc bằng gỗ, vài vốc quần áo các phù thủy mặc. Tất cả những gì tôi có thể nghĩ là phải chặn lại ngọn lửa đang lan ra. Tôi cần nước – rất nhiều nước.

Cảm giác bàn tay phải nặng trĩu. Tôi nhìn xuống, hy vọng thấy một cái xô. Nhưng thay vào đó, tôi lại đang nắm một cây cung. Lửa phù thủy. Nhưng có thêm lửa thì có gì tốt cơ chứ?

“Không, Diana! Đừng cố định hình câu thần chú đấy!” Goody Alsop cảnh cáo.

Tôi cố gắng rũ bỏ các ý nghĩ liên quan đến mưa và sông hồ. Ngay khi tôi làm thế, bản năng lại lẩn át và hai cánh tay tôi nâng tới trước, bàn tay phải kéo ra sau. Ngay khi các ngón tay nhả ra, một mũi tên bay vào đúng tâm cái cây. Ngọn lửa phóng vọt lên cao và rất nhanh, làm tôi lóa mắt. Hơi nóng diu xuống khi tầm nhìn của tôi rõ trở lại, tôi thấy mình đang ở trên đỉnh một ngọn núi dưới bầu trời sao mênh mông. Một vầng trăng lưỡi liềm lớn treo lưng chừng nơi chân trời.

“Ta đang đợi con đây.” Giọng nói của nữ thần thoảng qua như một làn gió nhẹ. Bà mặc một chiếc áo choàng mềm mại, mái tóc đỏ xuống như một dòng thác sau lưng bà. Không thấy bóng dáng những món vũ khí thường thấy, nhưng một con chó to lớn bước êm như ru tới bên cạnh bà. Nó lớn và đen đến mức có thể là một con sói thì đúng hơn.

“Người.” Một cảm giác khiếp sợ vây xoắn lấy tim tôi. Tôi vẫn chờ đợi gặp nữ thần kể từ lúc mất đi đứa bé. “Có phải người mang đứa con của con đi để đổi lấy việc cứu sống Matthew không?” Câu hỏi bật thốt ra vừa giận dữ lại vừa có phần tuyệt vọng.

“Không. Món nợ đó đã được định đoạt. Ta đã lấy đi một thứ khác rồi. Một đứa trẻ đã chết không ích gì với ta cả.” Đôi mắt của nữ thợ săn xanh ngắt như những chồi non đầu tiên của cây liễu khi vào xuân.

Máu toàn thân tôi lạnh ngắt. “Người đã lấy đi mạng sống của ai?”

“Con.”

“Của con ư?” Tôi điếng người thốt lên. “Con đã... chết rồi ư?”

“Dĩ nhiên là chưa. Người chết thuộc về kẻ khác. Người sống mới là thứ ta kiếm tìm.” Giọng nói của nữ thợ săn lúc này xuyên thấu và tỏa sáng rạng ngời như ánh trăng. “Con đã hứa hẹn ta có thể lấy đi bất cứ người nào – bất cứ thứ gì – để đổi lại mạng sống của người con yêu. Ta đã chọn con. Và ta còn chưa xong việc với con đâu.”

Nữ thần lùi lại. “Con đã tặng cuộc đời con cho ta, Diana Bishop. Giờ đã đến lúc dùng đến nó rồi.”

Một tiếng gào phía trên đầu báo động cho tôi về sự hiện diện của con rồng lửa. Tôi ngược nhìn lên, cố phân biệt hình dáng nữ thần với mặt trăng. Khi tôi chớp mắt, hình dáng bà đã hoàn toàn biến mất trước trần nhà của Goody Alsop. Tôi đã trở lại ngôi nhà của phù thủy, không còn ở trên đỉnh đồi cằn cỗi cùng với nữ thần nữa. Cái cây đã biến mất và chỉ còn là một đồng tro tàn. Tôi lại chớp mắt.

Rồng lửa chớp mắt đáp trả tôi. Đôi mắt cô nàng buồn bã và thật quen thuộc – đen láy, với hai tròng mắt màu bạc chứ không phải màu trắng. Lại một tiếng gào chói tai khác, nó nhả móng vuốt ra. Một cành cây giống như thân mũi tên rơi xuống cánh tay tôi. Cảm giác nó nặng hơn kích thích thực tế. Rồng lửa khẽ lắc lư đầu, những làn khói từ hai lỗ mũi nó phun ra. Tôi bị cám dỗ muốn vớ lên chạm vào nó, băn khoăn không biết da nó có ấm áp và mềm mại như da rắn, nhưng điều gì đó nói với tôi rằng cô nàng sẽ không chào đón hành động ấy. Tôi không muốn làm nó giật mình. Nó có thể giật lùi và thọc đầu qua mái nhà. Tôi đã lo lắng về hiện trạng ngôi nhà của Goody Alsop sau vụ cái cây và đám lửa.

“Cảm ơn nhé,” tôi thì thầm.

Rồng lửa đáp lại bằng một tiếng rên rỉ khe khẽ. Đôi mắt màu đen-bạc của cô nàng trông thật cổ xưa và khôn ngoan khi chăm chú quan sát tôi, cái đuôi quạt ngang quạt dọc về trầm ngâm. Nó sải cánh dang rộng hết mức trước khi thu chúng lại quanh thân mình và mờ dần đi.

Tất cả những gì còn lại của rồng lửa là cảm giác râm ran nhoi nhói trong lồng ngực. Chúng nói với tôi rằng, bằng cách nào đó cô nàng đã ở trong tôi và chờ đợi cho tới khi tôi cần nó. Với sức nặng trĩu do có con vật này trong người, tôi khụy xuống trên hai đầu gối. Cành cây rơi cách xuống sàn nhà, các phù thủy đổ xô tới.

Goody Alsop tới với tôi đầu tiên, bà vòng hai cánh tay gầy guộc ôm tôi sát vào người. “Con làm tốt lắm, con của ta, làm tốt lắm,” bà thì thầm. Elizabeth khum bàn tay và thì thầm vài lời, biến nó thành một cái muôi nông bằng bạc đầy nước. Tôi uống tới khi cạn nước, nó quay trở lại thành một bàn tay.

“Thật là một ngày trọng đại, Goody Alsop,” Catherine nói với gương mặt rạng rỡ nụ cười.

“Đúng thế, và là một ngày vất vả đối với một phù thủy trẻ,” Goody Alsop nói. “Ở con chẳng có gì là nửa vời cả, Diana Roydon. Đầu tiên con không phải là một phù thủy bình thường mà là một thợ dệt. Và rồi con dệt một câu thần chú đậm gọi ra một cây thanh hương trà đơn giản chỉ để thuần phục rồng lửa. Nếu ta có tiên tri thấy trước chuyện này, ta cũng sẽ không tin nổi.”

“Cháu đã gặp nữ thần,” tôi giải thích khi họ giúp tôi đứng lên, “và một con rồng.”

“Đó không phải rồng,” Elizabeth nói.

“Nó có hai chân,” Marjorie giải thích. “Điều đó khiến cho nó không chỉ là một sinh vật của lửa

mà còn là của nước nữa và nó có khả năng chuyển đổi qua lại giữa các nguyên tố tự nhiên này. Con rồng lửa này là sự hợp nhất của các mặt đối lập.”

“Con rồng lửa là thật thì cây thanh hương trà cũng là thật,” Goody Alsop nói với một nụ cười tự hào. “Không phải ngày nào một cây thanh hương trà cũng đâm chồi nảy lộc trong thế giới này trong khi rời gốc rễ của nó khỏi một thế giới khác.”

Bất chấp những tiếng bàn tán trò chuyện vui vẻ của các bà quanh mình, tôi nhận ra mình nghĩ đến Matthew. Anh ấy đang đợi ở quán Con Ngỗng Vàng để chờ tin tức. Con mắt thứ ba của tôi mở ra, tìm thấy một sợi chỉ bện màu đen và đỏ dẫn từ trái tim tôi, ngang qua căn phòng, xuyên qua ổ khóa, đi vào trong bóng đêm xa xa. Tôi giật mạnh nó, và chuỗi xích bên trong tôi hồi đáp lại bằng một tiếng ngân nga đồng cảm.

“Nếu ta không nhầm thì ông Roydon sẽ xuất hiện ở đây nhanh thôi để đón vợ mình,” Goody Alsop nói vẻ lạnh lùng. “Để chúng ta giúp cô đứng lên nào, không thôi ông ta lại nghĩ chúng ta không đáng tin tưởng để chăm lo cô.”

“Matthew có lẽ hơi bảo bọc quá,” tôi ngượng ngùng nói. “Thậm chí còn hơn vậy nữa kể từ khi...”

“Ta chưa bao giờ biết có wearh nào không như thế. Đó là bản chất của bọn họ rồi,” Goody Alsop nói trong lúc giúp tôi đứng lên. Bầu không khí lại lưu thông, nhẹ nhàng mơn man trên da khi tôi di chuyển.

“Ông Roydon không cần phải lo sợ trong trường hợp này,” Elizabeth nói. “Chúng ta sẽ đảm bảo con có thể tìm thấy đường trở về từ trong bóng tối, cũng giống như con rồng của con đấy.”

“Bóng tối nào cơ ạ?”

Các phù thủy im lặng.

“Bóng tối nào cơ?” Tôi lặp lại, gạt cơn mệt mỏi qua một bên.

Goody Alsop thở dài. “Có những phù thủy – rất ít thôi – họ có thể di chuyển từ thế giới này sang thế giới kia.”

“Những người se sợi thời gian,” tôi gật đầu nói. “Vâng, con biết. Con cũng là một trong số đó.”

“Không phải giữa thời đại này tới thời đại khác, Diana ạ, mà là giữa thế giới này với thế giới khác cơ.” Marjorie ra hiệu về cái nhánh cây dưới chân tôi. “Sự sống và cái chết. Con có thể cùng lúc ở trong hai thế giới này. Đó là lý do tại sao cây thanh hương trà chọn con, chứ không phải cây tổng quán sỏi hay cây bu lô.”

“Chúng ta đã bắn khoản liệu có phải vì chuyện này không. Rốt cuộc, con có thể thụ thai đứa con của wearh.” Goody Alsop nhìn tôi đầy ẩn ý. Mặt tôi trắng bệch. “Chuyện gì thế, Diana?”

“Quả mộc qua và những bông hoa.” Hai đầu gối tôi lại nhũn ra nhưng tôi vẫn cố đứng vững. “Chiếc giày của Mary Sidney và cây sồi ở Madison.”

“Và wearh đó,” Goody Alsop khẽ nói, hiểu rõ những gì tôi không nói với bà. “Quá nhiều dấu hiệu chỉ ra rằng đó là sự thật.”

Một tiếng đập thình thình nhưng cố nén lại vang lên từ ngoài cửa.

“Anh ấy không được phép biết,” tôi nài nỉ và tóm lấy tay Goody Alsop. “Không phải bây giờ. Còn quá sớm sau chuyện đứa bé và Matthew không muốn cháu can thiệp vào các vấn đề sống chết.”

“Chuyện đó hơi muộn mất rồi,” bà lão buồn bã nói.

“Diana!” Nắm tay Matthew nện lên cánh cửa.

“Chàng wearh này sẽ bửa tấm gỗ ra làm hai mất,” Marjorie nhận xét. “Ông Roydon sẽ không thể phá vỡ bùa chú đã được liên kết và tiến vào, nhưng cánh cửa thì hẳn là sẽ bị bửa ra đáng sợ khi bùa chú được gỡ bỏ đi. Hãy nghĩ đến hàng xóm láng giềng của bà nữa, Goody Alsop.”

Goody Alsop phất tay qua. Bầu không khí như dày lên rồi thả lỏng ra.

Matthew đang đứng sát sàn sạt trước mặt tôi tới mức tôi có thể nghe thấy được cả nhịp tim anh. Đôi mắt màu xám của anh quét khắp người tôi. “Chuyện gì xảy ra ở đây thế?”

“Nếu Diana muốn ông biết, con bé sẽ kể với ông,” Goody Alsop nói và quay sang tôi. “Với những gì diễn ra tối nay, ta nghĩ ngày mai, con nên dành thời gian cho Catherine và Elizabeth.”

“Cảm ơn bà Goody,” tôi thì thầm với lòng biết ơn bà đã không tiết lộ những bí mật của tôi.

“Đợi đã nào.” Catherine đi tới chỗ cành cây thanh hương trà và bẻ một nhánh non khẳng khiu. “Cầm lấy cái này. Lúc nào con cũng nên mang theo người một mẩu để làm bùa may mắn.” Catherine thả mẩu gỗ nhỏ vào lòng bàn tay tôi.

Không chỉ Pierre mà ngay cả Gallowglass và Hancock cũng đang đợi chúng tôi dưới đường. Họ đẩy tôi lên một con thuyền đợi sẵn ở cuối Đồi Garlic. Sau khi trở về Hẻm Water, Matthew đuổi mọi người đi bỏ lại chúng tôi trong sự tĩnh lặng hạnh phúc nơi phòng ngủ riêng.

“Anh không cần biết chuyện gì đã xảy ra,” Matthew cộc cằn nói, đóng cửa phòng lại sau lưng. “Anh chỉ cần biết rằng em thật sự ổn cả thôi.”

“Em thật sự khỏe mà.” Tôi quay lưng về phía anh để anh có thể nói dây buộc thân váy của tôi.

“Anh có thể nghĩ thấy em đang lo sợ điều gì đó.” Matthew xoay người tôi lại đối diện với anh.

“Em sợ những gì em có thể khám phá về chính bản thân mình.” Tôi nhìn thẳng vào mắt anh.

“Em sẽ tìm thấy sự thật về mình.” Giọng anh nghe chắc chắn và quá mức dửng dưng. Nhưng anh không biết về con rồng và cây hương thanh trà cũng như ý nghĩa của chúng đối với một thợ dệt. Matthew không biết rằng, cuộc sống của tôi đã thuộc về nữ thần, cũng không biết nó chính là cái giá mà tôi phải trả để cứu anh.

“Sẽ ra sao nếu em trở thành một người khác và anh không thích con người đó?”

“Không có khả năng đó đâu,” anh cam đoan và kéo tôi lại gần.

“Thậm chí nếu chúng ta phát hiện ra quyền năng nắm giữ sự sống và cái chết nằm trong máu em ư?”

Matthew xích người ra.

“Việc cứu anh ở Madison không phải là may mắn đâu Matthew. Em cũng đã thổi sự sống vào đôi giày của Mary – cũng như hút sự sống ra khỏi cây sồi ở nhà dì Sarah và những trái mọng qua ở đây.”

“Sự sống và cái chết là những trách nhiệm lớn lao.” Đôi mắt màu xanh xám của Matthew thăm lại. “Nhưng anh vẫn sẽ yêu em bất kể điều gì. Em đã quên, anh cũng có quyền năng chi phối sự sống và cái chết. Em đã nói với anh điều gì vào cái đêm anh tiếp tục đi săn ở Oxford nhỉ? Em đã nói chúng mình chẳng có gì khác nhau cả. ‘Có lúc em ăn thịt gà gô. Có lúc anh uống máu hươu

nai.’

“Chúng mình càng tương đồng, em và anh, hơn cả chúng mình tưởng tượng,” Matthew tiếp tục. “Nhưng nếu em có thể tin tưởng vào điều tốt đẹp trong anh, vậy thì em phải cho phép anh cũng tin tưởng em như thế.”

Đột nhiên tôi muốn chia sẻ những bí mật của mình. “Có một con rồng lửa và một cái cây...”

“Và điều quan trọng duy nhất là em đã về nhà an toàn,” anh nói và khiến tôi yên lặng bằng một nụ hôn.

Matthew ôm tôi thật lâu và chặt đến nỗi trong những khoảnh khắc hạnh phúc ấy, tôi – hầu như – đã tin anh.

Ngày hôm sau, tôi đến nhà Goody Alsop để gặp Elizabeth Jackson và Catherine Streeter như đã hứa. Annie tháp tùng tôi nhưng con bé bị xua tới nhà Susanna để chờ cho tới lúc giờ học của tôi kết thúc.

Cành cây thanh hương trà được dựng đứng trong góc phòng. Mặt khác thì căn phòng trông hoàn toàn bình thường, không hề có dấu vết giống nơi các phù thủy vẽ vòng tròn thiêng hay triệu gọi rồng lửa. Nhưng tôi mong đợi thấy thêm những dấu hiệu rõ ràng cho thấy sắp tiến hành làm phép – có lẽ là một cái vạc hay những cây nến nhiều màu sắc để biểu thị cho các nguyên tố tự nhiên.

Goody Alsop ra hiệu về phía cái bàn, nơi có bốn chiếc ghế bành đã được sắp đặt sẵn.

“Đến đây và ngồi xuống đi, Diana. Chúng ta nghĩ có thể bắt đầu từ điểm khởi đầu. Hãy kể cho chúng ta về gia đình của con. Nhiều chuyện được hé mở dựa vào việc lần theo dòng dõi của một phù thủy đấy.”

“Nhưng cháu nghĩ các vị sẽ dạy cháu cách dẹt thần chú bằng lửa và nước.”

“Máu là gì, nếu không phải là lửa và nước?” Elizabeth nói.

Ba tiếng đồng hồ sau, tôi được nói chuyện về thời thơ ấu và mọi móc trí nhớ của mình tới kiệt sức – cảm giác bị theo dõi, chuyện viếng thăm nhà Peter Knox, cái chết của bố mẹ. Nhưng bà phù thủy không dừng lại ở đó. Tôi cũng phải hồi tưởng lại từng thời khắc ở trường trung học và đại học: các yêu tinh đeo bám theo, vài câu thần chú tôi có thể thực hiện mà không gây quá nhiều rắc rối, những sự việc lạ lùng chỉ bắt đầu sau khi tôi gặp Matthew. Nếu có bất cứ manh mối nào từ đó, thì tôi cũng chẳng nhìn ra nổi, nhưng Goody Alsop khi tiễn tôi đã cam đoan rằng họ sẽ lên kế hoạch nhanh chóng.

Tôi lê bước tới lâu đài Baynard. Mary nhét tôi vào một chiếc ghế bành và từ chối sự trợ giúp của tôi, khẳng định là tôi phải nghỉ ngơi trong khi cô ấy tìm ra điểm sai ở *materia prima* của chúng tôi. Toàn bộ hợp chất biến thành màu đen xỉ như bùn nhão, với một lớp màng nhợt nhạt như phin mỏng, hơi xanh xanh ở trên cùng.

Tôi lơ đãng suy nghĩ trong khi Mary làm việc. Hôm nay trời nắng, một tia nắng xuyên qua bầu không khí mù sương, rơi trên bức bích họa miêu tả con rồng giả kim thuật. Tôi nhào người trên ghế.

“Không,” tôi thốt lên. “Không thể là nó.”

Nhưng đúng là nó. Con rồng không phải là rồng vì nó chỉ có hai chân. Nó là một con rồng lửa và ngậm cái đuôi lồm chồm ngạnh nhọn trong miệng, giống như con măng xà trên cò của nhà de

Clermont. Đầu rồng lửa nghiêng lên bầu trời và ngậm một vầng trăng lưỡi liềm. Một ngôi sao nhiều cánh mọc phía trên. Biểu trưng của Matthew. Sao tôi lại không nhận ra từ trước nhỉ?

“Chuyện gì thế, Diana?” Mary nhú mào hỏi.

“Cô có thể làm một việc cho tôi được không, Mary, cho dù yêu cầu này có hơi kỳ quái?” Tôi tháo sợi dây lụa ở cổ tay áo trong khi mong đợi câu trả lời của Mary.

“Dĩ nhiên là được rồi. Cô cần gì vậy?”

Con rồng lửa nhỏ những giọt máu chảy ngoằn ngoèo vào tấm khăn voan giả kim thuật bên dưới đôi cánh của nó. Ở đó, máu hòa vào một biển thủy ngân và bạc.

“Tôi muốn cô lấy máu của tôi cho vào hỗn hợp của cường thủy, bạc và thủy ngân,” tôi nói. Mary liếc nhìn từ tôi sang con rồng lửa rồi quay trở lại. “Vì máu là gì nếu không phải là lửa và nước, là sự kết hợp của các mặt đối lập, và là hôn lễ hóa học?”

“Được thôi, Diana,” Mary đồng ý, nghe thật bí ẩn. Nhưng cô ấy không hỏi gì thêm.

Tôi búng nhẹ lên vết sẹo trên cánh tay mình. Lần này tôi không cần dao. Làn da tách ra y như tôi biết, máu trào ra bởi vì tôi cần nó. Joan lao tới với một cái tô nhỏ để hứng thứ chất lỏng đỏ tươi ấy. Trên bức tường, những đôi mắt màu đen bạc của rồng lửa dõi theo những giọt máu khi chúng nhỏ xuống.

“Tất cả bắt đầu từ sự thiếu vắng và nỗi thèm khát, tất cả bắt đầu từ máu và nỗi sợ hãi,” tôi thì thầm.

“Tất cả bắt đầu với một khám phá về loài phù thủy,” thời gian đáp lời trong tiếng vang vọng nguyên sơ, làm sáng bừng lên những sợi tơ màu lục và hổ phách lấp lánh trên các bức tường đá của căn phòng.

“Nó cứ thế mãi à?” Tôi đứng chống nạnh, cau mày lại và nhìn chăm chăm lên trần nhà Susanna.

“Cô ta chứ, Diana. Rồng lửa của con là giống cái đấy,” Catherine nói. Bà cũng đang nhìn lên trần nhà với vẻ mặt thích thú.

“Cô ta. Nó. Cái đó.” Tôi chỉ lên. Tôi vẫn đang cố gắng dệt một câu thần chú thì con rồng của tôi thoát ra khỏi nơi giam giữ là lồng ngực tôi. Lại lần nữa. Giờ cô nàng dán chặt lên trần nhà, thở ra những cụm khói và đánh đàn răng trong trạng thái lo âu, bối rối. “Cháu không để nó – cô nàng – bay vòng vòng quanh phòng mỗi khi cảm thấy thích đâu.” Sẽ nghiêm trọng hết sức nếu cô nàng bỗng nhiên xổng ra giữa đám sinh viên ở Yale.

“Việc rồng lửa của cháu thoát ra tự do là triệu chứng của một vấn đề rắc rối còn nghiêm trọng hơn nhiều đấy.” Goody Alsop giơ ra một bó tơ mềm như lụa, màu sắc rực rỡ và được buộc thắt nút lại với nhau ở đầu. Phần dưới của các sợi tơ như những sợi ruy băng trên cây nêu ngày lễ tháng Năm và được đánh số đến chín, với nhiều sắc màu khác nhau: đỏ, trắng, đen, bạc, vàng kim, xanh lá, nâu, xanh lam và vàng tươi. “Cháu là thợ dệt và cần phải học cách điều khiển sức mạnh của mình.”

“Cháu ý thức rõ điều đó Goody Alsop à, nhưng cháu vẫn không biết mấy sợi chỉ thêu này giúp ích thế nào,” tôi bướng bỉnh nói. Con rồng kêu lên tán đồng, trở nên hiện hữu rõ nét hơn và sau đó nhót nhát đi, trở về với hình dáng mong manh sương khói đặc trưng của nó.

“Cháu biết gì về chuyện là một thợ dệt hả?” Goody Alsop lạnh lùng hỏi.

“Không nhiều lắm ạ,” tôi thú nhận.

“Diana nên nhấp một ngụm thứ này trước đã.” Susanna đến cạnh tôi với một cái tách nghi ngút khói. Mùi hương chamoli và bạc hà nồng đậm trong không khí. Con rồng của tôi nghiêng nghiêng cái đầu về hướng thú. “Nó giúp an tĩnh và có thể xoa dịu con thú của cô ấy.”

“Tôi không mấy lo ngại về con rồng lửa này,” Catherine tùy tiện nói.

“Bắt một con rồng vâng lời luôn luôn khó khăn – giống như cố gắng kiềm chế một yêu tinh đang cố ý định bày trò tinh quái vậy.” Tôi nghĩ bụng, bà nói thì dễ hơn làm. Bà đâu có phải thuyết phục con quái thú kia chui trở vào trong người mình đâu.

“Thứ nước thuốc này làm từ những loài cây nào thế?” Tôi hỏi trong khi nhấp một ngụm nước của Susanna. Sau món trà của Marthe, tôi bắt đầu nghi ngờ các thứ đồ uống pha chế từ thảo dược. Ngay khi câu hỏi thốt ra khỏi miệng tôi, cốc nước bắt đầu bùng nổ những nhánh non bạc hà, những bông hoa đủ sắc hương: chamoli, chùm hoa bạch phỉ li ti, mấy chiếc lá bóng loáng và cứng cáp mà tôi không thể nhận diện nổi. Tôi xin thề là thật.

“Thấy chưa!” Catherine kêu lên và chỉ vào tách nước. “Tôi đã bảo mà. Khi Diana hỏi một câu là nữ thần trả lời ngay.”

Susanna hoảng hồn nhìn vào cốc vại của mình khi nó bị nứt, dưới sức ép của những cái rễ đang phình ra. “Tôi nghĩ bà đúng đấy, Catherine. Nhưng nếu cô ấy định dệt thần chú thay vì phá hỏng mọi thứ, thì cô ấy cần phải hỏi những câu hay ho hơn thế.”

Goody Alsop và Catherine đã khám phá ra sức mạnh bí mật của tôi. Nó khơi gợi trí tò mò của tôi đến khó chịu. Bây giờ, một số sự kiện nhất định đã trở nên có ý nghĩa: chiếc bàn trắng và những mảnh ghép nhiều màu sắc của nó đã trở thành cứu cánh của tôi mỗi khi phải đối mặt với một vấn đề rắc rối, lơ bay ra khỏi tủ lạnh của dì Sarah ở Madison khi tôi thắc mắc không

biết có còn bơ không. Thậm chí cả sự xuất hiện lạ lùng của Ashmole 782 ở thư viện Bodleian có thể được lý giải là: Khi tôi điền kín hết tấm thẻ mượn sách, tôi đã băn khoăn có thứ gì để điền thêm vào không. Sớm ngày hôm nay thôi, tôi mới chỉ mơ màng nghĩ đến người viết nên một câu thần chú trong cuốn bí kíp của Susanna thì đã khiến cho mực tứa ra từ trang giấy và định hình lại trên mặt bàn bên cạnh một hình ảnh chính xác y như người bà quá cố của Susanna.

Tôi hứa với Susanna sẽ thu lại các từ ngữ vào cuốn bí kíp ngay khi tôi tìm ra cách làm. Vậy nên tôi phát hiện ra rằng, thực hành phép thuật không giống như thực hành lịch sử. Các mảnh dùng cho cả hai lĩnh vực này đều không tìm ra được những đáp án đúng nhưng lại làm thành công thức cho những câu hỏi hay ho hơn.

“Hãy kể cho chúng ta nghe lần nữa về việc gọi ra nước phù thủy đi Diana, và cả cây cung cùng mũi tên xuất hiện khi có ai đó cô yêu thương đang gặp nguy hiểm ấy,” Susanna gợi ý. “Có lẽ nó sẽ cung cấp được phương pháp để chúng ta lần theo.”

Tôi thuật lại các sự kiện của cái đêm Matthew để tôi lại Sept-Tours, khi nước cứ trào ra khỏi người tôi thành lũ lụt và buổi sáng ở vườn trái cây của dì Sarah, khi tôi trông thấy các mạch nước dưới lòng đất. Và tôi cẩn thận miêu tả mỗi lần cây cung xuất hiện – thậm chí cả khi không có mũi tên hay lúc có nhưng tôi không bắn đi. Khi tôi kết thúc câu chuyện, Catherine trút một tiếng thở dài thỏa mãn.

“Giờ tôi đã thấy rõ vấn đề rồi. Diana không có đầy đủ năng lực, trừ phi cô ấy cần bảo vệ ai đó hoặc khi buộc phải đối mặt với nỗi sợ hãi,” Catherine nhận định. “Cô ấy luôn vướng mắc với quá khứ hoặc băn khoăn về tương lai. Một phù thủy phải sống hoàn toàn hiện thực mới làm phép được.” Rõ ràng của tôi đập đập cánh tán thành, khuấy động những luồng không khí nóng ẩm bay khắp phòng.

“Matthew luôn nghĩ có sự kết nối giữa các cảm xúc, nhu cầu với phép thuật của cháu,” tôi nói với họ.

“Đôi khi ta băn khoăn không biết weath đó có một phần phù thủy không nữa,” Catherine nói. Những người khác cười giễu trước cái ý niệm nực cười là con trai của Ysabeau de Clermont lại mang giọt máu phù thủy.

“Tôi nghĩ, lúc này cứ để mặc con rồng tự lo liệu lấy cũng an toàn thôi, và chúng ta quay trở lại với vấn đề thần chú che lấp của Diana,” Goody Alsop nói, nhắc tới nhu cầu cần phải che giấu nguồn năng lượng thừa thãi mà mỗi khi tôi dùng phép nó mới bộc lộ ra. “Cháu có thực hiện theo quy trình nào không?”

“Cháu cảm thấy những làn khói hình thành quanh mình,” tôi ngập ngừng nói.

“Cháu cần tập trung vào các nút thắt của mình,” Goody Alsop nói, chú mục vào những sợi dây thừng nhỏ trên đùi tôi. Mỗi màu đều có trong các sợi tơ và kết nối với nhiều thế giới, khéo léo điều khiển các sợi thừng này – vặn xoắn vào và buộc chúng lại – làm nên một phép màu đầy cảm thông. Nhưng điều đầu tiên tôi cần biết là phải dùng đến những sợi tơ nào. Tôi cầm lấy đầu thắt nút của tất cả các sợi thừng đầy màu sắc. Goody Alsop dạy tôi cách nhẹ nhàng thối lên các sợi tơ trong khi tập trung các ý định trong đầu mình. Việc đó giúp nới lỏng các sợi thừng, thích hợp với bất cứ câu thần chú nào mà tôi đang cố dệt nên.

Tôi thối vào các sợi tơ làm chúng sáng lên mờ mờ và nháy nhót. Các sợi màu vàng và nâu tự nới lỏng rồi rót vào lòng tôi, theo sau là đỏ, xanh lam, bạc và trắng. Tôi lướt ngón tay xuôi theo chiều dài gần ba mươi phân của những sợi dây lụa xoắn lại. Sáu sợi tơ có nghĩa là sáu nút thắt khác nhau, mỗi nút thắt sau lại phức tạp hơn nút thắt trước.

Kỹ thuật tạo nút thắt của tôi vẫn còn vụng về, nhưng tôi thấy phần việc này trong quá trình dệt trôi chảy một cách kỳ lạ. Khi tôi thực hành những chỗ vặn xoắn và bắt chéo tỉ mỉ, công phu

bằng sợi dây bình thường, kết quả có được là một thứ gọi ta nhớ đến món đồ tua ren theo phong cách Celtic cổ xưa. Có một trật tự phân cấp đối với các nút thắt. Hai cái đầu tiên là nút thắt đơn và nút thắt đôi. Dì Sarah thỉnh thoảng có dùng chúng, khi dì làm bùa yêu hoặc thứ gì đó dùng để ràng buộc. Nhưng chỉ có các thợ dệt mới có thể tạo ra những nút thắt phức tạp liên quan đến chín đường bắt chéo đặc biệt và kết thúc với hai đầu thừng thần kỳ hợp nhất để tạo thành một mạng dệt không thể phá vỡ.

Tôi hít một hơi thật sâu và tập trung trở lại với các ý định của mình. Sự nguy trang là một dạng bảo vệ và có màu đỏ tía. Nhưng không có thừng màu đỏ tía. Không chậm trễ, các sợi thừng màu xanh lam và đỏ nổi lên, xoắn chặt vào nhau để cuối cùng, trông nó giống y những cây nến lốm đốm màu đỏ tía, mà mẹ tôi từng đặt bên cửa sổ hằng đêm khi mặt trăng bị che lấp.

“Với một nút thắt này, câu thần chú bắt đầu,” tôi thì thầm, thắt thông lòng sợi thừng đỏ tía thành một nút rút đơn giản. Rừng lửa ngâm nga bắt chước theo những lời tôi nói.

Tôi ngược lên nhìn cô nàng và bị choáng váng lần nữa bởi cái vẻ ngoài có thể biến đổi của nó. Khi thở ra, nó nhòe đi thành một cái bóng mờ mờ. Khi hít vào, các đường nét thân thể nó lại sắc nét lên. Cô nàng là một sự cân bằng hoàn hảo giữa tính vật chất và linh hồn, không nghiêng hẳn về bên nào cả. Chẳng lẽ tôi chưa từng cảm thấy sự liên kết chặt chẽ đó ư?

“Với nút thắt thứ hai, câu thần chú thành hiện thực.” Tôi làm một cái nút đôi cũng trên sợi thừng đỏ tía đó. Lòng tự hỏi, liệu có cách nào để mình có thể mờ nhạt đi thành màu xám tối tăm mỗi khi mình muốn không, như rừng lửa ấy. Tôi lướt mấy ngón tay trên sợi thừng vàng tươi. Nút thắt thứ ba chính là nút thắt đầu tiên thật sự của thợ dệt mà tôi phải làm. Mặc dù nó chỉ có ba đường bắt chéo, nhưng vẫn là một thử thách.

“Với nút thắt thứ ba, câu thần chú được giải phóng.” Tôi thắt thông lòng và vặn xoắn sợi thừng thành một hình cỏ ba lá, rồi kéo hai đầu lại với nhau. Chúng hợp nhất để tạo thành một nút thắt không thể phá vỡ của người thợ dệt.

Thở phào nhẹ nhõm, tôi thả nó vào lòng. Một làn hơi sương màu xám đẹp hơn cả màu khói thoát ra từ miệng tôi. Nó lơ lửng xung quanh tôi giống một tấm vải liệm. Tôi thở hắt ra kinh ngạc, lại càng nhả ra nhiều sương mù kỳ quái, trong suốt. Tôi nhìn lên. Rừng lửa biến đâu mất rồi? Sợi thừng màu nâu nhả vào tay tôi.

“Với nút thắt thứ tư, sức mạnh được bảo lưu.” Tôi thích hình dạng giống bánh quy xoắn của nút thắt thứ tư, cùng với những đường uốn cong ngoằn ngoèo xoắn xít của nó.

“Rất tốt, Diana,” Goody Alsop nói. Đây là thời khắc các câu thần chú của tôi có xu hướng dễ sai sót. “Giờ, duy trì thời khắc này và mời con rồng ở yên với cháu đi. Nếu cô bé sẵn lòng, nó sẽ che đậy cho cháu khỏi những ánh mắt hiếu kỳ.”

Sự hợp tác của rừng lửa dường như là hy vọng quá xa vời, nhưng dù sao, tôi vẫn làm một nút thắt có hình biểu tượng, sử dụng sợi thừng màu trắng. “Với nút thắt thứ năm này, câu thần chú sẽ cường đại, lớn mạnh.”

Rừng lửa sà xuống và khép hai cánh áp vào lồng ngực tôi.

Người sẽ ở với ta chứ? Tôi lặng lẽ hỏi nó.

Cô nàng bao lấy tôi trong một cái kén màu xám đẹp đẽ. Nó làm mờ đi màu đen của áo váy tôi mặc, khiến chúng chuyển thành màu chì than sẫm. Chiếc nhẫn của Ysabeau ít lấp lánh hơn, ngọn lửa trong tâm viên kim cương tối mờ đi. Thậm chí, sợi thừng bạc trên đùi tôi trông cũng xỉn đi. Tôi mỉm cười trước câu trả lời câm lặng của rừng lửa.

“Với nút thắt thứ sáu, câu thần chú này tôi đã ấn định,” tôi nói. Nút thắt cuối cùng không cân

xứng với những gì đáng ra nó nên có, nhưng dù sao nó cũng đã thành hình.

“Cháu quả thật là một thợ dệt đầy, bé con ạ.” Goody Alsop thở phào.

Tôi âm thầm cảm thấy sự tuyệt diệu trên đường đi bộ về nhà, vì được bọc trong chiếc khăn choàng rồng lửa của mình, tôi như được sống lại lần nữa khi bước chân qua bậu cửa Hươu Đực và Vương Miện. Kit đang đợi tôi ở đó cùng với một bưu kiện. Matthew vẫn dành quá nhiều thời gian cho gã yêu tinh đồng bóng này. Marlowe và tôi chào hỏi lạnh nhạt. Lúc tôi bắt đầu mở các lớp bên ngoài gói hàng thì Matthew rống lên thật to.

“Chúa nhân từ!” Và rồi Matthew xuất hiện ở vị trí mà một khắc trước còn là khoảng không trống trơn, mắt nhìn chăm chăm vào một mảnh giấy với vẻ không tin nổi.

“Giờ thì Cáo Già muốn gì đây?” Kit hỏi vẻ chua chát, tay ấn cây bút vào lọ mực.

“Anh vừa nhận được một cái hóa đơn từ Nicholas Vallin, ông thợ kim hoàn ở đầu hẻm,” Matthew nổi quạu nói. Tôi nhìn anh vẻ vô tội. “Ông ta tính phí anh mười lăm bảng cho một cái bẫy chuột.” Giờ tôi đã hiểu khá rõ về giá trị của đồng bảng trong mua bán – cô hầu Joan của Mary cũng chỉ kiếm được có năm bảng một năm – nên tôi có thể hiểu vì sao Matthew lại bị sốc như thế.

“Ồ, cái đó.” Tôi quay trở lại tập trung vào gói bưu kiện. “Em đã yêu cầu ông ta làm nó.”

“Cô đã nhờ một trong những thợ kim hoàn giỏi nhất London làm bẫy chuột cho cô ư?” Kit chế giễu. “Nếu cô thừa tiền, phu nhân Roydon, tôi hy vọng cô sẽ cho phép tôi đảm nhiệm một cuộc thí nghiệm giả kim thuật hộ cô. Tôi sẽ chuyển hóa bạc và vàng thành rượu vang ở Cardinal’Hat!”

“Nó là bẫy loài gặm nhấm, không phải bẫy chuột,” tôi lẩm bẩm.

“Anh có thể xem cái bẫy cho loài gặm nhấm này không?” Giọng điệu Matthew trơn tru báo hiệu điềm xấu.

Tôi cởi bỏ lớp bọc cuối cùng và lấy ra thứ đang là chủ đề nghi vấn.

“Mạ bạc và được trạm trổ nữa,” Matthew nói rồi cầm lấy lật ngược nó lên. Sau khi nhìn ngắm kỹ càng, anh chửi thề. “‘Ars longa, vita brevis.’ Nghệ thuật là bền lâu, còn cuộc đời thật ngắn ngủi. Quả là thế.”

“Chắc là sẽ rất hiệu quả đấy.” Mẫu thiết kế tinh vi của Monsieur Vallin tương tự như một con mèo đang cảnh giác, với đôi tai thính nhạy hoạt động trên khớp bản lề, một đôi mắt mở to được khắc vào thanh chống ngang. Các đường viền ngoài của chiếc bẫy tương tự như một cái miệng, được hoàn thiện thêm với những chiếc răng nhọn nguy hiểm. Nó gợi cho tôi nhớ đến con mèo của dì Sarah, Tabitha. Vallin đã thêm vào đôi chút kỳ quái bằng cách đặt một con chuột bạc trên mũi con mèo. Sinh vật nhỏ xíu đó trông chẳng có gì giống với mấy con quái vật răng sắc nhọn vẫn lảng vảng trên gác mái cả. Cứ nghĩ đến chúng đang nhai tóp tép những giấy tờ của Matthew khi chúng tôi ngủ là tôi rùng mình.

“Nhìn này, ông ta còn trạm trổ cả phía dưới nữa này,” Kit nói, lần theo con chuột đồ chơi đi quanh bệ cái bẫy. “Nó là phần còn lại của câu cách ngôn Hippocrates – và bằng tiếng La tinh, hẳn hoi. ‘Occasio præceps, experimentum periculosum, iudicium difficile.’”

“Nó có lẽ là một câu miêu tả ủy mị quá mức, căn cứ vào mục đích sử dụng của công cụ này,” tôi nhận xét.

“Ủy mì ư?” Lòng mày Matthew nhướn lên. “Nhìn từ quan điểm của lũ gặm nhấm, nó nghe có vẻ khá thực tế đấy: Thời cơ là chớp nhoáng, thử nghiệm là nguy hiểm, và phán xét thật khó khăn.” Mỗi anh cong lên.

“Vallin đã tranh thủ lợi dụng cô rồi, phu nhân Roydon,” Kit tuyên bố. “Anh nên từ chối thanh toán, Matt ạ, và gửi trả lại cái bẫy này.”

“Không!” tôi phản đối. “Không phải lỗi của ông ấy. Chúng tôi đang trò chuyện về đồng hồ và Monsieur Vallin chỉ cho tôi xem vài mẫu rất đẹp. Tôi cũng chia sẻ với ông ta cuốn sách nhỏ mua ở cửa hàng của John Chandler trên Cripplegate – chính là cuốn hướng dẫn cách bắt động vật gây hại – và kể với Monsieur Vallin về vấn đề chuột gặm nhấm ở chỗ chúng ta. Chuyện này dẫn tới chuyện kia.” Tôi nhìn xuống cái bẫy. Nó thật sự là một thành quả khéo léo phi thường, với những bánh răng và lò xo nhỏ xíu.

“Cả London có vấn nạn với lũ chuột,” Matthew nói, cố gắng kiểm soát mình. “Nhưng anh biết không ai lại yêu cầu một món đồ chơi mạ bạc để giải quyết nó cả. Vài con mèo có khả năng bắt chuột là đủ rồi.”

“Em sẽ trả tiền cho ông ấy, Matthew.” Làm vậy cũng có nghĩa là tôi phải vét sạch ví tiền của mình và tôi sẽ buộc phải yêu cầu Walter đưa thêm tiền, nhưng không có cách nào khác. Kinh nghiệm luôn có giá của nó. Đôi khi nó cũng tốn tiền mà. Tôi chìa tay ra lấy cái bẫy.

“Có phải Vallin thiết kế nó để báo giờ không? Nếu thế, nó sẽ là chiếc đồng hồ duy nhất trên thế giới kết hợp việc báo giờ và dụng cụ kiểm soát loài vật gây hại đấy. Có lẽ cái giá này cũng công bằng thôi.” Matthew cố gắng tỏ ra cau có, nhưng khuôn mặt anh lại cứ toe toét. Thay vì đưa cho tôi cái bẫy, anh cầm lấy tay tôi, đưa nó lên môi hôn. “Anh sẽ thanh toán hóa đơn này, mon coeur, chỉ để có quyền trêu ghẹo em trong vòng sáu mươi năm tới.”

Đúng lúc đó, George hối hả đi vào tiền sảnh. Một luồng không khí lạnh giá ủa vào cùng anh chàng.

“Tôi có tin tức đây!” Anh chàng ném áo choàng sang một bên, làm dáng bộ tự hào.

Kit rên lên và đưa hai tay ôm đầu. “Đừng nói với tôi, cái gã Ponsonby ngu ngốc đó hài lòng với bản dịch Homer của anh và muốn xuất bản mà không cần chỉnh sửa thêm.”

“Không phải ngay cả cậu cũng cố làm lu mờ niềm vui sướng của tôi trong những thành công ngày hôm nay chứ, Kit.” George nhìn quanh mong đợi. “Thế nào? Không ai trong các vị hiệu kỳ tẹo nào à?”

“Tin tức của anh là gì hả George?” Matthew lơ đãng vừa hỏi, vừa tung hứng cái bẫy.

“Tôi đã tìm được cuốn cổ thư của bà Roydon rồi.”

Nắm tay Matthew trên cái bẫy chuột siết chặt. Bộ phận lò xo bật mở. Khi anh thả lỏng tay, nó rơi xuống bàn đánh cách một tiếng và đóng sập lại như cũ. “Ở đâu?”

George bước giật lùi ra sau theo bản năng. Tôi vẫn đang ngẩn ra với câu hỏi cuối cùng của chồng mình và trong lòng hiểu rõ cảm giác bất an là thế nào, khi đón nhận đầy đủ luồng chú ý của ma cà rồng.

“Tôi biết anh chính là người tìm ra nó,” tôi nồng nhiệt nói với George và đặt tay lên cổ tay áo Matthew để nhắc anh chậm lại. George được xoa dịu như dự đoán, anh chàng quay trở về bên cạnh bàn, kéo ghế ra và ngồi xuống.

“Sự giải bày của cô có ý nghĩa rất lớn đối với tôi, bà Roydon ạ,” George nói rồi tháo găng tay. Anh chàng khịt mũi. “Không phải ai cũng chia sẻ điều đó đâu.”

“Nó. Ở. Đâu?” Matthew chậm rãi hỏi, quai hàm nghiến chặt lại.

“Nó ở chỗ hiển nhiên nhất ai cũng có thể tưởng tượng ra, xa tận chân trời nhưng gần ngay trước mắt. Tôi cũng khá kinh ngạc khi chúng ta không nghĩ ngay ra.” Anh chàng ngừng lại một lần nữa để chắc chắn mọi người đều hoàn toàn chú ý. Matthew phát ra một tiếng gầm gừ thất vọng thấy rõ.

“George,” Kit nhắc nhở. “Matthew nổi tiếng là biết cần đấy nhá.”

“Tiến sĩ Dee giữ nó,” George buột thốt ra khi Matthew nhích người tới.

“Nhà chiêm tinh của nữ hoàng,” tôi nói. George đã đúng: Chúng tôi đáng lẽ nên nghĩ đến người đàn ông này từ lâu mới phải. Dee cũng là một nhà giả kim – và có thư viện lớn nhất ở Anh. “Nhưng ông ta đang ở châu Âu.”

“Tiến sĩ Dee đã trở về từ một năm trước rồi. Ông ta hiện đang sống bên ngoài London.”

“Làm ơn nói với em ông ta không phải phù thủy, yêu tinh, hay ma cà rồng đi,” tôi khẩn cầu.

“Hắn ta chỉ là con người thôi – và là một kẻ cực kỳ gian trá,” Marlowe nói. “Tôi sẽ không tin tưởng những điều hắn ta nói đâu Matt. Hắn từng lợi dụng Edward tội nghiệp một cách đáng ghê tởm, buộc anh ta nhìn chăm chú vào các viên đá phá lê và nói chuyện với thiên thần về thuật giả kim cả ngày lẫn đêm. Sau đó Dee lấy được tất cả sự tín nhiệm!”

“Edward tội nghiệp ư?” Walter chế giễu, mở cửa bước vào mà không cần được mời hay khách sáo gì cả. Henry Percy đi cùng với anh ta. Không một thành viên nào của Bè lũ Bóng Đêm ở cách Hươu Đục và Vương Miện trong vòng một dặm lại cưỡng nổi sức hấp dẫn của chiếc lò sưởi nhà chúng tôi. “Người bạn yêu tinh đã dắt mũi ông ta nhiều năm trời. Tiến sĩ Dee đá đít hắn rất hay, nếu các vị có hỏi ý kiến tôi.” Walter nhặt cái bẫy chuột lên. “Cái gì đây?”

“Nữ thần săn bắn đã chuyển hướng chú ý sang những con mồi nhỏ hơn,” Kit nói kèm theo một điệu cười tự mãn ngớ ngẩn.

“Tại sao, đó là một cái bẫy chuột. Nhưng chẳng ai lại ngu ngốc đến nỗi làm một cái bẫy chuột mạ bạc cả,” Henry nói, ngó qua vai Walter. “Nó trông giống tác phẩm của Nicholas Vallin. Ông ta đã làm cho Essex một cái đồng hồ rất đẹp khi anh ta trở thành Hiệp sĩ Garter. Đây có phải một kiểu đồ chơi trẻ con không?”

Nắm đấm của chàng ma cà rồng nện lên chiếc bàn của tôi, làm nứt cả gỗ.

“George,” Matthew gầm lên, “kể cho chúng tôi nghe về tiến sĩ Dee.”

“À. Đúng rồi. Tất nhiên rồi. Cũng không có gì nhiều để kể. Tôi đã làm như những gì anh yêu cầu,” George lắp bắp. “Tôi ghé vào các quầy bán sách, nhưng không có thông tin nào. Trò chuyện về một tập thơ Hy Lạp được bán nghe có vẻ nhiều hứa hẹn đối với bản dịch của tôi – nhưng tôi lại lạc đề rồi.” George ngừng lại và nuốt nước miếng. “Bà góa Jugge gợi ý tôi nên nói chuyện với John Hester, nhà pha chế được ở bến tàu Paul. Hester chỉ tôi đến chỗ Hugh Plat – các vị biết đấy, người bán rượu vang sống ở St. James Garlickhythe ấy.” Tôi bám sát theo chuyển hành hương trí tuệ phức tạp này, hy vọng có thể tái dựng hành trình của George khi lần tới tôi đến thăm Susanna. Có thể bà ấy và Plat là hàng xóm của nhau.

“Plat cũng tệ như Will,” Walter lăm băm nói, “mãi mãi viết ra những thứ mà chẳng cái nào anh ta thật sự quan tâm. Gã đó đã hỏi phương pháp làm bánh nướng của mẹ tôi.”

“Ông Plat nói rằng, tiến sĩ Dee có một cuốn sách từ thư viện của hoàng đế. Không người nào có thể đọc được nó và trong đó cũng có những bức hình kỳ lạ nữa,” George giải thích. “Plat đã thấy nó khi đến nhà tiến sĩ Dee để xin hướng dẫn trong lĩnh vực giả kim thuật.” Matthew và tôi nhìn

nhau.

“Có thể lắm, Matthew,” tôi hạ thấp giọng. “Elias Ashmole đã lần theo những gì còn lại từ thư viện của Dee sau khi ông ta chết và ông ta đặc biệt hứng thú với các cuốn sách về giả kim thuật.”

“Dee chết. Và làm thế nào một tiến sĩ tài giỏi đối mặt với kết cục của mình được, bà Roydon?” Marlowe khê khàng hỏi, đôi mắt nâu nhìn thẳng vào tôi. Henry, người vốn chẳng nghe thấy câu hỏi của Kit, đã nói ngay trước khi tôi kịp trả lời.

“Tôi sẽ xin được xem nó,” Henry nói, gật đầu đáng vẻ quả quyết. “Cũng dễ dàng sắp xếp trên đường tôi trở về Richmond và chỗ nữ hoàng.”

“Anh có lẽ không thể nhận ra nó đâu, Hal,” Matthew nói, cũng phớt lờ Kit, mặc dù anh đã nghe thấy anh ta nói. “Tôi sẽ đi cùng anh.”

“Anh cũng chưa nhìn thấy nó mà.” Tôi lắc đầu, hy vọng thả lỏng được ánh mắt chằm chằm như thúc vào người của Marlowe. “Bên cạnh đó, nếu có một chuyến viếng thăm tới chỗ John Dee, em sẽ đi.”

“Em không cần phải tặng anh cái nhìn dữ tợn đó, ma lionne. Anh biết rõ không gì thuyết phục được em để mặc chuyện này cho anh xử lý. Nhất là khi có liên quan đến những cuốn sách và một nhà giả kim thuật.” Matthew giơ ngón tay lên vẻ răn dạy. “Nhưng không được có câu hỏi. Hiểu chứ?” Anh ấy đã thấy tình trạng lộn xộn do phép thuật có thể dẫn đến kết quả như thế nào.

Tôi gật đầu, nhưng các ngón tay bắt chéo nhau giấu dưới nếp váy, đó là một loại chú cổ xưa để né tránh hậu quả ma quái do việc làm đảo lộn sự thật.

“Không có câu hỏi nào đến từ bà Roydon ư?” Walter lẩm bẩm. “Tôi ước gì anh gặp may mắn với vụ đó, Matt ạ.”

Mortlake là một thôn xóm nhỏ trên sông Thames tọa lạc giữa London và cung điện của nữ hoàng ở Richmond. Chúng tôi làm một chuyến đi trên chiếc xuồng của Bá tước xứ Northumberland, một chiếc thuyền lớn lộng lẫy với tám tay chèo, chỗ ngồi có đệm, và những chiếc rèm che để tránh không khí ẩm ướt. Nó là một hành trình khá dễ chịu – không kể đến cảm giác an tĩnh – so với cảm giác tôi đã quen khi Gallowglass cầm mái chèo.

Chúng tôi đã gửi một lá thư đi trước báo cho Dee biết dự định viếng thăm của chúng tôi. Bà Dee, như Henry giải thích với dáng vẻ thanh nhã hết sức, không đánh giá cao những vị khách đồ bộ đến mà không thông báo. Mặc dù tôi có thể thông cảm, nhưng chuyện này cũng thật không khác thường giữa thời đại mà việc mở rộng cửa đón khách chính là luật lệ.

“Gia chủ này có phần... không theo đúng lễ tục bởi tiến sĩ Dee bị đeo đuổi nhiều quá,” Henry giải thích, mặt hơi ửng hồng. “Và bọn họ khá đông con. Thường thì khá là... hỗn loạn.”

“Quá đông cho nên người hầu nhà này nổi tiếng là toàn tự lao đầu xuống giếng,” Matthew mỉa mai nhận xét.

“Đúng thế. Cái đó thật không may. Tôi nghi ngờ việc như thế cũng sẽ xảy ra trong chuyến viếng thăm của chúng ta,” Henry lầu bầu.

Tôi không quan tâm đến tình trạng gia đình này. Chúng đang ở bên ranh giới có thể giải đáp rất nhiều nghi vấn: Tại sao cuốn sách này lại được săn tìm đến thế, liệu nó có thể cho chúng tôi biết nhiều hơn về vấn đề làm thế nào các sinh vật chúng ta lại xuất hiện trên đời này. Và dĩ

nhien Matthew tin rằng nó có thể đưa ra ánh sáng lý do vì sao chúng tôi – những sinh vật ở thế giới khác – lại sắp sửa tuyệt chủng trong thời hiện đại.

Không biết có phải vì ưu ái hay để tránh lũ con vô tổ chức của mình mà tiến sĩ Dee đang thông thả tản bộ trong khu vườn có tường gạch vây quanh của ông như thể đang giữa mùa hè chứ không phải mới cuối tháng Một. Ông ta mặc một chiếc áo choàng đen của học giả, đội cái mũ trùm vừa khít đầu và kéo chùng xuống cổ, bên ngoài là chiếc mũ bê rê. Một bộ râu dài trắng tinh thò ra từ dưới cằm, hai cánh tay chấp sau lưng khi ông chậm rãi đi quanh khu vườn cần cỗi.

“Tiến sĩ Dee ư?” Henry gọi với qua bờ tường.

“Đức ngài Northumberland! Tôi tin là ngài đang rất khỏe mạnh?” Giọng Dee khê khàng và có vẻ dễ cáu, mặc dù ông ta đã chú ý (gần như là thế) để sửa lại cho nó nhẹ nhàng hơn vì địa vị của Henry. Ông ta bỏ chiếc mũ bê rê ra và quét một đường cúi chào.

“Khá tốt đối với thời điểm này trong năm, tiến sĩ Dee. Dù vậy, chúng tôi có mặt ở đây không phải vì sức khỏe của tôi đâu. Tôi có những người bạn cùng đi, như tôi đã giải thích trong thư. Để tôi giới thiệu với ông.”

“Tiến sĩ Dee và tôi đã có quen biết rồi.” Matthew tặng cho Dee một nụ cười như hung hiểm và hơi cúi đầu. Anh biết mọi sinh vật kỳ lạ khác ở thời này. Vậy tại sao lại không biết Dee cơ chứ?

“Ông Roydon,” Dee nói về cảnh giác.

“Đây là vợ tôi, Diana,” Matthew nói, nghiêng đầu về phía tôi. “Cô ấy là bạn của Nữ bá tước Pembroke và đã tham gia cùng lệnh bà trong các cuộc theo đuổi thuật giả kim.”

“Nữ bá tước Pembroke và tôi có thư từ qua lại trao đổi về các vấn đề liên quan đến giả kim thuật.” Dee đã hoàn toàn quên bằng tôi và tập trung vào mối liên hệ gần gũi của ông ta với một bậc công khanh của vương quốc. “Lời nhắn của ngài đề cập ngài muốn xem một trong các cuốn sách của tôi, Đức ngài Northumberland. Có phải ngài đến đây thay mặt cho lệnh bà Pembroke không?”

Trước khi Henry kịp đáp lời, một phụ nữ gương mặt lạnh lùng, hông đầy đà đi ra khỏi nhà trong bộ áo dài màu nâu sẫm viền lông thú được thấy khá nhiều trong những ngày này. Bà ta trông có vẻ khó chịu, bực bội, rồi phát hiện thấy Bá tước Northumberland bèn dán lên mặt một vẻ nồng nhiệt chào đón.

“Và đây là bà vợ yêu quý của tôi,” Dee nói về bồn chồn. “Bá tước Northumberland và ông Roydon đã đến đây rồi, Jane,” ông ta nói to.

“Sao ông không mời họ vào trong nhà?” Jane cau có, vặn xoắn hai bàn tay về khổ sở. “Họ sẽ nghĩ chúng ta không sẵn lòng đón khách, điều mà dĩ nhiên chúng ta lúc nào cũng sẵn sàng. Có nhiều người đến hỏi ý kiến của chồng tôi, thưa đức ngài.”

“Vâng. Cũng chính lý do đó mang chúng tôi tới đây. Tôi thấy là bà rất khỏe, bà Dee. Và tôi được biết từ ông Roydon rằng nữ hoàng gần đây đã ban vinh dự cho ngôi nhà của các vị bằng một chuyến viếng thăm.”

Jane hài lòng. “Quả là thế. John đã gặp bệ hạ ba lần kể từ tháng Mười Một. Hai lần cuối người bất ngờ đến cổng nhà chúng tôi khi trên đường đến Richmond.”

“Bệ hạ thật hào phóng với chúng tôi vào dịp Giáng Sinh vừa qua,” Dee nói. Ông ta vặn xoắn cái mũ bê rê trong hai bàn tay. Jane nhìn ông ta thái độ cáu kỉnh. “Chúng tôi đã nghĩ... nhưng chuyện không quan trọng.”

“Thú vị, thật thú vị,” Henry nói nhanh, giải cứu cho Dee khỏi bất cứ nguy cơ khó xử nào. “Nhưng nói chuyện vậy đủ rồi. Chúng tôi còn mong muốn được xem một cuốn sách đặc biệt...”

“Thư viện của chồng tôi còn được quý trọng hơn cả ông ấy nữa!” Jane sung sướng nói.

“Chi phí của chúng tôi trong chuyến viếng thăm hoàng đế đã đến mức tột cùng, mà chúng tôi còn có bao nhiêu là miệng ăn. Nữ hoàng đã nói sẽ giúp đỡ chúng tôi. Người quả đã ban tặng chúng tôi một phần thưởng nhỏ nhưng còn hứa hẹn nhiều hơn.”

“Không nghi ngờ gì nữ hoàng đã bị xao nhãng bởi nhiều vấn đề quan tâm cấp bách hơn.” Matthew cầm một cái bao nhỏ, nặng trĩu trên tay. “Tôi có một khoản ngang bằng với món quà của người ở đây. Và tôi đánh giá cao chồng bà, bà Dee ạ, không chỉ là những cuốn sách của ông ấy thôi đâu. Tôi đã bổ sung thêm phần bệ hạ dành cho những nỗi khó nhọc của ông ấy vì lợi ích của chúng ta.”

“Tôi... tôi cảm ơn ông, ông Roydon,” Dee lắp bắp, liếc mắt trao đổi với vợ. “Ông thật tử tế đã lo lắng đến công việc của nữ hoàng. Dĩ nhiên là các vấn đề cấp thiết luôn cần được ưu tiên trước khó khăn của chúng tôi.”

“Nữ hoàng bệ hạ không quên những bày tỏ tận tụy của người,” Matthew nói. Chuyện đó rành rành là không có thực, như mọi người đang đứng trong khu vườn đầy tuyết này đều biết thế, nhưng đây không phải vấn đề.

“Các vị phải vào nhà thư giãn bên bếp lửa ấm đã,” Jane nói, lòng nhiệt tình hiếu khách của bà ta tăng lên nhanh chóng. “Tôi sẽ mang tới rượu vang và sẽ lưu tâm để các vị không bị làm phiền.” Bà ta nhún gối chào với Henry, và thậm chí còn cúi thấp hơn nữa trước Matthew, sau đó đi giật lùi về phía cửa ra vào. “Thôi nào, John. Họ sẽ đông thành đá mất nếu ông giữ họ ngoài này lâu hơn nữa đấy.”

Hai mươi phút ở trong ngôi nhà của Dee đã chứng minh rằng chủ nhân và bà chủ của nó là đại diện cho nòi giống kỳ dị của những người đã kết hôn nhưng cãi vã liên miên chứ không phải những kẻ thiện cận và tính tình độc ác, trong khi vẫn luôn cố gắng. Họ trao đổi những lời bình phẩm có gai trong khi chúng tôi tỏ lòng ngưỡng mộ những tấm thảm mới (một món quà từ phu nhân Walsingham), bình đựng rượu mới (một món quà từ ngài Christopher Hatton), và lọ đựng muối bằng bạc mới (một món quà từ Nữ Hầu tước Northampton). Những món quà phô trương và lời lẽ công kích dữ dội chỉ phối cả cuộc gặp, chúng tôi – mãi đến cuối cùng – mới được dẫn vào thư viện.

“Anh sẽ rất vất vả mới có thể mang em ra khỏi đây mất,” Matthew thì thầm, nhoẻn miệng cười trước vẻ mặt thất vọng của tôi.

Thư viện của John Dee không giống tẹo nào với những gì tôi tưởng. Tôi đã hình dung nó trông giống một cái thư viện riêng thuộc về một quý ông giàu có thế kỷ mười chín – thế nhưng lúc này nó làm tôi chấn động như hoàn toàn không phòng bị gì. Nơi này không có không gian quý phái để hút tẩu và đọc sách bên lò sưởi. Chỉ có những cây nến soi sáng, căn phòng tối đến kinh ngạc vào ngày mùa đông này. Vài chiếc ghế bành và một cái bàn dày để sẵn dành cho người đọc cạnh một khung cửa sổ lùi quay về hướng nam. Các bức tường trong phòng treo những tấm bản đồ, biểu đồ thiên tinh, sơ đồ giải phẫu, và những tờ niên lịch có thể thấy ở mỗi cửa hiệu pha chế dược hay hiệu sách trong London với giá vài xu. Hàng thập kỷ đang được bày ra, đoán chừng chúng được duy trì y nguyên như một bộ sưu tập nhắc nhở đến thời điểm Dee vẽ một lá số tử vi dự đoán hay làm những tính toán khác liên quan đến thiên văn học.

Dee sở hữu nhiều sách hơn cả trường đại học Oxford hay Cambridge, và ông ta yêu cầu một thư viện hoạt động hiệu quả – chứ không phải chỉ để trưng bày. Không ngạc nhiên, những gì có giá trị nhất đều ở trên giá sách. Để tận dụng tối đa những gì có sẵn, các giá sách của Dee đứng độc lập và đặt vuông góc với các bức tường. Giá sách bằng gỗ sồi giản dị có hai mặt, chiều cao

phong phú để giữ các cuốn sách có kích thước khác nhau thời Elizabeth.

“Lạy Chúa tôi!” Tôi thì thảo. Dee khiếp đảm quay lại trước câu thề nguyện gọi tên Chúa của tôi.

“Vợ tôi đang bị choáng ngợp, ông Dee ạ,” Matthew giải thích. “Cô ấy chưa bao giờ ở trong một thư viện vĩ đại đến thế này.”

“Có rất nhiều thư viện rộng lớn và giá trị hơn thư viện của tôi, bà Roydon ạ.”

Jane Dee đến vừa đúng lúc làm chệch hướng cuộc trò chuyện sang những món đồ sứ trong ngôi nhà.

“Thư viện của hoàng đế Rudolf rất đẹp,” Jane nói, chuyển qua mời chúng tôi một khay rượu và đồ ăn ngọt. “Cho dù thế, ngài ấy cũng không nên trộm của John mấy cuốn sách hay nhất. Hoàng đế lợi dụng sự rộng lượng của chồng tôi, và chúng tôi mong có chút tiền bồi thường.”

“Jane,” John quả trách, “hoàng đế bệ hạ đã trả lại một cuốn sách cho chúng ta rồi.”

“Cuốn sách gì thế?” Matthew cẩn thận hỏi.

“Một văn bản hiếm có,” Dee nói vẻ không vui, quan sát đáng vẻ rút lui của vợ mình khi bà ta hướng về phía chiếc bàn.

“Chẳng có gì ngoài những câu sai ngữ pháp cả!” Jane vặn lại.

Ashmole 782. Nhất định phải là nó.

“Ông Plat đã kể với chúng tôi về một cuốn sách như thế. Đó là lý do chúng tôi có mặt ở đây. Có lẽ chúng tôi có thể tận hưởng lòng hiếu khách của bà nhà trước sau đó xem cuốn sách của hoàng đế được không?” Matthew gợi ý, xoa dịu như vuốt râu mèo. Anh đưa cánh tay ra, tôi nắm lấy siết thật chặt.

Trong khi Jane cuống quýt rót rượu, giải thích về giá của quả hạch vào mùa lễ hội và cửa hàng thực phẩm đã đẩy bà ta đến bờ vực phá sản như thế nào thì Dee bắt đầu tìm cuốn Ashmole 782. Ông ta rà tìm các giá trên một tủ sách và lôi ra một cuốn.

“Không phải nó,” tôi thì thảo với Matthew. Nó quá nhỏ.

Dee ném phịch cuốn sách lên bàn trước mặt Matthew và nâng cái bìa da mềm oặt lên.

“Thấy không. Trong đây toàn thứ vô dụng, từ ngữ thì vô nghĩa và những bức hình phụ nữ tắm dâm tục.” Jane đằng hắng từ ngoài phòng, cần nhần và lắc đầu.

Đây không phải là Ashomole 782, dù sao nó cũng không phải là cuốn sách mà tôi biết: cuốn cổ thư Voynich, còn được biết đến là cuốn Beinecke MS 408 của đại học Yale. Nội dung trong cuốn sách là một điều bí ẩn. Chưa có nhà giải mã hay nhà ngôn ngữ học nào khám phá ra văn bản này nói gì, còn các nhà thực vật học thì không thể nhận dạng được các loài cây trong này. Có rất nhiều giả thuyết để giải thích cho các bí ẩn của nó, bao gồm một ý kiến cho rằng nó được người ngoài hành tinh viết ra. Tôi buông một tiếng kêu thất vọng.

“Không ư?” Matthew hỏi. Tôi lắc đầu và cắn môi vẻ chán nản. Dee hiểu thâm về mặt của tôi là khó chịu với Jane, ông ta vội ồn ào giải thích.

“Xin thứ lỗi cho vợ tôi. Jane thấy cuốn sách này đáng lo ngại nhất, vì nó được bà ấy tìm thấy trong đồng hộp khi chúng tôi từ vùng đất của hoàng đế trở về. Tôi đã mang một cuốn sách khác theo trong chuyến đi này – một cuốn sách giá trị về giả kim thuật từng thuộc về một pháp sư vĩ đại người Anh Roger Bacon. Nó lớn hơn cuốn sách này, và chứa nhiều điều kỳ diệu trong

đó.” Tôi nhồm người tới trước trên ghế ngồi.

“Người phụ tá của tôi, Edward, có thể hiểu được văn bản đó với sự trợ giúp của thần linh mặc dù tôi không thể,” Dee tiếp tục. “Trước khi chúng tôi rời Praha, hoàng đế Rudolf đã bày tỏ sự quan tâm đối với tác phẩm này. Edward đã kể cho người vài bí mật chứa trong đó – về nguồn gốc kim loại và phương pháp bí mật để có được sự bất tử.”

Vậy rốt cuộc Dee đã từng sở hữu Ashmole 782. Và người phụ tá yêu tinh của ông ta, Edward Kelley, có thể đọc được văn bản đó. Hai bàn tay tôi run lấy bầy vì kích động, tôi giấu chúng dưới các nếp váy.

“Edward đã giúp Jane đóng gói cuốn sách của tôi khi chúng tôi được lệnh về nhà. Jane tin rằng Edward đã ăn cắp cuốn sách và thay thế nó bằng thứ này lấy từ bộ sưu tập của đức bệ hạ.” Dee ngập ngừng, trông thật buồn rầu. “Tôi không muốn nghĩ xấu về Edward, vì anh ta là đồng sự tin cậy của tôi và chúng tôi đã trải qua thời gian dài cùng nhau. Anh ta và Jane chưa bao giờ hòa hợp, và lúc đầu tôi đã bác bỏ giả thuyết của bà ấy.”

“Nhưng giờ ông nghĩ nó có khả năng,” Matthew nhận xét.

“Tôi điểm lại các sự kiện những ngày gần đây của chúng tôi, ông Roydon ạ, cố gắng nhớ lại một chi tiết có thể miễn tội cho người bạn của mình. Nhưng mọi điều tôi nhớ ra đều càng thêm quả quyết tội lỗi hướng về phía anh ta.” Dee thở dài.

“Nhưng, văn bản này có lẽ chưa chứng minh được là nó chứa các bí mật đáng giá.”

Matthew lật qua các trang. “Có những con quái vật đuôi rắn, mình dê, đầu sư tử,” anh nói, vừa quan sát kỹ các bức hình vẽ cây cối. “Lá cây, thân cây và hoa như đã bị ghép từ các loài cây khác nhau.”

“Những thứ này thì sao?” Tôi hỏi, chuyển tới các mô hình chiêm tinh hình tròn tiếp sau đó. Tôi nhìn kỹ những chữ viết tay ở chính giữa. Thật buồn cười. Tôi đã xem cuốn cổ thư này nhiều lần trước đây mà chưa bao giờ chú ý tẹo nào tới các ghi chú cả.

“Các mô tả này được viết bằng tiếng Occitania cổ,” Matthew lảng lẽ nói. “Tôi từng biết người có chữ viết tay giống thế này. Ông có tình cờ gặp một quý ông đến từ Aurillac trong khi ông triều kiến hoàng đế không?”

Có phải anh ấy đang ám chỉ Gerbert? Sự kích động của tôi chuyển thành lo lắng bất an. Có phải Gerbert đã nhầm lẫn cuốn cổ thư Voynich với cuốn sách bí ẩn về nguồn gốc các loài không? Câu hỏi của tôi vừa nảy ra, bản viết tay ở trung tâm sơ đồ thiên văn học bắt đầu run rẩy. Tôi chộp lấy cuốn sách đóng sập vào để ngăn nó không nhảy xuống khỏi trang sách.

“Không có, ông Roydon,” Dee nhú mào đáp. “Nếu có, tôi sẽ hỏi ông ta về vị pháp sư lừng danh đến từ nơi đó và rồi trở thành đức giáo hoàng. Có nhiều sự thật bị che giấu trong những câu chuyện cổ được kể quanh bếp lửa.”

“Đúng thế,” Matthew đồng ý, “miễn là chúng ta đủ khôn ngoan để nhận ra chúng.”

“Đó là lý do vì sao tôi vô cùng hối hận khi để mất cuốn sách của mình. Nó đã từng thuộc sở hữu của Roger Bacon, và tôi nghe người phụ nữ đã bán cuốn sách đó kể lại rằng ông ta treo giải thưởng cho nó để nắm giữ các sự thật thần thánh. Bacon gọi nó là Verum Secretum Secretorum.” Dee đắm chiêu nhìn cuốn cổ thư Voynich. “Ước mơ tha thiết nhất của tôi là có lại nó.”

“Có lẽ tôi có thể giúp được gì đó,” Matthew nói.

“Ông ư, Roydon?”

“Nếu ông cho phép tôi mang cuốn sách này đi, tôi có thể thử trả nó về nơi cũ và để cuốn sách của ông trở về với chính chủ.” Matthew kéo cuốn sách về phía anh.

“Tôi sẽ mãi mãi chịu ơn ngài, thưa ngài,” Dee nói, đồng ý với thỏa thuận này mà không thương lượng gì thêm.

Ngay phút chúng tôi ra khỏi khu vực công cộng đổ bộ vào Mortlake, tôi bắt đầu tấn công Matthew hàng tràng câu hỏi.

“Anh đang nghĩ gì vậy, Matthew? Anh không thể chỉ đóng gói cuốn cổ thư Voynich này và gửi nó tới cho Rudolf kèm một lời nhắn buộc tội ông ta chơi trò nước đôi. Anh sẽ phải tìm một người đủ điên rồ mạo hiểm mạng sống để đột nhập vào thư viện của Rudolf và đánh cắp Ashmole 782.”

“Nếu Rudolf có Ashmole 782 thì nó cũng không ở trong thư viện của ông ta. Nó sẽ ở trong ngăn kéo đựng những món đồ hiếm lạ,” Matthew lơ đãng nói, mắt nhìn đắm đắm vào làn nước.

“Vây cuốn Voynich này... không phải là cuốn sách hai người đang tìm kiếm à?” Henry vẫn theo dõi cuộc trao đổi của chúng tôi với vẻ quan tâm lịch sự. “George sẽ rất thất vọng khi không giải quyết được bí ẩn của hai người.”

“George có lẽ không giải quyết được, Hal, nhưng cậu ta đã làm sáng tỏ thêm nhiều rồi,” Matthew nói. “Kết hợp người của cha tôi và của tôi, chúng ta sẽ tìm được cuốn sách bị mất của Dee.”

Chúng tôi đón thủy triều trở lại thành phố, nhờ vậy mà chuyến trở về được tăng tốc nhanh hơn. Đuốc đã được thắp sáng trên Hẻm Water ở nơi cập bờ đón chúng tôi về, nhưng bỗng có hai người đàn ông trong bộ chế phục của nữ bá tước Pembroke vẫy chúng tôi.

“Lâu đài Baynard, xin làm ơn, ông Roydon!” Một người gọi vọng qua sông.

“Chắc có chuyện không ổn rồi,” Matthew nói, đứng ở mũi thuyền. Henry chỉ thị cho các tay chèo tăng tốc đi xuôi dòng sông hướng tới bến đáp thuyền của nữ bá tước, cũng đang được thắp sáng trưng bằng đèn hiệu và đèn lồng.

“Có chuyện với cậu bé nào rồi ư?” Tôi hỏi Mary khi cô ấy chạy hối hả xuôi hành lang để gặp chúng tôi.

“Không. Chúng đều khỏe. Hãy đến phòng thí nghiệm đi. Ngay lập tức.” Mary ngoái đầu gọi với lại, xoay người quay trở về phía ngọn tháp.

Quang cảnh đón chào chúng tôi ở đó đủ để khiến cả Matthew và tôi thở hắt ra kinh ngạc.

“Một cây Dianæ hoàn toàn ngoài mong đợi,” Mary vừa nói vừa cúi xuống để tầm mắt ngang bằng với cái khoang hình củ hành ở đáy vạc, giữ bộ rễ của một cái cây màu đen. Không giống cây Dianæ đầu tiên hoàn toàn bằng bạc và có cấu trúc tinh tế hơn nhiều. Cây này chắc khỏe mập mạp, vỏ cây màu tối sẫm, cành to trần trụi gợi tôi nhớ tới cây sồi ở Madison đã che chắn cho chúng tôi sau cuộc tấn công của Juliette. Tôi đã rút sức sống ra khỏi cái cây đó để cứu Matthew.

“Tại sao nó không phải là bạc?” Matthew hỏi, dùng hai tay bao lấy cái vạc thủy tinh mỏng manh của nữ bá tước.

“Tôi đã dùng máu của Diana,” Mary trả lời. Matthew nhìn thẳng vào tôi với ánh mắt nghi ngờ.

“Hãy nhìn bức tường kia xem,” tôi nói, chỉ vào con rồng lửa đang chảy máu.

“Nó là rồng xanh – biểu tượng cho cường thủy,” anh nói sau khi liếc nhanh qua nó.

“Không đâu, Matthew. Hãy nhìn nó đi. Hãy quên những miêu tả về nó trước đây và cố nhìn như lần đầu tiên được trông thấy.”

“Dieu.” Matthew kêu lên choáng váng. “Có phải đó là huy hiệu của anh không?”

“Đúng thế đấy. Anh có nhận ra con rồng đã ngậm lấy đuôi nó trong miệng không? Và nó không phải là một con rồng nữa đúng không? Rồng có bốn chân. Đó là một con rồng lửa.”

“Một con rồng lửa. Giống như...” Matthew lại chửi thề.

“Có hàng tá giả thuyết khác nhau về vật chất thông thường và thành phần cốt yếu đầu tiên để làm đá tạo vàng. Roger Bacon – người sở hữu cuốn cổ thư mất tích của tiến sĩ Dee – tin nó chính là máu.” Tôi tin chắc mẩu thông tin này sẽ khiến Matthew chú ý. Tôi khom người nhìn cái cây.

“Em đã nhìn bức tranh tường và làm theo bản năng của mình.” Sau một thoáng ngừng lời, Matthew lướt ngón cái dọc theo dấu xi niêm phong của cái bình và phá vỡ dấu xi. Mary thở hắt ra kinh hoàng khi anh phá hủy thí nghiệm của cô ấy.

“Anh làm gì thế?” Tôi hỏi, choáng váng.

“Làm theo linh cảm của anh, bổ sung thêm một thứ vào cái vạc này.” Matthew nâng cổ tay đưa lên miệng cắn rồi giơ nó ra phía trên khe mở hẹp kia. Dòng máu đen đậm của anh nhỏ vào dung dịch, chìm xuống đáy bình. Chúng tôi nhìn chăm chăm.

Ngay khi tôi nghĩ sẽ chẳng có gì xảy ra thì những vệt màu đỏ bắt đầu hoạt động lan ngược lên thân cây. Sau đó những chiếc lá bằng vàng nảy chồi từ cành cây.

“Nhìn kìa,” tôi kêu lên kinh ngạc.

Matthew mỉm cười với tôi. Đây là một nụ cười vẫn thoáng vẻ nuối tiếc, nhưng cũng mang cả hy vọng.

Những trái cây đỏ tươi xuất hiện giữa đám lá, lấp lánh như những viên ruby nhỏ xíu. Mary bắt đầu lăm bầm cầu nguyện, hai mắt mở lớn.

“Máu của em tạo khung xương, còn máu của anh khiến cây kết trái,” tôi thì thầm nói. Bàn tay bắt giác sờ vào bụng dưới rỗng không.

“Đúng thế. Nhưng tại sao?” Matthew đáp.

Nếu có thứ gì có thể cho chúng tôi biết sự biến đổi kỳ diệu xảy ra khi phù thủy và wearh kết hợp máu với nhau thì nó chính là những bức hình kỳ lạ và phần văn tự bí ẩn của Ashmole 782.

“Anh nói mất bao lâu để lấy cuốn sách của Dee về?” Tôi hỏi Matthew.

“Ồ, anh không nghĩ là sẽ quá lâu đâu,” anh thì thầm. “Một khi anh đặt hết tâm trí mình vào đó.”

“Càng sớm càng tốt,” tôi nhẹ nhàng nói, đan ngón tay chúng tôi vào nhau khi quan sát phép màu tiếp tục xảy ra, vậy là máu chúng tôi đã có hiệu quả.

Cái cây kỳ lạ tiếp tục lớn lên và phát triển trong ngày hôm sau và hôm sau nữa: Quả của nó chín rồi rụng xuống dưới đám rế trong hỗn hợp thủy ngân và prima materia. Những nụ mới hình thành, trở bông và ra hoa. Mỗi ngày một lần những chiếc lá chuyển từ màu vàng kim sang màu xanh lục và lại trở về màu vàng kim. Thỉnh thoảng cái cây mọc ra những cành mới hoặc một cái rế mới vươn ra để tìm kiếm dưỡng chất. “Tôi chưa tìm được một sự giải thích hợp lý cho nó,” Mary nói, ra dấu về phía những chồng sách mà Joan đã lôi từ trên giá xuống. “Cứ như thể chúng ta đã tạo ra một thứ hoàn toàn mới vậy.”

Bất chấp những sự kiện liên quan đến giả kim thuật làm xao lãng tâm trí đó, tôi vẫn không quên những lo ngại của các phù thủy. Tôi dệt ra rồi lại tháo dỡ chiếc áo choàng vô hình màu xám của mình, mỗi lần như thế tôi lại làm nhanh hơn và tốt hơn, hiệu quả hơn. Marjorie hứa là tôi sẽ nhanh chóng có khả năng đặt sản phẩm dệt của mình thành ngôn từ để các phù thủy khác có thể sử dụng câu thần chú đó.

Vài ngày sau, đi bộ từ St. James Garlickhythe về nhà, tôi leo cầu thang lên khu phòng của chúng tôi ở Hươu Đực và Vương Miện, gạt bỏ câu thần chú nguy trang của mình như tôi vẫn làm. Annie ở đầu bên kia sân trong đang tìm kiếm một miếng vải lanh sạch từ chỗ các nữ thợ giặt. Jack đang ở cùng với Pierre và Matthew. Tôi tự hỏi Françoise đã chuẩn bị gì cho bữa tối. Tôi sắp chết đói rồi.

“Năm phút nữa mà không ai cho tôi ăn, tôi sẽ gào lên đấy.” Thông báo của tôi bị ngắt quãng trong lúc tôi băng qua ngưỡng cửa bởi tiếng những chiếc ghim rơi rải rác trên sàn gỗ khi tôi rút chúng khỏi tấm lót cứng có hình thêu ở thân váy trước... Tôi ném cái yếm lên trên bàn rồi đưa tay tóm lấy những dải dây buộc để giữ cho vạt váy khép lại với nhau.

Một tiếng ho hắng lịch sự cất lên từ phía lò sưởi.

Tôi xoay người lại, các ngón tay siết chặt lớp vải che phần ngực.

“Tôi e là kêu gào vẫn còn tốt đấy.” Giọng nói xào xạo như tiếng cát xoáy lộn trong một cái cốc thủy tinh phát ra từ trong lòng sâu chiếc ghế bành được kéo gần tới cạnh lò sưởi. “Tôi đã sai người hầu của bà lấy rượu, và tứ chi già nua của tôi không thể di chuyển đủ nhanh để đáp ứng nhu cầu của bà.”

Chậm rãi, tôi đi vòng đến trước chiếc ghế bành đồ sộ ấy. Người lạ mặt trong nhà tôi nhướng cặp lông mày muối tiêu lên, nhìn xoáy vào dáng vẻ thiếu đoan trang chính tề của tôi. Tôi cau mày đáp lại cái nhìn táo tợn của ông ta.

“Ông là ai?” Người đàn ông này không phải yêu tinh, phù thủy hay ma cà rồng mà chỉ là một lão già nhăn nheo.

“Tôi tin rằng chồng bà và bạn bè ông ấy gọi tôi là Cáo Già. Về phần mình, tôi còn là cố vấn tối cao.” Người đàn ông ghê gớm nhất nước Anh, và tất nhiên là một trong những kẻ tàn nhẫn nhất, để cho những lời vừa nói lắng xuống. Vẻ mặt tử tế kia cũng không giảm bớt ánh sắc sảo trong cái nhìn chòng chọc của ông ta.

William Cecil đang ngồi trong phòng khách của tôi. Quá sững sốt để có thể nhún gối chào thật thấp một cách đúng mực, thay vào đó tôi trở mắt nhìn ông ta.

“Vậy là bằng cách nào đó bà đã biết tôi. Thật ngạc nhiên khi biết tiếng tăm của mình bay tới tận đây.” Khi tôi mở miệng định đáp lời, Cecil giơ bàn tay lên chặn lại. “Thưa bà, nếu khôn ngoan thì đừng chia sẻ quá nhiều với tôi.”

“Tôi có thể làm gì cho ngài, ngài William?” Tôi thấy mình như một cô nữ sinh bị gọi đến văn phòng hiệu trưởng vậy.

“Người ta biết về tiếng tăm của tôi chứ không phải tước hiệu của tôi. Vanitatis vanitatum, omnis vanitas,” Cecil lạnh nhạt nói. “Giờ tôi là Đức ngài Burghley, thừa bà Roydon. Nữ hoàng là một bà chủ hào phóng.”

Tôi lặng lẽ chửi thề. Tôi chưa bao giờ thấy hứng thú với việc các thành viên của tầng lớp quý tộc được nâng hàng phẩm tước và đặc quyền cao hơn. Khi cần biết, tôi sẽ tra cứu trong Từ điển lý lịch quốc gia. Và giờ thì tôi bị ông chủ của Matthew sỉ nhục. Tôi sẽ dàn hòa bằng cách tặng bốc ông ta bằng tiếng La tinh.

“Honor virtutis praemium,” tôi thì thào nói, gom lại tài ăn nói dí dỏm của mình. Sự quý trọng là giải thưởng cho đức hạnh. Một người hàng xóm của tôi ở Oxford là sinh viên tốt nghiệp trường Arnold. Anh ta chơi bóng bầu dục và kỷ niệm chiến thắng trong giải New College bằng cách la to hết mức câu cách ngôn này ở Turf, trước sự vui sướng của đồng đội.

“A, khẩu hiệu của nhà Shirley. Bà là thành viên của gia đình đó à?” Đức ngài Burghley chống ngón tay trước mặt và nhìn tôi với vẻ hứng thú nhiều hơn. “Họ nổi tiếng vì thiên hướng nói lan man.”

“Không,” tôi nói. “Tôi là người nhà Bishop... không phải là một giám mục thật đâu.” Đức ngài Burghley nghiêng đầu biểu đạt sự công nhận không lời. Tôi cảm thấy một ham muốn lố bịch muốn bóc trần linh hồn mình cho người đàn ông này xem – hoặc chạy càng nhanh càng xa về phía đối diện hết mức có thể.

“Nữ hoàng bề hạ chấp nhận cho một tăng lữ kết hôn, nhưng nữ giám mục thì, tạ ơn Chúa, còn nằm ngoài tưởng tượng của người.”

“Đúng. Không. Tôi có thể làm gì cho ngài, thừa đức ngài?” Tôi lặp lại, dấu hiệu chỉ trích đã thấp thoáng xuất hiện trong giọng nói. Tôi nghiêng chặt răng.

“Tôi không nghĩ thế đâu, bà Roydon. Nhưng có lẽ tôi có thể làm gì đó cho bà đấy. Tôi khuyên bà nên quay về Woodstock ngay. Đừng chậm trễ.”

“Tại sao, thừa đức ngài?” Tôi thoáng thấy sợ hãi.

“Bởi mùa đông và lúc này nữ hoàng đang không đủ bận bịu.” Burghley nhìn vào bàn tay trái của tôi. “Và bà đã kết hôn với ông Roydon. Bề hạ rộng lượng, nhưng người không chấp nhận được khi một trong những sủng thần của mình kết hôn mà không có sự cho phép của người.”

“Matthew không phải là sủng thần của nữ hoàng – anh ấy là đặc vụ của người.” Tôi áp tay lên bịt miệng mình, nhưng đã quá muộn để thu lại những lời đã nói.

“Sủng thần và đặc vụ khác gì nhau nào – ngoại trừ Walsingham. Nữ hoàng thấy nguyên tắc đạo đức cứng nhắc của hắn thật điên rồ, còn biểu hiện gắt gỏng của hắn thật không chịu đựng nổi. Nhưng nữ hoàng rất thích Matthew Roydon. Một số người sẽ nói điều đó cũng nguy hiểm. Mà chồng bà thì có rất nhiều bí mật.”

Cecil kéo người đứng dậy, dùng cây quyền trượng làm đòn bẩy. Ông ta rên lên một nhọc. “Hãy quay về Woodstock đi, thừa bà. Như vậy sẽ tốt nhất cho tất cả.”

“Tôi sẽ không rời xa chồng mình.” Elizabeth có thể ăn thịt cả triều thần của mình vào bữa sáng, như Matthew đã cảnh cáo tôi, nhưng bà ta sẽ không khiến tôi chạy trốn khỏi thành phố đâu. Không thể khi mà cuối cùng tôi cũng đang ổn định, tìm được bạn bè và đang học phép thuật. Tất nhiên càng không bao giờ có chuyện đó khi mà mỗi ngày Matthew lết người về nhà

trông như bị tóm cổ kéo lê đi hàng dặm đường vậy, để rồi lại dành cả đêm để trả lời thư tín do những người cung cấp tin của nữ hoàng, cha anh và Đại Hội Đồng gửi đến.

“Hãy nói với Matthew rằng tôi đã ghé qua.” Đức ngài Burghley chậm chậm đi ra cửa. Ở đó ông ta gặp Françoise đang bê đến một cái bình lớn đựng rượu và trông cáu kỉnh bức bối. Thấy tôi, mặt cô mở to hơn. Cô ấy không vui khi thấy tôi ở nhà, đang tiếp khách với cái thân váy không chừa chút gì. “Cảm ơn vì cuộc nói chuyện, bà Roydon. Mở mang nhiều điều lắm.”

Cổ vấn tối cao nước Anh dò dẫm xuống cầu thang. Ông ta đã quá già để đi lại vào chiều muộn như thế này, một mình, giữa tháng Một. Tôi đi theo ông ta đến bên đầu, nhìn ông ta đi cả quãng đường mà lo lắng.

“Đi cùng ông ấy đi, Françoise,” tôi thúc cô ấy, “và hãy đảm bảo Đức ngài Burghley tìm được những người hầu cận của mình.” Họ có thể đang ở quán Mũ Cửa Hồng Y Giáo Chủ nhậu say sưa với Kit và Will, hoặc có thể đang đợi lượt đồ sang ở đầu Hẻm Water. Tôi không muốn là người cuối cùng gặp cổ vấn chính của nữ hoàng Elizabeth lúc còn sống.

“Không cần, không cần,” Burghley nói với qua vai. “Tôi chỉ là một lão già chống gậy. Trộm cướp sẽ lờ tôi đi mà quan tâm tới những người có khuyên tai và áo chên đuôi tôm ấy. Lũ ăn mày thì tôi có thể đánh bật được nếu cần. Và người của tôi cũng không xa đây lắm. Hãy nhớ lời khuyên của tôi, thưa bà.”

Nói đến đó ông ta biến mất vào bóng tối nhập nhoạng.

“Dieu.” Françoise làm dấu thánh sau đó chìa các ngón tay cô về phía mắt quỷ để cầu an lành. “Lão ta là một linh hồn già nua. Tôi không thích cách lão ta nhìn bà. Thật may là milord không ở nhà. Ngài ấy cũng sẽ không thích chuyện này đâu.”

“William Cecil đủ già để làm ông nội tôi ấy chứ, Françoise,” tôi vặn lại, quay trở về phòng khách ấm cúng và nới lỏng dây buộc áo. Tôi rên lên một tiếng thỏa mãn khi sự thít chặt được giảm bớt.

“Đức ngài Burghley không có cái nhìn như muốn lên giường với bà.” Françoise liếc mắt nhìn vào vạt áo của tôi.

“Không ư? Vậy ông ta nhìn tôi như thế nào?” Tôi tự rót cho mình một cốc rượu và thả người xuống chiếc ghế của mình. Một ngày đưa đến bước ngoặt quyết định cho điều còn tồi tệ hơn.

“Giống như bà là một con cừu non sẵn sàng bị giết thịt và lão ta đang ước lượng giá trị bà sẽ mang lại.”

“Ai đang đe dọa ăn thịt Diana vào bữa tối thế?” Matthew đã về êm ru như một con mèo và đang cời găng tay ra.

“Khách của anh. Anh vừa lỡ dịp với ông ta rồi.” Tôi nhấp một ngụm rượu, vừa chực nuốt xuống thì Matthew đã nhắc cốc rượu từ tay tôi. Tôi kêu lên bức bối. “Anh có thể vẫy tay hay làm gì đó để em biết anh sắp di chuyển không hả? Giật cả mình khi anh xuất hiện trước mặt em kiểu đó.”

“Vì em đã tiết lộ một trong những dấu hiệu nhận biết của anh là nhìn ra ngoài cửa sổ, nên anh lấy làm vinh dự được chia sẻ với em rằng thay đổi chủ đề chuyện cũng là một trong những dấu hiệu của em đấy.” Matthew nhấp một hớp rượu và đặt cốc lên bàn. Anh mặt mũi chằm chằm nhìn tôi. “Khách nào thế?”

“William Cecil đang đợi bên lò sưởi khi em về nhà.” Matthew trở nên im lìm một cách kỳ quái.

“Ông ta là người đáng sợ nhất mà em từng gặp,” tôi tiếp tục, với tay lấy lại cốc rượu. “Burghley có vẻ trông giống Ông Già Noel với mái tóc và chòm râu muối tiêu, nhưng em sẽ không quay

lưng về phía ông ta đầu.”

“Rất khôn ngoan,” Matthew lặng lẽ nói, rồi nhìn Françoise chăm chú. “Ông ta muốn gì?”

Françoise nhún vai. “Tôi không biết. Ông ta ở đây khi tôi mua bánh thịt lợn của madame về. Đức ngài Burghley yêu cầu rượu vang. Gã yêu tinh đã uống hết mọi thứ cổ trong nhà từ sớm hôm nay nên tôi phải ra ngoài kiếm thêm.”

Matthew bắt chợt biến mất. Sau đó quay lại ngay với nhịp bước chân bình tĩnh hơn, trông có vẻ nhẹ nhõm. Tôi đứng bật dậy. Gác mái – và tất cả bí mật cất giấu ở đó. “Ông ta...”

“Không,” Matthew ngắt lời tôi. “Mọi thứ đều ở đúng vị trí chính xác. William có nói tại sao ông ta đến đây không?”

“Đức ngài Burghley gửi lời tới anh.” Tôi ngập ngừng. “Và ông ta bảo em rời khỏi thành phố.”

Annie bước vào phòng cùng với cậu nhóc Jack đang nói liên mồm và Pierre đang cười tươi rói, nhưng sau khi nhìn thấy mặt Matthew, nụ cười của Pierre tắt dần. Tôi đón lấy mấy món đồ vải lanh từ Annie.

“Tại sao cô không đưa bọn trẻ tới quán Mũ Cửa Hồng Y Giáo Chủ hả, Françoise?” Tôi nói. “Pierre cũng sẽ đi cùng.”

“Hu ra!” Jack la lên sung sướng trước viễn cảnh của một buổi tối đi chơi ngoài. “Ông Shakespeare đang dạy cháu trò tung hứng.”

“Miễn là ông ấy không cố gắng cải thiện văn phong viết lách của cháu, ta không có gì phản đối cả,” tôi nói, bắt được cái mũ của Jack khi thằng bé tung nó lên không. Điều cuối cùng chúng tôi cần là cậu bé bổ sung thêm khả năng giả mạo chữ ký vào danh sách kỹ năng của nó. “Đi đi và ăn bữa tối nhé. Cố gắng nhớ khăn tay của cháu dùng để làm gì đấy.”

“Cháu nhớ rồi,” Jack vừa nói vừa đưa ống tay áo lên quệt ngang mũi.

“Tại sao Đức ngài Burghley đi cả quãng đường đến Blackfriar để gặp anh?” Tôi hỏi khi chúng tôi còn lại một mình.

“Bởi vì anh nhận được tin tức mật từ Scotland hôm nay.”

“Giờ là gì nữa?” Tôi hỏi, cổ họng thít lại. Đây không phải lần đầu tiên chuyện về các phù thủy Berwick được bàn luận khi có mặt tôi, nhưng không hiểu sao sự hiện diện của Burghley có vẻ khiến mọi chuyện giống như thể ma quỷ đang bò qua bậc cửa nhà chúng tôi.

“Vua James tiếp tục hỏi cung các phù thủy. William muốn bàn bạc chuyện – nếu có – nữ hoàng nên làm để đáp trả lại.” Anh nhíu mày trước sự thay đổi trong mùi hương của tôi khi nỗi sợ đang xâm chiếm. “Em không nên gây rắc rối cho mình bằng những chuyện đang diễn ra ở Scotland.”

“Không biết không có nghĩa mọi chuyện không xảy ra.”

“Không,” Matthew nói, các ngón tay anh dịu dàng trên cổ tôi khi anh cố gắng xóa bỏ sự căng thẳng trong tôi. “Không chắc đâu.”

Ngày hôm sau tôi từ chỗ Goody Alsop về nhà mang theo một cái hộp gỗ bùa chú nhỏ – nơi những câu thần chú tôi viết ra được ấp ủ cho tới lúc chúng sẵn sàng cho một phù thủy khác sử dụng. Việc tìm cách đặt phép thuật của tôi thành ngôn từ là bước kế tiếp trong quá trình phát

triển của tôi với tư cách là một thợ dệt. Ngay lúc này chiếc hộp mới chỉ giữ những sợi thừng của thợ dệt. Marjorie không nghĩ câu thần chú đặc biệt của tôi đã sẵn sàng cho các phù thủy khác.

Một pháp sư ở phố Thames đã làm ra chiếc hộp từ cành của cây thanh hương trà mà con rồng lửa tặng tôi vào buổi tối tôi làm thần chú đêm của mình. Ông ta đã khắc hình một cái cây trên bề mặt, rễ và cành lá của nó quấn vào nhau một cách khác thường đến mức không thể nói rằng chúng vốn là những cá thể riêng rẽ. Không một chiếc đinh nào được đóng vào chiếc hộp cả. Thay vào đó là những khớp nối gần như vô hình. Pháp sư rất lấy làm tự hào về tác phẩm của ông ấy, còn tôi thì không thể đợi để khoe với Matthew.

Hươu Đực và Vương Miện yên ắng một cách kỳ lạ. Cả lò sưởi lẫn nến trong phòng khách đều được đốt lên. Matthew đang ở phòng làm việc của anh, một mình. Ba bình rượu đặt trên bàn trước mặt anh. Hai trong số đó đoán chừng đã rỗng không. Matthew không thường xuyên uống nhiều rượu đến thế này.

“Có chuyện gì không ổn à?”

Anh nhặt một tờ giấy lên. Dấu xi đỏ đậm bám vào các nếp gấp của nó. Con dấu niêm phong đã được phá vỡ ngang ở giữa. “Chúng ta bị gọi vào triều.”

Tôi chìm người vào chiếc ghế bành phía đối diện. “Khi nào?”

“Nữ hoàng bệ hạ đã tử tế cho phép chúng ta đợi tới ngày mai.” Matthew hừ lạnh. “Cha bà ấy không được khoan dung bằng nửa thế. Khi Henry muốn ai đó diện kiến, ông ta cho gọi họ ngay cả khi họ đang ở trên giường và gió bão thổi vù vù.”

Tôi sẽ vui sướng được gặp nữ hoàng nước Anh – khi tôi trở lại Madision. Còn sau khi gặp người đàn ông ghê gớm nhất vương quốc, tôi không còn bất kỳ khao khát nào muốn gặp người phụ nữ lọc lõi nhất ấy nữa. “Chúng ta phải đi à?” Tôi hỏi, nửa hy vọng Matthew sẽ từ chối mệnh lệnh hoàng gia này.

“Trong thư, nữ hoàng đã bỏ công nhắc anh nhớ đến đạo luật của bà chống lại phù phép, yểm bùa và thuật phù thủy.” Matthew quăng tờ giấy lên bàn. “Cổ vẻ như Danforth đã viết một lá thư cho giám mục của ông ta. Burghley đã chôn vùi lời phàn nàn này, nhưng nó lại nổi lên.” Matthew chửi thề.

“Vậy tại sao chúng ta lại đi diện kiến?” Tôi siết chặt chiếc hộp bùa chú của mình. Các sợi thừng bên trong đang trượt vòng quanh, háo hức muốn giúp trả lời câu hỏi của tôi.

“Bởi nếu chúng ta không ở trong phòng tiếp kiến tại cung điện Richmond vào hai giờ chiều mai, Elizabeth sẽ bắt giam cả hai.” Hai mắt Matthew sắc lạnh như những mảnh vỡ của biển thủy tinh. “Khi đó sẽ không mất nhiều thời gian để Đại Hội Đồng biết sự thật về chúng ta.”

Cả ngôi nhà náo động trước tin tức của chúng tôi. Tâm trạng lo lắng đề phòng đó cũng được người hàng xóm của chúng tôi chia sẻ vào sáng ngày hôm sau khi nữ bá tước Pembroke đến với đủ váy vóc để cung cấp cho cả giáo xứ. Cô ấy đến bằng đường sông, đi thuyền đến Blackfriars – mặc dù khoảng cách thực tế không tới trăm bước chân. Sự xuất hiện của nữ bá tước ở bến đậu Hẻm Water được xem như một cảnh tượng có tầm quan trọng to lớn với công chúng nơi đây, chỉ thoáng chốc một sự im lặng bao trùm khắp con đường bình thường luôn râm ran ồn ào của chúng tôi.

Mary trông bình thản và không hề lo lắng khi bước vào phòng khách, rồi đến Joan và một hàng người hầu chỉnh tề phía sau.

“Henry nói với tôi rằng cô sẽ được triều kiến vào chiều nay. Cô không có gì thích hợp để mặc

cả.” Bằng một cái phẩy tay ra hiệu hống hách, Mary hướng đoàn người hầu im ắng của mình về phía phòng ngủ của chúng tôi.

“Tôi định mặc chiếc váy dài mà tôi đã mặc hôm đám cưới mà,” tôi phản đối.

“Nhưng nó là đồ của Pháp!” Mary thở gấp kinh ngạc. “Cô không thể mặc nó!”

Những chiếc váy sa tanh thêu thùa lông lẫy, váy nhung khêu gợi, váy lụa lóng lánh được dệt lẫn sợi vàng và bạc thật, cùng hàng đồng váy chất liệu trong mờ mà không rõ mục đích để làm gì điếu qua trước mặt tôi.

“Chỗ này nhiều quá mức, Mary. Cô đang nghĩ gì thế?” Tôi hỏi, né người qua để tránh đụng vào một người hầu lặng lẽ đi qua.

“Không ai ra chiến trường mà lại không có một bộ áo giáp đủ quy cách cả,” Mary nói với phong thái pha trộn giữa vẻ ung dung nhẹ nhàng và cay cú. “Cầu Chúa phù hộ, nữ hoàng bệ hạ là một đối thủ ghê gớm đấy. Cô sẽ cần đến tất cả sự bảo vệ mà tủ quần áo của tôi có thể cung cấp được.”

Chúng tôi cùng nhau duyệt qua đủ sự lựa chọn. Làm thế nào để có thể sửa váy áo của Mary vừa vặn người tôi là một điều bí ẩn, nhưng tôi biết rõ không cần hỏi. Tôi là nàng Lọ Lem, và những chú chim trong cánh rừng cùng các nàng tiên cây sẽ được gọi đến nếu nữ bá tước Pembroke cảm thấy cần thiết.

Cuối cùng chúng tôi cũng duyệt được một chiếc váy dài màu đen thêu đặc kín những bông hoa bách hợp và hoa hồng bạc. Mary nói nó là một mẫu thiết kế từ năm ngoái, và bị thiếu những chân váy lớn hình bánh xe bò mà giờ đang là một thịnh hành. Elizabeth sẽ vui vẻ trước tính căn cơ tiết kiệm không để ý tới những ý thích nhất thời về thời trang của tôi.

“Hơn thế, bạc và đen còn là màu sắc của nữ hoàng nữa. Đó là lý do tại sao Walter luôn mặc chúng,” Mary giải thích, vuốt ve hai ống tay áo xếp nếp.

Nhưng chiếc váy tôi thích hơn cả là chiếc váy lót dài, may bằng sa tanh, màu trắng sẽ nhìn thấy được ở phần trước những chân váy xẻ. Nó cũng được thêu, chủ yếu là hoa cỏ và động vật, đi kèm với vài kiến trúc kinh điển, các dụng cụ khoa học, và các hình ảnh nhân cách hóa nữ tính của nghệ thuật và khoa học. Tôi nhận ra đôi tay làm ra tác phẩm này cũng là thiên tài đã tạo ra đôi giày của Mary. Để chắc chắn, tôi tránh chạm vào các hình thêu, vì không muốn Quý Bà Già Kim Thuật mang chiếc váy đi trước khi tôi có cơ hội mặc nó.

Phải cần đến bốn người phụ nữ và hai giờ đồng hồ mới giúp tôi hoàn thành việc ăn vận. Đầu tiên tôi mặc váy áo được độn và làm phồng theo những tỉ lệ kỳ cục, với đường may chần dày và một chiếc váy phồng rộng kèn càng khó di chuyển y như tôi hình dung. Cổ áo xếp nếp thật lớn và phô trương theo đúng chuẩn mực, dù Mary cam đoan với tôi là không lớn bằng áo của nữ hoàng. Mary gắn một cái quạt lông đà điểu vào eo lưng tôi. Nó treo rủ xuống giống một quả lắc đồng hồ khi tôi bước đi. Với những chiếc lông màu mận chín và tay cầm khảm ruby-ngọc trai, món đồ phụ kiện này dễ có giá gấp mười lần cái bẫy chuột của tôi ấy chứ, và tôi mừng là nó được gắn ở hông tôi theo đúng nghĩa đen.

Đồ trang sức là phần gây tranh cãi nhất. Mary có mang theo một chiếc hòm và lôi từ đó ra các món đồ vô giá, hết thứ này tới thứ khác. Nhưng tôi khẳng khái mang đôi khuyên tai của Ysabeau hơn là những viên kim cương hình giọt nước lông lẫy mà Mary đề nghị. Đáng kinh ngạc hơn là chuỗi ngọc trai Joan quàng lên vai tôi. Trước sự kinh hoàng của tôi, Mary tách chuỗi hoa đậu chổi mà Philippe đã tặng nhân dịp đám cưới tôi ra và gắn những dải kết hoa vào chính giữa vạt áo. Cô ấy kết những viên ngọc trai với một cái nơ đỏ. Sau khi bàn bạc kỹ càng, Mary và Françoise đặt một cái vòng ngọc trai đơn giản để lấp đầy đường cổ áo mở rộng của tôi. Annie ghim thêm vào cổ áo xếp nếp mũi tên bằng vàng của tôi, còn Françoise tạo kiểu tóc

hình trái tim ôm lấy khuôn mặt tôi. Cuối cùng, Mary đặt một chiếc mũ nỉ đính ngọc trai lên sau đầu tôi, che đi những bím tóc Françoise cuộn lại ở đó.

Matthew với tâm trạng cáu kỉnh hơn sau mỗi giờ, cố nặn ra một nụ cười và tỏ vẻ bị ấn tượng một cách thích đáng.

“Em có cảm giác như mình đang mặc một bộ đồ hóa trang lên sân khấu,” tôi rầu rĩ nói.

“Trông em đáng yêu lắm – cực kỳ đấy,” anh cam đoan với tôi. Anh trông cũng rất lộng lẫy, trong bộ đồ bằng nhung đen điểm màu trắng ở tay và cổ áo. Và anh đang đeo bức tiểu họa chân dung tôi trên cổ. Sợi dây chuyền dài được gài lên một cái khuy nên hình mặt trắng hướng ra phía ngoài còn hình của tôi thì gần sát với trái tim anh.

Cái nhìn đầu tiên của tôi khi thấy cung điện Richmond là đỉnh một tòa tháp bằng đá màu kem, cờ hoàng gia tung bay trong gió nhẹ. Rồi nhiều tòa tháp hơn nữa nhanh chóng xuất hiện, lóng lánh trong bầu không khí mùa đông khô hanh giống như một tòa lâu đài trong câu chuyện cổ tích thần tiên. Sau đó cả lâu đài rộng lớn lộn xộn xuất hiện trong tầm nhìn: con đường có mái vòm hình chữ nhật lạ lùng nằm ở phía đông nam, tòa nhà chính ba tầng nằm ở hướng tây nam, bao quanh là một con hào rộng, và vườn cây ăn trái có tường bao phía xa xa. Đằng sau tòa nhà chính vẫn còn nhiều tòa tháp và đỉnh mái nhọn, bao gồm một tòa nhà đôi gọi cho tôi nhớ đến trường Eton. Một cái cần trục khổng lồ nâng lên trên không trung phía vườn ăn trái xa xa, đám người dỡ những hộp và gói hàng để đưa vào bếp và kho của cung điện. Lâu đài Baynard vẫn luôn có vẻ hùng vĩ nguy nga đối với tôi, nhìn lại không bèn gót so với nơi cư ngụ của hoàng tộc xưa kia.

Những người chèo thuyền hướng chiếc xuồng vào bến đậu. Matthew lờ đi những cái nhìn chăm chăm và những câu hỏi han, để mặc cho Pierre và Gallowglass đáp lời hộ anh. Nhìn thoáng qua, Matthew trông có vẻ hơi chán chường. Nhưng tôi đủ gần để thấy được anh đang rà soát dọc bờ sông, đầy khẩn trương và cảnh giác.

Tôi nhìn sang bên kia con hào tới con đường mái vòm có hai tầng. Các khung cửa vòm ở tầng trệt để mở thông thoáng, còn tầng trên rục rịch với những khung cửa sổ bằng chì. Nhiều gương mặt háo hức ngó ra ngoài, hy vọng trông thoáng qua những người mới đến và kiếm được một mẩu chuyện tán gẫu. Matthew nhanh chóng đặt vóc người lừng lững của anh giữa chiếc xuồng và những triều thần tò mò, che khuất tôi khỏi bị dễ dàng trông thấy.

Những người hầu mặc chế phục, mỗi người mang một thanh gươm hoặc giáo mác, dẫn chúng tôi đi qua trạm canh gác đơn giản để vào khu vực chính của cung điện. Khu phòng tầng trệt sôi nổi và ồn ào như bất kỳ tòa nhà văn phòng nào thời hiện đại, với đám người hầu và triều thần đang hối hả đáp ứng các yêu cầu và chấp hành những mệnh lệnh. Matthew rẽ phải; lính gác lịch sự chặn anh lại.

“Bà ta sẽ không gặp riêng chú đâu, trước khi chú tỏ ra lo lắng sốt vó trước mặt mọi người,” Gallowglass thì thầm nói. Matthew chửi thề.

Chúng tôi ngoan ngoãn đi theo những người hộ tống tới một cầu thang lộng lẫy. Nơi đây chật ních người, và sự va chạm của con người, mùi hoa, mùi hương thảo được làm người ta choáng váng. Ai ai cũng xúc nước hoa trong nỗ lực bảo vệ bản thân thoát khỏi những mùi hương khó chịu, nhưng tôi tự hỏi phải chăng kết quả có vẻ tệ hơn. Khi đám đông nhận ra Matthew, có những tiếng thì thầm trong khi biển người rẽ ra. Anh cao lớn hơn hầu hết bọn họ và cũng có cái khí chất hung hiểm như hầu hết các nhà quý tộc nam giới mà tôi đã gặp. Sự khác biệt ở chỗ Matthew thật sự gây chết người – và ở một mức độ nào đó những sinh vật máu nóng này đã nhận ra điều đó.

Sau khi đi xuyên qua liên ba phòng chờ, mỗi phòng đầy tiếng ồn ào xôn xao với những cận thần độm như bị bông, sức nức mùi và đầy trang sức của cả hai giới tính với đủ mọi độ tuổi, cuối

cùng chúng tôi cũng đến một cánh cửa đóng kín, và đợi ở đó. Những tiếng thì thầm xung quanh dâng lên thành tiếng xì xào. Một người đàn ông nói một câu đùa cợt, đám bạn của hắn ta cười khúc khích. Quai hàm Matthew nghiến chặt.

“Tại sao chúng ta phải đợi?” Tôi hỏi, giọng nén xuống để chỉ Matthew và Gallowglass nghe được.

“Để làm nữ hoàng vui thích – và để cho triều đình thấy rằng anh không hơn gì một bày tôi.”

Khi cuối cùng chúng tôi được dẫn vào diện kiến, tôi ngạc nhiên nhận thấy căn phòng này cũng đầy ắp người. “Riêng tư” là một cụm từ tương đối trong triều đình của Elizabeth. Tôi tìm kiếm nữ hoàng, nhưng không thấy bà ta đâu. Sợ rằng chúng tôi sẽ lại phải đợi lần nữa, tim tôi muốn chùng xuống.

“Tại sao mỗi năm ta một già thêm, còn Matthew Roydon dường như trông trẻ ra hai tuổi nhỉ?” Một giọng nói vui vẻ đến ngạc nhiên cất lên từ phía lò sưởi. Hầu hết mọi sinh vật tôi vẽ dày đậm, sức nức mùi thơm, ăn vận xa xỉ phung phí trong căn phòng đều quay ra ngắm nghía chúng tôi. Chuyển động của họ làm lộ ra Elizabeth, nữ hoàng ngồi ở trung tâm náo nhiệt. Tim tôi lỡ một nhịp. Đây là một huyền thoại sống.

“Thần không thấy có thay đổi lớn nào ở người, thưa bệ hạ,” Matthew nói, hơi nghiêng người chào. “Semper eadem, y như nhau.” Cũng những lời này đã được vẽ trong biểu ngữ bên dưới huy hiệu hoàng gia trang trí lò sưởi. Lúc nào cũng như thế.

“Thậm chí đức ngài cố vấn còn xoay sở để cúi chào được thấp hơn thế, thưa ngài, mà ông ta còn bị chứng thấp khớp cơ đấy.” Cặp mắt đen láy ánh lên bên dưới cái mặt nạ bằng phấn sáp. Dưới cái mũi khoằm nhọn, nữ hoàng mím cặp môi mỏng thành một đường khắc nghiệt. “Và gần đây ta thích một câu khẩu hiệu khác: Video et taceo.”

Ta quan sát và ta im lặng. Chúng tôi gặp rắc rối rồi.

Matthew dường như không nhận thấy và vẫn thẳng tắp đứng như thể anh là một hoàng tử của vương quốc này chứ không phải đặc vụ của nữ hoàng. Hai vai bạnh ra sau, đầu dựng thẳng, anh dễ là người đàn ông cao nhất trong căn phòng. Chỉ có hai người gần cao bằng anh: Henry Percy, người đang đứng dựa vào bức tường trông thật khốn khổ, và một người đàn ông què tầm tuổi như ngài bá tước với mái tóc quăn và vẻ mặt xác xược đứng bên cạnh nữ hoàng.

“Cẩn thận đấy,” Burghley lăm băm khi đi ngang qua Matthew, ngụy trang lời nhắc nhở bằng quả dấm trên cây quyền trượng của ông ta. “Người cho gọi thần, thưa bệ hạ?”

“Linh hồn và Cái Bóng ở cùng một chỗ. Hãy cho ta biết, Raleigh, cái đó không xâm phạm một nguyên tắc triết học đen tối nào đấy chứ?” Người bên cạnh nữ hoàng lè nhè lên tiếng. Đám bạn của hắn chỉ vào Đức ngài Burghley và Matthew rồi phá lên cười.

“Nếu ngài đã học ở Oxford chứ không phải Cambridge, Essex, thì ngài sẽ biết câu trả lời và thấy nhục nhã vì phải hỏi câu đó.” Raleigh như vô tình chuyển trọng tâm cơ thể và thuận tiện đặt bàn tay lên gần chuôi kiếm của anh ta.

“Thôi nào Robin,” nữ hoàng lên tiếng, khẽ vỗ nhẹ vẻ khoan dung lên khuỷu tay hắn ta. “Người biết rằng ta không thích khi người khác dùng tên thú cưng của ta mà. Đức ngài Burghley và ông Roydon sẽ tha thứ cho người vì hành vi lần này.”

“Ta thấy tiểu thư này là vợ ông, Roydon.” Bá tước Essex chuyển cặp mắt nâu chiếu sang tôi. “Chúng ta không biết ông đã cưới vợ đấy.”

“Ai là ‘chúng ta’ vậy?” Nữ hoàng vặn lại, lần này cho hắn một vố. “Đây không phải việc của

người, Đức ngài Essex.”

“Ít nhất Matt không lo sợ bị trông thấy ở trong thành phố khi bên bà ấy.” Walter vuốt cằm. “Ngài cũng mới kết hôn đấy. Vợ ngài đang ở đâu vào một ngày mùa đông đẹp trời thế này nhỉ?” Đây rồi, tôi nghĩ khi Walter và Essex mưu mẹo để chiếm thế thượng phong.

“Phu nhân Essex ở phố Hart, tại nhà mẹ đẻ, cùng với người thừa kế mới sinh của ngài bá tước,” Matthew trả lời thay cho Essex. “Xin chúc mừng, đức ngài. Khi tôi ghé thăm nữ bá tước, bà ấy bảo tôi cậu nhà được đặt theo tên của ngài.”

“Đúng. Robert được rửa tội ngày hôm qua,” Essex khó nhọc nói. Hắn trông hơi căng thẳng, lo lắng trước ý nghĩ Matthew ở quanh quần gần vợ và con hắn.

“Công tử đã được làm lễ, thưa đức ngài.” Matthew tặng cho bá tước một nụ cười thật sự làm người ta kinh hãi. “Thật lạ lùng. Tôi không thấy ngài có mặt ở buổi lễ.”

“Cãi vãi đủ rồi!” Elizabeth quát lớn, tức giận vì cuộc trò chuyện không còn nằm dưới sự kiểm soát của bà. Nữ hoàng gõ những ngón tay thon dài vào thành ghế được bọc kín. “Ta chưa cho phép ai trong các người cưới cả. Cả hai đều là đồ vô ơn, những tên xấu xa tham lam. Mang cô gái đến gặp ta.”

Lòng bồn chồn lo lắng, tôi vuốt chân váy và nắm lấy cánh tay Matthew. Khoảng cách hơn chục bước chân giữa nữ hoàng và tôi dường như trải dài bất tận. Cuối cùng khi tôi tới cạnh bà, Walter lạnh lùng nhìn xuống sàn nhà. Tôi nhún gối chào và giữ nguyên tư thế đó.

“Ít nhất cô ta cũng biết phép tắc hành xử,” Elizabeth công nhận. “Để cô ta đứng lên đi.”

Khi đón gặp đôi mắt bà, tôi nhận ra nữ hoàng bị cận thị. Mặc dù tôi cách bà chỉ hơn mét rưỡi, nhưng bà phải nhíu mắt như là không thể nhìn thấy rõ mặt mũi tôi.

“Hừm,” Elizabeth tuyên bố khi cuộc kiểm tra kết thúc. “Gương mặt cô ta thô quá.”

“Nếu người nghĩ vậy, thì thật may là người không cưới cô ấy,” Matthew nói cụt lủn.

Elizabeth xem xét tôi thêm một lúc. “Có vết mực trên các ngón tay cô ta.”

Tôi giấu các ngón tay đáng xấu hổ đó đằng sau cái quạt đi mượn. Những vết bẩn từ thứ mực làm từ cây vú lá sồi không thể nào tẩy đi được.

“Và ta đang trả lương cho ông bao nhiêu, hử Cái Bóng, để vợ ông có thể trang trải cho một chiếc quạt như thế?” Giọng Elizabeth đã chuyển sang hờn dỗi.

“Nếu chúng ta sắp sửa bàn về tài chính của hoàng thượng thì có lẽ những người khác nên lui ra,” Đức ngài Burghley gợi ý.

“Ồ, rất tốt,” Elizabeth gật gù. “Ông ở lại, William và cả Walter nữa.”

“Còn thần,” Essex nói.

“Không phải ngươi, Robin. Ngươi phải lo liệu buổi tiệc. Ta muốn được giải trí tối nay. Ta mệt mỏi với trò lên lớp và những bài học lịch sử rồi, cứ như ta là một con bé nữ sinh vậy. Không kể chuyện của Vua John hay những cuộc phiêu lưu của cô gái chăn cừu lụy tình bám lấy người chăm nom cô ta thêm nữa. Ta muốn Symon nhào lộn. Nếu phải có một vở kịch, hãy để nó là một vở kịch có thầy gọi hồn và cái đầu đồng thau tiên đoán được tương lai.” Elizabeth gõ các khớp tay lên mặt bàn. “Time is, time was, time is past. Ta thật thích câu đó.”

Matthew và tôi trao đổi những cái nhìn.

“Thần tin vở kịch đó có tên là Friar Bacon và Friar Bungay, thưa bệ hạ,” một phụ nữ trẻ thì thầm vào tai nữ hoàng.

“Đúng là nó, Bess. Xem nó đi, Robin, và người sẽ ngồi cạnh ta.” Bản thân nữ hoàng là một nữ diễn viên rồi. Bà ta có thể đi từ cơn giận dữ thịnh nộ tới hờn dỗi rồi vùi vĩnh mà chẳng lỡ một nhịp.

Có phần được xoa dịu, bá tước Essex rút lui, nhưng trước khi đi còn bắn cho Walter một cái lư mắt khinh miệt. Mọi người xôn xao nhận nhịp theo sau hắn. Essex giờ là người quan trọng nhất trong nhóm kẻ cận, và giống thiêu thân lao vào lửa, những cận thần khác cũng háo hức chia sẻ ánh sáng của hắn. Cánh cửa khép lại sau lưng bọn họ.

“Bà thích chuyển viếng thăm ông Dee chứ, bà Roydon?” Giọng nữ hoàng vang lên lạnh lùng. Lúc này không hề có giọng điệu phỉnh phờ trong đó. Giờ hoàn toàn là công việc.

“Chúng thần có, thưa bệ hạ,” Matthew trả lời.

“Ta biết rõ ràng vợ ông có thể tự nói được, ông Roydon. Hãy để bà ta nói đi.”

Matthew quắc mắt nhìn nhưng vẫn im lặng.

“Vô cùng thích thú ạ, thưa bệ hạ.” Tôi vừa nói chuyện với nữ hoàng Elizabeth I. Gạt qua một bên cảm giác không tin nổi của mình, tôi tiếp tục. “Tôi là một người nghiên cứu về giả kim thuật và có hứng thú với những cuốn sách và việc học hỏi.”

“Ta biết bà là gì.”

Nguy hiểm lóe lên xung quanh tôi, một cơn bão lửa những sợi tơ màu đen phần phật bay và rền rĩ khóc.

“Thần là bề tôi của người, thưa bệ hạ, giống như phu quân của thần,” Mắt tôi vẫn cương quyết chú mục vào đôi giày mềm của nữ hoàng nước Anh. May mắn là chúng không đặc biệt thú vị và vẫn vô tri vô giác.

“Ta đã có đủ những kẻ nịnh thần và những thằng ngốc rồi, bà Roydon. Bà sẽ không kiếm được một chỗ trong đó với câu nhấn mạnh ấy đâu.” Đôi mắt bà ta lóe lên ánh sáng báo hiệu điềm xấu. “Không phải tất cả đặc vụ đều báo cáo với chồng của bà. Nói cho ta biết, Cái Bóng, các người có việc gì với ông Dee?”

“Đó là một vấn đề riêng tư,” Matthew nói, cố giữ bình tĩnh một cách khó khăn.

“Không có thứ như thế trong vương quốc của ta.” Elizabeth dò xét gương mặt Matthew. “Ông đã bảo ta không được tin tưởng giao phó những bí mật của mình cho những kẻ mà lòng trung thành chưa được ông kiểm tra giúp ta,” bà ta lạnh lẽo tiếp tục. “Chắc hẳn lòng trung thành của chính ta không bị nghi ngờ chứ.”

“Đó là chuyện riêng giữa ông Dee và bản thân thần, madam,” Matthew nói.

“Rất tốt, ông Roydon. Vì ông đã quyết giữ bí mật, nên ta sẽ nói cho ông biết việc của ta với ông Dee để xem xem liệu có thể nói lỏng mồm miệng ông được không. Ta muốn Edward Kelly trở lại Anh.”

“Thần tin giờ ông ta là Ngài Edward, thưa bệ hạ,” Burghley sửa lời nữ hoàng.

“Người nghe chuyện đó từ đâu?” Elizabeth hỏi.

“Từ thần,” Matthew ôn tồn đáp. “Rốt cuộc thì việc của thần cũng là phải biết về những chuyện

này. Tại sao người cần Kelley?”

“Ông ta biết cách tạo ra đá tạo vàng. Và ta sẽ không để nó rơi vào tay nhà Hapsburg.”

“Đó là điều người lo sợ ư?” Matthew hỏi nghe có vẻ nhẹ nhõm.

“Ta sợ chết đi và để lại vương quốc của ta như một miếng thịt ngon lành cho mấy con chó tranh giành từ Tây Ban Nha, Pháp, đến Scotland,” Elizabeth nói, đứng lên và tiến về phía anh. Càng đến gần, sự khác biệt to lớn về kích thước và sức mạnh của họ càng hiện rõ. Bà là một phụ nữ nhỏ bé đã sống sót chống lại những đòn đánh vô hình suốt bao năm trời. “Ta lo sợ thần dân của ta sẽ trở nên thế nào khi ta ra đi. Mỗi ngày ta cầu nguyện sự giúp đỡ của Chúa để cứu nước Anh khỏi tai họa chắc chắn đó.”

“Amen,” Burghley ngâm nga đệm theo.

“Edward Kelley không phải là câu trả lời của Chúa, thần hứa với người điều đó.”

“Bất cứ kẻ cai trị nào sở hữu đá tạo vàng cũng sẽ có được sự giàu có vô tận.” Ánh mắt Elizabeth sáng lên. “Có thêm nhiều vàng để tùy ý sử dụng, ta có thể đánh bại Tây Ban Nha.”

“Và nếu muốn trở thành loài chim hét, sẽ bị đám người ăn xin chén sạch đây,” Matthew đáp lại.

“Hãy để ý mồm miệng, Roydon,” Burghley cảnh cáo.

“Bệ hạ đang đặt ra mục tiêu để lao vào vùng nước nguy hiểm, thừa đức ngài. Công việc của tôi cũng là cảnh báo người chuyện đó.” Matthew trang trọng nói một cách cẩn thận. “Edward Kelley là một yêu tinh. Công việc liên quan đến giả kim thuật nguy hiểm gần bằng pháp thuật, như Walter có thể chứng thực. Đại Hội Đồng liêu lĩnh giữ cho niềm đam mê của Rudolf II được trong vòng bí ẩn để tránh một bước ngoặt nguy hiểm như đã xảy ra với Vua James.”

“James có mọi quyền hành để bắt giữ các phù thủy đó!” Elizabeth nóng nảy nói. “Cũng như ta có mọi quyền hành để tuyên bố quyền đối với lợi ích này, tạo ra đá tạo vàng.”

“Có phải người đã đưa ra một thỏa thuận cứng rắn với Walter khi anh ta đến Tân Thế Giới không?” Matthew hỏi. “Nếu anh ta tìm thấy vàng ở Virginia, người sẽ đòi tất cả chuyển giao qua tay người đúng không?”

“Ta tin đó chính xác là những điều kiện được dàn xếp giữa chúng ta,” Walter nhàn nhạt nói, rồi vội vàng bổ sung thêm, “mặc dù dĩ nhiên thần lấy làm vinh hạnh được làm điều đó vì bệ hạ.”

“Ta biết ông không đáng tin mà, Cái Bóng. Ông ở nước Anh phục vụ ta, nhưng ông tranh cãi cho Đại Hội Đồng của ông như thể những ước muốn của bọn họ là quan trọng hơn cả.”

“Thần cũng có cùng khao khát như người, thừa bệ hạ: để cứu nước Anh khỏi thảm họa. Nếu người đi theo con đường của Vua James và bắt đầu ngược đãi các yêu tinh, phù thủy và wearh, thì người sẽ phải gánh chịu đau khổ vì điều đó, và vương quốc này cũng vậy.”

“Thay vào đó ông đề nghị ta nên làm gì?” Elizabeth hỏi.

“Thần đề nghị chúng ta hãy tiến hành một cuộc dàn xếp – cũng không quá khác biệt so với giao kèo người lập ra với Raleigh. Thần sẽ lo liệu để Edward Kelley trở về nước Anh, người có thể khóa hắc vào trong Tháp và buộc hắc giao ra đá tạo vàng – nếu hắc có thể.”

“Và đổi lại?” Elizabeth rút cuộc cũng là con gái của cha bà ta, hiểu rõ rằng trên đời không có gì là miễn phí cả.

“Đổi lại người sẽ cho các phù thủy Berwick ăn náu, số lượng bao nhiêu tùy thuộc vào thần có

thể đưa họ ra khỏi Edinburgh cho tới khi cơn điên cuồng của Vua James qua đi.”

“Tuyệt đối không!” Burghley nói. “Nghĩ mà xem, madam, chuyện gì có thể xảy ra cho mối quan hệ với các quốc gia láng giềng của chúng ta ở phương bắc nếu người định mời những phù thủy Scotland qua biên giới!”

“Không còn nhiều phù thủy ở Scotland đâu,” Matthew dứt khoát nói, “vì người đã từ chối những cầu xin trước đây của thần.”

“Cái Bóng, ta nghĩ một trong những công việc của ông khi ở Anh là đảm bảo người của ông không can thiệp vào chuyện chính trị của chúng ta. Sẽ thế nào nếu những âm mưu riêng này bị khám phá ra hả? Ông sẽ giải thích thế nào về các hành động của mình?” Nữ hoàng chăm chú nhìn anh.

“Thần sẽ nói rằng nỗi khốn khổ quen biết với mọi người đàn ông y như người cùng chung chăn gối với bọn họ, thưa bệ hạ.”

Elizabeth thốt ra một tiếng kêu khe khẽ thích thú. “Điều đó là sự thật đáng ngờ đối với phụ nữ đây,” bà lạnh nhạt nói. “Tốt rồi. Chúng ta thống nhất thế. Ông sẽ tới Praha tìm Kelly. Bà Roydon có thể ở bên ta, trong triều, để đảm bảo tốc độ trở về của ông.”

“Vợ tôi không nằm trong thỏa thuận của chúng ta, và không cần thiết cử thần tới Bohemia vào tháng Một thế này. Người đã quyết tâm mang Kelly trở về. Thần sẽ lo liệu để hần ta được giao tới nơi.”

“Ông không phải là vua ở đây!” Elizabeth chọc ngón tay vào ngực anh. “Ông sẽ đến nơi ta cử ông đi, ông Roydon. Nếu ông không tuân lệnh, ta sẽ tống cả ông và cô vợ phù thủy của ông vào Tháp vì tội mưu phản. Và còn tệ hơn nữa kia,” bà ta nói, đôi mắt long lên.

Có người gõ cửa.

“Vào đi!” Elizabeth gầm lên.

“Nữ bá tước Pembroke xin được diện kiến, thưa bệ hạ,” một tên lính kính cẩn thưa.

“Trời ạ,” nữ hoàng chửi thề. “Ta không bao giờ có được một phút bình yên à? Cho bà ta vào.”

Mary Sidney tiến vào phòng, chiếc khăn trùm và cổ áo xếp nếp của cô cuộn lên theo nhịp đi chuyển từ phòng chờ lạnh lẽo cho tới căn phòng nóng hầm hập mà nữ hoàng đang có mặt. Cô nhún gối chào duyên dáng ở nửa đường đi, lướt đi tiếp vào trong phòng và lại nhún gối chào hoàn hảo một lần nữa. “Nữ hoàng bệ hạ,” cô nói, đầu cúi thấp.

“Chuyện gì đưa bà vào triều thế, phu nhân Pembroke?”

“Người đã từng ban cho thần một ân huệ, thưa bệ hạ – phòng khi cần thiết.”

“Phải, phải,” Elizabeth gắt gỏng đáp. “Chồng bà giờ muốn gì à?”

“Không gì cả.” Mary đứng thẳng lên. “Thần đến để xin được phép gửi nhờ bà Roydon một món đồ vụn vặt quan trọng.”

“Ta không hình dung nổi lý do tại sao,” Elizabeth bắt bẻ. “Bà ta có vẻ chẳng có ích cũng không tháo vát gì.”

“Thần cần những chiếc cốc thủy tinh đặc biệt dùng cho các thí nghiệm mà chỉ có thể kiếm được từ xưởng sản xuất của hoàng đế Rudolf. Vợ của anh trai thần – xin thứ lỗi cho thần, vì sau cái chết của Philip chị ấy giờ tái hôn và là nữ bá tước Essex – cho thần biết rằng ông Roydon

sắp được cử tới Praha. Bà Roydon sẽ đi cùng ông ấy, với sự chúc phúc của người, và tìm kiếm thứ thần cần.”

“Thật hảo huyền, thằng nhóc ngu ngốc! Bá tước Essex không kháng cự nổi chuyện chia sẻ mẩu thông tin hắc biết với cả thế giới.” Elizabeth xoay ngoắt đi trong một luồng gió của bạc và vàng. “Ta sẽ lấy đầu con vẹt tự cao tự đại đó vì chuyện này!”

“Người đã hứa với thần, thưa bệ hạ, khi anh trai thần hy sinh bảo vệ vương quốc của người, rằng một ngày nào đó người sẽ ban cho thần một ân huệ.” Mary dịu dàng cười với Matthew và tôi.

“Và bà muốn lãng phí một món quà giá trị như thế cho hai người này ư?” Elizabeth tỏ vẻ hoài nghi.

“Matthew từng cứu sống Philip. Ông ấy giống như anh trai của thần.” Mary chớp mắt nhìn nữ hoàng với dáng vẻ ngây thơ nghiêm túc.

“Bà có thể vừa dịu dàng lại vừa mơ mộng, phu nhân Pembroke. Ta ước chúng ta được nhìn thấy bà nhiều hơn trong triều.” Elizabeth giơ hai tay lên. “Được rồi. Ta sẽ giữ lời. Nhưng ta muốn Edward Kelley hiện diện trước mặt ta vào giữa mùa hè – và ta không muốn chuyện này bị làm lộn xộn lên, hay cả châu Âu đều biết việc của ta. Ông hiểu ta chứ, ông Roydon?”

“Vâng, thưa bệ hạ,” Matthew nói qua hàm răng nghiến chặt.

“Vậy thì hãy vác xác đến Praha đi. Hãy mang vợ ông theo cùng, để làm vui lòng phu nhân Pembroke.”

“Đội ơn người, bệ hạ.” Matthew trông khá đáng lo như thể anh ước gì có thể vặt cái đầu tóc giả của Elizabeth Tudor khỏi thân thể bà.

“Biến khỏi mắt ta đi, tất cả các người, trước khi ta đổi ý.” Elizabeth trở về chiếc ghế của bà và ngồi sụp xuống dựa vào lưng ghế được trạm khắc hoa văn.

Đức ngài Burghley hất đầu ra hiệu chúng tôi làm theo mệnh lệnh của nữ hoàng. Nhưng Matthew không thể để mặc các vấn đề đứng yên đó chưa giải quyết.

“Một lời lưu ý, thưa bệ hạ. Xin đừng đặt lòng tin của người vào bá tước Essex.”

“Ông không thích hẳn, ông Roydon, cả William hay Walter cũng thế. Nhưng hẳn làm ta cảm thấy trẻ lại.” Elizabeth chiếu đôi mắt đen láy nhìn anh. “Ông đã từng bày tỏ rằng sẽ phục vụ vì ta và gọi ta nhớ tới những thời gian vui vẻ hơn. Giờ ông đã tìm được người khác và ta đã bị bỏ rơi.”

“Sự quan tâm của ta giống như cái bóng dưới ánh mặt trời/ Đuổi theo khi ta bay, và bay đi khi ta theo đuổi/ Đứng và nằm bên cạnh ta, làm những gì ta làm,” Matthew khẽ nói. “Thần là Cái Bóng của người, thưa bệ hạ, và không có quyền lựa chọn nhưng sẽ đến nơi người dẫn dắt.”

“Ta mệt mỏi rồi,” Elizabeth nói rồi quay đầu đi, “cũng chẳng có bụng dạ nào dành cho thơ với ca nữa. Hãy để mặc ta.”

“Chúng ta sẽ không đi Praha,” Matthew nói khi chúng tôi trở lại thuyền của Henry và hướng về London. “Chúng ta phải về nhà.”

“Nữ hoàng sẽ không để yên cho anh chỉ bởi vì anh chạy trốn đến Woodstock đâu, Matthew,” Mary nói hợp tình hợp lý, vùi mình vào trong tấm chăn lông.

“Anh ấy không ám chỉ Woodstock, Mary ạ,” tôi giải thích. “Matthew muốn nói đến một nơi... xa hơn.”

“À.” Lòng mày Mary nhú lại. “Ồ.” Gương mặt cô trở nên bồn thần.

“Nhưng chúng ta đang ở quá gần để đạt được những gì mong muốn,” tôi nói. “Chúng ta biết cuốn cổ thư ở đâu, và nó có thể giải đáp cho tất cả những nghi vấn của chúng ta.”

“Và có thể nó vô nghĩa, giống như cuốn cổ thư ở nhà ông Dee,” Matthew mất kiên nhẫn đáp. “Chúng ta sẽ tìm cách khác.”

Nhưng sau đó Walter đã thuyết phục Matthew rằng nữ hoàng rất nghiêm túc và sẽ tổng cả hai chúng tôi vào Tháp nếu chúng tôi từ chối người. Khi tôi kể lại cho Goody Alsop, bà cũng phản đối đến Praha như Matthew.

“Cháu nên đi về thời đại của mình, đừng du hành xa xôi đến Praha. Cho dù cháu ở lại đây, cũng sẽ mất nhiều tuần lễ mới chuẩn bị được một câu thần chú có thể mang cháu về nhà. Phép thuật có những luật lệ dẫn dắt và nguyên tắc của nó mà cháu còn chưa nắm được, Diana ạ. Tất cả những gì cháu có lúc này là một con rồng lửa ương ngạnh, một glaem gần như đang bị trói buộc, và một xu hướng đặt những câu hỏi có đáp án gây hại. Cháu không có đủ kiến thức về thuật pháp để tiếp tục kế hoạch của mình.”

“Cháu sẽ tiếp tục nghiên cứu học tập ở Praha, cháu hứa.” Tôi cầm lấy đôi tay bà. “Matthew đã đạt được một giao kèo với nữ hoàng có thể bảo vệ hàng chục phù thủy. Chúng cháu không thể chia cách. Quá nguy hiểm. Cháu sẽ không để anh ấy tới triều đình của hoàng đế mà không có cháu.”

“Không,” bà mỉm cười buồn bã nói. “Không bao giờ chừng nào thân thể cháu còn một hơi thở. Tốt lắm. Hãy đi cùng wearth của cháu. Nhưng hãy biết điều này, Diana Roydon: Cháu sắp sửa bước vào một hành trình mới, và ta không thể tiên đoán được nó có thể dẫn tới đâu.”

“Hồn ma của Bridget Bishop đã nói với cháu ‘Không có con đường nào ở phía trước mà không có anh ta.’ Khi cháu cảm thấy cuộc sống của chúng cháu đang cuốn vào những dòng xoáy khôn lường, cháu lại lấy sự an ủi từ những lời nói đó,” tôi nói, cố gắng an ủi bà. “Chừng nào Matthew và cháu còn ở bên nhau, Goody Alsop, nơi nào chúng cháu đi cũng không quan trọng.”

Ba ngày sau trong lễ hội St. Brigid, chúng tôi ra khơi bắt đầu hành trình dài tới để chế La Mã thần thánh, tìm kiếm một gã yêu tinh người Anh phản bội, và sau rốt, để nhìn thấy cuốn cổ thư Ashmole 782.

Verin de Clermont ngồi trong ngôi nhà của cô ta tại Berlin và nhìn chăm chú vào tờ báo, không tin vào mắt mình.

Tờ Độc Lập Ngày 1 tháng Hai năm 2010

“Một người phụ nữ đã phát hiện một cuốn sách cổ thuộc về Mary Sidney, nữ thi sĩ nổi tiếng thời đại Elizabeth và là em gái của Ngài Philip Sidney.

“Nó nằm trên cái tủ chạn phô trương của mẹ tôi ở đầu cầu thang,” Henrietta Barber, 62 tuổi, kể với tờ Độc Lập. Bà Barber đang lau dọn những thứ thuộc về mẹ bà trước khi yên nghỉ. “Đối với tôi nó trông giống một bó giấy cũ kỹ rách nát.”

Các chuyên gia tin rằng cuốn sách cổ này biểu hiện như một cuốn sổ ghi chép các công việc liên quan đến thuật giả kim được Nữ bá tước Pembroke cất giữ trong suốt mùa đông năm 1590/91. Các giấy tờ liên quan đến khoa học của nữ bá tước được cho là đã bị hủy hoại trong một vụ cháy tại nhà Wilton vào thế kỷ mười bảy. Người ta không rõ làm cách nào mà những thứ này lại thuộc sở hữu của gia đình Barber.

“Chúng ta nhớ đến Mary Sidney trước hết với tư cách là một nhà thơ,” một đại diện của nhà đấu giá Sotheby bình luận, vì này sẽ sắp đặt món đồ vào buổi đấu giá tháng Năm, “nhưng vào thời ấy, bà còn nổi tiếng là một nhà thực hành giả kim thuật vĩ đại.”

Cuốn sách cổ được đặc biệt quan tâm vì nó còn chỉ rõ rằng nữ bá tước đã được hỗ trợ trong phòng thí nghiệm của bà. Trong một thí nghiệm đề “việc tạo ra cây Dianæ,” bà đã nhận dạng người phụ tá của mình bằng chữ cái viết hoa DR. “Chúng ta có thể không bao giờ xác định được người đàn ông đã giúp đỡ nữ bá tước Pembroke,” sử gia Nigel Warminster của đại học Cambridge giải thích, “nhưng cuốn cổ thư này sẽ cho chúng ta biết một lượng thông tin khổng lồ về sự phát triển thí nghiệm trong thời cách mạng khoa học.”

“Cái gì thế, Schatz?” Ernst Neumann đặt ly rượu trước mặt vợ. Cô trông quá mức nghiêm túc đối với một buổi tối thứ Hai, mà hôm nay lại là gương mặt Verin ngày thứ Sáu.

“Không có gì,” cô lẩm bẩm đáp lại, mắt vẫn dán chặt vào các dòng chữ in trước mặt. “Một mẫu tin về công việc gia tộc chưa hoàn thành ý mà.”

“Có liên quan đến Baldwin à? Anh ta lại đánh mất một triệu euro ngày hôm nay sao?” Người anh vợ này là một người có khiếu kiếm tiền, và Ernst không hoàn toàn tin tưởng anh ta. Baldwin đã rèn giũa tôi luyện anh trong những vụ rắc rối thương mại quốc tế khi Ernst vẫn còn trẻ. Ernst giờ đã gần sáu mươi, và bạn bè ghen tỵ vì người vợ trẻ trung của anh. Những tấm ảnh cưới của họ là hình Verin trông y như mới chụp ngày hôm nay cùng một phiên bản hai mươi lăm tuổi của chính anh, được cất giấu an toàn khuất khỏi tầm nhìn.

“Baldwin không bao giờ để mất một triệu bất cứ loại tiền nào trong đời anh ta.” Ernst nhận thấy Verin không thực sự trả lời câu hỏi của anh.

Anh kéo tờ báo Anh về phía mình và đọc bài in trên đó. “Tại sao em lại quan tâm tới một cuốn sách cũ?”

“Để em gọi một cuộc điện thoại trước đã,” cô kín đáo nói. Hai tay vẫn vững vàng nắm điện thoại nhưng Ernst nhận ra biểu hiện khác thường trong đôi mắt màu bạc của cô. Cô ấy đang tức giận, sợ hãi và nghĩ về quá khứ. Anh đã thấy cùng cái nhìn đó vào khoảnh khắc trước khi Verin cứu sống anh, giật anh ra khỏi bà mẹ kế của cô.

“Em đang gọi cho Mélisande à?”

“Ysabeau,” Verin máy móc nói, bấm một loạt số.

“Ysebeau, đúng rồi,” Ernst nói. Có thể hiểu được anh thấy khó lòng mà nghĩ tới mẹ kế của Verin bằng bất cứ cái tên nào khác hơn cái tên được dùng để chỉ nữ chúa của gia đình de Clermont khi bà ta giết cha của Ernst sau chiến tranh.

Cuộc gọi của Verin mất thời gian kết nối lâu một cách quá đáng. Ernst có thể nghe thấy những tiếng lách cách lạ lùng, như thể cuộc gọi được chuyển tiếp hết lần này tới lần khác. Cuối cùng nó cũng thông. Điện thoại đổ chuông.

“Ai đó?” Một giọng trẻ trung hỏi. Anh ta nghe có vẻ là người Mỹ - hoặc người Anh, nhưng trọng âm gần như biến mất.

Verin gác máy ngay lập tức. Cô thả điện thoại xuống bàn và vùi mặt vào hai bàn tay. “Ôi, Chúa ơi. Nó đang thật sự xảy ra, y như cha em đã nói.”

“Em đang làm anh sợ đấy, Schatz,” Ernst nói. Anh đã nhìn thấy nhiều điều khủng khiếp trong đời, nhưng không có thứ gì mạnh mẽ bằng thứ tra tấn Verin trong những dịp hiếm hoi khi cô thật sự ngủ. Những cơn ác mộng về Philippe đã đủ để làm suy sụp người vợ bình thường vốn rất điềm tĩnh của anh. “Ai nghe máy thế?”

“Không phải là người mong đợi,” Verin đáp, giọng cô nghèn nghẹn. Đôi mắt màu xám ngược lên nhìn anh. “Matthew đáng ra phải trả lời cuộc gọi, nhưng anh ấy không thể. Bởi anh ấy không ở đây, anh ấy đang ở nơi đó.” Cô nhìn tờ báo.

“Verin, em đang nói gì vô lý thế,” Ernst nghiêm nghị nói. Anh chưa bao giờ gặp người anh rể rắc rối này, thành phần trí thức và là con chiên ghê trong gia đình. Nhưng cô lại đang quay số điện thoại lần nữa. Lần này cuộc gọi được thông thẳng.

“Cô có đọc báo hôm nay không, cô Verin? Cháu đã trông đợi cuộc gọi của cô hàng giờ rồi.”

“Cháu đang ở đâu, Gallowglass?” Cậu cháu trai là một kẻ phiêu bạt khắp nơi. Trong quá khứ cậu ta gửi đến những tấm bưu ảnh mà không ghi gì ngoài một số điện thoại, chúng được gửi từ mọi con đường cậu đang đi: xa lộ ở Đức, đường lộ 66 ở Mỹ, Trollstigen ở Na Uy, đường hầm xuyên núi Guoliang ở Trung Quốc. Cô đã nhận được vài lời thông báo cụt lủn kiểu này từ khi bắt đầu kỷ nguyên điện thoại quay số quốc tế. Với GPS và mạng Internet, cô có thể xác định được Gallowglass ở bất kỳ đâu. Dù vậy, Verin vẫn nhớ những tấm bưu ảnh kia.

“Đâu đó ở bên ngoài Warrnambool,” Gallowglass ách chùng.

“Warrnambool là cái nơi quái nào hả?” Verin hỏi.

“Australia,” Ernst và Gallowglass nói cùng lúc.

“Có phải cháu nghe thấy một trọng âm tiếng Đức không nhỉ? Cô đã tìm thấy bạn trai mới rồi à?” Gallowglass trêu chọc.

“Coi chừng đấy, nhóc,” Verin nạt. “Tuy cậu là người nhà, nhưng ta vẫn có thể xé toạc cổ họng cậu ra đấy. Đó là chồng ta, Ernst.”

Ernst nhào người về phía trước từ ghế ngồi và lắc đầu về cảnh cáo. Anh không thích mỗi khi vợ anh hóa thân thành một nữ ma cà rồng – cho dù cô khỏe hơn. Verin phẩy tay gạt đi nỗi quan ngại của anh.

Gallowglass cười khùng khục, còn Ernst thì quyết định rằng anh chàng ma cà rồng lạ này có vẻ

ồn. “Đó mới là cô Verin đáng sợ của cháu. Thật vui được nghe thấy giọng cô sau bao nhiêu năm. Và đừng có giả vờ như cô không ngạc nhiên chút nào với câu chuyện đó so với việc cháu nhận được cuộc gọi của cô.”

“Một phần trong cô hy vọng là ông đang nói mê sảng,” Verin thú nhận, nhớ lại cái đêm khi cô và Gallowglass ngồi bên giường Philippe và lắng nghe ông lẩm nhảm.

“Cô tưởng bệnh đó lây truyền và cháu cũng đang nói nhảm đúng không?” Gallowglass bẻ lại. Verin để ý cậu ta có vẻ rất thích Philippe những ngày đó.

“Cô đã hy vọng đó chỉ là trường hợp tình thế, như một điều hiển nhiên.” Tin vào điều đó dễ dàng hơn là tin vào lựa chọn kia: câu chuyện không thể có của cha cô về một phù thủy se sợi thời gian là sự thật.

“Dù sao cô vẫn sẽ giữ lời hứa chứ?” Gallowglass nhẹ nhàng nói.

Verin ngập ngừng. Chỉ một thoáng thôi, nhưng Ernst đã thấy. Verin luôn giữ lời hứa. Khi anh còn là một cậu bé co ro sợ hãi, Verin đã hứa với anh rằng anh sẽ trở thành một người đàn ông. Ernst đã bầu vịu vào lời cam đoan ấy khi anh mới sáu tuổi, y như anh bầu vịu vào tất cả những lời Verin hứa từ khi đó.

“Cô chưa gặp Matthew với cô ấy. Kể từ khi cô...”

“Ta sẽ nghĩ anh trai kế của ta thậm chí còn hơn cả một rắc rối ư? Không thể nào.”

“Hãy cho cô ấy một cơ hội, Verin. Cô ấy cũng là con gái của Philippe. Mà ông thì có một thẩm mỹ tinh tế tuyệt vời về phụ nữ.”

“Phù thủy đó không phải là con gái thật sự của ông,” Verin nói luôn.

Trên một con đường gần Warrnambool, Gallowglass mím môi và từ chối trả lời. Verin có thể biết về Diana và Matthew nhiều hơn bất cứ ai khác trong gia đình, nhưng cô không biết nhiều bằng cậu. Sẽ có vô số cơ hội để bàn luận về ma cà rồng và bọn trẻ khi cặp vợ chồng này trở về. Giờ không cần thiết phải tranh cãi về nó.

“Hơn nữa, Matthew không ở đây,” Verin nói, nhìn vào tờ báo. “Cô đã gọi vào số đó. Có ai đó trả lời, không phải là Baldwin.” Đó là lý do cô ngắt kết nối nhanh như thế. Nếu Matthew không phải đang dẫn dắt dòng tu, vậy thì số điện thoại ấy đáng lẽ phải được chuyển sang cho người con trai còn sống duy nhất mang dòng máu của Philippe. “Con số đó” đã được sinh ra từ những năm đầu tiên mới có điện thoại. Philippe đã chọn nó: 917, vì ngày sinh nhật của Ysabeau vào tháng Chín. Với mỗi công nghệ mới và mỗi sự thay đổi thành công trong hệ thống điện thoại quốc gia và quốc tế, con số này vẫn không suy chuyển, và lặp lại hiện đại hơn.

“Cô đã gọi tới Marcus.” Gallowglass cũng đã gọi số đó.

“Marcus?” Verin thở hắt ra. “Tương lai của những người nhà de Clermont phụ thuộc vào Marcus ư?”

“Cô cũng hãy cho cậu ta cơ hội, Verin. Cậu ta là một chàng trai tốt.” Gallowglass ngừng lại. “Vì tương lai của gia tộc, điều đó phụ thuộc vào tất cả chúng ta. Philippe đã biết điều đó, nên ông mới bắt chúng ta hứa quay trở về Sept-Tours.”

Philippe de Clermont rất đặc biệt đối với con gái và cháu trai của ông. Họ đã thấy được các dấu hiệu: câu chuyện về một phù thủy trẻ người Mỹ với sức mạnh to lớn tên Bishop, giả kim thuật, và rồi xuất hiện những phát hiện lịch sử dị thường.

Sau đó, và chỉ sau đó, Gallowglass và Verin sẽ trở về chỗ ngồi của gia đình de Clermont.

Philippe đã không sẵn lòng tiết lộ lý do vì sao việc gia đình tụ họp lại cùng nhau quan trọng đến thế, nhưng Gallowglass biết.

Gallowglass đã chờ đợi suốt hàng thập kỷ. Rồi anh nghe được chuyện về một phù thủy đến từ Massachusetts tên Rebecca, một trong những hậu duệ cuối cùng của Bridget Bishop đến từ Salem. Lời đồn đại về sức mạnh của cô lan truyền rộng khắp, cũng như cả tin tức về cái chết bi kịch của cô. Gallowglass lần theo dấu vết cô con gái sống sót của cô ta tới phía bắc bang New York. Anh định kỳ đến kiểm tra cô bé, quan sát khi Diana Bishop du trên các thanh truyền monkey bar ở sân chơi, đến các bữa tiệc sinh nhật, và tốt nghiệp đại học. Gallowglass có cảm giác tự hào như bất kỳ bậc cha mẹ nào khi thấy cô qua được kỳ thi vấn đáp Oxford. Và anh thường đứng ngay bên dưới chòm chuông ở tháp Harkness, Yale, tiếng chuông vang dội chấn động xuyên qua khắp thân thể anh, trong khi cô giáo sư trẻ đi bộ băng qua khu sân bãi. Quần áo của cô khác, nhưng không có gì nhằm lẫn được với dáng đi kiên quyết của Diana hay đường nét bờ vai cô, mỗi khi cô mặc váy phồng và cổ áo xếp nếp hay một cái quần dài cùng chiếc áo jacket nam không kiểu cách.

Gallowglass đã cố gắng giữ khoảng cách, nhưng đôi khi anh phải can thiệp – giống như cái ngày năng lượng của cô lôi kéo một gã yêu tinh tới bên cạnh và sinh vật khác người này bắt đầu bám theo cô. Nhưng Gallowglass lấy làm tự hào về bản thân mình vì hàng trăm lần anh đã phải kiềm chế để không lao bổ xuống cầu thang của tháp chuông Yale, choàng hai cánh tay ôm lấy giáo sư Bishop và nói cho cô nghe anh vui mừng đến mức nào được gặp lại cô sau biết bao năm trời.

Khi Gallowglass biết rằng Baldwin đã được gọi về Sept-Tours theo lệnh của Ysabeau vì một trường hợp khẩn cấp không rõ nào đó liên quan đến Matthew, chàng Gael biết giờ chỉ còn là vấn đề thời gian trước khi những điều dị thường liên quan đến lịch sử xuất hiện. Gallowglass đã thấy bài báo về phát hiện hai bức tranh tiểu họa vô danh thời Elizabeth. Lúc anh tìm tới Sotheby, chúng đã bị mua mất. Gallowglass đã hoang mang lo lắng, nghĩ chúng có thể rơi nhầm vào tay người khác. Nhưng anh đã đánh giá thấp Ysabeau. Khi anh nói chuyện với Marcus sáng nay, cậu con trai của Matthew khẳng định chúng đang an toàn nằm trên bàn Ysabeau tại Sept-Tours. Vậy là đã hơn bốn trăm năm kể từ khi Gallowglass bí mật mang các bức tranh đi giấu tại một ngôi nhà ở Shropshire. Sẽ thật tuyệt được nhìn thấy chúng – và hai sinh vật được vẽ trong đó – một lần nữa.

Trong khi anh đang chuẩn bị cho chuyến tụ họp bảo tố như anh vẫn luôn làm: bằng việc di chuyển thật xa và nhanh nhất có thể. Có thời nó từng là biển cả và phải đi bằng đường tàu, nhưng giờ Gallowglass đi đường bộ, lái mô tô chạy quanh không biết bao nhiêu ngã rẽ zic zắc và những sườn núi. Làn gió lùa qua mái tóc bồm xồm của anh và chiếc áo jacket da ôm sát quanh cổ để che đi làn da không bao giờ có một vết rám nắng nào, Gallowglass đã sẵn sàng cho cuộc gọi nhận nhiệm vụ để hoàn thành lời hứa từ rất lâu trước đây của anh nhằm bảo vệ gia tộc de Clermont bằng bất cứ giá nào.

“Gallowglass? Cháu vẫn còn đó chứ?” Giọng Verin rè rè qua điện thoại, kéo cậu cháu trai lại từ cơn mơ màng.

“Vẫn ở đây, cô Verin.”

“Khi nào cháu định đi?” Verin thở dài và ngả đầu vào lòng bàn tay. Cô không cho phép mình nhìn Ernst. Ernst tội nghiệp, người đã chủ tâm kết hôn với một ma cà rồng, và khi làm vậy, anh đã vô thức đem bản thân dính líu vào một câu chuyện của máu và sự thèm khát đã đan cài và xoáy lộn xuyên suốt hàng thế kỷ. Nhưng cô đã hứa với cha mình, và mặc dù Philippe đã chết, Verin không thể để ông thất vọng vào lúc này, và ngay từ ban đầu cũng không.

“Cháu đã bảo Marcus đợi cháu vào ngày kia.” Gallowglass sẽ không thừa nhận mình thấy nhẹ nhõm bởi quyết định của cô.

“Chúng ta sẽ gặp cháu ở đó.” Verin sẽ cần thời gian để báo tin cho Ernst rằng anh sắp phải

sống dưới mái nhà của mẹ kế cô. Anh sẽ không vui về gì đâu.

“Thượng lộ bình an nhé, cô Verin,” Gallowglass cố thốt ra trước khi cô cúp máy.

Gallowglass cho điện thoại vào túi và nhìn đắm đắm ra biển. Anh đã bị đắm tàu một lần trên bờ biển Australia này. Anh yêu nơi anh được xô vào bờ, một nàng tiên cá đến bên mạn tàu trong cơn giông bão để rồi thấy anh có thể sống trên đất bằng. Anh với tìm mấy điều thuốc lá. Giống như việc lái xe mô tô mà không có mũ bảo hiểm, hút thuốc cũng là một cách miệt thị vũ trụ vạn vật này đã ban tặng anh sự bất tử bằng tay này còn tay kia lại lấy đi từng người anh yêu thương.

“Cả người cũng sẽ mang những thứ này đi khỏi ta phải không?” Anh hỏi ngọn gió. Gió xì xào đáp lại. Matthew và Marcus đã có những ý kiến rất kiên quyết về việc hút thuốc gián tiếp. Bởi thuốc lá không giết nổi bọn họ, không có nghĩa họ nên hủy diệt những người xung quanh.

“Nếu giết chết tất cả bọn họ, thì ta sẽ ăn gì đây?” Marcus đã chỉ ra một logic không thể nhầm lẫn được. Đó là một quan điểm kỳ lạ đối với một ma cà rồng, nhưng Marcus nổi tiếng vì điều đó, Matthew cũng không khá hơn là mấy. Gallowglass cho đây là khuynh hướng chịu ảnh hưởng bởi nền giáo dục.

Anh đã hút xong điều thuốc và lục tìm trong túi áo một cái bao da nhỏ chứa hai mươi tư mẫu gỗ tròn có đường kính gần ba phân và dày khoảng năm ly. Chúng được cắt từ cành một cây bị đốt trụi mọc lên gần ngôi nhà tổ tiên của anh. Mỗi mẫu gỗ có một vết xém trên bề mặt, những mẫu tự của một thứ ngôn ngữ mà không còn ai sử dụng nữa.

Anh luôn có một sự tôn trọng dành cho phép thuật, thậm chí trước cả khi gặp Diana Bishop. Có những sức mạnh trên khắp trái đất và biển cả mà không sinh vật nào hiểu được, và Gallowglass biết rõ đủ để nhìn theo cách khác khi chúng đến. Nhưng anh không thể kháng cự lại những chữ rune thần bí. Chúng giúp anh định vị được những vùng nước nguy hiểm trong số mệnh của mình.

Anh rắc những mẫu gỗ nhẵn mịn, để chúng rơi qua kẽ tay như nước. Anh muốn biết hướng đi của thủy triều – cùng hướng với người nhà de Clermont hay chống lại họ?

Khi dừng lại, anh rút ra một chữ rune nói về các vấn đề đang bế tắc lúc này. Nyd, con chữ tượng trưng cho sự vắng mặt và nỗi khao khát. Gallowglass ấn bàn tay vào túi lần nữa để hiểu rõ thêm những gì anh muốn nắm giữ trong tương lai. Odal, nét chạm biểu hiện mái nhà, gia đình và sự kế thừa. Anh rút ra chữ rune cuối cùng, con chữ sẽ cho anh biết cách lấp đầy ước muốn day dứt của anh.

Rad. Một chữ rune rối loạn, tượng trưng cho cả sự trở về và ra đi, một hành trình bắt đầu và kết thúc, lần gặp gỡ đầu tiên cũng là cuộc sum họp được chờ đợi từ lâu. Bàn tay Gallowglass khếp lại quanh mẫu gỗ. Lần này ý nghĩ của nó thật rõ ràng.

“Cô cũng thượng lộ bình an nhé, Diana. Và hãy mang người chú ấy của cháu đi cùng,” Gallowglass nói với biển cả và bầu trời trước khi leo lên xe máy và hướng tới một tương lai anh không còn phải hình dung hay trì hoãn nữa.

Phần IV. Đế chế Praha

27.

“Chiếc tất dài màu đỏ của anh đâu rồi?” Matthew chạy sầm sập xuống lầu, cau có trước đồng hồ xiềng la liệt khắp sàn. Tâm trạng anh đã có một bước ngoặt quyết định trở nên tồi tệ hơn trên đường đi qua chuyến hành trình bốn tuần lễ khi chúng tôi phải tách Pierre, bọn trẻ và hành lý ở Hamburg. Chúng tôi mất thêm mười ngày nữa bởi di chuyển từ Anh vào quốc gia theo Thiên Chúa giáo tính thời gian bằng một niên lịch khác. Ở Praha, giờ là ngày mười một tháng Ba, mà bọn trẻ và Pierre phải tới nơi rồi.

“Anh sẽ không bao giờ tìm được nó trong đồng hồ độn này!” Matthew cắn nhả, trút cơn bực dọc vào một chiếc váy lót của tôi.

Sau khi sống nhờ vào các túi buộc trên yên ngựa và đọc nhất một cái rương dùng chung trong nhiều tuần lễ, tất cả đồ dùng tư trang được gửi đã đến ba ngày sau khi chúng tôi dọn vào một ngôi nhà hẹp ngang, cao chên vênh trên con dốc đại lộ Sporrengasse dẫn tới lâu đài Praha. Những hàng xóm người Đức của chúng tôi đã gán tên phố là Spur bởi họ cho rằng đó là cách duy nhất để thuyết phục một con ngựa leo ngược lên phố.

“Em không biết anh có tất dài màu đỏ đấy,” tôi nói, đứng thẳng lên.

“Có chứ.” Matthew bắt đầu bới quanh một cái hòm đựng đồ vải lanh của tôi.

“Chúng không có trong đó đâu,” tôi nói, nhắc nhở điều hiển nhiên đó.

Chàng ma cà rồng nghiêng răng. “Anh đã tìm ở khắp mọi nơi rồi.”

“Để em tìm chúng cho.” Tôi nhìn chiếc quần leggings đen đứng đắn một cách hoàn hảo của anh. “Tại sao phải là màu đỏ?”

“Vì anh đang cố gắng thu hút sự chú ý của Đức Hoàng Đế La Mã Thần Thánh kia!” Matthew sà vào một đồng quần áo khác của tôi.

Đôi tất dài màu đỏ tươi như máu sẽ bắt mắt hơn, miễn sao người đàn ông chủ định mặc chúng là một ma cà rồng cao hơn một mét chín, và có đôi chân thật dài. Tuy nhiên, dụng tâm của Matthew cho kế hoạch này không hề nao núng. Tôi tập trung tinh thần, đòi hỏi chiếc quần tất tự hiện thân, và lần theo những sợi chỉ màu đỏ. Lần theo dấu vết của người và đồ vật là một khả năng hữu ích khi là một thợ dệt, và tôi đã có vài cơ hội tận dụng nó trên đường đi.

“Người đưa thư của cha anh đã đến chưa?” Matthew góp thêm một chiếc váy lót khác vào ngọn núi váy áo nằm giữa hai chúng tôi và định đào bới tiếp.

“Đến rồi, không biết là thứ gì, đang để cạnh cửa ấy.” Tôi tìm xuyên qua lòng một chiếc tủ búp phê quá khổ: một chuỗi những bao tay sắt, tấm khiên có hình đại bàng hai đầu trên mặt, và một đồng hồ đặc biệt đã được trau chuốt tỉ mỉ. Tôi vui mừng khua khua những ống tất dài màu đỏ. “Tìm thấy rồi!”

Matthew đã quên bằng mất cơn khủng hoảng hàng dệt kim này. Gối bưu kiện đang chiếm toàn bộ sự chú ý của anh. Tôi nhìn sang thứ đang khiến anh quá đổi kinh ngạc.

“Đó... là một tác phẩm của Bosch à?” Tôi nhận ra tác phẩm của Hieronymus Bosch bởi cách dùng các dụng cụ giả kim và trường phái tượng trưng kỳ quái của ông ta. Ông ta phủ kín các tấm ván gỗ bằng những con cá chuồn, côn trùng, đồ gia dụng cỡ khổng lồ, và trái cây gợi cảm. Rất lâu trước khi trạng thái phê thuốc là một, Bosch đã nhìn thế giới này trong những sắc màu

rực rỡ và sự kết hợp đáng lo ngại.

Tuy nhiên, giống như các tác phẩm Hobein của Matthew ở Chòi Gác Cổ, công trình này rất lạ. Nó là một bộ ba bức tranh, được ghép từ ba tấm ván gỗ có khớp nối. Nó được thiết kế để đặt trên bệ thờ, các bộ tranh ba bức được giữ kín ngoại trừ những dịp lễ tôn giáo đặc biệt, và hiếm khi được trưng bày bên ngoài các viện bảo tàng hiện đại. Tôi bản khoản không biết mình còn bỏ lỡ hình ảnh đáng kinh ngạc nào nữa không.

Người họa sĩ đã phủ ra bên ngoài các tấm ván một chất nhuộm màu đen mượt như nhung. Một cái cây khô queo đang lung linh tỏa sáng dưới ánh trăng vắt ngang qua mặt trước cả hai tấm ván kia. Một con sói tí hon núp mình dưới đám rêu, và một con cú đầu trên cành cây cao. Cả hai con vật đều nhìn chăm chăm vào người xem một cách cố ý. Hàng tá những con mắt khác sáng quắc nổi lên từ nền tối đen quanh cái cây, quái gở và lộ liễu. Phía sau cây sồi chết, sừng sững những cái cây tưởng chừng như bình thường với thân màu xanh nhợt và cành màu xanh lục óng ánh tỏa sáng nhiều hơn cho khung cảnh. Chỉ khi nhìn kỹ hơn, tôi mới thấy những cái tai đang mọc trên cây, như thể chúng đang lắng nghe âm thanh của đêm.

“Nó có ý nghĩa gì?” Tôi hỏi, nhìn chăm chăm vào tác phẩm của Bosch thắc mắc.

Các ngón tay Matthew nghịch ngợm những cái móc trên chiếc áo chên của anh. “Nó diễn giải một câu tục ngữ cổ của Flemish: ‘Tai vách, mạch rừng; bởi vậy tôi sẽ quan sát, im lặng, và lắng nghe.’” Câu nói này gói gọn hoàn hảo cuộc đời đầy bí mật của Matthew và gợi tôi nhớ tới khẩu hiệu hiện thời của Elizabeth. Lớp bên ngoài của bộ tranh mô tả ba phong cảnh có mối tương quan với nhau: một bức tả những thiên thần sa ngã, được vẽ trên cùng phong nền đen mượt như nhung. Ban đầu thoáng nhìn, trông họ như những con chuồn chuồn với đôi cánh kếp tỏa sáng lung linh, nhưng lại có thân thể của con người, với đầu và chân vặn xoắn lại trong sự tra tấn, giống các thiên thần rơi xuống từ thiên đường. Trên tấm ván đối diện, bông hồng chết dành cho Cuộc Phán Xét Cuối Cùng trong một khung cảnh còn khủng khiếp hơn cả những bức bích họa ở Sept-Tours. Những chiếc quai hàm mở toang của cá và sói là lối vào địa ngục, nhét vào đó kẻ bị dọa đầy và ký thác chúng cho nỗi đau đón giày vò bất tận.

Tuy nhiên bức ở chính giữa lại là một hình ảnh rất khác về cái chết: Lazarus hồi sinh diễm nhiên trèo ra khỏi quan tài của ông ta. Với đôi chân dài, mái tóc đen, nét mặt nghiêm nghị, nhìn khá giống Matthew. Xung quanh viền tấm ván ở giữa, những cây nho thiếu sinh khí kết hoa trái lạ lùng. Một số nhỏ máu. Số còn lại sinh ra con người và loài vật. Và không hề có Chúa Jesus trong toàn bộ tác phẩm.

“Lazarus giống anh. Chả trách anh không muốn Rudolf có nó.” Tôi đưa cho Matthew đôi tất của anh. “Bosch hẳn cũng phải biết anh là ma cà rồng.”

“Jeroen – hay Hieronymus như em biết – đã thấy vài điều ông ta không nên thấy,” Matthew u ám nói. “Anh không biết Jeroen đã chứng kiến cảnh anh ăn cho tới khi anh thấy các bức phác họa ông ta vẽ anh với một sinh vật máu nóng. Từ ngày đó, ông ta tin tất cả sinh vật đều có bản chất hai mặt, một phần con, một phần người.”

“Và đôi khi có cả một phần thực vật nữa,” tôi nói, ngẫm nghĩa một người phụ nữ khỏa thân có một trái dâu tây làm đầu và những trái sơ ri làm bàn tay đang chạy trốn một con quỷ nắm đỉnh ba đội một con cò như mũ. Matthew thốt lên thích thú. “Có phải Rudolf cũng biết anh là ma cà rồng, giống như Elizabeth và Bosch không?” Tôi ngày càng lo lắng hơn vì số lượng người biết bí mật này.

“Đúng thế. Hoàng đế cũng biết anh là thành viên của Đại Hội Đồng.” Anh vặn xoắn cái quần tất màu đỏ tươi thành một cái nút. “Cảm ơn em đã tìm ra chúng.”

“Giờ hãy cho em biết nếu anh có thói quen đánh mất chìa khóa ô tô, bởi vì em không muốn bị dính vào cơn hoảng loạn kiểu này mỗi buổi sáng khi anh sắp sửa đi làm đâu.” Tôi luồn hai cánh

tay vòng qua thắt lưng anh và áp má lên trái tim anh. Nhịp đập chậm rãi đều đặn đó luôn khiến tôi thấy an tĩnh.

“Em sẽ làm gì nào, ly dị anh sao?” Matthew đáp trả lại cái ôm âu yếm, ngả đầu lên đầu tôi để chúng tôi vừa khít với nhau một cách hoàn hảo.

“Anh đã hứa với em ma cà rồng không ly dị mà.” Tôi siết anh một cái. “Anh sẽ giống một nhân vật hoạt hình nếu anh mặc đôi tất đỏ ấy vào. Nếu là anh, em sẽ đi đôi màu đen. Anh sẽ nổi trội miễn bàn.”

“Ồ phù thủy,” Matthew nói, rồi buông tôi ra với một nụ hôn.

Anh đi lên đồi tới lâu đài, mặc chiếc quần tất đen đứng đắn và mang theo một cuộn thư dài ngoằng, (thực ra là đoạn thơ) đề nghị Rudolf một cuốn sách tuyệt diệu cho bộ sưu tập của ông ta. Anh trở xuống sau bốn giờ đồng hồ, với đôi tay không, và lá thư đã giao cho một tên hầu của hoàng đế. Không có một cuộc diện kiến nào. Thay vào đó Matthew đã đợi cùng với tất cả các vị đại sứ khác đang cầu kiến.

“Ket trong một lâu đài với cả đám thân thể nóng ẩm đó thật là cùng nhau thích thật. Anh đã cố tìm một chỗ nào đó thoáng để thở, nhưng đây phòng quanh đó đầy nhóc phù thủy.”

“Phù thủy ư?” Tôi trèo xuống khỏi cái bàn đang dùng để cất thanh gươm của Matthew an toàn lên nóc tủ để đồ bằng vải lanh chuẩn bị chờ khi Jack đến.

“Khoảng mấy chục người,” Matthew nói. “Họ đang phàn nàn về những chuyện xảy ra ở Đức. Gallowglass đâu rồi?”

“Cháu trai anh đang đi mua trứng và bảo đảm an ninh phục vụ cho ngôi nhà bằng một quản gia và một đầu bếp.” Françoise đã thắng thưởng từ chối tham gia cuộc hành trình cùng chúng tôi tới Trung Tâm Châu Âu, nơi cô ấy coi là vùng đất vô thần của Lutheran. Giờ cô ấy đã quay về Chòi Gác Cổ, làm tình làm tội Charles. Gallowglass đang phục vụ như thư đồng và tổng quản gia của tôi cho tới khi những người khác đến. Anh chàng nói tiếng Đức và Tây Ban Nha tuyệt hảo, điều đó khiến anh chàng trở nên không thể thiếu được khi liên quan tới việc cung cấp thực phẩm cho cả nhà. “Kể cho em nghe thêm về các phù thủy đi.”

“Thành phố này là một thiên đường an toàn cho mọi sinh vật khác người ở Trung Tâm Châu Âu, những kẻ lo lắng cho sự an toàn của mình – yêu tinh, ma cà rồng, hoặc phù thủy. Nhưng các phù thủy thì được đặc biệt chào đón trong triều đình của Rudolf, bởi ông ta thèm muốn tri thức của họ. Cả sức mạnh của họ nữa.”

“Thật thú vị!” Tôi nói. Ngay khi tôi bắt đầu băn khoăn về nhân dạng của họ thì một loạt các gương mặt đã xuất hiện trước con mắt thứ ba của tôi. “Người pháp sư có bộ râu đỏ là ai thế? Còn phù thủy có một mắt xanh lam và một mắt xanh lục nữa?”

“Chúng mình sẽ không ở đây lâu để cần quan tâm đến nhân dạng của họ,” Matthew cấm cẩu nói trên đường ra cửa. Vì phải kiêm thêm một ngày làm việc cho Elizabeth, nên anh định qua bên kia sông tới thành phố Praha cổ với danh nghĩa Đại Hội Đồng. “Anh sẽ gặp em trước khi trời tối. Hãy ở đây cho tới khi Gallowglass trở về nhé. Anh không muốn em chuồn mất đâu.” Cũng có thể hiểu anh ấy không muốn tôi túm năm tùm ba với bất kỳ phù thủy nào.

Gallowglass trở lại Sporrengasse với hai ma cà rồng và một cây bánh quy xoắn. Anh chàng đưa món sau cho tôi và giới thiệu những người hầu mới. Karolína (đầu bếp) và Tereza (quản gia) là thành viên của một thị tộc có dây mơ rễ má với các ma cà rồng Bohemia chuyên phục vụ tầng lớp quý tộc và những vị khách ngoại quốc quan trọng. Giống như những người hầu cận của nhà de Clermont, họ có danh tiếng – và một mức lương lớn khác thường – bởi tuổi thọ siêu nhiên và lòng trung thành như loài sói của họ. Vì mức giá thích đáng, nên chúng tôi cũng đồng

thời mua được sự cam đoan đảm bảo giữ bí mật từ người đứng đầu thị tộc, vì này đã chuyển những người phụ nữ từ nhà của một đại sứ giáo hoàng đến. Vì đại sứ hòa nhả đồng ý chiều theo những người nhà de Clermont. Xét đến cùng thì bọn họ đều là công cụ sắp đặt cuộc bầu cử đức giáo hoàng mới đây, và ông ta biết ai là người phết bơ lên miếng bánh mỳ của mình. Còn tôi chỉ quan tâm đến chuyện Karolína biết làm món trứng tráng cho bữa sáng thôi.

Gia nhân trong nhà chúng tôi đã được thiết lập xong, Matthew tếch lên ngọn đồi mỗi sáng để tới lâu đài trong khi tôi dỡ hành lý, gặp gỡ hàng xóm láng giềng trong khu phụ cận bên dưới lâu đài gọi là Malá Strana, và trông ngóng các thành viên còn vắng mặt trong nhà. Tôi nhớ sự vui tươi và đôi mắt mở to tò mò của Annie, cũng như khả năng bắt bại lòi kéo rắc rối của Jack. Con đường quanh co của chúng tôi đầy những đứa trẻ đủ mọi độ tuổi và quốc tịch, vì hầu hết các đại sứ đều sống ở đây. Hóa ra Matthew không phải là người ngoại quốc duy nhất ở Praha mà hoàng đế tránh thân cận. Mọi người tôi gặp đều thiết đãi Gallowglass những câu chuyện về việc Rudolf đã làm mất mặt một số nhân vật có địa vị quan trọng như thế nào chỉ để dành vài giờ với một gã bán đồ cổ ham đọc sách đến từ Ý hoặc một gã thợ mỏ hèn mọn đến từ Saxony.

Vào buổi chiều muộn một ngày đầu xuân, ngôi nhà đang tràn ngập mùi thơm nức của món thịt lợn và bánh hấp bình dị thì một tên nhóc tầm tám tuổi hay gây lộn chặn ngang.

“Bà Roydon!” Jack reo lên, mặt vui vào trong vạt áo tôi còn hai cánh tay ôm chặt lấy tôi. “Bà có biết thật ra có bốn thành phố ở Praha không? London chỉ duy nhất một thành phố. Còn cái lâu đài kia và dòng sông cũng thế. Pierre sẽ chỉ cho cháu xem cối xay nước vào ngày mai.”

“Chào Jack,” tôi nói, xoa đầu thằng bé. Ngay cả trong cuộc hành trình rét công, ăn cháo suông đến Praha, thằng bé vẫn cao vổng lên được. Pierre chắc đã phải xúc cả xẻng đồ ăn cho thằng bé. Tôi ngược lên mỉm cười với Annie và Pierre.

“Matthew sẽ rất vui vì tất cả mọi người đã đến. Anh ấy nhớ mọi người lắm.”

“Chúng cháu cũng nhớ ông ấy,” Jack nói, ngả cái đầu ra sau để ngược nhìn tôi. Thằng bé có mấy quầng thâm dưới mắt, bất chấp việc lớn phổng hăn lên thằng bé trông vẫn xanh xao.

“Cháu có bị ốm không?” Tôi hỏi, tay đưa lên sờ trán thằng bé. Những cơn cảm lạnh có thể trở nên nguy hiểm chết người trong khí hậu khắc nghiệt thế này, người ta đang bàn tán về một bệnh dịch kinh khủng trong khu thành cổ mà Matthew nghĩ có chiều hướng trở thành một dịch cúm.

“Thằng bé đang có rắc rối với chuyện ngủ nghê,” Pierre khẽ nói. Tôi có thể hiểu ngữ điệu nghiêm trọng của anh ta rằng đã có chuyện hơn thế, nhưng có thể đợi sau.

“Thế thì đêm nay cháu phải ngủ nhé. Có một chiếc giường lông khổng lồ trong phòng cháu đấy. Đi với Tereza đi, Jack. Bà ấy sẽ hướng dẫn mọi thứ và cho cháu tắm rửa trước bữa tối.” Trong sự quan tâm đúng đắn của ma cà rồng, các sinh vật máu nóng sẽ ngủ cùng Matthew và tôi trên tầng hai, vì ngôi nhà hẹp bề ngang chỉ cho phép có một phòng để đồ và nhà bếp ở tầng trệt. Điều đó có nghĩa tầng một được bố trí thành phòng trang trọng dành đón tiếp khách. Gia nhân còn lại trong nhà là ma cà rồng đã tuyên bố chủ quyền với tầng thứ ba cao ngất, là nơi có tầm nhìn và những ô cửa sổ thoáng đãng có thể mở toang để đón khí trời.

“Ông Roydon!” Jack hét inh tai, nhào tới cửa và mở toang cánh cửa ra trước khi Tereza kịp ngăn nó lại. Làm thế nào thằng bé phát hiện ra Matthew là một chuyện bí ẩn, vì trời đã tối mịt còn từ đầu tới chân Matthew thì bao trong vải len màu xám tro.

“Thông thả nào,” Matthew nói, tóm lấy Jack trước khi thằng bé tự làm đau mình bằng cách đâm thẳng vào đôi chân cứng như đá của ma cà rồng. Gallowglass nắm lấy cái mũ lưỡi chai của thằng bé khi nó chạy qua, làm rối tung mái tóc.

“Chúng cháu gần như đông cứng cả người. Trên sông ấy. Còn xe trượt tuyết bị lật nhào một lần, nhưng con chó không bị thương. Cháu ăn thịt lợn luộc. Annie thì bị vướng vấy vào thùng xe và suýt té nhào.” Jack không thể kể chi tiết về hành trình của họ mà lại thật nhanh được. “Cháu đã trông thấy một ngôi sao băng. Nó không lớn lắm, nhưng Pierre bảo cháu phải chia sẻ nó với ông Harriot khi chúng ta quay về nhà. Cháu đã vẽ một bức tranh về nó cho ông ấy.” Jack thò tay vào trong chiếc áo chần bụi bặm của nó và lôi ra một mẫu giấy cũng cấu bẩn không kém. Thằng bé trình tờ giấy cho Matthew với sự sùng kính như đối với một thánh tích thiêng liêng.

“Bức tranh đẹp đấy,” Matthew nói, ngắm nghía bức vẽ với sự quan tâm thích đáng. “Ta thích cách cháu thể hiện đường cong của cái đuôi. Và cháu đặt các ngôi sao khác quanh nó. Điều đó rất khôn ngoan, Jack ạ. Ông Harriot sẽ vui mừng trước khả năng quan sát của cháu đấy.”

Jack đỏ mặt. “Đó là mảnh giấy cuối cùng của cháu. Họ có bán giấy ở Praha không ạ?” Hồi ở London, Matthew vẫn cung cấp cho Jack một túi đầy những mảnh giấy thừa vào mỗi sáng. Làm thế nào Jack xài hết được chúng thì đó là vấn đề của mấy trò mua bán.

“Thành phố này ngập những thứ đó,” Matthew nói. “Pierre sẽ đưa cháu tới cửa hàng ở Malá Strana vào ngày mai.”

Sau lời hứa hẹn kích thích đó, thật khó khăn mới đưa bọn trẻ lên lầu được, nhưng Tereza đã chứng tỏ là người sở hữu sự kết hợp quý giá giữa dịu dàng êm ái và tính kiên quyết cứng rắn để hoàn thành nhiệm vụ. Điều đó tạo cho bốn người lớn một cơ hội nói chuyện tự do.

“Jack bị ốm à?” Matthew cau mày hỏi Pierre.

“Không, milord. Từ khi chúng tôi rời khỏi các vị, thằng bé bị khó ngủ.” Pierre ngập ngừng. “Tôi nghĩ ác quỷ trong quá khứ ám thằng bé.”

Trán Matthew giãn ra, nhưng trông anh vẫn khá lo lắng. “Nói cách khác hành trình vẫn đúng như cậu mong đợi chứ?” Đây là cách khôn ngoan để hỏi xem liệu họ có bị trở ngại bởi bọn cướp đường hay bị quấy nhiễu bởi những sinh vật siêu nhiên hay siêu phi thường không.

“Đó là một chuyến đi dài và lạnh giá,” Pierre bình thản nói, “và bọn trẻ thường xuyên đói.”

Gallowglass rống lên cười. “À, cái đó nghe có vẻ đúng đấy.”

“Còn ngài, milord?” Pierre bắn một cái liếc mắt kín đáo cho Matthew. “Praha có như ngài mong đợi không?”

“Rudolf không gặp ta. Người ta đồn đại rằng Kelly ở trên tầng cao nhất của Tháp Phấn, thổi bay những vạc chung cất và có Chúa biết còn gì khác nữa,” Matthew kể.

“Còn Thành Cổ thì sao?” Pierre tinh tế hỏi.

“Vẫn nhiều như vậy.” Giọng Matthew hồ hởi và nhẹ nhàng – tặng kèm một cảm giác chết chóc cho thấy anh ấy để tâm đến một điều gì đó.

“Miễn là chú phớt lờ đi những chuyện ngồi lê đôi mách đến từ khu phố Do Thái. Một phù thủy của họ đã tạo ra một sinh vật từ đất sét, và thứ đó vẫn đi lảng vảng trên đường phố vào ban đêm.” Gallowglass quay sang nhìn ông chú mình bằng ánh mắt ngây thơ vô tội. “Trừ việc đó, hầu như không có gì thay đổi kể từ lần cuối chúng ta đến đây giúp hoàng đế Ferdinand trấn thành năm 1547.”

“Cảm ơn, Gallowglass,” Matthew nói. Giọng anh lạnh lẽo như gió cuộn trên sông.

Việc tạo nên một sinh vật từ bùn đất và thổi cảm xúc vào đó đòi hỏi nhiều hơn một bữa chú

thông thường. Một lời đồn đại như vậy mang ý nghĩa: Đâu đó tại Praha này có một thợ dệt giống tôi, có thể di chuyển giữa hai thế giới của người sống và người chết. Nhưng tôi không cần phải moi thêm bí mật từ Matthew nữa, cháu trai của anh đã tiết lộ trước rồi.

“Chú không định giữ kín tin tức về sinh vật đất sét với cô đấy chứ?” Gallowglass ngạc nhiên lắc đầu. “Vậy là chú không dành thời gian loảnh quanh ở chợ rồi. Đám phụ nữ Malá Strana biết đủ mọi chuyện, bao gồm cả chuyện hoàng đế ăn gì vào bữa sáng hay việc ông ta từ chối gặp chú nữa.”

Matthew lướt các ngón tay lên bề mặt gỗ được sơn vẽ của bộ tranh và thở dài. “Cậu phải mang thứ này tới lâu đài, Pierre.”

“Nhưng đó là bộ tranh trang trí sau bàn thờ ở Stept-Tours,” Pierre phản đối. “Hoàng đế nổi tiếng bởi sự cẩn trọng. Chắc chắn chỉ là vấn đề thời gian trước khi ông ấy chấp nhận ngài.”

“Thời gian chính là thứ chúng ta thiếu, nhà de Clermont còn vô khối những bộ tranh thế này,” Matthew buồn bã nói. “Để ta viết một bức thư ngắn gửi hoàng đế rồi cậu có thể lên đường.”

Pierre mang bức tranh đi ngay sau đó, và cũng tay trắng trở về y như Matthew, không có lời hứa hẹn nào về một cuộc gặp mặt trong tương lai.

Xung quanh tôi, những sợi chỉ nối các thế giới đang thít chặt lại và thay đổi trong một lưới dệt quá lớn mà tôi không thể lĩnh hội hay hiểu hết được. Nhưng có thứ gì đó đang được trù tính ở Praha. Tôi có thể cảm thấy nó.

Đêm hôm đó, tôi tỉnh dậy vì những giọng nói khe khẽ trong căn phòng liền kề phòng ngủ. Matthew không ở bên cạnh tôi, anh đang đọc sách khi tôi chìm vào giấc ngủ. Tôi nhẹ bước tới cánh cửa xem ai đang ở cùng anh.

“Nói cho ta xem chuyện gì xảy ra khi che đi một bên mặt của con quái vật.” Matthew di chuyển tay trên một tờ giấy khổ lớn trước mặt.

“Trông nó có vẻ xa hơn!” Jack thì thầm, khiếp sợ bởi sự biến đổi này.

“Cháu thử đi,” Matthew vừa nói vừa đưa cho Jack cây bút. Jack nắm lấy nó với sự tập trung cao độ. Matthew đưa tay xoa lưng, làm thư giãn các cơ bắp căng cứng quanh khung xương mảnh khảnh của thằng bé. Jack không ngồi hẳn trên đầu gối mà dựa vào thân hình to lớn dễ chịu của chàng ma cà rồng để tìm sự ủng hộ. “Nhiều quái vật quá,” Matthew thì thầm, đón gặp ánh mắt tôi.

“Ông có muốn vẽ những quái vật của mình không?” Jack đẩy tờ giấy về phía Matthew. “Sau đó ông cũng có thể ngủ được đấy.”

“Quái vật của cháu đã dọa chúng chạy biến rồi,” Matthew nói, chuyển sự chú ý về phía Jack, mặt anh thoáng nét u buồn. Tim tôi đau nhói bởi tất cả những gì cậu bé đã phải chịu trong quãng đời ngắn ngủi, khó nhọc của mình.

Matthew lại nhìn vào mắt tôi và khẽ gật đầu ra hiệu rằng anh đang kiểm soát được mọi chuyện. Tôi gửi anh một nụ hôn gió và trở về với cái ổ lông ấm áp trên giường chúng tôi.

Ngày hôm sau chúng tôi nhận được một lá thư từ hoàng đế. Nó được gắn niêm phong bằng lớp xi dày và những dải ruy băng.

“Bức tranh đã có tác dụng, milord,” Pierre nói vẻ biết lỗi.

“Nó có tiếng tăm mà. Ta yêu bức tranh đó. Giờ ta sẽ mất một khoảng thời gian chết tiệt để được đặt tay lên nó lần nữa,” Matthew nói, ngả lưng vào ghế. Tiếng gõ kéo kẹt phản đối. Matthew với lấy lá thư. Văn phong được trau chuốt kỹ càng, với quá nhiều chỗ xoắn và uốn lượn khiến cho các chữ cái thật khó nhận ra.

“Tại sao bản viết tay này lại hoa mỹ thế?” Tôi thắc mắc.

“Người nhà Hoefnagel đã trở về từ Vienna và chẳng biết bỏ thời gian vào việc gì. Chữ viết tay càng lạ càng tốt, miễn là bệ hạ quan tâm,” Pierre trả lời một cách khó hiểu.

“Anh sẽ đến gặp Rudolf chiều nay,” Matthew nói với nụ cười thỏa mãn, gấp lá thư lại. “Cha anh sẽ vui lắm. Ông cũng đã gửi một số tiền và trang sức, nhưng có thể thấy rằng nhà de Clermont bị xem nhẹ ở thời kỳ này.”

Pierre đưa ra một lá thư khác nhỏ hơn, địa chỉ được viết bằng kiểu chữ giản dị hơn. “Hoàng đế bổ sung thêm một phần tái bút. Do chính tay người viết.”

Tôi ngó qua vai Matthew khi anh đọc nó.

“Bringen das Buch. Und die Hexe.” Chữ ký uốn lượn của hoàng đế ở dưới với chữ R trau chuốt, chữ d và l móc vòng vào nhau cùng hai chữ f.

Tiếng Đức của tôi chỉ lơ mờ, nhưng thông điệp này thì thật rõ ràng: Mang theo cuốn sách. Và cô phù thủy.

“Anh đã nói quá sớm,” Matthew lẩm bẩm.

“Cháu đã bảo chú hãy cầu ông ta bằng mấy bức tranh sơn dầu lớn của Titian vẽ nữ thần Venus mà ông nội lấy từ tay vua Philip khi vợ ông ta phản đối mà,” Gallowglass nói. “Giống như ông chú của mình, Rudolf luôn có sở thích quái đản với những mái tóc đỏ cùng những bức tranh tao nhã.”

“Và các phù thủy,” chồng tôi thì thầm nói. Anh ném bức thư lên bàn. “Không phải bức tranh đã thu hút được ông ta, mà là Diana. Có lẽ ta nên từ chối lời mời này.”

“Đó là một mệnh lệnh, chú ạ.” Lòng mào của Gallowglass nhú lại.

“Và Rudolf có Ashmole 782,” tôi nói. “Nó sẽ không đơn giản xuất hiện trước mặt Ba Con Quạ ở Sporrengasse. Chúng ta sẽ phải tìm nó.”

“Cô đang gọi chúng ta là quạ ư?” Gallowglass nói với vẻ chế giễu.

“Tôi đang nói về biển hiệu của ngôi nhà này, đồ ngốc.” Như mọi cư dân khác trên con đường này, chúng tôi có một biểu tượng gắn trên cửa chứ không phải số nhà. Sau khi khu vực lân cận bị hỏa hoạn vào giữa thế kỷ, tiên hoàng đã khẳng khẳng dùng cách khác để phân biệt các ngôi nhà ngoài các hình trang trí phổ biến chạm trên lớp thạch cao.

Gallowglass cười nhả nhỏ. “Tôi biết ý cô là gì. Nhưng tôi rất thích thấy cô phát sáng như vậy mỗi khi glaem nổi lên.”

Tôi kéo bùa chú nguy trang quanh mình bằng một tiếng dang hắng, nó giúp che mờ đi ánh sáng của tôi đến mức chấp nhận được giống con người.

“Bên cạnh đó,” Gallowglass tiếp tục. “Trong giới của tôi, được so sánh giống quạ là một lời khen ngợi lớn đấy. Tôi sẽ là Muninn, Matthew là Huginn. Còn cô sẽ là Göndul, cô ạ. Cô sẽ tạo nên một Valkyrie đẹp đấy.”

“Anh chàng đang nói gì thế?” Tôi ngây ra hỏi Matthew.

“Những con quạ của Odin. Và các con gái của ông ta.”

“Ồ, cảm ơn cậu, Gallowglass,” tôi ngượng ngùng nói. Hẳn là không tệ khi được so sánh giống với con gái một vị thần.

“Cho dù cuốn sách này của Rudolf là Ashmole 782 đi nữa, cũng không chắc chắn nó chứa đựng câu trả lời cho các câu hỏi của chúng ta.” Trải nghiệm của chúng tôi với cuốn sách cổ Voynich vẫn làm Matthew lo lắng.

“Các sử gia không bao giờ biết liệu một văn bản có mang đến những câu trả lời hay không. Dù không có câu trả lời thì kết quả là chúng ta vẫn thu được những câu hỏi thú vị hơn,” tôi đáp.

“Thôi được.” Môi Matthew cong lên. “Vì anh không thể đến gặp hoàng đế hay tới thư viện của ông ta mà không có em, còn em sẽ không rời khỏi Praha mà không có cuốn sách, nên chẳng còn lựa chọn nào khác. Chúng ta sẽ cùng đến lâu đài.”

“Gậy ông đập lưng ông rồi,” Gallowglass khoái trá nói. Anh chàng nháy mắt trêu tôi.

So với chuyến viếng thăm của chúng tôi tới Richmond thì chuyến đi ngược lên con phố để gặp hoàng đế thế này giống việc chạy sang mượn nhà hàng xóm một cốc đường hơn – mặc dù việc này đòi hỏi phục sức trang trọng hơn. Phu nhân ngài đại sứ của giáo hoàng cũng tầm vóc như tôi, tú váy áo của bà ấy đã cung cấp cho tôi trang phục xa hoa phù hợp cho vợ của một nhân vật quyền cao chức trọng ở nước Anh – hoặc một người nhà de Clermont, bà ấy nhanh nhẩu bổ sung thêm. Tôi thích phong cách ăn mặc của các mệnh phụ giàu có ở Praha: áo dài cao cổ đơn giản, chân váy hình chuông, áo khoác được thêu hoa văn trang trí với tay áo lửng viền lông thú. Những chiếc cổ áo xếp nếp nhỏ có tác dụng với tôi như rào cản không khí bên ngoài.

Matthew đã vui vẻ từ bỏ kế hoạch với đôi tất dài màu đỏ để trở về với màu xám và đen bình thường, điểm thêm màu xanh cổ vịt, thứ sắc màu hấp dẫn nhất mà tôi từng thấy anh mặc. Ráng chiều chiếu những tia sáng đầy màu sắc lên các đường xẻ dọc của chiếc quần chèn củ hành và quanh cổ chiếc áo khoác mở phanh.

“Trông anh tuyệt lắm,” tôi nói sau khi ngắm nghía anh.

“Còn em trông như một quý tộc Bohemian chính hiệu ấy,” anh đáp lại, rồi hôn lên má tôi.

“Giờ chúng ta đi được chưa ạ?” Jack thúc giục, nhảy tung tăng về nôn nóng. Ai đó đã kiếm được cho cậu nhóc một bộ chế phục màu đen-bạc cùng một cây thánh giá và trắng lười liềm gắn trên tay áo.

“Vậy chúng ta sẽ đi với tư cách là người nhà de Clermont, chứ không phải nhà Roydon,” tôi chậm rãi nói.

“Không. Chúng ta là Matthew và Diana Roydon,” Matthew đáp. “Chúng ta đang đi du lịch với những người hầu của gia đình de Clermont.”

“Điều đó sẽ làm mọi người nhầm lẫn,” tôi bình luận trong khi rời khỏi nhà.

“Chính xác,” Matthew tươi tắn mỉm cười đáp.

Nếu phải đi như dân thường thì chúng tôi sẽ leo lên các bậc thang cung điện mới kể bờ tường thành. Thay vì thế chúng tôi đi ngược lên Sporrengasse bằng ngựa với tư cách là đại diện của nữ hoàng Anh, điều này tạo cơ hội cho tôi ngắm nhìn những ngôi nhà với đài phun nước nằm nghiêng, những hình vẽ trang trí đầy màu sắc, và những biển hiệu được sơn vẽ. Chúng tôi đi ngang qua ngôi nhà Sư Tử Đỏ, Ngôi Sao Vàng, Thiên Nga, và Song Dương. Lên đỉnh đồi, chúng

tôi rẽ sang khu lân cận đầy những dinh thự của quý tộc và những người được bổ nhiệm trong triều, gọi là Hradcany.

Đây không phải lần đầu tiên tôi nhìn thấy tòa lâu đài, nó sừng sững trùm bóng lên khu vực xung quanh khi chúng tôi tiến vào Praha và từ cửa sổ nhà cũng có thể ngược nhìn thấy các bức tường bao. Nhưng đây là lần tôi nhìn ở khoảng cách gần, lâu đài thậm chí còn lớn và đồ sộ hơn, giống như một thành phố hoàn toàn tách biệt với đầy đủ các ngành công nghiệp và thương mại. Phía trước là những tòa tháp nhọn theo phong cách Gothic của nhà thờ St.Vitus, với tháp canh tròn nổi bật trên các bức tường. Mặc dù được xây dựng để phòng thủ, nhưng các tòa tháp canh giờ là nhà xưởng cho hàng trăm thợ thủ công, những người đã xây dựng gia đình tại vương triều của Rudolf.

Lính gác cung điện cho phép chúng tôi đi qua cổng phía tây và tiến vào một sân nhỏ khép kín. Sau khi Pierre và Jack mang ngựa đi, chúng tôi được hộ tống hướng tới một dãy nhà bị kẹt giữa những bức tường lâu đài. Chúng được xây cách đây không lâu, đá vẫn còn thô nhám và sáng trắng, trông như những tòa văn phòng, nhưng phía trên tôi có thể thấy mái nhà cao và các tác phẩm bằng đá thời kỳ phục hưng.

“Chuyện gì thế?” Tôi thì thầm với Matthew. “Tại sao chúng ta không tới cung điện?”

“Bởi không có ai ở đó quan trọng cả,” Gallowglass nói. Anh chàng ôm cuốn sách cổ Voynich trong tay, nó được gói an toàn trong một tấm da và buộc bằng dây để giữ các trang sách khỏi cong vênh trước tiết trời ẩm ướt.

“Rodolf thấy Cung Điện Hoàng Gia cũ này thật ẩm thấp và tối tăm,” Matthew vừa giải thích vừa giúp tôi đi qua đám sỏi cuội trơn trượt. “Cung điện mới của ông ta quay mặt về phía nam và nhìn ra một khu vườn riêng. Ở đây ông ta được cách xa khỏi nhà thờ - và các thầy tu.”

Các hành lang của tòa nhà tấp nập người qua lại và hò hét đủ mọi thứ tiếng Đức, Séc, Tây Ban Nha, và La tinh tùy thuộc xuất xứ từ vùng nào trong đế quốc của Rudolf. Càng đến gần hoàng đế, hoạt động càng trở nên hỗn loạn hơn. Chúng tôi đi qua một căn phòng đầy ắp người đang tranh luận trước các bản vẽ kiến trúc. Một phòng khác lại tranh luận sôi nổi về giá trị của một chiếc bát bằng vàng-đá được thiết kế tinh tế giống vỏ sò biển. Cuối cùng lính gác để chúng tôi lại trong một căn phòng khách để chịu với những chiếc ghế bành nặng nề, một bếp lò được lát đá tỏa ra một lượng nhiệt năng khổng lồ, và hai người đàn ông đang mài mê chuyện trò. Họ quay lại hướng về phía chúng tôi.

“Chúc một ngày tốt lành, bạn cũ,” người đàn ông hiền lành tầm sáu mươi tuổi nói bằng tiếng Anh. Ông ta tươi cười với Matthew.

“Tadeáš.” Matthew nồng nhiệt nắm lấy cánh tay ông ta. “Trông ông khỏe mạnh đấy.”

“Còn anh bạn trông trẻ trung đấy.” Đôi mắt ông ta long lanh, cái nhìn thoáng qua không gợi lên phản ứng nào trên da tôi. “Còn đây là người phụ nữ mà mọi người đang bàn tán. Tôi là Tadeáš Hájek.” Người đàn ông cúi đầu chào, và tôi nhún gối đáp lại.

Một quý ông mảnh khảnh có nước da màu oliu và mái tóc gọn gàng đen nhánh như tóc Matthew dạo bước về phía chúng tôi. “Ông Strada,” Matthew nói kèm theo một cái cúi đầu chào. Anh không vui khi thấy người đàn ông này như với người trước đó.

“Cô ta thật sự là phù thủy à?” Strada ngấm nghĩa tôi vẻ thích thú. “Nếu vậy em gái Katharina của tôi sẽ thích gặp cô ta đấy. Con bé đang có mang, việc thai nghén đang gây rắc rối cho nó.”

“Chắc chắn rồi Tadeáš – bác sĩ của hoàng gia – sẽ thích hợp hơn nếu gặp mặt sau khi sinh hoàng tử,” Matthew nói, “hay em gái ngài có gì thay đổi sao?”

“Hoàng đế vẫn sủng ái em gái tôi,” Strada lạnh nhạt đáp. “Vì lý do kia mà những ý thích thất thường của nó được nuông chiều.”

“Các vị gặp Joris chưa? Ông ta vẫn chẳng nói chuyện gì khác ngoài bộ tranh trang trí điện thờ của anh kể từ lúc bệ hạ mở nó ra,” Tadeáš hỏi, chuyển hướng chủ đề.

“Không, vẫn chưa.” Matthew đưa mắt nhìn tới cửa. “Hoàng đế ở trong đó à?”

“Đúng thế. Người đang xem một bức tranh mới của ông Spranger. Nó rất lớn và... à, chi tiết.”

“Một bức tranh khác của thần Venus,” Strada cười khẩy nói.

“Nữ thần Venus này nhìn khá giống em gái ngài đấy.” Hájek cười.

“Ist das Matthäus höre ich?” một giọng âm mũi cất từ cuối căn phòng. Mọi người quay lại và cúi rạp chào. Tôi cũng máy móc nhún gối chào. Sắp có một màn khó khăn tiếp sau cuộc trò chuyện rồi đây. Tôi đã hy vọng Rudolf nói tiếng La tinh, hoặc tiếng Đức. “Und Sie das Buch und die Hexe gebracht, ich verstehe. Und die norwegische Wolf.”

Rudolf là một người đàn ông nhỏ bé với cái cằm dài không tương xứng và cách phát âm khó chịu. Cặp môi dày đầy đặn của gia tộc Hapsburg nổi bật trên khuôn mặt ông, mặc dù bằng cách nào đó đặc điểm này được đôi mắt lồi màu xanh nhạt và cái mũi tẹt, dày của ông ta kéo lại cân bằng. Nhiều năm sống dửng dưng và nhậu nhẹt liên miên đã đem lại cho ông ta một dáng người bệ vệ, nhưng cặp chân vẫn gầy như hai ống sậy. Ông ta lảo đảo đi về phía chúng tôi trên đôi giày cao gót màu đỏ được trang trí bằng những dấu hiệu đặc trưng bằng vàng.

“Thần đưa vợ mình tới, thưa bệ hạ, như người đã ra lệnh,” Matthew nói, hơi nhấn mạnh vào chữ “vợ”. Gallowglass dịch tiếng Anh của Matthew sang thứ tiếng Đức hoàn mỹ, như thể chồng tôi không biết thứ ngôn ngữ này. Sau chuyến chu du với anh từ Hamburg tới Wittenberg rồi tới Praha bằng xe trượt tuyết, tôi thừa hiểu là anh biết rõ.

“Y su talento para los juegos también,” Rudolf nói, nỗ lực vô ích chuyển sang tiếng Tây Ban Nha như thể điều đó có thể thuyết phục Matthew trò chuyện trực tiếp với ông ta. Ông ta chậm chậm quan sát tôi, ánh mắt nấn ná, nghiền ngẫm những đường cong cơ thể tôi hồi lâu như ngắm một vật trưng bày. “Es una lástima que se casó en absoluto, pero aún más lamentable que ella está casada con usted.”

“Rất đáng tiếc, thưa bệ hạ,” Giọng Matthew sắc lẹm, vẫn kiên quyết dùng tiếng Anh. “Nhưng thần cam đoan là chúng thần đã thực hiện nghi lễ đám cưới. Cha thần khẳng khẳng tiến hành nó. Cả phu nhân cũng vậy.” Điều nhấn mạnh này chỉ càng làm cho Rudolf xem xét tôi với vẻ thích thú hơn.

Gallowglass đã giải vây cho tôi bằng cách đặt phịch cuốn sách lên bàn. “Das Buch.”

Hành động đó thu hút sự chú ý của họ. Strada mở lớp vỏ bọc trong khi Hájek và Rudolf suy xét món đồ mới bổ sung thêm vào thư viện đế quốc này có thể chứng minh nó tuyệt vời đến mức nào. Tuy nhiên, khi cuốn sách hoàn toàn lộ diện trước mắt, bầu không khí trong phòng trùng xuống thất vọng.

“Trò đùa gì thế này?” Rudolf thốt ra bằng tiếng Đức.

“Thần không chắc mình hiểu ý người, thưa bệ hạ,” Matthew đáp lại. Anh đợi Gallowglass dịch.

“Ý ta là ta thừa biết cuốn sách này,” Rudolf tức giận.

“Điều đó không làm thần ngạc nhiên, thưa bệ hạ, bởi người đã ban tặng nó cho John Dee – do nhầm lẫn, thần được nghe kể thế.” Matthew nghiêng đầu hành lễ.

“Bệ hạ không nhằm lẫn!” Strada nói, đẩy quyển sách đi về ghế tởm.

“Tất cả chúng ta đều nhằm lẫn, Signor Strada,” Hájek nhẹ nhàng nói. “Mặc dù, tôi chắc chắn, có một lời giải thích khác cho lý do vì sao cuốn sách này quay trở lại đây. Có lẽ tiến sĩ Dee đã giải mã được những bí mật của nó.”

“Chẳng có gì ngoài những bức tranh trẻ con đó cả,” Strada cãi lại.

“Đó là lý do vì sao cuốn sách tranh này đã tìm được đường lọt vào hành lý của tiến sĩ Dee chẳng? Ông hy vọng ông ta sẽ có thể hiểu được những điều ông không thể ư?” Lời lẽ của Matthew đang phản đòn thật hiệu quả, Strada mặt đỏ tía tai. “Có lẽ ông đã mượn của Dee cuốn sách với các bức vẽ về giả kim thuật lấy từ thư viện Roger Bacon, với hy vọng nó sẽ giúp ông giải mã được cuốn sách này. Viễn cảnh ấy dễ chịu hơn nhiều so với việc hình dung ông đã chơi xỏ tiến sĩ Dee tội nghiệp để lấy đi thứ yêu thích của ông ấy. Dĩ nhiên bệ hạ có thể không biết vụ việc quý quái như thế này.” Nụ cười của Matthew làm người ta ớn lạnh.

“Thế cuốn sách này có phải thứ duy nhất trong kho báu của ta mà người nói muốn mang trở về nước Anh không?” Rudolf lạnh lùng hỏi. “Hay tính tham lam của người muốn nhắm đến các phòng thí nghiệm của ta?”

“Nếu người ám chỉ Edward Kelley thì nữ hoàng cần một lời cam đoan rằng hẳn ta tự nguyện ở đây. Không gì hơn cả,” Matthew nói dối. Sau đó, anh lái cuộc nói chuyện theo hướng ít trực diện hơn. “Người có thích những bức tranh thờ mới không, thưa bệ hạ?”

Matthew đã cho hoàng đế đủ không gian để lấy lại tinh thần – và giữ thể diện. “Tác phẩm của Bosch thật phi thường. Chú của ta sẽ là người đau buồn nhất nếu biết rằng ta đã giành được nó.” Rudolf nhìn xung quanh. “Than ôi, căn phòng này không thích hợp để trưng bày nó. Ta muốn cho đại sứ Tây Ban Nha xem nó, nhưng ở nơi này các vị có thể thấy khoảng cách không đủ xa để ngắm bức tranh một cách chuẩn nhất được. Nó là một tác phẩm mà người ta phải chậm chậm tiến đến gần, để các chi tiết hiện rõ ra một cách tự nhiên. Đến đây nào. Hãy xem nơi ta đặt nó.”

Matthew và Gallowglass tự sắp xếp để Rudolf không thể đến quá gần tới trong khi chúng tôi đi xuyên qua cửa vào một căn phòng trông giống như nhà kho của một viện bảo tàng quá tải đồ trưng bày và thiếu nhân viên. Trên giá và các tủ tài liệu chất chứa vỏ sò, sách và những hóa thạch nhiều đến mức chúng có nguy cơ đổ ụp xuống. Những bức tranh sơn dầu cỡ đại – bao gồm cả bức vẽ mới về nữ thần Venus, nó không đơn giản chỉ là quá chi tiết nữa mà phải nói là gọi dục công khai – được bày nổi bật trước những bức tượng đồng. Đây chắc hẳn là chiếc tủ lưu trữ nổi tiếng gọi tò mò của Rudolf, không gian của những điều tuyệt diệu và kỳ thú.

“Bệ hạ cần thêm không gian – hay vài mẫu vật nữa,” Matthew bình luận, tay bắt kịp một món đồ sứ khỏi rơi xuống sàn.

“Ta luôn tìm kiếm chỗ để cất giữ các báu vật mới.” Một lần nữa, ánh mắt hoàng đế lại chăm chăm chiếu sang tôi. “Các vị có thể thấy ta đang cho xây dựng thêm bốn căn phòng mới để cất giữ chúng.” Ông ta chỉ ra ngoài cửa sổ về phía hai tòa tháp và một dãy nhà dài đang được nối tới khu phòng ở của hoàng đế và một tòa kiến trúc mới khác nữa ở phía đối diện. “Còn Ottavio và Tadeáš đang làm danh mục cho bộ sưu tập của ta và chỉ thị các kiến trúc sư làm những gì ta yêu cầu. Ta không muốn di chuyển mọi thứ vào khu Kunstammer mới để rồi lại làm cho nó quá tải.”

Rudolf dẫn chúng tôi xuyên qua một tòa nhà gồm nhiều kho chứa bổ sung, cuối cùng tới một phòng trưng bày dài với các khung cửa sổ dọc hai bên tường. Nó tràn ngập ánh sáng, và sau khi trời tối sầm lại, sau đám bụi bặm ở các căn phòng trước đó, bước vào nơi này có cảm giác như được hít đầy một bầu không khí trong lành.

Nhìn vào chính giữa căn phòng khiến tôi khựng lại. Bộ tranh của Matthew được để mở trên một chiếc bàn dài phủ khăn nỉ dày màu xanh lục. Hoàng đế nói đúng: Không thể nào đánh giá đầy đủ sắc màu của bức họa khi đứng gần tác phẩm này.

“Nó thật đẹp, Dona Diana.” Rudolf tranh thủ lúc tôi đang ngạc nhiên để tóm lấy bàn tay tôi. “Có thấy cảm nhận của cô thay đổi theo từng bước chân như thế nào không. Chỉ những vật tầm thường mới có thể nhìn thấy rõ ngay lập tức, vì chúng không có huyền cơ gì để hé lộ cả.”

Strada nhìn tôi với sự thù địch thấy rõ, Hájek thì với vẻ thương hại. Còn Matthew không nhìn tôi mà đang nhìn hoàng đế.

“Nói đến chuyện này, bệ hạ, thần có thể xem cuốn sách của Dee được không?” Biểu cảm của Matthew chân thật, nhưng không ai trong phòng bị lừa phỉnh dù chỉ trong một thoáng. Chàng sói đang lảng vảng kiểm mồi.

“Ai biết nó ở đâu chứ?” Rudolf phải thả tay tôi ra để phẩy tay về phía những căn phòng chúng tôi vừa bỏ lại phía sau.

“Nếu một cuốn sách quý giá nhường ấy lại không thể tìm thấy được khi hoàng đế yêu cầu, chắc hẳn Signor Strada đã lơ là bốn phận của mình rồi.” Matthew nhẹ nhàng nói.

“Ottavio hiện rất bận rộn, với những chuyện quan trọng!” Rudolf trừng mắt nhìn Matthew. “Còn ta thì không tin tưởng tiến sĩ Dee. Nữ hoàng của người nên đề phòng những lời hứa hẹn dối trá của lão.”

“Nhưng người lại tin Kelley. Có lẽ ông ta biết nó ở đâu thì sao?”

Đến đây thì hoàng đế rõ ràng không thoải mái. “Ta không muốn Edward bị quấy rầy. Ông ta đang ở giai đoạn nhạy cảm trong công việc giả kim thuật.”

“Praha có vô vàn bùa phép, và Diana được ủy thác đến mua vài món hàng thủy tinh liên quan tới việc thực hành thuật giả kim cho nữ bá tước Pembroke. Chúng thần sẽ tự làm mình bận rộn với nhiệm vụ đó tới khi nào ngài Edward có thể tiếp khách. Có lẽ đến lúc đó Signor Strada sẽ tìm ra cuốn sách thất lạc của người.”

“Nữ bá tước Pembroke này là em gái người hùng của nữ hoàng, ngài Philip Sidney phải không nhỉ?” Rudolf hỏi, sự hứng thú của ông ta đã được chạm trúng. Khi Matthew mở miệng định trả lời thì Rudolf giơ tay lên ngăn lại. “Đó là việc của Dona Diana. Chúng ta sẽ để cô ấy trả lời.”

“Đúng vậy, thưa bệ hạ,” tôi đáp bằng tiếng Tây Ban Nha. Phát âm của tôi quá tệ, hy vọng chuyện đó sẽ đánh tan hứng thú của ông ta.

“Thật quyến rũ,” Rudolf lẩm bẩm. Chết tiệt. “Thế thì tốt rồi, Dona Diana phải đến thăm xưởng làm việc của ta. Ta thích làm thỏa lòng mong ước của một quý bà.”

Nhưng không rõ ông ta muốn nói đến quý bà nào.

“Về phần Kelley và cuốn sách, chúng ta sẽ xem. Chúng ta sẽ xem.” Rudolf quay trở về với bộ tranh. “Ta sẽ quan sát, im lặng, và lắng nghe. Không phải câu tục ngữ đó sao?”

“Bà đã trông thấy ma sói chưa, Frau Roydon? Hẳn là người gác rừng mới của bệ hạ và hàng xóm Frau Habermel của tôi đã nghe thấy tiếng hắc hủ vào ban đêm. Họ nói hắc ăn hươu nai của hoàng đế chạy trong khu Stag Moat.” Frau Huber cầm cây bắp cải lên bằng bàn tay đeo găng và nghi ngờ hít ngửi. Herr Huber là một thương nhân ở khu Steelyard của London, mặc dù bà ta không yêu thích gì thành phố này, nhưng bà nói tiếng Anh rất trôi chảy.

“Ôi trời. Làm gì có ma sói chứ,” Signorina Rossi nói, quay cái cổ dài ngoẵng của cô ta lại và tặc lưỡi trước giá của mấy cây hành. “Tuy thế, Stefano của tôi kể rằng có rất nhiều yêu tinh trong cung điện. Các giám mục nhà thờ muốn yểm trừ xua đuổi chúng, nhưng hoàng đế từ chối.” Giống Frau Huber, Rossi đã từng ở London, khi đó đang là tình nhân của một nghệ sĩ người Ý muốn mang văn phong riêng tới Anh quốc. Còn giờ cô lại là tình nhân của một nghệ sĩ người Ý khác muốn giới thiệu nghệ thuật cắt thủy tinh tới Praha.

“Tôi chưa gặp ma sói hay yêu tinh nào cả,” tôi thú nhận. Mặt mấy phụ nữ ỉu xiu. “Nhưng tôi đã được thấy một trong những bức tranh mới của hoàng đế.” Tôi hạ thấp giọng. “Nó vẽ nữ thần Venus. Vươn mình khỏi bồn nước tắm.” Tôi tặng cả hai những cái nhìn trịnh trọng. Thiếu vắng những câu chuyện tán gẫu về thế giới bên kia, thì sự trụy lạc của hoàng gia sẽ đáp ứng nhu cầu đó. Frau Huber kéo thẳng người lên.

“Hoàng đế Rudolf cần một người vợ. Một phụ nữ người Áo tuyệt vời, có thể nấu ăn cho người.” Bà ta kể cả mua một cây bắp cải từ người bán rau để tính, sau khi hết lời chê bai rau quả của ông gần ba mươi phút. “Hãy kể lại cho chúng tôi nghe về bộ sùng của con kỳ lân đi. Người ta cho rằng nó có những sức mạnh chữa bệnh thần kỳ.”

Đây là lần thứ tư trong vòng hai ngày tôi được yêu cầu thuật lại những món đồ hiếm lạ kỳ diệu của hoàng đế. Tin tức về cuộc tiếp kiến của chúng tôi trong khu phòng riêng của Rudolf đã đi trước khi chúng tôi về đến Bà Con Qua, và các phu nhân của Malá Strana đang nằm đợi sáng ngày hôm sau, háo hức trước những ấn tượng của tôi.

Vì sự xuất hiện của những người đưa tin hoàng gia tại ngôi nhà, cũng như hàng tá người hầu mặc chế phục của quý tộc Bohemian và các chức sắc nước ngoài đã khơi dậy tính hiếu kỳ của họ hơn. Giờ Matthew đã được đón nhận trong triều đình, ngôi sao của anh đảm bảo vừa đủ cho bầu trời đế quốc, những người bạn cũ đang sẵn sàng thừa nhận sự trở về của anh – và yêu cầu được trợ giúp.

Pierre đã kéo cần câu, chẳng bao lâu chi nhánh ngân hàng de Clermont tại Praha đã mở và đi vào hoạt động, mặc dù tôi thấy giá trị tiền nhận được rất ít nhưng có một dòng vốn ổn định chảy ra để giải quyết các tài khoản quá hạn với những thương gia của thành cổ Praha.

“Em nhận được một gói hàng từ hoàng đế đấy,” Matthew nói khi tôi từ chợ về, tay cầm cây bút lông chỉ vào một cái bao lơn nhón. “Nếu em mở nó ra, Rudolf mong em sẽ đích thân biểu lộ lòng cảm kích của mình đấy.”

“Nó có thể là thứ gì nhỉ?” Tôi cảm nhận hình dáng món đồ bên trong. Nó không phải là một cuốn sách.

“Thứ gì đó mà chúng ta sẽ hối tiếc khi nhận chúng, anh đảm bảo đấy.” Matthew nhấn cây bút lông trong lọ mực, gây ra một trận phun trào quy mô nhỏ thứ chất lỏng đen xì tràn ra mặt bàn. “Rudolf là một nhà sưu tầm, Diana. Và ông ta không đơn giản hứng thú với những bộ sùng kỳ lân biển và những viên đá kỳ dị. Ông ta thêm muốn người cũng như đồ vật và không thể xa rời chúng một khi đã thuộc sở hữu của ông ta.”

“Như Kelley,” tôi nói, tháo sợi dây buộc gói hàng. “Nhưng em không phải món hàng để mua

bán.”

“Tất cả chúng ta đều là những món hàng.” Mắt Matthew mở lớn. “Ôi Chúa nhân từ.”

Một bức tượng nữ thần Diana bằng vàng-và-bạc, cao hơn sáu mươi phân đang đặt giữa chúng tôi, bức tượng khóa thân, ngồi nghiêng trên lưng một con hươu đực cùng với hai mắt cá chân kín đáo bắt chéo nhau. Một cặp chó săn ngồi bên chân nàng. Gallowglass huýt sáo. “Chà, hoàng đế công khai nỗi niềm khao khát của ông ấy rồi đây.”

Nhưng tôi còn quá bận tập trung ngắm nghía. Một chiếc chìa khóa nhỏ được gắn vào đế bức tượng. Tôi xoay nó và con hươu bay ngang qua bên kia sàn. “Nhìn này Matthew. Anh có thấy không?”

“Chú ấy có không chú ý thì cô cũng không gặp nguy hiểm đâu,” Gallowglass đảm bảo với tôi.

Đúng thế thật: Matthew đang tức giận nhìn trừng trừng vào bức tượng.

“Woa, chàng trai trẻ Jack.” Gallowglass tóm được cổ áo Jack khi thằng bé lao vào phòng. Nhưng Jack là một tên trộm chuyên nghiệp, vài thủ thuật trì hoãn như thế chỉ hữu dụng chút xíu thôi một khi nó đánh hơi thấy đồ vật gì đó có giá trị. Nó tuần người xuống sàn như không xương, bỏ lại cho Gallowglass chiếc áo khoác rỗng không, rồi nhảy vọt tới phía sau con hươu.

“Nó là đồ chơi ă? Cho cháu à? Tại sao bà ta không mặc quần áo ă? Bà ta không lạnh sao?” Những câu hỏi tuôn ra ào ào như một dòng nước lũ. Thích thú với cảnh tượng này như bất cứ phụ nữ nào trong khu Malá Strana, Tereza đi tới xem chuyện nhốn nháo gì đang xảy ra. Bà ta thở hắt ra trước người phụ nữ khóa thân trong phòng làm việc của ông chủ và đưa tay lên che mắt Jack.

Gallowglass liếc nhìn bộ ngực của bức tượng. “Đúng rồi, Jack. Ta thấy là cô ta bị lạnh đấy.” Câu nói này khiến anh chàng lãnh ngay một cú đánh vào đầu của Tereza, tay kia bà ta vẫn túm chặt lấy thằng bé.

“Nó là thứ đồ chơi tự động, Jack ă,” Matthew vừa nói vừa nhặt món đồ lên. Lúc cầm trên tay, đầu con hươu bật mở ra để lộ một cái hõm sâu bên trong. “Món đồ này được cho chạy xuôi theo bàn ăn tối của hoàng đế. Khi nó dừng lại, người gần nhất sẽ phải uống rượu từ cổ con hươu. Tại sao cháu không đi chỉ cho Annie xem nó nhĩ?” Anh đóng cái đầu trở lại vị trí và đưa món đồ vô giá đó cho Gallowglass, rồi nghiêm nghị nhìn tôi. “Chúng ta cần nói chuyện.”

Gallowglass đẩy Jack và Tereza ra khỏi phòng với những lời hứa hẹn về món bánh quy xoắn và chơi bài skat.

“Em đang gặp nguy hiểm trầm trọng đấy, em yêu.” Matthew luồn tay cào mái tóc anh, hành động này lúc nào cũng khiến anh đẹp trai hơn. “Anh đã nói với Đại Hội Đồng rằng tình trạng của em với tư cách là vợ anh là điều kiện thuận lợi để bảo vệ em khỏi vướng vào thuật phù thủy và hạn chế những cuộc săn lùng phù thủy tại Scotland.”

“Nhưng bạn bè của chúng ta và đồng loại ma cà rồng của anh biết rõ chuyện đó còn hơn thế mà,” tôi nói. Cảm giác về mùi của ma cà rồng không lừa dối được, và mùi hương đặc hữu của Matthew bao phủ khắp người tôi. “Còn các phù thủy biết nhiều hơn về mối quan hệ của chúng mình bằng vào con mắt thứ ba của họ.”

“Có lẽ thế, nhưng Rudolf không phải ma cà rồng cũng chẳng phải phù thủy. Mối liên hệ với Đại Hội Đồng sẽ trấn an hoàng đế rằng không có bất cứ quan hệ nào giữa chúng ta cả. Vì thế sẽ không loại trừ việc ông ta theo đuổi em.” Các ngón tay Matthew chạm vào má tôi. “Anh không chia sẻ đầu, Diana. Và nếu Rudolf đi quá xa...”

“Anh sẽ kiểm soát tâm tính của mình nhé.” Tôi nắm chặt bàn tay anh. “Anh biết dù thế nào đi nữa, em cũng không để Hoàng Đế La Mã Thần Thánh – hay bất cứ kẻ nào khác quyến rũ em mà. Chúng mình cần Ashmole 782. Ai thềm quan tâm chuyện Rudolf nhìn chăm chặp vào ngực em chứ?”

“Nhìn chăm chăm thôi thì anh có thể xử lý được.” Matthew nhẹ nhàng hôn tôi. “Còn một điều nữa em nên biết trước khi đi tạ ơn hoàng đế. Đại Hội Đồng đôi lúc vẫn đáp ứng sở thích về phụ nữ và đồ quý hiếm của Rudolf để nịnh bợ ông ta. Nếu hoàng đế muốn có em thì phán quyết của Đại Hội Đồng sẽ không nghiêng về phía chúng ta đâu. Họ sẽ chuyển em cho ông ta bởi vì họ không thể để Praha rơi vào tay loài người giống như tổng giám mục của Trier và những người bạn thầy tu dòng Tên của ông ta. Và họ không muốn Rudolf trở thành một Vua James thứ hai khát máu các sinh vật khác người. Praha có thể là ốc đảo dành cho những sinh vật ở thế giới khác. Nhưng giống như tất cả các ốc đảo, nơi nương náu đó là một ảo ảnh xa vời.”

“Em hiểu rồi,” tôi nói. Tại sao mọi chuyện liên quan tới Matthew đều phải rối tinh rối mù lên thế? Cuộc sống này khiến tôi nhớ đến những sợi thừng thắt nút trong hộp thần chú của mình. Cho dù tôi có gỡ chúng ra bao nhiêu lần đi nữa, chúng sẽ lại nhanh chóng rối mù thôi.

Matthew buông tôi ra. “Hãy để Gallowglass đi cùng em đến cung điện.”

“Anh không đi à?” Trước những lo lắng của anh, tôi thấy sốc khi Matthew định để tôi rời đi như vậy.

“Không. Thấy chúng ta cứ dính lấy nhau nhiều, những suy đoán và tính chiếm hữu của Rudolf càng tăng thêm. Còn Gallowglass có thể dụ dỗ ông ta hướng tới phòng thí nghiệm của Kelley. Cháu trai anh quyến rũ hơn anh rất nhiều đấy.” Matthew cười toe toét, nhưng biểu cảm ấy chẳng hề làm vui đi bóng tối ẩn sâu trong đôi mắt anh.

Gallowglass khẳng khẳng là anh ta đã có một kế hoạch để giúp tôi hạn chế phải nói chuyện riêng với Rudolf nhưng vẫn có thể bày tỏ lòng biết ơn chân thành. Nhưng mãi tới lúc tiếng chuông ngân nga điểm ba giờ, tôi mới thoáng nhận ra kế hoạch của anh chàng có thể diễn ra thế nào. Dòng người đổ xô cố chen vào nhà thờ St. Vitus qua mấy cánh cửa vòm nhọn ở hai bên lối vào đã khẳng định cho kế hoạch đó.

“Đó là Sigismund,” Gallowglass nghiêng người ghé sát vào tai tôi nói. Tiếng chuông ồn ào đình tai nhức óc, tôi chỉ vừa đủ nghe thấy tiếng anh ta. Thấy tôi lúng túng, Gallowglass chỉ vào một tấm lưới vàng bên trên gác chuông. “Sigismund. Cái chuông lớn. Đó là cách giúp cô biết mình đang ở Praha.”

Nhà thờ St.Vitus là cuốn giáo khoa về nghệ thuật kiến trúc Gothic với hàng loạt dãy cột trụ và những tháp nhọn giống như mũi kim chìa lên trời. Vào một buổi chiều mùa đông u ám, trông nó thậm chí càng giống hơn. Những ngọn nến bên trong đang cháy sáng rực, nhưng trong không gian rộng thênh thang của nhà thờ chúng chẳng là gì ngoài mấy điểm vàng mờ nhạt trong bóng tối u ám. Bên ngoài, ánh sáng đã nhạt đến mức những tấm kính thủy tinh màu cầu bầu và những bức bích họa sống động đầy màu sắc cũng chỉ trợ giúp được hết sức ít ỏi bầu không khí nặng nề ngột ngạt đó. Gallowglass cẩn thận chọn vị trí của chúng tôi ngay bên dưới một cặp giá đuốc.

“Hãy cho bùa chú nguy trang của cô một cơ hội đi,” anh chàng gợi ý. “Ở đây tối thế này Rudolf có thể không trông thấy cô đâu.”

“Câu bảo tôi phát sáng à?” Tôi trưng ra bộ mặt hà khắc nhất của bà giáo già, nhưng anh ta chỉ nhún nhử cười đáp lại.

Chúng tôi đợi chờ nghi lễ Mass bắt đầu với cuộc phân loại thú vị giữa đám người hầu ồn ào trong cung điện, các chức sắc hoàng gia và những nhà quý tộc. Một vài nghệ sĩ vẫn còn mang những vết dây bẩn và cháy xém do đặc thù công việc, hầu hết bọn họ trông đều có vẻ kiệt sức mệt mỏi. Sau khi quan sát đám đông, tôi ngược lên nhìn để bao quát kích thước và phong cách của nhà thờ.

“Toàn bộ đều được xây khung vòm hết,” tôi lẩm bẩm nói. Đường gân nổi còn phức tạp hơn nhiều so với hầu hết các nhà thờ theo phong cách Gothic ở Anh.

“Ý tưởng của Matthew đấy,” Gallowglass nhận xét.

“Matthew ư?” Tôi há hốc miệng ngạc nhiên.

“Cách đây rất lâu chú ấy đi ngang qua Praha, khi ấy Peter Parler, kiến trúc sư mới, đang tái xanh tái xám vì một nhiệm vụ quá mức quan trọng thế này. Tuy nhiên đợt bùng nổ bệnh dịch đầu tiên đã giết chết hầu hết các thợ xây lành nghề, vậy nên Parler bị bỏ lại chịu trận. Matthew đã che chở anh ta và cả hai người có hơi nổi hứng điên một chút. Tôi không thể hiểu được chú ấy và anh chàng Peter trẻ kia đang cố gắng hoàn thiện cái gì, nhưng nó bắt mắt đấy chứ. Đợi cho tới lúc cô trông thấy những gì bọn họ làm với Đại Thánh mà xem.”

Tôi mở miệng định hỏi thêm thì sự im lặng bao trùm toàn bộ đám đông. Rudolf đã đến. Tôi nghển cổ cố gắng nhìn.

“Ông ta kia kìa,” Gallowglass thì thầm, hất đầu hướng về phía bên phải. Rudolf đã vào St.Vitus trên tầng hai, từ lối đi khép kín mà tôi phát hiện ra nó nối liền giữa lâu đài và nhà thờ này. Ông ta đang đứng trên một ban công được trang trí bằng những chiếc khiên gia huy biểu thị rất nhiều tước hiệu và địa vị danh giá. Giống như trần nhà, chiếc ban công này cũng được đỡ bằng một vòm cuốn trang trí lạ thường, mặc dù trông nó như những cành cây khẳng khiu. Căn cứ vào vẻ thanh khiết đến ghê tởm của kiến trúc các cột trụ khác trong nhà thờ, tôi không nghĩ đây là tác phẩm của Matthew.

Rudolf ngồi vào chỗ và nhìn bao quát khắp gian trung tâm của giáo đường trong khi đám đông cúi đầu và nhún gối chào hướng về lô hoàng gia. Về phần mình, Rudolf trông có vẻ không thoải mái khi bị phát hiện. Trong khu phòng riêng, ông ta thả lỏng trước đám cận thần của mình, nhưng ở đây ông ta dường như ngưng ngượng và căng thẳng. Ông ta quay sang lắng nghe một bầy tôi thì thầm và nhìn thấy tôi. Ông ta nghiêng đầu chào về hòa nhã và mỉm cười. Đám đông dao động xung quanh để xem ai là người hoàng đế đặc biệt chú ý ban cho ân điển đó.

“Nhún gối chào ngay,” Gallowglass rít lên. Tôi lại hạ thấp người lần nữa.

Chúng tôi xoay sở trải qua được lễ Mass mà không có sự cố gì. Tôi nhẹ nhõm nhận thấy không một ai, thậm chí cả hoàng đế, mong đợi nhận lễ ban phước, và toàn bộ buổi lễ nhanh chóng kết thúc. Rudolf đã lặng lẽ lên khỏi khu vực riêng của ông ta tự lúc nào, không nghi ngờ gì là để tiếp tục mê mải với đồng kho báu của mình.

Hoàng đế và các tu sĩ đã đi rồi, gian giáo đường trở thành nơi tụ họp vui vẻ khi những người bạn trao đổi với nhau tin tức và tán gẫu. Tôi thấy Ottavio Strada ở phía xa, say sưa trò chuyện với một quý ông da dẻ hồng hào trong bộ áo choàng len đắt tiền. Bác sĩ Hájek cũng ở đây, cười đùa nói chuyện với một cặp vợ chồng trẻ, rõ ràng đang độ mặn nồng. Tôi mỉm cười với ông ta, còn ông hơi gật đầu chào về phía tôi. Tôi có thể tặng lời Strada, nhưng tôi thích vị bác sĩ này của hoàng đế.

“Gallowglass à? Đáng lẽ cậu nên ngủ đông như bọn gấu rồi chứ?” Một người đàn ông mảnh khảnh với cặp mắt sâu tiến đến gần, miệng vắn vẹo thành một nụ cười mỉa mai khó chịu. Ông ta mặc một bộ quần áo đắt tiền nhưng giản dị, chiếc nhẫn vàng trên ngón tay cho thấy sự giàu sang, quyền quý.

“Với thời tiết thế này thì tất cả chúng ta đều nên ngủ đông. Thật tốt được thấy ông khỏe mạnh, Joris.” Gallowglass vỗ bồm bộp lên lưng ông ta. Lực của cú vỗ khiến hai mắt ông ta trợn tròn.

“Tôi cũng sẽ nói thế với anh bạn, nhưng vì anh luôn khỏe mạnh nên tôi sẽ để dành lời nói lịch sự sáo rỗng ấy cho cả hai chúng ta.” Người đàn ông quay sang tôi. “Còn đây là La Diosa.”

“Diana,” tôi nói, khẽ nhún gối chào.

“Đó không phải là tên bà ở đây. Rudolf gọi bà là La Diosa de la Caza. Đó là tiếng Tây Ban Nha để gọi nữ thần săn bắt. Hoàng đế đã ra lệnh cho ông Spranger tội nghiệp bỏ dở những phác họa cuối cùng bức vẽ Venus đang tắm để tập trung vào một chủ đề mới: Diana bị gián đoạn lúc trang điểm. Tất cả chúng tôi đang háo hức xem liệu Spranger có năng lực tạo ra một sự thay đổi lớn lao trong thời gian ngắn như thế không.” Nói rồi ông ta nghiêng mình cúi đầu chào. “Joris Hoefnagel.”

“Người viết chữ đẹp,” tôi nói, nghĩ lại lời nhận xét của Pierre về phong cách viết chữ hoa mỹ trong bức thư chính thức triệu gọi Matthew vào triều của Rudolf. Nhưng cái tên đó khá là quen...

“Một nghệ sĩ đấy,” Gallowglass nhẹ nhàng sửa lại.

“La Diosa.” Một người đàn ông gầy hốc hác hạ chiếc mũ chào bằng hai bàn tay đầy sẹo. “Tôi là Erasmus Habermel. Xin bà vui lòng hạ cố tới thăm xưởng của tôi ngay khi có thể được không? Bà hạ muốn bà có một bản tóm tắt chi tiết để chú thích tốt hơn về những thay đổi trên mặt trăng, nhưng nó phải chính xác như ý thích của bà.”

Habermel cũng là một cái tên quen thuộc...

“Bà ấy sẽ đến chỗ tôi vào ngày mai.” Một người đàn ông bệ vệ béo tốt khoảng chừng ba mươi tuổi chen qua đám đông ngày càng nhiều kia. Trọng âm của ông ta là tiếng Ý thấy rõ. “La Diosa sẽ ngồi làm mẫu vẽ chân dung. Bà hạ muốn có bức họa của bà ấy để khắc vào đá như một biểu tượng vĩnh cửu của bà ấy trong tình cảm yêu mến của người.” Mồ hôi túa ra trên vùng nhân trung của ông ta.

“Signor Miseroni!” Một người Ý khác nói, vỗ bồm bộp hai bàn tay lên bộ ngực nặng nề của ông ta. “Tôi đã nghĩ chúng ta hiểu nhau cơ đấy. La Diosa phải luyện tập khiêu vũ nếu bà ấy định tham dự buổi chiêu đãi vào tuần tới như hoàng đế mong muốn.” Ông ta cúi chào về phía tôi. “Tôi là Alfonso Pasetti, thừa La Diosa, thầy dạy khiêu vũ của hoàng đế.”

“Nhưng vợ tôi không thích khiêu vũ,” một giọng nói lạnh lùng cất lên phía sau tôi. Một cánh tay dài rắn chắc vòng qua cầm lấy tay tôi, đùa nghịch với đường viền trên thân áo. “Đúng không, mon coeur?” Lời âu yếm sau cùng đi kèm với một nụ hôn lên các khớp ngón tay và một cú cắn nhẹ cảnh cáo.

“Xử lý đúng đắn đấy Matthew, như vẫn luôn thế,” Joris mỉm cười chân thành. “Anh thế nào rồi?”

“Thất vọng vì không tìm thấy Diana ở nhà,” Matthew nói với giọng điệu hơi buồn phiền. “Nhưng ngay cả một đức ông chồng tận tụy cũng phải quy phục trước Chúa trong tình yêu thương của vợ anh ta.”

Hoefnagel quan sát Matthew một cách tỉ mỉ, đo lường từng sự thay đổi về biểu cảm. Tôi đột nhiên nhận ra người này là ai: người nghệ sĩ vĩ đại là nhà quan sát thiên nhiên sắc sảo, những bức họa của ông ta về hoa cỏ và động vật trông như chúng có thể sống dậy, giống các sinh vật trên đôi giày của Mary.

“Chà, Chúa đã xong việc với bà ấy ngày hôm nay rồi. Tôi nghĩ ông hoàn toàn tự do mang vợ mình về nhà đấy,” Hoefnagel ôn tồn nói. “Bà hứa hẹn sẽ làm tươi sáng cho mùa xuân ẩm đậm này đấy, La Diosa. Vì điều đó mà tất cả chúng tôi đều vui sướng lấy làm biết ơn.”

Cánh đàn ông giải tán sau khi có được lời cam đoan từ Gallowglass rằng anh ta sẽ sắp xếp các cuộc hẹn dày đặc chồng chéo nhau của tôi. Hoefnagel là người cuối cùng rời đi.

“Tôi sẽ để mắt đến vợ ông đấy, Schadu. Có lẽ ông cũng nên làm thế.”

“Tôi luôn chú ý đến vợ mình. Còn biết làm gì khác ở đây kia chứ?”

“Dĩ nhiên rồi. Thứ lỗi cho sự can thiệp của tôi. Tai vách mạch rừng.” Hoefnagel cúi chào. “Tôi sẽ gặp bà trong triều, La Diosa.”

“Tên cô ấy là Diana,” Matthew gần giọng nói. “Bà de Clermont cũng được.”

“VẬY mà tôi cứ tưởng là Roydon. Nhầm lẫn rồi.” Hoefnagel lùi lại sau vài bước. “Chào buổi tối, Matthew.” Tiếng bước chân ông ta vang vọng trên nền đá, nhỏ dần rồi chìm vào im lặng.

“Schadu ư?” Tôi hỏi.

“Tiếng Hà Lan có nghĩa là ‘Cái Bóng’. Elizabeth không phải người duy nhất gọi anh bằng cái tên đó.” Matthew nhìn Gallowglass. “Signor Pasetti nhắc tới buổi chiều đãi nào thế?”

“Ồ, không có gì đặc biệt đâu. Chắc lại mấy chủ đề thần thoại, với âm nhạc khủng khiếp và khiêu vũ thậm chí còn tồi tệ hơn. Được uống thả phanh, cả đám cận thần sẽ lại sẩy chân ngã nhằm giường vào cuối đêm cho mà xem. Chín tháng sau sẽ có cả bày trẻ quý tộc không rõ nguồn gốc. Chuyện thường thôi mà.”

“Sic transit gloria mundi,” Matthew lẩm bẩm, rồi nghiêng mình cúi chào tôi. “Chúng ta về nhà chứ, La Diosa?” Tôi thấy không thoải mái khi người lạ dùng cái tên thân mật này, nhưng từ miệng Matthew thì gần như không chịu nổi. “Jack nói món hầm tối nay đặc biệt hấp dẫn đấy.”

Matthew xa cách suốt cả buổi tối, anh quan sát tôi bằng cặp mắt nặng nề trong khi tôi nghe chuyện trong ngày của bọn trẻ và Pierre đúng hẹn báo cáo anh hàng loạt chuyện xảy ra ở Praha. Những cái tên xa lạ và chuyện kể dài dòng rối rắm khiến tôi phải từ bỏ việc cố theo dõi nó mà lên giường đi ngủ.

Tiếng khóc của Jack chợt đánh thức tôi, tôi lao đến với thằng bé để rồi phát hiện ra Matthew đã tới tự bao giờ. Thằng bé điên cuồng quấy đạp, gào khóc tìm sự giúp đỡ.

“Xương của cháu đang rời ra!” Thằng bé lặp đi lặp lại. “Đau! Đau quá!”

Matthew bao bọc thằng bé thật chặt dựa vào lồng ngực anh để nó không thể nhúc nhích nữa. “Suyt. Giờ ta ôm được cháu rồi.” Anh tiếp tục giữ Jack cho tới khi cơn run rẩy lan ra khắp tứ chi mảnh khảnh của đứa bé dịu dần xuống.

“Tất cả lũ quái vật đều trông giống những người đàn ông bình thường tối nay, ông Roydon ạ,” Jack kể với anh, rúc sâu hơn nữa vào vòng tay chồng tôi. Tiếng thằng bé nghe có vẻ hết sức mệt mỏi, những quầng xanh dưới mắt khiến nó trông như già hơn tuổi thực.

“Chúng thường thế mà, Jack,” Matthew nói. “Chúng thường thế cả.”

Những tuần kế tiếp là một cơn lốc xoáy điên cuồng các cuộc hẹn – hết thợ kim hoàn của hoàng đế, thợ làm nhạc cụ của hoàng đế, rồi lại thầy dạy khiêu vũ của hoàng đế. Mỗi cuộc đối mặt lại

mang tôi tiến sâu hơn nữa vào trung tâm của cung điện đế quốc này, tới những xưởng làm việc và nơi cư ngụ dành cho những người nghệ sĩ và trí thức tài giỏi của Rudolf.

Giữa những lời mời hẹn gặp gỡ, Gallowglass đưa tôi tới từng khu vực của cung điện nơi tôi chưa được thấy. Đến chỗ bày thú, nơi Rudolf nuôi giữ báo và sư tử cũng nhiều ngang với các thợ vẽ và nhạc công ở trên các con phố nhỏ hẹp phía đông nhà thờ. Tới Stag Moat, nơi đã được tu sửa để Rudolf có thể hưởng thụ chơi thể thao vui vẻ hơn. Tới phòng tập phủ kín các hình trang trí khắc xước, nơi các cận thần có thể vận động thể dục. Tới những ngôi nhà kính mới được dựng lên để bảo vệ các cây non quý giá của hoàng đế tránh khỏi mùa đông khắc nghiệt của Bohemian.

Nhưng có một nơi thậm chí cả Gallowglass cũng không được phép vào: tòa tháp Phấn, nơi Edward Kelley tiến hành chưng cất và tinh luyện để cố làm ra đá tạo vàng. Chúng tôi đứng bên ngoài tòa tháp, cố gắng nói chuyện để tìm cách qua mặt trạm lính canh gác ở lối vào. Gallowglass thậm chí còn phải nồng nhiệt gào lên chào hỏi. Việc này khiến hàng xóm phải chạy ra vì tưởng cháy nhà, nhưng cũng chẳng làm người phụ tá ngày xưa của tiến sĩ Dee buồn nhúc nhích.

“Hắn ta như tù nhân ấy,” tôi kể với Matthew sau khi bát đĩa bữa tối được dọn sạch, Jack và Annie đã yên ổn nằm trên giường của chúng. Mấy đứa đã vui vẻ chơi một vòng mệt lử bài skat và đi xe trượt tuyết, rồi ăn bánh quy xoắn. Chúng tôi không còn coi chúng như người hầu của mình nữa. Tôi hy vọng được cư xử như một đứa trẻ bình thường sẽ chấm dứt những cơn ác mộng hàng đêm của Jack. Nhưng cung điện không phải là nơi dành cho chúng. Tôi vẫn lo sợ chúng có thể đi lang thang và lạc trong đó mãi mãi, vì chúng không biết ngôn ngữ ở đây.

“Kelley là một tù nhân,” Matthew nói, nghịch ngợm ly rượu của anh. Nó được làm bằng bạc nặng và bắt ánh lửa sáng lấp lánh.

“Họ nói thỉnh thoảng hắn mới về nhà, thường là vào giữa đêm khi không có ai trông thấy. Ít nhất thì hắn cũng có được chút thanh thoi sau những yêu cầu không ngừng nghỉ của hoàng đế.”

“Em chưa gặp bà Kelley,” Matthew lãnh đạm nói.

Tôi chưa gặp, điều này khiến tôi thấy kỳ quái và càng để tâm đến nó hơn. Có lẽ tôi đang đi sai đường để gặp được nhà giả kim này. Tôi cho phép mình bị cuốn vào cuộc sống vương triều với hy vọng gỡ cửa được phòng thí nghiệm của Kelley và đi thẳng tới Ashmole 782. Nhưng cứ theo thói quen mới này của tôi thì cách tiếp cận trực tiếp dường như không thể thành công được.

Sáng hôm sau tôi quyết định đi mua sắm cùng Tereza một chút. Ngoài trời gió thét gào dữ dội, buốt lạnh căm căm nhưng chúng tôi vẫn gắng lê bước tới chợ.

“Bà có biết bà Kelly đồng hương của tôi không?” Tôi hỏi Frau Huber khi chúng tôi đợi người bán bánh gói hàng. Mấy bà nội trợ của Malá Strana thèm khát sưu tầm những chuyện kỳ quái khác thường chả kém gì Rudolf cả. “Chồng bà ấy là một trong những người hầu cận của hoàng đế.”

“Ý bà là một trong các nhà giả kim thuật bị giam cầm của hoàng đế phải không?” Frau Huber nói kèm theo một tiếng khịt mũi khinh thường. “Luôn có những chuyện kỳ quái xảy ra trong ngôi nhà đó. Và nó còn tệ hơn khi người nhà Dee ở đây. Herr Kelly lúc nào cũng mê đắm nhìn Frau Dee.”

“Thế còn bà Kelley?” Tôi ngắt lời.

“Bà ta chẳng mấy khi ra ngoài. Đầu bếp của bà ta lo chuyện mua bán.” Frau Huber không đồng tình với việc ủy thác trách nhiệm nội trợ kiểu này. Nó sẽ mở đường cho mọi sự náo loạn, bao

gồm (bà ta cho là thế) Lễ rửa tội lại và một chợ đen thịnh vượng với nguyên liệu nhà bếp bị xoay trộm. Bà ta đã bày tỏ cảm xúc về điểm này rất rõ ràng ngay từ lần gặp gỡ đầu tiên của chúng tôi, và đó cũng là một trong những lý do chính tôi ra ngoài để mua cái bắp trong bất cứ thời tiết nào.

“Có phải chúng ta đang bàn luận về bà vợ của nhà giả kim ấy không?” Signorina Rossi hỏi, băng qua mặt đường đá đông cứng và tránh một cái xe cút kít chở đầy than trong gang tấc. “Bà ta là người Anh và vì thế nên rất kỳ lạ. Các hóa đơn tiền rượu của bà ta lớn hơn chúng ta rất nhiều.”

“Làm sao hai bà biết nhiều chuyện thế?” Tôi hỏi khi đã thôi cười.

“Chúng tôi dùng chung một nhà chị thợ giặt mà,” Frau Huber ngạc nhiên nói.

“Chúng ta chẳng thể giữ được bí mật trước mấy bà thợ giặt,” Signorina Rossi đồng tình. “Bà ấy cũng đã giặt giũ cho nhà Dee đấy. Cho tới khi bị Signorina Dee đuổi việc vì tính tiền giặt khăn ăn quá cao.”

“Một con mụ khó tính, Jane Dee ấy, nhưng bà không thể đổ lỗi cho tính tằn tiện của bà ta được,” Frau Huber thở dài công nhận.

“Tại sao bà cần gặp bà Kelley vậy?” Signorina Rossi hỏi, lén một ổ bánh mì vụn thùng vào giỏ đi chợ của cô ta.

“Tôi muốn gặp chồng bà ấy. Tôi quan tâm đến giả kim thuật và có mấy vấn đề cần hỏi.”

“Bà sẽ trả tiền chứ?” Frau Huber hỏi, cọ cọ các ngón tay vào nhau trong một cử chỉ quen thuộc thường xuyên thấy.

“Cho cái gì cơ?” Tôi bối rối hỏi.

“Dĩ nhiên là những câu trả lời của ông ta rồi.”

“Có chứ,” tôi đồng ý, tự hỏi bà ta đang bày ra kế hoạch ma mãnh nào đây.

“Cứ để đó tôi lo,” Frau Huber nói. “Tôi đang thêm món cốt-lết bê rán với bơ, phía trên phủ bánh mì vụn. Tay người Áo sở hữu quán rượu gần nhà bà biết món thịt rán ấy nên làm thế nào đấy, Frau Roydon.”

Cô con gái mới lớn của vị pháp sư-thịt rán-người Áo hóa ra lại cùng học một gia sư với đứa con gái riêng mười tuổi của Kelley – Elizabeth. Và đầu bếp của ông ta thì cưới bà dì của cô thợ giặt, người này lại có chị dâu làm việc vặt bên ngoài cho nhà Kelley.

Thật lấy làm biết ơn những người phụ nữ đã rèn nên chuỗi mắt xích huyền bí này, không cần đến những mối liên hệ trong triều của Gallowglass, mà nhờ đó Matthew và tôi nửa đêm hôm đó được có mặt trong phòng khách tầng hai của nhà Kelley, chờ đợi người đàn ông vĩ đại kia trở về.

“Ông ấy đáng lẽ phải có mặt ở đây rồi,” Joanna Kelley trấn an chúng tôi. Đôi mắt bà ta đỏ lù và lơ đãng, dù kết quả này là do uống quá nhiều rượu hay do cảm lạnh thì có vẻ đều làm cho toàn bộ gia nhân khốn khổ.

“Xin đừng phiền lòng vì chúng tôi, bà Kelley. Chúng tôi có thể đợi muộn được mà,” Matthew dịu dàng nói, tặng bà ta một nụ cười chói lóa. “Bà thích ngôi nhà mới của mình chứ?”

Sau rất nhiều hoạt động tình báo và điều tra trong cộng đồng dân Áo và Ý, chúng tôi phát hiện ra nhà Kelley gần đây mới mua một căn nhà ở góc đường gần Ba Con Quạ nổi tiếng phức tạp được biết đến với cái biển phổ đầy tính sáng tạo. Ai đó đã dùng những hình thù bằng gỗ bỏ đi

từ các bức lễ dẫn sinh, چرا đi một nửa, rồi sắp xếp trên một tấm bảng. Vì thế hình ảnh Đức Chúa hài đồng trong nôi đã bị bỏ đi và thay vào đó là cái đầu con lừa của Mary.

“Con Lừa và Cái Nôi đáp ứng các nhu cầu của chúng tôi hiện nay, ông Roydon ạ.” Bà Kelley hắt hơi sảng khoái rồi tợp một ngụm rượu. “Chúng tôi đã nghĩ hoàng đế sẽ sắp xếp một ngôi nhà cho chúng tôi trong hoàng cung, căn cứ vào công việc của Edward, nhưng giờ lại như thế này đây.” Tiếng giậm đều đều lên các bậc cầu thang. “Edward đây rồi.”

Một cây ba toong xuất hiện trước, rồi đến một bàn tay lem nhem, tiếp đó là cái cổ tay áo cũng lem nhem không kém. Phần còn lại của Edward Kelley trông thật bất hảo. Bộ râu quai nón dài rối bù che khuất đôi tai ẩn hiện hai bên thái dương. Kelley khập khiễng bước vào phòng, rít lên rồi đông cứng khi trông thấy Matthew.

“Edward.” Matthew tưởng thưởng cho người đàn ông một nụ cười chói lóa khác, nhưng Kelley chẳng khác gì bà vợ, cũng chỉ thờ ơ đón nhận. “Tưởng tượng mà xem chúng ta đang gặp lại nhau ở xa nhà thế này.”

“Làm sao ông...?” Edward lắp bắp giọng khàn khàn. Hắn ta nhìn quanh phòng, ánh mắt rơi trên người tôi với cái nhìn thoáng qua thúc vào da thịt, cảm giác quỷ quyệt như những lúc tôi thấy một yêu tinh. Nhưng còn hơn thế: cảm giác xáo trộn trong các sợi tơ bao quanh hắn, những dấu hiệu trái quy luật trong mạng dẹt này gợi ý rằng hắn không chỉ là một yêu tinh – hắn không tự chủ được. Đôi môi hắn cong lên. “Phù thủy.”

“Hoàng đế đã nâng địa vị của cô ấy lên rồi, cũng giống như ông vậy. Giờ cô ấy là La Diosa – nữ thần,” Matthew nói. “Hãy ngồi xuống và cho cái chân ông được nghỉ ngơi đi đã. Theo như tôi còn nhớ thì nó thường gặp rắc rối khi trời lạnh.”

“Ông có chuyện gì liên quan tới tôi sao, Roydon?” Edward Kelley xiết cái ba toong chặt thêm.

“Ông ấy ở đây nhân danh nữ hoàng, Edward.” Joanna ai oán nói. “Vì cơn sốt rét kinh khủng này mà tôi chưa gặp được những người hàng xóm của mình. Ông không nói cho tôi biết có người Anh sống ngay gần đây. Tại sao chứ? Tôi có thể nhìn thấy nhà bà Roydon từ cửa sổ tòa tháp này. Ông luôn ở lâu đài. Còn tôi cô đơn một mình, mong mỏi được nói chuyện bằng ngôn ngữ bản xứ của mình, nhưng...”

“Về giường đi, em yêu,” Kelley nói, gạt Joanna đi. “Mang theo rượu của em nữa.”

Bà Kelley mỉm cười vẻ phục tùng, nét mặt khốn khổ. Là một phụ nữ Anh ở Praha không bạn bè, không gia đình thật khó khăn, nhưng có một đức ông chồng được chào đón ở nhiều nơi – những nơi mà bà không được phép lui tới, điều đó chắc phải khó khăn hơn gấp đôi. Khi bà ta đi rồi, Kelley đổ người dựa vào bàn và ngồi xuống ghế của vợ mình. Hắn nhăn nhó nâng cái chân lên đặt vào đúng chỗ, sau đó chòng chọc ghim ánh mắt tối tăm thù địch lên Matthew.

“Nói cho tôi biết tôi phải làm gì mới rũ bỏ được các người,” hắn nói huých toẹt. Kelley có thể có sự xảo quyệt của Kit, nhưng lại không có được sự quyến rũ giống anh ta.

“Nữ hoàng muốn người,” Matthew nói, cũng thẳng thừng không kém. “Chúng ta muốn cuốn sách của Dee.”

“Cuốn sách nào?” Câu đáp trả của Edward thật nhanh – quá nhanh.

“Với một tên lang băm thì người là một kẻ dối trá đáng ghê tởm, Kelley ạ. Làm thế nào người có thể bao trọn được tất cả những đức tính ấy nhỉ?” Matthew vung đôi chân dài đi bốt đặt lên mặt bàn. Kelley la lên khi gót giày đập xuống bàn.

“Nếu tiến sĩ Dee đang buộc tội tôi ăn trộm,” Kelley đỏ ửng lên, “vậy thì tôi kiên quyết phải bàn

về vấn đề này trước sự có mặt của hoàng đế. Người sẽ không muốn tin tưởng tôi nữa, mà danh dự của tôi đang bị nghi ngờ trong chính ngôi nhà của mình.”

“Nó ở đâu, Kelley? Trong phòng thí nghiệm của người ư? Hay trong phòng ngủ của Rudolf? Ta sẽ tìm thấy nó dù có hay không có sự giúp đỡ của người. Nhưng nếu người định nói cho ta biết bí mật của mình, thì ta có thể xem xét bỏ qua vấn đề kia.” Matthew phủi một vết bẩn lấm chấm trên chiếc quần chèn của anh. “Đại Hội Đồng không hài lòng với hành vi của người gần đây.” Cây gậy chống của Kelley rơi xuống sàn nhà càn cạch. Matthew giúp đỡ nhấc nó lên, rồi chạm đầu gậy mòn vẹt của nó vào cổ Kelley. “Người đã đe dọa mạng sống tên phục vụ ở quán trọ như thế này phải không? Bất cần quá đấy, Edward. Tất cả sự hào hoa phù phiếm và đặc ân này đã làm người mù mịt rồi.” Cây gậy chống hạ xuống bụng Kelley và dừng lại ở đó.

“Tôi không thể giúp các người được.” Kelley nhăn nhó khi Matthew tăng thêm sức ép lên cây gậy. “Đó là sự thật! Hoàng đế đã lấy cuốn sách đi khi...” Tiếng Kelley nhỏ dần rồi im bặt, hắn đưa tay vuốt mặt như thể muốn xóa đi hình ảnh ma cà rồng đang đối diện chính mình.

“Khi nào?” Tôi vừa hỏi, vừa nhoài người về phía trước. Khi chạm vào Ashmole 782 trong thư viện Bodleian, ngay lập tức tôi đã biết nó rất khác lạ.

“Người biết về cuốn sách này còn nhiều hơn ta,” Kelley nhìn tôi khinh bỉ, ánh mắt hắn lóe lên. “Lũ phù thủy các người không hề ngạc nhiên khi nghe nói đến sự tồn tại của nó, mặc dù một yêu tinh phát hiện ra nó!”

“Ta đang mất kiên nhẫn rồi đấy, Edward.” Cây gậy gõ kêu lên rặng rắc trong tay Matthew. “Vợ ta hỏi người. Hãy trả lời đi.”

Kelley chậm rãi nhìn Matthew với vẻ đắc thắng rồi đẩy đầu gậy ra khỏi bụng hắn. “Ông căm ghét phù thủy – hay chỉ mọi người nghĩ vậy thôi. Nhưng tôi thấy giờ ông cũng đang chia sẻ sự yếu đuối của Gerbert trước những sinh vật này. Ông đang yêu cô nàng phù thủy kia, đúng như tôi đã nói với Rudolf.”

“Gerbert.” Giọng Matthew bình thản.

Kelley gật đầu. “Ông ta đến đây khi Dee vẫn còn ở Praha, hỏi han về cuốn sách kia và nhúng mũi vào công việc của tôi. Rudolf để ông ta hưởng dụng một trong các phù thủy ở Thành Cổ – một cô gái mười bảy tuổi rất xinh đẹp, với mái tóc đỏ cùng đôi mắt màu xanh lam y như vợ ông. Không ai nhìn thấy cô ta kể từ đó. Nhưng có một đám lửa rất đẹp vào Đêm Lễ Walpurgis. Gerbert được ban vinh dự thắp lửa.” Kelley chuyển mắt nhìn sang tôi. “Tôi băn khoăn không biết năm nay chúng ta sẽ có được một màn đốt lửa như thế nữa không?”

Nhắc đến truyền thống cổ thiêu sống phù thủy ăn mừng mùa xuân là giọt nước cuối cùng làm tràn ly đối với Matthew. Đến lúc tôi nhận thấy chuyện gì xảy ra thì anh đã tống một nửa người Kelley ra ngoài cửa sổ.

“Nhìn xuống đi, Edward. Không phải một cú rơi thẳng tuột đâu. Người sẽ sống sót, nhưng ta e rằng có thể gãy một hai cái xương đấy. Rồi ta sẽ nhấc người lên và mang vào phòng ngủ. Tất nhiên ở đó cũng có một cái cửa sổ rồi. Thậm chí ta sẽ tìm được một nơi đủ cao để thả cái xác sinh khốn kiếp của người lần thứ hai. Đến lúc đó mọi cái xương trong cơ thể người sẽ vỡ vụn và người sẽ nói với ta điều ta muốn biết.” Matthew chuyển đôi mắt đen láy nhìn sang khi tôi nhồm dậy. “Ngồi. Xuống.” Anh hít vào một hơi thật sâu. “Làm ơn.” Và tôi làm theo.

“Cuốn sách của Dee phát sáng với một sức mạnh. Tôi có thể ngửi thấy sức mạnh đó ngay khoảnh khắc ông ấy lôi nó ra khỏi giá sách ở Mortlake. Ông ấy rõ ràng hiểu tầm quan trọng của nó, nhưng tôi biết.” Kelley giờ không thể nói đủ nhanh. Khi hắn ngừng lại để lấy hơi, Matthew lắc đầu. “Phù thủy Roger Bacon sở hữu nó và quý trọng nó như một kho báu vĩ đại. Tên ông ta ở trên trang tựa đề, kèm theo câu đề từ ‘Verum Secretum Secretorum.’”

“Nhưng nó chẳng giống cuốn Secretorum nào cả,” tôi nói, nghĩ đến tác phẩm thời Trung cổ được yêu thích đó. “Đó là một cuốn giáo khoa thường thức. Còn đây là những hình vẽ minh họa về thuật giả kim.”

“Những bức hình minh họa đó chẳng là gì ngoài một tấm màn che chống lại sự thật,” Kelley vừa nói vừa thở khò khè. “Đó là lý do vì sao Bacon gọi nó là Bí mật thật sự của các bí mật.”

“Nó nói về cái gì?” Tôi hỏi, nhồm dầy vì kích động. Lần này Matthew không cảnh cáo tôi. Anh cũng kéo Kelley vào bên trong. “Ông có thể đọc được từ ngữ trong đó không?”

“Có lẽ,” Kelley nói, vuốt phẳng lại bộ quần áo.

“Hắn cũng không đọc được cuốn sách đâu.” Matthew thả Kelley ra với vẻ ghê tởm. “Anh có thể nghĩ thấy mùi dối trá qua nỗi sợ hãi của hắn.”

“Nó được viết bằng một thứ tiếng nước ngoài. Ngay cả Rabbi Loew cũng không thể giải mã được.”

“Anh chàng Maharal ấy đã thấy cuốn sách sao?” Matthew có cái nhìn lạnh lẽo cảnh giác đó ngay trước khi anh bất ngờ bổ xuống tấn công.

“Thực ra khi ở Thành Do Thái tìm kiếm phù thủy tạo ra sinh vật đất sét mà họ gọi là hình nhân đất đỏ, ông đã không hỏi Rabbi Loew về nó. Ông cũng không tìm được thủ phạm và người tạo ra nó.” Kelley tỏ vẻ khinh thường. “Sức mạnh của sự nổi tiếng và tầm ảnh hưởng của ông nhiều đến thế mà. Ông thậm chí còn không thể dọa nổi dân Do Thái.”

“Tôi không nghĩ đây là tiếng Do Thái,” tôi nói, nhớ lại các ký tự chuyển động rất nhanh đó. Tôi đã nhìn thoáng qua bản viết trên giấy da cừu đó.

“Chúng không phải. Hoàng đế đã cho gọi Rabbi Loew chỉ để chắc chắn điều đó.” Kelley đã tiết lộ nhiều hơn hẳn dự định. Ánh mắt hắn đảo sang phía cây gậy chống, các sợi tơ quanh hắn biến dạng rồi bện xoắn lại. Hình ảnh Kelley nâng cây gậy chống lên đánh ai đó chợt xuất hiện trong đầu tôi. Hắn định làm gì?

Và rồi tôi nhận ra: Hắn đang định đánh tôi. Một âm thanh khó hiểu phát ra từ miệng tôi, và khi tôi chìa tay ra, cây gậy của Kelley bay thẳng tới. Cánh tay tôi biến thành một cành cây trong thoáng chốc trước khi trở lại với dáng vẻ bình thường của nó. Tôi cầu nguyện tất cả những chuyện vừa rồi xảy ra quá nhanh để Kelley không kịp nhận thấy sự thay đổi đó. Nhưng cái nhìn trên gương mặt hắn đã cho tôi biết những hy vọng của mình thật vô ích.

“Đừng để hoàng đế nhìn thấy điều bà vừa làm,” Kelley cười tự mãn, “nếu không ngài sẽ nhốt bà lại, như một món đồ quý hiếm khác phục vụ cho sở thích của mình. Tôi đã nói cho các người những gì các người muốn biết rồi, Roydon. Hãy gọi lũ chó của Đại Hội Đồng đi đi.”

“Ta không nghĩ ta có thể làm thế đâu,” Matthew nói, cầm lấy cây gậy từ tay tôi. “Người không vô hại, cho dù Gerbert có nghĩ gì đi nữa. Nhưng giờ ta sẽ để mặc người. Đừng làm bất cứ điều gì khiến ta chú ý thêm nữa, may ra người có thể thấy được mùa hè này đây.” Nói rồi anh ném cây gậy vào góc phòng.

“Chúc ngủ ngon, ông Kelley.” Tôi lấy áo khoác, chỉ muốn cách xa khỏi gã yêu tinh này nhanh nhất có thể.

“Cứ hưởng thụ thời khắc dưới ánh mặt trời đi, phù thủy. Ở Praha chúng qua nhanh lắm đấy.” Kelley vẫn ở yên tại chỗ khi Matthew và tôi bắt đầu xuống cầu thang.

Tôi vẫn còn cảm thấy những cái nhìn của hắn thúc vào da mình khi đi trên phố. Khi tôi nhìn lại về phía quán Con Lừa và Cái Nôi, những sợi chỉ tơ vụn vẹo đứt gãy nối Kelley với thế giới này

sáng lên với vẻ ác ý hiểm độc.

Sau vài ngày thận trọng đàm phán, Matthew đã có thể sắp xếp một chuyến viếng thăm Rabbi Judah Loew. Để dọn đường cho sự kiện này, Gallowglass đã lấy cớ bị ốm để hủy các cuộc hẹn sắp tới của tôi trong triều.

Thật không may, thông báo này lại khiến hoàng đế lưu tâm, và nhà chúng tôi ngập lụt thuốc là thuốc: terra sigillata – thứ đất sét với những đặc tính chữa lành kỳ diệu; những viên đá dị vật thu hoạch từ túi mật của dê ngựa độc; một chiếc cốc làm từ sừng kỳ lân cùng một đơn thuốc của gia tộc để gây tê. Sau cùng là việc trộn một quả trứng nướng với nghệ tây vào bột cùng hạt mù tạt, cây bạch chỉ, quả chín cây bách xù, long não, và vài chất bí ẩn khác, sau đó chuyển nó thành một hỗn hợp bột nhão cùng mật đường và nước chanh đường. Rudolf cử bác sĩ Hájek theo cùng để thực thi nó. Nhưng tôi không định nuốt cái thứ hỗn tạp chẳng mấy ngon lành này, vì thế tôi thông báo với vị bác sĩ của hoàng đế biết.

“Tôi sẽ đảm bảo với ngài rằng bà sẽ bình phục,” ông ta lạnh nhạt nói. “May mắn sao, bệ hạ quá bận tâm tới sức khỏe của bản thân người nên không mạo hiểm đi xuống khu Sporrengasse này để xác nhận những chẩn đoán bệnh của tôi.”

Chúng tôi hết sức biết ơn vì quyết định khôn ngoan của hoàng đế và gửi vị bác sĩ đem về một con gà nướng đã được mang tới từ nhà bếp hoàng gia.

Trên đường đi ngang qua sông Moldau tới Thành Cổ Praha, lần đầu tiên tôi có cơ hội trải nghiệm sự hối hả nhộn nhịp của trung tâm thành phố. Ở đó, những thương nhân giàu có tiến hành công việc kinh doanh dưới mái vòm của những ngôi nhà ba, bốn tầng dọc theo các con phố ngoằn ngoèo. Khi chúng tôi rẽ về hướng bắc, diện mạo thành phố dần thay đổi: nhà cửa nhỏ hẹp hơn, dân cư ăn vận nhếch nhác hơn, kinh doanh buôn bán trì trệ hơn. Sau đó chúng tôi đi qua một con đường rộng rãi và xuyên qua một cánh cổng tiến vào trong Thành Do Thái. Hơn năm ngàn người Do Thái sống trong khu đất nhỏ bị kẹp giữa bờ sông công nghiệp, quảng trường chính của Thành Cổ, và một nhà tu kín. Thậm chí so với mật độ ở London, cũng không thể hình dung nổi, khu phố Do Thái lại đông đúc đến vậy – chen chúc trong những ngôi nhà thiếu kiên cố, được xây tự phát.

Trải qua một lộ trình quanh co lắt léo, chúng tôi tìm thấy Rabbi Loew. Nếu có một túi mẩu vụn bánh mì ở đây để rải đường, may ra chúng tôi mới tìm nổi đường về nhà. Cư dân ở đây liếc những ánh mắt dè chừng về phía chúng tôi, nhưng một số ít cũng dám chào hỏi. Họ gọi Matthew là “Gabriel.” Đó là một trong rất nhiều tên của anh, chúng báo hiệu rằng tôi đã trượt xuống hang thỏ của Matthew và sắp sửa gặp một cái tôi quá khứ khác của anh.

Khi tôi đứng trước quý ông tốt bụng được biết đến là nhà học giả Maharal, tôi đã hiểu tại sao Matthew nói về ông ta bằng giọng lặng lẽ như vậy. Rabbi Loew tỏa ra sức mạnh hết như tôi thấy ở Philippe. Phẩm cách của ông ta khiến cho các cử chỉ phô trương của Rudolf và tính hèn dốt của Elizabeth dường như thật nực cười khi đem ra so sánh. Và càng đáng ngạc nhiên hơn trong thời kỳ này, khi vũ lực là phương thức thông thường áp đảo người khác, tiếng tăm của vị Maharal này lại được xây dựng trên học thức và uyên bác, chứ không phải sức mạnh cơ bắp.

“Vị Maharal này là một trong những người đàn ông cao quý nhất từng sống trên đời này,” Matthew nói ngắn gọn khi tôi yêu cầu anh kể thêm về Judah Loew. Cứ xem việc Matthew đã rong chơi bao lâu trên trái đất này, sẽ hiểu đây quả là một lời ngợi ca to lớn.

“Gabriel, ta tưởng chúng ta đã kết thúc công việc của mình rồi mà,” Rabbi Loew nghiêm nghị nói bằng tiếng La tinh, giọng điệu hết như một vị hiệu trưởng. “Trước đây, tôi đã không tiết lộ tên của phù thủy đã tạo ra người đất sét thì bây giờ cũng sẽ không nói đâu.” Rabbi Loew quay sang tôi. “Tôi xin lỗi, Frau Roydon. Sự thiếu kiên nhẫn của tôi với chồng bà khiến tôi quên cả lễ

thời cư xử đúng mực. Rất hân hạnh được gặp bà.”

“Tôi không đến vì chuyện người đất sét,” Matthew đáp. “Hôm nay tôi đến vì việc riêng. Nó liên quan tới một cuốn sách.”

“Cuốn sách nào thế?” Mặc dù Maharal không chớp mắt, nhưng luồng không khí xáo động vây quanh tôi cho thấy có một phản ứng không dễ phát hiện từ phía ông. Từ khi gặp Kelley, tôi nhận ra phép thuật của mình vẫn nhạy cảm như thể bị hút vào một dòng năng lượng vô hình. Con rồng lửa của tôi đang ngo nguậy. Và các sợi tơ xung quanh tôi tiếp tục bung ra thành nhiều màu sắc, làm nổi bật một đồ vật, một con người, một con đường xuyên qua các phố như thể nó đang cố nói cho tôi điều gì đó.

“Nó là một cuốn sách vợ tôi tìm thấy ở một trường đại học cách đây rất xa,” Matthew nói. Tôi ngạc nhiên rằng anh đang thành thật trong chuyện này. Cả Rabbi Loew cũng thế.

“Ah. Tôi thấy chúng ta thành thật với nhau đấy. Vào một buổi như chiều nay, chúng ta nên làm thế ở một nơi đủ yên tĩnh để tôi có thể hưởng thụ trải nghiệm này. Hãy vào phòng làm việc của tôi đi.”

Ông ta dẫn chúng tôi vào một khu phòng nhỏ nằm ở tầng trệt. Nó có cảm giác thật thân thuộc với chiếc bàn làm việc đầy vết xước xát và hàng chồng sách. Tôi nhận ra mùi mực và thứ gì đó gợi tôi nhớ đến cái hộp nhựa cô-lô-phan ở phòng học mùa của tôi hồi bé. Một chiếc bình sắt để cạnh cửa đựng thứ trông giống như những trái táo nhỏ màu nâu, đang chồi lên ngụp xuống trong một dung dịch cũng màu nâu như thế. Nó có vẻ đầy ma thuật, gợi lên cảm giác lo ngại về những gì có thể còn ẩn giấu dưới đáy sâu ghê rợn của cái vạc.

“Có phải mẻ mực này vừa ý hơn không?” Matthew nói, chọc chọc vào một quả bóng đang nổi lênh bênh.

“Đúng thế. Ông đã giúp tôi rất nhiều khi gợi ý thêm mấy cái móng đó vào mực, không cần quá nhiều bồ hóng để làm đen, và bền màu hơn.” Rabbi Loew ra hiệu về phía một chiếc ghế. “Xin mời ngồi.” Ông đợi cho tới khi tôi đã an toạ rồi mới ngồi xuống chỗ duy nhất còn lại kia: một cái ghế đầu ba chân. “Gabriel sẽ đứng nhé. Anh chàng không còn trẻ trung gì, nhưng chân vẫn khỏe lắm.”

“Tôi đủ trẻ để được ngồi trong lòng ông giống như các học trò của ông đấy, Maharal.” Matthew cười toe toét và duyên dáng thu mình ngồi xếp bằng trên đất.

“Các học trò của tôi khôn ngoan hơn vì sẽ không ngồi trên sàn nhà vào thời tiết này.” Rabbi Loew quan sát tôi. “Giờ thì vào việc nào. Tại sao vợ của Gabriel ben Ariel lại đi xa đến thế để tìm kiếm một cuốn sách hả?” Tôi có một cảm giác bối rối rằng ông ấy không phải đang nói về hành trình của tôi qua sông, hay thậm chí băng qua cả Châu Âu. Làm sao ông ấy có thể biết tôi không đến từ thời đại này?

Ngay khi tâm trí tôi bắt đầu nghi vấn, gương mặt một người đàn ông lập lòe hiện ra trong không trung trên bờ vai Rabbi Loew. Gương mặt đó, dù trẻ trung, nhưng đầy những nếp nhăn lo lắng bao quanh cặp mắt xám sâu hoắm, và bộ râu màu nâu xám ở chính giữa cằm.

“Một phù thủy khác đã kể với ông về tôi,” tôi khẽ nói.

Rabbi Loew gật đầu. “Praha là một thành phố tuyệt vời đối với tin tức. Hỡi ơi, một nửa những gì được nói ra lại không phải sự thật.” Ông ta đợi trong chốc lát rồi nhắc khéo. “Cuốn sách kia sao nào?”

“Chúng tôi nghĩ nó có thể cho chúng tôi biết những sinh vật giống như Matthew và tôi có nguồn gốc như thế nào,” tôi giải thích.

“Có gì bí ẩn đâu. Chúa tạo ra các vị, cũng như người đã tạo ra tôi và hoàng đế Rudolf vậy,” Maharal đáp, ngồi sâu hơn nữa vào cái ghế của ông. Đó là bộ dạng điển hình của một ông thầy, một tư thái được phát triển hết sức tự nhiên sau nhiều năm dành tặng cho lũ học trò khoảng không để vật lộn với những ý tưởng mới. Tôi nhận thấy một cảm giác quen thuộc vừa dự liệu trước được lại vừa kinh hãi khi tôi chuẩn bị trả lời. Tôi không muốn làm Rabbi Loew thất vọng.

“Có lẽ thế, nhưng Chúa đã ban tặng vài người trong chúng ta thêm một số tài năng. Ngài không thể khiến người chết sống lại được, Rabbi Loew,” tôi nói, trả lời như thể ông ta là giáo viên hướng dẫn ở Oxford. “Cũng không có những gương mặt xa lạ xuất hiện trước mặt ngài khi ngài đặt ra một câu hỏi đơn giản.”

“Đúng thật. Nhưng bà không cai trị Bohemia, và tiếng Đức của chồng bà tốt hơn cả tôi cho dù tôi đã nói chuyện bằng thứ ngôn ngữ này từ khi còn bé. Mỗi chúng ta đều được ban tặng một món quà độc nhất vô nhị, Frau Roydon ạ. Trong sự hỗn loạn của thế giới hiện nay, vẫn có bằng chứng về ý Chúa.”

“Ngài tự tin nói về ý Chúa như vậy vì ngài biết rõ nguồn gốc của mình từ Ngũ Kinh,” tôi nói. “Bereishit – ‘Sách sáng thế’ – theo cách các ngài gọi, hay Genesis – theo người Cơ Đốc giáo. Điều đó không đúng sao, Rabbi Loew?”

“Có vẻ như tôi đang bàn luận về thần học với nhầm người trong gia đình Ariel rồi,” Rabbi Loew lãnh đạm nói, dù đôi mắt ánh lên vẻ châm biếm.

“Ai là Ariel vậy?” Tôi hỏi.

“Người của Rabbi Loew biết đến cha anh với cái tên Ariel,” Matthew giải thích.

“Thiên thần phản nộ ư?” Tôi cau mày. Nghe có vẻ không giống với Philippe mà tôi biết.

“Vị chúa tể với quyền uy bao trùm cả trái đất. Một số người gọi ông ta là Sư Tử Jerusalem. Gần đây người của tôi đã có lý do để biết ơn Sư Tử, mặc dù người Do Thái không – và sẽ không bao giờ – quên rất nhiều sai lầm của ông ta trong quá khứ. Nhưng Ariel đã nỗ lực để chuộc lỗi. Và phán quyết thuộc về Chúa.” Rabbi Loew cân nhắc lựa chọn của mình và đưa ra quyết định. “Hoàng đế đúng là có cho tôi xem một cuốn sách như thế. Nhưng hơi ời, bệ hạ không cho tôi nhiều thời gian để nghiên cứu nó.”

“Bất cứ điều gì ông có thể kể cho chúng tôi đều hữu ích cả,” Matthew nói, sự kích động của anh có thể nhìn thấy được. Anh nhào người tới trước ôm lấy đầu gối kéo sát vào lồng ngực, y như Jack mỗi khi chăm chú lắng nghe những câu chuyện của Pierre. Trong một thoáng, tôi có thể trông thấy chồng tôi như khi anh còn là một đứa trẻ đang học nghề thợ mộc.

“Hoàng đế Rudolf gọi tôi tới cung điện với hy vọng tôi có thể đọc văn bản đó. Nhà giả kim thuật, người mà họ gọi là Meshuggener Edward ấy, đã lấy nó từ thư viện của chủ ông ta, một người Anh tên John Dee.” Rabbi Loew thở dài và lắc đầu. “Thật khó hiểu tại sao Chúa lại tạo ra một Dee am hiểu nhưng gốc gác còn Edward thì dốt nát nhưng quỷ quyết.”

“Meshuggener Edward đã nói với hoàng đế rằng cuốn sách cổ này chứa những bí mật về sự bất tử,” Loew tiếp tục. “Trường sinh bất tử là giấc mộng của mọi đàn ông uy quyền. Nhưng văn bản này được viết bằng một thứ ngôn ngữ không ai hiểu được, ngoại trừ nhà giả kim thuật ấy.”

“Rudolf đã cho triệu ngài vì nghĩ rằng nó là một dạng ngôn ngữ Do Thái cổ xưa,” tôi gật đầu nói.

“Nó có thể rất cổ xưa, nhưng không phải là tiếng Do Thái cổ. Có cả những bức tranh nữa. Tôi không hiểu ý nghĩa, nhưng Edward nói chúng là các yếu tố giả kim thuật trong tự nhiên. Có lẽ phần lời giải thích cho các hình ảnh đó.”

“Rabbi Loew, khi ông thấy nó, các từ ngữ có chuyển động không?” Tôi hỏi, nghĩ lại những dòng chữ tôi từng thấy bị giấu dưới các bức hình minh họa về thuật giả kim.”

“Làm thế nào chúng có thể di chuyển được chứ?” Loew nhíu mày. “Chúng chỉ là các ký hiệu được viết bằng mực trên trang giấy thôi mà.”

“Vậy là nó chưa bị phá vỡ – vẫn chưa thì đúng hơn,” tôi nhẹ nhõm nói. “Có người nào đó đã bỏ đi vài trang trong sách trước khi tôi thấy nó ở Oxford. Không thể nào nhìn ra nghĩa văn bản vì các từ ngữ cứ chạy đua xung quanh để tìm kiếm anh chị em đã mất của chúng.”

“Bà nói nghe như thể cuốn sách đang sống vậy,” Rabbi Loew nói.

“Tôi nghĩ thế đấy,” tôi thú nhận. Matthew tỏ vẻ ngạc nhiên. “Tôi biết nghe có vẻ khó tin. Nhưng khi tôi nhớ lại đêm đó và những gì xảy ra khi tôi chạm vào cuốn sách, đó là cách duy nhất có thể miêu tả về nó. Cuốn sách nhận ra tôi. Theo một cách nào đó nó... đang đau đớn, như thể nó đã đánh mất đi thứ gì đấy rất trọng yếu.”

“Dân tộc tôi có những câu chuyện về các cuốn sách được viết trong lửa sống, mà từ ngữ trong đó di chuyển và bện xoắn lại chỉ để những ai được Chúa lựa chọn mới có thể đọc được chúng.” Rabbi Loew lại đang kiểm tra tôi. Tôi nhận ra những dấu hiệu một ông thầy đang đánh đố học trò của mình.

“Tôi đã nghe những câu chuyện ấy rồi,” tôi chậm rãi đáp. “Cả những truyện về các cuốn sách bị mất khác nữa – những bản Moses đã phá hủy, cuốn sách của Adam trong đó ông ấy đã ghi lại tên thật của mỗi phần sáng thế.”

“Nếu cuốn sách của bà cũng quan trọng như chúng, thì có lẽ chính là ý Chúa nên nó vẫn còn bị ẩn đi.” Rabbi Loew một lần nữa ngồi ngả ra sau và chờ đợi.

“Nhưng không phải nó bị ẩn đi,” tôi nói. “Rudolf biết nó ở đâu, cho dù ông ta không thể đọc được nó. Ai sẽ là người mà ông chọn để giám hộ món đồ quyền năng như thế: Matthew hay hoàng đế?”

“Ta biết nhiều người đàn ông khôn ngoan sẽ nói rằng chọn lựa giữa Gabriel ben Ariel và bệ hạ sẽ chỉ là chuyện xác định xem kẻ nào ít xấu xa hơn trong hai ác quỷ mà thôi.” Sự chú ý của Rabbi Loew chuyển sang Matthew. “May mắn là tôi không bị gộp chung với bọn họ. Nhưng tôi vẫn không thể giúp bà thêm nữa. Tôi đã thấy cuốn sách này – nhưng tôi không biết vị trí hiện giờ của nó.”

“Cuốn sách thuộc sở hữu của Rudolf – hoặc tối thiểu là thế. Cho tới khi ông xác nhận điều đó, chúng tôi mới chỉ có những nghi ngờ của tiến sĩ Dee và những lời cam đoan của gã điên Edward,” Matthew quả quyết nói.

“Những kẻ điên có thể nguy hiểm lắm đấy,” Rabbi Loew đưa ra nhận xét. “Ông nên cẩn thận hơn với kẻ ông treo ra ngoài cửa sổ, Gabriel.”

“Ông nghe về chuyện đó rồi sao?” Matthew ngượng ngùng nói.

“Thị trấn này đang đồn ầm lên rằng Meshuggener Edward bay quanh Malá Strana với quỷ dữ. Cơ bản tôi cho rằng ông có dính líu với chuyện này.” Lần này giọng Rabbi Loew pha chút quở trách nhẹ nhàng. “Gabriel à, Gabriel. Cha ông sẽ nói gì đây?”

“Rằng đáng lẽ tôi nên thả hắn xuống, tất nhiên rồi. Cha tôi ít kiên nhẫn với các sinh vật kiểu như Edward Kelley.”

“Ý ông là những gã điên.”

“Ý tôi là những gì tôi đã nói, Maharal,” Matthew thần nhiên nói.

“Người đàn ông mà ông nói dễ dàng giết chết đó, hỡi ôi, lại là kẻ duy nhất có thể giúp ông tìm thấy cuốn sách của vợ ông.” Rabbi Loew dừng lại, lựa lời. “Nhưng ông có thật sự muốn biết những bí mật của nó không? Sự sống và cái chết là những trách nhiệm rất lớn lao.”

“Căn cứ vào việc tôi là ai, ông sẽ không ngạc nhiên khi tôi quen thuộc với những gánh nặng đặc biệt đó chứ.” Nụ cười của Matthew không mang chút hài hước nào.

“Có lẽ. Nhưng vợ ông cũng có thể gánh vác chúng ư? Không phải lúc nào ông cũng có thể ở bên bà ấy, Gabriel. Có những người sẽ chia sẻ hiểu biết của họ với một phù thủy nhưng sẽ không làm điều đó với ông.”

“Vây là có một người tạo ra các câu thần chú ở Thành Do Thái,” tôi nói. “Tôi đã bắn khoả khi nghe nói về người đất sét kia.”

“Ông ta vẫn đang đợi bà tìm đến. Than ôi, ông ta sẽ chỉ gặp một đồng đạo phù thủy thôi. Bạn của tôi sợ Đại Hội Đồng của Gabriel, và có lý do chính đáng,” Rabbi Loew giải thích.

“Tôi rất muốn gặp ông ấy, Rabbi Loew.” Có rất ít thợ dệt hiếm hoi trên thế giới này. Tôi không thể để lỡ cơ hội được biết một người.

Matthew dường như chấn động, lời phản đối chực tuôn trào.

“Chuyện này rất quan trọng, Matthew.” Tôi đặt tay mình lên cánh tay anh. “Em đã hứa với Goody Alsop sẽ không thờ ơ với phần này trong con người em khi chúng ta ở đây.”

“Một người nên tìm thấy sự trọn vẹn trong hôn nhân, Gabriel ạ, nhưng không nên trở thành nhà tù giam giữ nửa kia của mình,” Rabbi Loew nói.

“Đây không phải chuyện hôn nhân của chúng ta hay chuyện em là một phù thủy.” Matthew lên đứng lên, khung người cao lớn của anh lấp đầy cả gian phòng. “Một phụ nữ theo Cơ Đốc giáo có thể gặp nguy hiểm khi bị bắt gặp ở cùng một người đàn ông Do Thái.” Khi tôi mở miệng định phản đối, Matthew liền lắc đầu. “Không phải vì em. Vì ông ta ấy. Em phải làm theo những gì Rabbi Loew bảo. Anh không muốn ông ta hay bất cứ ai khác ở Thành Do Thái bị hại – không phải vì lợi ích của chúng ta.”

“Em sẽ không làm bất cứ chuyện gì khiến mình hay Rabbi Loew bị chú ý,” tôi hứa.

“Thế thì đi gặp thợ dệt này đi. Anh sẽ ở Ungelt đợi.” Matthew hôn nhẹ lên má tôi và biến mất trước khi anh có thể đổi ý khác. Rabbi Loew nháy mắt.

“Gabriel thật quá nhanh nhẹn đối với một người cao lớn như thế,” Rabbi nói rồi đứng dậy. “Ông ấy gọi cho tôi nghĩ đến con hổ của hoàng đế.”

“Lũ mèo vẫn nhận Matthew là đồng loại của chúng mà,” tôi nói, nghĩ đến con mèo Tabitha của dì Sarah.

“Nhận ra mình đã cưới một con thú hoang không làm cô lo lắng nhỉ. Gabriel thật may mắn trong việc chọn vợ đấy.” Rabbi Loew cầm một chiếc áo choàng đen lên và gọi người hầu báo chúng tôi chuẩn bị rời đi.

Tôi nghĩ chúng tôi đã rời khỏi đó theo một hướng khác, nhưng cũng không chắc chắn vì toàn bộ sự chú ý của tôi đều tập trung vào những con phố lát gạch tinh tươm, đó là lần đầu tiên tôi trông thấy chúng kể từ khi trở về quá khứ này. Tôi hỏi Rabbi Loew ai là người cung cấp những tiện nghi khác thường này.

“Herr Maisel trả tiền cho chúng, cùng với khu nhà tắm công cộng dành cho phụ nữ. Ông ấy giúp hoàng đế những vấn đề tài chính nho nhỏ – như cuộc chiến thần thánh của ngài chống lại người Thổ.” Rabbi Loew trả lời khi đi vòng qua một vũng nước. Vào lúc ấy tôi trông thấy một cái khuyên bằng vàng được đính lên lớp vải ngực áo ông.

“Đó là cái gì thế?” Tôi hỏi, hất đầu về phía cái huy hiệu.

“Nó cảnh báo những người Cơ Đốc thuần thành rằng tôi là một người Do Thái.” Nét mặt Rabbi Loew cau lại. “Từ lâu tôi đã tin rằng ngay cả kẻ ngu dốt nhất cũng hiển nhiên nhận ra, cho dù có hay không có cái huy hiệu này. Nhưng các nhà cầm quyền khẳng định rằng có thể có sự nghi ngờ.” Giọng Rabbi Loew trầm xuống. “Dù sao vẫn còn thích hơn cái mũ mà những người Do Thái từng buộc phải đội. Màu vàng tươi như miếng pho mát ấy. Mỗi khi đến chợ, cứ phải cố phớt lờ nó đi.”

“Đó cũng sẽ là điều con người làm với tôi và Matthew nếu biết chúng tôi sống giữa bọn họ.” Tôi rùng mình. “Đôi khi nên giấu mình đi thì tốt hơn.”

“Không phải đó là điều Đại Hội Đồng của Gabriel làm sao? Giấu kín các vị?”

“Nếu thế thì họ đang làm công việc này rất kém đấy,” tôi vừa nói vừa cười. “Frau Huber nghĩ có ma sói đang rình mò quanh Stag Moat. Hàng xóm của ngài ở Praha thì tin rằng Edward Kelley có thể bay. Loài người thì đang sẵn lòng phù thủy ở Đức và Scotland. Còn Elizabeth của nước Anh và Rudolf của nước Áo thì biết tất cả về chúng tôi. Tôi nghĩ chúng tôi nên mừng vì vẫn còn có một vài vị vua và nữ hoàng không phản đối chúng tôi.”

“Khoan dung thôi không đủ. Trong một khoảng thời gian, người Do Thái không bị phản đối ở Praha, nhưng tình huống này có thể thay đổi trong chớp nhoáng. Rồi chúng tôi sẽ nhận ra mình đang ở ngoài vùng thôn quê, chết đói giữa trời tuyết lạnh.” Rabbi Loew rẽ vào một con hẻm và bước vào một ngôi nhà giống như bao ngôi nhà khác mà chúng tôi đã đi qua. Bên trong, hai người đàn ông ngồi trước một chiếc bàn để đầy những dụng cụ toán học, sách, nến và giấy tờ.

“Thiên văn học sẽ cung cấp một nền tảng chung cho Thiên Chúa giáo!” Một người đàn ông nói lớn bằng tiếng Đức, đẩy một mảnh giấy về phía người đồng sự. Ông ta khoảng năm mươi, bộ râu dày màu muối tiêu và hai cánh xương lông mày nặng nề che đi đôi mắt. Đôi bờ vai không xuống thành tạt như hầu hết các học giả.

“Đủ rồi, David!” Người kia bùng nổ. “Có lẽ một nền tảng chung không phải là mảnh đất hứa hẹn chúng ta hy vọng đâu.”

“Abraham, phu nhân đây muốn được nói chuyện với ông,” Rabbi Loew lên tiếng, cắt ngang cuộc đấu khẩu của họ.

“Tất cả phụ nữ ở Praha đều háo hức muốn gặp Abraham.” Vị học giả Davida đứng dậy. “Lần này là con gái nhà ai muốn bùa yêu hả?”

“Cha cô ấy không quan tâm tới ông đâu mà là chồng cô ấy cơ. Đây là Frau Roydon, vợ của một người Anh.”

“Là người hoàng đế gọi là La Diosa ư?” David cười rồi vỗ lên vai Abraham. “Vận may của ông đã có bước ngoặt rồi, bạn của tôi ơi. Ông đã bị kẹt giữa một vị vua, một nữ thần, và một nachzehrner.” Tiếng Đức hạn hẹp của tôi ngờ ngợ cái từ lạ này có nghĩa “ăn ngấu ngiến cái chết.”

Abraham nói gì đó thực thô lỗ bằng tiếng Do Thái cổ, nhưng vẻ mặt không tán thành của Rabbi Loew không biểu lộ dấu hiệu nào, rồi cuối cùng ông ta quay sang đối diện tôi. Ông và tôi nhìn nhau, phù thủy đối mặt với phù thủy, nhưng không ai trong chúng tôi có thể chịu đựng được

lâu. Tôi quay đi hơi thở gấp, còn ông ta nhăn mày và ấn ngón tay lên mí mắt. Da tôi đang râm ran nhói nhói khắp nơi, không chỉ ở nơi ánh mắt ông ta nhìn đến. Và bầu không khí giữa chúng tôi là cả một khối màu sắc khác nhau sáng rực.

“Bà ấy có phải là người ông đang đợi không, Abraham ben Elijah?” Rabbi Loew hỏi.

“Đúng bà ấy,” Abraham vừa nói vừa xoay người khỏi tôi, rồi đặt hai nắm tay lên bàn. “Tuy nhiên, các giấc mơ không nói cho tôi biết bà ấy là vợ của một aluka.”

“Alukah?” Tôi nhìn Rabbi Loew tìm kiếm một lời giải thích. Nếu từ này là tiếng Đức thì tôi không thể lĩnh hội được nó.

“Một kẻ hút máu. Đó là cách người Do Thái chúng tôi gọi những sinh vật giống như chồng bà,” ông ấy đáp. “Vì những gì đáng giá, Abraham, Grabiël đồng ý cuộc gặp mặt này.”

“Ông nghĩ tôi tin tưởng lời nói của con quái vật đã kết án người của tôi từ chiếc ghế của hắn trên Qahal trong khi mắt nhắm mắt mở cho qua với những kẻ đã giết hại họ ư?” Abraham gào lên.

Tôi muốn phản đối rằng đây không phải là Gabriel đó – không phải cùng là Matthew đó – nhưng kịp dừng lại được. Điều tôi nói có thể khiến mỗi người trong căn phòng này bị giết chết trong vòng sáu tháng khi Matthew thế kỷ mười sáu quay trở lại đúng vị trí của anh ta.

“Tôi không có mặt ở đây vì chồng tôi hay vì Đại Hội Đồng,” tôi nói, bước về phía trước. “Tôi ở đây là vì chính bản thân mình.”

“Tại sao?” Abraham hỏi.

“Bởi vì, tôi cũng là một người tạo ra thần chú. Và chúng ta không còn lại mấy người đâu.”

“Còn có nhiều hơn cơ, trước khi Qahal – Đại Hội Đồng – thiết lập sự cai trị của chúng.” Abraham nói, giọng khiêu khích. “Là ý Chúa, chúng ta sẽ sống để thấy bọn trẻ được sinh ra với những tài năng này.”

“Nói tới bọn trẻ, người đất sét của ông đâu rồi?” Tôi hỏi.

David cười ha hả. “Mẹ Abraham. Gia đình của ông ở Chelm sẽ nói gì đây?”

“Họ sẽ nói tôi đã kết bạn với một con lừa không có gì trong đầu ngoại trừ mấy ngôi sao và những đam mê lười biếng, Davia Gans!” Abraham nói, mặt đỏ bừng.

Rồng lửa của tôi, vốn ương bướng khó bảo nhiều ngày nay, gầm lên sống dậy với tất cả dáng vẻ hớn hờ. Trước khi tôi kịp ngăn cô nàng, nó đã thoát ra tự do rồi. Rabbi Loew và bạn của ông ta thở hắt ra trước cảnh tượng này.

“Thỉnh thoảng nó lại thế này đấy. Không có gì phải lo lắng đâu.” Giọng tôi chuyển từ vẻ áy náy sang hứng khởi khi khiển trách con vật tùy thân ngỗ ngược của mình. “Xuống khỏi đó ngay!”

Nhóc rồng lửa bám chặt lên tường và rít lên với tôi. Lớp vữa trát tường vốn không có nhiệm vụ chống chịu một sinh vật có cánh xòe rộng bằng mười bàn chân thế này. Một mảng lớn vữa rơi xuống, và cô nàng kêu ré lên hốt hoảng. Cái đuôi vung ra nín vào bức tường liền kề. Nhóc rồng lửa rúc lên đặc thẳng.

“Nếu người không thôi ngay, ta sẽ bảo Gallowglass đặt cho người một cái tên thật quỷ quái đấy,” tôi cần nhắc. “Có ai trông thấy dây buộc của nó không? Trông giống một sợi xích mảnh nhẹ như sa ấy.” Tôi tìm kiếm dọc theo đường viền chân tường và tìm thấy nó đằng sau một cái giỏ đựng mỗi lửa, vẫn còn nối liền với tôi. “Ai trong các vị có thể cầm giúp cái thông lọng này

một phút trong khi tôi bắt nó lại không?” Tôi quay ra, hai bàn tay đầy những đường kết nối trong mờ. Đám đàn ông đã mất dạng.

“Điển hình thật,” tôi lầu bầu. “Ba người đàn ông trưởng thành và một phụ nữ, đoán xem ai bị kẹt lại với con rồng nào?”

Hai chân nặng nề đi qua sàn nhà bằng gỗ. Tôi nghiêng người để nhìn qua cánh cửa. Một sinh vật nhỏ thỏ vừa xám vừa đỏ mặc trang phục tối màu và chiếc mũ cáp màu đen đội trên chiếc đầu hói đang nhìn trừng trừng vào con rồng lửa của tôi.

“Không, Yosef.” Abraham đứng giữa tôi và sinh vật kia, hai bàn tay giơ lên như thể ông đang cố đưa ra lý do với nó. Nhưng tên người đất sét – vì đây hẳn chính là sinh vật huyền thoại được tạo hình dáng từ bùn đất của Moldau và đưa sinh khí vào bằng một câu thần chú – vẫn tiếp tục đi chuyển đôi chân về phía con rồng lửa.

“Yosef bị con rồng của phù thủy này mê hoặc rồi,” David nói.

“Tôi tin rằng người đất sét này cũng thích mấy cô nàng xinh đẹp giống người tạo ra nó,” Rabbi Loew nói. “Những gì tôi đọc được cho thấy vật tùy thân của một phù thủy thường có một vài tính cách nào đó giống chủ nhân.”

“Người đất sét này là vật tùy thân của Abraham sao?” Tôi choáng váng.

“Đúng thế. Nó không xuất hiện khi tôi làm ra câu thần chú đầu tiên. Tôi đã bắt đầu nghĩ mình không có vật tùy thân nào cả.” Abraham phất tay về phía Yosef, nhưng người đất sét kia vẫn nhìn chăm chăm không chớp mắt vào nàng rồng lửa đang bò trên tường. Như thể biết mình có một kẻ ngưỡng mộ, nàng rồng lửa vươn đôi cánh để lớp da mỏng đó bắt lấy ánh sáng.

Tôi giơ lên sợi xích. “Hắn không có thứ gì như thế này à?”

“Cái xích đó có vẻ chẳng giúp bà được nhiều,” Abraham nhận xét.

“Tôi có rất nhiều điều phải học!” Tôi phản nộ đáp. “Con rồng lửa xuất hiện khi tôi dệt câu thần chú đầu tiên của mình. Ông đã tạo ra Yosef thế nào?”

Abraham lôi ra một nắm sợi thừng thô từ trong túi áo. “Bằng mấy sợi thừng như thế này.”

“Tôi cũng có những sợi thừng nhỏ.” Tôi thò tay vào chiếc sắc tay nằm ẩn trong túi váy để tìm những sợi lụa của mình.

“Các màu sắc giúp bà tách rời những sợi tơ của thế giới này ra và sử dụng chúng hiệu quả hơn à?” Abraham bước về phía tôi, tỏ vẻ hứng thú với sự biến đổi trong công việc dệt thần chú này.

“Đúng thế. Mỗi màu sắc có một ý nghĩa, và để tạo ra một câu thần chú mới, tôi dùng những sợi thừng nhỏ này để tập trung vào một câu hỏi cụ thể.” Tôi lúng túng nhìn thẳng người đất sét. Nó vẫn đang nhìn chòng chọc nàng rồng lửa. “Nhưng làm cách nào ông biến từ những sợi thừng thành một sinh vật được?”

“Một người phụ nữ đến hỏi xin tôi một câu thần chú mới giúp bà ta thụ thai. Tôi bắt đầu làm các nút thắt trên sợi thừng trong khi cân nhắc lời đề nghị của bà ta và kết thúc với một thứ trông giống như bộ xương đàn ông.” Abraham đi tới bàn làm việc, cầm lên mảnh giấy của David, và bắt chập những lời phản đối của bạn mình, ông ta phác họa ra hình ảnh ông ta muốn nói.

“Trông giống một thằng người tí hon,” tôi nói, nhìn vào bản vẽ của ông ta. Chín nút thắt được nối bằng những đường dây thừng thẳng tắp: một nút làm đầu, một nút làm tim, hai nút làm bàn tay, một nút thắt khác làm xương chậu, hai nút nữa làm đầu gối, và hai nút cuối cùng làm bàn

chân.

“Tôi trộn đất sét với một ít máu của mình và trát nó lên dây thừng giống như da thịt. Sáng hôm sau Yosef đã ngồi bên cạnh lò sưởi rồi.”

“Ông đã biến đất sét thành sự sống,” tôi nói, nhìn sang thằng người đất sét đang bị làm cho mê mẩn. Abraham gật đầu. “Một bùa chú với cái tên bí mật của Chúa ở trong miệng Yosef. Chừng nào nó còn ở đó, Yosef còn đi lại và vâng theo mệnh lệnh của tôi. Hầu như là thế.”

“Yosef không có khả năng tự chủ,” Rabbi Loew giải thích. “Thối sự sống vào đất sét và máu rồi cuộc cũng không đem đến linh hồn cho một sinh vật. Vì vậy Abraham không thể để người đất sét rời khỏi tầm mắt vì sợ Yosef sẽ gây hại.”

“Tôi đã quên lấy bùa thần chú ra khỏi miệng nó vào một hôm thứ Sáu khi đến giờ cầu nguyện,” Abraham ngượng ngùng thú nhận. “Không có ai bảo nó phải làm gì nên Yosef đi lang thang khắp Thành Do Thái và làm đám hàng xóm Thiên Chúa giáo sợ chết khiếp. Giờ thì người Do Thái nghĩ mục đích của Yosef là bảo vệ chúng tôi.”

“Công việc của một người mẹ không bao giờ hết cả,” tôi mỉm cười lẩm bẩm nói. “Nói tới thứ...” Rõng rữa của tôi đã chìm vào giấc ngủ và khe khẽ ngáy, má cô nàng gối lên vữa tường. Thật khê khàng để không làm nó khó chịu, tôi kéo sợi xích cho tới khi nó thả mấy cái móng bám chặt vào tường ra. Cô nàng ngái ngủ đập đập đôi cánh, rồi dần trở nên trong suốt như một làn khói, từ từ tan vào hư không khi nhập trở lại cơ thể tôi.

“Tôi ước gì Yosef cũng có thể làm thế,” Abraham nói một cách ghen tỵ.

“Còn tôi thì ước gì có thể giữ cho cô nàng im lặng bằng cách lấy đi một mẫu giấy từ dưới lưỡi nó!” Tôi đáp trả.

Mấy giây sau tôi cảm thấy một cảm giác lạnh lẽo trên lưng mình.

“Ai đây?” Một giọng nói khàn khàn cất lên.

Kẻ mới tới trông có vẻ không cao lớn hay đáng sợ – nhưng hẳn là một ma cà rồng, với đôi mắt xanh lam đặt trên một khuôn mặt dài tái nhợt bên dưới mái tóc sẫm màu. Có thứ gì đó đầy vẻ uy quyền trong cách hắn nhìn tôi, và theo bản năng tôi bước tránh xa hắn.

“Không có gì làm ông bận tâm đâu, Herr Fuchs,” Abraham xẵng giọng.

“Không cần phải cư xử tệ thế đâu, Abraham.” Sự chú ý của Rabbi Loew chuyển sang tên ma cà rồng. “Đây là Frau Roydon, Herr Fuchs. Bà ấy từ Malá Strana đến thăm Thành Do Thái.”

Ma cà rồng nhìn dán vào tôi, hai cánh mũi phập phồng y như Matthew khi anh nhận thấy một mùi hương mới. Mí mắt hắn lim dim khép lại. Tôi lại bước ra xa thêm một bước.

“Tại sao ông lại ở đây, Herr Fuchs? Tôi đã nói là sẽ gặp ông bên ngoài hội đạo Do Thái kia mà,” Abraham nói liền một hơi rõ ràng.

“Ông đến muộn.” Đôi mắt xanh của Herr Fuchs mở choàng ra, và hắn cười với tôi. “Nhưng giờ tôi biết tại sao ông bị cầm chân rồi, tôi không để tâm nữa đâu.”

“Herr Fuchs từ Phần Lan đến thăm, ông ấy và Abraham quen nhau ở đó,” Rabbi Loew nói, hoàn thành việc giới thiệu.

Có ai đó ở dưới đường chào vọng lại. “Herr Maisel đây rồi,” Abraham nói. Giọng ông ta nghe có vẻ nhẹ nhõm, giống như tôi lúc này.

Herr Maisel, người cung cấp những con đường lát đá và làm đầy thêm ngân sách phòng thủ đế quốc, khoe khoang sự phát đạt của ông ta từ bộ đồ cắt may bằng len không chê vào đầu được, chiếc áo choàng không tay viền lông, và chiếc khuyên tròn màu vàng sáng bóng tuyên bố ông ta là một người Do Thái. Thứ cuối cùng dính với chiếc áo choàng bằng một sợi dây bằng vàng, khiến nó trông giống một cái huy hiệu quý tộc hơn là một dấu hiệu để phân biệt.

“Ông đây rồi, Herr Fuchs.” Herr Maisel đưa cho gã ma cà rồng một chiếc túi nhỏ. “Tôi có món trang sức của ông rồi.” Maisel cúi đầu chào Rabbi Loew và tôi. “Frau Roydon.”

Gã ma cà rồng đón cái túi và lấy ra một sợi dây chuyền nặng cùng mặt dây chuyền. Tôi không thể trông thấy rõ ràng thiết kế của nó, mặc dù lớp men phủ bên ngoài màu đỏ và xanh lá cây thật thô ráp. Gã ma cà rồng nhếch môi khoe hàm răng.

“Cảm ơn, Herr Maisel.” Fuchs giơ lên món trang sức, các sắc màu bắt ánh sáng. “Sợi dây chuyền này biểu thị cho lời thề của tôi sẽ tàn sát những con rồng, bất cứ nơi đâu chúng được tìm thấy. Tôi đã quên không mang nó. Đạo này, thành phố đầy rẫy những sinh vật nguy hiểm.”

Herr Maisel khịt mũi. “Không còn bình thường nữa rồi. Hãy để cho các chính trị gia của thành phố được yên, Herr Fuchs. Sẽ tốt hơn cho tất cả chúng ta nếu ngài làm thế. Bà đã sẵn sàng gặp chồng mình chưa, Frau Roydon? Ông ấy không phải là người đàn ông kiên nhẫn nhất đâu.”

“Herr Maisel sẽ trông chừng bà an toàn tới Ungelt,” Rabbi Loew hứa. Ông chìa thẳng một cái nhìn sâu hoắm vào Herr Fuchs. “Hãy tiễn Diana tới phố, Abraham. Ông sẽ ở lại đây cùng với tôi, Herr Fuchs, và hãy kể cho tôi nghe về Phần Lan nào.”

“Cảm ơn, Rabbi Loew.” Tôi nhún gối chào tạm biệt.

“Thật vinh hạnh, Frau Roydon.” Rabbi Loew ngừng một chút. “Và nếu có thời gian, bà có thể ngẫm lại những điều tôi đã nói lúc trước. Không ai trong chúng ta có thể trốn tránh mãi mãi cả.”

“Không đâu.” Căn cứ vào nỗi kinh hoàng mà người Do Thái ở Praha sẽ chứng kiến suốt nhiều thế kỷ tiếp theo, tôi ước gì ông ấy đã sai. Gật đầu chào Herr Fuchs lần cuối, tôi rời khỏi ngôi nhà với Herr Maisel và Abraham.

“Chờ một chút, Herr Maisel,” Abraham nói khi chúng tôi đã ra khỏi ngôi nhà.

“Nhanh lên đấy, Abraham,” Herr Maisel nói, rút lui cách xa vài mét.

“Tôi hiểu là bà đang tìm kiếm một thứ ở Praha, Frau Roydon. Một cuốn sách.”

“Làm sao ông biết được?” Tôi cảm thấy một tiếng thì thầm cảnh giác.

“Hầu hết phù thủy trong thành phố này đều biết nó, nhưng tôi có thể thấy bà có mối liên hệ với nó như thế nào. Cuốn sách được canh giữ cẩn mật, và vũ lực không thể giải thoát nó.” Gương mặt Abraham nghiêm nghị. “Cuốn sách phải đến với bà, hoặc không, bà sẽ mất nó mãi mãi.”

“Nó là một quyển sách, Abraham. Trừ phi nó mọc chân, còn không chúng tôi sẽ phải vào cung điện của Rudolf và tìm kiếm nó.”

“Tôi biết mình thấy điều gì,” Abraham bướng bỉnh nói. “Cuốn sách sẽ đến với bà, nếu bà yêu cầu nó. Đừng quên.”

“Tôi sẽ không quên,” tôi hứa. Herr Maisel nhìn chăm chú về phía chúng tôi. “Tôi phải đi rồi. Cảm ơn ông vì đã gặp tôi và giới thiệu tôi với Yosef.”

“Cầu Chúa che chở cho bà, Diana Roydon,” Abraham long trọng nói, gương mặt trang nghiêm.

Herr Maisel hộ tống tôi một đoạn ngắn từ Thành Do Thái tới Thành Cổ. Quảng trường rộng rãi giờ tụ họp đầy những người là người. Hai tòa tháp đôi Quý Bà Tyn nhô lên bên phía tay trái, trong khi những đường nét lờ mờ của Town Hall nép mình phía bên phải.

“Nếu không phải gặp Herr Roydon, chúng ta sẽ dừng lại ngắm đồng hồ điểm giờ,” Herr Maisel nói về hồi tiếc. “Bà phải đòi ông ấy đưa qua đó trên đường tới cầu nhé. Mọi du khách đến thăm Praha đều nên xem nó.”

Tại Ungelt, các thương nhân ngoại quốc mua bán dưới những cặp mắt canh chừng của nhân viên hải quan, họ nhìn Maisel với thái độ thù địch lộ liễu.

“Vợ ông đây, Herr Roydon. Tôi đảm bảo bà ấy đã nhận biết được tất cả các cửa hiệu tốt nhất trên đường đến gặp ông rồi. Bà ấy sẽ không gặp bất cứ rắc rối nào ở Praha này khi chăm lo đời sống sinh hoạt trong nhà ông đâu.” Maisel cười tươi rói với Matthew.

“Cảm ơn, Herr Maisel. Tôi rất biết ơn sự trợ giúp của ông và chắc chắn bộ hạ cũng sẽ biết được lòng tốt này.”

“Đó là công việc của tôi mà, Herr Roydon, chăm lo sự phồn thịnh cho thần dân của đức bộ hạ. Và dĩ nhiên đó cũng là một vinh hạnh,” ông ta nói. “Tôi đã tự cho mình đặc quyền thuê ngựa phục vụ chuyển trở về của các vị. Chúng đang đợi các vị gần tháp đồng hồ thành phố.” Maisel khẽ chạm vào cánh mũi và nháy mắt một cách bí hiểm.

“Ông thật chu toàn, Herr Maisel,” Matthew lẩm bẩm.

“Phải có người làm thế chứ, Herr Roydon,” Maisel đáp lại.

Quay trở về Ba Con Qua, tôi đang cởi áo choàng thì cậu nhóc tám tuổi và một cái giẻ bay thành linh đưng trúng chân tôi. Cái giẻ đi kèm với một cái lưỡi sống động màu hồng và một cái mũi đen xỉ lạnh cóng.

“Gì thế này?” Matthew rống lên, giữ tôi đứng vững để tôi có thể xác định cán cầm của chiếc giẻ lau.

“Tên nó là Lobero. Gallowglass nói sau này nó sẽ thành một con thú to lớn với yên cương vừa vặn và dây xích. Annie cũng thích mê. Chị ấy nói nó sẽ ngủ cùng chị ấy, nhưng cháu nghĩ chúng cháu nên chia sẻ. Ông bà nghĩ sao?” Jack nháy nhót hào hứng nói.

“Cái giẻ lau nhà nhỏ bé này đến với chúng ta kèm theo một tờ giấy nhắn,” Gallowglass vừa nói vừa đẩy người ra khỏi khung cửa đang dựa, sải bước về phía Matthew để đưa lời nhắn.

“Ta có cần hỏi xem ai đã gửi sinh vật này đến không?” Matthew nói, chộp lấy tờ giấy.

“Ồ, cháu không nghĩ vậy đâu,” Gallowglass nói. Mắt anh ta nheo lại thành đường kẻ chỉ. “Chuyện gì đã xảy ra khi hai người ở ngoài thế? Trông cô như sắp chết đến nơi vậy.”

“Chỉ một thôi mà,” tôi nói kèm một cái vẩy tay nhẹ nhàng. Cái giẻ lau nhà có cả răng lẫn lưỡi, và nó cắn ngón tay tôi khi chúng đi ngang qua cái miệng-chưa-được-khám-phá của nó. “Ồi! Đau quá!”

“Chuyện này phải dừng lại ngay.” Matthew vò tờ giấy nhắn trong tay và quăng nó xuống sàn. Cái giẻ lau ngoạm ngay lấy nó kèm theo một tiếng sủa sung sướng.

“Lời nhắn đó nói gì thế?” Tôi biết khá chắc chắn ai đã gửi chú chó con này đến.

“Ich bin Lobero. Ich will euch aus den Schatten der Nacht zu schützen,” Matthew thẳng thừng nói.

Tôi thốt lên một tiếng nôn nóng. “Tại sao ông ta vẫn cứ viết cho em bằng tiếng Đức nhỉ? Rudolf biết em không hiểu mấy mà.”

“Bệ hạ thích anh dịch lời tỏ tình của ông ta ấy mà.”

“Ồ.” Tôi ngừng một chút. “Lời nhắn nói gì vậy anh?”

“Tôi là Lobero. Tôi muốn bảo vệ bà khỏi bóng đêm.”

“Còn ‘Lobero’ có nghĩa là gì?” Rất nhiều tuần trăng trắng trước đây, có lần Ysabeau đã dạy tôi rằng những cái tên rất quan trọng.

“Trong tiếng Tây Ban Nha, nó có nghĩa là ‘Thợ Săn Sói’, cô ạ.” Gallowglass nhắc cái giẻ lau lên. “Cái nùi bông này là một con chó bảo vệ Hungary. Lobero lớn lên sẽ rất to, có thể hạ cả một con gấu đấy. Chúng bảo vệ rất dữ dội – nhất là về đêm.”

“Một con gấu cơ á! Khi chúng ta mang nó trở về London, cháu sẽ thắt một cái ruy băng quanh cổ nó và mang đến chỗ thả chó trên gấu để nó có thể học được cách chiến đấu,” Jack nói với vẻ phấn kích của một đứa bé. “Lobero là một cái tên dũng cảm, ngài có nghĩ thế không? Ông Shakespeare sẽ muốn dùng tên này trong vở kịch kế tiếp của ông ấy cho xem.” Jack ngo nguẩy mấy ngón tay nhử chú chó con, còn Gallowglass thì giúp đặt khối lông trắng tinh đang oằn oại vào vòng tay cậu nhóc.

“Annie! Lần tới em sẽ cho Lobero ăn!” Jack chạy hết tốc lực lên cầu thang, giữ chú chó kẹp chết dí trong vòng tay.

“Cháu sẽ mang chúng đi vài giờ nhé?” Gallowglass hỏi sau khi trông thấy gương mặt nổi giông bão của Matthew.

“Nhà của Baldwin trông không hả?”

“Không còn người thuê nào trong đó cả, nếu đó là điều chú muốn nói.”

“Mang mọi người đi.” Matthew nhắc áo choàng khỏi vai tôi.

“Cả Lobero ạ?”

“Đặc biệt là Lobero.”

Jack liền thoắt như con chim ác lăm miêng suốt cả bữa tối, gây chiến với Annie và xoay sở để tuồn một miếng đồ ăn cho Lobero bằng đủ mọi cách. Quay cuồng giữa lũ trẻ và con chó khiến tôi quên bẵng đi thực tế là Matthew vẫn đang xem xét lại các kế hoạch của anh cả buổi tối. Một mặt, anh là động vật bầy đàn nên có điều gì đấy trong anh rất hưởng thụ việc có nhiều sinh vật sống để chăm lo. Mặt khác, anh lại là một dã thú săn mồi và tôi có một cảm giác không thoải mái khi tôi chính là con mồi tối nay. Dã thú săn mồi thẳng. Ngay cả Tereza và Karolína cũng không được phép ở lại.

“Sao anh lại đuổi tất cả đi thế?” Chúng tôi vẫn ngồi cạnh bếp lò trong nhà chính, phòng tầng một, nơi mùi thơm dễ chịu của bữa tối còn đầy ắp không khí.

“Chuyện gì xảy ra chiều nay vậy?” Anh hỏi.

“Trả lời câu hỏi của em trước đi.”

“Đừng có ép anh. Không phải tối nay,” Matthew cảnh cáo.

“Anh nghĩ ngày hôm nay của em dễ chịu lắm à?” Không khí giữa chúng tôi đang lách tách phóng ra những sợi màu xanh và đen, trông như báo điềm gở và có cảm giác tệ hơn.

“Không.” Matthew trượt chiếc ghế bành của anh ra sau. “Nhưng em đang giấu anh chuyện gì đó, Diana. Chuyện gì đã xảy ra với phù thủy kia thế?”

Tôi nhìn anh chằm chằm.

“Anh đang đợi đấy.”

“Anh có thể đợi cho tới khi địa ngục đóng băng, Matthew ạ, bởi vì em không phải người hầu của anh. Em đã hỏi anh một câu hỏi.” Các sợi tơ chuyển thành đỏ tía và bắt đầu xoắn lại vụn vụn.

“Anh đuổi bọn họ đi vì không muốn họ chứng kiến buổi nói chuyện này. Giờ thì chuyện gì đã xảy ra?” Mùi đinh hương đang tỏa ra ngột thở.

“Em đã gặp người đất sét. Và người tạo ra nó, một thợ dệt Do Thái tên Abraham. Ông ấy cũng có quyền năng tạo ra sinh khí.”

“Anh đã bảo với em rồi, anh không thích khi em chơi đùa với sự sống và cái chết.” Matthew tự rót thêm rượu cho mình.

“Anh lúc nào cũng chơi đùa với chúng thì có, và em chấp nhận điều đó như một phần của con người anh. Anh cũng sẽ phải chấp nhận nó là một phần của em.”

“Còn tay Abraham này. Hắn là ai?” Matthew hỏi.

“Chúa ơi, Matthew. Anh không thể ghen tuông bởi vì em đã gặp một thợ dệt khác.”

“Ghen tuông ư? Anh đã qua lâu rồi cái cảm xúc máu nóng kiểu đó.” Anh nốc một ngụm rượu đầy.

“Tại sao buổi chiều nay lại khác với mọi ngày chúng ta tách riêng ra trong khi anh ra ngoài làm việc cho Đại Hội Đồng và cha anh hả?”

“Nó khác bởi vì anh có thể ngửi thấy mùi từng người em đã tiếp xúc hôm nay. Chỉ việc em luôn mang mùi của Annie và Jack cũng đã đủ tệ rồi. Gallowglass và Pierre cố gắng không chạm vào em, nhưng cũng chẳng giúp được mấy – bọn họ ở quanh em quá nhiều. Sau đó chúng ta còn có thêm mùi của Maharal, Herr Maisel, và cuối cùng là hai người đàn ông khác. Mùi hương duy nhất anh có thể chịu được khi nó trộn lẫn với mùi của em là mùi của chính anh, nhưng anh không thể nhốt em vào lồng cho nên anh đành cam chịu đến hết mức có thể.” Matthew đặt cốc xuống và đứng bật dậy cố gắng muốn tăng thêm chút khoảng cách giữa hai chúng tôi.

“Cái đó nghe như ghen tuông vậy.”

“Không phải. Anh có thể xử lý cảm giác ghen tuông,” anh giận dữ nói. “Cái anh đang cảm thấy lúc này – thứ cảm giác mất mát và sự cuồng nộ giằng vò kinh khủng này là bởi vì anh không thể nắm được một ấn tượng rõ ràng về em trong cuộc sống hỗn loạn của chúng ta – nó vượt quá tầm kiểm soát của anh.” Đôi đồng tử trong mắt anh càng ngày càng lớn hơn.

“Vì anh là một ma cà rồng. Anh có tính chiếm hữu. Đó chính là anh,” tôi nói thẳng thừng, tiến đến gần bất chấp cơn giận dữ của anh. “Còn em là một phù thủy. Anh đã hứa chấp nhận em như chính con người em – ánh sáng và bóng tối, phụ nữ và phù thủy, con người của em đồng thời cũng là vợ anh.” Sẽ ra sao nếu anh ấy đã đổi ý? Sẽ ra sao nếu anh ấy không sẵn lòng đón nhận

sự khôn lường kiểu này trong cuộc sống của anh?

“Anh đã chấp nhận em rồi.” Matthew duỗi tay để một ngón tay dịu dàng chạm vào má tôi.

“Không, Matthew. Anh khoan dung với em vì anh nghĩ rằng có một ngày em sẽ kiểm soát được phép thuật của mình. Rabbi Loew đã cảnh cáo em rằng sự khoan dung có thể bị thu lại, và rồi anh sẽ nguội lạnh dần. Phép thuật của em không phải là thứ gì đó có thể điều khiển quản lý được. Nó chính là em. Còn em thì sẽ không giấu giếm bản thân mình trước anh. Đó không phải là tình yêu.”

“Được rồi. Không còn gì giấu giếm nữa.”

“Tốt.” Tôi thở dài nhẹ nhõm, nhưng không kéo dài được lâu.

Matthew lôi tôi ra khỏi ghế và ép tôi vào tường trong một chuyển động dứt khoát mạnh mẽ, bấp bênh anh len vào giữa hai đùi tôi. Anh kéo một lọn tóc quăn ra để nó xoa bên má và rủ xuống ngực tôi. Vẫn không buông tôi ra, anh cúi đầu áp môi anh lên viền áo lót của tôi. Tôi rùng mình. Đã lâu rồi anh mới hôn tôi ở đó, và đời sống tình dục của chúng tôi thực tế đã không tồn tại kể từ lần xảy thai. Đôi môi Matthew mơn trớn quai hàm tôi, lướt qua mạch máu ở cổ.

Tôi tóm lấy tóc anh và kéo đầu anh ra. “Đừng. Trừ phi anh dự định hoàn thành những gì anh bắt đầu. Em đã có đủ những nụ hôn tiếc nuối cho cả phần đời còn lại rồi.”

Bằng vài chuyển động nhanh chóng mắt, Matthew đã tháo được dây buộc chiếc quần chèn của anh, vén chân váy lên thành đồng quan hệ eo tôi, và đâm sâu vào trong tôi. Không phải lần đầu tiên tôi bị áp vào tường bởi một kẻ đang cố gắng lãng quên những rắc rối của mình vì mấy khoảnh khắc quý giá. Có vài lần tôi thậm chí chính là kẻ chủ động xâm lược nữa cơ mà.

“Lần này là vì em và anh – không gì khác nữa. Không có bọn trẻ. Không cả cuốn sách chết tiệt kia. Không hoàng đế và những món quà của ông ta. Đêm nay mùi hương trong căn nhà này chỉ thuộc về chúng ta.”

Hai tay Matthew siết lấy hông tôi, các ngón tay anh đang giữ cho tôi khỏi bị bầm tím khi anh đâm sâu đẩy mạnh người tôi về phía bức tường. Tôi tóm lấy cổ áo sơ mi của anh và kéo mặt anh về phía mình, ngấu nghiến tận hưởng hương vị của anh. Nhưng Matthew cũng không nguyện ý để tôi kiểm soát nụ hôn này cũng như chuyện làm tình của chúng tôi. Bờ môi anh mạnh mẽ và đòi hỏi, khi tôi gan lì cố đòi chiếm ưu thế, anh bèn tặng tôi một cú cắn cảnh cáo vào môi dưới.

“Ôi, Chúa ơi,” tôi hốt hển thốt lên khi nhịp điệu đều đặn của anh đẩy thần trí tôi mê mẩn buông thả. “Ôi...”

“Đêm nay anh thậm chí sẽ không chia sẻ em với Ông Ta đâu.” Matthew dùng môi mình bịt đi tiếng rên rỉ của tôi. Một bàn tay vẫn ôm siết hông tôi, bàn tay kia nhấn sâu vào giữa hai chân tôi.

“Ai có được trái tim em, Diana?” Matthew hỏi, những mơn trớn vuốt ve đến từ ngón tay cái của anh đe dọa cướp đi cả sự tỉnh táo của tôi. Anh chuyển động, lại chuyển động. Đợi chờ câu trả lời của tôi. “Nói đi,” anh gầm lên.

“Anh biết câu trả lời mà,” tôi nói. “Anh có trái tim em.”

“Chỉ mình anh,” anh nói, chuyển động thêm lần nữa khiến cho xúc cảm mãnh liệt cuộn xoắn trong cả hai tim thấy sự giải phóng cuối cùng.

“Duy nhất... mãi mãi... là anh,” tôi thở gấp, hai chân run rẩy vòng quanh hông anh. Tôi trượt chân đáp xuống sàn nhà.

Matthew thở nặng nhọc, anh áp trán lên trán tôi. Đôi mắt anh hiện lên một thoáng hối hận khi anh thả chân vấy tôi xuống. Anh hôn tôi dịu dàng thuần khiết.

Cuộc làm tình của chúng tôi cho dù mãnh liệt thế nào cũng không thỏa mãn điều đang khiến Matthew không ngừng đeo đuổi tôi, bất chấp thực tế rằng tôi hiển nhiên đã là của anh. Tôi bắt đầu lo lắng không gì có thể thỏa mãn anh được.

Nỗi thất vọng của tôi ập tới, hình thành một làn sóng khí rung chuyển cuốn anh rời khỏi người tôi ập sang bức tường đối diện. Đôi mắt Matthew đen thẳm lại trước sự thay đổi vị thế này.

“Thứ đó dành cho anh thì thế nào, tình yêu của em?” Tôi khẽ khàng hỏi. Gương mặt anh lộ rõ sự kinh ngạc. Tôi búng ngón tay, thả luồng khí đang giữ anh. Các cơ bắp anh căng ra khi anh lấy lại khả năng di chuyển của mình. Anh mở miệng định nói.

“Anh dám nói xin lỗi,” tôi dữ tợn quát. “Nếu anh chạm vào em mà em không thích thì em đã nói không rồi.”

Miệng Matthew mím chặt.

“Em không thể không nghĩ tới người bạn của anh Giordano Bruno: Khao khát thúc giục, trong khi nỗi sợ kiềm hãm ta. Em không sợ uy quyền, hay sức mạnh của anh, hay bất cứ thứ gì khác ở anh. Còn anh, anh sợ điều gì, Matthew?”

Đôi môi hối hận chà xát lên môi tôi. Cùng với nó, một làn gió nhẹ vút qua tà váy tôi, báo cho tôi biết rằng anh thà chạy trốn còn hơn phải trả lời nó.

30.

“Ông Habermel đã ghé qua. Bộ dụng cụ của em ở trên bàn đấy.” Matthew không rời mắt khỏi các kế hoạch xây dựng lâu đài Praha, bằng cách nào đó anh đã kiếm được chúng từ các kiến trúc sư của hoàng đế. Mấy ngày qua, anh tặng cho tôi cả chiếc giường rộng thênh thang, còn mình thì dồn hết năng lượng vào khai thác những bí mật của việc phòng vệ cung điện hồng tìm cách chọc thủng hàng rào an ninh của Rudolf. Bất chấp lời khuyên của Abraham mà tôi đã truyền đạt lại thật chính xác, Matthew vẫn thích một chiến lược chủ động hơn. Anh muốn chúng tôi rời khỏi Praha. Ngay lúc này.

Tôi đến bên và anh ngược lên nhìn với ánh mắt đầy khát khao da diết. “Đây chỉ là một món quà thôi.” Tôi đặt đôi găng tay xuống và hôn anh thật sâu. “Trái tim em là của anh mà, anh nhớ chứ?”

“Đây không chỉ là một món quà mà còn kèm theo lời mời đi săn vào ngày mai.” Matthew vòng tay ôm quanh hông tôi. “Gallowglass thông báo với anh là chúng ta sẽ nhận lời mời này. Anh chàng đó đã tìm thấy một lối đi vào khu vực riêng của hoàng đế, bằng cách quyến rũ cô hầu gái đáng thương chỉ cho xem bộ sưu tập tranh gory dục của Rudolf. Binh lính cung điện cũng sẽ đi săn cùng chúng ta hoặc gà gặt chọc mắt. Gallowglass tin rằng đây là một cơ may để chúng ta tìm kiếm cuốn sách.”

Tôi liếc nhìn mặt bàn làm việc của Matthew, còn có một gói nhỏ khác. “Anh cũng biết đó là thứ gì phải không?”

Anh gạt đầu rời với tay ra cầm nó lên. “Em luôn nhận được quà từ những người đàn ông khác. Nhưng cái này là của anh. Giơ tay ra nào.” Bị kích thích bởi tính tò mò, tôi liền làm theo.

Anh ấn một vật gì đó hình tròn và trơn mượt vào lòng bàn tay tôi, với kích cỡ một quả trứng nhỏ.

Một dòng kim loại mát lạnh nặng nề chảy quanh quả trứng bí ẩn này khi những con rồng lửa nhỏ xíu dần lấp đầy bàn tay tôi. Chúng được làm từ bạc và vàng với nhiều viên kim cương đính trên lưng. Tôi nâng một sinh vật kỳ diệu này lên, nó được gắn thành vòng tròn từ những cặp rồng lửa, miệng cắn với miệng, đuôi cuốn vào nhau. Thứ vẫn nép mình trong lòng bàn tay tôi lúc này là một viên hồng ngọc. Một viên hồng ngọc rất lớn có màu đỏ rực.

“Đẹp quá!” Tôi ngược nhìn Matthew. “Anh có thời gian để mua thứ này khi nào vậy?” Món quà này không phải kiểu hàng mà các thợ kim hoàn trữ sẵn trong kho để dành cho các vị khách bất ngờ ghé qua.

“Anh có nó một thời gian rồi,” Matthew thú nhận. “Cha anh đã gửi chúng tới cùng bức tranh trang trí bàn thờ. Anh đã bắn khoản liệu em có thích không.”

“Tất nhiên em thích chứ. Anh biết mà, rồng lửa thuộc về thuật giả kim,” tôi nói và trao anh một nụ hôn khác. “Hơn nữa, có người phụ nữ nào lại từ chối hơn nửa mét bạc và vàng, cùng những con rồng lửa đính kim cương đi kèm một viên hồng ngọc to như quả trứng cơ chứ?”

“Những con rồng lửa đặc biệt này là quà của đức vua khi anh trở lại Pháp cuối năm 1541. Vua Francis chọn hình ảnh rồng lửa giữa những ngọn lửa làm biểu tượng của mình và phương châm của ông ấy là Ta nuôi dưỡng và phá hủy.” Matthew bật cười. “Kit thích câu nói dí dỏm đó tới mức chấp vá thành câu của riêng anh ta: Điều gì nuôi dưỡng ta sẽ hủy hoại ta.”

“Kit rõ ràng là một yêu tinh bi quan rồi,” tôi nói, cười cùng anh. Tôi chọc vào một con kỳ giông và nó bắt ánh sáng từ những ngọn nến. Tôi định nói nhưng lại thôi.

“Chuyện gì vậy?” Matthew hỏi.

“Anh đã từng tặng ai món quà này... trước kia chưa?” Sau đêm hôm trước, cảm giác bất an luôn làm tôi lúng túng.

“Chưa,” Matthew đáp, cầm lấy tay tôi và nâng niu nó giữa hai lòng bàn tay anh.

“Em xin lỗi. Em biết hỏi thế kỳ cục quá, đặc biệt khi Rudolf đang cư xử như vậy. Em chỉ không muốn phải băn khoăn. Nếu anh tặng em bất cứ thứ gì mà anh từng tặng cho người tình cũ thì đừng ngại nói ra.”

“Anh sẽ không tặng em bất cứ món quà nào anh từng tặng cho người khác, mon coeur.” Matthew đợi tôi nhìn vào mắt anh. “Con rồng lửa của em nhắc anh nhớ tới món quà của Francis, nên anh đã yêu cầu cha lấy nó ra từ chỗ cất giấu. Anh đã mang nó một lần. Kể từ đó, nó vẫn nằm trong hộp.”

“Nó cũng không phải món đồ mang hăng ngày,” tôi nói, cố gắng cười to. Nhưng cũng không hiệu quả. “Em không biết chuyện gì đang xảy ra với mình nữa.”

Matthew kéo tôi xuống và trao một nụ hôn. “Trái tim của anh thuộc về em cũng như em đã trao cho anh vậy. Đừng nghi ngờ điều đó.”

“Em biết.”

“Tốt. Bởi Rudolf đang làm mọi điều có thể để khiến chúng ta nản chí. Ta cần giữ bình tĩnh. Và sau đó chúng ta sẽ rời khỏi đất Praha chết tiệt này ngay.”

Lời Matthew ám ảnh tôi suốt chiều hôm sau, khi cả hai tham dự hoạt động thể thao buổi chiều tại cung điện cùng đám cận thần gần gũi nhất của Rudolf. Kế hoạch ban đầu là tất cả sẽ cưới ngựa tới khu săn bắn của hoàng đế trên núi Trắng để bắn hươu, tuy nhiên bầu trời xám xịt nặng nề đang tới gần đã giữ chân chúng tôi ở lại cung điện. Giờ đã là tuần lễ thứ hai của tháng Tư nhưng mùa xuân đến Praha khá chậm và tuyết vẫn có thể rơi.

Rudolf đã gọi Matthew đến bên cạnh và để tôi lại với đám phụ nữ trong cung điện. Họ thể hiện vẻ tò mò một cách lộ liễu và hoàn toàn chẳng biết làm gì với tôi.

Hoàng đế cùng đám cận thần đang uống rượu phê phỡn. Vì cuộc rượt đuổi tốc độ cao sắp diễn ra, tôi thầm ước họ có luật lệ dành cho việc uống rượu và cưới ngựa. Không phải vì tôi lo lắng cho Matthew. Bởi thực sự, anh đang uống có tiết chế và cho dù con ngựa có đâm phải một cái cây thì cũng chẳng hề hấn gì với anh.

Hai người đàn ông tiến tới cùng một cây sào dài trên vai – chỗ đậu cho những con chim ưng lộng lẫy dùng vào buổi săn chiều này. Hai người đàn ông khác theo sau, mang đến duy nhất một con chim, có mũ trùm trên đầu cùng một cái mỏ cong nom cực kỳ nguy hiểm, hai chân nó có lông màu nâu, trông như đang đi ủng vậy. Và nó thực sự to lớn.

“A!” Rudolf kêu lên, xoa hai bàn tay vào nhau với vẻ hào hứng. “Đây là chú chim ưng của ta, Augusta. Ta muốn La Diosa trông thấy nó, mặc dù không thể để cô nàng bay ở đây được. Nàng ta có nhu cầu đi săn nhiều hơn khả năng Stag Moat có thể đáp ứng đấy.” Cái tên Augusta thật hợp với tạo vật kiêu hãnh này. Con chim ưng cao gần một mét và mặc dù có mũ trùm nhưng đầu nó vẫn luôn giữ một góc độ ngạo nghễ, kiêu sa.

“Nó có thể cảm nhận rằng chúng ta đang ngắm nhìn,” tôi lẩm bẩm.

Ai đó đã phiên dịch cho hoàng đế và ông ta mỉm cười nhìn tôi với vẻ hài lòng. “Một kẻ đi săn

hiếu một kẻ đi săn khác. Bỏ mũ trùm ra để Augusta và La Diosa làm quen với nhau nào.”

Một người đàn ông già nua với đôi chân vòng kiềng, thận trọng tiếp cận con chim. Ông ta kéo sợi dây da buộc chặt chiếc mũ trùm quanh đầu Augusta và nhẹ nhàng kéo nó ra khỏi con chim. Những sợi lông vàng óng quanh cổ và đầu cô nàng tung bay trong gió làm nổi bật bề mặt mềm mượt của chúng. Augusta cảm thấy tự do và nguy hiểm ập tới cùng lúc, cô nàng liền sải rộng đôi cánh như thể sắp cất cánh bay hoặc đang cảnh cáo.

Nhưng tôi không phải người Augusta muốn gặp. Bằng thứ bản năng không thể nhầm lẫn, cô nàng liền quay đầu về phía động vật ăn thịt duy nhất trong đám đông nguy hiểm hơn cả chính nó. Matthew đáp trả lại bằng ánh mắt nghiêm nghị và thoáng u buồn. Augusta kêu thét lên để xác nhận mối đồng cảm từ anh.

“Ta không mang Augusta ra để giải trí cho Herr Roydon đâu, mà để gặp La Diosa,” Rudolf gầm gừ.

“Và thần lấy làm cảm kích vì sự giới thiệu này, thưa bệ hạ.” Tôi lên tiếng để thu hút sự chú ý từ vị quốc vương đang cáu giận này.

“Nàng biết không, Augusta đã hạ gục hai con sói rồi đấy,” miệng nói nhưng Rudolf vẫn nhìn Matthew chăm chăm. Những chiếc lông cài mũ của hoàng đế còn bay phấp phới hơn cả bộ lông của chú chim ưu tú. “Cả hai đều là những cuộc chiến đẫm máu.”

“Nếu thần là một con sói, thần sẽ chỉ nằm xuống để quý cô đây tiếp tục con đường của mình,” Matthew uể oải nói. Anh trông hoàn toàn giống đám cận thân chiều nay nhờ bộ quần áo màu xanh lục và đen, mái tóc đen xòa khỏi chiếc mũ lưới trai ngông nghênh đảm bảo những yếu tố phục trang cần thiết nhưng cũng đủ để người đối diện có cơ hội trông thấy chiếc huy hiệu bạc trên chóp mũ – huy hiệu con rắn ngậm đuôi của gia đình de Clermont – vì sợ rằng Rudolf quên mất người ông ta đang đối đầu là ai.

Những viên cận thần khác khúc khích cười tự mãn trước lời bình luận táo bạo của anh. Khi đã chắc chắn những tiếng cười không hướng trực tiếp tới anh, Rudolf cũng tham gia vào. “Đó là điểm chung khác nữa giữa hai chúng ta, Herr Roydon,” ông ta nói, vỗ vai Matthew và ngấm nghĩa tôi. “Chúng ta đều không sợ đàn bà mạnh mẽ.” Bầu không khí căng thẳng bị phá vỡ, người nuôi chim liền chuyển Augusta tới chỗ đậu của cô nàng nhờ vài sự trợ giúp, sau đó quay sang hỏi hoàng đế về con chim ưng ông ta muốn sử dụng chiều nay để lùa bầy gà rừng hoàng gia. Rudolf nói năng nhặng xị về lựa chọn của mình. Hoàng đế đã chọn được một con chim ưng phương bắc to lớn, hoàng tử nước Áo và nước Phổ đều tìm được lựa chọn riêng, tới khi chỉ còn lại một con. Chú chim này nhỏ bé và run lẩy bẩy trong tiết trời lạnh giá. Matthew đưa tay ra cho nó.

“Nó dành cho phụ nữ,” Rudolf khịt mũi nói và yên vị trên lưng ngựa. “Ta đã dành nó cho La Diosa.”

“Mặc dù mang cái tên đó nhưng Diana không thích săn bắn đâu. Không sao cả. Thần sẽ để con chim cất này bay lượn,” Matthew nói. Anh luồn sợi dây buộc chân chim qua các ngón tay và xòe bàn tay ra, con chim bước trên cổ tay mang găng của anh. “Xin chào, người đẹp,” anh thì thầm trong lúc nàng chim nhỏ bé điều chỉnh bàn chân để đứng vững. Cứ mỗi bước nhỏ, chuông của cô nàng lại reo leng keng.

“Tên của nó là Sárka,” người canh rừng thì thầm rồi mỉm cười.

“Cô nàng cũng thông minh như người cùng tên chứ?” Matthew hỏi ông ta.

“Còn hơn thế,” ông lão trả lời và cười xéch đến tận mang tai.

Matthew nghiêng người về phía con chim và dùng răng cắn một sợi dây buộc chiếc mũ trùm đầu nó. Miệng anh kề sát bên Sárka và cử chỉ vô cùng thân mật, có thể khiến người khác lầm tưởng là một nụ hôn. Matthew kéo sợi dây. Một khi dây đã tuột, anh dễ dàng dùng tay còn lại để tháo chiếc mũ trùm và thả tấm da thuộc bịt mắt mang tính chất trang trí này vào túi áo. Sárka chớp mắt nhìn thế giới ập đến trong tầm mắt. Cô nàng chớp thêm lần nữa và ngấm nghĩa tôi rồi đến người đàn ông đang giữ mình trên tay.

“Em có thể chạm vào nó không?” Những lớp lông màu nâu và trắng trông thật hấp dẫn khó mà cưỡng lại.

“Không thể được. Cô nàng đang đói. Anh không nghĩ nó nhận được phần chiến lợi phẩm công bằng,” Matthew nói. Anh lại đờm buồn, thậm chí có vẻ băng khuâng. Sárka phát ra chuỗi âm thanh trầm thấp đầy hân hoan vui sướng và vẫn nhìn Matthew chăm chú.

“Cô nàng thích anh đấy.” Điều đó không còn phải nghi ngờ nữa. Cả hai đều là những kẻ đi săn theo bản năng và cả hai đều bị giữ chân bởi gông cùm nên không thể tự do theo đuổi niềm thôi thúc được theo dấu và giết chết con mồi. Chúng tôi cưỡi ngựa đi xuống một đường mòn quanh co dẫn vào trong rãnh nước ven bờ sông từng một thời được sử dụng làm hào nước bao quanh lâu đài. Dòng sông đã biến mất và giờ đây rãnh nước được rào chắn xung quanh để giữ thú chơi của hoàng đế khỏi xông vào thành phố. Hươu đỏ, hoẵng và lợn lòi đực lông vàng đầy trong khu đất. Đạo gần đây cả sư tử và nhiều loài mèo lớn khác cũng được đưa về từ bầy thú trong rạp xiếc khi Rudolf quyết định săn mồi cùng với chúng thay cho chim như thường lệ.

Tôi đã mong chờ được chứng kiến cảnh hỗn loạn nhưng buổi đi săn được dàn dựng chính xác như một vở ba lê vậy. Ngay khi Rudolf tung con chim ưng của mình lên không trung, bầy chim đang nghỉ ngơi trên các ngọn cây nhanh chóng bay lên thành một đám mây để tránh khỏi việc trở thành bữa ăn nhẹ của kẻ săn mồi. Con chim ưng sà xuống thấp và luồn qua bụi cây, tiếng gió thổi rít qua những quả chuông buộc quanh chân nó. Đám gà rừng bị giật mình lao ra từ ven rãnh cây, vừa bỏ chạy vừa vỗ cánh tán loạn trong không trung. Con chim ưng lừa chúng, chọn lấy một mục tiêu và dồn nó vào vị trí, sau đó lao nhanh tới để quật con mồi bằng mỏ và móng vuốt. Con gà gô rơi xuống từ trên trời, kẻ săn mồi vẫn đuổi theo không ngừng trên mặt đất. Đám ngựa ầm ầm đuổi theo, tiếng người hét mừng chiến thắng bị át đi bởi tiếng sữa của bầy chó săn.

Khi đám người, ngựa đuổi tới nơi thì chúng tôi phát hiện con chim ưng đang đứng bên cạnh miếng mồi của nó, cong đôi cánh để che chắn khỏi những đối thủ trước mắt. Matthew đã từng làm tương tự hồi ở thư viện Bodleian và tôi cảm nhận được ánh mắt anh liếc nhìn mình để chắc chắn tôi vẫn ở gần.

Giờ thì hoàng đế đã có chiến lợi phẩm đầu tiên, những người khác sẽ được tự do tham gia vào cuộc đi săn. Họ cùng nhau đuổi bắt hơn một trăm con chim, đủ để cấp thức ăn cho một cơ sở cận thần. Suốt buổi săn chỉ có duy nhất một trận cãi lộn. Không có gì ngạc nhiên cả, trận cãi cọ nổ ra giữa con chim ưng lông bạc cao quý của Rudolf và nàng chim cắt nhỏ màu trắng nâu của Matthew.

Matthew bị bỏ lại phía sau đám đàn ông. Anh thả nàng chim của mình sau những người khác và thông thả nhận lấy các chiến lợi phẩm nó săn được. Dẫu không một người đàn ông nào xuống ngựa, nhưng Matthew đã làm vậy để đỡ dành Sárka rời khỏi con mồi của nó bằng những lời thì thầm và một mẫu thịt anh rút ra từ xác con mồi bị giết trước đó.

Tuy vậy, lần đó, Sárka để mất dấu con gà mà cô nàng đang săn đuổi. Nó lảng tránh cô nàng và đâm thẳng vào đường bay chú chim ưng của Rudolf. Tuy nhiên Sárka không chịu nhường. Mặc dù con chim ưng to lớn hơn nhưng Sárka mau lẹ hơn và thích gây hấn hơn. Để bắt kịp con gà của mình, nàng chim cắt bay vút qua sát sàn sạt đầu tôi, đến mức có thể cảm nhận được sự thay đổi của áp lực không khí. Cô nàng thực là nhỏ bé, thậm chí nhỏ hơn cả con gà rừng và hiển nhiên chú chim ưng kia so với nó vô cùng to lớn. Con gà rừng bay cao hơn nhưng không thể

trốn thoát được. Sárka nhanh chóng đảo chiều và cắm các móng vuốt của mình vào con mồi, trọng lượng của cô nàng đưa cả hai dần đáp xuống mặt đất. Con chim ưng phần nộ kêu thét trong nỗi thất vọng và Rudolf góp thêm tiếng la hét từ phía dưới.

“Con chim của người cản trở chim ưng của ta,” Rudolf hung hăng nói khi Matthew thúc ngựa tới thu chiến lợi phẩm của nàng chim cất.

“Bệ hạ, cô nàng không phải con chim của thần,” Matthew lên tiếng. Sárka đã bắt đầu dựng lông và trải rộng cánh để trông to lớn và hăm dọa hết mức có thể, nó phát ra những tiếng rít đinh tai nhức óc khi anh tiến tới gần. Matthew lăm lăm điều gì đó nghe khá quen thuộc và trông anh còn hơn cả say mê, cuối cùng nàng chim cất cũng chịu thu cánh lại. “Sárka thuộc về người. Hôm nay, nó chỉ chứng tỏ mình xứng đáng với cái tên một chiến binh bô-hê-miêng vĩ đại.”

Matthew nhặt nàng chim cất và con gà gô lên, rồi đưa cả hai ra để hội đồng nhìn thấy. Sợi dây của Sárka đang đưa tự do cùng tiếng chuông vang lên leng keng trong lúc anh cầm nó đi vòng quanh. Mọi người không biết phải phản ứng thế nào và tất cả cận thần chờ đợi Rudolf làm điều gì đó. Nhưng tôi đã xen vào.

“Đó là một nữ chiến binh sao, ông xã?”

Matthew dừng lại và nhoẻn miệng cười. “Tại sao chứ, đúng vậy, bà xã à. Sárka thật sự là con vật nhỏ bé và nóng tính, giống như con chim của hoàng đế, và cô nàng biết vũ khí lợi hại nhất của một chiến binh nằm giữa hai tai.” Anh gõ vào đầu để chắc chắn mọi người hiểu được ngụ ý đó. Rudolf không chỉ hiểu được, ông ta còn tỏ ra bối rối.

“Nghe khá giống các quý cô của Malá Strana,” tôi nói vô tư lự. “Và Sárka đã làm gì với trí thông minh của mình vậy?” Trước khi Matthew kịp trả lời, một người phụ nữ trẻ xa lạ đã lên tiếng.

“Sárka đã hạ gục một nhóm binh lính,” cô ta giải thích bằng tiếng La tinh trôi chảy cùng cách nhấn mạnh trọng âm của tiếng Séc. Một người đàn ông râu trắng mà tôi nghĩ là cha của cô ta nhìn con gái với ánh mắt đồng tình, cô gái then đỏ mặt.

“Thật sao?” Tôi kêu lên thích thú. “Bằng cách nào vậy?”

“Bằng cách giả bộ mình cần được giải cứu và mời mọc binh lính tới ăn mừng sự tự do của cô ta cùng với rất nhiều rượu.” Một phụ nữ khác có vẻ nhiều tuổi hơn, có cái mũi khoằm không kém gì Augusta, khịt mũi nói bằng vẻ ghê tởm. “Đàn ông lúc nào cũng gục ngã trước điều đó.”

Tôi phì cười, trước vẻ sùng sốt của cô gái cũng như quý bà mũi khoằm quý phái.

“Thưa hoàng đế, thần sợ rằng các quý bà quý cô đây sẽ không để nữ anh hùng của họ phải gánh vác lỗi lầm của kẻ khác đâu.” Matthew cho tay vào túi và lấy ra chiếc mũ trùm đầu, anh nhẹ nhàng đặt nó lên đỉnh đầu kiêu hãnh của Sárka. Anh cúi người để thắt chặt sợi dây nhỏ bằng răng của mình. Người gác rừng nhận lấy nàng chim cất giữa vài tiếng vỗ tay tán thưởng.

Chúng tôi tạm nghỉ tại căn nhà mái trắng đỏ theo phong cách Ý tọa lạc nơi rìa khuôn viên cung điện, để uống rượu vang và dưỡng sức, mặc dù tôi thích nấn ná trong khu vườn nở rộ hoa thủy tiên và tuy-líp của hoàng đế hơn. Các thành viên khác trong hội tham gia cùng chúng tôi, bao gồm Strada cầu-kính, ông Hoefnagel và thợ chế tác Erasmus Habermel, người tôi thấy biết ơn vì bộ dụng cụ.

“Điều mà chúng ta cần để thoát khỏi cảnh buồn chán này là một bữa tiệc mùa xuân, mùa chay sắp qua rồi,” một chàng cận thần trẻ lớn tiếng nói. “Người không nghĩ vậy sao, thưa bệ hạ?”

“Một vở ca kịch thì sao?” Rudolf nhấp một ngụm rượu và nhìn tôi chằm chằm. “Nếu vậy, chủ đề sẽ là Diana và Actaeon.”

“Chủ đề đó phổ biến quá rồi, thừa bệ hạ, và sắc mùi Anh quốc,” Matthew buồn rầu lên tiếng. Còn mặt Rudolf đỏ ửng. “Thay vào đó, chúng ta có thể làm về Demeter và Persephone. Phù hợp với mùa này hơn.”

“Hoặc câu chuyện về Odysseus,” Strada đề nghị và nhìn tôi bằng ánh mắt khó chịu. “Frau Roydon có thể diễn vai Circe và biến chúng ta thành bầy lợn con.”

“Thật thú vị, Ottavio,” Rudolf kêu lên và đặt ngón trỏ tì lên môi dưới. “Ta có thể diễn vai Odysseus.”

Không phải trong cuộc đời của ông, tôi thầm nghĩ. Cũng không phải cảnh giường chiếu và cảnh Odysseus buộc Circe hứa sẽ không cắt mắt của quý của ông ta.

“Thần có thể đưa ra một kiến nghị không,” tôi hăm hờ lên tiếng nhằm đẩy lùi thảm họa.

“Tất nhiên, tất nhiên rồi,” Rudolf sốt sắng nói và cầm lấy bàn tay tôi, vỗ nhẹ đầy quan tâm.

“Câu chuyện mà thần tưởng tượng cần một người nào đó đóng vai Zeus, vua của các vị thần,” tôi vừa nêu ý kiến với hoàng đế, vừa nhẹ nhàng rút tay lại.

“Ta sẽ diễn thần Zeus một cách thuyết phục,” ông ta hăm hờ nói và một nụ cười bùng sáng trên khuôn mặt. “Và nàng sẽ diễn vai Callisto chứ?” Tất nhiên là không. Tôi sẽ không để Rudolf giả bộ bắt cóc và làm mình có thai đâu.

“Không, thưa bệ hạ. Nếu người nhất quyết vậy, thần sẽ tham gia vào cuộc vui bằng việc nhận vai nữ thần mặt trăng.” Tôi bám lấy khuỷu tay Matthew. “Và để chuộc lỗi cho lời bình phẩm sớm nay, Matthew sẽ diễn vai Endymion.”

“Endymion sao?” Nụ cười của Rudolf nhạt dần.

“Tội nghiệp Rudolf. Ta lại thắng rồi,” Matthew lăm bắm chỉ để mình tôi nghe thấy. “Endymion, thưa bệ hạ,” anh nói, lần này hạ thấp giọng, “chàng trai trẻ đẹp bị đưa vào giấc ngủ bùa mê để gìn giữ sự bất tử của bản thân và trình tiết của Diana.”

“Ta biết các truyền thuyết, Herr Roydon!” Rudolf răn đe.

“Thứ lỗi cho thần, thưa bệ hạ,” Matthew nói và khẽ cúi đầu duyên dáng. “Diana sẽ thật lộng lẫy trên chiếc xe ngựa và khao khát nhìn theo người đàn ông mình yêu.”

Tới lúc này, Rudolf đã tím tái người. Chúng tôi bị xua khỏi buổi diện kiến hoàng gia và rời cung điện, xuôi dốc về Ba Con Quạ để thực hiện dự định đó.

“Anh chỉ có một yêu cầu,” Matthew nói khi chúng tôi bước vào nhà. “Anh có thể là ma cà rồng, nhưng tháng Tư là một tháng lạnh giá ở Praha. Với nhiệt độ này, trang phục em thiết kế cho Diana và Endymion nên có nhiều hơn một hình trăng lưỡi liềm cài trên tóc em và một cái khăn-lau-bát treo quanh hông anh.”

“Em chỉ mới trao vai diễn cho anh mà anh đã đưa ra các yêu cầu nghệ thuật rồi!” Tôi vung một bàn tay lên giả bộ phẫn nộ. “Đồ diễn viên!”

“Đó là điều em xứng đáng nhận được khi làm việc với một người không chuyên,” Matthew mỉm cười nói. “Anh biết cách bắt đầu vở nhạc kịch rồi:

And lo! From opening clouds, I saw emerge

The loveliest moon, that ever silver’d o’er

A shell for Neptune's goblet."

"Anh không thể dùng thơ của Keats!" Tôi bật cười. "Anh ta là nhà thơ theo phong cách lãng mạn, giờ vẫn còn sớm ba trăm năm."

"She did soar.

So passionately bright, my dazzled soul

Commingling with her argent spheres did roll

Through clear and cloudy, even when she went

At last into a dark and vapoury tent,"

Anh đột ngột nói to và kéo tôi vào trong vòng tay.

"Cháu nghĩ chú sẽ cần cháu kiếm một cái lều đấy," Gallowglass vừa nói, vừa ầm ầm xuống gác.

"Và vài con cừu nữa. Hoặc có thể một cái thước đo thiên thể nữa. Endymion có thể là chàng chăn cừu, hoặc là nhà thiên văn học," Matthew nói, nhấn mạnh vào lựa chọn của mình.

"Người gác rừng của Rudolf sẽ chẳng nở rời xa mấy con cừu lạ lòng của ông ta đâu," Gallowglass nói nghiêm túc.

"Matthew có thể sử dụng bộ dụng cụ của tôi." Tôi nhìn quanh, chắc nó ở trên kệ lò sưởi, ngoài tầm với của Jack. "Nó biến đâu mất rồi?"

"Annie và Jack đang khoe nó với Giẻ Lau rồi. Chúng nghĩ nó bị ếm bùa."

Tới lúc đó tôi mới để ý thấy nhiều sợi dây tơ chạy thẳng lên gác từ chỗ lò sưởi – bạc, vàng và xám. Khi cố gắng đuổi theo bọn trẻ để xem chúng làm gì với bộ dụng cụ, tôi giẫm phải đường viền chân váy. Ngay khi bắt được Annie và Jack, tôi sẽ cần thay một đường viền mới kiểu vỏ sò.

Hai đứa trẻ đã mở bộ dụng cụ nhỏ màu bạc-và-đồng-thau ra như một quyển sách, cả những cánh nhỏ bên trong cũng vậy. Lòng khao khát của Rudolf giúp tôi có được thứ này để theo dõi sự chuyển động của vòm trời và Habermel đã thực hiện công việc một cách phi thường. Bộ đồ dùng này bao gồm một chiếc đồng hồ mặt trời, một chiếc la bàn và một thiết bị để ước tính độ dài thời gian của từng mùa khác nhau trong năm, một bàn xoay phức tạp theo chu kỳ mặt trăng, có thể chỉ ngày tháng, thời gian, biểu tượng cung hoàng đạo hiện thời, tuần trăng và cả hải đồ rộng lớn bao gồm (theo yêu cầu của tôi) các thành phố Roanoke, London, Lyon, Praha và Jerusalem. Một trong các cánh nhỏ có cạnh sắc được tôi đặt vào sản phẩm công nghệ mới và hấp dẫn nhất hiện thời: chiếc bảng xóa, nó được làm từ một loại giấy đặc biệt có thể viết lên và sau đó cẩn thận xóa sạch thành trang giấy mới tinh.

"Xem này, Jack, nó lại như thế rồi," Annie nói và khom người trên bộ dụng cụ. Giẻ Lau (chẳng còn ai trong nhà gọi nó là Lobero nữa, ngoại trừ Jack) bắt đầu sửa, vẩy đuôi phấn khích khi chiếc bàn xoay bắt đầu chỉ vào phần vị trí đúng.

"Em cá với chị một đồng là khi cái vòng xoay này dừng lại, mặt trăng tròn sẽ treo ngoài cửa sổ," Jack nói, nhổ nước bọt vào tay và giơ ra trước mặt Annie.

"Không cá cược," tôi lên tiếng ngay lập tức và cúi người xuống bên cạnh Jack.

"Chuyện này bắt đầu từ khi nào vậy, Jack?" Matthew nói và tránh né Giẻ Lau. Jack nhún vai.

"Chuyện này bắt đầu từ khi Herr Habermel gửi nó đến," Annie thú nhận.

“Nó quay tròn liên tục cả ngày hay chỉ vào vài khoảng thời gian nhất định?” Tôi hỏi.

“Chỉ một hoặc hai lần ạ. Còn cái la bàn mới quay một lần.” Annie có vẻ khốn khổ. “Cháu nên nói với bà. Cháu cảm nhận được đây là phép thuật.”

“Không sao cả.” Tôi mỉm cười với cô bé. “Không hại gì đâu.” Liền đó, tôi đặt ngón tay lên phần trung tâm của chiếc bàn xoay và ra lệnh dừng lại. Nó ngừng quay. Ngay khi các vòng tròn dừng, các sợi bạc và vàng quanh bộ dụng cụ chầm chậm tan rã để lại đằng sau sợi tơ màu xám. Những sợi dây đầy màu sắc chẳng đầy trong nhà chúng tôi nhanh chóng mất đi.

“Điều đó có ý nghĩa gì?” Matthew hỏi sau khi cả căn nhà đã yên lặng và tôi có cơ hội đầu tiên đặt bộ dụng cụ nằm ngoài tầm với của lũ trẻ. Tôi quyết định để nó lên phía trên lớp màn trướng trên giường của chúng tôi. “Nhân tiện, mọi người đều giấu đồ vật phía trên đầu những kẻ đi kiểm tra. Đây sẽ là nơi đầu tiên Jack tìm kiếm.”

“Có ai đó đang tìm kiếm chúng ta.” Tôi lôi bộ dụng cụ xuống và cố tìm kiếm chỗ mới để giấu nó.

“Tại Praha này ư?” Matthew giơ tay ra hiệu và tôi đưa cái dụng cụ nhỏ cho anh nhét vào trong chiếc áo chèn.

“Không. Trong luồng thời gian cơ.”

Matthew ngồi phịch xuống giường và chửi thề.

“Đây là lỗi của em.” Tôi nhìn anh bên lên. “Em đã cố gắng thêu dệt một câu thần chú để bộ dụng cụ cảnh báo em khi ai đó định lấy cắp nó. Câu thần chú sẽ giữ Jack tránh khỏi rắc rối. Em nghĩ cần phải quay trở lại với cái bảng vẽ.”

“Điều gì khiến em tin đó là một người trong thời gian khác?” Matthew hỏi.

“Bởi vì bàn xoay mặt trắng là một dạng lịch không ngừng nghỉ. Các bánh răng xoay tròn khi nó cố gắng đưa ra thông tin bên ngoài các thông số kỹ thuật. Việc này làm em nhớ tới những lời đồn đại quanh Ashmole 782.”

“Có thể tiếng kêu vo vo của chiếc la bàn biểu thị những kẻ đang tìm kiếm chúng ta tại một địa điểm khác. Giống như bàn xoay mặt trắng, cái la bàn không thể tìm ra hướng bắc đúng bởi vì nó phải tính toán hai hướng: một là chúng ta tại Praha và một kẻ nào đó ở nơi khác.”

“Anh có nghĩ đó là Ysabeau hay Sarah không và họ cần chúng ta giúp đỡ?” Ysabeau là người đã gửi cho Matthew bản sao của cuốn Doctor Faustus để giúp chúng tôi tới năm 1590. Bà ấy biết chúng tôi đang ở đâu.

“Không,” Matthew nói, giọng chắc chắn. “Họ sẽ không để lộ chúng ta. Phải là người khác.” Đôi mắt xanh xám của anh nhìn cố định vào tôi. Ánh mắt hối tiếc da diết đã quay trở lại.

“Anh đang nhìn em như thể em đã phản bội anh vậy.” Tôi ngồi xuống bên cạnh anh. “Nếu anh không muốn em diễn vở ca kịch, em sẽ không làm.”

“Không phải chuyện đó.” Matthew đứng dậy và bước ra xa. “Em đang giữ bí mật với anh.”

“Chúng ta luôn giữ đôi điều cho bản thân, Matthew,” tôi nói. “Những điều nhỏ nhặt không vấn đề gì. Đôi khi cả những điều quan trọng, giống như, thành viên Đại Hội Đồng.” Lời buộc tội của anh khiến tôi cảm thấy day dứt cho tất cả những điều tôi chưa biết về anh.

Matthew bất ngờ đặt hai tay lên vai tôi và kéo tôi dậy. “Em sẽ không bao giờ tha thứ cho anh vì điều đó.” Ánh mắt anh trở nên buồn rầu và các ngón tay anh ấn sâu vào cánh tay tôi.

“Anh đã hứa với em rằng anh sẽ khoan dung cho các bí mật của em,” tôi nói. “Giáo sĩ Loew đã nói đúng. Chỉ lòng khoan dung không đủ.”

Matthew thả tôi ra kèm theo một lời nguyên rủa. Tôi nghe thấy tiếng Gallowglass trên bậc thang và tiếng ngái ngủ xì xầm của Jack bên dưới sảnh.

“Cháu sẽ đưa Jack và Annie tới nhà Baldwin,” Gallowglass nói từ phía cửa. “Tereza và Karolína đã đi rồi. Pierre sẽ tới cùng cháu, cả con chó nữa.” Giọng anh chàng hạ thấp. “Hai người làm thằng bé sợ hãi khi tranh cãi đấy, còn thằng bé đã có đủ nỗi sợ hãi trong cuộc đời ngắn ngủi của nó rồi. Hãy tự điều chỉnh bản thân hoặc cháu sẽ đưa chúng trở lại London và để hai người tự mình xoay sở.” Đôi mắt của Gallowglass thật dữ tợn.

Matthew im lặng ngồi xuống bên lò sưởi, anh cầm một ly rượu trong tay và gương mặt u ám nhìn chăm chăm vào ngọn lửa. Ngay khi cả nhóm rời đi, anh đứng dậy và hướng tới phía cửa.

Chẳng kịp suy nghĩ hay lên kế hoạch, tôi thả con rồng lửa của mình. Ngăn anh ấy lại, tôi ra lệnh. Cô nàng lao qua, bao bọc anh trong làn khói xám và chặn đứng trước cửa, cắm các cạnh nhọn của đôi cánh vào sâu trong khung cửa. Khi Matthew tới quá gần, nó liền phóng lưỡi lửa ra đe dọa.

“Anh sẽ không đi đâu hết,” tôi nói. Tôi phải nỗ lực rất nhiều để giữ cho giọng nói của mình không dâng cao. Matthew có thể chế ngự tôi, nhưng khả năng chiến thắng linh vật này không hề chắc chắn. “Rồng lửa của em cũng gần giống Sárka: nhỏ nhưng hiếu chiến. Em sẽ không để nó rời khỏi cửa đâu.”

Matthew quay người lại, ánh mắt lạnh băng.

“Nếu anh tức giận em thì hãy nói ra. Nếu em làm điều gì anh không thích hãy nói với em. Nếu anh muốn kết thúc cuộc hôn nhân này thì hãy dừng cảm kết thúc một cách êm xuôi để em có thể... có thể... hồi phục sau đó. Bởi nếu anh vẫn nhìn em như thể anh ước rằng chúng ta chưa từng kết hôn thì anh đang phá hủy em đó.”

“Anh không hề có mong muốn kết thúc cuộc hôn nhân này,” anh nói chắc chắn.

“Vậy hãy làm chồng em.” Tôi tiến tới gần anh. “Anh có biết em đã nghĩ gì khi quan sát những con chim xinh đẹp đó bay lượn ngày hôm nay không? Rằng ‘Matthew cũng đẹp tuyệt như vậy nếu anh ấy được tự do là chính mình.’ Và lúc em quan sát anh chòm chiếc mũ bịt mắt Sárka để cô nàng không thể săn bắt theo bản năng mách bảo nữa, em đã trông thấy nỗi tiếc hận trong mắt nó, cũng như trông thấy trong mắt anh mỗi ngày, từ khi em đánh mất con.”

“Đây không phải chuyện về đứa bé.” Đôi mắt anh tỏ vẻ cảnh cáo.

“Không, là về em. Và anh. Cả những chuyện vô cùng tồi tệ mà anh không thể chấp nhận được: cho dù những thứ được-gọi-là-quyền-năng của anh vượt lên trên sự sống và cái chết thì anh vẫn không thể điều khiển mọi chuyện và bảo vệ em hay bất cứ người nào anh yêu quý khỏi bị tổn hại.”

“Và em nghĩ rằng việc đánh mất con khiến gia đình trở nên như vậy sao?”

“Còn chuyện gì khác nữa? Mặc cảm tội lỗi trước cái chết của Blanca và Lucas gần như đã hủy hoại anh.”

“Em nhầm rồi.” Matthew luồn tay vào tóc tôi, kéo cái nút thắt bím ra, giải phóng mùi hương hoa cúc hòa cùng mùi bạc hà từ loại xà phòng tôi thường dùng. Đồng tử của anh mở lớn và đen thẫm như mực. Anh tận hưởng làn hương tỏa ra từ tôi và màu xanh lá dần trở lại trong đôi mắt.

“Vậy hãy nói cho em biết chuyện gì.”

“Chuyện này.” Anh với lấy mép vạt áo của tôi và xé nó làm hai. Sau đó, anh nói lỏng sợi dây giữ chiếc cổ áo lót rộng trượt khỏi vai tôi, để phơi trần hai đầu ngực. Những ngón tay của anh lần theo tĩnh mạch máu xanh nổi lên ở cổ và tiếp tục bên dưới lớp vải lạnh.

“Mỗi ngày trong cuộc đời của anh là một trận chiến kiểm soát bản thân. Anh chiến đấu với cơn giận dữ cùng cảm giác buồn nôn theo sau nó. Anh đấu tranh với đói và khát, bởi vì anh không tin việc mình đoạt lấy dòng máu từ các tạo vật khác là điều đúng đắn – cho dù là động vật, dầu anh có thể chịu đựng điều đó tốt hơn là lấy máu từ một ai đó có thể gặp lại trên đường.” Đôi mắt của anh nhìn sâu vào mắt tôi. “Và anh phải trải qua cuộc chiến đấu với chính bản thân mình để vượt qua niềm thôi thúc không thể nói thành lời, mong muốn chiếm hữu lấy cơ thể cũng như linh hồn của em theo cái cách mà không một sinh vật máu nóng nào hiểu được.”

“Anh muốn máu của em,” tôi thì thầm khi bất ngờ hiểu ra mọi chuyện. “Anh nói dối em.”

“Anh lừa dối chính bản thân mình.”

“Em đã nói với anh – rất nhiều lần – rằng anh có thể lấy nó,” tôi nói và chộp lấy mảnh áo để xé nó rộng hơn, nghiêng đầu sang bên và để lộ ra tĩnh mạch ở cổ. “Hãy nhận lấy. Em không quan tâm. Em chỉ muốn anh quay lại là mình.” Tôi kiềm lại một tiếng nức nở.

“Em là người kết đôi của anh. Anh sẽ không bao giờ tự ý lấy máu từ cổ em.” Những ngón tay mát lạnh của Matthew nhẹ nhàng lướt trên da thịt tôi khi anh kéo chiếc áo về chỗ cũ. “Khi anh làm điều đó tại Madison, chỉ bởi vì anh quá yếu ớt không kiềm chế được bản thân.”

“Có vấn đề gì với cổ em sao?” Tôi bối rối hỏi.

“Ma cà rồng chỉ cắn người lạ và sinh vật cấp thấp hơn tại cổ. Không phải người tình. Và càng không phải người kết đôi.”

“Vị thế thống trị,” tôi nói và nghĩ về những cuộc trao đổi trước kia về ma cà rồng, máu và tình dục, “và việc tiếp nhận thức ăn. Vậy chủ yếu còn người bị cắn ở đó. Đúng là có phần nào sự thực trong những truyền thuyết về ma cà rồng.”

“Ma cà rồng cắn người kết đôi của mình ở đây,” Matthew nói, “gần trái tim.” Đôi môi của anh ấn lên làn da trần của tôi nơi viền áo khoác. Đó là nơi anh đã hôn tôi trong đêm tân hôn khi cảm xúc lẫn át hoàn toàn.

“Em đã nghĩ anh muốn hôn em ở đó chỉ vì lòng thèm khát thông thường,” tôi nói.

“Chẳng có gì là thông thường đối với niềm thôi thúc của một ma cà rồng muốn lấy máu từ tĩnh mạch này.” Anh di chuyển miệng xuống thấp hơn dòng chảy tĩnh mạch một phân và ấn đôi môi thêm một lần nữa.

“Nhưng nếu không phải việc tiếp nhận thức ăn và vị thế thống trị thì là điều gì?”

“Sự chân thật.” Lúc tôi bắt gặp đôi mắt anh, nó vẫn mang màu đen nhiều hơn màu xanh lục. “Ma cà rồng giữ trong mình quá nhiều bí mật để có thể hoàn toàn thành thực. Bọn anh có thể không bao giờ nói ra thành lời được và phần lớn đều quá phức tạp để hiểu thấu, cho dù em có cố gắng thử. Và còn những ngăn cấm chia sẻ bí mật trong thế giới của anh nữa.”

“Đó không phải chuyện của anh nên không thể kể,” tôi lên tiếng. “Em đã nghe mấy lần rồi.”

“Việc uống máu từ người mình yêu để chứng minh rằng không còn điều gì phải che giấu.” Matthew nhìn chăm chú xuống bầu ngực của tôi và chạm lên sợi tĩnh mạch một lần nữa. “Bọn anh gọi nó là tĩnh mạch tim. Dòng máu có hương vị ngọt ngào nhất ở đây, đem đến cảm giác chiếm hữu và lệ thuộc hoàn toàn – tuy nhiên việc này yêu cầu phải điều khiển được toàn bộ bản thân để không bị cuốn trôi theo những cảm xúc mãnh liệt.” Giọng anh thoáng buồn. “Và

anh không tin tưởng vào khả năng điều khiển bản thân trước cơn cuồng máu.”

“Em đã trông thấy anh bị kìm chặt trong cơn thịnh nộ. Nó khởi nguồn từ tính bảo vệ. Và ai có thể đặt em vào nguy hiểm nhiều hơn chính anh chứ?”

Tôi nhún vai để chiếc áo khoác trượt xuống, rồi rút cánh tay ra khỏi hai ống tay áo cho tới khi nửa trên cơ thể tôi hoàn toàn lộ ra trần trụi. Tôi lần tìm những nút buộc trên chân váy và giật chúng tung ra.

“Đừng.” Đôi mắt của Matthew trở nên đen hơn. “Chẳng có ai ở đây để phòng trường hợp...”

“Anh vất kiệt em?” Tôi bước ra khỏi ống chân váy. “Nếu anh không thể tin tưởng bản thân có thể làm được điều này khi Philippe còn ở ngay bên cạnh, thì anh cũng chẳng thể làm được cho dù Gallowglass và Pierre đứng ở đây giúp đỡ.”

“Chuyện này không đùa được đâu.”

“Không.” Tôi cầm lấy hai bàn tay của anh. “Đây là chuyện giữa các cặp vợ chồng. Nó là vấn đề giữa sự chân thật và niềm tin. Em chẳng có gì để che giấu anh cả. Nếu việc lấy máu từ tĩnh mạch này sẽ đặt dấu chấm hết cho nhu cầu liên tục săn tìm các bí mật của em trong anh thì anh phải làm thôi.”

“Đây không phải việc ma cà rồng chỉ làm một lần,” Matthew đe dọa và cố gắng kéo người ra xa.

“Em cũng không nghĩ vậy.” Tôi luồn tay vào phần tóc phía sau gáy của anh. “Hãy nhận lấy máu của em. Nhận lấy bí mật của em. Làm điều mà bản năng bắt anh làm. Chẳng có mũ trùm hay dây buộc ở đây. Trong vòng tay em, anh sẽ được tự do hơn bất kỳ nơi nào khác.”

Tôi kéo miệng anh lại gần mình. Đầu tiên, anh ngáp ngừng phản ứng lại, các ngón tay quăn lấy hai cổ tay tôi như thể anh muốn phá bỏ cái đồ này ngay khi có thể. Nhưng bản năng còn mạnh mẽ hơn và niềm khao khát nơi anh có thể cảm nhận rõ ràng. Những sợi dây trói buộc thế giới dần thay đổi và điều chỉnh xung quanh tôi như để nhường chỗ cho những cảm xúc mạnh mẽ như vậy. Tôi nhẹ nhàng kéo người anh lại, hai bầu ngực phập phồng theo từng hơi thở.

Anh vô cùng sợ hãi, sợ rằng sẽ làm tổn thương trái tim tôi tuy nhiên cũng đầy khát khao. Sợ hãi và khát khao. Chẳng có gì ngạc nhiên khi anh đưa nó vào bài tiểu luận tại All Souls và giành được học bổng. Còn ai có thể hiểu được cuộc chiến giữa chúng hơn một ma cà rồng?

“Em yêu anh,” tôi thì thầm và buông thõng hai tay. Anh phải tự mình làm việc này. Tôi không thể diễn vai trò nào khác để đưa miệng anh đến tĩnh mạch của mình.

Sự chờ đợi thật vô cùng đau đớn, tuy nhiên ít nhất anh đã hạ thấp đầu. Trái tim tôi đập nhanh hơn và tôi nghe thấy anh tiến tới, lấy một hơi thật sâu và dài.

“Em yêu. Lúc nào, em cũng tỏa mùi mật ong ngọt ngào,” anh thì thầm kinh ngạc ngay trước khi cảm hàm răng sắc nhọn vào da thịt.

Lần anh lấy máu trước đây, Matthew đã cẩn thận gây tê vùng đó bằng một giọt máu của anh nên tôi không cảm thấy đau đớn chút nào. Nhưng lần này thì không, tuy vậy, làn da nhanh chóng trở nên tê dại sau khi anh ấn miệng vào da thịt tôi. Hai bàn tay của anh nâng đỡ cơ thể, trong khi dẫn ngã người tôi lên giường. Tôi đang treo người giữa không trung trong lúc chờ đợi anh thỏa mãn rằng chẳng còn bí mật nào giữa cả hai ngoại trừ tình yêu.

Khoảng ba mươi giây sau khi bắt đầu, Matthew dừng lại. Anh ngược nhìn tôi đầy ngạc nhiên như thể khám phá ra điều gì đó không ngờ tới. Đôi mắt anh lại chuyển đen và trong một thoáng tôi nhận ra cơn khát máu đang dâng trào.

“Em vẫn ổn, anh yêu,” tôi thì thầm.

Matthew cúi thấp đầu và uống nhiều hơn cho tới lúc anh khám phá ra điều mình cần. Một phút trôi qua. Anh hôn lên trên vị trí trái tim của tôi cùng biểu cảm tôn kính dịu dàng mà anh đã khoác lên người trong đêm tân hôn tại Sept-Tours và nhìn tôi bên lên.

“Vậy anh đã tìm thấy điều gì?” Tôi hỏi.

“Em. Chỉ em thôi,” Matthew thì thầm.

Vẻ ngượng ngùng nhanh chóng chuyển thành thèm khát và anh hôn tôi thật lâu trước khi cả hai lại lồng xoăn vào nhau. Ngoại trừ cuộc chạm trán ngắn ngủi dựa tường lần trước, đã nhiều tuần qua chúng tôi không làm tình, ban đầu nhịp điệu của cả hai vẫn còn vụng về trong khi hồi tưởng lại cách di chuyển cùng nhau. Cơ thể tôi cuộn chặt hơn và chặt hơn nữa. Một chuyển động lướt nhanh, một nụ hôn sâu là đã đủ để khiến tôi thăng hoa. Nhưng Matthew thì chậm hơn. Tôi bắt gặp ánh mắt anh và bị khóa chặt vào nó. Tôi chưa từng trông thấy một Matthew giống như khoảnh khắc này – mỏng manh, hy vọng, tuyệt đẹp và tự do. Chẳng còn bí mật nào giữa chúng tôi, cũng không còn những cảm xúc phòng bị trước các tai họa xấu xa có thể ập đến, giờ đây cả hai đều bị cuốn phăng tới những vùng đen tối tới mức hy vọng cũng không thể tồn tại được.

“Em có thể cảm thấy anh không?” Matthew giờ đã thúc tới điểm sâu kín nhất trong tôi. Tôi gật đầu lần nữa. Và anh mỉm cười rồi bắt đầu di chuyển một cách thận trọng. “Anh ở bên trong em, Diana, anh trao em sự sống.”

Tôi đã nói những lời đó khi để anh uống máu mình và kéo anh từ ranh giới cái chết trở về thế giới này. Tôi không nghĩ lúc đó anh còn nhận thức được.

Anh chuyển động bên trong tôi lần nữa, lặp đi lặp lại những lời này như một câu thần chú. Đây là hình dạng đơn giản nhất và nguyên sơ nhất của phép thuật trên thế giới. Matthew đã được đan kết vào linh hồn tôi, được thêu dệt vào trong cơ thể tôi như tôi đã len lỏi vào bên trong anh. Trái tim này đã từng tan vỡ và lại vỡ nát một lần nữa trong mấy tháng qua bởi mỗi sự đụng chạm đau buồn và ánh mắt hối tiếc, giờ bắt đầu gắn chặt lại với nhau từng chút một. Khi mặt trời nhô lên khỏi đường chân trời, tôi với tay chạm vào giữa hai mắt anh.

“Em đang tự hỏi nếu mình cũng có thể đọc được suy nghĩ của anh thì sao.”

“Em đã làm vậy rồi,” Matthew đáp, cầm lấy bàn tay tôi và hôn lên các đầu ngón tay. “Hồi ở Oxford, lúc em nhận được bức ảnh chụp cha mẹ em. Em không ý thức được mình đang làm gì. Nhưng thực tế là em liên tục trả lời những câu hỏi anh không thể nói ra thành lời.”

“Em có thể thử làm lần nữa chứ?” Tôi hỏi và phần nào mong chờ anh nói không.

“Tất nhiên. Nếu em là một ma cà rồng em có thể yêu cầu máu của anh.” Anh đặt lưng xuống gối.

Tôi ngáp ngừng giây lát, giữ nguyên những suy nghĩ trong đầu và tập trung vào câu hỏi đơn giản. Làm thế nào để tôi hiểu được trái tim của Matthew?

Một sợi dây bạc lấp lánh nối giữa trái tim tôi với điểm trên trán anh, nơi con mắt thứ ba sẽ xuất hiện nếu anh là một phù thủy. Sợi dây ngày càng thu ngắn kéo tôi lại gần tới khi tôi đặt môi lên làn da anh.

Những hình ảnh và âm thanh bùng nổ trong đầu tôi tựa như pháo hoa. Tôi thấy Jack và Annie, Philippe và Ysabeau. Tôi thấy Gallowglass và người đàn ông không thể nhận ra luôn hiện diện tại những nơi quan trọng trong ký ức của Matthew. Tôi thấy Eleanor và Lucas. Cảm giác chiến

thẳng khi anh chinh phục được một bí ẩn khoa học, một tiếng hét đầy thích thú khi anh cưỡi ngựa vào rừng săn bắt và giết chóc bởi anh được tạo ra để làm vậy. Tôi thấy chính mình, đang mỉm cười với anh.

Sau đó, tôi trông thấy gương mặt của Herr Fuchs, gã ma cà rồng đã chạm trán tại thị trấn Jewish và lắng nghe những từ ngữ khá rõ ràng Con trai ta, Benjamin.

Tôi ngồi bật dậy và đưa tay lên chạm vào đôi môi run rẩy.

“Chuyện gì vậy?” Matthew nói rồi ngồi dậy, cau mày lo lắng.

“Herr Fuchs!” Tôi nhìn anh kinh hoàng, sợ rằng anh đã nghĩ đến điều tồi tệ nhất. “Em không nhận ra đó là con trai anh và cậu ta chính là Benjamin.” Đến giờ, chưa có một dấu vết nào về cơn khát máu của kẻ này.

“Đó không phải lỗi của em. Em không phải ma cà rồng và Benjamin chỉ thể hiện chọn lựa của nó.” Matthew nói dịu dàng. “Lẽ ra anh phải cảm nhận được sự hiện diện của nó quanh em – một dấu mùi, vài ý niệm mơ hồ rằng nó đang ở gần. Chính điều này khiến anh nghĩ rằng em đang giữ bí mật với anh. Anh đã sai. Anh xin lỗi vì đã hoài nghi em, mon coeur.”

“Nhưng Benjamin hẳn phải biết em là ai. Mùi của anh vẫn phảng phất quanh em mà.”

“Tất nhiên, nó biết,” Matthew thất vọng đáp. “Anh sẽ tìm kiếm thẳng nhóc vào ngày mai, nhưng nếu Benjamin không muốn bị phát hiện thì ta chẳng thể làm gì khác ngoài cảnh báo Galloglass và Philippe. Họ sẽ thông báo cho những người khác trong gia đình biết Benjamin đã xuất hiện trở lại.”

“Cảnh báo họ sao?” Tôi sờn da gà trước cái gật đầu của anh.

“Điều duy nhất khủng khiếp hơn Benjamin trong tình trạng khát máu là một Benjamin tỉnh táo như lúc nó xuất hiện khi em ở bên Rabbi Loew. Giống như Jack đã nói,” Matthew đáp lại.

“Những con quái vật đáng sợ nhất luôn tỏ ra giống một người bình thường.”

Đêm đó, cuộc hôn nhân của chúng tôi đã thực sự bắt đầu. Đáng về Matthew tự tin hơn tôi thường thấy. Những lời đối đáp sắc sảo, những hướng thay đổi bất ngờ hay các quyết định bốc đồng vẫn xuất hiện trong suốt khoảng thời gian chúng tôi bên nhau tới giờ đều đã qua. Thay vào đó, Matthew hành xử thận trọng, có chừng mực mà vẫn nguy hiểm. Anh ăn thường xuyên hơn bằng việc đi săn trong thành phố và các làng lân cận. Khi cơ bắp của anh trở nên rắn chắc và mạnh mẽ thì tôi hiểu được điều Philippe đã nhận xét: Không cần biết cơ bắp anh to lớn không nhưng rõ ràng con trai của ông đang gạt bỏ những nhu cầu dinh dưỡng cần thiết.

Một mặt trăng bạc lấp lánh còn lưu lại trên ngực tôi nơi anh đã uống máu. Nó không giống như bất kỳ vết sẹo khác trên cơ thể của tôi, nó thiếu đi lớp mô bảo vệ được tích tụ chắc chắn, định hình trên phần lớn vết thương. Matthew nói với tôi rằng hiện tượng này do một đặc tính trong nước bọt của anh có thể bọc kín vết cắn mà không để chúng lành hoàn toàn.

Bằng nghi thức hút máu bạn tình tại tĩnh mạch tim của Matthew và nghi thức mới của tôi là nụ hôn phù thủy cho phép đi vào trong suy nghĩ của anh mà giờ đây cả hai âu yếm nhau sâu nặng hơn. Chúng tôi không làm tình thường xuyên mỗi lần anh vào ngủ cùng, nhưng khi chuyện đó diễn ra thì theo sau luôn là hai khoảnh khắc thiêu đốt của sự chân thật tuyệt đối không chỉ loại bỏ các lo lắng lớn nhất của Matthew về tôi: rằng các bí mật bằng cách nào đó có thể hủy hoại cả hai. Và thậm chí khi không làm tình, tôi sẽ nói chuyện cùng Matthew một cách cởi mở, thoải mái như các đôi tình nhân thường mơ ước.

Sáng hôm sau, Matthew kể với Galloglass và Pierre về Benjamin. Con giận dữ của Gallowglass trôi qua còn nhanh hơn nỗi sợ hãi của Pierre đang ngày càng gia tăng mỗi khi có ai đó gõ cửa hoặc tới gần tôi trong chợ. Các ma cà rồng tìm ngày tìm đêm trong khi Matthew lập kế hoạch cho những chuyến đi.

Tuy nhiên Benjamin không dễ bị tìm ra. Hẳn ta biến mất một cách dễ dàng.

Lễ Phục sinh đến rồi đi và những kế hoạch của chúng tôi dành cho lễ hội mùa xuân của Rudolf vào thứ bảy tiếp theo đã tới buổi tổng duyệt. Ông Hoefnagel và tôi đã biến sảnh lớn của cung điện thành một khu vườn ngập tràn hoa tuy-líp nở rộ. Tôi cảm thấy sợ cung điện này với những vòm công duyên đáng hỗ trợ cho phần mái vòm cung như những nhánh liễu.

“Chúng ta nên chuyển mấy cây cam của hoàng đế vào đây thì tốt hơn,” Hoefnagel nói, ánh mắt sáng rỡ với các khả năng có thể thực hiện. “Cả mấy con công trống nữa.”

Vào ngày trình diễn, người hầu mang tới tất cả đèn nến dự phòng trong cung điện và thắp sáng chúng bên trong các bức tường đá dài rộng phản quang nhằm tạo cảm giác một bầu trời đầy sao và khiến sàn nhà trải rộng ra mênh mông. Chúng tôi cũng sẽ sử dụng phần cầu thang dẫn lên nhà nguyện hoàng gia cho vở diễn. Đó là ý tưởng của Hoefnagel để tôi có thể xuất hiện trên đầu cầu thang giống như mặt trăng, trong khi Matthew vẽ lại sự thay đổi đường đi của tôi bằng chiếc thiên thể kế của Habermel.

“Ngài có nghĩ chúng ta quá triết học không?” Câu hỏi vang vọng khắp căn phòng và tôi lo lắng đưa tay che miệng.

“Đây là cung điện của Rudolf II,” Hoefnagel lạnh lùng đáp. “Việc như thế này chẳng có gì là quá triết học cả.”

Khi các quần thần tới dự yến tiệc, họ đều há hốc mồm ngạc nhiên trước khung cảnh mà chúng tôi sắp đặt.

“Họ thích đấy,” tôi thì thầm với Matthew từ phía sau cánh gà ngăn chúng tôi với đám đông. Lối

vào lớn được lên lịch phục vụ món tráng miệng, còn hai chúng tôi trốn trong lồng cầu thang Hiệp sĩ đợi phần sau. Matthew tiếp tục khiến tôi chú tâm vào những câu chuyện ngày xưa, khi anh còn cưỡi ngựa lên các bậc thang đá rộng để đấu thương. Lúc tôi hỏi anh căn phòng này có thích hợp cho mục đích ấy không, anh nhướn một bên lông mày nhìn tôi.

“Tại sao em nghĩ rằng chúng ta khiến căn phòng quá rộng và trần nhà quá cao? Mùa đông ở Praha lâu khủng khiếp và khiến những chàng trai kia buồn chán với vũ khí thì thật hiểm nguy. Để họ chạy nhanh còn tốt hơn là bắt đầu chiến tranh với các vương quốc láng giềng.”

Sự huyền ảo trong căn phòng nhanh chóng trở nên ỉn ỏi, nhức óc nhờ rượu tràn trề và thức ăn thừa thãi. Khi món tráng miệng được dọn đi, Matthew và tôi di chuyển về vị trí của mình. Ông Hoefnagel đã tô vẽ vài cảnh đồng quê đáng yêu cho Matthew và miễn cưỡng cắt cử anh ngồi phía dưới một cây cam, bên trên một cái ghế đấu được bọc-vải-da với ngụ ý là một hòn đá. Tôi phải đợi đến lời ám hiệu thì tiến ra khỏi cánh gà và đứng sau một cánh cửa gỗ được mở rộng hai bên, cũng được tô điểm giống một chiếc xe ngựa.

“Anh không dám làm em cười đâu,” tôi đe dọa Matthew khi anh hôn lên má tôi lấy may.

“Em đánh cược không,” anh thì thầm đáp lời.

Khi các giai điệu vang lên lấp đầy căn phòng, đám quần thần dần dần im lặng. Tới lúc cả căn phòng hoàn toàn yên tĩnh, Matthew giơ cao chiếc thiên thể kể lên vòm trời và vở nhạc kịch bắt đầu.

Tôi quyết định cách tiếp cận tuyệt vời nhất tới tác phẩm đòi hỏi giảm tối thiểu hội thoại và tăng tối đa khiêu vũ. Về điều này thì chẳng ai muốn ngồi yên sau một bữa tối linh đình và lắng nghe những bài diễn văn dài dòng cả, phải không? Tôi đã dự nhiều sự kiện hàn lâm đủ để biết chuyện đó chẳng hay ho chút nào. Signor Pasetti rất vui mừng được dạy các quý bà một “điệu nhảy của các ngôi sao lang thang,” và Matthew sẽ có thứ để quan sát trong lúc chờ đợi vầng trăng yêu quý của anh xuất hiện. Những người đẹp nổi tiếng với quần áo lông lầy dát vàng dát bạc cùng các món trang sức tham gia vào buổi giải trí khiến vở nhạc kịch nhanh chóng chuyển thành giai điệu vở diễn tại trường học và kết thúc trước vẻ mặt hài lòng của các ông bố bà mẹ. Matthew nhăn nhó như thể anh không thể chịu đựng quang cảnh trước mặt thêm một khắc nào nữa.

Khi điệu nhảy kết thúc, các nhạc công mở đường cho tôi bằng vài nhịp trống ầm ĩ và tiếng kèn trum-pét om sòm. Ông Hoefnagel đã dựng một tấm rèm trước cửa vào nhà nguyên, tôi chỉ cần đi xuyên qua nó cùng vẻ rực rỡ sáng chói như một nữ thần (mà không có hình trăng lưỡi liềm bằng vải trên đầu như trong buổi tập) và nhìn xuống Matthew đầy khao khát. Anh, con người mà nữ thần ao ước, sẽ quan sát tôi chăm chú đầy say mê mà không hề chớp mắt hay nhìn ngó vào bộ ngực khêu gợi của tôi.

Tôi dành một lúc để nhập vai, hít thở sâu rồi tự tin bước qua tấm rèm, cố gắng lướt đi bằng bình như mặt trăng.

Tất cả triều thần há hốc mồm ngạc nhiên.

Tôi cảm thấy hài lòng vì mình đã xuất hiện một cách thuyết phục nên nhìn xuống Matthew. Đôi mắt anh đang mở tròn xoe.

Ôi, không. Tôi có cảm giác các ngón chân chạm mặt sàn nhưng khá chắc chắn rằng người tôi đang lơ lửng bên trên đó vài phân và ngày càng cao hơn. Tôi vươn tay để neo giữ bản thân bên rìa xe kéo và phát hiện một quãng sáng màu ngọc trai có thể thấy rõ đang phát ra từ làn da của tôi. Matthew đột ngột ngẩng đầu nhìn về hướng vương miện của tôi cùng hình trăng lưỡi liềm nhỏ màu bạc. Nếu không có gương thì tôi chẳng biết chuyện gì đang diễn ra nhưng tôi sợ đó là điều tệ nhất.

“La Diosa!” Rudolf kêu lên và đứng bật dậy vỗ tay tán dương. “Tuyệt vời! Ấn tượng tuyệt vời!”

Triều thần ngập ngừng vỗ tay tham gia. Một vài người trong số họ đã trở nên nhiệt liệt. Cả căn phòng đang tập trung chú ý tới mình nên tôi cũng khẽ vỗ tay trước ngực và liếc xuống Matthew, anh đáp trả bằng ánh mắt ngưỡng mộ cùng một nụ cười ẩn ý. Tôi tập trung bản thân hạ thấp người xuống sàn để tiến tới ngai vàng của Rudolf. Ông ta đang đóng vai Zeus và sử dụng những mảnh nội thất được chạm khắc lộng lẫy mà chúng tôi tìm thấy trên gác mái của cung điện. Nó xấu xí không thể tưởng tượng nổi nhưng lại rất hợp với sự kiện này.

Sung sướng thay, người tôi không còn phát sáng khi tiến tới bên hoàng đế và các khán giả đã dừng nhìn lên đầu tôi như thể nó là một cây nến thời La Mã. Tôi nhún người cúi chào.

“Chào mừng La Diose,” Rudolf nói bằng giọng trầm vang với ngụ ý giống một vị thần, nhưng lại chỉ trở thành một ví dụ điển hình cho việc cường điệu hóa vai diễn.

“Tôi đã yêu chàng Endymion tốt bụng,” tôi nói rồi đứng thẳng người, ra hiệu về phía cầu thang, nơi Matthew đang chìm trong một chiếc giường bằng lông tơ êm ái và giả bộ ngủ. Tôi đã tự viết những dòng thoại này. (Matthew từng đề nghị tôi nói, “Nếu ngài không đồng ý để tôi yên thì Endymion sẽ xé xác ngài ra.” Nhưng tôi đã phản bác rằng câu này chỉ thuộc về Keats.) “Chàng đang an lành trong giấc ngủ. Cho dù tôi là một nữ thần bất tử thì Endymion sẽ sớm già nua và chết đi. Tôi van xin ngài hãy khiến chàng trở thành bất tử để chàng có thể ở bên tôi mãi mãi.”

“Với một điều kiện!” Rudolf hét to, hủy bỏ hình tượng một vị thần và oang oang nói bằng âm điệu bình thường. “Hắn ta phải ngủ suốt quãng thời gian còn lại và chẳng bao giờ được tỉnh giấc. Có như vậy hắn mới trẻ mãi.”

“Cảm tạ ngài, thần Zeus vĩ đại,” tôi cố gắng trả lời để không giống hài kịch kiểu Anh. “Giờ thì tôi có thể ngắm nhìn người mình yêu mãi mãi.”

Rudolf cau mày. Thật tốt vì ông ta không được biên tập kịch bản.

Tôi rút về phía chiếc xe và chầm chậm lui ra sau cánh gà khi các quý cô biểu diễn điệu nhảy cuối của họ. Sau khi điệu nhảy kết thúc, Rudolf dẫn theo đoàn triều thần nhảy thành vòng tròn, giậm chân thật mạnh và vỗ tay giòn vang, tưởng chừng có thể khiến mái vòm sập xuống. Nhưng điều đó cũng chẳng thể đánh thức Endymion.

“Dậy thôi!” Tôi hét lên khi ngang qua anh để tới nói lời cảm ơn hoàng đế vì đã cho chúng tôi cơ hội tiếp đãi dòng dõi hoàng gia của ông. Và anh đáp trả tôi bằng tiếng ngáy diễn kịch.

Nên một mình tôi tới nhún gối chào trước mặt Rudolf và phát biểu một bài diễn văn tán dương cái thiện thể kế của ông Habermel, sự sắp đặt của ông Hoefnagel và đặc biệt ca ngợi những hiệu ứng và chất lượng tuyệt vời của âm nhạc.

“Ta đã được đón tiếp một cách tuyệt vời, La Diosa – nhiều hơn những gì ta mong đợi. Nàng có thể hỏi xin thần Zeus một phần thưởng,” Rudolf nói, đôi mắt ông ta lướt từ vai tới bộ ngực nhô cao của tôi. “Bất cứ điều gì nàng mong muốn. Hãy nói ra và nó sẽ là của nàng.”

Những kẻ tán gẫu trong căn phòng bỗng im bật. Giữa âm thanh yên tĩnh đó, tôi nghe thấy những lời của Abraham: Cuốn sách sẽ đến với bà chỉ khi bà yêu cầu nó. Mọi chuyện có thể đơn giản vậy sao? Endymion đã rời khỏi chiếc giường êm ái. Tôi không muốn anh cản trở mình nên đưa tay ra sau lưng và vỗ nhẹ để nhắc anh quay lại với những giấc mộng của bản thân. Triều thần cùng nín thở, chờ đợi tôi nêu tên một tước vị có thanh thế, một mảnh đất hay một tài sản bằng vàng.

“Thần muốn xem cuốn sách giả kim thuật của Roger Bacon, thưa bệ hạ.”

“Cô quả là có những viên bi bằng sắt đấy,” Galloglass nói bằng giọng điệu khâm phục đầy ẩn ý khi họ trên đường về nhà. “Đừng để ý cách nói nhé.”

“Tại sao chứ, cảm ơn,” tôi hài lòng đáp. “Mà nhận tiện, có điều gì xảy ra trên đầu tôi trong buổi ca kịch vậy? Mọi người cứ nhìn nó chăm chăm.”

“Những ngôi sao li ti bay lên khỏi hình mặt trăng và dần biến mất. Cháu chẳng lo lắng đâu. Hình ảnh đó quá thật nên mọi người sẽ nghĩ chỉ là ảo ảnh. Gần như tất cả thành viên hoàng gia của Rudolf là con người mà.”

Câu trả lời của Matthew thì thận trọng hơn. “Đừng vội thỏa mãn, mon coeur. Rudolf có thể không còn lựa chọn nào khác ngoài đồng ý trong hoàn cảnh đó, nhưng ông ta sẽ không đưa ra bản viết tay đâu. Em đang tham gia một điều nhảy vô cùng phức tạp. Và em có thể tin chắc rằng hoàng đế sẽ muốn thứ gì đấy từ em để đáp trả việc nhìn lướt qua cuốn sách của ông ta.”

“Vậy chúng mình sẽ phải chạy thật xa trước khi ông ta khăng khăng đòi điều đó,” tôi nói. Tuy vậy, Matthew nói đúng, cần phải thận trọng. Tôi đã tưởng tượng ra cả hai sẽ được mời tới xem kho báu vào ngày hôm sau trong vòng bí mật. Nhưng lời mời mãi chưa tới. Nhiều ngày trôi qua chúng tôi mới được mời dùng bữa tối tại cung điện cùng vài nhà thần học công giáo tiến bộ. Sau đó, lá thư hứa hẹn, một nhóm được lựa chọn sẽ trở lại phòng Rudolf để xem những món đồ của các tôn giáo và bí ẩn đặc biệt được bổ sung vào bộ sưu tập của hoàng đế. Trong số các vị khách có Johannes Pistorious, người đã lớn lên theo thuyết Lu-ti, cải đạo sang thuyết Can-vin và giờ trở thành một giáo sĩ Công giáo.

“Chúng ta đang bị sắp đặt,” Matthew nói, hết vuốt tóc ra sau rồi lại hất ra trước. “Pistorius là một gã nguy hiểm, một kẻ thù nhẵn tâm và một phù thủy. Hắn sẽ quay lại đây trong mười năm tới để nghe lời xưng tội của Rudolf.”

“Có thật hắn đang được chuẩn bị để vào Đại Hội Đồng?” Gallowglass khẽ hỏi.

“Chẳng sao cả,” tôi nhẹ nhàng nói. “Tuy nhiên lão ta chưa phải là thành viên Đại Hội Đồng mà là anh. Nếu hắn ta có mong muốn đó thì cũng chẳng có cơ hội nào để gây rắc rối khi anh đang quan sát chứ?”

“Xuất sắc – hoặc Rudolf sẽ không yêu cầu hắn dùng bữa với chúng ta. Hoàng đế đang lôi kéo các phe tham chiến và tập trung quân đội của mình.”

“Chính xác thì ông ta muốn đánh nhau vì cái gì vậy?”

“Bản viết tay – và em. Gã sẽ không bỏ cuộc đâu.”

“Em đã nói trước với anh rằng em không phải hàng hóa rao bán, cũng không phải chiến lợi phẩm.”

“Không, nhưng em đang ở vị trí không bị đòi hỏi mặc dù có liên quan tới Rudolf. Ông ta là một hoàng tử nước Áo, vua của Hungary, Croatia và Bohemia, bá tước của Moravia và Hoàng Đế La Mã Thần Thánh. Hơn nữa, ông ta là cháu họ của vua Philip Tây Ban Nha. Dòng họ Hapsburg là một gia đình háms lợi và thích đua tranh, họ sẽ không dừng lại khi chưa đạt được thứ họ muốn.”

“Matthew không làm nũng đâu, thưa cô,” Gallowglass ử rử nói khi tôi định phản đối. “Nếu cô mà là vợ cháu thì cô đã rời khỏi Praha từ cái ngày món quà đầu tiên được gửi tới rồi.”

Vì tình hình nhay cảm nên Pierre và Gallowglass hộ tống chúng tôi tới cung điện. Ba ma cà rồng và một phù thủy gây ra nhiều làn sóng phấn khích khi chúng tôi hướng vào cái sảnh lớn

mà một thời Matthew từng giúp thiết kế.

Rudolf sắp xếp chỗ tôi ngồi gần ông ta và Gallowglass nhận lấy vị trí sau ghế của tôi như một người hầu lịch sự. Matthew được xếp ngồi đối diện phía cuối bàn tiệc với sự phục vụ của Pierre. Đối với một người quan sát bình thường thì Matthew đang có quãng thời gian tuyệt vời giữa đám quý bà khàn giọng và các chàng trai trẻ đang hăm hở kiểm tìm một mẫu hình hăng hái hơn hoàng đế. Tiếng cười của Gales đôi lúc trôi dạt về phía chúng tôi từ đám đông ganh đua của Matthew nhưng cũng chẳng làm tâm trạng khổ sở của bệ hạ khá hơn chút nào.

"Vì dị giáo và những thứ không chính thống phải bị đánh bật hoàn toàn, thừa bệ hạ. Mặt khác, chúng vẫn luôn tìm những mảnh đất mới để sinh sôi nảy nở." Đôi mắt sụp mí của Pistorius nhìn về phía tôi, cái liếc mắt của gã như đang thăm dò. Con mắt thứ ba của tôi mở ra và cảm thấy căm phẫn trước những nỗ lực thô lỗ của gã nhằm chiếm lấy sự chú ý của tôi, chúng tạo ấn tượng giống như phương pháp mà Champier đã thực hiện nhằm truy tìm các bí mật của tôi. Tôi bắt đầu không thích những phù thủy được hưởng nền giáo dục đại học. Tôi đặt con dao xuống và quay ra chăm chú nhìn gã. Cuối cùng Pistorius phải là người chấm dứt trước.

"Phụ hoàng của ta tin rằng lòng khoan dung là cách xử sự khôn ngoan hơn," Rudolf đáp lời.

"Và người đã nghiên cứu sự khôn ngoan của người Do Thái về phép thần thông. Mà những người đàn ông của Chúa sẽ gọi là dị giáo."

Tầm nghe của Matthew không cho phép anh theo dõi sát sao cuộc hội thoại của tôi một cách mãnh liệt như Sárka truy đuổi con gà của cô nàng. Anh cau mày.

"Chồng tôi nói ông là một thầy thuốc, ông Pistorius." Cuộc đàm thoại này không hề êm ái nhưng lại có mục đích riêng.

"Đúng vậy, thưa bà Roydon. Hoặc đã từng, trước khi tôi chuyển mối quan tâm từ bảo quản xác chết sang cứu rỗi các linh hồn."

"Danh tiếng của cha Johannes dựa trên các phương pháp chữa trị bệnh dịch hạch," Rudolf nói.

"Tôi chỉ đơn thuần là một phương tiện thuận theo ý Chúa. Chỉ có Người mới thực là người chữa được bách bệnh," Pistoriu khiêm tốn nói. "Trong tình yêu với chúng ta, Người đã tạo ra rất nhiều phương thuốc tự nhiên có hiệu quả thần kỳ đối với những cơ thể kém hoàn hảo này."

"À đúng rồi. Ta vẫn nhớ lời ủng hộ của ngài dành cho các viên sỏi kết tụ trong dạ dày bò như một thứ thuốc chữa bách bệnh. Gần đây ta đã gửi La Diosa một viên sỏi của mình khi bà ấy ốm." Rudolf mỉm cười hài lòng.

Pistorius đang nghiên cứu tôi. "Phương pháp điều trị của người rõ ràng là có hiệu quả, thừa bệ hạ."

"Đúng vậy. La Diosa đã hoàn toàn hồi phục. Cô ấy trông rất khỏe mạnh," Rudolf nói, môi dưới của ông ta trề ra một chút khi ngắm nghía tôi. Hôm nay, tôi mặc một chiếc váy dài đơn giản màu đen, được thêu chỉ trắng đi kèm một chiếc áo choàng nhung đen. Chiếc cổ áo xếp nếp mỏng như nhung đổ ra bên ngoài, để lộ viên hồng ngọc rực rỡ trên dây chuyền hình rồng lửa của Matthew, nó làm bộ trang phục tối tăm của tôi có chút màu sắc. Rudolf tập trung quan sát mảnh đá quý tuyệt đẹp. Ông ta cau mày và ra hiệu cho một đầy tớ.

"Thật khó nói rằng viên sỏi kết tụ trong dạ dày bò hay thứ thuốc trộn mật của hoàng đế Maximilian có hiệu quả hơn," tôi nói và nhìn về phía bác sĩ Hájek cầu khẩn trong lúc Rudolf vẫn thì thầm trao đổi. Ông ta đang đánh chén món tráng miệng thứ ba, liền giật mình ho ra miếng thịt bê nhỏ vừa nuốt, Hájek cố vẻ xoay sở được với tình hình này.

“Tôi tin là nhờ thứ thuốc trộn mật, bác sĩ Pistorius ạ,” Hájek thừa nhận. “Tôi đã chuẩn bị nó trong một chiếc cốc làm từ sừng của loài ngựa một sừng. Hoàng đế Rudolf tin rằng điều đó giúp gia tăng hiệu quả.”

“La Diosa cũng uống thuốc trộn mật từ chiếc thìa làm bằng sừng nữa,” Rudolf nói, đôi mắt liếc thật lâu trên môi tôi, “để thêm chắc chắn.”

“Chiếc cốc và thìa đó sẽ là một trong những vật đặc biệt ta được xem tối nay trong phòng báu vật của người phải không, thưa bệ hạ?” Pistorius hỏi. Bầu không khí giữa tôi và gã phù thủy kia đột ngột kêu lách tách rạn nứt. Các sợi tơ bao quanh gã thầy-thuốc-giáo-sĩ kia nổ bung ra thành màu đỏ hung tợn và màu cam bạo lực, cảnh báo tôi về mối nguy hiểm. Sau đó hắn mỉm cười. Ta không tin người, đồ phù thủy, hắn thì thầm trong đầu tôi. Cũng không tin gã sẽ-là nhân tình của người, hoàng đế Rudolf.

Món lợn rừng ngon lành tôi đang nhai được thêm nếm chút lá hương thảo và hạt tiêu đen mà theo hoàng đế là được đun cùng máu, ngay lập tức như trở thành rác trong miệng tôi. Thay vì đem lại cảm giác ngon miệng, nó khiến máu tôi lạnh giá.

“Có chuyện gì không ổn sao?” Gallowglass thì thầm và cúi thấp xuống vai tôi. Cậu ta đưa tôi một chiếc khăn quàng nào đó mà tôi không hề biết.

“Pistorius đã được mời lên tầng xem cuốn sách,” tôi quay đầu về phía cậu ta và nói bằng thứ tiếng Anh tốc độ để giảm thiểu nguy cơ bị nghe hiểu được. Gallowglass có mùi muối biển và bạc hà, một sự kết hợp giữa chắc khỏe và vững dạ. Nhờ đó, thần kinh của tôi trở nên vững tâm hơn.

“Để đó cho cháu,” cậu ta đáp lại và siết lấy vai tôi. “Còn nữa, cô đang hơi tỏa sáng đó, thưa cô. Tốt hơn hết là không một ai được trông thấy các ngôi sao tối nay.”

Sau khi đã bắn lời đe dọa sang tôi, Pistorius chuyển hướng cuộc đối thoại về chủ đề khác, hứa hẹn sẽ nổ ra một cuộc tranh luận sôi nổi với bác sĩ Hájek về phương pháp điều trị của thuốc mỡ tiêu độc. Rudolf chia thời gian làm hai nửa, lúc thì trộm nhìn tôi với vẻ u ám, lúc thì thoáng liếc qua Matthew. Càng gần tới lúc chúng tôi được nhìn thấy Ashmole 782, tôi càng ít ngon miệng hơn, nên quyết định quay sang trò chuyện đôi chút với các quý phu nhân bên cạnh. Cuối cùng bữa yến tiệc kết thúc sau khoảng năm lượt thức ăn, bao gồm một buổi diễu hành đám công mạ vàng và một hoạt cảnh thịt lợn nướng đi kèm thịt lợn sữa.

“Em có vẻ nhợt nhạt,” Matthew nói, thoăn thoắt đưa tôi rời khỏi bàn.

“Pistorius điều tra em.” Gã này nhắc tôi nhớ tới Peter Knox và Champier bởi các lý do tương tự. ‘Du côn trí tuệ’ là lời miêu tả hoàn hảo nhất cho tất cả bọn họ. “Gallowglass nói sẽ lo việc đó.”

“Thảo nào Pierre theo chân cậu ta.”

“Pierre sẽ làm gì?”

“Để đảm bảo Pistorius toàn mạng mà ra khỏi đây,” Matthew phấn khởi nói. “Nếu để mặc Gallowglass thì cậu ta sẽ siết cổ gã và ném vào Stag Moat để sư tử ăn vặt lúc nửa đêm. Cậu cháu trai của anh bảo vệ em chẳng kém gì anh đâu.”

Rudolf mời các vị khách đi cùng mình vào phòng riêng bên trong: phòng trưng bày riêng mà Matthew và tôi đã ngắm bức tranh trang trí sau bàn thờ của Bosch. Ottavio Strada gặp chúng tôi tại đó để dẫn đi tham quan qua bộ sưu tập và trả lời các câu hỏi.

Khi chúng tôi tiến vào căn phòng, bức tranh trang trí sau bệ thờ của Matthew vẫn đặt chính

giữa chiếc bàn bọc-vải-màu-xanh-cây. Rudolf đã sắp đặt rải rác các vật khác xung quanh để chuyển tham quan của chúng tôi thêm thú vị. Trong lúc các vị khách còn ồ ồ quanh bức tranh của Bosch thì tôi đảo mắt lướt qua căn phòng. Vài cái chén làm bằng đá quý khá ấn tượng, một sợi dây chuyền trắng men dùng trong dịp lễ, một cái sừng dài được cắt ra từ ngựa một sừng, mấy bức tượng và một quả hạt chàm khắc theo lối Seychelles, sự hòa trộn tuyệt vời giữa sự đắt tiền, khả năng chữa bệnh và vẻ kỳ lạ. Tuy vậy chẳng có bản viết tay giả kim thuật nào.

“Nó đâu rồi?” Tôi hỏi Matthew, trước khi anh kịp trả lời, tôi đã cảm thấy một bàn tay ấm áp chạm lên cánh tay mình. Matthew bỗng cứng đờ.

“Ta có quà cho nàng, puerida diosa.” Hơi thở của Rudolf đậm mùi hành tây cùng rượu vang đỏ, ngay lập tức, dạ dày của tôi chao đảo phản đối mùi này. Tôi quay người, mong chờ được trông thấy Ashmole 782. Nhưng thay vào đó, hoàng đế giơ ra chuỗi vòng trắng men. Tôi chưa kịp từ chối thì ông ta đã quàng nó qua đầu tôi và đặt trên hai vai. Tôi nhìn xuống, trông thấy một con rắn ngậm đuôi màu xanh treo trên chuỗi chữ thập đỏ, được đính dày đặc ngọc lục bảo, hồng ngọc, kim cương và ngọc trai. Màu sắc lấp lánh của nó nhắc tôi nhớ tới viên đá quý ông Maisen đã cho Benjamin.

“Món quà đó tặng cho vợ thần có phần kỳ lạ thừa bệ hạ.” Matthew nhẹ nhàng nói. Anh đang đứng ngay sau hoàng đế và nhìn vào sợi dây chuyền bằng vẻ mặt khó chịu. Đây là sợi dây chuyền thứ ba của tôi theo cùng một kiểu và tôi biết hẳn phải có một ý nghĩa nào đó đằng sau biểu tượng này. Tôi nâng vòng tròn con rắn ngậm đuôi lên để nghiên cứu lớp trắng men. Nó không hẳn là một con rắn ngậm đuôi bởi nó có chân, giống như một con thần lùn hay rồng lửa hơn là rắn. Một chữ thập đỏ đậm máu nổi lên trên phần da lưng của con thần lùn. Quan trọng hơn nữa, chiếc đuôi không được ngậm vào miệng mà vòng quanh họng con thần lùn và thắt cổ nó.

“Đây là dấu hiệu của sự tôn trọng, ông Roydon.” Rudolf nhấn mạnh cái tên một cách tinh tế. “Sợi dây này từng thuộc về vua Vladislaus và đã được truyền cho bà của ta. Biểu tượng này thuộc về một hội các hiệp sĩ người Hungary dũng cảm được biết đến như Dòng tu Diệt Rồng.”

“Rồng ư?” Tôi yếu ớt thốt lên, vội nhìn sang Matthew. Với những cái chân ngắn bè bè, đây có lẽ đúng là một con rồng. Nhưng mặt khác nó tương đối giống gia huy của nhà de Clermont – ngoại trừ con rắn đang chết dần chết mòn trong đau đớn. Tôi nhớ tới lời thề của Herr Fuchs – sẽ tàn sát những con rồng bất cứ đâu hẳn tìm thấy chúng.

“Rồng tượng trưng cho kẻ thù của chúng ta, đặc biệt những kẻ mong muốn can thiệp vào các đặc quyền của hoàng gia.” Rudolf nói bằng một giọng điệu bài ngoại, nhưng thực tế nó là lời tuyên chiến đối với toàn bộ gia tộc de Clermont. “Ta sẽ rất vui nếu lần tới bà đeo nó vào triều.” Ngón tay Rudolf chạm nhẹ vào con rồng trên ngực tôi và nấn ná ở đó. “Vậy là bà có thể để mấy con kỳ giông Pháp nhỏ bé này ở nhà rồi.”

Ánh mắt Matthew vẫn gắn chặt vào con rồng và ngón tay của vị hoàng đế, tối sầm lại khi Rudolf nhấn mạnh lời nhạo báng về những con kỳ giông Pháp. Tôi cố gắng suy nghĩ giống Mary Sidney để tìm một lời đáp vừa thích hợp với thời điểm này lại vừa có thể làm chàng ma cà rồng bình tĩnh lại. Tôi sẽ xử lý với cảm giác bị lãng nhục nữ quyền sau vậy.

“Thần có đeo món quà của người hay không đều tùy thuộc vào phu quân của thần, thưa bệ hạ,” tôi lạnh lùng đáp, buộc mình tránh xa khỏi ngón tay của Rudolf. Tôi nghe thấy những tiếng thở hắt, vài tiếng xì xào thì thầm. Nhưng phản ứng duy nhất tôi quan tâm là của Matthew cơ.

“Anh không thấy có lý do nào em không nên mang nó cho tới hết buổi tối hôm nay, mon coeur,” Matthew trả lời vẻ tán thành. Anh không còn quan tâm chuyện đại sứ của nữ hoàng nước Anh lại nghe giống một quý tộc Pháp. “Xét cho cùng, kỳ giông và rồng đều là họ hàng thân thích. Cả hai đều sẽ chịu tôi luyện trong lửa để bảo vệ những gì chúng yêu. Và hoàng đế thật độ lượng sẽ cho em xem cuốn sách của ngài.” Matthew nhìn quanh. “Mặc dù có vẻ như Signor

Strada vẫn tiếp tục thiếu năng lực, vì cuốn sách vẫn không có ở đây.” Một cây cầu khác cháy lên phía sau chúng tôi.

“Chưa được, chưa được,” Rudolf thăm dò nói. “Ta còn một thứ nữa để tặng La Diosa. Hãy đến xem quả hạch đào được chạm khắc đến từ Maldives. Nó là món độc nhất vô nhị đấy.” Mọi người ngoại trừ Matthew đều lũ lượt tuân theo đi về hướng Strada chỉ. “Cả ông nữa, Herr Roydon.”

“Dĩ nhiên rồi,” Matthew lẩm bẩm đáp, bắt chước giọng điệu của mẹ anh một cách hoàn hảo. Anh chậm rãi thung thủng theo sau đám đông.

“Ta đã đặc biệt yêu cầu vài thứ ở đây. Cha Johannes đã giúp đỡ tìm về vật báu này.” Rudolf nhìn quanh phòng nhưng chịu chết không thấy Pistorius đâu. Ông ta cau có. “Signor Strada, ông ấy đâu rồi?”

“Thần đã không thấy ông ấy kể từ lúc chúng ta rời khỏi Đại sảnh, thưa bệ hạ,” Strada trả lời.

“Người!” Rudolf chỉ vào một tên hầu. “Đi tìm ông ấy ngay!” Người đàn ông chạy đi ngay lập tức. Hoàng đế thu lại vẻ điềm tĩnh và chuyển sự chú ý sang món đồ lạ lùng trước mặt chúng tôi. Nó trông giống một tác phẩm chạm khắc thô tục về một người đàn ông khỏa thân. “La Diosa, đây là một cái nam căn trong truyền thuyết của xứ Eppendorf. Một thế kỷ trước, một phụ nữ đã đánh cắp cây chủ được hiến cho các thánh trong nhà thờ và trồng nó dưới ánh sáng trăng tròn để làm tăng thêm sự màu mỡ cho khu vườn của bà ta. Sáng ngày hôm sau họ phát hiện ra một cây bắp cải khổng lồ.”

“Mọc ra từ cây chủ ư?” Chắc chắn trong quá trình chuyển ngữ vài thứ đã bị lược mất, nếu không thì tôi chắc mình đã cực kỳ hiểu sai bản chất bữa Tiệc Thánh của Cơ Đốc giáo. Cây Dianæ là một chuyện. Cây brassicæ lại hoàn toàn khác.

“Đúng thế. Đó là một điều kỳ diệu. Và khi cây bắp cải được đào lên, bộ rễ của nó có hình dạng tương tự cơ thể của Chúa.” Rudolf giờ thứ đó ra cho tôi xem. Nó được đội một cái mũ miện bằng vàng khảm ngọc trai. Có lẽ cái đó đã được thêm vào sau.

“Tuyệt diệu,” tôi nói, cố gắng nhìn và nói một cách thích thú.

“Ta muốn bà thấy nó một phần vì nó tương tự một bức tranh trong cuốn sách bà đề nghị xem. Tìm Edward đi, Ottavio.”

Edward Kelley bước vào, ôm chặt cuốn sách bọc da vào ngực. Ngay khi vừa trông thấy nó, tôi đã biết. Cả cơ thể tôi đang râm ran nhức nhối khi cuốn sách còn trên đường băng qua căn phòng. Sức mạnh của nó như có thể sờ thấy được – còn mạnh hơn nhiều so với lúc nó ở Bodleian vào cái đêm tháng Chín đã khiến cả cuộc đời tôi thay đổi.

Đây chính là cuốn cổ thư thất lạc của Ashmole – trước khi nó thuộc về Elias Ashmole và trước khi nó mất tích.

“Bà sẽ ngồi đây với ta, chúng ta cùng nhau xem cuốn sách này.” Rudolf ra hiệu về phía cái bàn và hai chiếc ghế được sắp đặt theo kiểu mặt đối mặt. “Đưa ta cuốn sách nào, Edward.” Rudolf chìa tay ra, và Kelley miễn cưỡng đặt cuốn sách vào tay hoàng đế.

Tôi chiếu một ánh mắt thăm dò nhìn Matthew. Sẽ ra sao nếu cuốn cổ thư bắt đầu phát sáng như hồi ở Bodleian hay hành xử một cách lạ lùng theo cách nào đó? Còn nếu tôi không thể ngăn tâm trí mình khỏi băn khoăn thắc mắc về cuốn sách hay các bí mật của nó thì sao? Một phép thuật bột phát lúc này cũng sẽ là tai họa.

Đây là lý do chúng ta ở nơi này, cái gậy đầu tự tin của anh ngụ ý đáp lại.

Tôi ngồi xuống cạnh hoàng đế, Strada dẫn các cận thần quanh phòng hướng tới chỗ bộ sùng kỳ lân. Matthew vẫn lảng vảng gần hơn. Tôi nhìn chăm chăm vào cuốn sách trước mặt mình, thật không dám tin giây phút này đã đến khi tôi cuối cùng sẽ được thấy Ashmole 782 trọn vẹn và hoàn toàn.

“Thế nào?” Rudolf hỏi. “Bà sẽ mở nó ra chứ?”

“Tất nhiên rồi,” tôi đáp, kéo cuốn sách lại gần hơn. Không có ánh sáng lấp lánh phát ra từ các trang sách. Để so sánh, tôi đặt cả bàn tay lên bìa một lúc, y như tôi đã làm khi tìm được Ashmole 782 từ kho sách thư viện. Khi đó nó đã thở dài lúc nhận ra tôi, như thể đã chờ đợi tôi xuất hiện từ rất lâu rồi. Còn lần này cuốn sách vẫn nằm im lìm.

Tôi lật mở tấm bảng gỗ được ẩn trong lớp bọc bao bên ngoài bìa trước, để lộ ra trang giấy da trắng trơn. Tâm trí tôi chạy đua hồi tưởng lại những gì mình đã thấy vài tháng trước. Đây là trang giấy mà trên đó Ashmole và cha tôi một ngày nào đó sẽ viết tựa đề cho cuốn sách.

Tôi lật qua trang đó và cảm nhận được cùng cái cảm giác nặng nề kỳ lạ trước đây. Khi trang sách mở hẳn ra, tôi thở hổn hển.

Trang sách đầu tiên bị mất của Ashmole 782 là bức hình minh họa rực rỡ vẽ một cái cây. Thân cây vắn thẳng và khúc khuỷu, dày dặn nhưng uốn quanh co. Các cành cây tỏa ra trên đỉnh, vắn xoắn rẽ ngoặt tỏa ra khắp trang giấy, điểm kết thúc là những tán lá, trái chín đỏ tươi, và những bông hoa cùng kết hợp lại. Nó giống cây Dianæ mà Mary đã dùng máu của Matthew và tôi để tạo nên.

Khi cúi người xuống gần hơn, hơi thở của tôi nghẹn lại nơi cuống họng. Thân cây này không phải được làm từ gỗ, nhựa cây, và vỏ cây. Nó được tạo ra từ hàng trăm xác người – một số thì quần quai trong đau đớn, một số lại bình thản ôm chặt người lại, những kẻ khác thì đơn độc và sợ hãi.

Ở cuối trang sách, được viết tay vào cuối thế kỷ mười ba, là tựa đề do Roger Bacon đặt: Bí Mật Thật Sự của Các Bí Mật.

Cánh mũi Matthew phập phồng như thể anh đang cố nhận diện một mùi hương. Cuốn sách có một mùi kỳ lạ – cùng cái mùi ẩm mốc mà tôi đã thấy lúc ở Oxford.

Tôi giở sang trang. Đây là bức hình đã được gửi cho cha mẹ tôi, nó được ngôi nhà Bishop cất giữ suốt nhiều năm trời: phượng hoàng đang che chở hôn lễ hóa học dưới đôi cánh của nàng, trong khi các con thú thần thoại và thuộc về hóa học chứng kiến cho sự kết hợp liên minh giữa Mặt Trời và Mặt Trăng.

Matthew có vẻ bị sốc, lúc này anh đang nhìn trừng trừng vào cuốn sách. Tôi cau mày. Anh vẫn đang ở quá xa không thể thấy nó rõ ràng. Điều gì làm anh ấy kinh ngạc đến thế?

Tôi mau chóng lật qua bức tranh hôn lễ hóa học. Trang sách thứ ba bị mất hóa ra là hình hai con rồng hóa học, đuôi của chúng bện xoắn lại và thân hình thì khóa chặt vào nhau trong dáng vẻ vừa như chiến đấu lại vừa như âu yếm – không thể nói rõ được là trạng thái nào. Một cơn mưa máu tuôn ra từ vết thương của chúng, đọng lại trong một cái chậu mà từ đó nảy ra hàng tá thân hình xanh xao trần trụi. Tôi chưa bao giờ thấy một hình ảnh hóa học giống như thế.

Matthew đứng nhìn qua vai hoàng đế, còn tôi hy vọng cơn choáng váng của anh sẽ chuyển thành phần khích khi trông thấy những hình ảnh mới này và tiến gần đến việc giải quyết các bí ẩn của cuốn sách. Nhưng anh trông như thể nhìn thấy ma vậy. Một bàn tay trắng đưa lên che kín miệng và mũi. Khi tôi nhú mày thắc mắc, Matthew gật đầu với tôi, dấu hiệu báo rằng tôi nên tiếp tục.

Tôi hít vào một hơi thật sâu và giở sang trang sách là những hình ảnh hóa học lạ lùng đầu tiên mà tôi đã thấy khi ở Oxford. Đúng như mong đợi, đây là hình ảnh đứa bé gái cùng với hai bông hồng. Điều bất ngờ là từng centimet khoảng không xung quanh đứa bé được phủ đầy chữ viết. Đó là một sự trộn lẫn kỳ quái giữa các biểu tượng và vài chữ cái thừa thớt. Ở Bodleian văn bản này đã bị ẩn đi bởi một bùa chú biến cuốn sách thành một cuốn sách cổ bị yểm phép thuật. Lúc này, với cuốn sách còn nguyên vẹn, văn bản bí mật này hoàn toàn được thấy trọn vẹn. Mặc dù có thể nhìn thấy rõ nó, nhưng tôi vẫn không thể đọc được nó.

Các ngón tay tôi lần theo những dòng chữ. Sự đụng chạm của tôi không khiến các từ ngữ biến chúng thành một khuôn mặt, một hình dáng hay một cái tên nào. Dường như văn bản viết này đang cố gắng kể một câu chuyện liên quan tới hàng ngàn sinh vật sống.

“Ta sẽ tặng cho nàng bất cứ thứ gì nàng yêu cầu,” Rudolf nói, hơi thở nóng hổi của ông ta phả vào má tôi. Một lần nữa tôi ngửi thấy mùi hành và rượu. Chẳng giống chút nào với mùi hương sạch sẽ hào nhoáng của Matthew. Mà sự ấm áp của Rudolf cũng thật khó chịu vì giờ đây tôi đã quen với nhiệt độ mát mẻ của ma cà rồng mất rồi. “Tại sao bà lại lựa chọn thứ này? Không thể nào hiểu được nó, mặc dù Edward tin rằng nó chứa đựng một bí mật vĩ đại.”

Một cánh tay dài với qua giữa hai chúng tôi và nhẹ nhàng chạm vào trang sách. “Tại sao ư, điều này cũng vô nghĩa như cuốn sách mà người đã lên lút lấy đi từ tiến sĩ Dee tội nghiệp.” Về mặt Matthew ngược hoàn toàn với những lời anh nói. Rudolf có thể không nhìn thấy những thớ thịt đang nổi lên nơi quai hàm của Matthew hay không biết những nếp nhăn quanh mắt anh hằn sâu đến thế nào khi anh tập trung chú ý.

“Không cần thiết,” tôi vội vàng nói. “Các văn bản hóa học đòi hỏi phải nghiên cứu và ngẫm nghĩ kỹ càng nếu người muốn hiểu chúng hoàn toàn. Có lẽ nếu thần có thêm thời gian với nó...”

“Cho dù thế thì người đó phải được Chúa ban ân đặc biệt,” Rudolf nói, cau có nhìn Matthew. “Edward được Chúa chỉ lối theo những cách mà ông không có vinh hạnh đâu, Herr Roydon.”

“Ồ, ông ta được chỉ dẫn ồ ồ cả,” Matthew nói, quét mắt qua Kelley. Nhà giả kim thuật người Anh bây giờ đang hành động lạ lùng, cuốn sách không thuộc sở hữu của hắn. Có những sợi chỉ tơ nổi hằn với cuốn sách. Nhưng tại sao Kelly lại gắn kết với Ashmole 782?

Khi câu hỏi này lướt qua tâm trí tôi, những sợi tơ đẹp để màu vàng và trắng buộc nổi Kelley với Ashmole 782 bỗng có diện mạo mới. Thay vì hai màu sắc xoắn chặt lại thông thường hoặc một làn sóng những sợi chỉ tơ nằm theo chiều ngang và chiều thẳng đứng, thì những sợi này lại cuộn lỏng lẻo xung quanh một trục vô hình, giống như những sợi ruy băng xoắn lộn trên món quà sinh nhật. Những sợi tơ ngắn nằm ngang tiếp tục cuộn lộn từ chỗ tiếp xúc. Trông giống như...

Một hình xoắn ốc đôi. Bàn tay tôi vụt đưa lên che miệng, tôi nhìn trừng trừng xuống cuốn sách. Giờ khi tôi đã chạm vào cuốn sách rồi, mùi ẩm mốc của nó vẫn còn vương trên các ngón tay. Nó thật nồng, gắt, giống như...

Máu và thịt. Tôi nhìn Matthew, biết rằng biểu hiệu trên mặt mình đã phản chiếu lại đúng cái nhìn choáng váng mà tôi thấy trên mặt anh.

“Em trông không được khỏe, mon coeur,” anh lo lắng nói, giúp tôi đứng dậy. “Để anh đưa em về nhà.” Edward Kelley chọn đúng thời điểm này mà mất kiểm soát.

“Tôi nghe thấy những giọng nói của họ. Họ nói bằng thứ ngôn ngữ mà tôi không thể hiểu được. Các người có nghe thấy tiếng họ không?”

Hắn ta rên rỉ khốn khổ, hai tay bụng chặt lấy tai.

“Các vị đang huyền thuyên chuyện gì thế?” Rudolf nói. “Bác sĩ Hájek, Edward không ổn rồi.”

“Người cũng sẽ tìm thấy tên mình trong đó,” Edward nói với tôi, giọng hằn cằn lớn hơn, như thể hắn đang cố gắng át đi các âm thanh khác. “Ta biết ngay khoảnh khắc trông thấy người.”

Tôi nhìn xuống. Những sợi chỉ xoắn lộn cũng trói lấy tôi vào quyển sách – chỉ có điều của tôi là màu trắng và tím oải hương. Matthew bị buộc nối với nó bằng những sợi xoắn màu đỏ và trắng.

Gallowglass xuất hiện, không thông báo trước cũng chẳng được mời. Một tên lính gác lực lưỡng theo sau anh chàng, tay ôm siết lấy cánh tay mềm oặt của chính hắn.

“Ngựa đã sẵn sàng,” Gallowglass thông báo với chúng tôi, ra hiệu về phía lối ra.

“Người không được phép vào đây!” Rudolf hét lên, cơn giận dữ bốc lên khi những kế hoạch sắp đặt cẩn thận của ông ta tan rã. “Còn bà, La Diosa, không được phép rời khỏi đây.”

Matthew tuyệt nhiên chẳng thêm để ý tới Rudolf. Anh chỉ đơn giản cầm lấy cánh tay tôi và sỏi bước về phía cửa. Tôi có thể cảm thấy cuốn cổ thư đang níu kéo tôi, những sợi chỉ trái căng ra kéo tôi trở về bên cạnh nó.

“Chúng ta không thể để lại cuốn sách. Nó...”

“Anh biết nó là cái gì,” Matthew gằn giọng.

“Ngăn chúng lại!” Rudolf gào lên.

Nhưng tên lính canh với cánh tay bị gãy đã ăn đủ với một ma cà rồng giận dữ tối nay rồi. Hắn sẽ không cố thách thức số mệnh bằng cách ngáng đường Matthew. Thay vào đó hắn trợn trừng đảo mắt rồi thả mình xuống sàn ngất xỉu.

Gallowglass choàng áo khoác lên vai tôi khi chúng tôi đâm bổ xuống cầu thang. Thêm hai tên lính nữa – cả hai đều bất tỉnh – nằm dưới chân cầu thang.

“Quay trở lại lấy cuốn sách đi!” Tôi ra lệnh cho Gallowglass, gần như nghẹt thở vì chiếc coóc-xê bó chặt và tốc độ di chuyển băng qua sân lâu đài. “Giờ chúng ta không thể để Rudolf có nó một khi đã biết nó là cái gì.”

Matthew dừng lại, các ngón tay anh ấn sâu vào cánh tay tôi. “Chúng ta sẽ không rời khỏi Praha này mà không có cuốn sách. Anh sẽ quay lại lấy nó, anh hứa. Nhưng trước hết chúng ta phải về nhà đã. Em phải chuẩn bị cho bọn trẻ sẵn sàng để rời đi ngay khi anh trở lại.”

“Chúng ta đã tự chặt đứt đường của mình rồi, cô ạ,” Gallowglass dữ dằn nói. “Pistorius bị nhốt trong Tháp Trắng. Cháu đã giết một lính gác và làm bị thương ba tên khác. Rudolf đã khiếm nhã chạm vào cô như vậy, và cháu cũng có một khao khát mãnh liệt muốn thấy hắn chết.”

“Câu không hiểu đâu, Gallowglass. Cuốn sách đó có thể là đáp án cho mọi điều,” tôi cố tìm cách chỉ rõ ra trước khi Matthew lại bắt tôi di chuyển.

“Ôi, cháu hiểu nhiều hơn cô tưởng đấy.” Giọng Gallowglass thoáng trong làn gió bên cạnh tôi. “Cháu nhận thấy mùi của nó từ dưới lầu khi hạ gục mấy tên lính. Có các wearth bị chết trong cuốn sách đó. Cả phù thủy và yêu tinh nữa, cháu cam đoan đấy. Có ai tưởng tượng nổi Cuốn Sách Sự Sống bị mất ấy lại bốc mùi chết chóc lên tận thiên đàng cơ chứ?”

“Ai sẽ làm chuyện như thế chứ?” Hai mươi phút sau, tôi đang run lấy bầy bên cạnh lò sưởi trong căn phòng chính ở tầng một, tay siết chặt một cốc vại trà thảo mộc. “Thật kinh khủng!”

Giống hầu hết các cuốn cổ thư, Ashmole 782 được làm từ giấy da – loại da đặc biệt đã được chuẩn bị sẵn, ngâm trong nước vôi để tẩy hết lông, nạo hết các lớp thịt và mỡ dưới da đi, sau đó lại ngâm trước khi đem trải lên một cái khung, rồi nạo thêm vài lần nữa.

Sự khác biệt là ở đây, những sinh vật được dùng làm giấy da không phải là cừu, bò, hay dê mà là yêu tinh, ma cà rồng và phù thủy.

“Chắc nó được lưu giữ như một kỷ lục.” Matthew vẫn đang cố lý giải cho những gì chúng tôi đã thấy.

“Nhưng đó là hàng trăm trang sách,” tôi hoài nghi nói. Ý nghĩ có ai đó đang lột biết bao nhiêu da của yêu tinh, ma cà rồng và phù thủy để làm giấy thật sự không thể hiểu nổi. Tôi không dám chắc từ nay mình còn có thể ngủ ngon cả đêm được nữa không.

“Điều đó có nghĩa là cuốn sách ấy chứa hàng trăm mẫu DNA khác biệt.” Matthew luồn các ngón tay cào tóc nhiều đến mức trông anh bắt đầu giống một con nhím.

“Các sợi chỉ xoắn nối chúng ta với Ashmole 782 trông giống như những sợi xoắn kép,” tôi nói. Chúng tôi phải giải thích các kiến thức di truyền học hiện đại cho Gallowglass, dù không có bốn thế kỷ rưỡi tri thức về sinh vật học và hóa học xen vào, anh chàng cũng đang cố hết sức mình để theo kịp.

“Vây D-N-A giống như một cây phả hệ, các cành lá bao phủ rộng hơn một gia đình phải không?” Gallowglass đọc to “DNA” một cách chậm rãi, với một khoảng nghỉ ngắn giữa mỗi chữ cái.

“Đúng vậy,” Matthew nói. “Đại khái là thế.”

“Anh có trông thấy cái cây ở trang đầu tiên không?” Tôi hỏi Matthew. “Thân cây được tạo nên từ các xác người, còn cái cây đang ra hoa, kết trái và trở lá y hệt như cây Dianæ chúng ta tạo ra trong phòng thí nghiệm của Mary.”

“Không, nhưng anh đã thấy sinh vật ngậm đuôi trong miệng nó,” Matthew nói.

Tôi luống cuống cố gắng hồi tưởng lại những gì đã thấy, nhưng trí nhớ của tôi đã thất bại khi tôi cần nó nhất, có quá nhiều thông tin mới cần hấp thụ.

“Bức hình vẽ hai sinh vật đang đánh nhau – hay âu yếm nhau ấy, em không thể nói rõ là cái nào vì em không có cơ hội đếm số chân của chúng. Máu chúng rơi xuống, sản sinh ra hàng trăm sinh vật, mặc dù nếu một trong hai con không phải là rồng bốn chân mà là rắn...”

“Và một con là rồng lửa có hai chân, vậy thì những con rồng hóa học đó có thể tượng trưng cho em và anh.” Matthew chửi thề, tuy ngăn ngui nhưng cũng đầy cảm xúc.

Gallowglass kiên nhẫn lắng nghe cho tới khi chúng tôi đã nói xong, quay trở lại chủ đề ban đầu của anh chàng. “Còn D-N-A này, nó tồn tại trong da chúng ta à?”

“Không chỉ da thôi đâu, mà cả trong máu, xương, tóc, móng tay và móng chân của cháu – trên khắp cơ thể,” Matthew giải thích.

“Hừm.” Gallowglass vuốt cằm. “Thế chính xác cô định hỏi gì khi nói cuốn sách này có thể có tất

cả đáp án?”

“Tại sao chúng ta lại khác loài người,” Matthew đáp gọn. “Và tại sao một phù thủy như Diana có thể mang thai đứa con của một wearh.”

Gallowglass tặng cho chúng tôi một nụ cười rạng rỡ. “Chú muốn nói đến con của chú, Matthew. Cháu biết rõ là có thể cô đã mang thai lúc ở London. Cô chẳng bao giờ có mùi giống bất kỳ ai khác ngoài mùi của chính cô ấy – và chú. Philippe có biết không?”

“Rất ít người biết,” tôi đáp nhanh.

“Hancock biết, vậy thì Françoise và Pierre cũng biết. Cháu đoán Philippe chắc cũng biết rồi.” Gallowglass đứng dậy. “Vậy thì cháu sẽ đi tìm cuốn sách của cô về. Nếu nó liên quan tới những đứa trẻ của nhà de Clermont thì chúng ta phải có nó.”

“Rudolf sẽ khóa kỹ nó lại hoặc ôm nó lên giường ngủ cùng,” Matthew dự đoán. “Sẽ không mang nó ra khỏi cung điện dễ dàng đâu, đặc biệt là nếu bọn họ đã tìm thấy Pistorius và gã chắc đã ra ngoài yểm bùa hay làm những trò ma quái rồi.”

“Nói đến hoàng đế Rudolf, cô có thể bỏ cái vòng cổ xuống không? Cháu ghét cái huy hiệu đầm máu ấy.”

“Rất vui lòng,” tôi nói rồi đưa tay giật sợi dây chuyền xuống và ném món đồ lòe loẹt đó lên bàn. “Chính xác thì Dòng Tu Diệt Rồng có liên quan gì với người nhà de Clermont vậy? Em đoán chắc bọn họ chẳng phải bạn bè gì với các Hiệp sĩ Lazarus, căn cứ vào những con rắn khổng lồ bị lột da và tự thắt cổ.”

“Chúng căm ghét bọn anh đến chết,” Matthew thẳng thắn nói. “Nhà Drăculești không tán thành tầm nhìn thông suốt của cha anh về Đạo Hồi và người Ottoman, đã thề sẽ đánh đổ tất cả bọn anh. Bằng cách đó, chúng có thể thỏa mãn những tham vọng chính trị không kiểm soát được của mình.”

“Và chúng muốn tiền của nhà de Clermont,” Gallowglass nhận xét.

“Nhà Drăculești ư?” Giọng tôi mệt mỏi. “Nhưng Dracula là nhân vật trong truyền thuyết – kẻ gieo rắc nỗi sợ hãi về ma cà rồng.” Đó là truyền thuyết của loài người về ma cà rồng.

“Vlad Rồng – kẻ đứng đầu gia tộc đó sẽ ngạc nhiên đấy,” Gallowglass bình luận, “mặc dù hẳn sẽ vui sướng khi biết được mình đang gieo rắc sự kinh hãi cho mọi người.”

“Dracula của loài người – con trai của Rồng nổi tiếng là Kẻ Xiên Người – là hậu duệ duy nhất của Vlad,” Matthew giải thích.

“Kẻ Xiên Người là một thằng con hoang ghê tởm. May mắn là giờ hắn đã chết, và tất cả những gì chúng ta phải lo lắng là về cha hắn, các anh em của hắn cùng những tên đồng minh Báthory của chúng.” Gallowglass có phần hớn hờ.

“Theo những ghi chép của loài người, Dracula đã sống nhiều thế kỷ, vì thế có thể hắn vẫn đang sống. Có chắc chắn là hắn thật sự đã chết rồi không?” Tôi hỏi.

“Cháu đã quan sát Baldwin xé toạc đầu hắn ra và thiêu nó cách xa phần thân xác còn lại ba mươi dặm. Vậy thì hẳn thực sự đã chết, giờ thì thật sự chết rồi.” Gallowglass nhìn tôi quở trách. “Cô nên biết rõ hơn là tin vào mấy câu chuyện của con người chứ. Chúng chẳng bao giờ có được nhiều hơn một đốm bụi sự thật trong đó.”

“Em nghĩ Benjamin cũng có một cái huy hiệu rồng này. Herr Maisel đã đưa cho nó và em nhận ra sự tương đồng về màu sắc khi lần đầu tiên hoàng đế đưa nó ra.”

“Cháu bảo với ta Benjamin đã rời Hungary rồi mà,” Matthew buộc tội cậu cháu trai.

“Đúng ạ, cháu thề. Baldwin đã ra lệnh cho anh ấy rời khỏi hoặc sẽ phải chịu chung số phận như Kẻ Xiên Người. Đáng lẽ chú nên nhìn thấy mặt này của Baldwin. Ác quỷ cũng sẽ không dám trái lời anh trai chú.”

“Ta muốn tới lúc mặt trời mọc, tất cả chúng ta đã ở cách xa Praha nhất có thể,” Matthew cứng rắn nói. “Có gì đó rất sai lầm, ta có thể ngửi thấy mùi của nó.”

“Đó có lẽ không phải ý hay đâu, chú không biết đêm nay thế nào sao?” Gallowglass hỏi. Matthew lắc đầu. “Lễ Walpurgisnacht. Bọn họ đang đốt lửa mừng khắp thành phố và thiêu hình nộm phù thủy – dĩ nhiên là trừ phi bọn họ có thể tìm thấy một phù thủy thật sự.”

“Chúa ơi.” Matthew lại điên cuồng cào xới mái tóc. “Ít nhất các đám lửa cũng đánh lạc hướng phần nào. Chúng ta phải tìm ra cách chọc thủng phòng tuyến canh gác của Rudolf, đột nhập vào khu phòng riêng của hắn và tìm cuốn sách. Sau đó, dù có đốt lửa hay không, chúng ta sẽ ra khỏi thành phố.”

“Chúng ta là wearh, Matthew, nếu có kẻ nào có thể đánh cắp nó thì chính là chúng ta,” Gallowglass tự tin nói.

“Sẽ không dễ dàng như cháu nghĩ đâu. Chúng ta có thể vào, nhưng sẽ ra được không?”

“Cháu có thể giúp, ông Roydon ời.” Giọng Jack vang lên như tiếng sáo du dương, so với giọng ồm ồm nam trầm của Gallowglass và giọng nam trung của Matthew. Matthew quay sang cau có với thằng bé.

“Không, Jack,” anh nói kiên quyết. “Cháu sẽ không trộm cắp bất cứ thứ gì, nhớ chưa? Hơn nữa, cháu mới chỉ tới tàu ngựa của cung điện thôi, cháu sẽ không biết đi đâu để tìm cả.”

“A... sự thật thì không hẳn thế.” Gallowglass có vẻ không thoải mái. “Cháu đã mang thằng bé tới nhà thờ và Đại Sảnh để xem các bức biếm họa chú từng vẽ trên các bức tường của Cầu Thang Các Hiệp Sĩ. Thằng bé cũng đến khu bếp hoàng cung rồi. Ồ,” Gallowglass nói tiếp sau khi ngẫm nghĩ thêm, “Dĩ nhiên là Jack cũng đã tới khu nhốt bầy thú xiếc rồi. Sẽ thật độc ác nếu không để cho thằng bé xem bầy thú.”

“Thằng bé cũng đến lâu đài cùng với tôi nữa,” Pierre nói vọng vào từ ngoài cửa. “Tôi không muốn một ngày nào đó, nó đi phiêu lưu và bị lạc đường.”

“Và anh đã đưa nó đi đâu, Pierre?” Giọng Matthew lạnh buốt. “Phòng thiết triều, để nó có thể nhảy nhô nhảy nhào lên ngai vàng hả?”

“Không, milord. Tôi đã đưa thằng bé tới tiệm lò rèn gặp ông Hoefnagel.” Pierre rướn thẳng người, sử dụng hết mức chiều cao tương đối khiêm tốn để trọn mắt nhìn ông chủ mình. “Tôi nghĩ, thằng bé nên cho ai đó có tài năng thực sự trong lĩnh vực này xem những bức tranh của nó. Ông Hoefnagel hết sức ấn tượng và đã vẽ một bức chân dung thằng bé bằng bút mực để tặng nó làm phần thưởng.”

“Pierre cũng cho cháu đến khu phòng của lính gác,” Jack lí nhí. “Đó là nơi cháu lấy được cái này.” Thằng bé giơ lên một chùm chìa khóa. “Cháu chỉ muốn xem con kỳ lân thôi, vì cháu không thể tưởng tượng một con kỳ lân leo lên các vì sao trông như thế nào và nghĩ rằng chúng hẳn phải có cánh. Thế nên ông Gallowglass đã chỉ cho cháu xem Cầu Thang Các Hiệp Sĩ – cháu rất thích bức vẽ con hươu đang chạy của ông, ông Roydon ạ. Lính gác đang trò chuyện, cháu không thể hiểu hết mọi thứ, nhưng họ nhắc tới từ einhorn, và cháu nghĩ có thể họ biết nó ở đâu, và...”

Matthew nắm lấy hai bờ vai của Jack và khom người xuống để mắt cả hai gặp nhau. “Cháu có

biết họ sẽ làm gì nếu bắt được cháu không?” Chồng tôi tỏ vẻ sợ sệt như một đứa bé.

Jack gật đầu.

“Và việc nhìn thấy một con kỳ lân đáng bị đánh đòn không?”

“Trước đây cháu đã bị đánh rồi, nhưng cháu chưa bao giờ trông thấy một con thú huyền thoại cả, ngoại trừ con sư tử trong khu nhốt thú làm xiếc của hoàng đế, và con rồng của bà Roydon.” Jack trông hoảng hốt và vội đưa tay lên bịt miệng mình lại.

“Vậy là cháu cũng đã trông thấy thứ đó à? Praha đúng là nơi để mở mang tầm mắt đấy.” Matthew đứng dậy và chìa tay ra. “Đưa cho ta chìa khóa nào.” Jack miễn cưỡng làm như được bảo. Matthew cúi đầu chào thẳng bé. “Ta nợ cháu lần này, Jack.”

“Nhưng cháu đã là người xấu,” Jack thì thầm nói và xoa xoa móng như thể vừa cảm thấy sự trừng phạt mà Matthew nói tới.

“Ta thì lúc nào cũng là người xấu,” Matthew thú nhận. “Nhưng đôi khi những điều tốt đẹp lại đến từ đó.”

“Vâng, nhưng không có ai đánh đòn ông cả,” Jack nói, vẫn cố gắng để hiểu cái thế giới xa lạ, nơi mà những người đàn ông trưởng thành lại nợ những thằng nhóc bé con và người anh hùng của nó lại không hề hoàn hảo gì.

“Cô đã chứng kiến cha Matthew từng đánh đòn chú ấy bằng một thanh kiếm.” Đôi cánh của rồng lửa vỗ nhẹ nhàng trong lồng ngực tôi thể hiện sự tán thành lặng lẽ. “Sau đó ông hạ gục và đứng lên trên chú ấy.”

“Ông ấy chắc hẳn phải to lớn như con gấu Sixtus của hoàng đế,” Jack nói, kinh sợ trước ý nghĩ có người nào đó chế ngự được Matthew.

“Đúng thế đấy,” Matthew nói, gầm lên giống như con gấu được nói tới. “Quay về giường ngay bây giờ.”

“Nhưng cháu lanh lợi và nhanh nhẹn,” Jack vẫn cự nự. “Cháu có thể lấy được cuốn sách của bà Roydon mà không để ai trông thấy mình.”

“Ta cũng có thể làm vậy, Jack,” Matthew hứa.

Matthew và Gallowglass từ cung điện trở về, người đầy máu, đất bẩn, bồ hóng – và mang theo Ashmole 782.

“Anh lấy được nó rồi!” Tôi la lên. Annie và tôi vẫn đang đợi ở tầng một. Chúng tôi đã đóng gói hành lý trong các túi xách nhỏ với những món đồ thiết yếu cho chuyến đi.

Matthew mở bìa sách ra. “Ba trang đầu tiên đã biến mất.”

Cuốn sách mới mấy tiếng trước còn nguyên vẹn, giờ đã bị phá hỏng, các văn tự chạy loạn trên trang giấy. Tôi dự định, khi nó đã nằm trong tay chúng tôi, sẽ dùng các ngón tay lướt trên chữ cái và ký hiệu để xác định ý nghĩa của nó. Nhưng giờ thì không thể bởi ngay khi đầu ngón tay tôi chạm vào trang sách, các từ ngữ tủa ra khắp các hướng.

“Bọn anh tìm thấy Kelley ở cùng cuốn sách, hẳn đang khom người trên nó và ngân nga hát như một gã điên.” Matthew ngừng một chút. “Cuốn sách lúc ấy đang nói chuyện đáp lại.”

“Chú nói thật đấy thưa cô, cháu cũng nghe thấy, mặc dù chẳng hiểu gì.”

“Vậy cuốn sách thực sự đang sống,” tôi lẩm bẩm.

“Và cũng thật sự đã chết nữa,” Gallowglass nói, chạm vào bìa bọc. “Nó là một thứ ma quỷ đồng thời cũng đầy quyền năng.”

“Khi Kelley phát hiện ra bọn anh, hẳn ra sức kêu gào và bắt đầu xé các trang sách ra. Lính gác đã ập vào trước khi anh kịp tới chỗ hẳn, nên anh phải lựa chọn giữa cuốn sách và Kelley.” Matthew ngập ngừng. “Anh đã làm đúng phải không?”

“Em nghĩ vậy,” tôi nói. “Khi em tìm thấy cuốn sách ở Anh, nó đã bị hỏng rồi. Nhưng có lẽ tìm các trang sách bỏ trốn kia trong tương lai sẽ dễ dàng hơn bây giờ.” Phương tiện tra cứu hiện đại và các danh mục thư viện sẽ là sự trợ giúp to lớn vì tôi biết mình đang tìm kiếm cái gì.

“Miễn là các trang sách chưa bị phá hủy,” Matthew nói. “Nếu trường hợp đó xảy ra...”

“Vậy thì chúng ta sẽ không bao giờ biết được toàn bộ bí mật của cuốn sách. Cho dù thế đi nữa, phòng thí nghiệm hiện đại của anh có thể tiết lộ từ những gì còn lại, để ta biết được nhiều điều hơn chúng ta tưởng tượng lúc mới bắt đầu cuộc truy lùng này.”

“Vậy là em đã sẵn sàng để trở về à?” Matthew hỏi, một tia sáng lóe lên trong mắt nhưng anh đã làm nó dịu đi một cách nhanh chóng. Là sự phấn khích ư? Hay khiếp sợ?

Tôi gật đầu. “Đến lúc rồi.”

Chúng tôi bỏ chạy khỏi Praha dưới ánh sáng của những đồng lửa hội. Vào dịp lễ Walpurgisnacht, các sinh vật đồng đạo của chúng tôi còn đang lẩn trốn, họ không muốn bị đám người ăn chơi chè chén bắt gặp, để phòng trường hợp bỗng nhận ra mình bị ném lên giàn hỏa thiêu lúc nào không biết.

Nước Biển Bắc lạnh cóng nên chỉ thuyền bè đi lại được, băng tan mùa xuân đã phá vỡ lớp băng đá ở cảng. Tàu thuyền đang rời bến đến Anh, thế nên chúng tôi có thể bắt một con thuyền đi mà không bị trì hoãn gì. Dù vậy, khi chúng tôi rời khỏi bờ biển châu Âu, thời tiết lại mưa bão.

Dưới boong thuyền, tôi tìm thấy Matthew đang nghiên cứu cuốn sách. Anh đã phát hiện ra nó được khâu lại bằng những sợi tóc dài.

“Dieu,” anh lẩm bẩm, “thứ này có thể chứa không biết bao nhiêu thông tin di truyền nhỉ?” Trước khi tôi kịp ngăn lại, anh đã chạm đầu ngón tay út vào lưới, và rồi các giọt máu trút xuống từ mái tóc của đứa bé ở trang sách đầu tiên.

“Matthew!” Tôi hoảng hốt thốt lên.

“Đúng như anh nghĩ, trong mực có máu. Nếu thế thì anh có cơ sở đáng tin để đoán rằng, lá vàng và bạc trên những bức tranh minh họa này được làm từ xương của các sinh vật khác người.”

Con thuyền trôi trên dưới gió khiến da dầy tôi cũng chao đảo theo. Khi tôi trải qua cơn say sóng, Matthew ôm tôi trong vòng tay, cuốn sách nằm giữa hai chúng tôi, hơi hé mở và những dòng văn bản đang tìm kiếm chỗ của chúng theo đúng trật tự.

“Chúng mình đã làm gì thế này?” Tôi thì thầm.

“Chúng mình đã tìm thấy Cây Đời và Cuốn Sách Cuộc Sống, được gói trọn trong một thứ.” Matthew áp má lên tóc tôi.

“Khi Peter Knox nói với em, cuốn sách lưu giữ tất cả những câu thần chú khởi nguồn của phù thủy, em đã bảo hắt ta điên. Em đã không tưởng tượng nổi, có ai lại ngu ngốc đến mức đặt quá nhiều tri thức vào một nơi như thế.” Nói rồi tôi chạm vào cuốn sách. “Nhưng cuốn sách này còn chứa đựng nhiều hơn thế - và chúng ta vẫn không biết từ ngữ trong đó nói gì. Nếu nó rơi nhầm vào tay kẻ xấu ở thời đại của chúng ta...”

“Nó có thể được dùng để hủy diệt tất cả chúng ta.” Matthew nói nốt.

Tôi ngược lên nhìn anh. “Vậy chúng ta sẽ làm gì với nó đây? Mang nó về tương lai cùng chúng ta hay để nó lại đây?”

“Anh không biết, mon coeur.” Anh ôm tôi sát lại gần hơn, bóp nghẹt đi tiếng gió bão khi nó quất vào thân thuyền.

“Nhưng có thể cuốn sách này nắm giữ chìa khóa cho tất cả rắc rối của anh.” Tôi ngạc nhiên rằng, giờ đây, Matthew có thể tách nó ra để biết nó chứa đựng những gì bên trong.

“Không phải tất cả,” anh nói. “Có một câu hỏi chỉ duy nhất em mới có thể trả lời.”

“Là gì cơ?” Tôi cau mày hỏi.

“Em say sóng hay có mang vậy?” Ánh mắt Matthew nặng nề và dầy bão như bầu trời ngoài kia, cùng với những tia chớp lóe lên sáng rực.

“Anh biết rõ hơn em mà.” Chúng tôi làm tình mới chỉ có mấy ngày trước nhưng ngay sau đó, tôi nhận ra kinh nguyệt của mình bị chậm.

“Anh không trông thấy đứa bé trong máu của em hay vẫn chưa nghe thấy nhịp tim của nó, chỉ nhận thấy mùi hương của em có sự thay đổi. Anh nhớ nó từ lần cuối cùng ấy. Em không thể nào có thai hơn vài tuần được.”

“Em đã nghĩ, mình mang thai sẽ khiến anh vui vẻ hơn việc giữ rịt quyển sách ở bên cạnh anh cơ.”

“Có lẽ các câu hỏi của anh không cần lời giải đáp khẩn cấp như anh tưởng.” Để chứng minh quan điểm của mình, Matthew đặt cuốn sách xuống sàn, khuất khỏi tầm nhìn. “Anh đã nghĩ, nó sẽ cho anh biết mình là ai và tại sao anh lại ở đây. Có lẽ anh đã biết rồi.”

Tôi đợi anh giải thích.

“Sau tất cả những việc tìm kiếm và tra cứu, anh phát hiện ra rằng, anh vẫn luôn là chính anh: Matthew de Clermont. Một người chồng. Một người cha. Một ma cà rồng. Và anh ở đây vì một lý do duy nhất: Để làm nên một sự khác biệt.”

Peter Knox di chuyển lắt léo để tránh những vũng nước đọng trong sân tòa Tu Viện Strahov ở Praha. Hắn ta đang trong chuyến chu du vào mùa xuân hàng năm, đi một vòng quanh các thư viện ở vùng trung tâm và Đông Âu. Khi mức du khách và học giả ít nhất, Knox đi hết kho chứa cũ kỹ này tới kho chứa cũ kỹ khác để đảm bảo không có rủi ro gì xuất hiện trong mười hai tháng qua có thể là nguyên nhân gây nên rắc rối cho Đại Hội Đồng – hay cho chính hắn. Trong mỗi thư viện, hắn có một người đưa tin đáng tin cậy, một nhân viên có vị trí đủ cao để có quyền tự do đến gần các cuốn sách và cổ thư, nhưng không quá cao để sau đó có thể đưa ra yêu cầu chống đối với những thành viên đức cao vọng trọng của thư viện, mà chỉ đơn giản là... biến mất mãi mãi.

Knox thường xuyên tiến hành những chuyến viếng thăm như thế này, kể từ khi hắn hoàn thành học vị tiến sĩ và bắt đầu làm việc cho Đại Hội Đồng. Rất nhiều thứ đã thay đổi kể từ Thế Chiến II và cấu trúc điều hành của Đại Hội Đồng cũng đã điều chỉnh để theo kịp thời đại. Cùng với cuộc cách mạng giao thông vận tải vào thế kỷ mười chín, tàu hỏa và đường bộ đưa đến một phong cách cai quản mới, mỗi loài tự kiểm soát đồng loại của mình chứ không phải giám sát theo vị trí địa lý nữa. Điều đó nghĩa là có rất nhiều chuyến đi xa và thư từ viết tay, cả hai hình thức đều có thể được thực hiện trong Kỷ Nguyên Hơi Nước. Philippe de Clermont đã ứng dụng hiện đại hóa vào hoạt động điều hành của Đại Hội Đồng, mặc dù Knox vẫn nghi ngờ suốt một thời gian dài rằng, Phillippe làm thế là để bảo vệ các bí mật của ma cà rồng hơn là thúc đẩy sự tiến bộ.

Rồi sau đó, các cuộc chiến tranh thế giới làm gián đoạn thông tin liên lạc và mạng lưới giao thông, Đại Hội Đồng quay trở lại với cách thức hoạt động cũ. Tình thế đó phá vỡ thế giới thành nhiều lát cắt hợp lý hơn là để từng vùng theo dõi chéo một cá nhân cụ thể nào đó bị tố cáo là có hành vi sai trái. Không ai dám đề nghị một sự thay đổi triệt để như vậy khi Philippe còn sống. May mắn thay, người đứng đầu nhiệm của nhà de Clermont không còn quanh quẩn ở đó để chống đối nữa. Mạng internet và e-mail đe dọa sẽ khiến cho những chuyến đi như thế này trở nên không cần thiết, nhưng Knox thích truyền thống.

Tai mắt cài cắm của Knox ở Thư Viện Strahov là một người đàn ông trung niên có tên Pavel Skovajsa. Toàn thân ông ta rất một màu nâu, trông như tờ giấy ố màu, đeo một cặp kính từ thời Cộng Sản mà ông ta nhất quyết không thay, mặc dù không rõ sự cố chấp miễn cưỡng ấy là vì lý do lịch sử hay tình cảm cá nhân. Như thường lệ, hai người đàn ông gặp nhau ở nhà máy bia của tu viện, nơi đặt những chiếc bể chứa bằng đồng phát ra ánh sáng yếu ớt và làm ra một loại bia màu hổ phách tuyệt hảo, được đặt theo tên của Thánh Norbert, người đã an nghỉ ở một nơi gần đó.

Nhưng năm nay, Skovajsa đã thực sự tìm thấy một thứ gì đó.

“Đó là một lá thư bằng tiếng Do Thái cổ,” Skovajsa hạ giọng thì thầm trên điện thoại. Ông ta nghi ngờ công nghệ mới, không có điện thoại cầm tay và ghét cay ghét đắng e-mail. Đó là lý do ông ta được thuê để làm việc trong phòng lưu trữ, nơi mà phong cách tiếp cận với tri thức của ông ta sẽ không làm chậm tiến trình hướng tới hiện đại hóa của thư viện.

“Tại sao ông lại thì thà thì thầm thế hả Pavel?” Knox bức bối hỏi. Rắc rối duy nhất với Skovajsa là lão ta thích nghĩ mình là một gián điệp được đeo gót từ băng đá của thời kỳ Chiến Tranh Lạnh. Kết quả là lão hơi có chút hoang tưởng.

“Bởi vì tôi đã tách rời một quyển sách ra để lấy được nó, ai đó đã giấu nó bên dưới những trang cuối cùng ở bản in cuốn *De Arte Cabalistica* của Johannes Reuchlin,” Skovajsa giải thích, sự phấn khích của lão tăng lên. Knox nhìn đồng hồ đeo tay, còn quá sớm nên lão chắc chưa nổi cà phê. “Ông phải đến đây ngay. Nó đề cập đến giả kim thuật và người đàn ông xứ Anh đó làm việc cho Rudolf II. Có lẽ nó quan trọng đấy.”

Knox sắp lên chuyến bay kế tiếp rời khỏi Berlin. Và giờ thì Skovajsa đã lôi hẳn đến một căn phòng u ám, cầu bần, dưới tầng trệt của thư viện, được chiếu sáng bằng độc một bóng đèn trần leo lét.

“Có nơi nào thoải mái hơn để chúng ta bàn công việc không?” Knox hỏi, mắt nhìn chiếc bàn kim loại (cũng từ thời Cộng Sản) với vẻ nghi ngại. “Đó là món ragu à?” Hẳn chỉ vào một vết bẩn dính trên mặt bàn.

“Tai vách mạch rừng, sàn nhà cũng có mắt đấy.” Skovajsa chùi vết bẩn bằng viền chiếc áo len nâu của lão. “Ở đây chúng ta an toàn hơn. Ngồi đi, để tôi mang lá thư tới cho ông.”

“Cả cuốn sách nữa,” Knox nói cộc lốc. Skovajsa quay lại, ngạc nhiên trước giọng điệu của hẳn.

“Vâng, dĩ nhiên rồi, cả cuốn sách nữa.”

“Đó không phải là Nghệ Thuật của Kabbalah,” Knox nói khi Skovajsa quay trở lại. Mỗi lúc trôi qua, hẳn càng lúc càng bức bối hơn. Cuốn sách của Johannes Reuchlin mỏng và trang nhã, vật kỳ quái này phải có tới gần tám trăm trang. Khi đập nó xuống bàn, lực tác động rung suốt từ trên xuống dưới chân chiếc bàn kim loại.

“Không hẳn thế,” Skovajsa chống chế nói. “Nó là cuốn De Arcanis Catholicae Veritatis của Galatino, nhưng phần Reuchlin viết có trong đó.” Cách tiếp cận chi tiết và chính xác các thư mục là một trong những căn bệnh thâm căn của Knox.

“Trang tựa đề sách có những lời đề tặng bằng tiếng Do Thái Cổ, La tinh và tiếng Pháp.” Skovajsa lật toang trang bìa cuốn sách. Vì chẳng có gì chống đỡ cho gáy của cuốn sách lớn này, nên Knox không ngạc nhiên khi nghe thấy một tiếng rắc xui xẻo. Hẳn nhìn Skovajsa vẻ lo lắng. “Đừng lo,” nhân viên kỳ cựu làm công việc bảo quản sách trấn an hẳn, “nó không nằm trong danh mục. Tôi chỉ phát hiện ra nó vì nó được xếp cạnh một bản in khác trên giá của chúng tôi thôi. Cuốn sách đó chuẩn bị được đưa ra để đóng lại. Có lẽ nó lưu lạc đến đây do nhầm lẫn khi các cuốn sách của chúng tôi được mang trở lại vào năm 1989.”

Knox nghiêm túc kiểm tra trang đề tựa và những lời đề tặng của nó.

ללש קלחי ברעלו דע לכאי רקבב פרטי באז וימינב

Genesis 49:27

Beniamin lupus rapax mane comedet praedam et vespere

dividet spolia.

Benjamin est un loup qui déchire; au matin il dévore la

proie, et sur le soir il partage le butin.

“Đó là một bàn tay già nua, đúng không nhỉ? Và chủ nhân của nó rõ ràng rất có giáo dục,” Skovajsa nói.

“Benjamin sẽ cắn xé như một con sói: buổi sáng hẳn sẽ nuốt chửng con mồi, còn ban đêm hẳn sẽ chia của cướp được,” Knox ngâm nga đọc và không thấy những vần thơ này có gì liên quan với De Arcanis. Tác phẩm của Galatino là phát đạn khai hỏa cho cuộc chiến của Nhà Thờ Công Giáo chống lại đạo thần bí của người Do Thái – cũng cuộc chiến tranh đó đã dẫn tới việc thiêu hủy sách, các thủ tục thẩm tra và những cuộc săn lùng phù thủy vào thế kỷ mười sáu. Địa vị của Galatino có được nhờ vào lời tựa của ông ta: Xem xét các bí mật về sự thật của vũ trụ. Nhân việc cao hứng nhào nặn tư duy, Galatino tranh luận rằng, người Do Thái dự đoán được các giáo thuyết Ki Tô giáo và nghiên cứu về phép thần thông có thể giúp cho những nỗ lực của Thiên

Chúa giáo nhằm chuyển đổi người Do Thái sang đức tin chân chính.

“Có lẽ tên chủ nhân của cuốn sách này là Benjamin?” Skovajsa ngoái nhìn qua vai và chuyển cho Knox một tệp tài liệu. Knox vui mừng thấy nó không bị đóng dấu TUYỆT MẬT bằng chữ cái đỏ. “Và đây là lá thư. Tôi không biết tiếng Do Thái cổ, nhưng cái tên Edwardus Kellaeus và giả kim thuật – alchymia – được viết bằng tiếng La tinh.”

Knox lật trang sách ra. Hắn đang nằm mơ, hắn phải thế rồi. Lá thư này đề ngày mừng hai tháng Elul 5369 – tức ngày 1 tháng Chín năm 1609 theo niên lịch Công Giáo. Và nó được ký tên Yehuda ben Bezalel, một người đàn ông được biết đến nhiều nhất dưới cái tên Rabbi Judah Loew.

“Ông biết tiếng Hebrew phải không?” Skovajsa nói.

“Đúng thế.” Lần này đến lượt Knox thì thầm. “Đúng thế,” hắn lặp lại mạnh mẽ hơn và nhìn chăm chăm vào lá thư.

“Vậy à?” Skovajsa nói sau gần một phút im lặng trôi qua. “Nó nói gì vậy?”

“Có vẻ như một người Do Thái ở Praha đã gặp Edward Kelley và đang viết thư cho một người bạn để kể về chuyện đó.” Đó là sự thật – theo một cách nào đấy.

“Cầu chúc cuộc sống dài lâu và bình yên cho anh, Benjamin, con trai của Gabriel, bạn yêu dấu,” Rabbi Loew viết.

Tôi đã nhận được thư của anh gửi từ thành phố nơi tôi chôn nhau cắt rốn với niềm vui mừng khôn tả. Poznań hợp với anh hơn Hungary, nơi chẳng có gì chờ đợi ngoài sự thống khổ. Mặc dù tôi là một ông lão, nhưng lá thư của anh đã gợi lại cho tôi một cách rõ ràng những sự kiện kỳ lạ xảy ra vào mùa xuân năm 5351, khi Edwardus Kellaeus, nhà nghiên cứu giả kim thuật và là sủng thần của hoàng đế, đến gặp tôi. Hắn ta mê sảng lẫn lộn về một người đàn ông mà hắn đã giết và chuyện lính gác của hoàng đế chẳng mấy chốc sẽ bắt hắn vì tội giết người và mưu phản. Hắn đã tiên đoán trước về cái chết của mình và gào khóc, “tôi sẽ bị đầy đọa như thiên thần rơi vào địa ngục.” Hắn cũng nói về cuốn sách mà anh đang tìm kiếm, thứ bị đánh cắp từ hoàng đế Rudolf, như anh đã biết. Đôi khi Kellaeus gọi nó là Cuốn Sách Sáng Thế và có lúc là Cuốn Sách Cuộc Sống. Kellaeus khóc sụt sùi, nói rằng tận thế đang ở trước mắt chúng ta. Hắn cứ nhắc đi nhắc lại những câu quái gở, chẳng hạn như “Tất cả bắt đầu từ sự thiếu vắng và nỗi thèm khát,” “Tất cả bắt đầu với máu và nỗi sợ hãi,” “Tất cả bắt đầu với một khám phá về loài phù thủy,” và cứ nói mãi.

Trong sự điên loạn, thậm chí, Kellaeus đã xé đi ba trang từ Cuốn Sách Cuộc Sống này, trước khi nó bị lấy đi ở chỗ hoàng đế. Hắn đã để lại một trang cho tôi. Kellaeus cũng không kể cho tôi biết, ai là người hắn đã tặng những trang sách kia mà chỉ nói một cách khó hiểu về thiên thần chết chóc cùng thiên thần sự sống. Than ôi, tôi không biết cuốn sách giờ ở nơi nào, tôi cũng không còn giữ trang sách xé ra từ đó nữa mà đã tặng cho Abraham be Elijah để bảo quản nó an toàn. Ông ấy đã chết trong trận dịch hạch và trang sách có thể đã mất vĩnh viễn. Người duy nhất có thể hé lộ ánh sáng bí mật này chính là người tạo ra anh. Có lẽ hứng thú chữa lại cuốn sách bị hư hỏng này của anh sẽ mở rộng thành việc chữa lành những thiếu sót trong di truyền nòi giống của anh, giúp anh có thể tìm thấy sự bình yên bên người Cha đã cho anh cuộc sống và hơi thở. Cầu Chúa canh giữ cho linh hồn anh, gửi tới anh lòng yêu mến từ người bạn Yehuda của thành phố thần thánh Praha, con trai của Bezalel, ngày 2 tháng Elul 5369.

“Đó là tất cả ư?” Skovajsa nói sau một khoảng ngừng thật lâu. “Nó chỉ nói về một cuộc gặp mặt thôi ư?”

“Về bản chất là thế.” Knox làm một loạt tính toán chớp nhoáng trên mặt sau của tập thư mục. Loew chết năm 1609, Kelley đến thăm ông ta vào mười tám năm trước, mùa xuân năm 1591. Hắn lục tìm túi áo lấy điện thoại và nhìn vào màn hình với vẻ ghê tởm. “Ở đây không bắt được sóng à?”

“Chúng ta đang ở dưới lòng đất,” Skovajsa nói, nhún vai chỉ về phía mấy bức tường dày chắc chắn. “Vậy là tôi đã đúng khi kể với ông về thứ này à?” Lão liếm môi vẻ chờ mong.

“Ông làm tốt lắm, Pavel. Tôi sẽ lấy bức thư này và quyển sách.” Chúng là những món duy nhất Knox lấy đi từ thư viện Strahov.

“Tốt thôi. Tôi nghĩ nó xứng đáng với thời gian của ông, những thứ đề cập đến giả kim thuật.” Pavel cười nhún nhử.

Chuyện xảy ra tiếp theo thật đáng tiếc. Skovajsa thật bất hạnh, sau nhiều năm cầm trụ, không thành công trong việc tìm được thứ đáng giá cho Knox, chỉ bằng vài tiếng thì thăm và một cử chỉ nhỏ, Knox đã chắc chắn rằng, Pavel sẽ không bao giờ có thể chia sẻ những gì lão đã thấy với một sinh vật khác nữa. Knox không giết lão vì những lý do đạo đức và tình cảm. Giết chóc là phản ứng của một ma cà rồng, như hắn biết từ việc tìm thấy Gillian Chamberlain bị dựng đứng tựa vào cửa phòng hắn tại khách sạn Randolph mùa thu vừa rồi. Là một phù thủy, đơn giản, hắn chỉ việc thả cho cục máu đông đã ẩn sẵn trong bắp đùi Skovajsa tự do di chuyển lên trên não của lão. Một khi ở đó, nó sẽ gây ra một cơn đột quỵ. Sẽ mất vài giờ trước khi có người tìm thấy lão, và khi đó thì đã quá muộn để có kết quả tốt lành.

Knox quay trở về chỗ chiếc ô tô đã thuê cùng với cuốn sách sánh ngang với kinh thánh và lá thư được kẹp chặt an toàn dưới cánh tay. Khi đã đi đến đủ xa khỏi những rắc rối ở Strahov, hắn tập vào vệ đường và lấy lá thư ra bằng hai bàn tay run lẩy bẩy.

Mọi điều Đại Hội Đồng biết về cuốn sách bí ẩn của khởi nguyên – Ashmole 782 – là dựa trên những mẫu manh mối như thế này, bất cứ phát hiện mới nào đều làm tăng thêm rất nhiều hiểu biết cho bọn họ. Và lá thư này còn chứa đựng nhiều hơn một đoạn miêu tả ngắn gọn về cuốn sách cùng vài manh mối úp úp mở mở về sự quan trọng của nó. Ở đây có tên tuổi, ngày tháng, và một tiết lộ đáng kinh ngạc rằng, cuốn sách Diana Bishop đã xem ở Oxford đã bị thất lạc mất ba trang.

Knox xem lướt qua lá thư một lần nữa. Hắn muốn biết nhiều hơn nữa – để chắt lọc mọi thông tin hữu ích tiềm ẩn từ nó. Lần này, những câu từ chắc chắn là rõ nghĩa: thiếu sót trong di truyền nòi giống của anh; người Cha đã cho anh cuộc sống và hơi thở; người tạo ra anh. Lần đầu tiên đọc, Knox cho rằng Loew đang nói về Chúa, nhưng đến lần thứ hai, hắn đi đến một kết luận hoàn toàn khác. Knox nhắc điện thoại và bấm một con số duy nhất.

“Oui.”

“Ai là Benjamin be Gabriel?” Knox hỏi độp ngay.

Một khoảng im lặng hoàn toàn.

“Chào Peter,” giọng Gerbert xứ Aurillac cất lên. Bàn tay rảnh rỗi của Knox co lại thành nắm đấm trước lời đáp trả ôn tồn kia – phản ứng quá điển hình đối với những ma cà rồng trong Đại Hội Đồng. Chúng nói chuyện về sự chân thành và hợp tác, nhưng chúng đã sống quá lâu và biết quá nhiều. Giống như tất cả những con dã thú săn mồi, chúng không hề vui vẻ khi chia sẻ những miếng mồi sẵn được.

“Benjamin ngẫu nhiên như một con sói. Tôi biết Benjamin ben Gabriel là một ma cà rồng. Hắn là ai?”

“Chẳng quan trọng đâu.”

“Ông biết chuyện gì đã xảy ra ở Praha vào năm 1591 không?” Knox gắng hỏi.

“Rất nhiều chuyện, nhưng ông bạn không thể hy vọng tôi thuật lại từng sự kiện, như một thầy giáo dạy lịch sử được.”

Knox nghe thấy một sự rung động nhẹ trong giọng nói của Gerbert, điều mà chỉ người hiểu rõ gã ma cà rồng mới nắm bắt được. Gerbert, tên ma cà rồng đáng kính không bao giờ lơ lửng, đang bồn chồn lo lắng.

“Trợ lý của tiến sĩ Dee, Edward Kelley, đã có mặt ở thành phố này năm 1591.”

“Chúng tôi đã biết chuyện này trước đây. Đó là sự thật. Đại Hội Đồng từng tin rằng, Ashmole 782 có thể nằm trong thư viện của Dee, nhưng tôi đã gặp Edward Kelley ở Praha, khi những nghi ngờ đó lần đầu được khơi lên vào mùa xuân năm 1586. Tiến sĩ Dee có một cuốn sách đầy những hình ảnh nhưng nó không phải của chúng ta. Sau đó, chúng tôi đã lần theo mọi thứ có xuất xứ từ thư viện của Dee để chắc chắn. Như vậy, Elias Ashmole không sở hữu cuốn cổ thư thông qua Dee hay Kelley.”

“Ông sai rồi, Kelley đã có cuốn sách vào tháng Năm năm 1590.” Knox ngừng một chút. “Và hẳn đã xé nó. Cuốn sách Diana Bishop thấy ở Oxford đã bị thất lạc ba trang.”

“Ông biết gì không Peter?” Gerbert lạnh lùng hỏi.

“Ông biết gì hả Gerbert?” Knox không thích gã ma cà rồng này, nhưng bọn họ là đồng minh đã nhiều năm. Cả hai gã đàn ông đều hiểu rằng, một biến cố thay đổi lớn sắp xảy ra cho thế giới. Hậu quả là sẽ có người thắng kẻ thua, không kẻ nào muốn bị gạt ra ngoài.

“Benjamin be Gabriel là con trai của Matthew Clairmont,” Gerbert miễn cưỡng nói.

“Con trai hẳn?” Knox điếng người lặp lại. Benjamin de Clermont không nằm trên bảng phả hệ ma cà rồng trau chuốt nào mà Đại Hội Đồng lưu giữ.

“Đúng, nhưng Benjamin đã chối bỏ dòng máu của mình. Đó không phải chuyện mà một ma cà rồng làm được một cách nhẹ nhàng đâu, vì các thành viên còn lại của gia tộc có thể giết chết hắn để bảo vệ những bí mật của họ. Matthew đã cấm bất cứ người de Clermont nào tước đoạt sự sống của con trai hắn và không ai còn thấy tung tích của Benjamin kể từ thế kỷ mười chín, khi hắn biến mất ở Jerusalem.”

Đoạn kết đã vượt ra khỏi thế giới của Knox. Matthew Clairmont không được phép có Ashmole 782, không thể - nếu nó nắm giữ toàn bộ tri thức cốt lõi nhất của loài phù thủy.

“Vậy thì chúng ta sắp phải tìm hắn rồi,” Knox nói dứt khoát, “bởi vì theo như lá thư này, Edward Kelley đã xé ra ba trang sách. Một trang hẳn tặng Rabbi Loew, người đã chuyển nó cho một kẻ nào đấy tên Abraham be Elijah của Chelm.”

“Abraham be Elijah một thời từng là một phù thủy rất quyền năng. Loài các ông không biết gì về lịch sử của chính mình sao?”

“Chúng tôi biết rằng không được tin tưởng ma cà rồng. Tôi luôn gạt bỏ định kiến đó coi nó như thói đạo đức giả, nhưng không phải là lịch sử, giờ tôi không dám chắc nữa.” Knox ngừng một lát. “Loew đã bảo Benjamin hỏi xin sự giúp đỡ của cha hắn. Tôi biết nhà de Clermont đang giấu giếm điều gì đó. Chúng ta phải tìm ra Benjamin de Clermont và khiến hắn nói cho chúng ta biết những gì hắn - và cha hắn - biết về Ashmole 782.”

“Benjamin de Clermont là một gã trai trẻ thất thường, bị hành hạ khổ sở vì cùng căn bệnh mà

chị gái Louisa của Matthew mắc phải.” Ma cà rồng gọi nó là bệnh cuồng máu, và Đại Hội Đồng bản khoán liệu căn bệnh này có phần nào liên quan tới cơn bệnh mới đang hành hạ loài ma cà rồng hay không – nó dẫn tới cái chết của rất nhiều sinh vật máu nóng sau khi các ma cà rồng thất bại trong nỗ lực tạo ra ma cà rồng mới.

“Nếu thật sự có ba trang sách bị mất từ Ashmole 782, thì chúng ta sẽ tìm thấy chúng mà không cần sự giúp đỡ của hắc, cách đó sẽ tốt hơn.”

“Không, đã đến lúc loài ma cà rồng phải mang các bí mật của chúng ra rồi.” Knox biết thành công hay thất bại của kế hoạch có lẽ phụ thuộc cả vào cái nhánh không vững chắc của cây phá hệ nhà de Clermont này. Hắc nhìn lá thư lần nữa. Loew nói rõ rằng ông ta không chỉ muốn Benjamin chữa lành cuốn sách mà còn cả mối quan hệ với gia đình hắc. Matthew Clairmont có thể biết về vụ này nhiều hơn là chúng từng nghĩ ngờ.

“Tôi cho là ông sẽ muốn đi ngược thời gian tới Praha thời Rudolphine ngay bây giờ để tìm kiếm Edward Kelley,” Gerbert gầm gừ, cổ kìm một tiếng thở dài nôn nóng. Loài phù thủy có thể rất bốc đồng.

“Ngược lại là khác, tôi sẽ tới Sept-Tours.”

Gerbert cười khẩy. Gây sóng gió ở lâu đài của gia tộc de Clermont là ý tưởng còn nực cười hơn quay trở về quá khứ.

“Chuyện đó dù có hấp dẫn đến mấy cũng chẳng khôn ngoan chút nào. Baldwin mắt nhắm mắt mở cho qua chỉ vì mối bất hòa giữa hắc và Matthew.” Theo như Gerbert còn nhớ, chiến lược thất bại duy nhất của Philippe đây là việc trao dòng tu Hiệp Sĩ Thánh Lazarus cho Matthew chứ không phải người con trai lớn vẫn luôn nghĩ được quyền thừa kế vị trí ấy. “Hơn nữa, Benjamin không còn coi bản thân là một người nhà de Clermont – và nhà de Clermont không tin hắc là một trong số chúng. Sept-Tours mới là nơi cuối cùng chúng ta nên tìm hắc.”

“Theo như tất cả những gì chúng ta biết, Matthew de Clermont đã có được một trong các trang sách bị mất từ nhiều thế kỷ nay. Cuốn sách không có tác dụng gì với chúng ta nếu nó không hoàn chỉnh. Hơn nữa, đã đến lúc ma cà rồng đó phải trả giá cho những tội lỗi của hắc – và cho cả cha mẹ hắc nữa.” Bọn chúng phải cùng nhau chịu trách nhiệm cho cái chết của hàng ngàn phù thủy. Hãy để loài ma cà rồng lo việc xoa dịu Baldwin. Công lý đã đứng về phía Knox.

“Đừng quên tội lỗi của người tình hắc,” Gerbert nói, giọng lão hắc học. “Tôi đã mất Juliette. Diana Bishop nợ tôi một sự sống mà ả đã tước đi.”

“Vậy là ông sẽ giúp tôi?” Bằng cách nào thì Knox chẳng quan tâm, hắc sẽ dẫn một nhóm phù thủy bất ngờ đột kích tấn công nhà de Clermont hùng hậu trước cuối tuần này, cho dù có sự giúp đỡ của Gerbert hay không.

“Phải,” Gerbert miễn cưỡng đồng ý. “Ông biết đấy, bọn chúng đều tụ họp về đó cả, phù thủy, ma cà rồng, thậm chí còn có vài yêu tinh nữa. Chúng tự gọi là Đại Hội Đồng Ngầm. Marcus đã gửi một thông điệp tới các ma cà rồng ở Đại Hội Đồng yêu cầu bãi bỏ hiệp ước.”

“Những điều đó có nghĩa là...”

“Tận thế của chúng ta,” Gerbert nói nốt hộ hắc.

Phần V. London: Blackfriars

34.

“Người làm ta thất vọng!”

Một chiếc giày Damask lụa màu đỏ phóng qua không trung. Matthew nghiêng đầu tránh kịp, chiếc giày sượt qua tai anh va vào chiếc bàn đặt mô hình các thiên thể làm bằng đá quý, rồi nằm yên trên sàn nhà. Hai vòng tròn liên động của khối cầu xoay tít vòng quanh các thiên thể cố định của chúng.

“Ta muốn Kelley, đồ ngu. Thay vào đó, ta lại nhận được sứ giả của hoàng đế, kẻ kể với ta về những sai lầm thiếu khôn ngoan của người. Khi hắn yêu cầu gặp ta vẫn còn chưa đến tám giờ và mặt trời thì vừa mới ló rạng.” Elizabeth Tudor khổ sở vì đau răng nên càng chẳng cải thiện được tính khí của bà ta. Bà ta phồng một bên má để làm dịu đi cơn đau răng hàm và mặt mày nhăn nhó. “Còn người đã ở đâu? Bỏ trở lại trước mặt ta mà không thêm quan tâm tới sự đau đớn ta phải chịu đựng.”

Một người đẹp mắt xanh bước lên dăng cho nữ hoàng bệ hạ một miếng vải tắm dầu ô liu. Mùi cay nồng trong căn phòng đã bị một chàng Matthew đang sôi sục ngay bên cạnh tôi áp đảo. Elizabeth cẩn thận đặt miếng vải giữa má và nướu răng. Người phụ nữ kia đi ra, chiếc váy dài màu xanh quấn quanh mắt cá chân của nàng ta - sắc màu lạc quan cho một ngày tháng Năm nhiều mây như thế này, như thế nàng hy vọng mùa hè mau đến. Căn phòng trong tòa tháp bốn tầng ở cung điện Greenwich có tầm nhìn rộng bao quát khắp dòng sông xám xịt, vùng đất đầy bùn bẩn và bầu trời vẩn vù của nước Anh. Mặc dù có nhiều cửa sổ nhưng ánh sáng bàng bạc vào buổi sớm nay vẫn chẳng xua tan được bầu không khí nặng nề của căn phòng này, nơi các đồ dùng nội thất mang đầy nét nam tính và phong cách nhà Tudor. Những chữ cái đầu tên được khắc trên trần nhà - một chữ H và một chữ A bện xoắn vào nhau, chữ viết tắt của Henry VIII và Anne Boleyn - cho thấy căn phòng này đã được trang hoàng vào khoảng thời gian Elizabeth sinh ra, nhưng hiếm khi được sử dụng từ ngày đó.

“Có lẽ chúng ta nên nghe ông Roydon nói trước khi người ném cái lọ mực đó,” William Cecil ôn tồn gợi ý. Cánh tay Elizabeth khựng lại, nhưng bà ta không để món đồ kim loại nặng trĩu ấy xuống.

“Chúng thần có tin tức của Kelley,” tôi bắt đầu lên tiếng, hy vọng giúp ích được phần nào.

“Chúng ta không cần ý kiến của bà, bà Roydon ạ,” nữ hoàng nước Anh cộc cằn nói. “Giống như đám đàn bà trong vương triều của ta, bà chẳng có chút lễ phép, đoan trang nào cả. Nếu bà muốn lưu lại Greenwich với chồng hơn là bị gửi về Woodstock đó của mình, thì hãy khôn ngoan bắt chước theo hình mẫu của bà Throckmorton đây. Bà ta không nói một lời nào trừ phi được lệnh.”

Bà Throckmorton liếc nhìn Walter, người đang đứng cạnh Matthew. Chúng tôi gặp anh ta trên cầu thang dẫn tới phòng riêng của nữ hoàng, và mặc dù Matthew từ chối, nhưng Walter vẫn khẳng khái đồng hành cùng chúng tôi đi vào hang sư tử.

Đôi môi của Bess mím chặt như để cố gắng kìm nén sự thích thú, nhưng ánh mắt thì vẫn long lanh nháy nhót. Thực tế là người đẹp trẻ trung, hấp dẫn, bị giam cầm của nữ hoàng và tay cướp biển ủ ê ưa chưng diện của bà liếc mắt đưa tình với nhau rõ ràng rành rành trước mắt mọi người, ngoại trừ Elizabeth. Thần Cupid đã thành công trong việc đánh bẫy được ngài Walter Raleigh, y như Matthew đã tiên đoán rằng người đàn ông này sẽ hoàn toàn u mê.

Khóe miệng Walter dịu dàng cong lên trước cái nhìn say đắm, thách thức của người tình. Ánh mắt mãnh liệt anh ta đáp lại hứa hẹn rằng chủ đề đúng mực và đoan trang của cô nàng sẽ được

giải quyết trong một địa điểm riêng tư hơn.

"Vì người không yêu cầu sự hiện diện của Diana nên có lẽ người sẽ cho phép vợ thần được về nhà nghỉ ngơi," Matthew điềm đạm nói, dù ánh mắt đã đen thẫm lại và giận dữ chẳng kém gì nữ hoàng. "Cô ấy đã di chuyển suốt mấy tuần lễ rồi." Thuyền hoàng gia đã chặn chúng tôi lại trước cả khi chúng tôi kịp đặt chân lên Blackfriars.

"Nghỉ ngơi cơ đấy! Ta còn chẳng ngủ ngon được đêm nào kể từ khi các người phiêu lưu ở Praha. Cô ta sẽ được nghỉ ngơi khi ta xong việc với người!" Elizabeth hét lên trong khi lộ mực cũng tiếp bước theo đường đi của chiếc hải hoàng gia. Khi nó đổi hướng về phía tôi giống như một đường bóng vòng cung bút phá cuối cùng, Matthew đưa tay ra bắt. Không nói một lời, anh chuyển nó sang cho Raleigh, anh chàng này ném nó lại cho tên hầu vốn đã giữ chiếc giày của nữ hoàng.

"Sẽ khó thay thế ông Roydon hơn rất nhiều so với món đồ chơi thiên văn đó, thưa bệ hạ." Cecil đưa ra một cái đệm có thêu hoa văn. "Có lẽ người sẽ cân nhắc lại chuyện này nếu người cần thêm lý lẽ."

"Đừng có nghĩ đến chuyện chỉ đạo ta, Đức ngài Burghley!" Nữ hoàng tức bốc khói và quay ra trút cơn giận dữ vào Matthew. "Ngay cả Sebastian St. Clair cũng không đối xử với cha ta như thế, ông ta sẽ không dám trêu chọc một con sư tử Tudor."

Bess Throckmorton chớp chớp mắt trước cái tên xa lạ này. Mái đầu vàng óng ả của nàng ta quay từ Walter sang nữ hoàng, giống như một đóa thủy tiên vàng đầu xuân đang kiếm tìm nắng sớm. Cecil ho nhẹ trước biểu hiện bối rối rõ ràng của người phụ nữ trẻ.

"Chúng ta hãy tưởng nhớ người cha đáng kính của người vào một thời điểm khác thích hợp với hồi ức về người hơn. Bệ hạ không có gì để hỏi ông Roydon sao?" Viên thư ký của nữ hoàng nhìn Matthew với vẻ tiếc nuối. Vẻ mặt ông ta dường như thách thức. Người thích con quý nào hơn?

"Người nói đúng, William, đùa giỡn với chuột và đám sinh vật tầm thường không phải là bản tính của sư tử." Thái độ khinh thị của nữ hoàng như muốn át vĩa Matthew. Thấy vậy anh tỏ vẻ ăn năn – dù các thớ thịt đang giằng giật nơi quai hàm anh, khiến tôi băn khoăn không biết sự ăn năn hối hận ấy của anh thật sự chân thành được bao nhiêu – nữ hoàng phải mất một lúc để trấn tĩnh lại trong khi hai bàn tay vẫn nắm chặt lấy tay ghế đến trắng bệch.

"Ta ước gì biết được làm thế nào mà Cái Bóng của ta xử lý vấn đề tệ đến thế." Giọng bà ta chuyển sang ai oán. "Hoàng đế có vô số nhà giả kim nên ông ta sẽ chẳng cần nhà giả kim của ta đâu."

Hai vai Walter hơi thả lỏng, còn Cecil thì buông một tiếng thở dài nhẹ nhõm. Nếu nữ hoàng gọi Matthew bằng tên thân mật của anh thì có nghĩa là cơn giận dữ của bà đang dịu dần.

"Edward Kelley không dễ bị nhổ ra khỏi vương triều của hoàng đế như một cọng cỏ dại lợi thơ đâu, dù có bao nhiêu hoa hồng mọc ở đó đi chăng nữa," Matthew nói. "Rudolf đánh giá hắn quá cao."

"Vậy là cuối cùng Kelley cũng thành công, đá tạo vàng đã nằm trong tay hắn," Elizabeth nói kèm theo một tiếng hít mạnh. Bà ta ôm chặt lấy một bên mặt khi không khí rít qua kẽ răng đau ê buốt.

"Không, chưa đâu – đó mới là điểm chính yếu. Chừng nào Kelley còn thừa thãi lời hứa hẹn, Rudolf sẽ không bao giờ rời khỏi hắn. Hoàng đế cư xử như một thanh niên mới lớn hơn là một quốc vương dày dạn và bị những thứ không thể có được mê hoặc. Hoàng đế bệ hạ thích việc đeo đuổi mục tiêu. Ông ta mơ mộng cả ngày." Matthew bình thản nói.

Những cánh đồng ướt đầm và những con sông mênh mông của châu Âu đã đưa chúng tôi cách xa Rudolf II, nhưng có những lúc, tôi như vẫn cảm thấy sự đụng chạm khiếm nhã cùng ánh mắt tham lam của ông ta. Mặc dù khí trời tháng Năm ấm áp và lửa đang cháy đượm trong lò sưởi, tôi vẫn cứ rùng mình.

“Viên đại sứ ở Pháp báo rằng, Kelley đã chuyển được đồng thành vàng rồi.”

“Philippe de Mornay cũng chẳng đáng tin hơn sứ thần tiền nhiệm của người – theo thần nhớ, hắn đã từng nỗ lực ám sát người.” Giọng Matthew cân bằng hoàn hảo giữa sự khúm núm và câu kính. Elizabeth lại được cả đôi.

“Ông đang chế giễu ta đấy hả Roydon?”

“Thần sẽ không bao giờ trêu chọc một con sư tử - dù là một chú sư tử con,” Matthew dài giọng. Walter nhắm tịt mắt lại như thể không chịu nổi, khi phải chứng kiến sự phá hủy tất yếu do những lời Matthew nói ra. “Thần đã khổ sở lĩnh giáo điều đó sau một lần đối đầu như thế và không hề muốn gây chiến với người đẹp của mình thêm nữa, vì sợ rằng người có thể không còn muốn trông thấy thần.”

Một khoảng lặng choáng váng kéo theo, rồi cuối cùng bị phá vỡ bởi một tiếng cười rống, chẳng chút phong thái thanh tao, quý phái nào. Walter choàng mở mắt.

“Ông nhận được những gì xứng đáng khi lén lút với một hầu gái trẻ trong lúc cô ả may vá,” Elizabeth nói, giọng điệu nghe có vẻ nuông chiều. Tôi khẽ lắc đầu, có phải chính tai tôi đang nghe thấy những điều này không?

“Thần sẽ giữ chuyện đó trong thâm tâm thôi, thưa bệ hạ. Thần có nên tình cờ làm thế với một nàng sư tử khác cùng chiếc kéo làm vườn sắc lẹm của cô ta không?”

Walter và tôi giờ cũng lúng túng như Bess, chỉ có Matthew, Elizabeth và Cecil dường như hiểu đang nói đến chuyện gì.

“Cho dù khi đó, ông đã là Cái Bóng của ta.” Cái nhìn Elizabeth dành cho Matthew ngây thơ như một cô gái, không còn là một quý bà to béo gần sáu mươi tuổi nữa. Rồi trong chớp mắt, bà ta lại thành một nữ vương mệt mỏi và có tuổi. “Để chúng ta lại với nhau.”

“Thưa... bệ hạ?” Bess lắp bắp.

“Ta muốn nói chuyện riêng với ông Roydon nhưng ta cho là ông ấy sẽ không cho phép bà vợ nói năng bừa bãi ra khỏi tầm mắt của mình đâu, nên bà ta có thể ở lại. Hãy đợi ta trong phòng kín, Walter và đưa Bess đi cùng ông. Chúng ta sẽ đến gặp các vị ngay thôi.”

“Nhưng...” Bess phản đối. Cô ta có vẻ bồn chồn lo lắng vì cận kề nữ hoàng là công việc của cô nên khi không có lễ nghi dẫn dắt, cô thấy mình như lọt vào biển cả, không biết đâu là bờ.

“Thay vào đó, bà sẽ phải giúp tôi, bà Throckmorton.” Cecil khổ sở từ chỗ nữ hoàng bước đi, dưới sự trợ giúp của cây gậy nặng nề. Khi đi qua Matthew, Cecil đưa mắt nhìn anh nghiêm nghị. “Chúng thần sẽ để ông Roydon từ biệt bệ hạ.”

Sau khi nữ hoàng vẫy tay để đám người hầu ra khỏi phòng, chỉ còn lại ba chúng tôi.

“Jesu,” Elizabeth rên rỉ nói. “Đầu ta có cảm giác như trái táo mục, sắp nứt ra vậy. Ông không thể chọn thời điểm nào khác thích hợp hơn để gây sự à?”

“Xin hãy để thần khám cho người,” Matthew đề nghị.

“Ông nghĩ mình có thể chăm sóc tốt hơn bác sĩ của ta sao, ông Roydon?” Nữ hoàng nói với vẻ

hy vọng dè chừng.

“Thần tin mình có thể làm giảm sự đau đớn cho người, nếu Chúa Trời nguyên ý.”

“Thậm chí cho tới lúc chết, cha ta vẫn nhắc đến ông với niềm khao khát.” Hai bàn tay Elizabeth giần giật trên những nếp gấp của chiếc váy. “Người đã say mê ông như một chất bổ mà người đã đánh giá lầm ích lợi của nó.”

“Vậy sao?” Matthew chẳng buồn che giấu sự tò mò của mình. Đây là điều lần đầu tiên anh được nghe nói đến.

“Người nói, chỉ vì một cảm hứng quái quỷ ông có thể vứt bỏ người còn nhanh hơn bất cứ người đàn ông nào khác – mặc dù nghe điều này có vẻ hơi khó nuốt.” Elizabeth cười mím trước tiếng cười vang của Matthew, và rồi nụ cười của bà dao động. “Người là một người đàn ông vĩ đại và kinh khủng – và là một gã ngốc.”

“Tất cả đàn ông đều là những gã ngốc, thưa bệ hạ,” Matthew nói nhanh.

“Không, chúng ta hãy nói chuyện thẳng thắn với nhau lần nữa, như thể ta không phải nữ hoàng Anh quốc và ông không phải wearh.”

“Chỉ khi người cho phép thần xem chiếc răng của người,” Matthew nói, khoanh hai tay trước ngực.

“Đã có thời một lời mời mọc hôn hít vuốt ve với ta cũng đủ xui xẻo rồi, ông sẽ không đáp ứng được các điều kiện cho yêu cầu của ta đâu,” Elizabeth thở dài. “Ta đang đánh mất nhiều thứ hơn là mấy chiếc răng đấy. Được rồi, ông Roydon.” Bà há miệng một cách ngoan ngoãn, và thậm chí cách xa tới vài mét, tôi vẫn ngửi thấy được mùi răng sâu. Matthew đỡ đầu nữ hoàng trong hai bàn tay để có thể thấy rõ hơn.

“Thật kỳ diệu khi người vẫn còn có răng đấy,” anh nghiêm nghị nói. Mặt Elizabeth ửng hồng cáu kỉnh và chật vật muốn đáp trả. “Người có thể quát mắng sau khi thần xong việc. Đến lúc đó, người sẽ có lý do thích đáng để làm chuyện ấy, vì thần sẽ tích thu số kẹo mùi violet và rượu vang ngọt của người. Người sẽ chẳng còn thứ gì nguy hại để uống ngoài nước bạc hà và chẳng còn gì để ngâm ngoài vị đinh hương dành cho nước răng của người, chúng bị áp-xe nghiêm trọng.”

Matthew lướt ngón tay dọc theo hàm răng của bà. Vài chiếc đã lung lay một cách đáng báo động, còn hai mắt Elizabeth như muốn lồi ra. Anh khẽ thốt lên buồn bã. “Lizzie, người có thể là nữ hoàng Anh quốc, nhưng điều đó không giúp người hiểu biết về thuốc men và giải phẫu đâu. Lưu ý lời khuyên của thầy thuốc sẽ khôn ngoan hơn đấy. Giờ thì giữ yên nào.”

Trong khi tôi cố lấy lại bình tĩnh sau khi nghe chồng tôi gọi nữ hoàng nước Anh là “Lizzie,” thì Matthew đã rút ngón tay trở lại, chà nó vào chiếc răng nanh sắc nhọn của anh để nó rỉ ra một giọt máu, rồi đưa trở lại miệng Elizabeth. Mặc dù anh đã rất cẩn thận, nhưng nữ hoàng vẫn nhăn nhó, sau đó, hai vai bà hạ xuống đáng vẻ nhẹ nhõm.

“Ai dà,” bà lăm bầm với mấy ngón tay Matthew trong miệng.

“Đừng cảm ơn thần vội, sẽ không có món kẹo hạnh nhân hay đồ ngọt trong vòng năm dặm khi thần ở đây và cơn đau e là sẽ còn quay trở lại đấy.” Ngay khi Matthew rút các ngón tay ra, nữ hoàng dùng lưỡi đảo quanh khoang miệng.

“Chà chà, nhưng giờ thì hết đau rồi,” bà mừng rỡ nói. Elizabeth ra hiệu về mấy chiếc ghế bành bên cạnh. “Ta sợ là chẳng còn gì ngoài việc giải quyết các báo cáo, ngồi xuống đi và kể cho ta về

Praha.”

Sau nhiều tuần trong vương triều của hoàng đế, tôi biết rằng được bất kỳ người cai trị nào mời ngồi trước mặt đều là một đặc ân phi thường to lớn, nhưng giờ tôi thấy biết ơn gấp đôi khi có cơ hội làm thế. Chuyến hải trình đã làm sự mệt nhọc vốn bình thường trong các tuần đầu mang thai càng thêm trầm trọng. Matthew kéo một chiếc ghế ra cho tôi, và tôi hạ người tựa vào lòng ghế. Tôi ép chỗ thắt lưng vào phần chạm khắc hoa văn, dùng các mấu lồi của nó để mát-xa làm dịu cơn đau. Bàn tay Matthew tự động với tới khu vực đó, ấn và xoa bóp làm dịu đi cơn nhức mỏi. Nét mặt nữ hoàng thoáng lên vẻ ghen tỵ.

“Bà cũng đau ư, bà Roydon?” Nữ hoàng hỏi han vẻ quan tâm lo lắng. Bà ta đang quá tử tế, còn khi Rudolf đối xử với một cận thần như thế thì thường có nghĩa là một tai họa nào đấy đang đến.

“Vâng, thưa bệ hạ. Nhưng than ôi, chẳng thứ nước bạc hà nào có thể giải quyết được cả,” tôi rầu rĩ nói.

“Nó cũng chẳng xoa dịu được bộ lông xù lên vì giận dữ của hoàng đế. Sứ giả của ông ta nói với ta rằng, các vị đã đánh cắp một cuốn sách của Rudolf.”

“Sách nào cơ?” Matthew hỏi. “Rudolf có biết bao nhiêu là sách.” Vì mọi người không quen thấy đáng vẻ vô tội không biết gì của hầu hết các ma cà rồng nên màn trình diễn của anh thật giả tạo.

“Chúng ta không đùa đâu, Sebastian,” nữ hoàng khẽ nói, khẳng định nghi ngờ của tôi rằng Matthew đã từng mang cái tên Sebastian St. Clair khi anh ở trong triều đình của vua Henry.

“Người luôn đùa giỡn mà,” Matthew bắn trả. “Trong chuyện này, người chẳng khác gì hoàng đế, hay Henry của nước Pháp.”

“Bà Throckmorton kể với ta rằng, ông và Walter vẫn đang trao đổi những vần thơ về sự thiếu kiên định của quyền lực. Nhưng ta không giống những tên bạo chúa chuyên quyền vô dụng đó, chẳng có gì ngoài trừ sự khinh bỉ và chế nhạo. Ta đã được nuôi lớn bởi những người thầy cứng rắn,” nữ hoàng đáp trả. “Xung quanh ta – mẹ ta, các bà dì, mẹ kế, chú bác, anh chị em họ – đều đã chết, chỉ mình ta sống sót, nên đừng có nói dối ta và nghĩ rằng có thể thực hiện được điều đó. Ta hỏi ông lần nữa, cuốn sách đó là gì?”

“Chúng thần không có nó,” tôi chen ngang.

Matthew nhìn tôi có vẻ bị sốc.

“Chúng thần không giữ cuốn sách. Vào lúc này.” Không nghi ngờ gì, nó đã an toàn ở Hươu Đực và Vương Miện, được nhét trong cái kho cất giữ đồ trên gác mái của Matthew. Tôi đã chuyển cuốn sách cho Gallowglass khi chiếc thuyền hoàng gia áp tải chúng tôi đi ngược dòng sông Thames, nó được bọc bảo vệ trong vải dầu và lông thú.

“Ái chà.” Miệng Elizabeth từ từ ngoác rộng ra, để lộ những chiếc răng đen sì. “Bà làm ta ngạc nhiên đấy và dường như cả chồng bà cũng thế.”

“Thần luôn mang lại những điều ngạc nhiên, thưa bệ hạ. Hoặc đó cũng là điều người ta nói với thần.” Cho dù Matthew có nhắc đến bà ta là Lizzie hay bà ta có gọi anh là Sebastian bao nhiêu lần đi nữa, thì tôi vẫn thận trọng đối đáp với bà ta một cách kính cẩn.

“Vậy thì hoàng đế dường như đang ảo tưởng rồi. Các người xử lý nó thế nào?”

“Chẳng có gì đáng quan tâm cả,” Matthew khịt mũi nói. “Thần sợ rằng, sự điên rồ đã hành hạ gia đình ông ta giờ đang chạm tay tới Rudolf đây. Thậm chí lúc này, người em trai Matthias của ông ta đang âm mưu lật đổ và củng cố địa vị cho chính mình hòng nắm bắt quyền lực khi hoàng đế không thể cai trị được nữa.”

“Chả trách hoàng đế lại hào hứng giữ Kelley đến thế. Đá tạo vàng sẽ chữa bệnh cho ông ta và giải quyết vấn đề tranh cãi về người kế thừa của mình.” Nữ hoàng biểu lộ sự chua chát. “Ông ta sẽ sống mãi mãi mà không phải sợ hãi.”

“Thôi nào Lizzie, người biết rõ chuyện đó mà. Kelley không thể làm ra viên đá cũng như không thể cứu người hay bất cứ ai khác. Ngay cả các ông hoàng bà chúa đều có ngày phải chết.”

“Chúng ta là bạn bè, Sebastian, nhưng đừng quên bản thân mình.” Mắt Elizabeth lóe lên một tia sáng.

“Khi lên bảy, người đã hỏi thần, liệu cha người có định giết người vợ mới của ông không, thần đã nói với người sự thật. Khi đó, thần đã thành thật với người và bây giờ thần cũng sẽ thành thật với người, tuy nhiên nó sẽ khiến người tức giận nhiều hơn đấy. Chẳng điều gì có thể mang tuổi thanh xuân của người quay trở lại cả, Lizzie, hoặc cải tử hồi sinh cho những người mà người đã đánh mất,” Matthew kiên quyết nói.

“Không ư?” Elizabeth chậm rãi quan sát anh. “Ta không thấy những nếp nhăn hay tóc bạc trên người ông. Ông trông hết như năm mươi năm trước khi ở triều đình Hampton, khi ta đưa cây kéo làm vườn cho ông.”

“Nếu người đang đòi hỏi thần dùng máu để biến người thành wearth, thừa bệ hạ, thì câu trả lời chắc chắn là không. Hiệp ước ngăn cấm can thiệp vào chuyện chính trị của loài người – điều đó dĩ nhiên bao gồm cả việc thay đổi quyền kế vị nước Anh bằng một sinh vật khác người ngồi trên ngai vàng.” Nét mặt Matthew đanh lại.

“Và đó cũng sẽ là câu trả lời của ông nếu Rudolf đưa ra yêu cầu này ư?” Elizabeth hỏi, đôi mắt đen long lanh.

“Đúng vậy, nó sẽ dẫn đến sự hỗn loạn và còn tồi tệ hơn nữa.” Viễn cảnh đó làm người ta ớn lạnh. “Vương quốc của người an toàn,” Matthew đảm bảo. “Hoàng đế đang cư xử như một đứa trẻ hư hỏng quen được cưng chiều, tất cả chỉ có thể thôi.”

“Thậm chí ngay cả lúc này, bác của ông ta, Philip của Tây Ban Nha, đang cho đóng chiến thuyền lên kế hoạch cho một cuộc xâm lược khác ư!”

“Hành động đó sẽ chẳng dẫn tới đâu cả,” Matthew hứa hẹn.

“Ông nói nghe có vẻ rất chắc chắn.”

“Thần chắc chắn.”

Sư tử và sói đánh giá nhau ngang qua chiếc bàn. Cuối cùng, khi Elizabeth thỏa mãn, bà nhìn đi nơi khác và thở dài.

“Tốt thôi. Ông không có cuốn sách của hoàng đế, và ta không có được Kelley hay hòn đá. Chúng ta đều phải học cách sống với sự thất vọng nhưng ta phải cho sứ giả của hoàng đế thứ gì đó để làm dịu đi tâm trạng của ông ta.”

“Cái này thì sao?” Tôi lôi chiếc xắc của mình ra. Ngoại trừ Ashmole 782 và chiếc nhẫn trên ngón tay thì nó chứa những món đồ đáng giá nhất mà tôi sở hữu – những sợi thừng bằng lụa mà Goody Alsop tặng tôi để dệt các câu thần chú, một hòn bi mượt mà bằng thủy tinh Jack tìm thấy trong bãi cát Elbe và được dùng như một món đồ trang sức, một mảnh vỡ từ viên sỏi di

vật quý giá trong dạ dày dành cho Susanna dùng trong các bài thuốc của bà, những con rồng của Matthew cùng cái cổ áo diêm dúa, góm ghiếc, với một con rồng chết treo lủng lẳng trên đó mà vị Hoàng Đế La Mã Thần Thánh đã tặng tôi. Tôi đặt thứ cuối cùng lên bàn giữa nữ hoàng và tôi.

“Đó là món đồ trang sức lèo lẻo và rẻ tiền cho một nữ hoàng chứ không phải cho vợ của một quý ông.” Elizabeth với tay chạm vào con rồng lấp lánh. “Bà đã cho Rudolf cái gì mà ông ta ban tặng bà thứ này hả?”

“Cũng như Matthew đã nói, thừa bệ hạ. Hoàng đế thêm muốn thứ mà ông ta không bao giờ có thể có nên ông ta nghĩ thứ này có thể dành được sự yêu mến của thần, nhưng nó vô dụng,” tôi lắc đầu nói.

“Có lẽ Rudolf không thể chịu nổi việc người khác biết rằng ông ta đã để tuột mất một thứ quá quý giá thế này,” Matthew gợi ý.

“Ý ông ám chỉ vợ ông hay món trang sức này hả?”

“Vợ thần,” Matthew đáp gọn lỏn.

“Dù sao thì có lẽ món nữ trang này hữu dụng đấy. Biết đâu ông ta có ý tặng chiếc vòng cổ này cho ta,” Elizabeth ngân nga, “nhưng chính ông đã mang nó về đây một cách an toàn.”

“Tiếng Đức của Diana không được tốt lắm,” Matthew tán thành cùng với một nụ cười tinh quái. “Có lẽ khi Rudolf đặt nó lên vai cô ấy chỉ để hình dung tốt hơn xem nó trông như thế nào khi ở trên người bệ hạ thôi.”

“Ồ, ta nghi ngờ điều đó lắm,” Elizabeth lạnh nhạt nói.

“Nếu hoàng đế định dành chiếc vòng cổ này cho nữ hoàng nước Anh, ông ta sẽ mong muốn được tặng nó cho người với một nghi thức trọng thể. Nếu chúng ta gợi ý cho ngài đại sứ đón đầu ý định của hoàng đế...” Tôi gợi ý.

“Đó là cách giải quyết hay đấy, dĩ nhiên là nó sẽ chẳng thỏa mãn ai cả, nhưng chuyện này sẽ cho đám cận thần của ta thứ gì đó để mài răng bọn họ cho đã nghiền tới khi có một đề tài mới mẻ gây hiếu kỳ hơn xuất hiện.” Elizabeth gõ gõ lên bàn vẽ trầm ngâm. “Nhưng vẫn có vấn đề với cuốn sách này.”

“Người có tin tưởng thần không, nếu thần nói với người nó không quan trọng?” Matthew hỏi.

Elizabeth lắc đầu. “Không.”

“Thần cũng nghĩ là không. Nhưng nếu ngược lại thì sao – rằng tương lai có lẽ phụ thuộc vào nó?” Matthew hỏi.

“Cái đó thậm chí còn cường điệu hơn. Nhưng vì ta không muốn để cho Rudolf hay bất cứ mẩu da nào của lão ta nắm giữ tương lai trong tay, nên ta sẽ để mặc chuyện mang trả lại nó hay không cho các vị – dĩ nhiên, nếu lúc nào đó nó lại nằm trong tay các vị một lần nữa.”

“Đội ơn bệ hạ,” tôi nói, nhẹ nhõm vì vấn đề đã được giải quyết cùng vài lời nói dối tương đối.

“Ta không làm việc đó vì bà,” Elizabeth lạnh lùng nhắc nhở tôi. “Thôi nào, Sebastian. Hãy đeo chuỗi trang sức đó lên cổ ta đi, sau đó ông có thể biến mình trở lại làm ông Roydon và chúng ta sẽ đi xuống phòng thiết triều, diễn một màn cảm ơn đáng kính ngạc cho tất cả bọn họ xem.”

Matthew làm như được bảo, các ngón tay anh nắn ná trên vai nữ hoàng lâu hơn mức cần thiết. Bà liền đập vào tay anh.

“Tóc giả của ta có ngay ngắn không?” Elizabeth hỏi tôi khi bà ta đứng dậy.

“Ổn cả, thưa bề hạ.” Sự thật là nó có hơi bị lệch đi sau sự giúp đỡ của Matthew.

Elizabeth đưa tay lên giật mạnh mái tóc giả của mình một cái. “Hãy dạy vợ ông nói dối một cách thuyết phục hơn đi ông Roydon. Bà ấy sẽ cần được dạy dỗ nhiều trong nghệ thuật lừa dối, nếu không sẽ chẳng sống sót lâu nơi triều đình đâu.”

“Thế giới này cần sự chân thành hơn là một cận thần khác,” Matthew nhận xét, đỡ lấy khuỷu tay bà. “Diana sẽ vẫn cứ là chính mình thôi.”

“Một người chồng quý trọng sự chân thành của chính vợ mình.” Elizabeth lắc đầu. “Đây là bằng chứng tốt nhất cho ta thấy thế giới này đang đi đến hồi kết như tiên sĩ Dee tiên đoán.”

Khi Matthew và nữ hoàng xuất hiện trên khung cửa dẫn vào phòng riêng, một khoảng nín lặng bao trùm lên cả đám đông. Căn phòng chật kín người và những cái liếc mắt thân trọng lướt từ nữ hoàng tới một người trẻ tuổi có vẻ còn chưa tốt nghiệp mà tôi đoán chính là sứ thần của hoàng đế, rồi nhìn sang William Cecil và quay ngược lại.

Matthew thả bàn tay nữ hoàng vẫn khoác trên cánh tay anh ra. Hai cái cánh nàng rồng lửa đập dồn dập bên trong lồng ngực tôi.

Tôi đặt tay lên ngang bụng để làm dịu cảm giác khó chịu trên ngực. Đây là những cơn rồng thật sự, tôi lặng lẽ cảnh cáo.

“Ta xin cảm tạ hoàng đế về món quà, thưa ngài,” Elizabeth nói, đi thẳng tới chỗ cậu thiếu niên và đưa tay ra để cậu ta hôn. Chàng trai trẻ nhìn chăm chăm vào bà vẻ mặt ngây ngốc. “Gratias tibi ago.”

“Bọn chúng càng lúc càng trẻ hơn,” Matthew lầm bầm khi kéo tôi lại bên cạnh anh.

“Đó là điều em nói về sinh viên của mình đấy,” tôi thì thầm đáp lại. “Hắn là ai thế?”

“Vilém Slavata. Em chắc đã thấy cha hắn ở Praha.”

Tôi quan sát Vilém và cố hình dung ra hắn sẽ trông như thế nào trong hai mươi năm tới. “Có phải cha hắn là kẻ tròn xoe với cái cằm lõm vào không?”

“Một trong số chúng, em đã mô tả hầu hết đám viên chức của Rudolf đấy,” Matthew nhắc nhở khi tôi bắn cho anh một cái trừng mắt tức giận.

“Thôi thì thầm to nhỏ đi, ông Roydon!” Elizabeth ném cho chồng tôi một cái liếc mắt khiến anh phải cúi đầu về biết lỗi. Nữ hoàng bề hạ tiếp tục huyền thuyên nói bằng tiếng La tinh. “Decet eum qui dat, non meminisse benei cii: eum vero, qui accipit, intueri non tam munus quam dantis animum.” Nữ hoàng nước Anh đang ra kiểm tra ngôn ngữ để xem sứ thần có xứng đáng không đây.

Mặt Slavata tái nhợt. Chàng trai tội nghiệp sắp thua đến nơi rồi.

Ông ấy cho đi mà không nhớ thiện ý này: nhưng bà ta lại đón nhận mà không nhìn lại món quà cũng như tâm hồn của người trao tặng. Tôi ho hắng để che giấu tiếng cười khi nghiệm ra ý nghĩa đoạn dịch lung củng này.

“Nữ hoàng bề hạ?” Vilém lắp bắp bằng trọng âm Anh nặng nề.

“Món quà. Từ hoàng đế.” Elizabeth chỉ vào chiếc cổ áo nạm đá quý vắt qua bờ vai mảnh khảnh của bà. Con rồng treo lủng lẳng xuống dưới thấp hơn so với lúc nó đeo trên cổ tôi. Bà ta thở dài

với vẻ giận dữ cường điệu. “Nói lại cho ông ta biết những gì ta đã nói bằng thứ ngôn ngữ của ông ấy đi, ông Roydon, ta không có kiên nhẫn đối với mấy bài học tiếng La tinh đâu. Hình như hoàng đế không giáo dục cho bề tôi của ông ta thì phải?”

“Đức ngài đây biết tiếng La tinh, thưa bệ hạ. Nếu trí nhớ của thần còn tốt thì ngài sứ thần Slavata đã học đại học ở Wittenberg và tiếp tục theo học ngành luật tại Basel. Đó không phải ngôn ngữ có thể làm khó ngài ấy nhưng thông điệp của người thì khác.”

“Vậy thì chúng ta hãy làm rõ ý tứ để ông ta – và chủ nhân của ông ta – hiểu được. Và đừng có nhân danh ta,” Elizabeth u ám nói. “Làm đi.” Cùng với một cái nhún vai, Matthew lặp lại thông điệp của nữ hoàng bằng tiếng quê cha đất tổ của Slavata.

“Tôi đã hiểu những điều nữ hoàng nói,” Slavata đáp trả, có vẻ choáng váng. “Nhưng ý người là gì?”

“Ngài đây đang bối rối,” Matthew tiếp tục nói bằng tiếng Séc về cảm thông. “Nói chung nó có liên quan đến các đại sứ mới. Đừng lo lắng về chuyện này. Hãy nói với nữ hoàng rằng Rudolf rất vui sướng được tặng người món trang sức này, sau đó chúng ta có thể dùng bữa tối rồi.”

“Ngài sẽ nói với người hộ tôi chứ?” Slavata hoàn toàn bất đắc dĩ.

“Ta hy vọng ông không gây ra hiểu lầm nào giữa hoàng đế Rudolf và ta nữa, ông Roydon,” Elizabeth nói, cực kỳ bức bối vì việc thành thạo bảy ngôn ngữ của bà lại không bao gồm cả tiếng Séc.

“Ngài đây đã bảo rằng, hoàng đế cầu chúc cho bệ hạ sức khỏe và hạnh phúc. Và ngài vui mừng vì chiếc vòng cổ này đã thuộc về đúng nơi dành cho nó mà không bị thất lạc, như hoàng đế lo sợ.” Matthew nhìn bà chủ của anh về hiền từ. Nữ hoàng định nói gì đó, nhưng lại ngậm miệng và trừng mắt nhìn anh. Slavata hớn hờ không ngại học hỏi muốn biết làm thế nào Matthew thành công trong việc khiến nữ hoàng nước Anh phải im lặng. Khi vị sứ thần này ra dấu cổ vũ Matthew thông dịch, Cecil cầm lấy tay chàng trai trẻ này.

“Thật là một tin tức đáng vui mừng, thưa ngài. Tôi nghĩ ngài đã có đủ những điều học hỏi được trong một ngày rồi. Đến đây nào, dùng bữa tối cùng với tôi,” Cecil nói, hướng anh chàng tới chiếc bàn gần đó. Nữ hoàng, giờ bị cả nhân viên mật vụ và người cố vấn chính của mình chuyển về hậu trường, bèn đằng hắng bức bối trong khi trèo lên ngài vàng và được Bess Throckmorton cùng Raleigh trợ giúp bước lên ba bậc thang thấp.

“Giờ thì chuyện gì đang xảy ra đây?” Tôi thì thầm. Màn diễn đã kết thúc, và những người có mặt trong căn phòng có vẻ bồn chồn không yên.

“Ta còn muốn nói chuyện thêm nữa, ông Roydon,” Elizabeth gọi trong lúc mấy chiếc đệm dựa của bà được sắp xếp cho thoải mái. “Đừng đi xa quá đấy.”

“Pierre sẽ có mặt gần cửa phòng thiết triều và chỉ cho em phòng của anh, nơi đó có một chiếc giường cùng sự yên bình và tĩnh lặng. Em có thể nghỉ ngơi cho tới khi nữ hoàng để anh tự do, sẽ không lâu lắm đâu. Bà ấy chỉ muốn có một báo cáo đầy đủ về Kelley thôi.” Matthew đưa tay tôi lên môi và tặng một nụ hôn trang trọng. Biết được sự yêu thích của Elizabeth dành cho các nam thần tử của mình rồi, thì tôi đoán cuộc nói chuyện này chắc mất tới vài giờ chứ không ít.

Cho dù đã chuẩn bị ứng phó với tiếng ồn ào, âm ĩ của phòng thiết triều, nhưng nó vẫn làm tôi choáng váng phải lui lại một bước. Những cận thần không đủ quan trọng để được dùng bữa trong phòng riêng xô đẩy chen lấn khi tôi đi ngang qua, họ hồ hởi đi kiểm bữa tối của mình trước khi thức ăn hết. Dạ dày tôi lộn lên trước mùi thịt hươu nai nướng. Tôi sẽ không bao giờ quen được với cái mùi này, và bé con của tôi cũng không thích nó.

Pierre và Annie đang đứng bên tường cùng với những người hầu khác, họ trông đều nhẹ nhõm khi thấy tôi xuất hiện.

“Milord đâu rồi?” Pierre hỏi, lôi tôi ra khỏi đám đông những con người đang chen chúc xô đẩy.

“Đang đợi nữ hoàng,” tôi đáp. “Tôi quá mệt mỏi không thể đứng hay ăn uống được nữa. Có thể đưa tôi tới phòng của Matthew không?”

Pierre ném một cái nhìn lo âu về phía lối vào khu phòng riêng. “Dĩ nhiên rồi.”

“Cháu biết đường, thưa bà Roydon,” Annie nói. Mới quay về từ Praha và tham gia vào lần viếng thăm triều đình Elizabeth lần thứ hai nhưng Annie đang cố tỏ vẻ bình thản.

“Tôi đã chỉ cho con bé phòng của milord khi ông bà được dẫn đi gặp nữ hoàng,” Pierre quả quyết với tôi. “Nó ở ngay tầng dưới đây phòng từng được hoàng hậu sử dụng.”

“Và tôi cho là giờ được các sủng thần của nữ hoàng sử dụng nó,” tôi lẩm bẩm. Không nghi ngờ gì, đó chính là chỗ Walter đang ngủ - hoặc có lẽ hiện giờ không ngủ. “Hãy ở đây đợi Matthew, Pierre, Annie và tôi có thể tự tìm đường.”

“Cảm ơn madame.” Pierre nhìn tôi vẻ biết ơn. “Tôi không thích để ngài ấy ở cùng nữ hoàng quá lâu.”

Các thành viên trong đội ngũ hầu cận của nữ hoàng đang cắm đầu vào bữa tối của họ trong một môi trường kém xa hoa, lộng lẫy hơn tại phòng dành cho lính canh. Họ nhìn Annie và tôi chăm chú với bộ dạng hiếu kỳ khi chúng tôi đi qua.

“Hắn phải có một lộ trình ngắn hơn chứ,” tôi nói, căn môi nhìn xuống cái cầu thang dài. Đại Sảnh thậm chí còn đông đúc hơn.

“Cháu rất tiếc, thưa bà, nhưng không có,” Annie nói vẻ lấy làm tiếc.

“Vậy thì chúng ta đối mặt với đám đông hỗn tạp này thôi,” tôi thở dài nói.

Đại Sảnh chật ních người đến thỉnh cầu nữ hoàng. Tiếng xì xào kích động chào đón sự xuất hiện của tôi từ hướng khu phòng hoàng gia, tiếp theo sau là những tiếng lẩm bẩm thất vọng khi rõ ràng tôi chẳng phải là nhân vật quan trọng. Sau khi ở vương triều của Rudolf, tôi đã quen với việc là một món đồ thu hút sự chú ý, nhưng vẫn không thoải mái khi cảm thấy những cái nhìn mê đắm của loài người, vài cú thúc đến từ các yêu tinh, cái liếc nhìn râm ran nhức nhối của một phù thủy đơn độc. Dù vậy, khi cái nhìn chăm chăm lạnh lẽo của một ma cà rồng đặt lên lưng mình, tôi vẫn sợ hãi nhìn xung quanh.

“Thưa bà?” Annie hỏi.

Hai mắt tôi quét qua đám đông, nhưng không thể định vị được nguồn gốc xuất phát của cái nhìn đó.

“Không có gì cả, Annie,” tôi lẩm bẩm đáp, bồn chồn không yên. “Chỉ là trí tưởng tượng đang đánh lừa ta thôi mà.”

“Bà cần phải nghỉ ngơi ngay,” cô bé trách móc nghe rất giống Susanna.

Nhưng không có chuyện nghỉ ngơi chờ đợi tôi trong căn phòng tầng trệt rộng rãi của Matthew, nơi nhìn ra khu vườn riêng của nữ hoàng. Thay vào đấy, tôi tìm thấy nhà viết kịch hàng đầu nước Anh ở đó. Tôi sai Annie đi tìm và lôi Jack ra khỏi bất cứ đồng lõa nào thằng bé đang tự tạo ra cho mình và buộc bản thân cứng rắn để đối mặt với Christopher Marlowe.

“Xin chào Kit,” tôi nói. Anh chàng yêu tinh ngẩng lên từ bàn làm việc của Matthew, những trang thơ rải rác xung quanh. “Lúc nào cũng một mình à?”

“Walter và Henry đang dùng bữa với nữ hoàng. Tại sao cô không ở cùng họ?” Kit trông xanh xao, gầy gò và ngẩn ngơ. Anh ta đứng dậy và bắt đầu thu dọn giấy tờ, lo lắng liếc nhìn ra cửa như thể mong ngóng ai đó đi vào và ngắt ngang cuộc nói chuyện của chúng tôi.

“Quá mệt.” Tôi ngáp. “Nhưng anh không cần đi đâu, cứ ở lại và đợi Matthew đi. Anh ấy sẽ vui mừng được gặp anh. Anh đang viết gì thế?”

“Một bài thơ.” Sau câu trả lời gọn lỏn, Kit lại ngồi xuống. Có điều gì đó không ổn, anh chàng yêu tinh có vẻ cực kỳ bối rối.

Tấm thảm thêu treo tường sau lưng anh ta là hình một thiếu nữ có mái tóc vàng óng ả, đang đứng trong một tòa tháp nhìn ra biển. Nàng giơ cao một chiếc đèn lồng và đôi mắt nhìn ra xa. Điều đó giải thích hết thảy.

“Anh đang viết về Hero và Leander.” Đó không phải là một câu hỏi. Kit có lẽ vẫn vương vấn với Matthew và đang sáng tác thiên tình sử bất hủ, từ lúc chúng tôi lên thuyền trở về ở Gravesend vào tháng Một. Anh ta không đáp lời.

Sau một lúc, tôi ngâm nga vài câu thơ.

“Có kẻ thề chàng là một thiếu nữ trong bộ quần áo của đàn ông,

Vì lẽ mọi ánh nhìn của tất cả đàn ông đều khao khát,

Một bờ má đang mỉm cười hạnh phúc, một ánh mắt biết nói thành lời,

Một cái liếc đầu mày cuối mắt cho Tình yêu đêm dạ tiệc huy hoàng,

Và những kẻ biết chàng là người đàn ông sẽ nói,

Leander, nghệ thuật tạo nên vở kịch si tình:

Vì sao mi - nghệ thuật không yêu mà tình yêu lại bao trùm tất cả?”

Kit nhảy dựng khỏi chiếc ghế đang ngồi. “Trò phù thủy quỷ quái gì thế này? Cô biết rõ những gì tôi đang làm y như chính tôi vậy.”

“Chẳng phải trò quỷ quái gì cả, ai có thể hiểu được những gì anh đang cảm thấy rõ hơn tôi chứ?” Tôi cẩn thận nói.

Kit dường như đã lấy lại được khả năng kiểm soát, mặc dù hai bàn tay vẫn run rẩy khi đứng đó. “Tôi phải đi đây, tôi sắp gặp vài người ở trường đấu thương, nói chuyện về đám rước lộng lẫy và phô trương đặc biệt vào tháng sau, trước khi nữ hoàng lên đường du lịch hè. Tôi được đề nghị tới hỗ trợ.” Hằng năm, Elizabeth tiến hành đi vòng quanh đất nước với đoàn xe thùng kéo dài, gồm các thần tử và cận thần, sự ăn bám của đám quý tộc để lại đằng sau những món nợ khổng lồ cùng những cái chạn rỗng tuếch.

“Tôi chắc chắn sẽ nói với Matthew rằng anh đã ở đây. Anh ấy sẽ lấy làm tiếc vì lỡ mất dịp gặp anh.”

Ánh rạng rỡ lóe lên trong đôi mắt Marlowe. “Có lẽ bà sẽ muốn đi cùng tôi, bà Roydon ạ. Ngày hôm nay thật đẹp, và bà vẫn chưa được thấy Greenwich.”

“Cảm ơn Kit.” Tôi bối rối trước tốc độ thay tính đổi nết đến chóng mặt của anh ta, nhưng dù gì

anh ta cũng là một yêu tinh. Và anh ta đang mơ màng cũng vì Matthew. Mặc dù tôi hy vọng được nghỉ ngơi, và lời đề nghị của Kit cũng không được tự nhiên cho lắm, nhưng tôi nên nỗ lực để hòa hợp mới tốt. “Có xa lắm không? Tôi có phần hơi mệt sau cuộc hành trình.”

“Không xa đâu.” Kit cúi đầu chào. “Xin mời đi trước!”

Trường đấu thương ở Greenwich tương tự như một sân vận động điền kinh lớn với khu vực quây dây thừng dành cho các đấu sĩ, bục ngồi dành cho khán giả và rải rác đây đó các trang thiết bị.

“Đó là nơi diễn ra trận đấu thương ngựa à?” Tôi có thể hình dung ra tiếng móng ngựa nện trên đất, khi các hiệp sĩ tăng tốc lao vào nhau, những cây thương của họ nghiêng một góc ngang qua cổ ngựa để có thể đâm vào khiên của đối thủ và hất ngã anh ta.

“Đúng thế, cô có muốn nhìn gần hơn không?”
Kit hỏi.

Nơi này thật hoang vắng. Những cây thương cắm khắp nơi trên mặt đất. Tôi nhìn thấy thứ gì đó trông đáng sợ như một cái giá treo cổ, với đầu cọc thẳng đứng và cánh tay đòn dài. Tuy nhiên, không phải một cây người mà là một túi cát đang đung đưa dưới đầu dây. Nó đã bị chọc thủng và một dòng cát nhỏ chảy ra.

“Một cái giá luyện tập cưỡi ngựa đấu thương,” Marlowe giải thích, ra hiệu về phía dụng cụ. “Người cưỡi nhắm mũi thương vào bao cát.” Anh ta vói tay đẩy tay đòn để chỉ cho tôi xem. Nó đung đưa vòng quanh, tạo thành một mục tiêu chuyển động để mài giũa kỹ năng của hiệp sĩ. Mắt Marlowe rà quét khắp trường đấu.

“Người đàn ông đó sẽ gặp anh ở đây à?” Tôi cũng nhìn quanh. Nhưng người duy nhất tôi trông thấy là một phụ nữ cao lớn, tóc đen và mặc một chiếc váy màu đỏ chói. Cô ta còn ở títt đằng xa, không nghi ngờ gì là cô ta đang có một cuộc hẹn hò lãng mạn sau bữa tối.

“Cô đã bao giờ trông thấy chiếc giá luyện tập kia chưa?” Kit chỉ về hướng ngược lại, nơi một hình nhân làm từ rơm và vải bao thô được buộc vào một cây cọc. Thứ này nữa, trông càng giống một kiểu máy hành hình hơn là một dụng cụ thể thao.

Tôi cảm thấy một ánh nhìn chăm chú và lạnh lẽo. Trước khi kịp xoay người lại, một ma cà rồng đã bắt được tôi bằng hai cánh tay như gọng kìm, nhưng không phải Matthew.

“Tại sao, cô nàng thậm chí còn ngon lành hơn ta hy vọng đấy,” một phụ nữ nói, hơi thở lạnh lẽo của cô ta phả vào cổ tôi.

Hoa hồng. Xạ hương. Tôi biết những mùi này, và cố gắng nhớ lại nơi mình đã ngửi thấy sự kết hợp này trước đây.

Sept-Tours. Phòng của Louisa de Clermont.

“Có thứ gì đó trong máu của cô ta hấp dẫn wearh không cưỡng nổi,” Kit cộc cằn nói. “Tôi không hiểu nó là gì, nhưng thậm chí cả Cha Hubbard dường như cũng bị cô ta áp chế.”

Những chiếc răng sắc lẹm cào vào cổ tôi, mặc dù không phá rách làn da. “Chơi đùa cùng cô nàng sẽ thú vị lắm đây.”

“Kế hoạch của chúng ta là giết chết cô ả,” Kit phàn nàn. Lúc này, hẳn thậm chí còn run rẩy và bất an hơn khi Louisa ở đây. Tôi vẫn im lặng, cố gắng đến tuyệt vọng để đoán ra trò bịp họ đang chơi đùa. “Khi đó mọi chuyện sẽ trở về như cũ.”

“Kiên nhẫn nào.” Louisa uống vào mùi hương của tôi. “Người có người thấy mùi sợ hãi của cô nàng không? Nó luôn làm khẩu vị của ta ngon hơn.”

Kit nhích lại gần hơn, vẻ say mê.

“Nhưng người anh xanh xao quá, Christopher à. Có cần nhiều thuốc hơn không?” Louisa điều chỉnh lại tư thế nắm giữ tôi để có thể thò tay vào túi. Cô ta đưa cho Kit một viên thuốc nhóp nhép, hình thoi màu nâu. Hắn đón lấy một cách vui sướng và tống nó vào miệng. “Chúng thật thần kỳ phải không? Những kẻ máu nóng ở Đức gọi chúng là ‘Viên đá bất tử’, vì thành phần của nó làm cho những con người đáng thương có cảm giác như thần thánh. Chúng làm người cảm thấy mình lại khỏe mạnh trở lại.”

“Chính ả phù thủy này làm tôi yếu đi, cũng như ả đã khiến em trai cô suy yếu.” Đôi mắt Kit trở nên trong suốt như thủy tinh, có một vị ngòn ngọt ghê tởm trong hơi thở của hắn. Thuốc phiện. Chẳng trách hắn cư xử lạ lùng như thế.

“Có thật không, phù thủy? Kit nói người đã trói buộc em trai ta trái với ý nguyện của nó.” Louisa lắng tôi một vòng. Khuôn mặt của cô ta được miêu tả xinh đẹp y như trong mọi cơn ác mộng của loài máu nóng về ma cà rồng: làn da tái nhợt như men sứ, mái tóc sẫm màu và đôi mắt đen như phủ sương bởi thuốc phiện. Sự hiểm ác cuộn cuộn thoát ra từ cô ta cùng đôi môi đỏ mọng cong cong hoàn hảo, không chỉ gọi cảm mà còn tàn bạo. Đây là sinh vật sẽ đi săn và giết chóc mà không hề có mảy may thương xót trắc ẩn.

“Tôi không trói buộc em trai chị, tôi chọn anh ấy và anh ấy cũng chọn tôi, Louisa.”

“Người biết ta là ai à?” Đôi lông mày đen của Louisa nhướng lên.

“Matthew không giữ bí mật nào với tôi cả vì chúng tôi là bạn đời kết đôi, cũng đồng thời là vợ chồng. Cha chị đã chủ trì hôn lễ của chúng tôi.” Cảm ơn cha, Philippe.

“Đối trá!” Louisa gào lên. Đôi đồng tử của cô ta thu lại sâu vào trong tròng mắt khi sự kiểm soát vỡ nát. Không chỉ là thuốc phiện, tôi sẽ phải đối mặt với cả cơn cuồng máu của cô ta nữa.

“Đừng tin lời ả ta nói,” Kit nhảy vào cảnh cáo rồi lôi từ túi áo ra một con dao găm và tóm giật lấy tóc tôi. Tôi kêu lên đau đớn khi hắn vặn đầu tôi ngửa ra sau còn con dao găm thì đi vòng qua mắt phải của tôi. “Tôi sẽ móc mắt ả ra để ả không thể dùng chúng quyến rũ hay nhìn thấy số mệnh của tôi được nữa. Tôi chắc chắn là ả biết về cái chết của tôi. Không có thị lực của phù thủy, ả sẽ không nắm giữ được chúng ta – và cả Matthew nữa.”

“Ả phù thủy này không xứng đáng với một cái chết nhanh chóng như thế,” Louisa chưa chút nói. Kit ấn con dao vào phần da thịt bên dưới xương lông mày của tôi, một giọt máu lăn xuống. “Đó không phải thỏa thuận của chúng ta, Louisa. Để phá vỡ bùa chú của ả, tôi phải có đôi mắt ả, sau đó tôi muốn ả ta chết và biến mất mãi mãi. Chừng nào ả phù thủy này còn sống, Matthew sẽ không bao giờ quên ả.”

“Suyt, Christopher, tôi không yêu anh ư? Chúng ta không phải đồng minh ư?” Louisa vờ tới Kit và hôn hắn thật sâu. Cô ta di miệng dọc theo quai hàm, xuống nơi dòng máu đang đập trong huyết mạch của hắn. Đôi môi cô ta chà xát lên đó, và tôi thấy vết máu hiện ra theo cử động của cô ta. Kit rít vào một hơi run rẩy rồi nhắm mắt lại.

Louisa uống máu từ cổ gã yêu tinh đó một cách đói khát. Trong lúc đó, tôi vẫn đứng nguyên một chỗ và bị khóa cứng trong hai cánh tay mạnh mẽ của ma cà rồng này. Tôi cố trườn người thoát ra, nhưng nắm tay cô ta càng siết tôi chặt thêm trong khi răng môi vẫn hút máu Kit.

“Christopher ngọt ngào,” cô ta lẩm bẩm khi đã uống no và đang liếm láp vết thương đó. Dấu vết trên cổ Kit có màu bạc và mềm mại y như vết sẹo trên ngực tôi. Louisa chắc hẳn đã uống máu

hắn trước đây rồi. “Ta có thể nếm được sự bất tử trong máu của anh và thấy được những ngôn từ đẹp để nhảy múa qua những suy nghĩ của anh. Matthew là đồ ngốc mới không muốn chia sẻ chúng với anh.”

“Anh ấy chỉ muốn ả phù thủy này.” Kit chạm vào cổ tượng trưng rằng đó là Matthew chứ không phải chị gái anh đã uống máu từ huyết quản của hắn. “Tôi muốn ả chết.”

“Cũng như ta thôi.” Louisa chuyển cặp mắt đen thẳm thẳm nhìn sang tôi. “Và vì vậy, chúng ta sẽ cạnh tranh vì ả. Bất kể ai thắng, cũng sẽ bắt ả phải chuộc tội cho những sai lầm đã làm với em trai ta. Anh bạn hiểu chứ, người tình bé nhỏ của ta?”

Hai kẻ bọn họ giờ đang say thuốc vì Louisa đã chia sẻ dòng máu đầy thuốc phiện của Kit. Tôi bắt đầu hoảng loạn, rồi nhớ lại những chỉ dẫn của Philippe ở Sept-Tours.

Hãy suy nghĩ. Hãy sống sót.

Rồi tôi nhớ tới đứa con bé bỏng và cơn hoảng loạn quay trở lại, tôi không thể gây nguy hiểm cho con của chúng tôi.

Kit gật đầu. “Tôi sẽ làm bất kỳ điều gì để có lại được sự quan tâm của Matthew.”

“Ta cũng nghĩ vậy.” Louisa cười và lại hôn hắn một lần nữa. “Chúng ta sẽ chọn màu sắc của mình chứ?”

“Chị đang gây ra một sai lầm kinh khủng đó, Louisa,” tôi cảnh cáo và cố vùng vẫy khỏi sự trói buộc. Cô ta cùng Kit đã vớt con bù nhìn rơm kỳ dị đi và trói tôi thế vào đó. Kit còn bịt mắt tôi bằng dải lụa màu xanh sẫm lấy xuống từ một mũi thương, để tôi không thể bỏ bùa họ bằng ánh mắt của mình. Cả hai đang đứng gần bên tôi, tranh cãi xem nên dùng cây thương màu đen bạc hay chiếc màu vàng và xanh lục.

“Chị có thể tìm thấy Matthew ở chỗ nữ hoàng và anh ấy sẽ giải thích tất cả.” Tôi cố gắng giữ giọng nói thật bình tĩnh nhưng không được. Matthew từng kể cho tôi nghe về người chị gái này hồi còn ở Oxford thời hiện đại, khi cả hai uống trà bên lò sưởi trong Chòi Góc Cổ của anh. Cô ta cũng xấu xa như chính vẻ đẹp của mình.

“Người còn dám thốt ra tên anh ấy sao?” Kit tức tối.

“Đừng nói lời nào nữa, con phù thủy kia, nếu không ta sẽ để Christopher cắt lưỡi người đấy.” Giọng Louisa thật độc địa và không cần nhìn vào mắt cô ta, tôi cũng có thể nhận ra sự hòa trộn giữa hoa anh túc cùng cơn khát máu chẳng có gì tốt đẹp. Đinh nhọn trên viên kim cương của Ysabeau cào nhẹ lên má tôi khiến máu rỉ ra. Louisa đã bẻ ngón tay tôi để giật lấy chiếc nhẫn rồi đeo cho mình.

“Tôi là vợ của Matthew, người bạn đời của anh ấy. Chị hãy tưởng tượng xem phản ứng của anh ấy sẽ thế nào, khi phát hiện những việc chị đã làm?”

“Người là một con quái vật. Nếu ta chiến thắng thử thách này, ta sẽ lột trần cái vẻ ngoài giả tạo của con người người và khám phá điều ẩn giấu bên dưới.” Từng lời nói chảy vào tai tôi như một loại độc dược. “Và ta đã nói rồi, khi Matthew nhìn thấy con người thật của người, nó sẽ rất vui mừng được chia sẻ niềm khoái lạc nhìn người chết cùng ta.”

Tiếng nói chuyện của bọn họ nhỏ hơn khi đi xa dần nên tôi không thể biết được họ ở đâu hay họ sẽ quay lại từ hướng nào. Giờ đây, tôi hoàn toàn đơn độc.

Hãy suy nghĩ. Hãy sống sót.

Có điều gì đó đang rung lên trong lồng ngực tôi nhưng không phải là cảm giác hoảng sợ. Đó là rùng rợn. Tôi không đơn độc và tôi là một phù thủy. Tôi không cần đôi mắt này để có thể quan sát thế giới xung quanh.

Người thấy điều gì? Tôi hỏi đất và không khí.

Chính rùng rợn đã trả lời tôi. Cô nàng kêu rú rít, vỗ cánh một cách hào hứng giữa bụng và hai lá phổi của tôi trong lúc đánh giá tình huống xung quanh.

Họ ở đâu? Tôi tự hỏi.

Con mắt thứ ba mở rộng, tôi trông thấy nhiều màu sắc lung linh vào thời điểm cuối xuân, với những tia sáng rực rỡ màu xanh dương và xanh lục. Sợi tơ màu xanh lục thẩm bện xoắn cùng sợi tơ trắng và vỏ rối lại quanh thứ gì đó màu đen. Tôi lần theo tới chỗ Louisa, cô ta đang leo lên lưng một con ngựa bị kích động. Nó vẫn không hề ngần ngại di chuyển, chẳng chịu đứng yên dưới chân ma cà rồng nên Louisa cắn vào cổ con ngựa để buộc nó không nhúc nhích, nhưng không thể giảm nhẹ nỗi khiếp sợ của nó.

Tôi theo dấu những sợi tơ khác có màu đỏ thẫm và trắng, định ninh rằng chúng sẽ dẫn tới chỗ Matthew. Nhưng thay vào đó, tôi trông thấy một tập hợp hình dáng và màu sắc xoắn tít, gây hoang mang, kinh ngạc. Tôi ngã ra xa, thật xa, tới khi rơi phịch xuống một tấm đệm lạnh lẽo.

Tuyết. Tôi hít lấy bầu không khí giá băng của mùa đông vào phổi. Tôi không còn đang bị trói vào chiếc cọc trong cung điện Greenwich vào một buổi chiều cuối tháng Năm nữa. Giờ thì tôi mới khoảng bốn hoặc năm tuổi, đang nằm ngửa trên mảnh sân nhỏ phía sau ngôi nhà của gia đình tại Cambridge.

Và tôi nhớ lại.

Cha và tôi đang chơi đùa sau một trận tuyết lớn. Đôi găng tay hở ngón màu đỏ sẫm Harvard thật tương phản với màu trắng tinh khiết. Chúng tôi làm thiên thần trên nền tuyết, hai cánh tay và đôi chân quét lên xuống. Vào lúc đó, tôi đang bị cuốn hút bởi câu hỏi, làm thế nào mà mỗi khi di chuyển cánh tay đủ nhanh thì những đôi cánh thiên thần trắng lại thoáng màu đỏ nhạt.

“Tựa như con rồng có đôi cánh lửa vậy,” tôi thì thầm với cha. Hai tay ông vẫn giữ nguyên.

“Con trông thấy rồng khi nào hả Diana?” Giọng ông có vẻ nghiêm trọng. Tôi biết rõ sự khác biệt giữa âm điệu nghiêm túc lúc này và giọng trêu đùa thường lệ. Ngụ ý là ông muốn nhận được câu trả lời, một câu trả lời thành thực.

“Nhiều lần lắm, phần lớn là vào buổi tối ạ.” Hai cánh tay tôi kéo nhanh và nhanh hơn. Lớp tuyết bên dưới bị xoáy tròn và đổi màu, tỏa ra những ánh sáng nhẹ nhẹ màu xanh lục và vàng, đỏ và đen, bạc và lục lam.

“Vậy chúng thường ở đâu?” Ông thì thầm, nhìn chăm chú vào đồng tuyết. Chúng đang được dồn đầy dần quanh người tôi, nặng nề và ầm ầm như thể sức sống tồn tại. Một chồng tuyết ngày càng chất cao và kéo dài ra quanh chiếc đầu mảnh khảnh của con rồng. Phần tuyết bị gạt rộng ra thành hình một đôi cánh. Con rồng rũ bỏ đám tuyết khỏi lớp vảy trắng của nó. Khi nó quay sang nhìn cha tôi, ông lẩm bẩm điều gì đó và vỗ nhẹ lên mũi con rồng, như thể cả hai từng gặp mặt trước đây. Nó nhả ra những hơi thở ấm áp làm bốc hơi bầu không khí giá lạnh.

“Gần như là bên trong con - ở đây ạ.” Tôi ngồi lên để bày tỏ cho cha hiểu rõ ý mình. Đôi bàn tay đeo găng hở ngón của tôi đặt lên vòm ngực. Chúng nhận được hơi ấm qua làn da, qua lớp áo khoác và qua những sợi len đan sát của chiếc găng. “Tuy vậy, khi cô nàng cần bay nhảy, con hãy cho cô nàng ra ngoài vì ta không đủ không gian cho nó sai rộng cánh.”

Một cặp cánh sáng lấp lánh đặt trên nền tuyết sau lưng tôi.

“Con để rơi đôi cánh của chính mình ở phía sau kìa,” cha tôi nghiêm khắc nói.

Nàng rồng bò ra khỏi đồng tuyết. Đôi mắt màu đen bạc của nó chớp chớp khi được sai cánh tự do bay lên không trung và biến mất bên kia cây táo. Hình ảnh của nó ngày càng trở nên mơ hồ hơn mỗi lần đập cánh. Còn đôi cánh đã mờ dần đi trên lớp tuyết sau lưng tôi.

“Rồng không mang con theo cùng và cô nàng chẳng bao giờ ở lâu,” tôi thở dài nói. “Tại sao vậy cha?”

“Có lẽ nó còn nhiều nơi khác cần tới.”

Tôi ngẫm nghĩ khả năng này. “Giống như con và mẹ tới trường phải không ạ?” Bố mẹ tới trường thường khiến lũ trẻ con bối rối. Tất cả đám trẻ trong khu nhà đều nghĩ vậy cho dù bố mẹ chúng cũng gần như ở trường cả ngày.

“Kiểu như vậy.” Cha tôi vẫn ngồi trên tuyết, hai cánh tay ông vòng quanh đầu gối và ông mỉm cười. “Cha yêu cô phù thủy trong con, Diana à.”

“Cô nàng sợ mẹ.”

“Không.” Cha lắc đầu. “Mẹ chỉ sợ thay đổi thôi.”

“Con đã cố gắng giữ bí mật về con rồng nhưng con nghĩ mẹ biết cả,” tôi rầu rĩ nói.

“Các bà mẹ thường nhận ra dễ dàng,” cha tôi nói và nhìn xuống nền tuyết. Đôi cánh của tôi giờ đã biến mất hoàn toàn. “Nhưng mẹ cũng biết lúc nào con muốn uống chocolate nóng. Nếu giờ chúng ta vào nhà, cha đoán mẹ đã làm sẵn rồi đấy.” Cha tôi đứng dậy và giơ tay ra.

Tôi đan bàn tay đeo chiếc găng hở ngón màu đỏ sậm vào trong cái nắm siết của cha.

“Cha sẽ luôn ở đây để nắm tay con mỗi khi trời trở tối chứ?” Tôi hỏi.

Màn đêm đang buông xuống và tôi đột nhiên có cảm giác e sợ những cái bóng. Lũ quái vật ẩn nấp trong chốn u ám, những sinh vật xa lạ thường quan sát tôi lúc chơi đùa.

“Không,” cha tôi đáp kèm theo một cái lắc đầu. Môi tôi run run bởi đó không phải là câu trả lời mà tôi mong muốn. “Nhưng đừng lo.” Giọng ông nói nhỏ thành lời thì thầm. “Con luôn có nàng rồng ở bên mà.”

Một giọt máu từ vết da bị rạch gần mắt rơi và nhỏ thẳng xuống nền đất bên cạnh. Mặc dù bị bịt mắt, tôi có thể cảm thấy chuyển động chậm rãi của nó và cách nó tiếp đất, trở thành một vết máu ướt. Một mầm cây nhô lên từ đó.

Những chiếc móng vuốt đang ầm ầm lao về phía tôi. Ai đó vừa hét lên một tiếng tang thương và cao vút, gọi nhớ tới hình ảnh những trận chiến cổ xưa. Âm thanh đó khiến rồng lửa càng bồn chồn hơn. Tôi cần giải thoát mình thật nhanh.

Thay vì cố gắng tiếp tục quan sát các sợi tơ dẫn tới chỗ Kit và Louisa, tôi tập trung vào những sợi dây được đan kết rồi buộc chặt quanh cổ tay và mắt cá chân mình. Khi định nói lỏng chúng ra thì một vật sắc nhọn và nặng nề bỗng đập vào xương sườn của tôi. Cú va chạm khiến tôi thổ huyết ra.

“Đừng đánh!” Kit hét lên. “Ả phù thủy này là của tôi mà!”

“Sượt qua thôi,” Louisa đính chính. “Anh phải đâm được cây thương vào cơ thể cô ả thì mới tuyên bố ả là chiến lợi phẩm của mình được.”

Buồn thay, tôi chẳng biết chút luật chơi nào, cả trò đấu thương lẫn phép thuật. Goody Alsop đã nói thẳng trước khi chúng tôi rời Praha. Tất cả những gì cô có lúc này là một con rồng lửa ương ngạnh, một quầng sáng gần như làm mù mắt và xu hướng đặt ra những câu hỏi yêu cầu những câu trả lời tinh quái, bà ấy đã nói vậy. Tôi đang bỏ mặc công việc dệt thần chú của mình để ủng hộ các mưu đồ triều chính cũng như ngừng việc theo đuổi phép thuật của bản thân để săn tìm Ashmole 782. Có thể nếu tôi ở lại London thì giờ đã biết cách kéo bản thân ra khỏi mớ hỗn độn này, thay vì bị trói vào một cây cột lớn như phù thủy trên giàn hỏa thiêu.

Suy nghĩ. Sống sót.

“Chúng ta phải thử lần nữa,” Louisa nói. Giọng cô ta nhỏ dần trong lúc quay đầu ngựa và tiến ra xa.

“Đừng làm vậy Kit,” tôi nói. “Hãy nghĩ đến Matthew. Nếu anh muốn tôi đi, tôi sẽ đi. Tôi hứa.”

“Lời hứa của người chẳng là cái thá gì cả, đồ phù thủy ạ. Người sẽ bắt chéo ngón tay và tìm cách lách khỏi lời cam kết của chính mình. Thậm chí lúc này, ta đã có thể thấy quầng sáng quanh người, khi người cố gắng dùng phép thuật chống lại ta.”

Một quầng sáng gần như làm mù mắt. Những câu hỏi khơi gợi những câu trả lời tinh ranh. Và một con rồng lửa bất trị.

Mọi thứ thật tĩnh lặng.

Chúng ta nên làm gì đây? Tôi hỏi rồng lửa.

Câu trả lời là tiếng vỗ nhẹ cánh rồi rải rộng ra hết cỡ. Đôi cánh trượt giữa các xương sườn, xuyên qua lớp thịt và hiện ra ở hai bên xương sống. Nàng rồng lửa nằm yên tại đó cùng chiếc đuôi quấn quanh để bảo vệ dạ con của tôi. Nó lén nhìn trộm từ sau xương ức, đôi mắt màu đen bạc và lại vỗ cánh lần nữa.

Hãy sống sót, cô nàng thì thầm đáp lại, từng từ ngữ tỏa ra một màn sương mù xám che phủ quanh tôi.

Sức mạnh từ đôi cánh vỗ vào cọc gỗ dày sau lưng, phần răng cưa kiểu như mép vỏ sò của chiếc cánh cắt xuyên qua sợi dây buộc cổ tay. Và thứ gì đó giống hình móng vuốt sắc nhọn cắt qua phần dây buộc quanh mắt cá chân tôi. Khi Kit cùng Louisa tiến vào màn mây xám do rồng lửa tung ra đánh lạc hướng, tôi liền phóng người lên cao khoảng hơn mười mét. Họ chuyển động quá nhanh nên không thể dừng lại hay đổi hướng. Hai chiếc thương đan chéo nhau rồi rớt tung lên và lực va chạm khiến cả hai bắn ra khỏi lưng ngựa. Ngay khi tôi vừa xé toạc chiếc khăn bịt mắt bằng bàn tay lạnh lặn thì Annie xuất hiện bên mép trường đấu.

“Bà chủ!” Con bé thét lên. Nhưng tôi không muốn cô nhóc ở đây, gần Louisa de Clermont.

“Đi đi!” Tôi rít lên. Từng lời nói tỏa ra lửa cùng khói trong lúc tôi bay quanh Kit và Louisa.

Máu nhỏ ra quanh cổ tay và chân tôi. Cứ nơi nào có giọt máu đỏ nhỏ xuống thì một mầm cây màu đen lại chồi lên. Rất nhanh chóng, một hàng rào màu đen được tạo ra từ các thân cây mảnh khảnh, vây quanh tên yêu tinh và ả ma cà rồng trước sự kinh ngạc của họ. Louisa cố gắng nhổ chúng khỏi mặt đất nhưng phép thuật của tôi giữ hàng rào đứng yên.

“Tôi sẽ được tiên đoán tương lai của hai người chứ?” Tôi hỏi một cách cay nghiệt khi cả hai bọn họ nhìn lên tôi từ luồng cây phía dưới với ánh mắt lo sợ nhưng đầy thèm khát. “Anh sẽ chẳng bao giờ thỏa mãn nỗi thèm khát muốn trong trái tim được, Kit ạ, bởi đôi khi ta không thể có thứ mình mong muốn nhất. Và cô cũng chẳng thể lấp đầy những khoảng trống trong lòng, Louisa – dù bằng máu hay cơn tức giận. Cả hai cũng sẽ chết, bởi cái chết đang tới bên hai người không sớm thì muộn. Tuy vậy, tôi cam đoan những cái chết đó không hề nhẹ nhàng đâu.”

Một cơn lốc tiến tới gần. Tôi vẫn đứng yên và nhận ra Hancock.

“Davy!” Những ngón tay màu ngọc trai của Louisa siết lấy các thanh cọc bao quanh mình. “Giúp bọn ta. Ả phù thủy này dùng phép thuật để hạ nhục ta và Kit. Hãy đoạt lấy đôi mắt của ả, cậu sẽ tước đi sức mạnh phù thủy.”

“Matthew đang tới đây, Louisa,” Hancock đáp lại. “Nếu cô ở trong hàng rào bảo vệ của Diana sẽ an toàn hơn là bỏ chạy trước cơn giận dữ của Matthew đấy.”

“Chẳng có ai trong chúng ta sẽ an toàn cả. Ả sẽ thực hiện lời tiên tri cổ xưa mà Gerbert từng nói với Maman nhiều năm trước. Ả ta sẽ phá hủy nhà de Clermont!”

“Chẳng có chút sự thật nào trong lời tiên tri đó cả!” Hancock thương hại nói.

“Có đấy!” Louisa khẳng định. “Hãy cẩn thận ả phù thủy mang trong mình dòng máu của sư tử và chó sói này, bởi chính ả là người sẽ tiêu diệt những đứa con của bóng đêm. Lời tiên tri nói về ả phù thủy này, cậu không thấy sao?”

“Tôi có thể thấy rõ là cô không được khỏe, Louisa ạ.”

Louisa đứng thẳng người và hét lên giận dữ. “Ta là một manjasang và ta hoàn toàn khỏe mạnh,

Hancock.”

Henry chạy tới cùng Jack ngay sau đó, hai bên lồng ngực phập phồng vì gắng sức. Henry đưa mắt nhìn quanh trường đấu.

“Cô ấy đâu rồi?” Anh ta hét lên với Hancock, mắt nhìn xung quanh.

“Trên kia,” Hancock đáp, ra dấu ngón cái lên trời. “Như Annie nói.”

“Diana.” Henry thở phào nhẹ nhõm.

Một cơn gió xoáy u ám màu xám đen cuốn tới đấu trường và dừng lại ngay bên cây cọc gãy mà tôi bị trói vào. Matthew chẳng cần ai thông báo vị trí của tôi lúc này vì đôi mắt anh tìm thấy tôi ngay lập tức.

Walter và Pierre là những người đến cuối cùng. Pierre đang cố Annie quay lại, hai cánh tay gầy guộc của con bé bám chặt quanh cổ anh ta. Khi Pierre dừng lại, cô nhóc trượt xuống đất.

“Walter!” Kit hét lên cùng với Louisa từ sau hàng rào. “À ta phải dừng lại. Thả chúng tôi ra, anh biết phải làm gì mà. Tôi đã nói chuyện với một phù thủy ở Newgate, và...”

Một cánh tay thọc xuyên qua các thanh rào đen và những ngón trắng dài tóm lấy cổ họng Kit. Marlowe lục đục vài tiếng rồi im lặng.

“Không. Được. Nói. Một. Từ. Nào. Cả.” Đôi mắt của Matthew quét qua Louisa.

“Matthieu.” Máu và thuốc phiện vẫn ảnh hưởng tới cách phát âm kiểu Pháp của Louisa. “Tạ ơn Chúa là em ở đây, chị rất vui được gặp em.”

“Chị không nên thấy vui mừng.” Matthew ném Kit ra xa.

Tôi hạ xuống phía sau lưng anh, đôi cánh mới mọc rút trở lại vào bên trong xương sườn. Nàng rồng lửa vẫn tiếp tục cảnh giác, chiếc đuôi vẫn cuốn chặt quanh dạ con tôi. Matthew cảm nhận được sự hiện diện của tôi, liền vòng tay ôm tôi vào lòng trong khi ánh mắt không hề rời khỏi những kẻ bị giam giữ kia. Các ngón tay của anh lướt tới chỗ cây thương đập vào người tôi, lần qua vạt áo dài, áo trong và làn da, rồi dừng lại phía trên lồng ngực. Vết thương giờ ướt đầm máu.

Matthew xoay người tôi ngả lên đầu gối anh, rồi xé lớp vải áo bên trên vết thương. Anh chửi thề, đặt tay lên bụng và đôi mắt thì rà soát kỹ toàn bộ cơ thể của tôi.

“Em khỏe. Bọn em vẫn khỏe,” tôi quả quyết với anh.

Anh đứng dậy, đôi mắt đen sẫm lại và mạch máu nơi thái dương giãn giãn.

“Ngài Roydon?” Jack rút rè tới gần Matthew. Chiếc cằm của cậu nhóc đang run rẩy. Bàn tay của Matthew bắn ra và tóm lấy cổ áo cậu bé trước khi nó có thể tới quá gần bên tôi. Jack không hề nao núng. “Ngài đang gặp ác mộng à?”

Bàn tay của Matthew thả cậu nhóc ra. “Phải, Jack, một cơn ác mộng kinh hoàng.” Jack đan tay mình vào trong tay Matthew. “Cháu sẽ đợi bên cạnh ngài cho tới khi nó kết thúc.” Hai mắt tôi rơm rớm nước. Matthew vẫn thường nói câu này với Jack vào những đêm mà nỗi khiếp sợ có thể nhấn chìm cậu nhóc.

Bàn tay của Matthew siết chặt lấy tay Jack trong sự thấu hiểu im lặng. Cả hai đứng yên – một người cao lớn tráng kiện, một người thì mỏng manh và ngưng đọng, hai cái bóng mờ nhạt đổ xuống. Cơn thịnh nộ của Matthew bắt đầu nguôi dần.

“Khi Annie nói với anh rằng một nữ wearh đang bắt em, anh chẳng thể nghĩ rằng...” Anh không thể nói tiếp.

“Là Christopher!” Louisa hét lên, tránh xa khỏi gã yêu tinh cuồng dại ở bên cạnh. “Gã nói em đã bị bỏ bùa, nhưng chị có thể ngửi thấy mùi máu của cô ta trên người em. Em không bị trúng bùa của cô ta mà được cô ta nuôi dưỡng.”

“Cô ấy là người bạn đời của em,” Matthew giải thích bằng giọng điệu chết chóc. “Và cô ấy đang có mang.”

Marlowe rít lên thành tiếng trong khi đôi mắt thì thúc thẳng vào bụng tôi. Tôi liền đưa cánh tay gầy lên bảo vệ con khỏi ánh mắt chăm chú của gã yêu tinh này.

“Chuyện này không thể nào, Matthew không thể...” Vẻ rối loạn trên mặt Kit chuyển thành giận dữ.

“Thậm chí lúc này đây, ả ta còn bỏ bùa anh ấy. Sao người có thể phản bội anh ấy theo cách này? Ai mới là cha đứa con của người, bà Roydon?”

Mary Sidney cho rằng tôi từng bị cưỡng đoạt. Gallowglass thì quy đứa bé là con của tình nhân hoặc người chồng đã mất của tôi, chính điều này đã đánh thức bản năng bảo vệ của Matthew và cũng lý giải được cho mối tình mau chóng của chúng tôi. Đối với Kit, khả năng duy nhất là tôi đã cảm sùng người đàn ông mà gã yêu.

“Bắt lấy ả ta, Hancock!” Louisa van xin. “Chúng ta không thể để một mụ phù thủy đưa thứ tạp chủng của nó vào nhà de Clermont.”

Hancock lắc đầu rồi khoanh tay.

“Chị cố gắng hạ nhục người bạn đời của em, chị còn khiến cô ấy đổ máu,” Matthew nói. “Và đứa bé không phải tạp chủng, nó là con của em.”

“Không thể nào,” Louisa nói nhưng giọng điệu giờ chẳng còn chắc chắn.

“Đứa bé là của em,” em trai cô ta lặp lại một cách quả quyết. “Xác thịt của em. Dòng máu của em.”

“Cô ta mang trong mình dòng máu của loài sói,” Louisa thì thầm. “Ả phù thủy này chính là người mà lời tiên tri nhắc tới. Nếu đứa bé còn sống, nó sẽ tiêu diệt tất cả chúng ta!”

“Đưa họ biến khỏi tầm mắt của ta.” Giọng nói của Matthew nhuộm màu chết chóc và đầy thịnh nộ. “Trước khi ta xé xác họ thành nhiều mảnh và quăng cho chó ăn.” Anh đập vỡ cái hàng rào và tóm lấy người bạn cùng chị gái của mình.

“Ta sẽ không đi...” Louisa vừa mở miệng thì nhìn xuống đã thấy Hancock nắm lấy cánh tay mình.

“Ồ, cô sẽ đi tới nơi nào tôi dẫn đến,” anh ta diu dàng nói. Hancock lấy chiếc nhẫn của Ysabeau khỏi ngón tay Louisa và ném sang Matthew. “Tôi tin rằng vật này là của vợ anh.”

“Còn Kit?” Walter hỏi, đưa mắt nhìn Matthew thận trọng.

“Có vẻ họ rất thích nhau, nhất anh ta cùng Louisa.” Matthew đẩy gã yêu tinh về phía Raleigh.

“Nhưng cô ấy sẽ...” Walter định nói.

“Uống máu gã ư?” Matthew tỏ vẻ cay nghiệt. “Chị ta đã làm rồi. Cách duy nhất để một ma cà

rồng cảm thấy tác dụng của rượu hay liều thuốc là tĩnh mạch của loài máu nóng.”

Walter phán đoán tâm trạng của Matthew rồi gật đầu. “Tốt thôi, Matthew. Chúng tôi sẽ làm theo những gì anh muốn. Hãy đưa Diana cùng bọn trẻ tới Blackfriars và để mọi chuyện khác cho Hancock và tôi.”

“Tôi đã bảo anh ấy không cần lo lắng gì mà. Đứa bé vẫn khỏe.” Tôi kéo chiếc áo lót của mình xuống. Đáng lẽ tất cả đã về thẳng nhà nhưng Matthew lại phái Pierre đi tìm Susanna và Goody Alsop. Giờ đây, căn nhà ngập tràn những ma cà rồng và phù thủy đầy giận dữ. “Có lẽ bà có thể thuyết phục anh ấy.”

Susanna rửa tay trong chậu nước xà phòng nóng. “Nếu chồng của cô không tin vào chính mắt mình thì tôi chẳng thể làm hay nói gì để thuyết phục ông ấy cả.” Bà cất tiếng gọi Matthew. Gallowglass vào cùng anh, cả hai đứng kín cả ô cửa.

“Có thật là cô không sao chứ?” Khuôn mặt của Gallowglass tái mét.

“Tôi bị gãy một ngón tay và rạn một cái xương sườn. Chỉ cần ngã cầu thang cũng có thể bị vậy rồi nhưng nhờ Susanna mà ngón tay bị gãy của tôi đã lành.” Tôi duỗi thẳng bàn tay vẫn bị sưng phồng và phải đeo chiếc nhẫn của Ysabeau sang tay kia, tuy vậy, các ngón tay có thể cử động mà không đau đớn. Vết cắt bên người sẽ mất nhiều thời gian hơn. Matthew đã từ chối việc dùng máu ma cà rồng để chữa lành nó nên Susanna phải tìm giải pháp thay thế là một loại thuốc đắp và vài mũi khâu phép thuật.

“Giờ chúng ta có quá nhiều lý do chính đáng để căm ghét Louisa,” Matthew dứt khoát, “nhưng cũng phải cảm ơn rằng: Chị ta không định giết em vì Louisa mà đã nhắm mục tiêu thì không thể trượt được. Giả như chị ta muốn đâm thương xuyên qua tim thì em sẽ chết mất.”

“Louisa đã quá bận tâm đến lời tiên tri mà Gerbert nói với Ysabeau.”

Gallowglass và Matthew liếc nhau.

“Chẳng có gì đâu,” Matthew nói cho qua chuyện, “chỉ là vài điều ngu ngốc mà gã ta tưởng tượng ra để kích động Maman.”

“Đó là lời tiên tri của Meridiana phải không?” Trong thâm tâm, tôi đã nhận ra nó khi Louisa nhắc tới. Từng từ ngữ mang theo nhiều ký ức về cái đụng chạm của Gerbert ở La Pierre. Và lời nói đó khiến không khí bao quanh Louisa kêu lách tách bởi điện tích như thể cô ta chính là Pandora đã mở ra một cái rương đầy phép thuật bị bỏ quên từ lâu.

“Meridiana muốn dọa Gerbert hoảng sợ trước tương lai và bà ta đã thành công.” Matthew lắc đầu. “Chẳng có điều gì trong đó đúng với em cả.”

“Cha anh là sư tử, còn anh là sói.” Lòng tôi chợt thấy buốt giá - điều đó báo hiệu tôi sẽ gặp rắc rối, tại nơi mà ánh sáng không bao giờ có thể chiếu tới. Tôi nhìn chồng mình, một trong những đứa trẻ của bóng đêm được nhắc tới trong lời tiên tri. Đứa con đầu lòng của cả hai đã mất. Tôi vội dập tắt suy nghĩ của bản thân, không muốn giữ chúng trong tim và tâm trí mình đủ lâu để trở thành một ám thị. Tuy nhiên, chẳng hiệu quả. Chúng tôi đã thẳng thắn với nhau tới mức không thể che giấu Matthew hay chính bản thân tôi bất cứ điều gì.

“Em chẳng có gì phải sợ cả,” Matthew nói, hôn lướt lên môi tôi. “Cuộc đời em đã đầy ắp những dấu hiệu của sự hủy diệt rồi.”

Tôi để anh cam đoan với mình lần nữa, nhưng giác quan thứ sáu ở bên trong vẫn phốt lờ lờ anh. Bằng cách nào đó, ở nơi nào đó, một sức mạnh nguy hiểm và đầy chết chóc đang được giải

phóng. Thậm chí, ngay lúc này, tôi có thể cảm thấy những sợi tơ của nó đang siết chặt và kéo tôi vào vùng bóng tối mịt mù.

Tôi đang đứng đợi Annie chọn món hầm dùng trong bữa tối, dưới tấm biển hiệu của quán Ngỗng Vàng thì ánh mắt chăm chăm từ một ma cà rồng lướt tới, át đi cả bầu không khí mùa hè.

“Cha Hubbard,” tôi lên tiếng và quay về hướng luồng khí lạnh buốt đó. Đôi mắt của gã ma cà rồng thoáng liếc qua lồng ngực tôi. “Tôi lấy làm ngạc nhiên khi chồng bà để vợ mình lang thang quanh thành phố mà không có người hộ tống, cho dù đã có chuyện xảy ra ở Greenwich, mà bà còn đang mang trong mình đứa con của ông ấy nữa chứ.”

Nàng rồng lửa của tôi vẫn luôn trong trạng thái bảo vệ cao độ kể từ vụ việc xảy ra tại đấu trường. Nó cuốn chiếc đuôi quanh hông tôi.

“Mọi người đều biết rằng, các wearh không thể là cha của những đứa trẻ sinh ra từ những bà mẹ máu nóng,” tôi thờ ơ đáp.

“Có vẻ trường hợp bất khả thi đó không ảnh hưởng mấy tới một phù thủy như bà.” Vẻ mặt dữ tợn của Hubbard càng nhăn nhó hơn. “Đa số các sinh vật khác người tin rằng thái độ khinh miệt của Matthew dành cho phù thủy chẳng bao giờ thay đổi, nhưng vài kẻ lại thích thú cho rằng, ông ta chính là người tạo điều kiện để Barbara Napier thoát khỏi giàn hỏa thiêu tại Scotland.” Các sự kiện ở Berwick tiếp tục chiếm hết thời gian của Matthew cũng như những lời đồn thổi mà các sinh vật khác người cùng con người vẫn truyền tai nhau tại London.

“Matthew không ở gần Scotland vào thời điểm đó.”

“Ông ta cần gì phải làm thế. Hancock đang ở Edinburgh, hành xử như một ‘người bạn’ của Napier. Cũng chính anh ta lộ ra chuyện mang thai của cô ta khiến triều đình chú ý.” Hubbard thở ra luồng khí lạnh lẽo có mùi của rừng cây.

“Phù thủy đó vô tội trước những lời cáo buộc chống lại bà ta,” tôi cộc cằn đáp và kéo chiếc khăn choàng qua vai. “Bồi thẩm đoàn đã tuyên bố trắng án.”

“Chỉ đối với một lời cáo buộc thôi.” Hubbard đón lấy cái trừng mắt của tôi. “Cô ta còn gây ra nhiều điều sai trái hơn thế. Và bởi cô mới quay lại dạo gần đây, nên có thể chưa nghe nói về việc: Vua James đã tìm ra một cách để lật lại lời phán quyết của bồi thẩm đoàn trong vụ Napier.”

“Lật lại ư? Bằng cách nào thế?”

“Vua xứ Scotland gần đây không còn say mê nhiệt thành với Đại Hội Đồng như trước, và cái này là nhờ ơn chồng bà đấy. Thái độ không rõ ràng của Matthew đối với bản hiệp ước, cũng như các hành động can thiệp của ông ta vào đời sống chính trị tại Scotland đã gợi ý cho bệ hạ tìm ra những lỗ hổng pháp lý của chính ông ta. Vua James đang đưa các thành viên ban bồi thẩm đã tuyên bố á phù thủy đó trắng án ra tòa. Họ bị buộc tội làm mất đi tính công bằng của nhà vua. Việc răn đe các bồi thẩm đoàn lần này sẽ bảo đảm kết quả cho các phiên tòa trong tương lai.”

“Đó không phải là kế hoạch của Matthew,” tôi nói, đầu óc quay cuồng.

“Cái kiểu ranh ma đó thật đúng với Matthew de Clermont. Napier và đứa con sơ sinh của cô ta có thể sống sót nhưng hàng tá các sinh vật vô tội khác sẽ chết bởi điều đó.” Nét mặt của Hubbard trở nên vô cùng nhăn nhó. “Đây chẳng phải điều nhà de Clermont mong muốn sao?”

“Sao ông dám!”

“Cháu lấy được...” Annie bước ra phố và suýt đánh rơi cái nôi trên tay. Tôi liền đưa tay ra giữ cô bé lại.

“Cảm ơn Annie.”

“Bà có biết chồng mình ở đâu vào buổi sáng tháng Năm đẹp trời hôm nay không, bà Roydon?”

“Anh ấy có công việc bên ngoài.” Matthew đã ở lại để chắc chắn tôi có dùng bữa sáng, rồi hôn tạm biệt tôi và rời khỏi nhà cùng Pierre. Jack có vẻ không cam chịu khi Matthew bảo cậu bé phải ở lại cùng Harriot. Tôi đã cảm thấy chột dạ bởi việc từ chối đưa Jack cùng vào thị trấn không giống Matthew chút nào.

“Không,” Hubbard nhẹ nhàng nói, “ông ta đang ở Bedlam cùng chị gái mình và Christopher Marlowe.”

Bedlam là một hầm giam hoàn toàn bí mật, ngoại trừ cái tên của nó – một nơi để quên lãng, nơi mà sự điên khùng bị khóa chặt cùng với những con người bị chính gia đình mình chôn cất, chỉ bằng vài lời vu khống nhằm rũ bỏ họ. Ở đó chẳng có gì ngoài rơm để ngủ, thường xuyên không có thực phẩm cung cấp, không có một mảnh lòng tốt nào từ đám cai ngục và cũng không có một sự đối đãi ân cần nào. Phần lớn các tù nhân chẳng bao giờ trốn thoát, mà dù có trốn được, họ cũng hiếm khi hồi phục lại sau những trải nghiệm tại đây.

“Matthew không hài lòng với việc thay đổi phán quyết ở Scotland, nên giờ ông ta đang tìm cách ban phát công lý của mình tại London,” Hubbard tiếp tục.

“Anh ấy đi thăm vấn họ sáng hôm nay. Tôi hiểu việc anh ấy vẫn ở đó.” Lúc này trời đã quá trưa.

“Tôi đã trông thấy Matthew de Clermont giết người nhanh chóng thế nào mỗi khi ông ta nổi giận. Trông thấy thôi đã đủ tồi tệ rồi. Chỉ cần xem ông ta hành động một cách chậm rãi và cẩn thận cũng đủ khiến kẻ kiên quyết vô thần nhất cũng phải tin vào ma quỷ.”

Kit. Louisa là một ma cà rồng và cùng chia sẻ dòng máu của Ysabeau với Matthew. Cô ta có thể tự lo cho mình, nhưng một yêu tinh thì...

“Đến chỗ Goody Alsop đi Annie. Bảo với bà ấy rằng ta sẽ tới Bedlam để tìm ông Marlowe và chị gái ông Roydon.” Tôi xoay cô nhóc sang hướng cần đi rồi thả ra, chặn bản thân giữa cô bé và gã ma cà rồng.

“Cháu phải ở cùng bà chủ cơ,” Annie nói, hai mắt mở lớn. “Ông Roydon bắt cháu hứa rồi!”

“Có người cần phải biết ta sẽ đi đâu mà Annie. Hãy nói với Goody Alsop điều cháu nghe được ở đây. Ta có thể tự tìm đường tới Bedlam.” Thực ra, tôi chỉ có một ý niệm mơ hồ về vị trí của nhà thương khét tiếng này, tuy vậy, tôi có nhiều cách khác để tìm ra Matthew ở đâu. Tôi nắm lại các ngón tay tưởng tượng quanh sợi xích bên trong mình và đã sẵn sàng kéo nó.

“Đợi đã.” Bàn tay của Hubbard khép lại quanh cổ tay khiến tôi nháy dưng lên. Ông ta gọi tên một người nào đó trong bóng tối - chính là chàng trai trẻ gầy gò mà Matthew từng nhắc tới bằng cái tên phù hợp một cách kỳ lạ Amen Corner. “Con trai tôi sẽ đưa bà đi.”

“Matthew sẽ biết tôi ở cùng ông lúc này.” Tôi nhìn xuống bàn tay của Hubbard. Nó vẫn nắm lấy cổ tay tôi và đang chuyển cái mùi riêng biệt của ông ta sang làn da ấm áp của tôi. “Anh ấy sẽ nhận ra cậu nhóc.”

Cái nắm tay của Hubbard càng siết chặt hơn và tôi kêu lên một tiếng nhỏ tỏ vẻ đã hiểu.

“Nếu ông muốn đồng hành cùng tôi tới Bedlam, Cha Hubbard, thì ông chỉ cần mở miệng hỏi thôi.”

Hubbard biết mọi đường ngang ngõ dọc giữa phố James Garlickhythe và Bishopsgate. Chúng tôi vượt qua bên kia ranh giới thành phố và tiến vào một khu ổ chuột ngoại thành London. Khu vực xung quanh Bedlam cũng giống như Cripplegate, nghèo khó và đông đúc. Tuy vậy, những nỗi kinh hoàng thực sự vẫn chưa tới.

Viên quản ngục gặp chúng tôi tại cổng và dẫn tất cả vào trong nơi từng một thời được biết đến là bệnh viện Thánh Mary tại Bethlehem. Ông Sleford là chỗ thân quen với Cha Hubbard nên không cần phải luồn cúi và lúng túng, dẫn tất cả tới một trong những cánh cửa kiên cố bên kia mảnh sân trong lớn nhốn. Tiếng la hét của các bệnh nhân thậm chí vẫn the thé vọng ra qua các lớp tường gỗ và đá dày của tu viện cổ xây từ thời Trung Cổ. Phần lớn các khung cửa sổ không có kính và mở to hơ ra, bất chấp thời tiết. Mùi hôi thối từ rác rưởi, đồ mục nát và tuổi già lẩn át toàn bộ bầu không khí.

“Đừng,” tôi kêu lên, từ chối bàn tay đưa ra của Hubbard, khi tất cả bước vào khu vực dày đặc ẩm ướt. Tôi có một cảm giác ghê tởm khi nhận lấy sự giúp đỡ của ông ta trong khi bản thân hoàn toàn tự do, còn các bệnh nhân kia chẳng nhận được bất cứ sự trợ giúp nào.

Khi đã ở bên trong, những bóng ma của các bệnh nhân quá cố tấn công tôi tới tấp và các sợi tơ lờm chờm xoắn xung quanh những dòng người đau khổ cư trú bên trong bệnh viện. Tôi áp chế cảm giác rùng rợn đó bằng cách tập trung vào các bài tập mang tính toán học kinh khủng, chia những người đàn ông và đàn bà tôi thấy vào từng nhóm nhỏ để sắp xếp họ lại với nhau theo một cách mới.

Tôi đã đếm được hai mươi bệnh nhân trong suốt đoạn đường xuôi hành lang. Mười bốn kẻ là yêu tinh. Nửa tá trong số hai mươi người đó hoàn toàn trần truồng và hơn mười kẻ chỉ mặc những thứ giẻ rách. Một người phụ nữ mang trên mình bộ đồ đàn ông bẩn thỉu cho dù nó khá đắt tiền và nhìn chúng tôi bằng vẻ thù địch lộ rõ. Cô ta là một trong số ba con người tại đây, còn có hai phù thủy và một ma cà rồng nữa. Mười lăm kẻ trong số những linh hồn tội nghiệp đó bị khóa vào tường, xích xuống sàn hoặc cả hai. Bốn trong năm kẻ còn lại không thể đứng mà chỉ lom khom dưới chân tường để nói chuyện và cào lên đá. Một trong số họ tự do. Anh ta khiêu vũ, trần truồng và đang đi xuôi dần theo hành lang tới chỗ chúng tôi.

Một căn phòng có cửa. Thứ gì đó nói với tôi rằng, Louisa và Kit đang ở bên trong.

Viên quản ngục mở khóa và gõ cửa một cách dứt khoát. Khi không nhận được tiếng hồi đáp ngay lập tức, ông ta nện thật mạnh.

“Tôi đã nghe thấy ngay từ lần đầu tiên rồi, ông Sleford.” Trang phục của Gallowglass thật vô cùng tồi tệ, với nhiều vết cào móng trên má và máu dây xuống áo chèn. Khi trông thấy tôi đứng sau Sleford, anh chàng trông còn tệ hơn gấp đôi. “Cô.”

“Để tôi vào.”

“Đó không phải là ý kiến hay...” Gallowglass nhìn nét mặt tôi lần nữa rồi bước sang bên. “Louisa đã mất một ít máu nên cô ấy đang đói. Hãy tránh xa cô ấy ra trừ phi cô không phiền khi bị cắn hay cào cấu. Cháu đã cắt móng tay của cô ấy nhưng không thể làm gì hơn với hàm răng đâu.”

Mặc dù chẳng còn gì chắn đường, nhưng tôi vẫn đứng chôn chân nơi ngưỡng cửa. Louisa xinh đẹp và độc ác đang bị xích vào một vòng tròn lớn bằng sắt dưới sàn nhà. Chiếc váy cô ta đang mặc đã rách tả tơi và máu chảy ra từ những vết thương sâu trên cổ. Ai đó đã khẳng định vị thế thống trị lên người Louisa – người đó mạnh hơn và giận dữ hơn cô ấy.

Tôi tìm kiếm những cái bóng khác cho tới khi thấy một dáng vẻ u ám đang lom khom phía trên một đồng rúm rỏ nằm trên sàn. Đầu Matthew đung đưa, gương mặt thì tái nhợt vẻ ma quái và hai mắt đen huyền một màu như màn đêm. Người anh không có một đốm máu nào. Cũng giống

như hành động đề nghị giúp đỡ của Hubbard khi này, sự sạch sẽ của Matthew có phần thật ghê tởm.

“Em nên ở nhà, Diana.” Matthew đứng dậy.

“Cảm ơn anh, nhưng em nên ở chính xác nơi em cần đến.” Tôi đi về phía chồng mình. “Cơn khát máu và thuốc phiện không thể dung hòa, Matthew. Anh đã lấy đi bao nhiêu máu của họ rồi?” Đồng thít trên sàn bắt đầu cử động.

“Tôi ở đây, Christopher,” Hubbard gọi. “Anh sẽ không còn đau đớn nữa.”

Marlowe thở hắt ra nhẹ nhõm, cơ thể của gã run lên nức nở.

“Bedlam không thuộc London, Hubbard,” Matthew lạnh lùng nói. “Ông không còn ở trên địa hạt của mình và Kit nằm ngoài khả năng bảo vệ của ông.”

“Chúa ơi, chúng ta lại tiếp tục nào.” Gallowglass đóng sầm cửa trước gương mặt sững sờ của Sleford. “Khóa lại!” Cậu ta quất qua lớp gỗ và ngắt ngang câu mệnh lệnh của mình bằng một cú thụi mạnh.

Louisa nhảy dựng khi tiếng khóa kim loại vang lên trong ổ, các sợi xích quanh cổ tay và mắt cá chân của cô ta kêu lạch cạch. Một trong số chúng đã bị đứt và tôi phải nhảy lên khi các mắt xích bị vỡ khua vang trên sàn nhà. Tiếng đập xích vang lên ngoài hành lang tỏ vẻ cảm thông.

“Đừng-hút-máu-ta-đừng-hút-máu-ta-đừng-hút-máu-ta,” Louisa đều đều nói. Cô ta áp sát hết sức cổ thể vào bức tường phía xa. Khi ánh mắt chúng tôi gặp nhau, cô ả khóc thút thít và quay đi. “Cút ngay, đồ thần chết. Ta đã chết một lần và chẳng còn gì phải sợ người cả.”

“Yên lặng nào.” Giọng Matthew tuy nhỏ nhưng vang vọng xuyên qua căn phòng, với uy lực mạnh mẽ đủ để khiến tất cả chúng tôi phải nhảy dựng lên.

“Khát,” Louisa rên rỉ. “Làm ơn đi, Matthew.”

Từng giọt chất lỏng rơi xuống nền đá đều đều. Mỗi một giọt rơi xuống, cơ thể Louisa lại giật mạnh. Ai đó đã treo đầu một con hươu đục lỗ lưng trên không, ánh mắt trống rỗng. Máu rơi từng giọt, từng giọt một xuống sàn từ phần cổ bị chặt nhưng bên ngoài tầm với của Louisa đang bị trói.

“Đừng tra tấn cô ấy nữa!” Tôi định bước tới nhưng Gallowglass giữ tôi lại.

“Cháu không thể để cô gây rắc rối.” Cậu ta quả quyết. “Matthew đã đúng: cô không nên biết chuyện này.”

“Gallowglass.” Matthew lắc đầu cảnh cáo. Gallowglass thả cánh tay tôi và thận trọng quan sát chú mình.

“Được rồi, để cháu trả lời câu hỏi của cô trước. Matthew đã uống một lượng máu của Kit, đủ để giữ cho cơn khát máu của chú ấy tiếp tục cháy bùng bùng. Có thể cô cần biết điều đó trước khi muốn nói chuyện với chú ấy.” Gallowglass quăng cho tôi một con dao nhưng tôi không buồn chop lấy và lưỡi dao rơi loảng xoảng trên sàn đá.

“Anh đã uống nhiều hơn so với cơn bệnh này rồi, Matthew.” Tôi bước qua con dao và tiến tới bên cạnh anh. Chúng tôi đứng gần nhau đến mức chân váy của tôi quét lên đôi giày của anh. “Hãy để Cha Hubbard gặp Kit.”

“Không.” Nét mặt của Matthew vẫn kiên quyết.

“Jack sẽ nghĩ thế nào khi trông thấy anh thế này?” Tôi mong là có thể dùng cảm giác tội lỗi để đưa Matthew tỉnh táo trở lại. “Anh là người hùng của thằng bé và các anh hùng không tra tấn bạn bè hay người thân của họ.”

“Chúng đã cố giết em!” Tiếng gầm của Matthew dội vang trong căn phòng nhỏ.

“Họ đã mất khả năng kiểm soát bởi thuốc phiện và rượu. Chẳng có ai trong số họ biết mình đang làm gì,” tôi vịn lại. “Có thể cả chính em nữa, và cả anh trong trạng thái hiện tại.”

“Đừng lừa dối bản thân. Cả hai đều biết chính xác điều bọn họ làm. Kit giải thoát mình bằng cách dẹp bỏ đi một chương ngại vậ, để đạt được hạnh phúc của bản thân mà không buồn quan tâm tới bất cứ ai khác. Louisa thì đầu hàng trước những ham muốn độc ác tương tự mà chị ta cho phép bản thân mình đắm chìm từ cái ngày chị ta được tạo ra.” Matthew cào tay vào mái tóc. “Anh nữa, anh cũng biết mình đang làm gì.”

“Đúng vậy – anh đang trừng phạt chính mình. Anh tin rằng sinh học chính là định mệnh, ít nhất chừng nào cơn khát máu của chính anh vẫn còn được quan tâm. Và kết quả là anh nghĩ bản thân cũng giống như Louisa và Kit. Chỉ là một kẻ mất trí khác. Em đã yêu cầu anh dừng việc tự phủ nhận bản năng của mình mà, Matthew, đừng trở thành nô lệ của nó.”

Lần này, khi tôi tiến thêm một bước về phía chị gái của Matthew, chị ta nhảy bổ về phía tôi, khạc nhổ và gầm gừ.

“Nỗi sợ lớn nhất của anh đối với tương lai là: bản thân bị tha hóa thành một con thú, bị trói buộc và chờ đợi sự trừng phạt tiếp theo, bởi vì đó chính là những gì mà anh xứng đáng nhận.” Tôi quay lại bên anh và nắm chặt lấy hai vai anh. “Anh không phải người đàn ông như thế này, Matthew, chưa bao giờ cả.”

“Anh đã nói với em lúc trước rằng, đừng lãng mạn hóa anh lên rồi mà,” anh nhẹ nhàng lên tiếng và lảng tránh ánh mắt tôi nhưng tôi đã kịp trông thấy vẻ tuyệt vọng trong đó.

“Vây, chuyện này cũng vì lợi ích của em phải không? Anh vẫn cố chứng minh rằng mình không đáng để yêu sao?” Hai bàn tay anh siết chặt bên hông. Tôi vớ tay và gắng sức mở chúng ra rồi đặt hai tay anh lên bụng mình. “Hãy giữ lấy con của chúng ta và nhìn vào mắt em, hãy nói rằng không thể có một cái kết khác cho toàn bộ câu chuyện này.”

Giống như buổi tối tôi đợi anh hút máu từ tĩnh mạch của mình, thời gian kéo dài tưởng chừng như vô tận, trong khi Matthew trải qua cuộc đấu tranh nội tâm. Giờ tôi chẳng thể làm gì để thúc đẩy quá trình đó hay giúp anh chọn lựa cuộc sống hay cái chết. Anh phải nắm lấy sợi tơ hy vọng mỏng manh mà không có tôi giúp sức.

“Anh không biết,” cuối cùng anh thú nhận. “Anh từng biết rằng, tình yêu giữa ma cà rồng và phù thủy là sai lầm. Anh đã tin chắc rằng bốn giống loài hoàn toàn tách biệt. Anh chấp nhận cái chết của các phù thủy nếu điều đó đồng nghĩa với việc ma cà rồng và yêu tinh sống sót.” Xuyên qua đôi đồng tử vẫn mở lớn gần như che phủ đôi mắt anh, một tia sáng xanh bỗng xuất hiện. “Anh từng tự nhủ rằng, sự điên khùng của loài yêu tinh và sự yếu đuối trong cộng đồng ma cà rồng có liên quan đến những diễn tiến gần đây, nhưng giờ khi nhìn vào Louisa và Kit...”

“Anh không biết.” Tôi hạ thấp giọng. “Không ai trong chúng ta biết cả. Đó là một viễn cảnh đáng sợ, tuy nhiên, chúng ta phải tin tưởng vào tương lai, Matthew. Em không muốn các con của chúng ta được sinh ra dưới bóng tối thế này, căm ghét và sợ hãi chính bản thân mình.”

Tôi đợi anh phản đối thêm nữa, nhưng anh chỉ yên lặng.

“Hãy để Gallowglass chịu trách nhiệm với chị gái của anh, còn Hubbard chăm sóc Kit. Và cố gắng tha thứ cho họ.”

“Ma cà rồng không dễ dàng tha thứ như loài máu nóng đâu,” Gallowglass cộc cằn nói. “Cô không thể yêu cầu chú làm vậy.”

“Matthew đã yêu cầu cháu điều đó,” tôi nói thẳng.

“Được thôi, và cháu đã nói với chú rằng, điều tốt nhất chú có thể hy vọng là một lúc nào đó cháu có thể lãng quên. Đừng đòi hỏi nhiều hơn những gì chú Matthew có thể cho, cô ạ. Chính chú ấy đã là ông chủ khổ nhất của chính mình rồi, và chú ấy không cần sự giúp đỡ từ cô đâu.” Giọng Gallowglass mang theo một sự cảnh cáo.

“Ta cũng muốn quên, đồ phù thủy,” Louisa nghiêm túc nói, đơn giản như thể cô ta đang đưa ra lựa chọn cho loại vải may áo mới. Cô ta vẩy tay trong không khí. “Tất cả chuyện này. Hãy dùng thứ phép thuật của người và làm giấc mơ kinh khủng này biến mất đi.”

Việc đó nằm trong khả năng của tôi. Tôi có thể thấy được các sợi tơ đang trói buộc cô ta vào Bedlam, vào Matthew và vào tôi. Nhưng cho dù không muốn tra tấn Louisa, tôi cũng không dễ tha thứ tới mức trao cho cô ta sự thanh thản ấy.

“Không, Louisa,” tôi nói. “Chị sẽ nhớ về Greenwich trong suốt phần đời còn lại cũng như tôi và thậm chí cả việc chị làm Matthew tổn thương thế nào. Hãy là tù nhân của chính mình, không phải của nơi này.” Tôi quay sang Gallowglass. “Hãy đảm bảo cô ta không còn là mối nguy hiểm cho bản thân hay bất kỳ ai khác, trước khi cậu thả cô ta ra.”

“Ồ, cô ấy sẽ không thích tự do đâu,” Gallowglass quả quyết. “Cô ấy sẽ đi từ đây tới bất cứ đâu Philippe sai tới. Và sau những việc cô ấy đã làm, ông của cháu sẽ chẳng bao giờ cho cô ấy lang thang nữa.”

“Nói với họ đi, Matthew!” Louisa cãi. “Em hiểu việc có những... thứ này lúc nhúc trong hộp sọ của mình nghĩa là gì mà. Chị không thể chịu nổi chúng!” Cô ta giật giật đám tóc bằng một bàn tay bị trói.

“Còn Kit?” Gallowglass hỏi. “Chú có chắc muốn Hubbard trông nom gã không, Matthew? Cháu biết Hancock sẽ rất vui mừng được kết liễu gã.”

“Hắn là tay sai của Hubbard chứ không phải của ta.” Giọng Matthew độc đoán. “Ta không quan tâm chuyện gì xảy ra với hắn.”

“Những gì tôi làm chỉ vì tình yêu...” Kit mở miệng.

“Người làm vì lòng hận thù,” Matthew nói và quay lưng về phía người bạn thân thiết.

“Cha Hubbard,” tôi gọi trong lúc ông ta lao tới thu nhặt gánh nặng của mình. “Các hành động của Kit tại Greenwich sẽ được lãng quên, với điều kiện mọi việc xảy ra tại đây phải nằm lại sau những bức tường này.”

“Bà hứa điều đó, nhân danh toàn bộ gia đình de Clermont chứ?” Đôi lông mày nhạt màu của gã nhướng cao. “Chồng bà phải cho tôi một cam kết chứ không phải bà.”

“Chỉ cần lời của tôi là đủ,” tôi nói, giữ vững lập trường.

“Rất tốt, thưa bà de Clermont.” Đó là lần đầu tiên Hubbard sử dụng danh xưng này. “Mà quả thực bà còn là con gái của Philippe. Tôi chấp nhận điều kiện của gia đình bà.”

Sau khi rời khỏi Bedlam, tôi thậm chí vẫn có thể cảm nhận được bóng tối u ám của nó đeo bám. Matthew cũng vậy. Nó theo khắp mọi nơi chúng tôi đến tại London, bầu bạn với chúng tôi

trong bữa tối và đến thăm những người bạn của chúng tôi. Chỉ có một cách dứt bỏ nó.

Chúng tôi phải quay trở về hiện tại của mình.

Không có bất kỳ cuộc thảo luận hay các kế hoạch rõ ràng nào, nhưng chúng tôi bắt đầu sắp xếp các công việc của mình và cắt đứt những sợi tơ ràng buộc cả hai với quá khứ. Françoise đang lên kế hoạch đến ở cùng mọi người tại London, nhưng chúng tôi đã bảo cô ấy ở lại Chòi Gác Cổ. Matthew đã có nhiều cuộc trao đổi khá lâu và phức tạp với Gallowglass, về những lời nói dối cậu ta cần để không tiết lộ với Matthew của thế kỷ mười sáu rằng, anh ta đã tạm thời bị thay thế bởi chính mình từ tương lai. Matthew thế kỷ mười sáu không được phép gặp Kit hay Louisa, bởi chẳng ai trong số họ có thể tin tưởng được. Walter và Henry sẽ sáng tác vài câu chuyện để lý giải cho những điểm bất thường trong cách hành xử. Matthew gửi Hancock đến Scotland để chuẩn bị cho một cuộc đời mới tại đây. Tôi thì làm việc với Goody Alsop nhằm hoàn thiện các nút thắt sẽ được sử dụng để dệt lên câu thần chú đưa chúng tôi về tương lai.

Matthew gặp tôi trên phố James Garlickhythe, sau một buổi học của tôi và đề nghị cả hai cùng đi dạo qua sân nhà thờ Thánh Paul trên đường về nhà. Hai tuần đã trôi qua kể từ hạ chí, những ngày này, bầu trời ngập tràn ánh nắng tươi sáng, bất chấp màn sương u ám của Bedlam vẫn đeo bám dai dẳng.

Mặc dù Matthew vẫn có vẻ u buồn sau những gì anh trải qua với Louisa và Kit nhưng bầu không khí ngày hôm nay đem lại cảm giác giống như nhiều lần trước, khi chúng tôi dừng lại tại các hiệu sách, nhìn ngó những tựa sách cùng tin tức mới nhất. Tôi đang đọc một loạt tranh cãi mới trong trận chiến ngôn từ, giữa hai cử nhân tốt nghiệp Cambridge thì Matthew bỗng đông cứng người.

“Cúc La Mã, lá sồi và cà phê.” Đầu anh xoay ra ngó nghiêng quanh quất trước một mùi hương lạ.

“Cà phê ư?” Tôi hỏi và băn khoăn, làm thế nào mà một thứ chưa tới nước Anh có thể phảng phất trong không khí quanh sân nhà thờ Thánh Paul. Tuy nhiên, Matthew không còn ở bên cạnh để trả lời câu hỏi của tôi nữa mà thay vào đó, anh đang chen lấn qua đám đông với một tay cầm gươm.

Tôi thở dài, Matthew không thể ngừng việc theo sau mọi tên trộm trong chợ. Đôi khi tôi ước rằng, tầm nhìn của anh đừng quá sắc sảo và kim chỉ nam của phẩm hạnh bớt độc đoán hơn một chút.

Lần này, anh đuổi theo một người đàn ông thấp hơn khoảng mười phân và có mái tóc xoắn dày màu nâu muối tiêu. Người đàn ông mảnh dẻ, hai vai hơi khom xuống như thể đã dùng quá nhiều thời gian cầm cúi trên những cuốn sách. Điều gì đó trong sự kết hợp hình dáng này khơi dậy mạnh mẽ ký ức của tôi.

Người đàn ông cảm nhận được mối nguy hiểm tới gần liền quay lại. Chao ôi, ông ấy đem theo một con dao nhỏ tới mức đáng thương vì nó chẳng lớn hơn con dao nhíp là mấy. Và thứ đó sẽ chẳng hữu dụng gì trước Matthew. Tôi vội lao theo chồng mình với hy vọng ngăn chặn một vụ đổ máu.

Matthew tóm chặt lấy bàn tay của người đàn ông tội nghiệp, khiến thứ vũ khí không tương xứng đó rơi xuống mặt đất. Chỉ bằng một đầu gối, anh chàng ma cà rồng đã ấn con mồi của mình vào sát quầy sách, kề gươm vào cổ. Tôi hoảng sợ gấp đôi.

“Cha?” Tôi thì thào. Chuyện này là không thể. Tôi nghi hoặc chăm chú quan sát ông, trái tim đập thình thịch vì hưng phấn và kinh ngạc.

“Xin chào quý cô Bishop,” cha tôi đáp lại, liếc nhìn lên từ lưỡi gươm sắc bén của Matthew.

“Không ngờ được gặp con ở đây.”

Trông cha tôi hết sức điềm tĩnh khi đối mặt với một ma cà rồng có vũ trang và đưa con gái đã trưởng thành của ông. Chỉ duy có một thoáng run rẩy trong giọng nói và bàn tay siết lại các khớp trắng bệch đặt trên quầy sách là tố cáo những cảm xúc thật sự của ông.

“Tiến sĩ Proctor, con đoán vậy.” Matthew bước ra xa và thu lại vũ khí của mình.

Cha tôi vuốt thẳng lại chiếc áo khoác nâu chắc bền của mình. Nó không ổn chút nào. Ai đó – có lẽ là mẹ tôi – đã cố gắng sửa một chiếc áo khoác Nehru thành thứ tương tự như một chiếc áo thầy tu của mục sư, còn chiếc quần ống chèn thì quá dài, giống thứ Ben Franklin sẽ mặc hơn là đồ Walter Raleigh mặc. Nhưng giọng nói thân quen của ông, mà tôi đã không được nghe suốt hai mươi sáu năm, thì vẫn y như thế.

“Con đã lớn lên chỉ trong vòng có ba ngày qua thôi,” ông run run nói.

“Trông cha vẫn y như trong trí nhớ của con,” tôi lặng người nói, vẫn còn sững sờ vì ông đang đứng ngay trước mặt mình. Lo ngại hai phù thủy và một wearh có thể là quá gây chú ý khi đang ở giữa đám đông trong sân nhà thờ Thánh Paul, và vì không biết phải làm gì trong một tình huống như tiểu thuyết thể này, nên tôi lại rơi trở về thói quen xã giao thông thường. “Cha có muốn về nhà chúng con để uống một ly không?” Tôi đề nghị vụng về.

“Chắc rồi, con yêu, điều đó thật tuyệt,” ông nói kèm theo một cái gật đầu ngập ngừng. Hai cha con tôi không thể ngừng nhìn ngắm lẫn nhau – ngay cả trên đường về nhà hay khi chúng tôi đã về tới Hươu Đục và Vương Miện an toàn, thật kỳ diệu là nơi này trống trải không thấy bóng dáng ai. Đến đây thì ông ôm lấy tôi một cách ấm áp.

“Thật sự là con rồi, con nói nghe thật giống mẹ con quá,” ông nói, giữ tôi ở khoảng cách một cánh tay và ngắm nhìn thật kỹ các đường nét khuôn mặt tôi. “Trông con cũng giống bà ấy nữa.”

“Mọi người nói con có đôi mắt của cha,” tôi nói và cũng ngắm nhìn ông kỹ càng. Khi bạn bảy tuổi, bạn sẽ không để ý những thứ như thế, bạn chỉ nghĩ đến việc tìm kiếm những đặc điểm ấy sau này, khi đã quá muộn thôi.

“Đúng vậy nhỉ.” Stephen cười vang.

“Diana cũng có đôi tai của bố nữa và mùi hương của hai người cũng có điểm tương tự. Vì lẽ đó mà con nhận ra bố ở nhà thờ Thánh Paul.” Matthew đưa tay vuốt mái tóc đã cắt ngắn của anh về hồi hộp, rồi đưa tay ra về phía cha tôi. “Con là Matthew.”

Cha tôi nhìn bàn tay chìa ra. “Không có họ à? Anh là kiểu nhân vật nổi danh như Halston hay Cher chắc?” Tôi đột nhiên tưởng tượng ra một hình ảnh sinh động về những gì tôi đã bỏ lỡ vì không có cha ở bên cạnh, trong những năm tháng tuổi thiếu niên, bỏ lỡ những trò thật lố bịch của ông khi ông gặp các chàng trai tôi hẹn hò. Hai mắt tôi rung rung.

“Matthew có rất nhiều họ. Chuyện là... hơi phức tạp,” tôi nói, cố kìm lại những giọt nước mắt. Trông cha tôi hốt hoảng trước dòng cảm xúc dâng trào đột ngột như thế.

“Hiện giờ đang là Matthew Roydon ạ,” Matthew nói, kéo sự chú ý của cha tôi. Anh và cha tôi bắt tay nhau.

“VẬY cậu chính là chàng ma cà rồng đó,” cha tôi nói. “Rebecca lo lắng đến phát ốm về các vấn đề thực tế trong mối quan hệ của cậu với con gái tôi, mà thậm chí, Diana còn chưa biết đi xe đạp nữa chứ.”

“Ôi, cha.” Tôi đã đỏ bừng mặt mũi khi thốt lời này ra khỏi miệng, nghe như thể tôi mới mười hai tuổi vậy. Matthew tủm tỉm cười trong khi đi tới chiếc bàn.

“Sao cha không ngồi xuống và dùng một chút rượu vang nhỉ?” Matthew đưa cốc rượu cho ông rồi kéo một chiếc ghế ra cho tôi. “Chắc Diana đang choáng váng.”

“Câu nói đúng, tôi thích thứ này.” Cha tôi ngồi xuống, nhấp một ngụm rượu và gật đầu tán thưởng trước khi lấy lại dáng vẻ nghiêm nghị. “Vây,” ông mạnh mẽ nói, “chúng ta đã nói xin chào, con mời ta về nhà của con, và giờ ta đã uống rượu rồi - những nghi thức chào đón thiết yếu của phương Tây. Giờ thì chúng ta đi thẳng vào vấn đề nhé, con đang làm gì ở đây vậy Diana?”

“Con ư? Cha đang làm gì ở đây thì có? Và mẹ con đâu rồi?” Tôi đẩy ly rượu Matthew rót cho tôi đi.

“Mẹ con đang ở nhà chăm sóc con.” Cha tôi lắc đầu kinh ngạc. “Cha không thể tin được, trông con chẳng trẻ hơn cha đến mười tuổi đâu.”

“Con luôn quên là cha già hơn mẹ con rất nhiều.”

“Con đang ở cùng một ma cà rồng mà lại có xu hướng phản đối tình yêu lãng mạn bất chấp tuổi tác ư?” Cách biểu lộ kỳ lạ của cha làm tôi bật cười.

Đúng thế thật, tôi đã nhầm một phép toán thật nhanh. “Vây cha đến từ năm 1980 à?”

“Đúng, cuối cùng thì cha cũng đã nâng cao trình độ của mình và hướng tới thực hiện một vài khám phá.” Stephen ngắm nhìn chúng tôi. “Đây là thời điểm và địa điểm hai con gặp nhau à?”

“Không ạ, chúng con gặp nhau ở Oxford, vào tháng Chín năm 2009, tại thư viện Bodleian.” Tôi nhìn Matthew, anh mỉm cười khích lệ tôi. Tôi quay lại phía cha và hít vào một hơi thật sâu lấy tinh thần. “Con có thể du hành vượt thời gian giống cha nên đã mang Matthew theo cùng.”

“Cha biết con có thể du hành thời gian, nhóc con ạ. Con đã dọa mẹ con suýt chết vì sợ vào tháng Tám năm ngoái, khi con biến mất vào ngày sinh nhật ba tuổi. Một cô nhóc chấp chững du hành vượt thời gian là cơn ác mộng tồi tệ nhất của một bà mẹ.” Ông nhìn tôi một cách sắc sảo. “Vây là con có đôi mắt, đôi tai, mùi hương và khả năng du hành vượt thời gian của cha. Còn gì nữa không?”

Tôi gật đầu. “Con có thể tạo ra các câu thần chú.”

“Ồ. Chúng ta đã hy vọng con sẽ có thiên hướng với lửa giống mẹ con, nhưng không có may mắn như vậy.” Cha tôi có vẻ không thoải mái và hạ thấp giọng. “Có lẽ con không nên đề cập về khả năng của mình với các phù thủy khác. Và khi họ cố gắng dạy con những câu thần chú của họ, chỉ cần để chúng vào tai này rồi ra tai kia thôi, thậm chí cũng đừng có cố học chúng nhé.”

“Con ước gì cha nói với con điều đó từ trước, nó sẽ giúp con rất nhiều khi ở cùng dì Sarah,” tôi nói.

“Sarah già tốt bụng.” Tiếng cười của cha tôi ấm áp và thật dễ lan truyền.

Tiếng bước chân vang lên như sấm trên cầu thang, rồi một cái giẻ lau bốn chân và một câu nhóc phóng sầm sập qua bậc cửa, đập cánh cửa đánh sầm vào tường bằng tất cả sức lực hăng hái cùng sự nhiệt tình khi lao vào nhà.

“Ông Harriot nói cháu có thể lại đi ra ngoài cùng ông ấy và ngắm nhìn các ngôi sao. Ông ấy hứa lần này sẽ không quên mất cháu và ông Shakespeare đã cho cháu cái này.” Jack ve vẩy một mảnh giấy trên không. “Ông ấy nói đây là một lá thư của lòng tin còn Annie thì vẫn cứ nhìn

chăm chăm một anh chàng ở quán Mũ Hồng Y Giáo Chủ trong khi ăn bánh. Ai đấy ạ?” Câu cuối cùng được nói ra kèm theo một ngón tay cái bần chỉ về phía cha tôi.

“Đó là ông Proctor,” Matthew nói, vòng tay ôm lấy thắt lưng Jack. “Cháu đã cho Giẻ Lau ăn theo cách của cháu rồi hả?” Chẳng có cách nào tách được thằng bé và con chó ở Praha, vậy nên Giẻ Lau đã đến London, nơi mà vẻ ngoài kỳ lạ của nó đã tạo sự hiếu kỳ đối với dân địa phương.

“Tất nhiên là cháu đã cho Giẻ Lau ăn rồi ạ. Nếu cháu quên là nó lại ăn giày của cháu, và Pierre bảo chú ấy sẽ trả tiền cho đôi giày mới mà không nói cho ông biết, nhưng không có lần thứ hai đâu.” Jack vội bụm tay bưng kín miệng.

“Cháu xin lỗi, bà Roydon, em ấy chạy xuống phố mà cháu chẳng thể nào đuổi kịp.” Annie cau có lao vào phòng, rồi dừng khựng lại, mặt cô bé trở nên trắng bệch và nhìn chăm chăm cha tôi.

“Ồn cả mà, Annie,” tôi nhẹ nhàng nói. Cô bé sợ những sinh vật khác người xa lạ kể từ hồi ở Greenwich. “Đây là ông Proctor, là một người bạn.”

“Cháu có nhiều bí lắm, ông có biết chơi bắn bí không ạ?” Jack vẫn nhìn cha tôi không rời mắt với vẻ thăm dò công khai, như thể cậu nhóc cố gắng xác định xem, liệu người mới đến này có phải một nhân vật hữu ích có thể giao du không.

“Ông Proctor đến đây để nói chuyện với bà Roydon, Jack.” Matthew xoay tít cậu nhóc. “Chúng ta cần nước, rượu và bánh mì. Cháu và Annie phân chia lo mấy việc vặt đó đi, và khi nào Pierre về thì chú ấy sẽ đưa cháu tới Moorifields.”

Vừa lâu bầu vài tiếng, Jack vừa cùng Annie quay ra đi lên phố. Cuối cùng, tôi đón lấy ánh mắt của cha. Ông vẫn đang quan sát Matthew và tôi mà không nói gì trong khi bầu không khí thì đậm đặc những câu hỏi của ông.

“Tại sao con ở đây, con yêu?” Cha tôi lặng lẽ lặp lại khi lũ trẻ đã đi khỏi.

“Chúng con nghĩ, có thể tìm thấy ai đó giúp con giải đáp vài câu hỏi về phép thuật và giả kim thuật.” Vì một vài lý do, tôi không muốn cha tôi biết chi tiết. “Người dạy con tên là Goody Alsop. Bà và hội phù thủy của bà đã đón nhận con.”

“Cố gắng giỏi lắm, Diana. Cha cũng là phù thủy, nên cha biết khi nào con đang vòng vèo lướt qua sự thật.” Cha tôi ngồi ngả người trong ghế. “Con sẽ phải kể cho cha đến cùng. Cha chỉ nghĩ đây là cách tiết kiệm thời gian thôi.”

“Tại sao cha ở đây, Stephen?” Matthew hỏi.

“Chỉ đi loanh quanh thôi vì ta là một nhà nhân loại học mà. Đó là công việc của ta, còn cậu làm nghề gì?”

“Con là khoa học gia – hóa sinh học và làm việc ở Oxford ạ.”

“Cha không chỉ ‘đi loanh quanh’ ở London trong thời đại Elizabeth, cha ạ. Cha đã có trang sách từ Ashmole 782 rồi.” Tôi đột nhiên hiểu lý do tại sao ông có mặt ở đây. “Cha đang tìm kiếm phần còn lại của cuốn cổ thư đó.” Tôi hạ chòm giá nển bằng gỗ xuống. Bộ dụng cụ thiên văn học của ông Habermel được đặt nằm lọt thỏm giữa hai cây nển. Chúng tôi phải di chuyển nó hàng ngày, bởi vì Jack đều tìm ra chỗ giấu nó.

“Trang sách nào cơ?” Cha tôi hỏi, giọng ngây ngô một cách đáng ngờ.

“Trang sách có bức hình đám cưới giả kim thuật ấy, nó đến từ một cuốn cổ thư trong thư viện Bodleian.” Tôi mở bộ dụng cụ ra. Nó hoàn toàn đứng im, y như tôi kỳ vọng. “Nhìn này, Matthew.”

“Tuyệt,” cha tôi nói kèm theo một tiếng huýt sáo.

“Cha nên xem cái bẫy chuột của cô ấy,” Matthew thì thào.

“Nó dùng làm gì thế?” Cha tôi với tay kéo bộ dụng cụ lại để nhìn kỹ hơn.

“Nó là một công cụ toán học để báo giờ và theo dõi các sự kiện thiên văn học giống như chu kỳ của mặt trăng. Nó bắt đầu tự dịch chuyển khi chúng con ở Praha. Con đã nghĩ điều đó có nghĩa là ai đấy đang tìm kiếm con và Matthew, nhưng giờ con băn khoăn có phải nó không ám chỉ cha, mà là đang tìm kiếm cuốn cổ thư kia.” Bộ dụng cụ vẫn hoạt động theo chu kỳ, các bánh quay của nó xoay tròn mà không hề báo trước nên mọi người trong nhà đều gọi nó là “đồng hồ phù thủy.”

“Có lẽ anh nên đi lấy cuốn sách,” Matthew nói rồi đứng dậy.

“Được rồi, được rồi mà,” cha tôi đáp, ra hiệu cho anh ngồi xuống. “Không có gì phải vội cả, Rebecca không mong cha về trong vài ngày tới đâu.”

“Vậy là cha sẽ ở lại đây – tại London ạ?”

Khuôn mặt cha tôi dịu hân đi. Ông gật đầu.

“Cha sẽ ở đâu?” Matthew hỏi.

“Ở đây!” Tôi phần nộ nói. “Ông sẽ ở đây.” Sau bao nhiêu năm không có cha, việc lại để ông rời khỏi tầm mắt là điều tôi không thể tưởng tượng nổi.

“Con gái cha có những quan điểm rất rõ ràng về việc gia đình của cô ấy mà lại phải đăng ký ở khách sạn,” Matthew kể cho cha tôi kèm nụ cười nhả nhỏ, nhớ lại tôi đã phản ứng như thế nào khi anh cố sắp xếp Marcus và Miriam vào một nhà trọ ở Cazenovia. “Dĩ nhiên là cha được chào đón tới đây ở cùng chúng con rồi.”

“Cha đã lấy phòng ở phía bên kia thành phố,” cha tôi lưỡng lự nói.

“Ở lại đi ạ.” Tôi mím chặt môi và chớp chớp mắt để kìm nén những giọt nước mắt. “Xin cha đấy.” Tôi có quá nhiều điều muốn hỏi ông, quá nhiều câu hỏi mà chỉ ông mới có thể trả lời. Cha và chồng tôi cùng trao đổi một cái nhìn thật lâu.

“Được rồi,” cuối cùng cha tôi nói. “Loanh quanh bên con một chốc lát cũng rất tuyệt.”

Tôi cố gắng nhường ông phòng ngủ của chúng tôi, vì Matthew sẽ không thể ngủ khi có người lạ ở trong nhà, mà tôi thì dễ dàng nằm vừa trên bậu ngồi cửa sổ, nhưng cha tôi từ chối. Thay vào đó, Pierre nhường giường của anh ta cho cha tôi. Tôi đứng trên chiếu nghỉ cầu thang, lắng nghe một cách ghen tỵ khi Jack và cha tôi trò chuyện như những người bạn cũ.

“Anh nghĩ cha Stephen đã có mọi thứ ông cần rồi,” Matthew nói, vòng hai cánh tay ôm tôi.

“Ông có thất vọng vì em không?” Tôi nói thành lời nỗi băn khoăn của mình.

“Cha em ư?” Matthew thốt lên nghe vẻ hoài nghi. “Dĩ nhiên là không rồi!”

“Ông có vẻ không được thoải mái lắm.”

“Khi Stephen hôn tạm biệt em mấy ngày trước, em vẫn còn là một cô nhóc chập chững tập đi nên ông chỉ bị choáng váng thôi.”

“Ông có biết chuyện sẽ xảy đến với ông và mẹ em không?” Tôi thì thầm.

“Anh không biết, mon coeur, nhưng anh cũng nghĩ vậy.” Matthew kéo tôi về phía phòng ngủ của chúng tôi. “Lên giường ngủ đi em, mọi chuyện sẽ khác vào sáng ngày mai.”

Matthew đã đúng: Cha tôi đã có phần thư thái hơn vào ngày hôm sau, mặc dù trông ông có vẻ không ngủ được nhiều. Cả Jack cũng thế.

“Thằng bé luôn có những cơn ác mộng tồi tệ như thế à?” Cha tôi hỏi.

“Con xin lỗi vì thằng bé làm cha không ngủ được,” tôi lấy làm tiếc. “Sự thay đổi làm nó hồi hộp và lo lắng nên Matthew luôn chăm sóc nó.”

“Cha biết. Cha đã thấy anh ta,” cha tôi nói, nhấp một ngụm nước sắc thảo dược mà Annie đã chuẩn bị.

Đó chính là vấn đề với cha tôi. Ông thấy mọi thứ. Khả năng theo dõi và quan sát của ông khiến ma cà rồng cũng phải hổ thẹn. Mặc dù tôi có hàng trăm câu hỏi – về mẹ và phép thuật của bà, về trang sách của Ashmole 782 – nhưng tất cả chúng dường như đều bốc hơi hết dưới cái nhìn lạnh lẽo của ông. Thi thoảng ông hỏi tôi vài chuyện tầm thường không đáng kể. Tôi có biết ném bóng chày không? Tôi có nghĩ Bod Dylan là thiên tài không? Tôi đã từng được dạy cách dựng một cái lều chưa? Ông không hỏi gì về Matthew và tôi cả, hay trường tôi đã học, hoặc thậm chí cả việc tôi làm gì để kiếm sống. Ông không có bất kỳ biểu hiện nào thể hiện sự quan tâm, nên tôi cảm thấy lúng túng và ngượng ngùng khi tự động đưa ra các thông tin này. Đến cuối ngày đầu tiên chúng tôi ở cùng nhau, tôi đã thực sự trào nước mắt.

“Tại sao ông không nói chuyện với em?” Tôi hỏi khi Matthew tháo dây chiếc coóc-xê của tôi.

“Bởi vì ông quá bận lắng nghe. Ông là một nhà nhân loại học – một người quan sát chuyên nghiệp mà, còn em lại là sử gia trong gia đình. Các câu hỏi là thể mạnh của em chứ không phải của ông.”

“Em cứ lú lẫm khi ở quanh ông và không biết bắt đầu từ đâu. Khi ông thực sự nói chuyện với em, thì nó lại luôn là những chủ đề kỳ lạ, kiểu như liệu việc cho phép các cầu thủ được chỉ định đánh bóng có hủy hoại môn bóng chày không.”

“Đó là điều mà một người cha sẽ nói với con gái mình khi ông bắt đầu dẫn dắt cô bé đến với trò chơi bóng chày. Vậy là cha Stephen biết ông sẽ không được nhìn thấy em lớn lên và không biết mình còn bao nhiêu thời gian ở bên em thôi.”

Tôi ngồi xuống mép giường. “Ông là một fan cuồng nhiệt của Red Sox. Em nhớ là mẹ đã nói rằng, giữa việc bà có thai và Carlton Fisk đánh được cú home run vào trận thứ sáu của giải World Series, thì năm 1975 là mùa thu tuyệt nhất trong cuộc đời ông, thậm chí cuối cùng Cincinnati có đánh bại Boston đi nữa.”

Matthew cười khẽ. “Anh chắc chắn mùa thu năm 1975 là đỉnh cao của nó.”

“Đội Sox đã thắng vào năm đó à?”

“Không, cha em đã thắng.” Matthew hôn tôi và thổi tắt nến.

Ngày hôm sau, khi tôi trở về nhà sau khi chạy vài việc vặt, tôi thấy cha đang ngồi trong phòng khách căn hộ vắng tanh của chúng tôi với Ashmole 782 mở trước mặt.

“Cha tìm thấy nó ở đâu thế?” Tôi hỏi và đặt mấy gói đồ lên bàn. “Con nghĩ Matthew đã đem giấu nó rồi chứ.” Tôi chẳng có đủ thời gian để ngăn bọn trẻ cách xa bộ dụng cụ đáng nguyên rửa đó.

“Jack đã đưa nó cho cha, thằng bé gọi nó là ‘cuốn sách về quái vật’ của bà Roydon.’ Hoàn toàn có thể hiểu là cha đã háo hức được thấy nó ngay khi nghe nói đến.” Cha tôi lật giở sang trang. Các ngón tay ông ngắn hơn ngón tay Matthew, cục mịch và mạnh mẽ hơn. “Đây là cuốn sách có bức tranh về hôn lễ đó hả?”

“Vâng. Còn có hai bức tranh khác nữa: một hình một cái cây, còn bức kia là hai con rồng đang chảy máu.” Tôi dừng lại. “Con không chắc mình có nên kể cho cha hay không, con biết về mối quan hệ của cha với cuốn sách này, điều mà cha không biết – những điều thậm chí chưa xảy ra.”

“Vậy thì hãy nói cho cha biết điều gì đã xảy ra với con sau khi con phát hiện ra nó ở Oxford và cha muốn biết sự thật, Diana. Cha có thể nhìn thấy những sợi tơ nối giữa con và cuốn sách này bị hư hại, tất cả chúng bện xoắn lại và găm gù. Vậy có ai đó đã làm hại con về thể xác.”

Sự im lặng nặng nề lắng xuống trong phòng. Không thể trốn đâu khỏi sự quan sát kỹ lưỡng và tỉ mỉ của cha tôi. Khi tôi không thể chịu đựng hơn được nữa, tôi đón lấy ánh mắt ông.

“Là các phù thủy. Matthew đã ngủ, và con đi ra ngoài để hít thở không khí trong lành. Nơi đó được cho là an toàn nhưng một phù thủy đã bắt con.” Tôi cựa mình trên ghế. “Hết chuyện. Chúng ta hãy nói về điều gì khác đi. Cha không muốn biết nơi con đã đi học sao? Con là một sử gia. Con đã được bổ nhiệm làm giảng viên chính thức ở Yale.” Tôi sẽ nói về bất cứ điều gì với cha tôi – ngoại trừ chuỗi sự kiện bắt đầu với bức ảnh cũ được giao đến phòng tôi ở New College và kết thúc với cái chết của Juliette.

“Để sau đi. Giờ cha cần biết tại sao một phù thủy khác lại muốn cuốn sách này đến mức sẵn sàng giết con vì nó.Ồ, đúng rồi,” ông nói trước cái nhìn hoài nghi của tôi, “cha đã tự mình khám phá ra rồi. Một phù thủy đã dùng câu thần chú mở trên lưng con và để lại một vết sẹo kinh khủng. Cha có thể cảm thấy vết thương đó vì ánh mắt Matthew nấn ná ở đó, và con rồng của con – cha cũng biết về cô nàng đó nữa – che đậy vết sẹo đó bằng đôi cánh của nó.”

“Satu – phù thủy đã bắt con – không phải sinh vật khác người duy nhất muốn cuốn sách này. Peter Knox – thành viên của Đại Hội Đồng cũng muốn.”

“Peter Knox,” cha tôi khẽ thốt lên. “Ái chà chà.”

“Hai người đã gặp nhau ư?”

“Thật không may, đúng thế. Hẳn ta luôn có gì đó với mẹ con và may mắn là mẹ con thấy ghê tởm hẳn.” Cha tôi trông dữ dằn và lật qua trang khác. “Cha chắc chắn gã Peter chết tiệt không biết về các phù thủy bị chết trong thứ này. Có một loại phép thuật hắc ám nào đó quấn quanh trong cuốn sách này, và Peter đã luôn hứng thú với khía cạnh đó của phép phù thủy. Cha có thể biết lý do vì sao hẳn muốn nó, nhưng tại sao con và Matthew lại cần nó đến thế chứ?”

“Các sinh vật khác người đang biến mất, cha ạ. Yêu tinh đang ngày càng hoang dại, máu ma cà rồng đôi khi không có khả năng biến đổi một con người nữa, còn phù thủy thì đang không sinh sôi thêm được. Chúng ta đang chết dần. Matthew tin rằng cuốn sách này có thể giúp chúng ta hiểu được lý do tại sao,” tôi giải thích. “Có rất nhiều thông tin di truyền trong cuốn sách này – da, tóc, thậm chí cả máu và xương nữa.”

“Con đã kết hôn với một sinh vật khác người không kém gì Charles Darwin đấy. Có phải anh chàng cũng quan tâm tới nguồn gốc các loài giống như sự tuyệt chủng không?”

“Vâng, anh ấy đã cố gắng trong một thời gian dài để tìm ra cách mà yêu tinh, phù thủy và ma cà rồng có liên hệ với nhau và với loài người. Cuốn cổ thư này – nếu chúng con có thể ghép nó lại với nhau và hiểu được nội dung của nó – có lẽ sẽ cung cấp được những manh mối quan trọng.”

Đôi mắt màu nâu lục nhạt của cha nhìn vào mắt tôi. “Và đây là những mối bận tâm mang tính lý thuyết đơn giản đối với chàng ma cà rồng của con à?”

“Không gì hơn nữa. Con đang mang thai, cha ạ.” Tôi nhẹ nhàng đặt tay lên phần bụng dưới - một hành động vô thức mà gần đây tôi vẫn hay thực hiện.

“Cha biết.” Ông cười. “Cha cũng đã phát hiện ra điều đó, nhưng thật tuyệt khi được nghe con nói ra.”

“Cha mới chỉ ở đây có bốn mươi tám tiếng nên con không muốn thổ lộ đồn dập nhiều thứ hơn,” tôi nói với cảm giác xấu hổ. Cha tôi đứng dậy và kéo tôi vào vòng tay ôm thật chặt. “Hơn nữa, cha đáng ra nên ngạc nhiên chứ, vì phù thủy và ma cà rồng vốn không được yêu nhau và người ta kiên quyết cho rằng họ không thể có con cùng nhau.”

“Mẹ con đã báo trước cho cha về chuyện đó rồi - bà ấy đã thấy tất cả mọi chuyện bằng năng lực tiên tri phi thường của mình.” Ông cười lớn. “Thật là lo lắng hão. Nếu không phải con thì bà ấy đang nặng xì cả lên rồi, nó là ma cà rồng đấy. Chúc mừng con yêu. Một đứa trẻ là món quà tuyệt vời.”

“Con chỉ hy vọng chúng con có thể kiểm soát được nó. Ai biết được đứa con của bọn con sẽ như thế nào?”

“Con có thể giải quyết tốt hơn là con nghĩ đấy.” Cha hôn lên má tôi. “Thôi nào, chúng ta hãy đi dạo một lát đi để con có thể chỉ cho cha thấy những nơi con thích trong thành phố này. Cha muốn gặp Shakespeare. Một trong những đồng nghiệp ngu ngốc của cha nghĩ, thật ra chính nữ hoàng Elizabeth đã viết Hamlet. Mà nói đến đồng nghiệp: Làm thế nào mà sau nhiều năm mua yếm dài và găng tay hở ngón Harvard cho con, kết cục là ta lại có một cô con gái dạy học ở Yale chứ?”

“Ta tò mò vài chuyện,” cha tôi nói, nhìn không chớp mắt vào ly rượu vang của ông. Hai chúng tôi đã tận hưởng một chuyến đi dạo thú vị và đều đã ung dung, thông thả dùng xong bữa tối trong khi bọn trẻ đã được cho lên giường ngủ, còn Giế Lau thì đang ngáy khò khò cạnh lò sưởi. Một ngày hoàn hảo là như thế đấy.

“Chuyện gì cơ, cha Stephen?” Matthew hỏi, mỉm cười ngược nhìn lên từ cốc rượu của anh.

“Hai đứa nghĩ, có thể kiểm soát cuộc sống điên cuồng mà các con đang dần thân vào này bao lâu?”

Nụ cười của Matthew cứng lại. “Con không chắc mình hiểu câu hỏi của cha,” anh lẳng lặng nói.

“Hai đứa các con giữ mọi thứ chặt quá thế.” Cha tôi nhấp một ngụm rượu và cố ý nhìn đắm đắm vào nắm tay siết chặt của Matthew trên miệng cốc. “Con có thể vô tình hủy hoại đi thứ con yêu thích nhất bằng nắm tay đó đấy, Matthew.”

“Con sẽ chú ý điều đó ạ.” Rõ ràng, Matthew đang kiểm soát tâm trạng của mình. Tôi mở miệng định xoa dịu mọi chuyện.

“Hãy thôi cố gắng sắp xếp mọi chuyện đi, con yêu,” cha nói trước khi tôi kịp thốt ra một lời.

“Con không mà,” tôi phản đối.

“Có, con có,” Stephen nói. “Mẹ con lúc nào cũng làm thế, và cha nhận ra các dấu hiệu đó. Đây là cơ hội cha được nói chuyện với con với tư cách là một người trưởng thành, Diana, và cha sẽ không lựa lời vòng vo chỉ bởi vì chúng khiến con - hoặc cậu ta - không thoải mái đâu.”

Cha tôi thọc tay vào trong áo khoác và rút ra một cuốn sách mỏng. “Cậu cũng đang cố gắng sắp đặt mọi chuyện, Matthew ạ.”

“Tin tức từ Scotland,” dòng tiêu đề chữ lớn được đánh máy trên bản in nhỏ viết: TUYÊN BỐ VỀ CUỘC ĐÒI ĐÁNG TỘI LỖI CỦA BÁC SĨ FIAN, MỘT PHÙ THỦY NỔI TIẾNG, KỂ ĐÃ BỊ THIÊU CHẾT Ở EDINBURGH VÀO THÁNG MỘT VỪA QUA.

“Cả thành phố đang nói về những phù thủy ở Scotland,” cha tôi nói, đẩy các trang báo về phía Matthew. “Nhưng các sinh vật khác người lại đang kể một câu chuyện khác so với loài máu nóng. Họ nói rằng, Matthew Roydon vĩ đại và kinh khủng, kẻ thù của phù thủy, đang bất chấp ý nguyện của Đại Hội Đồng và cứu kẻ bị kết tội kia.”

Các ngón tay Matthew dừng khựng lại trên các trang báo. “Cha không nên tin mọi điều nghe được, Stephen. Người London thích ngồi lê tán dóc.”

“Vì hai kẻ giả mạo quyền lực, các con chắc chắn đang khuấy đảo một thế giới rắc rối và rắc rối đó sẽ không dừng lại ở đây. Nó cũng sẽ bám theo các con về nhà nữa.”

“Thứ duy nhất sẽ đi theo chúng con về nhà từ năm 1591 là Ashmole 782,” tôi nói.

“Con không thể mang cuốn sách theo.” Cha tôi nhấn giọng. “Nó thuộc về nơi đây. Con đã làm thời gian bện xoắn lại đủ rồi, cứ ở đây chừng nào con cần.”

“Chúng con đã rất cẩn thận, cha ạ.” Tôi đau nhói vì lời chỉ trích của cha.

“Cẩn thận ư? Con đã ở đây bảy tháng rồi. Con đã mang thai một đứa bé. Chuyển đi lâu nhất ta từng trải qua trong quá khứ là hai tuần lễ. Hai đứa không phải là người du hành thời gian nữa. Các con đã không chống đỡ nổi một trong những vi phạm cơ bản nhất của lĩnh vực nhân loại học: Các con đã thành người bản địa.”

“Con đã ở đây từ trước đó rồi, Stephen,” Matthew ôn tồn nói, mặc dù các ngón tay anh gõ liên tục lên bắp đùi. Đó chưa bao giờ là một dấu hiệu tốt.

“Ta ý thức được điều đó, Matthew,” cha tôi bắn trả. “Nhưng cậu đã đi quá xa cùng quá nhiều nhân tố khả biến khiến cho quá khứ không còn y nguyên như lúc ban đầu nữa.”

“Quá khứ đã thay đổi chúng con,” tôi nói, không dám đối diện với cái nhìn chăm chăm giận dữ của cha. “Cũng có lý do khiến chúng con thay đổi nó.”

“Và điều đó không vấn đề gì ư? Việc du hành thời gian là một công việc nghiêm túc đấy Diana. Dù chỉ là một chuyến viếng thăm ngắn ngủi đi nữa, con cũng cần có kế hoạch – bao gồm việc để lại phía sau mọi thứ con đã tìm thấy.”

Tôi nhấp nhồm cựa mình trên ghế. “Chúng con không định ở đây lâu đến thế. Việc này dẫn tới việc kia, và giờ...”

“Giờ thì các con sắp sửa để lại một đồng hỗn độn. Con cũng có thể sẽ phát hiện thấy đồng lộn xộn đó khi quay về nhà.” Cha nhìn chúng tôi bằng một cái nhìn u ám.

“Con hiểu rồi cha. Chúng con đã xử lý tình huống rất kém.”

“Đúng thế đấy,” ông nhẹ nhàng nói. “Có lẽ các con muốn suy nghĩ về việc đó trong khi ta đến quán Mũ Hồng Y Giáo Chủ. Cái người tự giới thiệu mình là Gallowglass lúc ở dưới sân nói rằng anh ta là họ hàng của Matthew và hứa giúp cha gặp Shakespeare, trong khi chính con gái lại từ chối giúp.” Cha bẹo má tôi. Có sự thất vọng trong đó, cũng đồng thời là sự tha thứ nữa. “Đừng thức đợi cha nhé.”

Matthew và tôi ngồi lại trong im lặng khi tiếng bước chân cha nhỏ dần rồi tắt hẳn. Tôi hít vào một hơi run rẩy.

“Có phải chúng ta đã xử lý tình huống rất kém không Matthew?” Tôi nhìn lại những tháng ngày vừa qua: gặp Philippe, phá vỡ sự phòng thủ của Matthew, quen biết Goody Alsop và các phù thủy khác, phát hiện ra tôi là một thợ dệt, làm bạn với Mary và các quý bà ở Malá Strana, đón nhận Jack và Annie vào ngôi nhà và vào trái tim của chúng tôi, phục hồi Ashmole 782, và đứng rồi, hoài thai một đứa bé. Bàn tay tôi thả trên bụng che chở. Nếu được lựa chọn, tôi sẽ không thay đổi chuyện gì cả.

“Rất khó để biết được, mon coeur,” Matthew ủ ê nói. “Thời gian sẽ trả lời tất cả.”

“Con nghĩ chúng con có thể gặp Goody Alsop, bà ấy sẽ giúp con làm câu thần chú để trở về tương lai.” Tôi đứng trước cha mình cùng chiếc hộp thần chú siết chặt trong hai bàn tay. Tôi vẫn thấy căng thẳng khi ở gần ông sau bài thuyết giáo ông dành cho Matthew và tôi tối hôm qua.

“Đó là vấn đề thời gian,” cha tôi nói, với lấy cái áo khoác. Ông vẫn mặc kiểu đàn ông hiện đại, cởi nó ra khi ở trong nhà và xắn tay áo sơ mi lên. “Cha không nghĩ có bất kỳ lời gợi ý nào giúp được con. Cha không thể đợi thêm nữa để được gặp một thợ dệt lão luyện. Và cuối cùng, con sẽ cho cha xem có gì trong hộp chứ?”

“Nếu cha tò mò về nó thế, tại sao cha không hỏi?”

“Con che che đây đây nó cẩn thận bằng màn khói mỏng của con như thế nên cha nghĩ con không muốn ai đề cập đến nó,” ông nói khi chúng tôi đi xuống cầu thang.

Khi chúng tôi đến xứ đạo của St. James Garlickhythe, bóng hồn của Goody Alsop ra mở cửa.

“Vào đi, vào đi,” bà nói, ra hiệu cho chúng tôi tiến tới chỗ ngồi của bà bên cạnh bếp lò. Hai mắt bà sáng rỡ đầy phấn khích. “Chúng ta đang đợi các vị đây.”

Toàn bộ hội phù thủy đều ở đây và đang ngồi trên mép ghế.

“Goody Alsop, đây là cha cháu, Stephen Proctor.”

“Thợ dệt.” Goody Alsop rạng rỡ nói với vẻ thỏa mãn. “Ông là một thợ dệt mang tính nước, giống như con gái ông.” Cha tôi hơi khom người như ông vẫn thường làm thế, quan sát mọi người và nói ít nhất có thể trong khi tôi làm thủ tục giới thiệu. Tất cả đám phụ nữ đều cười và gật đầu đáp lại, mặc dù Catherine phải lặp lại mọi điều với Elizabeth Jackson vì trọng âm của cha tôi lạ lẫm quá.

“Ông không phiền chia sẻ cho chúng tôi biết tên sinh vật của ông chứ?” Goody Alsop nhìn chăm chăm vào vai cha tôi, nơi có thể nhìn thấy đường nét mờ mờ của một con diệc. Tôi chưa bao giờ nhận thấy nó trước đây.

“Bà có thể nhìn thấy Bennu ư?” Cha tôi ngạc nhiên nói.

“Dĩ nhiên rồi. Anh chàng đậu ở đó, dang rộng cánh, ngang qua hai vai ông. Tinh linh thiết thân của tôi không có cánh, mặc dù tôi có mối liên hệ mạnh mẽ với không khí. Tôi ngờ là vì đó mà dễ thuần hóa cô ta hơn. Tên cô ta là Ella và rất khó huấn luyện.”

Bóng hồn của Goody Alsop lướt quanh cha tôi, khe khẽ ngâm nga với con chim khi bắt đầu nhìn rõ nó hơn.

“Có lẽ Bennu của ông có thể đỡ được nàng rồng lửa của Diana bỏ đi tên đó đấy. Tôi nghĩ, như thế sẽ giúp con gái ông trở về thời đại của cô ấy dễ dàng hơn. Chúng tôi không muốn có bất kỳ dấu vết nào từ vật thiết thân của cô ấy để lại nơi này vì nó sẽ kéo Diana trở lại London.”

“Ái chà.” Cha tôi đang đấu tranh để tiếp nhận tất cả chuyện này – nhóm hội của các phù thủy, bóng hồn của Goody Alsop và thực tế là các bí mật của ông đang bị phơi bày ra.

“Ai cơ?” Elizabeth Jackson lịch sự hỏi, cho rằng mình đã hiểu nhầm.

Cha tôi hơi ngả người ra sau quan sát Elizabeth cẩn thận. “Chúng ta đã gặp nhau chưa nhỉ?”

“Chưa, đó là ông nhận ra nước trong huyết mạch của tôi đấy. Chúng tôi thật vui vì có ông ở đây, ông Proctor. Chưa khi nào lại có ba thợ dệt cùng lúc ở London thế này. Thành phố này thật ồn ào.”

Goody Alsop ra hiệu về chiếc ghế bên cạnh bà. “Ngồi xuống đi nào.”

Cha tôi nhận lấy vị trí vinh dự đó. “Không có ai ở nhà biết về công việc thợ dệt này cả.”

“Ngay cả mẹ con cũng không ư?” Tôi thở hắt ra. “Cha, cha phải nói cho mẹ biết.”

“Ồ, bà ấy biết nhưng cha không kể mà cho mẹ con xem.” Các ngón tay cha tôi gấp lại rồi thả ra theo bản năng thể hiện một mệnh lệnh.

Thế giới được thắp sáng trong những cái bóng màu xanh lục, xám, tím oải hương và xanh lá khi ông kéo tất cả những sợi tơ mang tính nước ẩn giấu trong căn phòng: những cành liễu trong một cái bình cạnh cửa sổ, giá nền bạc mà Goody Alsop dùng cho các câu thần chú của bà và con cá đang đợi để nướng lên cho bữa tối. Mọi người và mọi vật trong căn phòng đều bị phủ trong những sắc màu của nước. Bennu bay lên, đôi cánh nhọn màu bạc của nó khuấy động không khí tạo thành những đợt sóng. Bóng hồn của Goody Alsop bị thổi bay hết bên này sang bên kia theo dòng nước, hình dáng của cô ta thay đổi thành một bông hoa bách hợp cuống dài, rồi trở về hình dạng con người và mọc ra những cái cánh. Hai tinh linh thiết thân như thể đang chơi đùa cùng nhau. Trước cảnh giải lao ấy, nàng rồng lửa cũng vẫy đuôi và đập đập hai cánh vào xương sườn tôi.

“Không phải bây giờ,” tôi nghiêm khắc bảo cô nàng, tay nắm chặt lấy thân áo phía trên. Điều cuối cùng chúng tôi cần là một con rồng lửa nhảy cẫng lên vì vui sướng. Khả năng kiểm soát của tôi trong quá khứ có thể sơ suất, nhưng tôi biết rõ hơn hết việc thả một con rồng vào London thời đại Elizabeth là thế nào.

“Để cô bé ra đi, Diana,” cha tôi thúc giục. “Ben sẽ trông nom cô bé.”

Nhưng tôi không thể để mình làm thế. Cha tôi gọi Bennu, nó đã nhặt dần đi trên vai ông. Phép thuật nước xung quanh tôi cũng nhặt dần đi.

“Tại sao con lại e sợ?” Cha tôi lặng lẽ hỏi.

“Con sợ bởi vì cái này!” Tôi phất các sợi thừng của tôi trong không khí. “Và cái này nữa!” Tôi đập vào xương sườn mình, hích vào rồng lửa. Cô nàng phun lửa đáp lại. Tôi trượt bàn tay xuống nơi bé con của chúng tôi đang lớn lên. “Và đây nữa, có quá nhiều. Con không cần dùng đến phép thuật mạnh mẽ phô trương như cách cha vừa làm. Con hạnh phúc vì là chính mình.”

“Con có thể dệt các câu thần chú, ra lệnh cho rồng lửa, uốn cong các quy luật thống trị sự sống và cái chết. Con cũng không ổn định, dễ thay đổi như bản thân sự sáng tạo, Diana ạ. Những thứ này là quyền năng mà bất cứ phù thủy có tự tôn nào cũng sẽ giết người vì nó.”

Tôi kinh hãi nhìn ông. Ông đã mang đến một thứ mà tôi không thể đối mặt trong căn phòng

này: Những phù thủy đã giết người vì thứ sức mạnh này. Họ cũng đã giết cha và mẹ tôi.

“Việc đặt phép thuật của con nằm gọn gàng trong những chiếc hộp nhỏ và giữ nó tách biệt hẳn với thuật phù thủy sẽ không giúp cho mẹ con và ta thoát khỏi số mệnh được đâu,” cha tôi tiếp tục buồn bã nói.

“Đó không phải điều con đang cố gắng làm.”

“Thật sao?” Lòng mày ông nhướn lên. “Con muốn thử lần nữa không, Diana?”

“Dì Sarah nói, phép thuật mạnh và thuật phù thủy là thứ hoàn toàn tách biệt. Dì nói...”

“Quên những gì Sarah nói đi!” Cha nắm lấy hai vai tôi. “Con không phải là Sarah cũng như không giống bất cứ phù thủy nào từng sống. Con không phải lựa chọn giữa các câu thần chú và sức mạnh ở ngay trên đầu ngón tay mình. Chúng ta là thợ dệt, đúng không?”

Tôi gật đầu.

“Vậy thì hãy nghĩ phép thuật mạnh mẽ như chiếc khung dệt – những sợi tơ khỏe mạnh làm nên thể giới – và nghĩ đến các câu thần chú như những sợi ngang – đều là một phần của tấm thảm dệt. Tất cả là một hệ thống lớn, con yêu ạ. Con có thể nắm bắt nó, nếu con gạt đi nỗi sợ hãi của mình.”

Tôi có thể nhìn thấy các khả năng phát sáng quanh mình trong những tấm lưới màu sắc và bóng tối, nhưng nỗi sợ vẫn còn.

“Đợi đã. Con có một mối liên kết với lửa, giống mẹ. Chúng ta không biết nước và lửa sẽ phản ứng như thế nào, con chưa học những bài đó.” Tôi nghĩ, bởi Praha, bởi chúng tôi còn bận săn lùng Ashmole 782 và quên mất chuyện tập trung vào tương lai và việc quay trở về đó.

“Vậy con là cầu thủ đánh bóng bằng cả hai tay – vũ khí bí mật của phù thủy đây chẳng.” Ông cười vang.

“Chuyện này nghiêm túc mà cha.”

“Không cần phải thế.” Cha tôi để câu nói đó lắng xuống, rồi bắt lấy một đầu sợi tơ màu xám và xanh lá.

“Cha đang làm gì đấy?” Tôi hoài nghi hỏi.

“Quan sát đi,” ông đáp trong tiếng rì rào như những con sóng xô vào bờ cát. Ông kéo ngón tay về phía mình và mím chặt môi như thể đang cố giữ một phép thổi bóng vô hình. Khi ông thổi ra, một quả bóng nước thành hình. Ông búng ngón tay về phía cái xô nước gần lò sưởi, quả bóng chuyển thành đá, bồng bềnh trên không và rơi vào cái xô đánh bồm một cái. “Mất bò.”

Elizabeth cười khúc khích, thả một dòng bong bóng nước vào không khí, mỗi trái bóng nở ra một trận mưa nước bé xíu.

“Con không thích những thứ không biết rõ, Diana, nhưng đôi khi con phải nắm lấy nó. Con đã sợ hãi khi lần đầu tiên cha đặt con lên chiếc xe đạp ba bánh và con đã ném những khối đồ chơi vào tường khi không thể xếp tất cả chúng trở lại vào hộp. Chúng ta đã trải qua những cuộc khủng hoảng đó. Cha chắc chắn chúng ta có thể giải quyết chuyện này.” Cha tôi chìa tay ra.

“Nhưng nó quá...”

“Hỗn loạn? Đời là thế mà. Hãy thôi cố gắng hoàn hảo đi. Hãy thử thực sự thay đổi.” Cánh tay cha tôi quét qua không khí, làm lộ ra tất cả các sợi tơ bình thường vẫn ẩn đi không nhìn thấy.

“Cả thế giới trong căn phòng này. Hãy tận dụng thời gian và tìm hiểu nó đi.”

Tôi quan sát kỹ các kiểu mẫu và thấy những luồng màu sắc xung quanh các phù thủy biểu lộ sức mạnh cụ thể của họ. Các sợi tơ lửa và nước vây xung quanh tôi trong một mớ hỗn độn những sắc màu tương phản. Còn hoảng sợ của tôi quay trở lại.

“Hãy gọi lửa đi,” cha tôi nói, đơn giản như thể đó là chuyện đặt một cái bánh pizza. Sau một thoáng do dự, tôi ngoắc ngón tay và ước lửa đến với tôi. Một sợi tơ màu đỏ cam mắc trên đầu ngón tay. Khi tôi thở ra một hơi qua bờ môi mím chặt, hàng tá bong bóng ánh sáng và hơi nóng nhỏ li ti bay vào không khí như những con đom đóm.

“Dễ thương quá, Diana!” Catherine vỗ tay kêu lên.

Giữa tiếng vỗ tay và ánh lửa, nàng rồng lửa của tôi muốn được thả ra. Bennu kêu lên từ trên vai bố tôi và rồng lửa đáp lại. “Không,” tôi nói, nghiêng chặt răng.

“Đừng có phá bĩnh như thế. Cô nàng là một con rồng – không phải cá vàng. Tại sao con luôn cố giả vờ phép thuật là bình thường nhỉ? Hãy để cô nàng bay đi!”

Tôi thả lỏng người, xương sườn mềm đi, xương sống của tôi mở ra như những trang giấy của một cuốn sách. Rồng lửa của tôi thoát ra khỏi sự kìm hãm ngay khi có cơ hội đầu tiên, đập đập đôi cánh trong khi biến hóa từ màu xám mờ nhạt thành ngũ sắc lấp lánh tỏa sáng. Cái đuôi của nó xoắn cong thành một cái nút thắt lỏng và lượn vòng quanh phòng. Rồng lửa bắt những trái bóng ánh sáng nhỏ xíu bằng răng rồi nuốt chúng như ăn kẹo. Sau đó, cô nàng chuyển sự chú ý sang những quả bong bóng nước của cha tôi, như thể chúng là thứ sâm-panh ngon lành. Khi đã chơi đủ rồi, cô nàng vỗ cánh lơ lửng trong không trung trước mặt tôi, cái đuôi đập đập xuống sàn nhà và nghiêng đầu chờ đợi.

“Cô bé là gì thế này?” Tôi tự hỏi, làm thế nào nó có thể xoay sở để hấp thụ được tất cả những sức mạnh trái ngược của nước và lửa.

“Là cô, nhưng không phải cô.” Rồng lửa chớp chớp đôi mắt như thủy tinh trong suốt quan sát tôi. Một trái bóng năng lượng xoáy tròn thẳng bằng ở cuối cái đuôi có hình răng cưa của nó. Rồng lửa vẩy đuôi hất quả bóng vào hai bàn tay tôi. Nó trông giống trái cầu tôi đã tặng Matthew ở Madision.

“Tên cô bé là gì?” Tôi thì thầm hỏi.

“Cô có thể gọi tôi là Corra,” cô nàng nói bằng một thứ ngôn ngữ của khói và sương mù. Corra lúc lắc cái đầu chào tạm biệt, tan dần thành một cái bóng xám và biến mất.

Sức nặng của cô nàng ục một cái lại vào trong người tôi, hai cánh khum vòng quanh lưng tôi, và chỉ còn sự tĩnh lặng. Tôi hít vào một hơi thật sâu.

“Thật tuyệt vời, con yêu.” Cha tôi ôm siết lấy tôi thật chặt. “Con đã suy nghĩ như lửa. Cảm thông và chia sẻ là bí mật của vạn vật trong cuộc sống này – bao gồm cả phép thuật trong đó. Hãy nhìn xem, giờ những sợi tơ mới sáng làm sao!”

Thế giới xung quanh chúng tôi sáng lấp lánh hơn bao giờ hết. Trong các góc phòng, màn dệt màu chàm và hổ phách cũng đang sáng dần lên đều đều, cảnh báo rằng thời gian đang ngày một gấp gáp rồi.

“Hai tuần đã qua rồi, giờ cha phải đi thôi.”

Không mấy bất ngờ nhưng những lời nói này cũng giáng vào tôi một đòn choáng váng. Tôi cup mắt nhìn xuống để che giấu vẻ bối rối.

“Nếu cha không trình diện sớm, mẹ con sẽ nghĩ cha đang đi lại với người bán cam.”

“Người bán cam ngụ ý nhiều điều trong thế kỷ mười bảy này,” tôi lơ đãng nói, kéo thẳng mấy nút sợi thừng nằm trên lòng mình. Giờ tôi đã tiến bộ vững vàng trên mọi phương diện, từ những bùa chú đơn giản chữa bệnh đau đầu đến các nút dệt phức tạp hơn, có thể gây sóng gợn lẫn tẩn trên sông Thames. Tôi bện hai sợi thừng màu vàng kim và xanh dương quanh mấy ngón tay. Sức mạnh và sự hiểu biết.

“Ồ, con bình phục nhanh đấy Diana.” Cha tôi quay sang Matthew. “Con bé hồi phục nhanh quá.”

“Cha nói thêm về chuyện đó đi,” chồng tôi đáp lời bằng giọng đều đều khô khan. Cả hai đang cố gắng dùng các câu chuyện hài hước để làm mềm những khía cạnh thô cứng trong mối quan hệ giữa hai người, mà đôi khi khiến họ trở nên không thể chịu đựng nổi.

“Ta rất vui được gặp cậu, Matthew - không kể tới ánh mắt đáng sợ mỗi khi cậu nghĩ rằng ta đang sai khiến Diana,” cha cười nói. Tôi phớt lờ những lời giễu cợt của họ và bện xoắn sợi thừng màu vàng vào hai sợi vàng kim cùng xanh dương. Thuyết phục.

“Cha có thể ở lại tới mai không? Nếu để lỡ dịp lễ kỷ niệm thì cha sẽ thấy ân hận đấy.” Ngày mai là lễ hội Hạ Chí và cả thành phố đang nghỉ lễ. Tôi sợ rằng, cái cố đêm cuối cùng ở bên con gái cũng không thể níu giữ cha ở lại, nên đành ngại ngùng dựa dẫm vào những hứng thú về học thuật của ông.

“Lễ hội có rất nhiều phong tục dân gian để cha quan sát.”

“Các phong tục dân gian sao?” Cha tôi bật cười. “Con thật khéo nói, nhưng tất nhiên cha sẽ ở lại tới ngày mai. Annie đã làm tặng cha một vòng hoa, và cha cùng Will sẽ đến hút thuốc với Walter, sau đó sẽ ghé thăm Cha Hubbard.”

Matthew cau mày. “Cha biết Hubbard sao?”

“Ồ, tất nhiên. Khi mới tới, ta đã chủ động giới thiệu bản thân với ông ta. Ta nên làm vậy khi ông ấy là người quản lý tại đây. Cha Hubbard nhận ra ta là cha của Diana ngay. Loài của cậu có khả năng khứu giác thật đáng nể.” Cha tôi nhìn Matthew bằng ánh mắt nhân từ. “Một người đàn ông thú vị, với những ý tưởng xây dựng một gia đình lớn và hạnh phúc cho tất cả các sinh vật khác người.”

“Thế giới đó sẽ hoàn toàn hỗn loạn.” Tôi nói thẳng.

“Tất cả chúng ta đã góp phần tạo ra nó, như đêm qua, trong cùng một mái nhà với ba ma cà rồng, hai phù thủy, một yêu tinh, hai con người và một con chó. Đừng vội gạt bỏ các ý tưởng mới, Diana.” Cha nhìn tôi bằng ánh mắt phản đối. “Có thể cha sẽ qua chơi với Catherine và Marjorie. Rất nhiều phù thủy đổ ra đường lang thang vào tối nay nên cha tin hai người họ biết chỗ nào đông vui nhất.” Dường như ông giao tiếp bằng tên riêng với phân nửa thành phố này.

“Và cha phải cẩn thận, đặc biệt lúc ở quanh Will, cha ạ. Đừng nói ‘Oa’ hay ‘Được đấy, Shakespeare.’” Cha của tôi rất thích tiếng lóng. Ông từng nói, đó là dấu hiệu của một nhà nhân chủng học.

“Giá mà cha có thể đưa Will về nhà cùng mình, cậu ta sẽ là – xin lỗi con yêu - một đồng nghiệp thú vị. Cậu ta có khiếu hài hước và trường của chúng ta nên làm việc với những người như vậy. Thay đổi từng chút một, con hiểu ý cha chứ.” Ông xoa hai bàn tay vào nhau. “Kế hoạch của con thế nào?”

“Bọn con không có kế hoạch nào cả.” Tôi ngậy người nhìn Matthew và anh nhún vai đáp trả.

“Con nghĩ mình sẽ trả lời thư từ,” anh ngập ngừng nói. Chồng thư gửi tới đã chất cao tới mức báo động.

“Ôi, không.” Cha tôi ngồi xuống ghế với vẻ mặt khó chịu.

“Chuyện gì vậy ạ?” Tôi quay đầu để xem ai hay cái gì mới bước vào phòng.

“Đừng nói với cha rằng con là kiểu người học thuật nhé, những kẻ chẳng phân biệt nổi sự khác biệt giữa cuộc sống và công việc.” Ông hất mạnh hai tay như thể né tránh một thứ khó chịu. “Cha không muốn tin rằng con gái mình là một kẻ giống họ.”

“Cha hơi cường điệu rồi,” tôi đáp khô khan. “Bọn con có thể ở bên cha vào buổi tối, nhưng con chưa bao giờ hút thuốc. Đầu tiên nó là vấn đề liên quan tới lịch sử với Walter, vì anh ta đã giới thiệu thuốc lá vào nước Anh.”

Giờ đây, cha tôi còn tỏ vẻ kinh hãi hơn. “Hoàn toàn không. Chúng ta sẽ liên kết lại như những người đồng chí. Lionel Tiger biện luận rằng...”

“Con không phải người hâm mộ cuồng nhiệt của Tiger,” Matthew cắt ngang. “Gã ăn thịt đồng loại đó chẳng bao giờ khiến con thấy hứng thú.”

“Chúng ta có thể đặt chủ đề ăn thịt người sang bên và tập trung thảo luận lý do mà cha không muốn ở bên Matthew và con vào đêm cuối cùng trước không?” Tôi cảm thấy bị tổn thương.

“Không phải vậy, con yêu. Matthew, giúp ta thoát khỏi chuyện này đi, hãy đưa Diana ra ngoài hẹn hò, hử cậu phải nghĩ ra điều gì đó để làm chứ.”

“Trượt pa-tanh ư?” Đôi lông mày của Matthew nhướn lên. “Chẳng có sân trượt pa-tanh nào tại London vào thế kỷ mười sáu cả và con muốn nói thêm rằng, ở thế kỷ hai mươi một cũng chỉ còn vài cái sân quý báu thôi.”

“Chết tiệt.” Cha tôi và Matthew đã chơi trò “mốt đối đầu theo xu thế” vài ngày nay và trong khi cha tôi cảm thấy vui mừng vì sự thịnh hành của nhạc disco hay xu hướng Pet Rock bị phai tàn dần theo thời gian thì lại hoàn toàn choáng váng lúc hay tin, những thứ khác như bộ com-lê quần ống loe giờ trở thành mục tiêu chế giễu. “Ta rất thích trượt pa-tanh. Rebecca và ta thường tới một sân tại Dorchester khi muốn tránh xa Diana vài tiếng, và...”

“Chúng con sẽ đi dạo,” tôi vội vàng lên tiếng. Cha tôi không cần phải thẳng thắn tới mức kể cho Matthew về những hoạt động cha và mẹ thường làm lúc rảnh rỗi. Có vẻ ông nghĩ rằng, những chuyện đó sẽ khiến Matthew bị choáng váng, nhưng một khi thất bại, ông liền quay sang gọi Matthew là “Ngài Lancelot”, một kiểu đánh giá khó chịu.

“Đi dạo, con sẽ đi dạo.” Cha tôi tạm dừng lời. “Con muốn ám chỉ theo nghĩa đen phải không?”

Ông rời khỏi vị trí bên cạnh chiếc bàn. “Chả trách các sinh vật khác người sắp tuyệt chủng rồi. Ra ngoài đi, cả hai đứa, ngay lập tức. Và ta yêu cầu cả hai phải thật vui vẻ nhé.” Ông dẫn chúng tôi về hướng cửa.

“Làm thế nào ạ?” Tôi hỏi, lúc này đã hoàn toàn bối rối.

“Một cô con gái không nên dành câu hỏi này cho cha mình. Giờ là đêm trước lễ hội Ha chí. Con hãy ra ngoài và hỏi người đầu tiên con gặp ấy, mà tốt hơn là làm theo những người khác. Hú dưới ánh trăng chẳng hạn. Thi triển phép thuật. Hôn nhau ít nhất một lần. Hãy chắc chắn rằng cả quý ngài Lancelot đây cũng làm nhé.” Ông hất hàng lông mày. “Hãy vẽ một bức chân dung nhé, quý cô Bishop?”

“Con cũng nghĩ vậy.” Giọng nói của tôi đầy sự nghi ngờ về những gợi ý vui chơi của cha mình.

“Tốt. Ta sẽ không về trước bình minh đâu, nên đừng đợi. Tốt hơn là ở bên ngoài cả đêm ấy. Jack đang ở cùng Tommy Harriot, Annie ở với dì của con bé còn Pierre thì... ta cũng không biết đang ở đâu nhưng cậu ta không cần người trông nom. Ta sẽ gặp hai đứa vào bữa sáng mai.”

“Cha bắt đầu gọi Thomas Harriot là Tommy từ khi nào vậy?” Tôi hỏi nhưng ông giả bộ chẳng nghe thấy.

“Nào con, hãy ôm cha trước khi đi và đừng quên nếm trải thật nhiều niềm vui nhé, được chứ?” Ông dang tay ôm tôi vào lòng. “Hẹn gặp con ngày mai, con yêu.”

Cha đẩy chúng tôi ra khỏi cửa và đóng sầm lại trước mặt cả hai. Tôi định đưa tay với cái then cửa thì bàn tay mát lạnh của Matthew đã nắm lấy tay tôi.

“Ông ấy sẽ rời khỏi đây sau vài tiếng nữa, Matthew ạ.” Tôi đưa tay còn lại về phía cánh cửa và Matthew lại nắm lấy nó.

“Anh biết và ông ấy cũng biết chúng ta hiểu,” Matthew giải thích.

“Vậy thì ông ấy nên hiểu rằng, em muốn được ở bên ông nhiều hơn.” Tôi nhìn chăm chăm vào cánh cửa, mong rằng cha sẽ mở nó ra. Tôi có thể trông thấy những sợi tơ xuất phát từ bản thân, xuyên qua các thớ gỗ trên cửa và dẫn tới vị pháp sư ở bên trong. Một trong các sợi tơ bị cắt đứt và rơi lên bàn tay tôi như một dải cao su. Tôi thở hổn hển. “Cha ơi!”

“Đi đi, Diana!” Ông hét lên.

Matthew cùng tôi lang thang quanh thành phố, quan sát các tiệm đóng cửa sớm và nhận thấy những đám ăn chơi đã lấp đầy các quán rượu. Những người bán thịt đang sắp xếp các chồng xương một cách kỳ lạ trước cửa nhà. Tất cả đều trắng ớn và sạch sẽ như thể chúng mới được luộc lên.

“Người ta dùng xương vào việc gì vậy?” Tôi hỏi Matthew sau khi cả hai nhìn thấy người thứ ba làm điều tương tự.

“Đồng xương đó sẽ được đốt.”

“Lửa ăn mừng ư?”

“Không,” Matthew đáp, “những đồng lửa cháy trên xương. Theo truyền thống, mọi người ăn mừng đêm trước lễ Ha chí bên ngọn lửa lớn: lửa từ xương, lửa từ củi và cả hai. Mặc dù ông thị trưởng đã cảnh báo về việc ngừng và chấm dứt các lễ kỷ niệm kiểu mê tín dị đoan như vậy mỗi năm, nhưng mọi người vẫn đốt lửa bằng mọi cách.”

Matthew chiêu đãi tôi một bữa tối tại quán trọ danh tiếng Belle Savage nằm ngay phía ngoài Blackfriars trên đồi Ludgate. Không chỉ là một quán ăn bình thường, tiệm Belle Savage còn là một tổ hợp giải trí, nơi các vị khách có thể xem kịch nghệ và các trận đấu được rào chắn cẩn thận, chưa kể đến Marocco, con ngựa nổi tiếng vì có thể chọn ra những người còn trinh tiết giữa đám đông. Tuy nơi đây không phải sân trượt pa-tanh ở Dorchester nhưng nó gần chỗ chúng tôi ở.

Thanh thiếu niên của thành phố đều đổ ra đường thành từng đám, người này la hét lãng mạn và ám chỉ bóng gió với người kia mỗi khi họ đi từ quán rượu này sang quán rượu khác. Họ đã phải lao động nặng nhọc gần như cả ngày với vai trò người hầu hay thợ học việc, thậm chí nhiều buổi tối, họ cũng không có được thời gian riêng của bản thân mà phải làm thêm những việc được nhà chủ giao cho như trông tiệm, trông nhà, chăm sóc đám trẻ con, đi kiếm nước và thức ăn, làm hàng trăm việc nhà nhỏ nhặt khác nhau để duy trì lối sống trong một gia đình. Nhưng đêm nay, London là của họ và chính họ là những người tạo nên nó.

Chúng tôi đi về qua Ludgate và khi cả hai tiến tới gần lối vào khu Blackfriars thì hồi chuông điểm chín giờ tối vang lên. Thường ngày, vào giờ này, các thành viên của Đội Tuần Phòng bắt đầu đi tuần và mọi người nên trở về nhà, nhưng dường như đêm nay, không một ai muốn tuân theo các luật lệ, dù mặt trời đã lặn khoảng một tiếng trước và một ngày nửa trăng mới tròn, nhưng các con phố của London giờ đã ngập tràn ánh trăng.

“Chúng ta cứ lang thang tiếp có được không?” Tôi hỏi. Tôi và Matthew luôn đi tới một nơi cụ thể như tới lâu đài của Baynard để gặp Mary, tới St. James Garlickhythe để thăm nhóm hội phù thủy hay tới sân nhà thờ Thánh Paul để tìm sách. Cả hai chưa bao giờ đi dạo qua thành phố mà không có một đích đến cụ thể trong đầu như thế này.

“Vì chúng ta phải ở bên ngoài vui chơi, anh chẳng thấy lý do nào để phản đối cả.” Matthew nói rồi nghiêng đầu hôn trộm một cái.

Chúng tôi đi dạo quanh cổng phía Tây của nhà thờ Thánh Paul, nơi vẫn tấp nập và hối hả bất chấp giờ giấc, rồi cả hai ra khỏi sân nhà thờ bằng cổng phía bắc. Từ đây, khu Cheapside mở ra, con phố rộng rãi cũng như thịnh vượng nhất thành phố, nơi các thợ kim hoàn làm việc. Chúng tôi đi vòng qua đài phun nước tại ngã tư Cheapside, đang được trưng dụng thành bể lội nước của một nhóm mấy cậu chàng ôm sòm, rồi cả hai hướng về phía đông. Matthew chỉ cho tôi lộ trình của đám rước trong lễ đăng quang của Anne Boleyn và ngôi nhà mà Geoffrey Chaucer từng sống thời thơ ấu. Vài thương gia mời Matthew tham gia trò ném bi cùng họ nhưng sau ba lần trúng đích liên tiếp thì họ liền la ó đuổi anh ra. “Giờ anh có thấy vui khi chứng minh được vị trí đầu đàn của mình không?” Tôi trêu anh khi Matthew vòng tay qua để kéo tôi lại gần.

“Vô cùng,” anh đáp, sau đó trở vào một cây chỉ đường trên phố. “Nhìn này.”

“Khu Thương mại Hoàng gia.” Tôi quay sang anh với vẻ phấn khích. “Vào buổi đêm! Anh vẫn nhớ.”

“Một quý ông không bao giờ quên điều gì,” anh thì thầm và cúi thấp đầu. “Anh không biết còn tiệm nào mở cửa không, nhưng đèn vẫn sáng. Em sẽ dạo bước cùng anh qua khu sân trong chứ?”

Chúng tôi đi qua các khung cửa tò vò rộng lớn, nằm bên cạnh là tháp chuông có đặt tượng một con châu chấu bằng vàng trên đỉnh. Vào đến bên trong, tôi chậm chậm xoay người để có cái nhìn đầy đủ nhất về tòa nhà bốn tầng này, cùng hàng trăm gian hàng bán mọi thứ đồ, từ áo giáp sắt tới giày. Loạt bức tượng của các vị vua nước Anh nhìn xuống đám đông khách hàng và thương nhân, kèm theo đó là một đợt bệnh dịch châu chấu được trang trí trên đỉnh các ô cửa sổ mái vòm bằng kính.

“Châu chấu là biểu tượng của Gresham, ông ta cũng không hề ngần ngại tự quảng bá bản thân,” Matthew cười nói, dõi theo ánh mắt của tôi.

Quả thực, vài cửa tiệm vẫn mở và dãy đèn chạy dọc con đường mái vòm bao quanh khu sân trong vẫn thấp sáng, còn chúng tôi không phải là những người duy nhất thích thú buổi tối nay.

“Tiếng nhạc từ đâu vậy?” Tôi hỏi, nhìn ngó xung quanh tìm người hát rong.

“Trên tháp,” Matthew đáp và chỉ về hướng cả hai tiến vào. “Các thương gia góp tiền tổ chức nhiều buổi hòa nhạc vào những ngày thời tiết ấm áp. Hoạt động này có ích cho việc kinh doanh”

Matthew cũng là một người có ích cho việc kinh doanh, dựa trên số lượng người bán hàng chào anh bằng tên riêng thì biết. Anh cười đùa và hỏi thăm về vợ con của họ.

“Anh sẽ quay lại ngay,” anh nói và tạt vào một cửa tiệm gần đấy. Tôi bối rối đứng nghe nhạc và quan sát một phụ nữ trẻ có uy quyền và quyết đoán tổ chức một buổi dạ vũ ngẫu hứng. Mọi người đứng thành vòng tròn, nắm tay nhau và nhảy lên nhảy xuống như bóng ngô nổ trên chảo nóng.

Khi quay lại, Matthew tặng tôi quà kèm với tất cả các nghi thức kiểu cách.

“Một cái bẫy chuột,” tôi cười khúc khích nhìn chiếc hộp gỗ nhỏ có cánh cửa trượt.

“Nó là một cái bẫy chuột đúng kiểu,” anh đáp và cầm lấy tay tôi, rồi bắt đầu lùi bước dẫn tôi vào trung tâm của đám đông. “Khiêu vũ cùng anh nào.”

“Hiển nhiên là em không biết điệu nhảy này rồi.” Nó không hề giống những điệu mà chúng tôi từng khiêu vũ tại Sept-Tours hoặc ở lâu đài của Rudolf.

“Đúng, anh cũng vậy,” Matthew đáp, không buồn ngó lại các cặp đôi đang xoay vòng sau lưng. “Đây là một điệu nhảy cổ – điệu Chú Ngựa Ô Nhỏ – các bước cũng dễ thôi.” Anh kéo tôi vào vị trí cuối hàng, giật cái bẫy chuột khỏi tay tôi và trao cho một cậu nhóc lang thang cầm hộ, hứa hẹn với nó một đồng xu nếu nó trả lại vào cuối bản nhạc.

Matthew nắm lấy tay tôi, bước vào hàng người khiêu vũ. Khi họ di chuyển, chúng tôi làm theo, tiến tới ba bước và một bước bật nhỏ, lùi sau ba bước kèm một bước bật nhỏ. Sau vài lần lặp lại, chúng tôi chuyển sang các bước nhảy phức tạp hơn khi mười hai người khiêu vũ trong hàng chia làm hai hàng nhỏ sáu người và bắt đầu đổi chỗ, bắt chéo từ hàng này sang hàng khác, tạo thành làn sóng ra sau và trước.

Lúc điệu nhảy kết thúc, chúng tôi nhanh chóng rời khỏi khu Thương mại Hoàng gia trước khi đám đông khiêu vũ trở nên quá khích, những tiếng yêu cầu đòi nhiều giai điệu đặc trưng hơn vang lên. Matthew lấy lại cái bẫy chuột cho tôi nhưng thay vì đưa tôi về thẳng nhà, anh đưa cả hai về phía nam, hướng ra sông. Chúng tôi đi xuôi xuống nhiều ngõ hẻm, cắt ngang rất nhiều sân nhà thờ, tới khi tôi hoàn toàn mất khả năng định hướng, cả hai đã tiến vào All Hallows Vĩ đại, cũng tòa tháp vuông cao lớn và dãy mái hiên bị bỏ hoang, nơi các thầy tu từng một thời đi qua. Giống hầu hết các nhà thờ khác tại London, All Hallows đang dần đổ nát, phần công trình bằng đá từ thời trung cổ của nó bị vỡ vụn.

“Em có hứng thú trèo lên không?” Matthew hỏi, cúi đầu tiến vào dãy mái hiên và bước qua một cánh cửa gỗ thấp.

Tôi gật đầu và cả hai bắt đầu trèo lên. Chúng tôi đi ngang qua mấy cái chuông, chúng mà kêu lên lúc này thì chẳng vui vẻ gì và Matthew kéo mạnh cánh cửa sập trên mái. Anh nhảy vọt qua khung cửa rồi với xuống nhắc tôi lên cùng. Chúng tôi thấy mình bỗng nhiên đứng sau hàng lỗ châu mai của tòa tháp, với tất cả khung cảnh London trải rộng bao la dưới chân.

Những đồng lửa hội trên nhiều quả đồi bên ngoài thành phố đã được đốt sáng, cả những chiếc đèn bão lúc lắc lên xuống trên mũi mỗi thuyền và xà lan đi ngang qua sông Thames. Từ khoảng cách này, trong bóng đêm bao phủ, con sông giống như một tấm màn sân khấu, còn những chiếc đèn chập chờn tựa đàn đom đóm ngang qua. Tôi nghe thấy tiếng cười đùa cùng tiếng nhạc, tất cả những âm thanh bình dị của cuộc sống mà tôi đã quá quen thuộc trong suốt nhiều tháng ở đây.

“Vậy em đã diện kiến nữ hoàng, trông thấy khu Thương mại Hoàng gia vào buổi tối, thực sự tham gia vào một vở diễn thay vì chỉ đứng quan sát từ bên ngoài,” Matthew nói, điểm lại trên đầu các ngón tay.

“Chúng ta cũng đã tìm ra Ashmole 782. Em khám phá ra mình là một thợ dệt và phép thuật chẳng có quy luật như em mong chờ.” Tôi nhìn bao quát toàn thành phố, nhớ lại lần đầu tiên chúng tôi tới London, Matthew đã chỉ ra giới hạn cho những nỗi sợ giờ không còn trong tôi nữa. Lúc này, tôi có thể tự mình gọi tên chúng. “Đó là Bridewell.” Tôi chỉ. “Và nhà thờ Thánh Paul. Cả khu đấu trường trò chó treu gấu nữa.” Tôi quay sang chàng ma cà rồng đứng yên lặng bên mình. “Cảm ơn anh vì buổi tối nay, Matthew. Chúng ta chưa bao giờ có một buổi hẹn hò công khai như thế này. Quả là phép màu.”

“Anh chưa làm tốt công việc tán tỉnh em thì phải? Chúng ta nên có nhiều buổi tối như thế này, khiêu vũ và nhìn ngắm trời sao.” Anh ngẩng mặt lên và ánh trăng dịu dàng phản chiếu từ làn da tái nhợt của anh.

“Anh thực sự đang tỏa sáng đó.” Tôi nhẹ nhàng nói, với tay chạm lên cằm anh.

“Em cũng vậy.” Bàn tay của Matthew trượt xuống eo tôi và hành động đó đã mang cả đứa con vào trong vòng tay ôm siết của cả hai. “Chuyện này nhắc anh nhớ, cha em đã cho chúng ta cả một danh sách công việc phải làm.”

“Chúng ta đã vui vẻ. Anh tạo ra phép thuật bằng cách đưa em tới khu thương mại và khiến em bất ngờ trước khung cảnh này.”

“Vậy chỉ còn hai việc nữa, quý bà hãy chọn đi: anh có thể hú dưới ánh trăng hoặc chúng ta sẽ hôn nhau say đắm.”

Tôi mỉm cười và nhìn ra xa, cảm thấy xấu hổ một cách kỳ lạ. Matthew ngẩng đầu nhìn mặt trăng lần nữa, chuẩn bị sẵn sàng.

“Không gào hú nhé vì anh sẽ khiến Đội Tuần Phòng tới đây mất,” tôi bật cười phản đối.

“Vậy thì hôn nhé,” anh dịu dàng nói, đặt môi mình lên môi tôi.

Ngày hôm sau, cả gia đình đều ngáp dài suốt bữa sáng, sau một đêm ở bên ngoài tới tận sớm mai. Tom và Jack vừa mới thức giấc và đang ngấu nghiến bát cháo đặc thì Gallowglass bước vào thì thầm điều gì đó với Matthew. Miệng tôi khô khốc khi nhìn thấy ánh mắt đượm buồn của Matthew.

“Cha tôi đâu?” Tôi đứng phắt dậy.

“Ông ấy đi rồi,” Gallowglass cộc cằn đáp.

“Tại sao cậu không ngăn ông ấy lại?” Tôi hỏi Gallowglass, nước mắt chực trào dâng. “Ông ấy không thể đi được. Tôi chỉ cần thêm chút thời gian bên cha thôi.”

“Tất cả thời gian trên thế giới gộp vào cũng không đủ đâu, cô ạ,” Gallowglass buồn bã nói.

“Nhưng ông ấy chưa chào tạm biệt,” tôi lặng người thì thầm.

“Cha mẹ sẽ chẳng bao giờ nói lời từ biệt cuối cùng với con của họ đâu,” Matthew lên tiếng.

“Ông Stephen bảo cháu đưa cô cái này,” Gallowglass nói. Đó là một mảnh giấy nhỏ, được gấp thành hình con thuyền buồm.

“Cha muốn gặp hình thiên nga,” tôi nói, lau khô mắt, “nhưng ông gặp thuyền giỏi hơn.” Tôi thận trọng gỡ tờ giấy nhả ra.

Diana:

Con đã trưởng thành đúng như cha hằng mong đợi.

Cuộc sống là một sợi tơ dọc mạnh mẽ trên khung cử thời gian. Cái chết chỉ là sợi tơ ngang bình thản.

Nhờ những đứa trẻ của con và cả những đứa con của chúng nữa mà cha vẫn sẽ tồn tại mãi mãi.

Cha

Tái bút: Mỗi khi con đọc câu “có thứ gì đó đang thối nát ở Đan Mạch” trong Hamlet, hãy nhớ đến cha.

“Em nói với anh rằng, phép thuật chỉ là lòng khao khát tạo thành sự thật. Có thể các câu thần chú không là gì ngoài những lời nói mà ta tin tưởng bằng cả trái tim,” Matthew lên tiếng và bước tới đặt tay trên vai tôi. “Ông ấy yêu thương em. Mãi mãi. Và anh cũng vậy.” Những lời anh nói đan vào các sợi tơ gắn kết chúng tôi, phù thủy và ma cà rồng. Chúng chứa đựng mọi cảm xúc trong anh: dịu dàng, tôn trọng, kiên trì và hy vọng.

“Em cũng yêu anh,” tôi thì thầm, củng cố thêm cho câu thần chú của anh.

Cha tôi đã rời London không một lời từ biệt, nhưng tôi nhất quyết sẽ ra đi theo cách khác. Vậy nên những ngày cuối cùng tại thành phố trở thành một công việc đan dệt phức tạp, giữa những từ ngữ và nỗi khát khao, giữa các câu thần chú và phép thuật.

Bóng hồn của Goody Alsop buồn bã đứng đợi phía cuối con đường nhỏ, khi tôi tới thăm người thầy của mình lần cuối. Linh hồn đó bơ phờ theo sau trong lúc tôi trèo lên các bậc thang để tới phòng của bà phù thủy.

“Vậy là con sẽ rời bỏ chúng ta,” Goody Alsop nói vọng ra từ chiếc ghế bành cạnh lò sưởi của mình. Bà mặc bộ đồ bằng len cùng một cái khăn choàng và ngọn lửa cũng đang cháy rực.

“Chúng cháu buộc phải đi.” Tôi cúi người và hôn lên một bên má mỏng manh của bà. “Hôm nay bà cảm thấy thế nào?”

“Có vẻ tốt hơn, nhờ các phương thuốc của Susanna đấy.” Goody Alsop ho khùng khục khiến cơ thể mảnh mai của bà cúi gập lại. Khi đã hồi phục, bà ngắm nhìn tôi bằng ánh mắt sáng ngời rồi gật đầu. “Đứa bé lần này đã ổn định rồi.”

“Đúng vậy,” tôi mỉm cười đáp. “Cháu đã có cảm giác ốm mệt. Bà có muốn cháu nói với những người khác không?” Tôi không muốn Goody Alsop gánh vác quá nhiều gánh nặng về mặt cảm xúc hay vật chất. Susanna tỏ ra lo lắng trước tình trạng suy nhược của bà và Elizabeth Jackson đã được tham gia vào một vài nhiệm vụ cùng nhóm phù thủy tiền bối.

“Không cần đâu, Catherine kể với ta rồi. Bà ấy nói, Corra đã bay lượn từ vài ngày trước, vẫn vừa cười vừa nói luôn mồm như thường lệ, mỗi khi bà ấy biết một bí mật.”

Ròng rã và tôi đã đi đến một thỏa thuận rằng, cô nàng sẽ giới hạn số lần bay lượn ngoài không trung xuống còn một lần một tuần và chỉ vào buổi tối. Tôi miễn cưỡng chấp nhận cho phép cô nàng bay vào đêm thứ hai trong những ngày không trăng, khi nguy cơ bị con người trông thấy và hiểu nhầm về một điềm báo tận thế liên quan tới lửa là thấp nhất.

“Vậy ra đó là chỗ cô nàng đã tới,” tôi cười nói. Corra tìm đến bà phù thủy dịu dàng để bầu bạn và Catherine cũng thích thú được thách thức Corra bằng những buổi thi thả ra lửa.

“Tất cả chúng ta đều thấy mừng vì Corra đã tìm thấy thứ gì khác để làm ngoài việc bám dính vào các ống khói và găm thét vào đám hồn ma.” Goody Alsop chỉ vào chiếc ghế đối diện. “Sao con không ngồi cùng ta nhỉ? Nữ thần sẽ không cho chúng ta cơ hội khác đâu.”

“Bà có nghe được tin gì từ Scotland không?” Tôi hỏi khi ngồi xuống ghế.

“Ta chẳng nghe được gì từ khi con kể về việc Euphemia MacLean dẫn cái bụng bầu của mình ra van xin mà vẫn không thoát khỏi giàn hỏa thiêu.” Sự suy nhược của Goody Alsop bắt đầu từ cái đêm tôi kể với bà về một nữ phù thủy trẻ tuổi đến từ Berwick đã bị hỏa thiêu, bất chấp những nỗ lực của Matthew.

“Cuối cùng, Matthew thuyết phục Đại Hội Đồng phải dừng lại việc buộc tội và hành hình. Hai trong số các phù thủy bị kết án đã lật ngược lời khai và nói rằng, lời thú tội của họ là kết quả của việc tra tấn.”

“Hẳn là Đại Hội Đồng sẽ tạm dừng lại khi có một wearh lên tiếng thay mặt một phù thủy.” Goody Alsop nhìn tôi sắc bén. “Ông ta nên tránh xa chuyện này chừng nào con còn ở đây. Matthew Roydon sống trong thế giới của những sự thật nửa vờ, nhưng không ai có thể tránh bị phát hiện mãi mãi. Vì đứa bé, con buộc phải cẩn thận hơn nữa.”

“Chúng cháu sẽ làm vậy,” tôi cam đoan với bà. “Trong khi đó cháu vẫn chưa chắc chắn nút thắt thứ tám có đủ mạnh để du hành thời gian không. Ngay cả không có Matthew hay đứa bé.”

“Để ta xem nào,” Goody Alsop nói và giơ tay ra. Tôi cúi người, đặt các sợi thừng vào lòng bàn tay bà. Tôi sẽ dùng tất cả chín sợi thừng trong lúc chúng tôi du hành qua thời gian và tạo ra chín nút thắt khác nhau mà không dùng thêm bất kỳ bùa chú nào. Bằng đôi bàn tay thành thục, Goody Alsop tạo ra tám điểm vắt chéo trên sợi thừng màu đỏ, sau đó buộc hai đầu dây lại tạo thành một nút thắt không thể phá vỡ.

“Ta làm theo cách này.” Nút thắt đơn giản mà tuyệt đẹp, với các vòng mở và vòng xoắn như những mẫu trang trí trên đá trong cửa sổ thánh đường.

“Cháu làm không giống vậy.” Tiếng cười của tôi đượm buồn. “Nó bị lỏng lẻo và cong queo.”

“Mọi sợi dết đều độc nhất vô nhị như chính người thợ dết tạo ra nó. Nữ thần không muốn chúng ta bắt chước các ý niệm của sự hoàn hảo mà là chính con người chúng ta.”

“Vậy, hẳn là cháu không đủ trầm ổn rồi.” Tôi đưa tay ra nhận lấy nắm dây thừng để nghiên cứu hình thiết kế.

“Ta sẽ chỉ cho con một nút thắt khác,” Goody Alsop nói.

“Còn nữa sao?” Tôi cau mày.

“Nút thắt thứ mười. Ta không có khả năng tạo ra nó mặc dù nó là cái dễ nhất.” Goody Alsop mỉm cười nhưng cằm bà run run. “Người thầy của ta cũng không thể tạo ra nút thắt này, nhưng chúng ta vẫn truyền lại nó với hy vọng một thợ dết như con có thể thực hiện được.”

Goody Alsop tháo lỏng chiếc nút vừa thắt chỉ bằng một cái búng trên ngón tay trở xương xẩu. Tôi trao lại cho bà dải lụa đỏ và bà tạo ra một vòng thắt đơn giản. Trong chốc lát, sợi dây thừng được nung chảy thành một vòng tròn không thể phá vỡ, nhưng ngay khi bà thả tay, vòng thắt bị bung ra.

“Nhưng bà mới nối hai đầu sợi dây với nhau một phút trước, và quy trình đó thậm chí còn phức tạp hơn rất nhiều,” tôi bối rối nói.

“Chùng nào còn một điểm vắt chéo trên sợi dây, ta đều có thể thắt hai đầu và hoàn thành bùa chú. Tuy nhiên, chỉ có duy nhất một thợ dết, người đứng giữa các thế giới mới có thể tạo ra nút thắt thứ mười,” bà đáp. “Thử đi và hãy dùng dải lụa màu bạc.”

Tuy vẫn hoang mang nhưng tôi thử xỏ hai đầu của sợi dây vào cùng một vòng xuyên. Các thớ dây bện xoắn vào nhau thành hình một vòng thắt và không có đầu, không có cuối. Tôi nhắc ngón tay khỏi dải lụa nhưng vòng tròn vẫn giữ nguyên.

“Làm tốt lắm,” Goody Alsop nói với vẻ thỏa mãn. “Nút thắt thứ mười nắm giữ sức mạnh của sự vĩnh cửu, một quá trình dết nên sự sống và cái chết. Nó khá giống hình con rắn của chồng con hoặc cách mà đôi lúc Corra ngậm đuôi trong miệng.” Bà cầm nút thắt thứ mười lên. Nó là một biểu tượng tuần hoàn khác, cảm giác về sự huyền bí dâng lên trong căn phòng khiến tôi dựng hết lông tơ trên cánh tay. “Sáng tạo và phá hủy là những phép thuật đơn giản và quyền năng nhất, cũng như nút thắt đơn giản nhất cũng khó thực hiện nhất.”

“Cháu không muốn sử dụng phép thuật để phá hủy điều gì,” tôi nói. Gia đình Bishop của tôi có một truyền thống kiên quyết là không gây tổn hại điều gì. Dì Sarah của tôi tin rằng, bất kỳ phù thủy nào sống xa nguyên lý căn bản thì sẽ thấy quỷ dữ theo sau mình ở đoạn cuối con đường.

“Không ai muốn sử dụng những món quà mà nữ thần ban tặng như một loại vũ khí, nhưng đôi khi điều đó là cần thiết. Wearh của con biết vậy và sau những chuyện xảy ra tại đây cũng như

tại Scotland, con cũng biết mà.”

“Có thể, nhưng thế giới của cháu thì khác,” tôi nói. “Ít khi ta phải kêu gọi tới thứ vũ khí phép thuật.”

“Các thế giới đều thay đổi mà, Diana.” Goody Alsop tập trung hồi tưởng những ký ức xa xôi. “Người thầy của ta, Mẹ Ursula, là một thợ dệt vĩ đại. Ta đã nhớ ra một lời tiên tri của người vào đêm trước dịp All Hallows, khi chuỗi sự kiện kinh hoàng bắt đầu tại Scotland và lúc con tới để thay đổi thế giới của chúng ta.”

Giọng nói của bà ngân nga giai điệu tựa như một câu thần chú.

“Khi những cơn bão nổi giận và đại dương gầm gào

Gabriel đứng trước biển và bờ cát.

Người thổi chiếc tù và kỳ lạ,

Thế giới cũ sẽ chết đi và cái mới sẽ ra đời.”

Khi Goody Alsop kết thúc, không một cơn gió thoảng hay tiếng lách tách nào làm náo động căn phòng. Bà hít lấy một hơi thật sâu.

“Con thấy đấy, tất cả trong một, cái chết và sự ra đời. Nút thắt thứ mười không có bắt đầu cũng như không có kết thúc, cả con rắn của ma cà rồng nữa. Tuần này, trăng tròn sớm hơn thường lệ và cái bóng của Corra trải rộng trên sông Thames là điềm gở cho chuyến ra đi của hai người. Thế giới cũ và mới.” Goody Alsop mỉm cười yếu ớt. “Ta đã rất vui khi con đến với ta, Diana Roydon. Và lúc con đi vì con buộc phải làm vậy, thì trái tim ta cảm thấy nặng trĩu.”

“Matthew thường báo mỗi khi ông ta rời khỏi thành phố của ta.” Hai bàn tay trắng nhợt của Andrew Hubbard thả lỏng trên phần tay tựa của chiếc ghế bành trong hầm mộ nhà thờ. Trên đầu chúng tôi, ai đó đang chuẩn bị cho một buổi lễ nhà thờ sắp diễn ra. “Điều gì đưa bà tới đây vậy, bà Roydon?”

“Tôi đến để nói chuyện về Annie và Jack.”

Ánh mắt xa la của Hubbard ngăm ngúa tôi kỹ càng, trong lúc tôi rút một bọc tiền nhỏ bằng da từ trong túi áo mình. Số tiền này bao gồm tiền công năm năm chăm sóc chó mỗi đứa trẻ.

“Tôi sẽ rời London và tôi muốn ông nhận lấy chỗ tiền này để chăm sóc chúng.” Tôi đẩy cái bọc về phía Hubbard nhưng ông ta tỏ ra không buồn nhận nó.

“Thứ này không cần thiết, thưa bà.”

“Làm ơn đi. Đáng lẽ tôi đã đưa chúng theo nếu có thể nhưng vì chúng không thể đi khỏi đây nên tôi cần đảm bảo sẽ có người trông coi chúng.”

“Và bà sẽ cho ta thứ gì để đổi lại?”

“Tại sao chứ... tiền, tất nhiên là vậy.” Tôi giơ chiếc túi ra một lần nữa.

“Ta không muốn hay cần tiền, thưa bà Roydon.” Hubbard ngả lưng ra sau, đôi mắt khẽ nhắm lại.

“Vậy ông...” Tôi dừng lại. “Không.”

“Chúa chẳng làm điều gì vô nghĩa cả, không hề có sự cố nào trong kế hoạch của Người. Người muốn bà tới đây hôm nay bởi Người muốn đảm bảo rằng, không có kẻ nào nhận máu từ bà sẽ

sợ hãi ta hay người của ta.”

“Tôi có đủ người bảo vệ rồi,” tôi phản đối.

“Và bà cũng nói vậy với chồng mình sao?” Hubbard liếc nhìn ngực tôi. “Giờ đây, trong huyết quản của ông ấy, máu của bà trở nên mạnh mẽ hơn lúc mới đến. Và bà còn có đứa trẻ để cân nhắc.”

Trái tim tôi đập loạn nhịp. Khi tôi đưa Matthew trở lại thế giới hiện đại, Andrew Hubbard sẽ là một trong số ít người biết về tương lai của anh ấy và rằng tương lai đó sẽ tồn tại một nữ phù thủy.

“Ông không thể sử dụng những hiểu biết từ tôi để chống lại Matthew, không thể được sau những gì anh ấy đã làm – cả sự thay đổi của anh ấy nữa.”

“Ta sẽ không thể sao?” Nụ cười nhăn nhó của Hubbard cho tôi biết, lão ta sẽ làm bất cứ điều gì để bảo vệ đám con chiên của mình. “Thế giới của chúng ta có rất nhiều dòng máu xấu xa.”

“Tôi sẽ tìm cách khác để đảm bảo an toàn cho chúng,” tôi nói và quyết định đi khỏi đây.

“Annie đã là con của ta rồi. Cô nhóc là một phù thủy và là thành viên trong gia đình ta nên ta sẽ chăm lo cho hạnh phúc của nó. Jack Blackfriars lại là vấn đề khác. Nó không phải sinh vật khác người và sẽ phải tự lo cho bản thân.”

“Nhưng nó chỉ là một đứa trẻ - một cậu bé!”

“Nhưng không phải con ta, cũng như bà. Ta không nợ bà bất cứ thứ gì. Chúc một ngày tốt lành, bà Roydon.” Hubbard quay mặt đi.

“Vậy nếu tôi là một phần trong gia đình của ông thì sao? Ông sẽ thực hiện yêu cầu của tôi với Jack chứ? Ông sẽ thừa nhận Matthew như một người nhận máu từ tôi và từ đó, đặt anh ấy dưới sự bảo hộ của mình?” Người tôi đang nghĩ tới là Matthew thế kỷ mười sáu. Khi chúng tôi quay lại hiện tại thì Matthew kia sẽ vẫn ở đây, trong quá khứ.

“Nếu bà trả cho ta bằng máu mình thì không chỉ Matthew, không chỉ Jack, mà cả đứa con chưa sinh của bà cũng chẳng cần sợ hãi ta hay người của ta.” Hubbard truyền đạt lại thông tin một cách thần nhiên, tuy vậy ánh mắt thoáng qua của lão ẩn chứa sự tham lam giống như tôi từng thấy trong mắt Rudolf.

“Vậy ông cần bao nhiêu máu?” Hãy suy nghĩ. Hãy sống sót.

“Rất ít, chỉ một giọt thôi.” Sự chú ý từ Hubbard không còn dao động.

“Tôi không thể để ông trực tiếp lấy máu từ cơ thể mình. Matthew sẽ biết - dù sao thì chúng tôi là một đôi bạn đời,” tôi nói. Ánh mắt của Hubbard đảo qua đảo lại vị trí ngực của tôi.

“Tôi luôn luôn nhận máu hiến tế trực tiếp từ cổ con chiên của mình.”

“Tôi cũng biết vậy, Cha Hubbard. Nhưng ông có thể hiểu được lý do tại sao hành động đó bất khả thi hay thậm chí cả những điều đáng thêm khát trong trường hợp này.” Tôi im lặng, hy vọng lòng ham muốn mãnh liệt của Hubbard – dành cho quyền lực, sự thấu hiểu Matthew và tôi, cũng như những thông tin có thể đe dọa tới gia đình de Clermont mà biết đâu ông ta cần chúng – sẽ chiến thắng. “Tôi có thể dùng cốc.”

“Không,” Hubbard lắc đầu đáp. “Máu của bà sẽ bị ô uế. Nó phải thật thuần khiết.”

“Vậy thì một cái cốc bạc,” tôi nói và liên tưởng tới các bài thuyết trình của Đầu Bếp ở Sept-

Tours.

“Bà hãy cắt mạch máu tại cổ tay phía trên miệng tôi rồi để giọt máu rơi xuống. Chúng ta sẽ không chạm vào nhau.” Hubbard quắc mắt nhìn tôi. “Nếu không, tôi sẽ nghi ngờ tính chân thật trong lời đề nghị của bà.”

“Rất tuyệt, Cha Hubbard. Tôi chấp nhận điều kiện của ông.” Tôi nói lỏng sợi dây buộc cổ tay áo bên phải rồi kéo lên trong lúc thì thầm một yêu cầu cam lặng tới Corra. “Ông muốn làm ở đâu? Theo như tôi thấy trước đây thì các con chiến sẽ quỳ xuống trước mặt, nhưng trong trường hợp tôi nhỏ máu mình vào miệng ông thì cách đó không có hiệu quả.”

“Đó là một lễ ban phước. Ai quỳ trước Chúa cũng vậy thôi.” Trước vẻ mặt ngạc nhiên của tôi, Hubbard quỳ xuống sàn trước mặt tôi và đưa ra một con dao.

“Tôi không cần.” Tôi búng ngón tay vào các mạch máu màu xanh trên cổ tay mình, rồi lăm bầm một câu thần chú mở đơn giản. Một vết đỏ thẫm hiện ra, sau đó máu bắt đầu chảy.

Hubbard mở miệng, ánh mắt dán chặt vào khuôn mặt tôi. Ông ta đang đợi những biểu hiện từ bỏ hoặc lừa dối từ tôi. Nhưng tôi sẽ tuân theo từng từ của thỏa thuận này của nó. Cảm ơn, Goody Alsop, tôi thầm cầu chúc cho bà, cảm ơn vì đã hướng dẫn tôi cách điều khiển đàn ông.

Tôi đưa cổ tay lên phía trên miệng ông ta và nắm chặt bàn tay. Một giọt máu lăn quanh cổ tay và bắt đầu rơi xuống. Đôi mắt của Hubbard chột khé lại như thể ông ta muốn tập trung vào những điều dòng máu trong tôi truyền đạt.

“Máu là gì nếu không phải là lửa và nước?” Tôi lăm bầm và gọi gió tới để làm giảm tốc độ giọt máu. Khi sức mạnh không khí tăng lên, nó làm kết tinh và tăng phần sắc lạnh cho hạt chất lỏng chạm vào lưới của Hubbard. Gã ma cà rồng mở bừng mắt với vẻ ngạc nhiên.

“Chỉ một giọt thôi.” Con gió đã làm se phần máu còn lại trên da, tạo thành một đám vết đỏ ngoằn ngoèo trên sợi tĩnh mạch màu xanh. “Ông là người của Chúa, là người giữ lời, phải không Cha Hubbard?”

Cái đuôi của Corra nói lỏng khỏi phần thắt lưng tôi. Cô nàng dùng nó để ngăn cách đứa trẻ khỏi nhận biết về vụ giao dịch bản thủ này, nhưng lúc này, có vẻ cô nàng muốn dùng đuôi mình để đánh Hubbard bất tỉnh nhân sự.

Tôi chậm chậm rút tay lại. Hubbard đã thoáng nghĩ tới việc chộp lấy tay tôi và đưa vào miệng gã. Tôi trông thấy ý tưởng đó lướt qua tâm trí gã rõ ràng như trông thấy Edward Kelley thưởng thức hình ảnh tôi bị đánh đập bằng cây gậy chống của hắn. Tuy nhiên, Hubbard tỉnh táo hơn. Tôi liền thì thầm một câu thần chú đơn giản khác để khép miệng vết thương rồi quay người bỏ đi không nói lời nào.

“Lần sau khi bà tới London,” Hubbard nhẹ nhàng nói, “Chúa sẽ thì thầm thông báo tới ta và nếu vậy, chúng ta sẽ gặp nhau lần nữa. Tuy nhiên hãy nhớ rằng, không cần biết từ lúc này, bà đi xa tới đâu, thậm chí là đã qua đời, nhưng một phần nhỏ bé trong bà sẽ sống mãi cùng ta.”

Tôi dừng bước và nhìn lại phía gã. Lời nói của Hubbard mang tính đe dọa nhưng biểu hiện trên nét mặt thì có vẻ trầm ngâm, thậm chí là buồn bã. Tôi rảo bước thật nhanh rời khỏi khu hầm mộ của nhà thờ, chỉ muốn tránh gã càng xa càng tốt.

“Tạm biệt Diana Bishop.” Hắn gọi với sau lưng.

Tôi đã băng qua gần nửa thị trấn rồi mới chột nhận ra, tuy chỉ một giọt máu bé nhỏ nhưng có thể tiết lộ rất nhiều điều. Cha Hubbard giờ đã biết tên thật của tôi.

Walter và Matthew đang quát tháo nhau lúc tôi trở về Hươu Đực và Vương Miện. Người giữ ngựa của Raleigh cũng có thể nghe thấy tiếng họ. Ông ta đang đứng trong sân, cầm dây cương của một con ngựa đen hung tợn và lắng nghe hai người mắng nhiếc nhau qua các cánh cửa sổ mở toang.

“Chuyện này đồng nghĩa với việc tôi chết – và cô ấy cũng vậy! Không ai được phép biết về cô ấy cùng sự tồn tại của đứa trẻ!” Thật kỳ quặc, lời nói này là của Walter.

“Cậu không thể bỏ rơi người phụ nữ cậu yêu cùng đứa con của chính mình chỉ để cố gắng trung thực trước nữ hoàng, Walter. Elizabeth sẽ phát hiện việc cậu phản bội bà ta và Bess sẽ bị hủy hoại mãi mãi.”

“Vậy cậu muốn tôi làm gì? Cưới cô ấy à? Nếu tôi làm vậy mà không có sự cho phép của nữ hoàng, tôi sẽ bị bắt giam ngay.”

“Cậu vẫn sống sót cho dù chuyện gì xảy ra,” Matthew nói thẳng thừng. “Nhưng nếu cậu bỏ mặc Bess không được bảo vệ, cô ấy chẳng sống nổi đâu.”

“Sao cậu có thể tỏ vẻ quan tâm tới tính trung thực trong hôn nhân sau tất cả những lời nói dối về Diana? Nhiều lúc cậu khẳng định rằng mình đã kết hôn, nhưng lại bắt chúng tôi phải thề thốt phủ nhận điều đó, khi có bất kỳ phù thủy hoặc wearh lạ mặt nào tới đánh hơi hỏi dò.” Giọng của Walter giảm nhỏ nhưng tính hung tợn vẫn giữ nguyên. “Chẳng lẽ cậu muốn tôi tin rằng, cậu sẽ quay trở về cái nơi quái quỷ mà từ đó cậu tới và thừa nhận cô ấy là vợ cậu?”

Tôi lén vào phòng để không ai nhận ra.

Matthew ngập ngừng.

“Tôi nghĩ là không,” Walter nói rồi đeo găng tay vào.

“Đây là cách hai người muốn nói lời tạm biệt nhau sao?” Tôi hỏi.

“Diana,” Walter cảnh giác nói.

“Xin chào Walter. Người hầu của anh đang ở bên dưới cùng con ngựa.”

Anh ta bắt đầu hướng về phía cửa, nhưng bỗng dừng lại. “Matthew, hãy biết điều. Tôi không thể đánh mất toàn bộ sự tín nhiệm trong triều đình. Bess hiểu rõ mối nguy hiểm từ cơn giận dữ của nữ hoàng hơn bất kỳ ai. Trong triều đình của Elizabeth, may mắn hay xui xẻo cũng chỉ là thoáng qua, nhưng sự thất sủng thì kéo dài mãi mãi.”

Matthew quan sát bạn mình âm thầm bước xuống cầu thang. “Chúa tha thứ cho con. Đây là lần đầu tiên anh nghe thấy kế hoạch này và anh đã bảo cậu ta hãy lựa chọn sáng suốt. Tội nghiệp Bess.”

“Chuyện gì sẽ xảy ra sau khi chúng ta đi?” Tôi hỏi.

“Tới mùa thu, bụng bầu của Bess bắt đầu lộ rõ. Họ kết hôn trong bí mật. Khi nữ hoàng hỏi về mối quan hệ của hai người, Walter sẽ phủ nhận, hết lần này tới lần khác. Danh tiếng của Bess bị hủy hoại và chồng của cô ấy bị phát giác là một kẻ nói dối, cả hai liền bị bắt giam.”

“Còn đứa bé?” Tôi thì thào.

“Nó sẽ sinh vào tháng ba nhưng chết vào mùa thu sau.” Matthew ngồi xuống chiếc bàn, hai tay ôm đầu. “Anh sẽ viết thư cho cha và đảm bảo rằng Bess sẽ được ông bảo vệ. Susanna Norman có thể trông nom cô ấy suốt thời kỳ mang thai.”

“Cả cha anh lẫn Susanna đều không thể che chắn cô ấy khỏi cú đòn phủ nhận của Raleigh.” Tôi đặt hai tay lên ống tay áo của anh. “Và anh cũng sẽ phủ nhận chuyện chúng ta đã kết hôn sau khi trở về phải không?”

“Mọi thứ không đơn giản vậy,” Matthew đáp, nhìn tôi bằng ánh mắt ám ảnh.

“Walter nói điều đó và anh đã phủ nhận.” Tôi nhớ lại lời tiên tri của Goody Alsop. “Thế giới cũ sẽ chết đi và cái mới sẽ ra đời. Thời điểm anh phải chọn lựa giữa sự an toàn của quá khứ hay lời hứa cho tương lai đang tới rồi, Matthew.”

“Không thể sửa chữa quá khứ cho dù ta có cố gắng thế nào,” anh nói. “Anh luôn nói điều này với nữ hoàng mỗi khi bà ta khổ sở vì một quyết định sai lầm. Tự mình làm đau bản thân, như Gallowglass thường nói.”

“Chú đã nói trước cháu rồi.” Gallowglass âm thầm tiến vào phòng và dỡ các gói bưu kiện ra. “Cháu đã lấy giấy cho chú, cả bút nữa và thuốc bổ cho cổ họng của Jack.”

“Đây là những gì thằng bé nhận được sau nhiều lần lên tháp cùng Tom và nói chuyện về các vì sao.” Matthew xoa mặt. “Chúng ta cần chắc chắn rằng, Tom được chu cấp đầy đủ, Gallowglass. Walter không có khả năng giữ cậu ta phục vụ lâu hơn nữa. Henry Percy cần phải tham gia hỗ trợ – một lần nữa – tuy nhiên, ta cũng nên đóng góp phần nào cho trợ cấp của cậu ta.”

“Bài phát biểu của Tom ư, chú đã nhìn thấy các phác thảo của cậu ta về cái kính nhìn bằng một mắt để quan sát thiên đường chưa? Cậu ta cùng Jack gọi nó là kính sao.”

Da đầu tôi bỗng ngứa râm ran và các sợi tơ trong căn phòng rung lên lách tách. Thời gian đang lên tiếng phản đối âm thầm nơi góc phòng.

“Một cái kính sao.” Tôi giữ cho giọng nói vẫn điềm tĩnh. “Trông nó thế nào?”

“Cô hãy tự hỏi cậu ta đi,” Gallowglass nói, quay đầu về phía cầu thang. Jack và Giẻ Lau bất ngờ lao vào phòng. Tom lơ đãng theo sau, trên tay cầm hai bên mắt của một chiếc kính gậy.

“Nếu em can thiệp vào chuyện này, chắc chắn sẽ để lại dấu vết cho tương lai đấy, Diana,” Matthew cảnh báo.

“Nhìn, nhìn này.” Jack khua ra một mảnh gỗ dày. Giẻ Lau dõi theo chuyển động của nó và đớp cái que khi nó tới gần. “Ông Harriot bảo rằng, nếu chúng ta khoét rỗng nó và đặt các miếng kính vào phần đuôi, thì ta có thể khiến các vật ở xa dường như gần hơn. Ông có biết cách nào để khoét nó không? Nếu không, ông có nghĩ thợ mộc ở St. Dunstan sẽ dạy cháu không? Mà bánh bao nhân nho còn không ạ? Bụng của ông Harriot đã réo cả chiều nay rồi.”

“Để ta xem nào,” tôi nói, đưa tay ra cầm cái ống gỗ. “Bánh bao ở trong tủ chạn chỗ đầu cầu thang đó Jack, chúng luôn ở đấy mà. Đưa cho ông Harriot một cái và lấy một cái cho cháu nhưng,” tôi cắt ngang lời cậu nhóc định nói, “đừng chia phần của cháu cho Giẻ Lau đấy.”

“Chúc một ngày tốt lành, bà Roydon,” Tom mơ màng nói. “Nếu một cặp kính mắt đơn giản có thể giúp con người nhìn thấy lời Chúa trong Kinh thánh, thì chắc chắn cũng có thể giúp anh ta thực hiện công việc phức tạp hơn để quan sát công việc của Chúa trong Cuốn sách Thiên nhiên. Cảm ơn Jack.” Tom thần thờ cầm một miếng bánh.

“Vậy anh sẽ làm nó phức tạp hơn bằng cách nào?” Tôi lớn tiếng nói ra sự băn khoăn, gần như không dám thở.

“Tôi sẽ kết hợp các thấu kính lồi và lõm, giống như quý ông người xứ Naples, ngài della Porta đã đưa ra trong một cuốn sách tôi đọc năm ngoái. Cánh tay của tôi không thể giữ chúng ở khoảng cách thích hợp nên chúng tôi đang cố gắng mở rộng tầm với bằng mảnh gỗ này.”

Bằng những lời này, Thomas Harriot đã thay đổi lịch sử khoa học. Và tôi không được can thiệp vào quá khứ - tôi chỉ có thể quan sát phần quá khứ không bị lãng quên.

“Tuy nhiên, đây chỉ là các tưởng tượng vô nghĩa. Tôi sẽ viết ra giấy và suy ngẫm về chúng sau.” Tom thở dài.

Đây chính là vấn đề của các nhà khoa học tiền hiện đại: Họ chưa hiểu được sự cần thiết của việc công bố. Trong trường hợp của Thomas Harriot thì hiển nhiên, các ý tưởng của anh ta sẽ bị nuốt trọn ngay trước nhu cầu của một nhà xuất bản.

“Tôi nghĩ anh nói đúng đấy Tom. Nhưng ống gỗ này chưa đủ dài.” Tôi mỉm cười rạng rỡ nhìn anh ta. “Về các thợ mộc ở St. Dunstan thì ông Monsieur Vallin có thể giúp anh kiếm một cái ống rỗng và dài đúng cỡ anh cần. Chúng ta sẽ tới gặp ông ta chứ nhỉ?”

“Vâng!” Jack hét lớn và nhảy căng lên. “Ông Monsieur Vallin có đủ kiểu bánh răng và lò xo, ông Harriot ạ. Ông ấy từng cho cháu một cái nằm trong hộp kho báu của cháu đấy. Hộp của cháu không lớn bằng hộp của bà Roydon, nhưng cũng vừa đủ. Chúng ta có thể đi ngay chứ?”

“Có chuyện gì với cô vậy?” Gallowglass hỏi Matthew, vừa bối rối vừa đề phòng.

“Ta nghĩ cô ấy đang trả miếng Walter vì không quan tâm đầy đủ tới tương lai,” Matthew ôn tồn nói.

“Ôi, mọi chuyện sẽ ổn thôi. Cháu nghĩ mình đánh hơi thấy mùi rắc rối ở đây.”

“Luôn luôn có rắc rối mà,” Matthew đáp. “Em có chắc mình đang làm gì không, ma lionne?”

Đã có quá nhiều chuyện xảy ra mà tôi không thể sửa chữa. Tôi không thể mang đứa con đầu tiên quay trở lại hay không thể bảo vệ các phù thủy tại Scotland. Chúng tôi đã bằng mọi cách đưa Ashmole 782 ra khỏi Praha, chỉ để khám phá ra rằng, không thể mang nó tới tương lai an toàn. Chúng tôi đã nói lời từ biệt với cha mình và sắp sửa rời xa bạn bè. Phần lớn các trải nghiệm này sẽ biến mất không còn một dấu vết. Nhưng tôi biết chính xác cách đảm bảo chiếc kính viễn vọng của Tom tồn tại.

Tôi gật đầu. “Quá khứ đã thay đổi chúng ta, Matthew. Tại sao chúng ta không thay đổi nó?”

Matthew nắm lấy bàn tay tôi và đặt một nụ hôn lên đó. “Hãy tới gặp Monsieur Vallin đi và bảo ông ấy gửi hóa đơn cho anh.”

“Cảm ơn anh.” Tôi cúi xuống thì thầm bên tai anh. “Đừng lo, em sẽ đưa Annie theo cùng để mặc cả giá. Ai mà biết được giá cho một cái kính thiên văn năm 1591 là bao nhiêu chứ?”

Vậy nên một phù thủy, một yêu tinh, hai đứa trẻ cùng một con chó tới ghé thăm Monsieur Vallin vào buổi chiều. Tối hôm đó, tôi gửi thư mời những người bạn của mình tới chơi với gia đình vào tối hôm sau. Đó sẽ là lần cuối chúng tôi gặp mặt họ. Trong khi tôi xoay sở với chiếc kính viễn vọng và các kế hoạch cho bữa tối thì Matthew chuyển Verum Secretum Secretorum của Roger Bacon tới chỗ Mortlake. Tôi không muốn thấy cuốn Ashmole 782 bị chuyển tới cho tiến sĩ Dee. Tôi biết là cuốn sách phải quay trở về thư viện khổng lồ của nhà giả kim thuật, để Elias Ashmole có thể sưu tập được vào thế kỷ mười bảy. Tuy nhiên, việc trao cuốn sách cho một người khác lưu giữ thật khó khăn, còn hơn lúc tôi phải từ bỏ bức tượng nhỏ tạc hình nữ thần Diana vào tay Kit, lúc cả hai mới tới nơi. Các chi tiết thực tế quanh chuyến khởi hành của cả hai được giao cho Gallowglass cùng Pierre. Họ đóng gói rương hòm, rút hết tiền trong két, phân phối lại nguồn tài chính và gửi đồ dùng cá nhân về Chòi Gác Cổ với tác phong đầy kinh nghiệm, cho thấy cả hai đã phải làm việc này rất nhiều lần trước đó.

Chuyến khởi hành của chúng tôi sẽ diễn ra sau vài tiếng nữa. Tôi đang trên đường trở về từ

tiệm của Monsieur Vallin cùng một gói đồ lễ kính bọc da mềm, thì thoáng trông thấy hình ảnh một cô bé mười tuổi đứng trên phố, bên ngoài tiệm bánh nướng, quan sát chăm chú như bị thôi miên vào dãy hàng hóa trong cửa sổ. Cô nhóc nhắc tôi nhớ về chính mình vào độ tuổi đó, từ mái tóc màu vàng rom bất trị cho tới hai cánh tay quá dài so với khung người. Cô nhóc trở nên cứng đờ như thể biết rằng mình bị quan sát. Khi ánh mắt chúng tôi gặp nhau, tôi biết lý do tại sao: Cô bé là một phù thủy.

“Rebecca!” Một phụ nữ gọi lớn sau khi bước ra khỏi cửa tiệm. Trái tim tôi đập nhanh hơn lúc trông thấy hình ảnh trước mắt, người phụ nữ đó giống như một sự kết hợp của mẹ tôi và dì Sarah.

Rebecca chẳng nói gì ngoài việc tiếp tục nhìn tôi chăm chăm như thể cô nhóc trông thấy một hồn ma. Mẹ cô hình như đã bắt được mục tiêu chú ý của con gái liền thở hỗn hển. Ánh mắt râm ran lướt trên da tôi trong lúc bà thu vào hình ảnh gương mặt cũng như vóc dáng của tôi. Bà ấy cũng là một phù thủy.

Tôi buộc bản thân tiến vài bước tới tiệm bánh nướng. Mỗi bước đi đưa tôi lại gần hai phù thủy hơn. Người mẹ kéo con gái nấp sau váy mình và Rebecca oằn người phản kháng.

“Cô ấy trông giống hệt bà ngoại,” Rebecca thì thầm, cố vươn người tới gần để nhìn tôi.

“Suyt,” mẹ cô bé nói. Bà ta nhìn tôi vẻ có lỗi. “Con biết bà ngoại mất rồi mà, Rebecca.”

“Tôi là Diana Roydon.” Tôi gạt đầu ra hiệu qua vai họ. “Tôi sống tại Hươu Đực và Vương Miện ở đây.”

“VẬY bà là...” Đôi mắt người phụ nữ mở lớn và kéo Rebecca lại gần hơn.

“Cháu là Rebecca White,” cô nhóc nói, không hề quan tâm tới phản ứng của mẹ mình. Cô nhóc loạng choạng hơi nhún gối chào. Hình ảnh này cũng thật thân thuộc.

“Rất vui được gặp cháu. Cháu mới tới Blackfriars sao?” Tôi muốn nói chuyện vãn vơ lâu tới chừng nào có thể, chỉ để nhìn chăm chăm vào hai gương mặt xa-lạ-có-cảm-giác-thân-quen.

“Không ạ, mẹ con cháu sống nhờ nhà tế bần gần chợ Smithfield,” Rebecca giải thích.

“Tôi tiếp nhận các bệnh nhân khi khu vực của họ đã quá tải.” Người phụ nữ ngập ngừng. Tôi là Bridget White và Rebecca là con gái tôi.”

Ngoài hai cái tên quen thuộc Rebecca và Bridget, từ trong thâm tâm mình, tôi đã nhận ra hai sinh vật khác người này. Bridget Bishop sinh năm 1632 và cái tên đầu tiên trong cuốn sách bí kíp nhà Bishop là bà ngoại của Bridget, Rebecca Davies. Phải chăng, chính là cô bé mười tuổi này một ngày nào đó sẽ kết hôn và mang họ kia?

Ánh mắt của Rebecca tập trung vào một thứ gì đó trên cổ tôi. Tôi đưa tay lên. Đôi khuyên tai của Ysabeau.

Tôi đã sử dụng ba vật để đưa hai vợ chồng trở về quá khứ: một bản chép tay cuốn Doctor Faustus, một quân cờ bằng bạc và một chiếc khuyên giấu trong hình nhân của Bridget Bishop. Chiếc khuyên tai này. Tôi với tay tháo sợi dây vàng mỏng ra khỏi tai. Qua những trải nghiệm với Jack, tôi hiểu rằng, tạo sự kết nối bằng mắt với bọn trẻ là cách khôn ngoan để khiến chúng có ấn tượng lâu dài về mình. Tôi cúi thấp xuống cho tới lúc hai bên gần ngang bằng nhau.

“Cô cần ai đó giữ giùm vật này.” Tôi đưa chiếc khuyên tai ra. “Một ngày nào đó cô sẽ cần nó, cháu sẽ giữ kỹ cho cô chứ.”

Rebecca nhìn tôi bằng ánh mắt nghiêm túc rồi gạt đầu. Tôi cầm lấy tay cô bé, cảm nhận được

một luồng ý thức nhận biết chuyền qua giữa chúng tôi và đặt hai chiếc khuyên tai vào lòng bàn tay cô bé. Cô nhóc nắm thật chặt tay giữ chúng. “Cố được không mẹ?” Sau đó, Rebecca mới thì thầm hỏi Bridget.

“Mẹ nghĩ mọi chuyện sẽ ổn thôi,” mẹ cô thận trọng nói. “Lại đây nào Rebecca, chúng ta phải đi rồi.”

“Cảm ơn cháu,” tôi nói rồi đứng thẳng dậy và vỗ nhẹ lên vai Rebecca, trong khi nhìn thẳng vào mắt Bridget. “Cảm ơn bà.”

Tôi nhận thấy một ánh mắt thúc vào mình, nhưng vẫn đợi tới khi Rebecca cùng Bridget ra khỏi tầm mắt rồi mới quay lại đối diện Christopher Marlowe.

“Bà Roydon.” Giọng của Kit khàn khàn và trông anh ta như đã chết. “Walter bảo tôi rằng bà sẽ đi tối nay.”

“Tôi yêu cầu anh ấy thông báo với anh.” Tôi buộc Kit nhìn vào mắt mình bằng một hành động của ý chí tuyệt đối. Đây là một điều khác mà tôi có thể sửa chữa: tôi có thể đảm bảo rằng, Matthew sẽ nói lời tạm biệt với một người đã từng là bạn thân nhất của anh.

Kit nhìn xuống bàn chân để che giấu khuôn mặt mình. “Đáng lẽ tôi không nên tới đây.”

“Tôi tha thứ cho anh, Kit.”

Marlowe bất ngờ ngẩng đầu lên bởi những lời tôi nói. “Tại sao?” Anh ta lặng người hỏi.

“Bởi anh yêu anh ấy. Và bởi chừng nào Matthew còn đổ lỗi cho anh những chuyện xảy ra với tôi thì một phần của anh ấy vẫn ở bên anh. Mãi mãi.” Tôi nói thẳng. “Hãy lên gác và nói lời tạm biệt đi.”

Matthew đang đợi chúng tôi ở đầu cầu thang, anh đã đoán trước rằng tôi sẽ đưa người về nhà. Tôi hôn nhẹ lên môi khi đi ngang qua anh về phòng ngủ.

“Cha đã tha thứ cho anh,” tôi lẩm bẩm. “Hãy trao Kit món quà tương ứng để đền đáp lại.”

Rồi tôi để hai người họ với nhau, sửa chữa những gì có thể trong khoảng thời gian ít ỏi còn lại.

Vài tiếng sau, tôi trao Thomas Harriot một cái ống thép. “Đây là kính sao của cậu, Tom.”

“Tôi đã tạo dáng theo kiểu nòng súng cho nó – tất nhiên là có thay đổi vài chỗ,” Monsieur Vallin, người thợ nổi tiếng về các kiểu bẫy chuột và đồng hồ giải thích. “Và nó được chạm khắc theo yêu cầu của bà Roydon.”

Bên cạnh thân ống đặt một dải biểu ngữ nhỏ xinh xắn màu bạc là một huyền thoại N.VALLIN ME FÉCIT, T.HARRIOT ME INVENIT, 1591.

“N. Vallin tạo ra tôi, T. Harriot phát minh tôi, 1591.” Tôi mỉm cười nhìn Mosieur Vallin một cách ấm áp. “Thật hoàn hảo.”

“Chúng ta có thể nhìn mặt trăng bây giờ không?” Jack hét lên, nhảy cẫng trên sàn. “Trông nó sẽ lớn hơn cái đồng hồ ở nhà thờ St. Mildred!”

Vậy là, nhà toán học và ngôn ngữ học Thomas Harriot đã tạo nên lịch sử khoa học trong sân của Hươu Đực và Vương Miện, trong khi ngồi trên chiếc ghế mây mòn vẹt, được kéo xuống từ gác xép của chúng tôi. Anh ta chĩa cái ống sắt dài được ghép khớp với hai chiếc mắt kính về

phía trắng tròn, rồi thở dài hân hoan.

“Xem này Jack. Nó giống như lời ngài della Porta đã nói.” Tom bảo cậu bé ngồi lên lòng mình và đặt một đầu ống vào mắt của người phụ tá nhiệt tình. “Hai cái mắt kính, một lời, một lổm quả là giải pháp đúng đắn nếu được đặt vào vị trí thích hợp.”

Sau Jack, tất cả chúng tôi lần lượt nhòm qua ống.

“Ôi, đây không phải là những gì tôi mong đợi,” George Chapman thất vọng nói. “Cậu có nghĩ, đáng lẽ mặt trắng phải gây xúc động hơn không? Tôi nghĩ mình thích mặt trắng huyền diệu trong thơ ca hơn cái này, Tom ạ.”

“Tại sao trông nó chẳng hoàn hảo gì cả,” Henry Percy phàn nàn, xoa xoa hai mắt rồi lại nhìn qua ống lần nữa.

“Tất nhiên nó không hoàn hảo, chẳng có gì là hoàn hảo cả,” Kit nói. “Anh không thể tin mọi điều mà các nhà triết học bảo anh, Hal. Điều đó chắc chắn sẽ phá hủy mọi thứ. Anh thấy chút ít triết học đã làm gì với Tom rồi đấy.”

Tôi liếc nhìn Matthew và nhoẻn miệng cười. Đã lâu rồi chúng tôi mới tham dự vào những buổi tranh cãi trực tiếp của Bè Lũ Bóng Đêm. “Ít nhất Tom có thể tự nuôi sống mình hơn nhiều nhà viết kịch mà tôi quen biết.” Walter nhòm qua cái ống rồi huýt sáo. “Tôi ước gì cậu đã phát minh ra ý tưởng này trước khi chúng tôi tới Virginia, Tom ạ. Nó sẽ rất có ích trong việc khảo sát đường bờ biển khi chúng ta ở trên boong tàu an toàn. Gallowglass này, nhìn đi và hãy nói rằng tôi đã sai.”

“Anh chẳng bao giờ sai, Walter.” Gallowglass nói rồi nháy mắt với Jack. “Tôi vẫn còn tỉnh táo, chàng trai trẻ Jack ạ. Người trả công cho mình thì nói gì cũng đúng.”

Tôi đã mời Goody Alsop và Susanna tới tham dự cùng và thậm chí, họ cũng nhìn qua cái ống kính sao của Tom. Chẳng ai trong số họ có vẻ bị ấn tượng quá mức với phát minh này, dẫu họ vẫn xuýt xoa thành tiếng sau khi được nhắc nhở.

“Tại sao dám đàn ông lại bận tâm mấy chuyện lật vật này?” Susanna thì thầm với tôi. “Tôi có thể nói với họ rằng, bề mặt của mặt trắng không hoàn toàn mềm mịn mà chẳng cần cái công cụ mới này. Họ không có mắt sao?”

Sau niềm hân hoan được nhìn ngắm thiên đường, chỉ còn lại những lời từ biệt khó khăn. Chúng tôi đã gửi Annie tới chỗ Goody Alsop và lấy cớ rằng, Susanna cần người giúp đỡ cụ bà bên kia thị trấn. Lời tạm biệt của tôi diễn ra chóng vánh và Annie nhìn tôi ngập ngừng.

“Bà ổn chứ? Cháu có thể ở lại đây được không?”

“Không, Annie. Hãy đi với dì cháu và bà Goody Alsop.” Tôi chớp mắt để che giấu những giọt nước mắt. Làm sao Matthew có thể chịu đựng được việc lặp đi lặp lại những lời từ biệt thể này?

Kit, George cùng Walter rời đi sau đó cùng lời chào cộc lốc, những bàn tay siết lấy cánh tay Matthew và chúc anh mọi điều tốt đẹp.

“Lại đây nào Jack. Cháu và Tom sẽ về nhà với ta,” Henry Percy nói. “Buổi tối vẫn còn dài.”

“Cháu không muốn đi đâu,” Jack nói. Cậu nhóc lảng về phía Matthew, hai mắt mở lớn, dường như cảm nhận được sự thay đổi sắp xảy ra.

Matthew khom người trước mặt Jack. “Chẳng có gì phải sợ đâu, Jack. Cháu biết ông Harriot và Đức ngài Northumberland mà, họ sẽ không hại cháu đâu.”

“Thế nếu cháu gặp ác mộng?” Jack thì thầm.

“Những cơn ác mộng cũng giống như cái kính sao của ông Harriot thôi. Chúng chỉ là trò đùa của ánh sáng, khiến những thứ ở xa trở nên gần và to lớn hơn.”

“Ồ.” Jack ngẫm nghĩ về câu trả lời của Matthew. “Vậy thậm chí nếu cháu nhìn thấy một con quái vật trong giấc mơ, nó cũng không thể với tới cháu phải không?”

Matthew gật đầu. “Nhưng ta sẽ nói cho cháu nghe một bí mật. Một giấc mơ là một cơn ác mộng theo kiểu ngược lại. Nếu cháu mơ về người nào đó cháu yêu quý thì họ sẽ dường như gần gũi hơn, cho dù đang cách xa.” Anh đứng thẳng người và đặt tay lên đầu Jack một lúc, thầm cầu chúc cho cậu nhóc.

Khi Jack cùng những người bảo vệ cậu đã đi khỏi, chỉ còn Gallowglass ở đây. Tôi cầm lấy những sợi dây từ hộp bùa chú của mình, để lại trong đó vài thứ: một viên đá, một sợi lông trắng, một mẫu của cây thanh hương trà, trang sức của tôi và mảnh giấy nhắn cha tôi để lại.

“Cháu sẽ cất giữ chúng,” cậu ta hứa và nhận lấy cái hộp từ tôi. Nó trông nhỏ bé đến kỳ lạ trong bàn tay to lớn của Gallowglass. Cậu ta ôm bồng tôi lên.

“Hãy giữ an toàn cho Matthew kia để một ngày nào đó, anh ta tìm thấy tôi,” tôi thì thầm vào tai cậu, mắt tôi nhắm nghiền.

Tôi rời khỏi vòng tay của Gallowglass và bước sang bên. Hai người nhà de Clermont chào tạm biệt nhau như tất cả những người nhà de Clermont khác – ngắn ngủi nhưng đầy cảm xúc.

Pierre cùng hai con ngựa đang đợi chúng tôi ở bên ngoài quán Mũ Cửa Hồng Y Giáo Chủ. Matthew nhắc tôi lên yên và trèo lên con ngựa của mình.

“Thượng lộ bình an, madame,” Pierre nói và thả dây cương ra.

“Cảm ơn anh bạn,” tôi nói, đôi mắt lại ngập nước.

Pierre trao cho Matthew một lá thư. Tôi nhận ra dấu xi của Philippe. “Các chỉ thị từ cha ngài, milord.”

“Nếu sau hai ngày ta không quay lại từ Edinburgh, hãy đi tìm ta.”

“Tôi sẽ làm vậy,” Pierre hứa khi Matthew thúc ngựa, chúng tôi quay về hướng Oxford.

Cả hai đổi ngựa ba lần và tới Chòi Gác Cổ trước bình minh. Françoise và Charles đã được điều đi khỏi đây, vậy nên chúng tôi hoàn toàn đơn độc.

Matthew thả bức thư của Philippe xuống bàn, nơi mà Matthew thế kỷ mười sáu dễ dàng trông thấy. Theo đó, anh ta sẽ được gửi tới Scotland bởi công việc khẩn cấp. Tại đây, Matthew Roydon sẽ ở trong triều đình của vua James một thời gian, trước khi biến mất và bắt đầu cuộc đời mới tại Amsterdam.

“Vua xứ Scotland sẽ rất vui mừng khi thấy anh trở lại là con người trước kia,” Matthew bình luận và chạm đầu ngón tay vào lá thư. “Chắc chắn là anh sẽ không cố gắng bảo vệ phù thủy nữa.”

“Anh đã tạo ra sự khác biệt tại đây, Matthew,” tôi nói và vòng tay ôm quanh thắt lưng anh. “Giờ chúng ta cần sắp xếp những chuyện trong hiện tại của mình.”

Chúng tôi bước vào căn phòng ngủ mà vài tháng trước, cả hai đã về quá khứ.

“Anh biết em không thể đảm bảo việc cả hai trượt qua hàng thế kỷ và hạ cánh chính xác đúng nơi đúng lúc mà,” tôi cảnh báo.

“Em đã giải thích cho anh rồi, mon coeur, anh đặt lòng tin ở em.” Matthew khoác tay tôi để giữ tôi bên anh. “Hãy tới gặp tương lai của chúng ta. Một lần nữa.”

“Tạm biệt ngôi nhà.” Tôi nhìn quanh căn nhà đầu tiên của cả hai lần cuối. Và cho dù tôi có nhìn bao lần thì nó vẫn hết như hình ảnh vào buổi sáng tháng Sáu hôm đó.

Những sợi tơ màu xanh lục và hổ phách nơi góc nhà rung lên bần bật, phát ra tiếng rền rĩ nóng lòng, lấp đầy căn phòng bằng âm thanh và ánh sáng. Tôi hít một hơi thật sâu rồi thắt nút sợi thừng màu nâu, để một đầu treo lủng lẳng. Ngoài Matthew cùng quần áo trên người, những sợi dây thừng của thợ dệt là thứ duy nhất chúng tôi có thể mang theo về.

“Bằng một nút thắt, câu thần chú bắt đầu,” tôi thì thầm. Từng phần thời gian tăng lên mỗi khi tôi tạo ra một nút thắt cho tới lúc tiếng la hét và rền rĩ làm cả hai gần như bị điếc.

Khi hai đầu của nút thắt thứ chín tan vào nhau, chúng tôi bay lên và mọi thứ xung quanh dần dần tan rã.

Tất cả các báo tiếng Anh đều cùng có một thay đổi trên dòng đề tựa, nhưng Ysabeau nghĩ tờ Theo kịp Thời Đại là tờ báo thông minh nhất.

Người Anh chiến thắng cuộc chạy đua tiến vào không gian

Ngày 30 tháng Sáu 2010

CHUYÊN GIA HÀNG ĐẦU THẾ GIỚI về các dụng cụ khoa học sớm nhất tại Bảo tàng Lịch sử và Khoa học của Đại học Oxford, Anthony Carther, ngày hôm nay khẳng định rằng một chiếc kính thiên văn khúc xạ mang tên nhà toán học và thiên văn học thời Elizabeth là Thomas Harriot và Nicholas Vallin, một thợ sửa đồng hồ Huguenot, người đã bỏ trốn khỏi Pháp vì lý do tôn giáo, đã được xác minh. Ngoài những cái tên trên, kính thiên văn này còn được khắc ngày tháng năm 1591.

Phát hiện này làm giới khoa học và lịch sử chấn động. Suốt nhiều thế kỷ, người ta tin rằng nhà toán học người Ý Galileo Galilei với chiếc kính thiên văn thô sơ mượn của người Hà Lan đã quan sát mặt trăng vào năm 1609.

“Các cuốn sách lịch sử sẽ phải được viết lại,” Carter nói. “Thomas Harriot đã đọc cuốn Phép màu thiên nhiên của Giambattista della Porta và bị hấp dẫn với cách sử dụng các thấu kính lồi và lõm, để có thể ‘nhìn thấy cả những thứ ở xa và những thứ ở gần, cả hai đều lớn hơn và rõ nét hơn.’”

Những đóng góp của Thomas Harriot cho lĩnh vực thiên văn học không được chú ý tới, một phần vì ông đã không xuất bản chúng. Ông thích chia sẻ những phát hiện của mình với nhóm bạn thân được gọi là “Bè Lũ Bóng Đêm.” Dưới sự bảo trợ của Walter Raleigh và Henry Percy, “Vị Bá Tước Pháp Sư” của Northumberland, Harriot được tự do về mặt tài chính để khám phá những mối quan tâm của ông.

Ông I.P.Riddell phát hiện chiếc kính thiên văn này, cùng với một hộp đựng các giấy tờ tổng hợp liên quan tới toán học trong tay Thomas Harriot và một chiếc bẫy chuột bằng bạc cầu kỳ cũng được ký tên bởi Vallin. Ông ta đang sửa những chiếc chuông của nhà thờ St. Michael, gần chỗ ở của gia đình Percy tại Alnwick, thì một cơn gió đặc biệt lớn cuốn xuống tấm thảm thêu đã phai màu với hình Thánh Margaret đang tiêu diệt con rồng hung bạo, để lộ ra chiếc hộp được cất giấu bí mật ở đó.

“Rất hiếm có chuyện các dụng cụ vào thời kỳ này lại có nhiều dấu hiệu nhận dạng như thế,” tiến sĩ Carter giải thích với phóng viên và tiết lộ dấu vết ngày được khắc trên kính viễn vọng khẳng định món đồ này được làm vào 1591-92. “Chúng ta nợ Nicholas Vallin, người đã biết điều này là một bước phát triển quan trọng trong lịch sử công cụ khoa học và thực hiện những phương pháp khác thường để ghi lại dấu ấn đó trong khoa phả hệ và nguồn gốc của nó.”

“Bọn họ từ chối bán nó,” Marcus nói, dựa lưng vào khung cửa. Trông anh chàng rất giống Matthew với hai cánh tay khoanh trước ngực và đôi chân đứng bất chéo. “Cháu đã nói chuyện với mọi người, từ văn phòng nhà thờ Alnwick cho tới Công tước vùng Northumberland, nhà Bishop ở Newcastle. Họ sẽ không từ bỏ cái kính viễn vọng đó dù bà có đề nghị cả một gia tài nhỏ đi nữa. Mặc dù vậy, cháu nghĩ cháu đã thuyết phục được họ để cháu mua cái bẫy chuột.”

“Cả thế giới biết về nó,” Ysabeau nói. “Ngay cả Le Monde cũng có bài báo về câu chuyện này.”

“Chúng ta nên thử mạnh tay hơn trấn áp câu chuyện này xuống. Chuyện này có thể cho đám

phù thủy và đồng minh của bọn chúng những thông tin quan trọng,” Marcus nói. Số lượng người sống bên trong những bức tường của Sept-Tours đang ngày càng tăng thêm trong những tuần lễ qua và mọi người lo lắng về những gì Đại Hội Đồng có thể làm, nếu chỗ ở chính xác của Diana và Matthew bị phát hiện.

“Phoebe nghĩ sao?” Ysabeau hỏi. Bà đã ngay lập tức thích con người trẻ trung có óc quan sát này, cùng cái cảm kiên nghị và tác phong nhẹ nhàng của cô. Gương mặt Marcus mềm mại hẳn ra, khiến anh trông giống y như trước khi Matthew rời đi, khi anh còn sống vô tư lự và vui vẻ. “Cô ấy nghĩ, còn quá sớm để kết luận có thiệt hại nào xảy ra do việc phát hiện cái kính thiên văn này.”

“Cô gái thông minh,” Ysabeau mỉm cười nói.

“Cháu không biết mình sẽ làm gì nữa...” Marcus mở đầu. Nét mặt anh chàng chuyển sang dữ dội. “Cháu yêu cô ấy, Grand-mère.”

“Dĩ nhiên là cháu đã yêu rồi và cô ấy cũng yêu cháu.” Sau các sự kiện hồi tháng Năm, Marcus đã muốn cô ấy ở cùng các thành viên còn lại trong gia đình và đã mang cô gái tới Sept-Tours. Hai người bọn họ không thể chia lìa. Phoebe cũng đã cho thấy cách xử thế khéo léo rất ấn tượng khi cô gặp hội đồng gồm các yêu tinh, phù thủy và ma cà rồng thường xuyên cùng chung sống. Nếu cô gái có ngạc nhiên khi biết rằng còn có các sinh vật khác người cùng chia sẻ thế giới này với loài người thì cô ấy cũng không hề để lộ điều đó ra.

Thành viên trong Đại Hội Đồng Ngầm của Marcus đã tăng lên đáng kể trong những tháng qua. Trợ lý của Matthew, Miriam, giờ là người cư trú thường xuyên tại lâu đài, cũng như con gái của Phillipe, Verin và chồng cô ấy Ernst. Gallowglass, người cháu trai không biết đến nghỉ ngơi của Ysabeau, đã làm tất cả bọn họ choáng váng bằng việc ở lại đó suốt sáu tuần lễ. Thậm chí lúc này, anh ta cũng không có dấu hiệu gì sẽ rời đi. Sophie Norman và Nathaniel Wilson đã chào đón đứa con mới sinh của bọn họ, Margaret, đến thế giới này dưới mái nhà của Ysabeau, và giờ uy quyền của đứa bé trong lâu đài này chỉ đứng thứ hai sau nữ chúa của nhà de Clermont mà thôi. Với việc cháu trai sống ở Sept-Tours, mẹ của Nathaniel, Agatha xuất hiện hết lần này tới lần khác mà không hề báo trước, cũng như người bạn tốt nhất của Matthew, Hamish. Thậm chí Baldwin thi thoảng cũng đảo qua đây.

Chưa bao giờ trong cả cuộc sống dài đằng đẳng của mình, Ysabeau muốn làm một bà chủ gia đình như thế này.

“Sarah đâu rồi?” Marcus hỏi, tiếng anh hòa vào âm thanh ồn ào của các hoạt động đang diễn ra xung quanh. “Cháu không nghe thấy tiếng bà ấy.”

“Ở trong Tháp Tròn.” Ysabeau lướt cái móng tay sắc lẹm của bà quanh mép câu chuyện trên tờ báo và gọn gàng nâng mấy cột báo bị cắt rời ra khỏi bản in. “Sophie và Margaret đã ngồi cùng bà ấy một lát. Sophie nói Sarah vẫn tiếp tục quan sát.”

“Vì cái gì ạ? Giờ chuyện gì xảy ra vậy?” Marcus hỏi, chớp lấy tờ báo. Anh chàng đã đọc tất cả báo vào buổi sáng, lần theo những thay đổi tình vi trong dòng tiền và sự ảnh hưởng mà Nathaniel đã tìm ra cách phân tích và tách bạch để có thể chuẩn bị tốt hơn trước bước đi kế tiếp của Đại Hội Đồng. Một thế giới không có Phoebe thật không thể tưởng tượng nổi, nhưng Nathaniel cũng đã gần như không thể thiếu đối với anh. “Cái kính thiên văn chết tiệt đó sẽ là một rắc rối đây, cháu biết mà. Tất cả những gì Đại Hội Đồng cần là một phù thủy du hành thời gian và với câu chuyện này, bọn chúng sẽ có mọi thứ chúng cần để quay lại quá khứ và tìm ra cha cháu.”

“Cha cháu sẽ không ở đó quá lâu đâu, nếu như giờ nó vẫn còn ở đó.”

“Thật thế ă, Grand-mère,” Marcus nói với đôi chút bức tức, sự chú ý của anh chàng vẫn còn gắn

chặt vào văn bản xung quanh cái lỗ hổng mà Ysabeau để lại trên tờ Thời Đại. “Làm thế nào mà bà biết được?”

“Đầu tiên là những bức tiểu họa, sau đó là những ghi chép về phòng thí nghiệm, và giờ là cái kính thiên văn này. Ta biết rõ con dâu của ta. Cái kính thiên văn này chính xác là một tín hiệu Diana sẽ làm nếu con bé không còn gì để mất nữa.” Ysabeau lướt qua cậu cháu trai. “Diana và Matthew đang trở về nhà.”

Vẻ mặt của Marcus thật khó dò.

“Ta đã kỳ vọng cháu sẽ vui mừng hơn trước sự trở về của cha mình chứ,” Ysabeau khẽ nói, dừng lại bên cánh cửa.

“Mấy tháng qua thật là khó khăn,” Marcus ủ ê nói. “Đại Hội Đồng đã thể hiện rõ ràng rằng bọn họ muốn cuốn sách và con gái của Nathaniel. Một khi Diana ở đây...”

“Bọn chúng sẽ không ngăn được điều gì cả.” Ysabeau chậm rãi hít vào một hơi. “Ít nhất, chúng ta sẽ không còn phải lo lắng về điều đang xảy đến với Diana và Matthew trong quá khứ. Chúng ta sẽ ở cùng nhau tại Sept-Tours này và sát cánh chiến đấu bên nhau.” Rồi chết bên nhau.

“Quá nhiều thứ đã thay đổi kể từ tháng Mười Một vừa qua.” Marcus nhìn đắm đắm vào mặt chiếc bàn đang tỏa sáng, như là một phù thủy và chiếc bàn có thể cho anh chàng nhìn thấy được tương lai.

“Ta cho là họ cũng thấy vậy. Nhưng tình yêu của cha cháu dành cho cháu là mãi mãi. Sarah cần Diana vào lúc này. Và cháu cũng cần Matthew.”

Ysabeau cầm lấy bài báo đã cắt, đi về phía Tháp Tròn, bỏ lại Marcus với những suy nghĩ ngổn ngang. Đã có thời, nơi đó là nhà giam yêu thích của Philippe và giờ nó được dùng làm kho chứa giấy tờ cũ của gia đình. Mặc dù cánh cửa dẫn vào căn phòng ở trên tầng thứ ba hé mở, nhưng Ysabeau vẫn gõ nhẹ lên cửa.

“Bà không phải gõ cửa đâu, đây là nhà của bà mà.” Tiếng khàn khàn trong giọng Sarah cho thấy, bà ấy đang hút thuốc lá và uống rất nhiều rượu uýt-ki.

“Nếu đó là cách bà cư xử thì tôi chẳng vui vẻ gì khi là khách của bà đâu,” Ysabeau sắc sảo đáp lại.

“Khách của tôi ư?” Sarah cười khế. “Tôi sẽ không bao giờ để bà vào nhà tôi đâu.”

“Ma cà rồng thường không cần được mời.” Ysabeau và Sarah đã hoàn thiện nghệ thuật giấu cọt chanh chua của riêng họ. Marcus và Em đã cố gắng vô ích để thuyết phục họ tuân theo những quy tắc giao tiếp lịch thiệp, nhưng các nữ chúa của hai gia tộc biết rằng miệng lưỡi sắc bén kiểu này giúp duy trì sự cân bằng quyền lực mong manh của bọn họ. “Bà lẽ ra không nên lên đây, Sarah.”

“Tại sao không? Sợ tôi sẽ cảm lạnh đến chết à?” Giọng Sarah cao vút lên với sự đau đớn đột ngột, và bà ấy tiếp tục gào to gấp đôi như thể vừa bị đánh. “Xin Chúa giúp tôi, tôi nhớ cô ấy quá. Hãy nói với tôi đây chỉ là mơ đi, Ysabeau. Nói với tôi rằng Emily vẫn còn sống đi.”

“Không phải mơ đâu,” Ysabeau nói nhẹ nhàng hết mức có thể. “Tất cả chúng ta đều nhớ cô ấy. Tôi biết bà đang cảm thấy trống rỗng và đau đớn, Sarah.”

“Và nó sẽ qua thôi mà,” Sarah buồn chán nói.

“Không, sẽ không đâu.”

Sarah ngược lên nhìn, ngạc nhiên trước giọng nói dữ dội của Ysabeau.

“Mỗi ngày trong cuộc đời mình, tôi đều khao khát có Philippe. Khi mặt trời mọc, trái tim tôi khóc thương gọi tên ông ấy. Tôi lắng nghe giọng nói của ông ấy, nhưng chỉ có sự im lặng đáp lại. Tôi thêm khát một cái vuốt ve của ông ấy. Khi mặt trời lặn, tôi quay trở về cùng với nhận thức rằng người bạn đời của tôi đã biến mất khỏi thế giới này và tôi sẽ không bao giờ còn được thấy gương mặt của ông ấy nữa.”

“Nếu bà đang cố làm cho tôi cảm thấy dễ chịu hơn, thì nó không hiệu quả đâu,” Sarah nói, nước mắt rơi như mưa.

“Emily chết để cho con của Sophie và Nathaniel có thể sống. Những kẻ góp phần trong cái chết của bà ấy sẽ phải trả giá, tôi hứa đấy. Nhà de Clermonts rất giỏi trả thù, Sarah ạ.”

“Và trả thù sẽ khiến tôi thấy dễ chịu hơn ư?” Sarah quắc mắt lườm qua hai hàng nước mắt.

“Không, nhưng nhìn thấy Margaret lớn lên trở thành một người phụ nữ sẽ giúp bà thấy dễ chịu hơn. Chuyện này cũng thế.” Ysabeau thả mẫu báo đã được cắt ra vào lòng nữ phù thủy. “Diana và Matthew sắp về nhà rồi.”

Phần VI. Tân Thế Giới. Cựu Thế Giới

41.

Những cố gắng của tôi để từ quá khứ tới được Chòi Góc Cổ tương lai vẫn không thành công. Tôi tập trung vào dáng vẻ cùng mùi hương của nơi này và đã nhìn thấy những sợi tơ trời buộc Matthew và tôi với ngôi nhà – màu nâu, xanh lá và vàng kim. Nhưng chúng lại trượt khỏi tay tôi hết lần này tới lần khác.

Thay vào đó, tôi lại cố hướng tới Sept-Tours. Các sợi tơ kết nối chúng tôi với nơi đó bị ảnh hưởng nhẹ bởi khí chất của Matthew, pha trộn giữa màu đỏ và đen cổ xen kẽ ánh bạc. Tôi hình dung ngôi nhà với đầy đủ các gương mặt thân quen – dì Sarah và cô Em, Ysabeau và Marthe, Marcus và Miriam, Sophie và Nathaniel. Nhưng tôi không thể tới được cái bến an toàn đó.

Kiên quyết lờ đi cơn hoang mang lo lắng đang dâng lên, tôi tìm kiếm trong hàng trăm lựa chọn để tìm một đích đến thay thế. Oxford chẳng? Khu tàu điện ngầm Blackfriars ở London hiện đại chẳng? Nhà thờ Thánh Paul chẳng?

Các ngón tay tôi vẫn quay trở về với cùng một sợi tơ trên khung cử thời gian, nó không mềm mại và mịn màng như lụa mà cứng rắn và rất thô ráp. Tôi lần từng bước dọc theo chiều dài ngoằn ngoèo của nó và phát hiện ra nó không phải là một sợi chỉ mà là một cái rễ nối với một cái cây vô hình nào đó. Vừa phát hiện ra điều đó, tôi liền bị vấp chân, giống như vừa bước qua một bậu cửa vô hình, và rơi vào phòng sinh hoạt chung của nhà Bishop.

Nhà. Tôi đáp xuống bằng cả hai tay và đầu gối, các sợi thừng thắt nút duỗi ra nằm giữa lòng bàn tay tôi và sàn nhà. Hàng thế kỷ được đánh bóng và truyền qua hàng trăm bàn chân của tổ tiên đủ lâu để làm láng mịn sàn gỗ thông rộng lớn này. Chúng mang lại một cảm giác thân thuộc dưới hai bàn tay tôi, bằng chứng về sự trường tồn vĩnh cửu trong một thế giới luôn đổi thay. Tôi ngược nhìn lên, có phần hy vọng được trông thấy các dì đang đợi tôi trong tiền sảnh. Thật quá dễ dàng tìm được đường trở về Madison nên tôi cho rằng chính họ đã dẫn dắt chúng tôi tới đây. Nhưng bầu không khí trong ngôi nhà Bishop tĩnh lặng và không hề có sự sống, như thể không có một linh hồn nào quấy rầy nó suốt từ dịp lễ Halloween. Thậm chí, dường như ngay cả các bóng ma cũng không còn cư ngụ ở đây nữa.

Matthew đang quỳ gối bên cạnh tôi, cánh tay anh vẫn còn khoắc lấy tay tôi và các cơ bắp đang run run do áp lực từ việc di chuyển xuyên thời gian.

“Chỉ có chúng ta ở đây thôi sao?” Tôi hỏi.

Anh hít vào mùi hương trong ngôi nhà. “Đúng thế.”

Cùng với lời đáp khe khẽ của anh, ngôi nhà thức giấc và bầu không khí từ chỗ phẳng lặng thiếu sức sống chuyển sang căng thẳng chỉ trong chớp mắt. Matthew nhìn tôi cười. “Xem tóc em kìa, nó lại thay đổi rồi.”

Tôi liếc nhìn xuống thấy không phải là những lọn tóc màu vàng dâu tây mà tôi đã quen thuộc nữa, giờ nó là những sợi tóc thẳng, mềm mại như lụa màu vàng kim ánh đỏ – giống hệt mái tóc của mẹ tôi.

“Chắc nó cũng đi vượt thời gian đấy.”

Ngôi nhà kéo kẹt rền rĩ. Tôi cảm thấy nó đang thu thập năng lượng chuẩn bị bùng nổ.

“Chỉ là ta và Matthew thôi mà.”

Tôi lên tiếng để xoa dịu căn nhà nhưng giọng lại khàn khàn kỳ lạ. Tuy thế, ngôi nhà vẫn nhận ra giọng tôi và một tiếng thở dài nhẹ nhõm tràn ra. Một cơn gió nhẹ luồn từ ống khói xuống, mang theo một mùi hương xa lạ của cúc la mã trộn lẫn với mùi hương quế. Tôi ngoái nhìn qua vai về phía cái lò sưởi và những tấm ván gỗ ốp đã bị vỡ ra xung quanh ngốn ngang tới tận chỗ tôi đang đứng.

“Đó là cái quỉ gì thế?”

Một cái cây đã chồi lên từ dưới vỉ lò sưởi. Thân cây màu đen lấp đầy ống khói, cành nhánh đâm xuyên qua đá và lớp ván gỗ ốp xung quanh.

“Nó giống cái cây mọc từ nôi chùng cất của Mary.” Matthew khom người xuống bên lò sưởi, trong chiếc quần chần nhung đen và chiếc áo sơ mi vải lanh thêu hoa văn trang trí. Ngón tay anh chạm vào một cục bạc nhỏ dính lõm vào lớp vỏ cây. Giống tôi, giọng anh nghe như văng lại từ một cõi xa xôi bên ngoài thời không này.

“Cái đó trông giống huy hiệu hành hương của anh.” Hình dáng chiếc quan tài của Lazarus vẫn có thể nhận ra. Tôi đến bên cạnh anh, cái chân váy màu đen xòe rộng phồng ra quét trên sàn nhà.

“Anh nghĩ là nó. Chiếc bình hai quai này có hai cái hõm mạ vàng, bên trong đựng nước thánh. Trước khi rời Oxford, anh đã đổ đầy một hõm bằng máu của anh còn hõm kia là máu của em.” Matthew đón lấy ánh mắt tôi. “Dòng máu của chúng ta ở gần nhau khiến anh cảm thấy như thể chúng ta không bao giờ chia lìa.”

“Trông cái bình như bị nổ do sức nóng và tan chảy ra. Nếu bên trong cái bình được mạ bạc, thì thủy ngân sẽ thoát ra cùng với máu.”

“Vậy nên cái cây này được làm từ cùng những nguyên liệu như cây Dianæ của Mary.” Matthew ngược lên nhìn những cành cây trần trụi.

Mùi hương cúc la mã và quế càng thêm nồng. Cái cây bắt đầu trở ra – nhưng không phải hoa trái bình thường, thay vào đó là một chiếc chìa khóa và một trang giấy da mịn.

“Nó là trang sách của cuốn cổ thư,” Matthew nói và đưa tay kéo nó xuống.

“Điều đó có nghĩa là cuốn sách vẫn bị hỏng và chưa hoàn thiện vào thế kỷ hai mươi mốt. Không có điều gì chúng ta làm trong quá khứ làm thay đổi thực tế này.” Tôi thở ra một hơi bình tĩnh.

“Vậy khả năng là Ashmole 782 được cất giấu an toàn ở thư viện Bodleian,” Matthew lặng lẽ nói. “Đây là chìa khóa một chiếc ô tô.” Anh nhổ nó ra khỏi cành cây. Nhiều tháng qua, tôi không nghĩ đến bất cứ một hình thức di chuyển nào khác ngoài xe ngựa hay tàu thuyền. Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ trước nhà, nhưng chẳng có phương tiện nào đợi chúng tôi ở đó cả. Anh mắt Matthew cũng nhìn theo tôi.

“Marcus và Hamish sẽ đảm bảo cho chúng ta có phương thức đến Sept-Tours như kế hoạch đã định mà không cần gọi họ để xin giúp đỡ. Có lẽ họ đã để xe ô tô đợi sẵn trên khắp cả châu Âu và châu Mỹ, đề phòng trường hợp chúng ta cần. Nhưng họ sẽ không bỏ nó lơ lửng ở đó đâu,” Matthew nói.

“Nhưng không có gara để xe.”

“Còn có kho hoa bia mà.” Bàn tay Matthew tự động thả cái chìa khóa vào túi quần bên hông, nhưng bộ đồ của anh lại không có những tiện ích hiện đại như thế.

“Liệu họ có nghĩ đến việc để lại quần áo cho chúng ta không nhỉ?” Tôi ra dấu xuống chiếc áo khoác thêu thùa cầu kỳ và cái chân váy lòa xòa của mình. Chúng tôi vẫn còn đầy bụi bặm từ con

đường đất của Oxford thế kỷ mười sáu.

“Chúng ta thử tìm xem.” Matthew cầm chiếc chìa khóa cùng trang sách của Ashmole 782 vào phòng khách và phòng bếp.

“Vẫn màu nâu,” tôi bình luận, nhìn giấy dán tường và chiếc tủ lạnh cổ.

“Vẫn là nhà mà,” Matthew nói, kéo tôi vào vòng tay anh.

“Không có cô Em và dì Sarah thì không phải là nhà nữa rồi.” Ngược lại với hộ gia đình đầy nhóc người vẫn vây quanh chúng tôi nhiều tháng qua, gia đình ở hiện đại của chúng tôi dường như thật mong manh và nhỏ bé. Ở đây không có Mary Sidney để bàn bạc về các rắc rối của tôi trong suốt một buổi tối mưa bão. Cũng không có Susanna hay Goody Alsop ghé qua nhà thăm vào các buổi xế chiều để uống một cốc rượu và giúp cho tôi hoàn thiện câu thần chú mới nhất. Tôi sẽ không còn được Annie vui vẻ giúp đỡ mặc coóc-xê và những chiếc váy lòe xòe. Giẻ Lau hay Jack sẽ không còn quần quanh chân tôi nữa. Và nếu chúng tôi cần giúp đỡ, sẽ không có chàng Henry Percy chạy ào tới hỗ trợ mà không hề hỏi han hay do dự. Tôi vòng cánh tay ôm quanh thắt lưng Matthew để lưu giữ cảm giác rắn chắc và vững vàng không gì có thể phá hủy của anh.

“Anh sẽ luôn nhớ bọn họ,” anh khẽ nói, thấu hiểu tâm tình của tôi, “nhưng nỗi đau sẽ phai dần theo thời gian thôi mà em.”

“Em đã bắt đầu cảm thấy mình giống một ma cà rồng hơn là một phù thủy rồi đấy,” tôi rầu rĩ nói. “Quá nhiều những cuộc chia ly, quá nhiều những người yêu thương nhưng nhớ.” Tôi phát hiện thấy tờ lịch trên tường, rồi chỉ cho Matthew xem – giờ đang là tháng Mười Một.

“Lẽ nào không có ai ở đây suốt từ năm ngoái sao?” Anh lo lắng thắc mắc.

“Chắc có gì đó không ổn,” tôi nói, với lấy máy điện thoại.

“Không,” Matthew thốt lên. “Đại Hội Đồng có thể lần theo các cuộc gọi hoặc theo dõi ngôi nhà. Chúng ta phải tới Sept-Tours. Không biết thời gian chúng ta đi có thể được đo bằng một giờ hay một năm, đó là nơi chúng ta cần tới.”

Chúng tôi tìm thấy quần áo hiện đại của mình ở trên máy sấy, được lồng vào trong một cái vỏ gối để giữ cho chúng khỏi bị bụi bẩn bám. Chiếc cặp táp của Matthew đặt gọn gàng bên cạnh. Ít nhất cô Em đã về đây khi chúng tôi rời đi vì không ai khác có thể nghĩ đến những việc vặt vãnh như thế. Tôi gói quần áo thời Elizabeth lại trong vải lanh, miễn cưỡng gỡ bỏ những vết tích hiện hữu về cuộc sống vừa mới đây của chúng tôi, và kẹp chúng dưới cánh tay giống hai trái bóng đá phồng lên. Matthew thả trang sách của Ashmole 782 vào trong cặp da của anh và giữ lấy nó một cách an toàn.

Matthew quét mắt nhìn vườn cây ăn trái và những cánh đồng xung quanh trước khi chúng tôi rời khỏi ngôi nhà, ánh mắt chăm chú của anh cảnh báo nguy hiểm có thể xảy ra. Tôi cũng tự mình rà soát nơi này bằng con mắt thứ ba của phù thủy, nhưng dường như không có ai ở bên ngoài cả. Tôi có thể nhìn thấy cả nước bên dưới vườn cây trái, nghe thấy tiếng cú trong rừng cây, nếm được vị ngọt của mùa hè trong khí trời lúc chạng vạng, nhưng chỉ thế thôi.

“Đi nào,” Matthew nói, giật lấy một cái bọc và cầm lấy tay tôi. Chúng tôi chạy qua khoảng sân trống để tới kho hoa bia. Matthew dồn tất cả sức nặng của mình đẩy lên cánh cửa trượt, nhưng nó không suy chuyển.

“Dì Sarah đã yểm bùa lên đó rồi.” Tôi có thể nhìn thấy rõ bùa chú vặn xoắn quanh tay cầm và xuyên qua thớ gỗ. “Cũng là câu thần chú mạnh đấy.”

“Quá mạnh đến mức không thể bị phá vỡ ư?” Miệng Matthew mím chặt lại lo lắng. Chẳng có gì

ngạc nhiên khi anh lo nghĩ đến thế. Lần cuối cùng chúng tôi ở đây, tôi còn không thể thắp sáng những trái bí ngô trong lễ Halloween còn gì. Tôi xác định hai đầu sợi dây và nhón miệng cười toe toét.

“Không có nút thắt. Dì Sarah tuy giỏi, nhưng dì không phải là thợ dệt.” Tôi đã kẹp các dải lụa thời Elizabeth vào cặp chiếc quần leggings của mình. Khi tôi lôi chúng ra, những sợi thừng màu xanh lá và nâu trong tay tôi liền vươn tới và chốt lên câu thần chú của Sarah, nói lỏng các giới hạn mà dì tôi đã đặt lên cánh cửa, còn nhanh hơn cả khi ngài trộm đạo Jack của chúng tôi ra tay.

Chiếc xe nhãn Honda của dì Sarah đỗ ở trong kho.

“Chúng ta làm thế nào để nhồi vừa anh vào trong đó được bây giờ?” tôi băn khoăn.

“Anh sẽ tìm cách,” Matthew nói, quăng mớ quần áo của chúng tôi ra ghế phía sau. Anh đưa cho tôi cái cặp da, co người ngồi vào ghế trước và sau vài lần khởi động không được, cuối cùng, chiếc xe cũng xì xì nổ máy.

“Kế tiếp đến đâu đây?” Tôi hỏi, tay thắt dây an toàn.

“Syracuse rồi Montreal, sau đó là Amsterdam, anh có một ngôi nhà ở đó.”

Matthew lái xe ra và lạng lẽ hướng về phía những cánh đồng. “Nếu có kẻ đang theo dõi chúng ta, bọn chúng sẽ canh chừng ở New York, London, và Paris.”

“Chúng ta không có hộ chiếu,” tôi nhắc.

“Nhìn dưới thảm xem, Marcus sẽ bảo dì Sarah để chúng ở đó,” anh nói. Tôi lật mấy tấm thảm bần lên và tìm thấy cái hộ chiếu Pháp của Matthew và hộ chiếu Mỹ của tôi.

“Tại sao hộ chiếu của anh không phải màu đỏ boóc-đô?” Tôi hỏi, lấy chúng từ trong chiếc túi nhựa dán kín ra (lại một thứ khác do Em động tay, tôi thầm nghĩ).

“Bởi vì nó là hộ chiếu ngoại giao.” Anh lái xe lên đường cái và bật đèn pha. “Chắc là cũng có một cái như thế cho em.”

Hộ chiếu ngoại giao Pháp của tôi đề tên Diana de Clermont và ghi chú tình trạng hôn nhân của tôi với Matthew, nó được gấp kẹp bên trong cuốn hộ chiếu U.S thông thường kia. Làm thế nào Marcus xoay sở được một tấm ảnh y hệt mà không làm tổn hại tấm ảnh gốc của tôi thì chẳng ai đoán ra nổi.

“Bây giờ anh cũng là điệp viên à?” Tôi lí nhí hỏi.

“Không, nó giống như máy bay lên thẳng ấy,” anh cười đáp, “chỉ là một chỗ đáp cánh khác có quan hệ với người nhà de Clermont thôi mà.”

Tôi rời Syracuse với tư cách là Diana Bishop và bước vào châu Âu ngày hôm sau với tư cách là Diana de Clermont. Ngôi nhà của Matthew ở Amsterdam hóa ra là một dinh thự từ thế kỷ mười bảy trên phía bờ đẹp nhất của con kênh Herengracht. Matthew giải thích, anh đã mua nó ngay sau khi rời Scotland năm 1605.

Chúng tôi nấn ná ở đó chỉ đủ lâu để tắm táp và thay quần áo. Tôi vẫn mặc tiếp cái quần leggings từ lúc ở Madison, còn đổi áo sơ mi của tôi thành áo sơ mi của Matthew. Anh mặc bộ đồ màu xám đen vải cashmere và len như thói quen, mặc dù theo như báo chí thì giờ mới là cuối tháng Sáu thôi. Thật kỳ quặc khi không nhìn thấy đôi chân của anh bởi tôi đã quen với việc chúng vẫn được khoe ra rồi.

“Có vẻ là một cuộc buôn bán công bằng đấy,” Matthew bình phẩm. “Anh đã không được nhìn thấy chân em nhiều tháng nay rồi, ngoại trừ chỗ riêng tư trong phòng ngủ của chúng mình.”

Matthew gần như đau tim khi phát hiện ra chiếc Range Rover yêu quý của anh không đợi anh ở dưới gara ngầm. Thay vào đó, chúng tôi tìm thấy một chiếc ô tô thể thao mui mềm màu hải quân.

“Anh sẽ giết tên nhóc này,” Matthew càu nhàu khi nhìn chiếc phương tiện thấp tè kia. Anh dùng chìa khóa nhà để mở một hộp kim loại được đóng vào tường. Bên trong có một cái chìa khóa khác và mẫu giấy nhắn: “Chào mừng về nhà. Không ai ngờ cha sẽ lái cái xe này. Nó an toàn và nhanh nữa. Chào Diana. M.”

“Cái gì đây?” Tôi nói, nhìn vào những đĩa số kiểu như bàn điều khiển trên máy bay, được đặt vào một cái bảng đồng hồ mạ vàng hào nhoáng.

“Một chiếc Spyker Spyder. Marcus sưu tập ô tô đặt theo tên các loài chân đốt.” Matthew mở cửa khởi động xe, hai cánh cửa nâng lên giống cánh máy bay chiến đấu. Anh chửi thề. “Nó là cái ô tô dễ đập vào mắt nhất, thật không tưởng tượng nổi.”

Chúng tôi chỉ dùng nó đi tới Bỉ trước khi Matthew tạt vào một đại lý bán xe hơi, trao tay chìa khóa xe của Marcus và chọn ra một chiếc xe lớn hơn, ít lỗi bịch hơn. An toàn trong chiếc xế hộp nặng nề, chúng tôi tiến vào Pháp và vài giờ sau bắt đầu chậm chạp leo ngược xuyên qua những ngọn núi của vùng Auvergne tới Sept-Tours.

Những hình ảnh loáng thoáng của tòa pháo đài ẩn hiện giữa các răng cây – đá xám phớt hồng, một ô cửa sổ tháp tối đen. Tôi không dừng được việc so sánh tòa lâu đài này và thị trấn lân cận nó ở thời điểm hiện tại với dáng vẻ của nó khi tôi thấy lần cuối cùng vào năm 1590. Thời đại này không có khối mờ lờ mờ treo trên Saint-Lucien như tấm vải liệm xám xịt. Một tiếng chuông từ xa vẳng lại khiến tôi quay đầu nhìn, nghĩ tới con cháu của những con chiên mà tôi đã biết giờ đang về nhà dùng bữa tối. Pierre sẽ không ào ra với mấy bó đuốc trên tay để đón chúng tôi. Đầu Bếp cũng không ở trong phòng bếp chặt đầu gà lôi bằng một con dao pha, giống trò chơi chém giết, để chuẩn bị làm thức ăn nuôi cả loài máu nóng lẫn ma cà rồng.

Và không có Philippe nên cũng không có những tiếng cười, những quan sát tinh tường về sự yếu đuối của loài người được nâng tầm từ tư tưởng Euripides, hoặc những hiểu biết sâu sắc về các vấn đề mà chúng tôi sẽ đối mặt lúc này khi đã trở về hiện tại. Tôi phải mất bao lâu mới có thể ngăn lại sự giằng xé đau lòng khi nghĩ tới người cha chồng này. Cái thế giới hiện đại khắc nghiệt và sáng sủa, với nhịp độ nhanh đến chóng mặt này không có chỗ dành cho những người anh hùng như ông nữa.

“Em đang nghĩ đến cha anh,” Matthew thì thầm nói. Các nghi thức lặng lẽ: ma cà rồng lấy máu và nụ hôn của phù thủy đã làm mạnh thêm năng lực thấu hiểu các ý nghĩ của chúng tôi.

“Anh cũng vậy mà.” Tôi nhận xét. Anh vẫn nghĩ đến cha mình kể từ lúc chúng tôi băng qua biên giới tiến vào Pháp.

“Với anh, tòa lâu đài có cảm giác thật trống trải kể từ ngày ông chết. Nó là nơi nương náu để quay về, nhưng rất thiếu sự thoải mái.” Matthew nâng mắt nhìn lâu đài, rồi ổn định trở lại nhìn con đường phía trước. Không khí nặng nề trầm xuống với trách nhiệm và nhu cầu của một đứa con trai muốn làm sống dậy những hồi tưởng về cha mình.

“Có lẽ lần này sẽ khác. Dì Sarah và cô Em ở đó. Marcus cũng vậy. Chưa kể tới Sophie và Nathaniel. Và Philippe vẫn ở đây, chỉ cần chúng ta học được cách chú ý tới sự hiện diện thay vì sự vắng mặt của ông.” Ông sẽ ở đó, trong bóng tối của mỗi căn phòng, trên mỗi tầng đá xây tường lâu đài. Tôi ngắm nghía gương mặt đẹp đẽ và khắc khổ của chồng mình, càng hiểu rõ hơn việc gương mặt ấy đã phải trải qua đau đớn tới mức nào để tạo nên hình dáng ngày nay.

Một bàn tay tôi khum lại che chở bụng mình, tay kia tìm kiếm anh để truyền đi một chút an ủi mà anh đang rất cần lúc này.

Ngón tay anh siết lấy tay tôi thật chặt. Rồi Matthew thả tôi ra, và chúng tôi không nói chuyện trong một lúc. Tuy nhiên, các ngón tay tôi lại nồn nóng gõ liên hồi lên bắp đùi trong im lặng. Vài lần, tôi cảm thấy bị thúc giục muốn mở tung nóc xe và bay tới cửa trước của lâu đài.

“Em không dám đâu.” Nụ cười rộng ngoác tới mang tai của Matthew thật dịu dàng và trong giọng anh có chút cảnh cáo. Tôi cười đáp lại khi anh nhả sổ vòng xuống một khúc cua gấp.

“Thế thì nhanh lên,” tôi nói và cố kiểm soát bản thân. Bất chấp những lời khẩn nài của tôi, đồng hồ công tơ mét vẫn đứng nguyên một chỗ. Tôi rên rỉ kêu ca nồn nóng. “Đáng lẽ chúng ta nên kẹt cứng với cái xe của Marcus thì hơn.”

“Kiên nhẫn nào, chúng ta gần tới nơi rồi mà.” Và chẳng có cơ hội cho anh đi nhanh hơn, Matthew nghĩ trong khi anh nhả sổ lần nữa.

“Sophie đã nói gì về chuyện Nathaniel lái xe khi cô ấy mang thai nhỉ? ‘Anh ấy lái xe như một lão phu nhân.’”

“Tưởng tượng xem, Nathaniel có thể lái xe như thế nào nếu anh chàng thực sự là một lão phu nhân – một lão phu nhân già hàng trăm tuổi, giống như anh đây này. Đó sẽ là cách anh sẽ lái xe trong những năm tháng còn lại của mình, chừng nào em có mặt ở trên xe.” Anh lại với sang nắm lấy tay tôi, đưa lên môi hôn.

“Để cả hai tay lên vô lăng đi, lão phu nhân,” tôi trêu chọc khi chúng tôi vòng qua khúc quanh cuối cùng đi vào con đường thẳng tắp trải ra trước mặt, rừng cây óc chó nằm chắn giữa chúng tôi với sân trong của lâu đài.

Nhanh lên, tôi nài nỉ anh trong im lặng. Mắt tôi dán chặt vào mái tòa tháp của Matthew khi nó xuất hiện trong tầm nhìn. Khi chiếc xe chậm lại, tôi nhìn anh bối rối.

“Họ đang mong ngóng chúng ta kìa,” anh giải thích, nghiêng đầu về phía kính chắn gió.

Sophie, Ysabeau và Sarah đang đợi ở giữa con đường, lặng im không nhúc nhích.

Yêu tinh, ma cà rồng, phù thủy – và còn một người nữa. Ysabeau bế một đứa bé trên tay. Tôi có thể trông thấy mái tóc dày rậm màu nâu đậm và cặp chân dài mũm mĩm của bé. Một bàn tay bé đang nắm chặt sợi dây đeo khóa của nữ ma cà rồng, trong khi bàn tay kia xòe ra hướng về phía chúng tôi. Một cảm giác râm ran ngứa ngáy nhỏ xíu không thể nhầm lẫn được khi đôi mắt đứa bé chú mục nhìn tôi. Con của Sophie và Nathaniel là một phù thủy, đúng như cô ấy đã tiên đoán.

Tôi tháo dây an toàn, mở tung cánh cửa xe và chạy xuống đường trước khi Matthew kịp cho xe dừng hẳn lại. Nước mắt chảy dài trên má tôi. Dì Sarah chạy tới ôm lấy tôi trong vòng tay quen thuộc của lồng cừu và vải fanel, bao quanh tôi bằng mùi hương cây kỳ nham và vani ngọt ngào.

Nhà, tôi thầm nghĩ.

“Dì rất mừng là các con đã trở về an toàn,” dì xúc động nói.

Qua vai dì Sarah, tôi thấy Sophie dịu dàng đón đứa bé từ tay Ysabeau. Gương mặt mẹ Matthew vừa không thể dò thấu lại vừa thân thương hơn bao giờ hết, nhưng khóe miệng mím chặt của bà lại để lộ những xúc cảm mãnh liệt khi bà buông đứa bé ra. Vẻ cứng rắn đó cũng là một trong những dấu hiệu nhận biết của Matthew. Thật ra, chúng còn giống nhau hơn cả máu thịt mà Matthew được tạo ra.

Kéo mình ra khỏi vòng ôm của Sarah, tôi quay sang Ysabeau.

“Ta đã không dám chắc các con sẽ trở về. Các con đi lâu quá. Rồi Margaret bắt đầu đòi chúng ta đưa con bé ra đường, và có lẽ khi đó ta bắt đầu tin rằng các con có thể trở về với chúng ta một cách an toàn.” Ysabeau ngắm nghía gương mặt tôi để tìm kiếm thông tin nào đó mà tôi chưa trao cho bà.

“Giờ chúng con đã về rồi và sẽ ở lại đây.” Đã có đủ những mất mát trong cuộc đời dài đằng đẳng của bà rồi. Tôi hôn nhẹ lên má bà, rồi đến má bên kia.

“Bien,” bà thì thầm với vẻ nhẹ nhõm. “Tất cả chúng ta đều thật vui mừng vì có các con ở đây – không chỉ Margaret.” Đứa bé nghe thấy tên nó bắt đầu kêu ê ê a a. “D-d-d-d” trong khi tay chân khua khoắng loạn lên, cố tới gần tôi. “Cô nàng thông minh,” Ysabeau yêu thương nói, tặng cho Margaret và rồi cả Sophie một cái vỗ nhẹ lên đầu.

“Cô có muốn bế con gái đỡ đầu không?” Sophie hỏi. Nụ cười tươi hết cỡ mặc dù nước mắt rung rung trông rất giống Susanna.

“Muốn lắm chứ,” tôi nói, đón lấy đứa bé vào vòng tay mình trong khi trao một nụ hôn lên má Sophie.

“Xin chào Margaret,” tôi thì thầm, hít vào mùi thơm của cô bé.

“D-d-d-d.” Margaret tóm lấy tóc tôi và bắt đầu vung vẩy nắm tay nhỏ bé.

“Con là một cô nhóc chuyên gây rối,” tôi cười nói. Con bé dụi bàn chân vào sườn tôi và cắn nhả phản đối.

“Con bé búng bình y như cha nó, mặc dù bé là một Song Ngư,” Sophie bình thản nói. “Sarah đã thay cô trong lễ rửa tội. Agatha đã ở đây nhưng giờ bà đã đi rồi, nhưng tôi nghĩ là bà sẽ quay lại đây sớm thôi. Agatha và Marthe đã làm một chiếc bánh đặc biệt phủ đầy đường. Thật ngạc nhiên. Và chiếc váy của Margaret thật đẹp. Giọng cô nghe thật lạ - như thể cô đã dành một thời gian dài sống ở nước ngoài ấy. Và tôi thích tóc của cô lắm, nó cũng thật khác lạ. Cô có đôi không?” Những lời lẽ của Sophie cứ tuôn ra khỏi miệng, lộn xộn, vô tổ chức y như Tom và Jack. Tôi cảm nhận rõ việc mất đi những người bạn ấy ngay cả đang ở đây giữa gia đình mình.

Sau khi hôn lên trán Margaret, tôi giao cô bé lại cho mẹ. Matthew vẫn đứng sau cánh cửa mở của chiếc Range Rover, một chân ở trong xe còn chân kia đặt trên mặt đất xứ Auvergne, như thể anh không chắc, liệu chúng tôi có nên ở đó không.

“Cô Em đâu rồi?” Tôi hỏi. Dì Sarah và Ysabeau trao đổi một ánh mắt.

“Mọi người đang đợi các con trong lâu đài. Tại sao chúng ta không đi bộ về nhỉ?” Ysabeau gợi ý. “Cứ việc bỏ xe đấy, sẽ có người mang nó về. Các con chắc hẳn muốn rửa chân cho thư giãn một chút.”

Tôi choàng cánh tay quanh dì Sarah và bước đi vài bước. Matthew đâu rồi? Tôi quay lại chìa bàn tay kia ra. Đến với gia đình anh đi, tôi thầm nói khi ánh mắt chúng tôi kết nối với nhau. Hãy đến cùng những người yêu thương anh.

Anh cười, và trái tim tôi thót lên đáp lại.

Ysabeau rít lên kinh ngạc, một tiếng huýt gió trong không khí mùa hè không lớn hơn một tiếng thì thầm. “Nhịp tim đập. Của con. Và... có thêm hai cái nữa?” Đôi mắt màu xanh lá xinh đẹp của bà liếc tới bụng tôi và một giọt chất lỏng màu đỏ nhỏ xíu rung rung nơi khóe mắt. Ysabeau nhìn sang Matthew vẻ thắc mắc. Anh gật đầu, và giọt huyết lệ của mẹ anh trào ra chảy tràn xuống bờ má.

“Một cặp sinh đôi đã đến với gia đình con,” tôi nói như một cách giải thích. Matthew đã phát hiện ra tiếng tim đập thứ hai ở Amsterdam, ngay trước khi chúng tôi trèo vào chiếc xe gián điệp của Marcus.

“Cả gia đình của ta nữa,” Ysabeau thì thầm. “Vậy nó là sự thật, Sophie đã thấy điều gì trong những giấc mơ của cô ấy nhỉ? Con cùng với đứa bé – đứa bé của Matthew ư?”

“Những đứa trẻ,” tôi nói, ngắm nhìn giọt huyết lệ đang chậm chậm lăn dài.

“Vây đây chính là một khởi đầu mới,” dì Sarah nói, quệt nước mắt của mình. Ysabeau trao cho dì tôi một nụ cười chua xót.

“Philippe vẫn thích nói về những khởi đầu. Thứ gì đó cổ xưa. Nó là gì nhỉ, Matthew?” Ysabeau hỏi con trai.

Cuối cùng, Matthew cũng bước hẳn ra khỏi xe, như có câu thần chú nào đấy đang giữ anh lại và các điều kiện để phá bỏ nó rất cuộc cũng hội đủ. Anh sải vài bước tới bên tôi, rồi hôn nhẹ lên má mẹ anh trước khi đưa tay ra nắm lấy tay tôi.

“‘Omni i ne initium novum,’” Matthew nói, mắt say sưa nhìn mảnh đất của cha anh như thể cuối cùng anh đã trở về nhà.

“Mọi khởi đầu đều bắt nguồn từ sự kết thúc.”

42.

Ngày 30 tháng Năm năm 1593

Annie mang bức tượng nhỏ của Diana cho Cha Hubbard, đúng như ông Marlowe đã bắt cô bé hứa phải làm thế. Tìm cô bé siết lại khi nhìn nó nằm trong lòng bàn tay wearh. Bức tượng nhỏ xíu nhắc cô bé nhớ tới Diana Roydon. Thậm chí cho tới bây giờ, sau gần hai năm bà chủ của cô đột ngột ra đi, Annie vẫn nhớ bà lắm.

“Ông ấy không nói gì khác ư?” Hubbard hỏi, xoay xoay bức tượng trong tay. Mũi tên của người nữ thợ săn bắt ánh sáng phản chiếu lấp lánh trông như sắp sửa bay tới.

“Không có gì, thưa Cha. Sáng nay, trước khi khởi hành đi Deptford, ông ấy đã lệnh cho con mang thứ này tới cho ngài. Ông Marlowe nói ngài sẽ biết phải làm gì.”

Hubbard phát hiện một mảnh giấy nhét trong ống đựng tên mỏng mảnh, được cuộn lại và kẹp dọc theo các mũi tên để sẵn trong ống tên của nữ thần. “Cho ta mượn cái ghim cài của con đi Annie.”

Annie tháo một chiếc kẹp ghim ở trên thân áo và đưa cho ông ta kèm theo một cái nhìn kỳ quái. Hubbard chọc đầu nhọn để khều tờ giấy. Thật cẩn thận, ông ta lấy mảnh giấy ra.

Hubbard đọc dòng tin, cau mày và lắc đầu. “Christopher tội nghiệp. Ông ta chưa bao giờ là đứa con lạc lối của Chúa.”

“Ông Marlowe sẽ không quay lại ư?” Annie thở phào nhẹ nhõm. Cô bé chưa bao giờ thích kịch tác gia này, và không thể khôi phục lại lòng quý trọng của cô bé dành cho ông ta từ sau sự kiện kinh khủng ở trường đấu thương Cung Điện Greenwich.

Kể từ khi ông bà chủ rời đi mà chẳng để lại manh mối về nơi họ sẽ đến, Marlowe đi từ sâu muộn tới tuyệt vọng rồi lạc vào tăm tối. Annie dám chắc rằng sự tăm tối ấy sẽ có ngày nuốt chửng ông ta hoàn toàn. Cô bé cũng muốn chắc chắn nó sẽ không tóm được cô.

“Không, Annie ạ. Chúa nói với ta, ông Marlowe đã rời khỏi thế giới này và tới thế giới bên kia. Ta cầu nguyện để ông ấy tìm được sự bình yên, vì ông ấy đã bị từ chối ban cho điều đó trong cuộc sống này.” Hubbard ngắm nghía cô gái nhỏ một lúc. Cô bé đã trở thành một người phụ nữ trẻ cuốn hút rồi và có lẽ sẽ cứu được Will Shakespeare thoát khỏi mối tình với người phụ nữ đã có chồng kia. “Nhưng con không phải lo lắng đâu. Bà Roydon đã bảo ta đối xử với con như con của ta. Ta chăm sóc cho các con của mình và con sẽ có một ông chủ mới.”

“Là ai, thưa Cha?” Cô sẽ phải chấp nhận bất cứ địa vị nào Hubbard ban cho mình. Bà Roydon từng nói rõ số tiền cô cần phải có để làm một thợ may độc lập ở Islington. Sẽ mất thời gian và cần kiếm rất nhiều để gom đủ số tiền đó.

“Ông Shakespeare. Giờ con đã biết đọc, biết viết và là một người phụ nữ đáng giá, Annie. Con có thể giúp đỡ công việc của ông ấy.” Hubbard cân nhắc tờ giấy trong tay. Ông ta định giữ nó cùng với gói hàng đến từ Praha, được gửi qua mạng lưới của người đưa thư và thương nhân do các ma cà rồng Hà Lan lập nên. Hubbard vẫn không chắc tại sao Edward Kelley lại gửi cho mình bức tranh lạ lùng về những con rồng. Edward là một sinh vật khác người đen tối và láu cá. Hubbard không bằng lòng với tư cách đạo đức của hắn khi hắn chẳng thấy việc công khai ngoại tình và trộm cắp có gì sai trái. Nghi lễ lấy máu gia nhập vào gia đình ngày ấy của hắn không phải là việc vui vẻ như bình thường. Trong lúc trao đổi, Hubbard đã thấy rõ linh hồn Kelley để biết rằng ông ta không muốn hắn ở London. Vì thế, ông ta đã gửi Kelley tới Mortlake - chấm dứt sự quấy nhiễu triền miên của Dee muốn có được các bài học về phép thuật.

Nhưng Marlowe đã ám chỉ bức tượng này đến Annie nên Hubbard sẽ không thay đổi ý nguyện của người đàn ông đang chết mòn này. Ông ta đưa bức tượng nhỏ và mảnh giấy cho Annie. “Con phải đưa thứ này cho dì của con, bà Norman. Bà ấy sẽ giữ nó an toàn cho con. Tờ giấy này có thể là một vật kỷ niệm khác của ông Marlowe đấy.”

“Vâng, thưa Cha Hubbard,” Annie nói, mặc dù cô bé rất muốn bán món đồ bằng bạc này và cất món tiền ấy vào quỹ dành dụm của mình.

Annie rời khỏi nhà thờ, nơi Andrew Hubbard thống trị, lê bước qua các con đường tới nhà Will Shakespeare. Ông ta không lạnh lợi bằng Marlowe, nhưng bà Roydon thường nói về ông ta với vẻ kính trọng, dù cho bạn bè của ông chủ sẽ nhanh chóng chế nhạo Will.

Cô bé nhanh chóng ổn định cuộc sống trong nhà của người diễn viên kịch này và tinh thần được nâng lên từng ngày. Khi tin tức về cái chết kinh hoàng của Marlowe đến với họ, nó càng khẳng định thêm cô đã may mắn nhường nào khi thoát khỏi ông ta. Ông Shakespeare cũng bị choáng váng và uống rượu suốt một đêm, việc đó khiến ông ta trở thành tâm điểm của cuộc chèn ép. Mặc dù Shakespeare đã tự giải thích thỏa đáng chuyện đó và giờ tất cả đã trở lại bình thường.

Annie đang lau bụi trên kính cửa sổ để có thêm ánh sáng cho ông chủ của cô đọc sách. Cô dìm miếng vải vào nước sạch và một mảnh giấy quần queo rơi ra khỏi túi cô, nó bị một cơn gió nhẹ thổi vào từ cánh cửa sổ để mở cuốn đi.

“Cái gì thế, Annie?” Shakespeare nghi ngờ hỏi, dùng quản bút lông chỉ chỉ vào nó. Cô gái này đã làm việc cho Kit Marlowe và có thể đang truyền tin cho các đối thủ khác. Ông ta không thể để bất cứ ai biết về điều kiện trao đổi mới nhất của mình dành cho với nhà bảo trợ. Cùng với việc tắt cả các rạp hát đóng cửa vì ảnh hưởng của dịch bệnh, thời buổi này, giữ được thân xác và linh hồn ở cùng một chỗ đúng là một thử thách. Venus và Adonis có thể làm được điều đó – miễn là không có kẻ nào ăn cắp ý tưởng của ông ta.

“Không có gì, ô-ô-ông Shakespeare,” Annie lắp bắp, lúi húi tìm lại tờ giấy.

“Mang nó lại đây, nếu nó không có gì cả,” ông ta ra lệnh.

Ngay khi có nó trên tay, Shakespeare đã nhận ra văn phong rất riêng của nó. Tóc gáy ông ta muốn dựng ngược lên. Đây là thông điệp từ một người đã chết.

“Marlowe đưa thứ này cho cô khi nào?” Giọng Shakespeare lạnh lùng.

“Ông ấy không đưa tôi, ông Shakespeare.” Như mọi lần, Annie không thể nói dối được. Cô bé có những đặc điểm của phù thủy, nhưng Annie sở hữu tính thật thà không thể nghi ngờ. “Nó đã bị giấu đi. Cha Hubbard đã tìm thấy và đưa nó cho tôi. Như một vật kỷ niệm, ông ấy nói thế.”

“Cô tìm thấy thứ này sau khi Marlowe chết à?” Sự hứng thú ập tới dập tắt cái cảm giác rờn rợn như kiến bò sau gáy của Shakespeare.

“Vâng,” Annie thì thầm đáp.

“Vậy, ta sẽ giữ nó hộ cô. Để cho an toàn.”

“Tất nhiên ạ.” Đôi mắt Annie chớp chớp lo lắng khi nhìn những dòng chữ cuối cùng của Christopher Marlowe biến mất dưới bàn tay nắm chặt của ông chủ mới.

“Làm việc của cô đi, Annie.” Shakespeare đợi cho tới lúc cô hầu gái đi khỏi để lấy thêm giẻ lau và nước. Khi đó ông ta mới đọc kỹ các dòng chữ kia:

Đen tượng trưng cho tình yêu chân thành đã mất.

Sắc màu của yêu tinh,

Và màu của Bóng Đêm.

Shakespeare thở dài. Lựa chọn so sánh của Kit chưa bao giờ có ý nghĩa đối với ông ta, còn khiêu hài hước rầu rĩ và những đam mê bệnh hoạn thì quá đen tối đối với thời đại này. Chúng khiến khán giả khó chịu mà cũng đã có đủ chuyện chết chóc ở London này rồi. Ông ta xoay xoay cây bút lông ngỗng.

Tình yêu chân thành đã mất. Quả thế thật. Shakespeare khịt mũi. Ông ta đã có khá đủ tình yêu chân thành kiểu đó rồi, mặc dù những khách hàng trả tiền dường như chưa bao giờ chán nó. Ông ta gạch bỏ đi những câu chữ này và thay thế nó bằng một âm tiết duy nhất miêu tả chính xác những gì ông ta cảm thấy.

Yêu tinh. Sự thành công của tác phẩm Faustus của Kit vẫn giày vò ông ta. Shakespeare không có tài viết về những sinh vật kỳ lạ và phi thường của tự nhiên. Ông ta viết về những chuyện đời thường giỏi hơn và viết về những kẻ đạo đức giả bị vướng vào cái bẫy của số phận. Đôi khi ông ta nghĩ có thể bóng ma câu chuyện đã nhập vào ông như hồn ma một người cha sai trái ám lấy đứa con trai của mình. Shakespeare rùng mình. Cha của chính ông ta sẽ là một hồn ma kinh khủng, hẳn là Chúa Trời đã mệt mỏi với sự bầu bạn của ông ta sau khi các báo cáo kế toán cuối cùng của John Shakespeare được giải quyết. Người cha đó đã lao ra khỏi cái thế giới đầy xúc phạm này và lựa chọn một thế giới khác.

Bóng Đêm. Nó là một cái kết khập khiễng có thể dự đoán được cho khổ thơ này – kiểu mà George Chapman sẽ bỏ nhào vào tìm hiểu xem nó còn thiếu gì hơn là quan tâm tới nguồn gốc của nó. Nhưng điều gì sẽ đáp ứng mục đích đó tốt hơn cả? Ông ta xóa đi một từ khác và viết từ “cái kính” phía trên nó. Sự cái kính của đêm. Cái đó cũng không đúng lắm. Ông ta lại gạch nó đi và viết từ “ống tay áo.” Cái đó cũng tệ không kém.

Shakespeare vẫn vương vấn băn khoăn về số phận của Marlowe và bạn bè của ông ta, tất cả bọn họ giờ đều mờ mịt như những cái bóng. Henry Percy đang hưởng thụ hoàng ân hiếm có và điều này vĩnh viễn là như thế trong vương triều. Raleigh đã kết hôn bí mật và bị thất sủng trước mặt nữ hoàng, bị đuổi về Dorset, nơi nữ hoàng hy vọng ông ta sẽ bị lãng quên. Harriot thì ẩn dật ở nơi nào đó, không nghi ngờ gì là đang chúi đầu vào một câu đố toán học hoặc đăm đuổi ngấm bầu trời giống tên hâm Robin Goodfellow. Có tin đồn nói rằng Chapman đang thực thi một nhiệm vụ nào đó cho Cecil ở vùng Hạ Quốc và chấp bút viết nên những bài thơ dài về phù thủy. Còn Marlowe mới bị giết gần đây ở Deptford, mặc dù có người nói đó là một vụ ám sát. Có lẽ Welshman lạ lùng sẽ biết rõ về chuyện này vì ông ta đã ở trong quán rượu với Marlowe. Roydon – người đàn ông duy nhất có quyền uy thật sự mà Shakespeare từng gặp – cùng người vợ bí ẩn của ông ta, đã hoàn toàn biến mất vào mùa hè năm 1591 và không ai nhìn thấy họ kể từ đó.

Kẻ duy nhất trong nhóm của Marlowe mà Shakespeare vẫn còn nghe nói đến thường xuyên là một gã Scot to con tên Gallowglass. Hẳn có đáng về ông hoàng mà một tên hầu không nên có và thích nghe kể những câu chuyện tuyệt vời về thần tiên và các tinh linh. Thật phải cảm ơn việc Gallowglass thuê mướn đều đặn giúp Shakespeare có được mái nhà trên đầu. Gallowglass dường như thường có việc cần đến những câu chuyện của Shakespeare. Hẳn trả hậu hĩnh – đặc biệt khi muốn Shakespeare bắt chước chữ viết tay của Roydon bên rìa một cuốn sách nào đó, hay một lá thư tay ký tên ông ta.

Đúng là ngu ngốc ngu, mã tầm mã, Shakespeare nghĩ thầm. Kẻ phản bội, lũ vô thần, bọn tội phạm, cả đám bọn chúng. Ngòi bút của ông ta do dự trên trang giấy. Sau khi viết một từ khác, lần này, chữ viết có vẻ quá quyết và đậm nét, Shakespeare ngồi ngả ra sau, ngắm nhìn đoạn thơ mới của mình.

Đen là dấu hiệu của địa ngục

Sắc màu của ngục tù và bè lũ bóng đêm.

Không còn nhận ra được tác phẩm của Marlowe nữa. Thông qua tài năng tráo mạn đối đảo, Shakespeare đã biến những ý tưởng của một người đã chết thành thứ phù hợp với người London bình thường hơn là những người nguy hiểm như Roydon. Mà ông ta chỉ mất có một chốc lát thôi.

Shakespeare không may cảm thấy một tia day dứt, hối hận khi thay đổi quá khứ, thông qua đó cũng thay đổi cả tương lai. Bước tiến của Marlowe trên sân khấu thế giới đã kết thúc, nhưng của Shakespeare thì giờ mới bắt đầu. Hoài niệm thật ngán ngùi và lịch sử thì nghiệt ngã. Đó chính là sự vận động trong thế giới này.

Lòng vui sướng, Shakespeare đặt mẫu giấy vào một chồng những mảnh giấy tương tự, được chặn bằng hộp sọ của một con chó để ở góc bàn làm việc. Rồi có ngày, ông ta sẽ tìm được cách sử dụng đoạn thơ này. Sau đó ông ta lại có ý tưởng khác.

Có lẽ ông ta quá vội vàng loại bỏ dòng “tình yêu chân thành đã mất.” Không dễ nhận ra sự tiềm ẩn ở đó nhưng nó vẫn đợi người khai mở. Shakespeare với đến mảnh giấy ông ta cắt từ một trang báo trong nỗ lực nhằm tiết kiệm tiền bạc nửa vời, sau khi Annie cho ông ta thấy hóa đơn mới nhất của chủ cửa hàng thịt.

“Phí công đeo đuổi tình yêu,” ông ta viết một hàng chữ thật lớn.

Đúng thế, Shakespeare ngâm nga đọc, ông ta nhất định sẽ dùng đến nó một ngày nào đấy.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>